

ĐC 28

T 309 Đ



TIỂU ĐOÀN 840

KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

**TRÊN CHIẾN TRƯỜNG
CỤC NAM TRUNG BỘ - NAM TÂY NGUYÊN**

• 1961 - 1975 •



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

TIỂU ĐOÀN 840
KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ
TRÊN CHIẾN TRƯỜNG
CỤC NAM TRUNG BỘ - NAM TÂY NGUYÊN
(1961 - 1975)

1005 - 01 1005 - 01
1005 - 01 1005 - 01

**NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH**

355 - 355.03 73 - 2001
QĐND - 2001

ĐC28 + ĐC87

T 309Đ

ĐẢNG ỦY - BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ

TỈNH LÂM ĐỒNG

Kính biểu

TIỂU ĐOÀN 840

KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

CỤC NAM TRUNG BỘ - NAM TÂY NGUYÊN

• 1961 - 1975 •

(Lưu hành nội bộ)

ĐC 107/02

THƯ-VIỆN TỔNG-HỢP
TỈNH LÂM-ĐỒNG
PHÒNG ĐỊA CHÍ

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Hà Nội - 2001

BAN CHỈ ĐẠO

BIÊN SOẠN LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG CÁC TIỂU ĐOÀN THUỘC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỈNH LÂM ĐỒNG

- NGUYỄN VĂN TRÍ - Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng: Trưởng ban.
- Đại tá HUỲNH HÁT - Tỉnh ủy viên, Phó chỉ huy trưởng về Chính trị - Phó Bí thư Đảng ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng: Phó trưởng ban.
- Đại tá LÊ THANH PHONG - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng: Ủy viên.
- Thiếu tướng PHẠM VĂN KHA - Nguyên Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng Quân khu 6: Ủy viên.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG:

ĐẢNG ỦY VÀ BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH LÂM ĐỒNG

BAN BIÊN SOẠN:

- Đại tá LÊ DU (Nguyễn Khuê) - Nguyên Tiểu đoàn trưởng 840, nguyên Trưởng ban Tác chiến, Quân khu 6 - Chủ biên.
- Trung tá NGUYỄN ĐỨC TẤN - Cao học Khoa học lịch sử - Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường Quân khu 7.
- Trung tá: PHẠM VĂN ĐƯỢC - Cử nhân Khoa học lịch sử - Nguyên Trưởng ban Khoa học lịch sử Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thuận Hải.
- Đại tá VÕ ĐỨC NHI - Nguyên Chính trị viên Tiểu đoàn 840, nguyên Phó chủ nhiệm Chính trị Quân khu 6, nguyên Chính ủy Trung đoàn 812 Quân khu 6.
- Đại tá PHẠM VĂN TỶ - Nguyên Chính trị viên Tiểu đoàn 840, nguyên Chính ủy Trung đoàn 812, Quân khu 6.
- Thiếu tá HÀ VĂN ĐỒNG - Trợ lý Ban Tổng kết lịch sử - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng.

HOÀN CHỈNH BẢN THẢO:

- Trung tá NGUYỄN ĐỨC TẤN - Cao học Khoa học lịch sử.

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện chỉ thị của Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Quân khu 5 và Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc biên soạn lịch sử – truyền thống lực lượng vũ trang và theo nguyện vọng của đông đảo cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn 840.

Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng đã chỉ đạo tổ chức biên soạn lịch sử – truyền thống Tiểu đoàn 840 Anh hùng nhằm dựng lại quá trình hình thành, phát triển và hoạt động chiến đấu của Tiểu đoàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, qua đó ghi lại công lao cống hiến của các lớp cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn, cũng như sự đùm bọc nuôi dưỡng giúp đỡ to lớn suốt những năm tháng kháng chiến của các Đảng bộ và nhân dân các địa phương nơi Tiểu đoàn đứng chân hoạt động. Từ đó nêu lên những giá trị truyền thống của Tiểu đoàn, để giáo dục thế hệ trẻ hôm nay và mai sau lòng tự hào về một đơn vị lực lượng vũ

trang Anh hùng; góp phần vào việc nghiên cứu lịch sử – truyền thống Quân đội Nhân dân Việt Nam Anh hùng.

Sau một thời gian sưu tầm, khai thác, biên soạn đến nay công trình “Tiểu đoàn 840 kháng chiến chống Mỹ (1961-1975)” đã hoàn thành. Trong quá trình tổ chức thực hiện biên soạn chúng tôi đã thu nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí nguyên là lãnh đạo chỉ huy Quân khu 6, các tỉnh, các đơn vị trực thuộc Quân khu và của đông đảo cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn 840, nhất là qua hai lần hội thảo đóng góp ý kiến cho công trình tại thành phố Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1998 và Đà Lạt tháng 7 năm 1998. Cùng với tài liệu lưu trữ của Khu 6, các tỉnh trực thuộc Khu 6, Viện Lịch sử Quân sự – Bộ Quốc phòng...

Chúng tôi cố gắng phản ánh tương đối có hệ thống các mặt nhưng với một tiểu đoàn tập trung cơ động của Quân khu, liên tục hoạt động chiến đấu suốt 15 năm ròng, vấn đề chủ yếu chúng tôi tập trung đi sâu là: thực tiễn hoạt động chiến đấu của Tiểu đoàn.

Nhân dịp cuốn “Tiểu đoàn 840 kháng chiến chống Mỹ (1961-1975)” được xuất bản, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự chỉ đạo của Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Quân khu 5 các đồng chí trong Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Quân khu 6 cũ, Viện Lịch sử Quân sự – Bộ Quốc phòng, Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường Quân khu 5, Quân khu 7 và sự giúp đỡ tận tình của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận, Ban Chỉ huy Quân sự các huyện Phước Long – Bình Phước và Đắc Lấp – Đắc Lắc. Đặc biệt xin cảm ơn đồng chí

Thượng tướng Nguyễn Minh Châu nguyên Tư lệnh Quân khu 6, nguyên Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Miền, không ngại tuổi cao sức yếu đã trực tiếp chỉ đạo suốt trong quá trình biên soạn và đã có bài phát biểu phân tích tình hình đặc điểm chiến trường Khu 6, nhiệm vụ và vai trò tác dụng của Tiểu đoàn trong việc hoàn thành nhiệm vụ của Quân khu. Xin cảm ơn Giáo sư Trần Văn Giàu, Chủ tịch Hội đồng Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh đã có bài nhận xét về “Tiểu đoàn 840 kháng chiến chống Mỹ 1961 – 1975”.

Ban Biên soạn “Tiểu đoàn 840 kháng chiến chống Mỹ” đã có nhiều cố gắng. Tuy nhiên, do thời gian đã lùi xa hơn ba mươi năm, tư liệu bị hạn chế nhiều và trình độ chuyên môn cũng có hạn chế nên không tránh khỏi sai sót, khuyết nhược điểm, mong các đồng chí và bạn đọc bổ sung, góp ý kiến để lần xuất bản sau hoàn chỉnh hơn.

BAN CHỈ ĐẠO

**PHÁT BIỂU CỦA THƯỢNG TƯỚNG NGUYỄN MINH CHÂU
(Năm Ngà) TẠI HỘI THẢO LỊCH SỬ – TRUYỀN THỐNG
TIỂU ĐOÀN 840 TẠI ĐÀ LẠT ngày 17 tháng 7 năm 1998**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng là vô cùng vĩ đại.

Từ sau ngày giải phóng miền Nam đến nay, ta đã có nhiều cố gắng trong việc viết lại, phản ánh lại cuộc kháng chiến thần thánh chống đế quốc Mỹ xâm lược của dân tộc ta, nhưng chưa được nhiều, nhất là lịch sử truyền thống các đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang.

Hôm nay tỉnh Lâm Đồng tổ chức hội thảo viết lịch sử – truyền thống Tiểu đoàn 840 anh hùng, tôi cho đây là việc làm cần thiết đầy trách nhiệm của tỉnh nhà, rất đáng hoan nghênh.

Qua bản dự thảo “Tiểu đoàn 840 kháng chiến chống Mỹ 1961 – 1975” Ban Biên soạn đã có nhiều cố gắng thu thập được nhiều tư liệu, dựng lại được quá trình hình thành, phát triển và hoạt động chiến đấu của Tiểu đoàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Tuy nhiên, để có thể hiểu rõ hơn về đặc điểm tình hình chiến trường Khu 6 – cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên, nhiệm vụ vai trò tác dụng của Tiểu đoàn 840 trong việc hoàn thành nhiệm vụ của Quân khu, tôi xin phát biểu mấy ý kiến sau đây:

Sau khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (7-1954), Đảng ta và Bác Hồ chủ trương ở miền Nam đấu tranh chính trị theo phương pháp hòa bình, nghiêm chỉnh thi hành hiệp định để tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước. Thế nhưng, Mỹ – Diệm đã hất cẳng Pháp, xóa bỏ hiệp định, âm mưu biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt, thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Từ đầu năm 1955, Mỹ – Diệm bắt đầu “tố cộng, diệt cộng” với phương châm “thà giết lầm còn hơn bỏ sót cộng sản”, khủng bố, đàn áp khốc liệt đồng bào ta.

Không thể đấu tranh chính trị theo phương pháp hòa bình trước một kẻ địch cướp nước và bán nước, cuối năm 1956, đồng chí Lê Duẩn triệu tập Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ để bàn về dự thảo “Đường lối cách mạng miền Nam”. Hội nghị đã phân tích chế độ độc tài ở miền Nam là chế độ của giai cấp địa chủ, tư sản phản động tay sai đế quốc Mỹ và kết luận: với một chế độ như vậy, phải dùng bạo lực cách mạng kết hợp chính trị với vũ trang của nhân dân do Đảng ta lãnh đạo lật đổ nó, thì mới tiến lên giành độc lập và thống nhất Tổ quốc được. Sau đó, đồng chí Lê Duẩn ra miền Bắc. Và đến năm 1959, Trung ương Đảng có Nghị quyết 15.

Nghị quyết 15 của Trung ương đã nêu vấn đề phải phát động phong trào cách mạng của quần chúng nổi lên lật đổ chế độ tay sai đế quốc Mỹ và chủ trương lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu, còn đấu tranh vũ trang là hỗ trợ.

Thực hiện nghị quyết của Đảng, từ cuối năm 1959 đến năm 1960, ở khắp miền Nam, phong trào khởi nghĩa vũ trang từng phần liên tục phát triển và ngày

càng mở rộng, đang chuyển dần lên thành cuộc chiến tranh cách mạng. Trước tình hình phát triển thuận lợi đó, đầu năm 1961 Trung ương tổ chức lại chiến trường để tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng hoàn toàn miền Nam. Trong bối cảnh lịch sử ấy tháng 7 năm 1961 Quân khu 6 được thành lập bao gồm các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên, thuộc chiến trường B2.

Quân khu 6 là một địa bàn nằm cuối miền Trung và đầu Nam Bộ, ở giữa hai chiến trường Quân khu 5 và miền Đông Nam Bộ của ta, đồng thời nằm trên địa bàn thuộc hai vùng chiến thuật (quân khu) 2 và 3 của địch, cách Sài Gòn thủ đô của ngụy nơi gần nhất khoảng trên 100 km.

Việc thành lập Quân khu 6 là nhằm:

1. Thực hiện ý định của Trung ương xây dựng căn cứ địa chiến lược cho cả miền Nam và bảo đảm đoạn hành lang chiến lược Bắc – Nam từ bắc Tây Nguyên vào đến miền Đông Nam Bộ.

2. Tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện với hai lực lượng và ba thứ quân trên địa bàn quân khu bao gồm nhiều tỉnh, ở cả 3 vùng rừng núi cao nguyên, đồng bằng nông thôn và thành thị.

3. Làm nhiệm vụ phối hợp theo kế hoạch hoạt động chung của Miền mang tính chất chiến dịch, chiến lược.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, chiến trường Quân khu 6 nối liền với miền Đông Nam Bộ có một vị trí chiến lược quân sự rất quan trọng, nơi đây “tiến có

thế đánh, lui có thể giữ”. Đồng chí Lê Duẩn đã đánh giá “Miền rừng núi miền Đông Nam Bộ và Khu 6 đối với Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long có vị trí tương tự như khu căn cứ Việt Bắc đối với Hà Nội và đồng bằng Bắc Bộ trước đây trong kháng chiến chống Pháp” và bọn thực dân Pháp cũng đã nói “Ai làm chủ Tây Nguyên nhất là vùng Buôn Ma Thuột thì người ấy sẽ thắng, sẽ làm chủ cả Nam Đông Dương”.

Tuy nhiên, chiến trường Quân khu 6 khá rộng, diện tích 40.000 km², có rừng núi cao nguyên liên hoàn, trùng điệp, trong khi có đồng bằng, nhất là đồng bằng ven biển lại nhỏ hẹp bị chia cắt thành từng ô, khô cằn trống trải, có nơi đi cả ngày đường mới tìm được nước uống. Kinh tế còn rất nghèo nàn. Dân cư rất chí cốt với cách mạng, nhưng thường sống tập trung thành từng cụm ở các đầu mối trục giao thông, thị trấn, thị xã, nhiều vùng núi rừng, nông thôn rộng lớn dân cư sống rải rác hoặc không có dân, ở đây có nhiều dân tộc ít người sinh sống. Tôn giáo, nhất là đạo Thiên chúa và Tin lành khá phát triển, địch lại ra sức lấn chiếm gom dân bình định rất ác liệt.

Trong suốt cuộc chiến tranh Quân khu 6 mang tính chất vùng biên của chiến trường B2. Do đó sự chi viện sức người, sức của của trên cho Quân khu 6 rất ít ỏi. Có lúc Trung ương bổ sung cho Quân khu 6 đến cấp trung đoàn như Trung đoàn Bắc Sơn (346) và nhiều tiểu đoàn, nhưng Miền (B2) cũng điều đi hết. Chủ lực Miền có chi viện tăng cường cho Quân khu 6 cũng chủ yếu tới địa bàn tỉnh Phước Long, Bình Tuy thuộc vùng 3 chiến thuật (quân khu 3) của địch hoặc các vùng lân cận có

tính chất hỗ trợ chia lửa với chiến trường miền Đông Nam Bộ mà thôi. Cho nên chiến trường Quân khu 6 có rất nhiều khó khăn, yếu tố hậu cần và hậu phương tại chỗ yếu kém, trang bị, vũ khí đạn dược, lương thực – thực phẩm, thuốc men, quần áo... thiếu thốn “muối trường kì, mì chiến lược”, nhiều lúc bộ đội phải ăn lá bếp, củ nân, củ chụp, trái gấc... để cầm hơi đánh giặc. Do đó lực lượng vũ trang ba thứ quân trong quân khu rất khó phát triển, chỉ xây dựng được vồn vện có mấy tiểu đoàn chủ lực như: Tiểu đoàn 840, 186, 200C, 130 pháo, sau này có thêm Tiểu đoàn 15; ở Bình Thuận có Tiểu đoàn 482 và một số đại đội; Ninh Thuận có một tiểu đoàn; Tuyên Đức và Lâm Đồng có một tiểu đoàn...; giai đoạn cuối chiến tranh trên cơ sở các tiểu đoàn hiện có của Quân khu xây dựng thành Trung đoàn 812, nhưng công tác bảo đảm cho nó cũng rất khó khăn. Do đó cuộc chiến tranh nhân dân ở chiến trường Quân khu 6 không có nhiều thuận lợi như các chiến trường khác.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, Quân khu 6 mặc dù lực lượng ít, nhưng đã phải đánh với nhiều loại địch khác nhau gồm cả: quân Mỹ, quân ngụy và chư hầu đông hơn ta gấp nhiều lần, nhất là đánh với sư đoàn kỵ binh không vận, lữ đoàn 173 dù Mỹ, sư đoàn 18, sư đoàn 23... chủ lực ngụy có trang bị vũ khí hiện đại, hỏa lực mạnh, sức cơ động lớn và nhanh từ Quân khu 5 vào và từ Đông Nam Bộ ra. Đồng thời Quân khu 6 phải đối phó và đánh phá tiêu diệt các căn cứ, trường trại quân sự, tiểu khu, chi khu, đồn bót và hệ thống ách kèm kẹp dày đặc của địch để giành dân, mở rộng vùng làm chủ, vùng giải phóng, mở thông hành lang chiến lược. Sự đánh

địch ở Quân khu 6 là sự chia lửa phối hợp với hai trọng điểm Quân khu 5 và miền Đông Nam Bộ, nhất là sự chi viện trực tiếp của chủ lực cấp trên như: Trung đoàn 16, Trung đoàn 1, 2, 3 Miền (1965). Sư đoàn 5 Miền (1966) Trung đoàn 33 Miền (1970 – 1971). Sư đoàn 6 Quân khu 7, Sư đoàn 7 Quân đoàn 4 (1974). Trung đoàn 25 Tây Nguyên, Sư đoàn 3 Quân khu 5, Quân đoàn 2 cánh quân Duyên Hải của Bộ (1975) có tác động lớn đến chiến trường Quân khu 6, giúp cho Quân khu 6 có thêm điều kiện thuận lợi, tạo thành sức mạnh tổng hợp để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của mình.

Trong điều kiện khó khăn khắc nghiệt và ác liệt của chiến trường Quân khu 6 như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Quân khu ủy – Bộ Tư lệnh Quân khu, Tiểu đoàn 840 với những người con ưu tú của cả 3 miền Trung, Nam, Bắc hợp lại đã cùng quân và dân trong quân khu chiến đấu ròng rã suốt 15 năm trời, lập nhiều thành tích to lớn.

Trong 15 năm ấy, cấp trên giao nhiệm vụ cho Quân khu 6 rất nặng nề và Tiểu đoàn 840 là tiểu đoàn chủ công cơ động của Quân khu nên có lúc Quân khu giao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn quá sức, Tiểu đoàn đã vừa phải liên tục đánh địch, vừa làm nòng cốt phối hợp các đơn vị, các địa phương trong quân khu và phối hợp với lực lượng cấp trên để đánh địch làm chuyển biến tương quan lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta, có lúc Tiểu đoàn phải đánh cả ngày lẫn đêm, đánh bồi, đánh nhồi, lúc tập trung, lúc phân tán linh hoạt. Có ngày phải đánh 3 đến 4 trận... Nhưng Tiểu đoàn và cán bộ chiến sĩ trong tiểu đoàn không bao giờ thoái thác nhiệm vụ, không một

lời kêu ca phàn nàn, sẵn sàng nhận khó khăn về mình, vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đó là chặng đường chiến đấu hy sinh gian khổ nhưng chói lọi và vang dội chiến công, rất hào hùng và oanh liệt của Tiểu đoàn 840, góp phần xứng đáng trong sự nghiệp giải phóng, giành lại độc lập tự do cho dân tộc thống nhất đất nước.

Sở dĩ Tiểu đoàn 840 có được sức mạnh làm nên chiến thắng vẻ vang ấy là do các yếu tố chủ yếu sau đây:

Một là: Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Quân khu ủy Bộ Tư lệnh quân khu, Tiểu đoàn đã biết quán triệt đường lối chính trị, đường lối quân sự, đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng và của Bác Hồ làm cho cán bộ, chiến sĩ tin tưởng tuyệt đối, giác ngộ về mục đích lý tưởng sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc vẻ vang của mình. Tôi cho rằng đây là yếu tố quyết định, bao trùm, xuyên suốt nhất giúp tiểu đoàn làm nên chiến thắng, Bác Hồ nói: *"Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ"*, *"Không có gì quý hơn độc lập tự do"*, *"Quân đội ta trung với Đảng hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"*, *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công"*... Những tư tưởng thiêng liêng liêng vĩ đại ấy là kim chỉ nam soi đường, như có sức động viên cổ vũ làm khơi dậy mạnh mẽ truyền thống yêu nước thương nòi, tinh thần quật cường bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc, tạo cho cán bộ chiến sĩ ta nói chung và của Tiểu đoàn 840

nói riêng có một niềm tin, một quyết tâm sắt đá đánh giặc cứu nước, tạo nên một sức mạnh tinh thần giúp tiểu đoàn đập bằng mọi trở lực, chịu đựng hy sinh gian khổ có ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết, kỷ luật cao, ra sức xây dựng đảng bộ, chi bộ làm nòng cốt xây dựng tiểu đoàn vững mạnh toàn diện, rèn luyện cho mình một bản lĩnh, dũng cảm, ngoan cường, tác phong chiến đấu vững vàng “tác phong 840”, một ý chí quyết chiến quyết thắng kẻ thù.

Hai là: Được sự đầu tư xây dựng chăm sóc của Bộ Tư lệnh quân khu, Tiểu đoàn đã biết quán triệt vận dụng tốt nghệ thuật quân sự, nghệ thuật chiến tranh nhân dân của Đảng, nhất là ở cấp chiến thuật tạo ra phương thức hoạt động chiến đấu và cách đánh phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể của tiểu đoàn, của chiến trường mà nổi bật là tư tưởng tiến công đánh tiêu diệt, lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ đánh lớn, lấy chất lượng thắng số lượng. Tập trung, phân tán linh hoạt, biết phối hợp chặt chẽ lúc tập trung và đánh phân đội nhỏ rất giỏi. Biết nắm hiểu đặc điểm và qui luật hoạt động của từng loại địch. Vận dụng nhiều hình thức chiến thuật, mưu trí sáng tạo trong cách đánh, giỏi đánh cả công kiên và vận động, tự xoay sở lo liệu bảo đảm hậu cần để đánh địch, không trông chờ ỉ lại vào cấp trên. Nhờ vậy mà ngay từ đầu khi đơn vị mới hình thành, quân số còn ít, trang bị vũ khí còn nghèo, nhưng đã lao vào đánh địch, từ đánh cải trang tập kích, phục kích chống càn đến chốt chặn vận động tấn công, đánh đặc công diệt đồn bót, chi khu, đánh điểm diệt viện, sau đó phát triển thành những mô hình phối hợp cao hơn, lớn hơn trong cùng một trận

đánh, trong một đợt hoạt động như: bộ binh kết hợp chặt chẽ với đặc công, công binh và pháo cối đánh địch trong công sự vững chắc, đánh bại hệ thống đồn bót, chi khu, tiểu khu, căn cứ của quân chủ lực nguy, quân Mỹ, đánh nhiều cấp phân tán từng đại đội, tiểu đoàn thiếu, hoặc tập trung thành tiểu đoàn tăng cường, hay tác chiến trong đội hình trung đoàn, sư đoàn. Đánh địch ở mọi địa hình: ở cả rừng núi, cao nguyên, đồng bằng, vùng ven và sâu trong thị xã, đánh bất cứ nơi nào theo yêu cầu của cấp trên.

Ba là: Tuy là tiểu đoàn chủ lực tập trung – cơ động của quân khu, nhưng tiểu đoàn đã biết đoàn kết tôn trọng dựa vào cấp ủy, mặt trận, các ban ngành đoàn thể ở địa phương và gắn bó máu thịt với nhân dân, dựa vào dân nơi mình hoạt động để củng cố và phát triển lực lượng, xây dựng đơn vị với phương châm “có dân là có tất cả”. Ở chiến trường Khu 6 vì xa nguồn tiếp tế của cấp trên nên tiểu đoàn phải vừa sản xuất tự túc, vừa huy động tiếp tế lương thực, thực phẩm trang bị, thuốc men v.v... trong dân, đây là nhiệm vụ rất quan trọng, là vấn đề chủ yếu sống còn của đơn vị. Trong suốt cuộc kháng chiến. Tiểu đoàn 840 trong lúc đánh tiêu diệt địch bao giờ cũng phải gắn liền phối hợp với các địa phương để phá kềm, phá ấp, từ phá từng ấp đến phá từng dề, từng mảng, từng xã, tiến đến từng huyện để giành dân, vừa giải phóng cho dân vừa để dựa vào dân mà hoạt động chiến đấu. Do đó tiểu đoàn phải kiên quyết đánh địch và bám trụ, dày công làm thêm chức năng của Bộ đội địa phương, đội vũ trang công tác cùng với địa phương tuyên truyền đường lối chính sách chủ trương của Đảng, của

Mặt trận, phát động quần chúng xây dựng thực lực cách mạng, vận động thanh niên thoát ly nhập ngũ. Trong phá kềm giành dân, phá đến đâu ta tổ chức phòng thủ bảo vệ đến đó, địch phản công tái chiếm, ta phá đi phá lại nhiều lần, kiên quyết giành dân, bảo vệ dân cho bằng được và đã trở thành tiểu đoàn đánh phá bình định giỏi. Nhờ vậy mà Tiểu đoàn 840 đi đâu, hoạt động chiến đấu ở đâu cũng được dân tin tưởng, tận tình giúp đỡ, đùm bọc nuôi dưỡng.

Bốn là: Tiểu đoàn có nề nếp huấn luyện rèn luyện bộ đội rất tốt. Biết kết hợp vừa chiến đấu, vừa huấn luyện, đánh địch như thế nào thì huấn luyện đơn vị, bộ đội như thế ấy, làm cho từng cán bộ, chiến sĩ thực luyện am hiểu kỹ chiến thuật, có kỹ năng, kỹ xảo trong thực hành chiến đấu, mỗi người vừa giỏi kỹ thuật, chiến thuật của bộ binh, vừa biết kỹ thuật, chiến thuật của đặc công công binh, của pháo cối đi cùng... nên mưu trí sáng tạo và phối hợp nhịp nhàng trong chiến đấu. Biết làm chủ mọi vũ khí trang bị kỹ thuật, một người có thể sử dụng thành thạo được nhiều loại súng, lựu đạn, thủ pháo, bộc phá... có kỹ thuật xạ kích chính xác, tiết kiệm được đạn được và sát thương được nhiều địch. Biết khắc phục khó khăn, tận thu chiến lợi phẩm nhất là vũ khí trang bị của địch để đánh địch, tiết kiệm từng khẩu súng, từng viên đạn, tự sửa chữa và còn tự tạo ra vũ khí như sản xuất được nhiều mìn định hướng "mìn nháy" DH10, DH20 có độ sát thương lớn, hiệu quả cao trong đánh địch. Có kỹ thuật làm công sự, cụm công sự tốt, nhất là công sự hình chữ Z vững chắc, ít bị lực chấn động, dễ ngụy trang, đánh địch được nhiều hướng, ~~chính loại công sự này đã~~

Đc 107/02



góp phần rất lớn trong việc đánh bại chiến thuật trực thăng “đổ chụp vồ mồi” và là trận địa phòng chống tăng tốt. Có lúc trên chiến trường xe tăng M41, M48 của địch “làm mưa làm gió” gây cho ta nhiều khó khăn tổn thất, quân khu phải dùng Tiểu đoàn 840 ứng dụng kỹ thuật bắn B40, B41 (bắn gần chính diện, thẳng góc) tiêu diệt xe tăng địch, để rút kinh nghiệm phổ biến trong các đơn vị của quân khu, đối phó với xe tăng địch có kết quả...

Như vậy trong kháng chiến chống Mỹ vai trò tác dụng của Tiểu đoàn 840 trên chiến trường Khu 6 rất lớn, qua cuộc kháng chiến thần thánh đánh quân cướp nước và bè lũ bán nước ấy, biết bao cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn 840 – những người con ưu tú của mọi miền đất nước đã ngã xuống, đã đổ dòng máu tươi tô thắm ngọn cờ “quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”. Chiến công tên tuổi của tiểu đoàn gắn liền với vùng đất và nhân dân Cục Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên kiên trung bất khuất. Thành tích, sự hy sinh cao cả và công lao đóng góp của Tiểu đoàn mãi mãi được Đảng, nhà nước và nhân dân biết ơn ghi nhận và tiểu đoàn đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Có thể nói khái quát: Tiểu đoàn 840 trong chống Mỹ là tiểu đoàn cơ động, gắn bó với nhân dân, với địa phương, vượt khó, thiện chiến và quyết chiến, quyết thắng.

Thượng tướng NGUYỄN MINH CHÂU
Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng
Nguyên Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Miền
Nguyên Tư lệnh Quân khu 6, 7

Chương mở đầu

CHIẾN TRƯỜNG KHU 6 - NƠI SINH RA VÀ TRƯỞNG THÀNH CÁC ĐƠN VỊ TIỀN THÂN CỦA TIỂU ĐOÀN 840

I. VỊ TRÍ VÀ ĐẶC ĐIỂM CHIẾN TRƯỜNG

Chiến trường Khu 6 là vùng đất cuối cùng của duyên hải miền Trung và đoạn cuối dải Trường Sơn – cao nguyên miền Nam thường gọi là Cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên, từ khi thành lập cho đến kết thúc cuộc chiến tranh (tháng 4 năm 1975) Khu 6 đã trải qua nhiều lần thay đổi về tổ chức cơ cấu chiến trường⁽¹⁾.

Do sự thay đổi nên phạm vi chiến trường từng lúc

(1) – Đầu năm 1962 Khu 6 chuyển giao tỉnh Lâm Đồng cho Khu 10 – Tháng 11 năm 1963 Khu 6 chuyển giao hai tỉnh Khánh Hòa và Đắk Lak (trừ tỉnh Quảng Đức) về Khu 5 và nhận 2 tỉnh Phước Long và Lâm Đồng của Khu 10.

– Tháng 10 năm 1966 Khu 6 chuyển giao 2 tỉnh Phước Long, Quảng Đức cho Khu 10. – Tháng 12 – 1974 Khu 6 nhận lại tỉnh Quảng Đức.

có khác nhau, nhưng nhìn chung vẫn bao gồm các tỉnh ven biển cực Nam Trung Bộ và phần lớn các tỉnh Nam Tây Nguyên với diện tích khoảng 40.000 km². Phía bắc giáp Khu 5, Tây Nguyên, phía nam nối liền với miền Đông Nam Bộ, phía tây có chung biên giới với Cam-pu-chia, phía đông và đông nam là biển.

Địa hình chiến trường Khu 6: bốn phần năm diện tích là rừng núi và cao nguyên, có nhiều dốc núi thung lũng, sông suối, thác ghềnh hiểm trở. Nhìn trên bản đồ các cao nguyên Đắc Lắc – M'Nông, Di Linh (Di Rinh) như một hình vòng cung là cái nền bao quanh cao nguyên Lâm Viên (Lang Biang) – cao nguyên này có độ cao trung bình 1.500m, có các ngọn núi Chư Yang Sin (Chuyansin) (2.405m), Bi đúp (Bidoup) (2267) Cung Klan (2.004m) Lang Biang (2.163), Bra Lan (1.860m) thấp dần về phía đồng bằng ven biển Cực Nam Trung Bộ và miền Đông Nam Bộ, có lợi thế xây dựng căn cứ, dung trú lực lượng. Vùng đồng bằng ven biển nhỏ hẹp, bị chia cắt bởi những nhánh núi từ dải Trường Sơn đâm ngang ra biển tạo ra những vùng dân cư khá đông đúc. Các sông suối có sông Krông Nô chảy về hướng tây gặp sông Mê Kông; sông Đồng Nai, sông La Ngà chảy về hướng đồng bằng miền Đông Nam Bộ; còn hầu hết các sông suối khác chảy về hướng đông ra biển, có độ dốc lớn, mùa mưa nước đổ xuống nhanh dễ gây lũ lụt, vận chuyển khó khăn.

Hệ thống giao thông, ngoài hai con đường quốc lộ 1 và 14 (Bắc – Nam) chạy xuyên qua các vùng dân cư thị xã, thị trấn các tỉnh ven biển miền Trung và các tỉnh Tây Nguyên, còn có các đường quốc lộ 20, 21, 11 (27) và

(27) và các đường tỉnh lộ nối liền từ đường số 1 đến đường 14 qua nhiều đèo dốc hiểm trở, sức cơ động các loại phương tiện lớn bị hạn chế. Do địa hình của chiến trường khác nhau, nên khí hậu thời tiết cũng có chênh lệch: vùng Nam Tây Nguyên nhiệt độ trung bình 18°C, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4, vùng đồng bằng ven biển 29°C, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. (Riêng Bình Thuận có chế độ mưa gần giống miền Đông Nam Bộ, nhưng lượng mưa ít hơn).

Vùng đất cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên có nhiều dân tộc anh em: người Kinh, Ê Đê, M'Nông, K'Ho, Mạ, Chill, Raglai, Chăm, Hoa ước tính trên một triệu người⁽¹⁾ cư trú sinh sống xen kẽ nhau, tạo thành một cộng đồng dân tộc, dân cư đa dạng mang nhiều sắc thái khác nhau. Trên đại thể có thể chia thành hai nhóm: dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số.

Người Kinh chiếm 85% dân số, họ có mặt khá đông đúc tại vùng đất này vào khoảng thế kỷ 17 theo bước đường Nam tiến của dân tộc, chủ yếu cư trú miền đồng bằng ven biển, còn ở Nam Tây Nguyên họ tập trung vào các thị xã thị trấn. Nhìn chung người Kinh hiền lành, chất phác, cần cù lao động, đồng cam cộng khổ, bất khuất có tinh thần cách mạng cao và nhạy bén với cái mới, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã đóng góp nhiều sức người, sức của cho cách mạng.

Các dân tộc thiểu số cư trú miền rừng núi cao

(1) Thống kê dân số tháng 7/1960.

nguyên: người ÊĐê, M'Nông ở vùng Đắc Lắc, người K'Ho, Mạ, Chill, Raglai ở vùng Lâm Đồng và miền tây các tỉnh ven biển, người Chăm ở vùng đồng bằng Ninh Thuận, Bình Thuận, người Hoa trong các thị xã. Ngoài ra còn có các dân tộc Nùng, Tày... di cư từ miền Bắc vào (1954) cư trú vùng bắc Bình Thuận và Lâm Đồng. Nhìn chung người dân tộc thiểu số miền rừng núi thật thà, mộc mạc, hiếu khách, thích sống tự do làm chủ núi rừng, tính giản dị, thuần phác, tin vào những việc làm cụ thể, không thích suy nghĩ trừu tượng, còn mang nặng mê tín dị đoan, truyền thuyết thần linh, nham Y'àng, ó Mã Lai. Trong kháng chiến chống Mỹ ngụy, họ rất chí cốt với cách mạng đã làm nên các cuộc khởi nghĩa từng phần ở miền rừng núi, xây dựng vùng căn cứ và tiến hành chiến tranh du kích để đánh địch.

Cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên vốn là chiến trường địch hậu, vùng yếu, vùng bản lề nằm giữa hai chiến trường Khu 5 và Nam Bộ, xa Trung ương, suốt trong cuộc kháng chiến cấp trên chỉ viện sức người, sức của, vũ khí trang bị rất ít, trong khi đó chiến trường Khu 6 về phía địch lại thuộc hai vùng chiến thuật 2 và 3⁽¹⁾ lực lượng địch đông hơn ta gấp nhiều lần, đóng nhiều căn cứ, trường trại quan trọng, ta phải đối phó với nhiều loại địch cả Mỹ ngụy và chư hầu, với nhiều thủ đoạn đánh phá bình định gom dân ác liệt, làm nhiều vùng

(1) Khánh Hòa, Đắc Lắc, Ninh Thuận, Bình Thuận, Tuyên Đức, Lâm Đồng của Khu 6 nằm trên địa bàn vùng 2 chiến thuật (quân khu 3) địch; Bình Tuy, Phước Long của Khu 6 nằm trên địa bàn vùng 3 chiến thuật (quân khu 3) địch.

nông thôn rộng lớn vốn dĩ ít dân trở thành vùng trắng, yếu tố hậu cần, hậu phương tại chỗ bị nhiều hạn chế, chiến tranh nhân dân địa phương khó có điều kiện phát triển, lực lượng vũ trang rất khó bổ sung quân số, vũ khí đạn dược, lương thực, thuốc men rất thiếu thốn.

Trong điều kiện chiến trường như vậy, Tiểu đoàn 120 (840) đã hình thành, hoạt động chiến đấu và trưởng thành đầy hy sinh gian khổ nhưng cũng rất hào hùng cùng với quân dân cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên kháng chiến giành thắng lợi trọn vẹn.

II. TIỂU ĐOÀN 120 LIÊN TỈNH 3 (TIỀN THÂN CỦA TIỂU ĐOÀN 840) RA ĐỜI TỪ PHONG TRÀO QUÂN CHÚNG NỔI DẬY Ở BẮC ÁI – NINH THUẬN.

Cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên – vùng đất tự nghĩa, nhân dân giàu truyền thống cách mạng, đã cùng với cả nước làm cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công và sớm bước vào cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện chống thực dân Pháp. Trải qua các thời kỳ đấu tranh gay go quyết liệt, ta từng bước làm chuyển biến tình hình, đến cuối 1952 phong trào đấu tranh vùng tạm bị chiếm phát triển mạnh, Xuân Hè 1954 phối hợp nhịp nhàng với chiến trường Liên khu 5 và cả nước đã vươn lên tiến công địch mạnh mẽ, giải phóng nhiều vùng nông thôn rộng lớn, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, đánh dấu bước trưởng thành và là vốn quý cho quân dân cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên bước vào cuộc đấu tranh mới – Kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (tháng 7 năm 1954) bộ đội ta khẩn trương chuyển quân tập kết ra miền Bắc, chỉ để lại số ít bảo vệ cơ quan Đảng hoạt động bất hợp pháp (toàn bộ vùng cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên sau 80 ngày thuộc vùng kiểm soát của đối phương).

Trong những năm 1955 – 1957 ta thực hiện đấu tranh với địch theo phương pháp hòa bình đòi dân sinh dân chủ đòi thi hành hiệp định tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Trong khi đó, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm xé bỏ hiệp định thả tay đàn áp, khủng bố ra sức tổ cộng, diệt cộng hòng dập tắt phong trào cách mạng của quần chúng, nhưng đồng bào các dân tộc cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên đấu tranh kiên cường, bất khuất chịu nhiều hy sinh gian khổ từng bước chuyển lên bạo lực cách mạng.

Từ tháng 3 năm 1958 Liên khu ủy và Liên tỉnh 3 (Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng⁽¹⁾) đã chủ trương các biện pháp chống bọn ngoan cố, vũ trang tự vệ, xây dựng căn cứ.

Đầu 1958 Ninh Thuận thành lập hai tổ vũ trang: hai tổ ở đồng bằng năm đồng chí, một tổ ở miền núi bảy đồng chí (có ba đồng chí người dân tộc). Cuối 1958 ta đã thiết lập được một số căn cứ và mở thông hành lang miền Tây các tỉnh cực Nam Trung Bộ và tỉnh Đắk Lắk – Nam Tây Nguyên.

Đêm 30 Tết Kỷ Hợi (7 tháng 2 năm 1959), nhân

(1) Bình Thuận gồm cả Bình Tuy, Lâm Đồng gồm cả Lâm Viên và Đồng Nai Thượng.

lúc một số lính địch trốn trại về nhà ăn tết, các cán bộ đảng viên được Đảng bố trí ở lại (cán bộ nằm vùng) đã phát động quần chúng và cả số dân vệ nổi dậy phá banh khu tập trung Bà Râu – một khu tập trung lớn của huyện Bác Ái, Ninh Thuận nằm ở chân núi Phước Kháng trên trục đường sắt Bắc – Nam cách phía bắc thị xã Phan Rang 15 ki-lô-mét, gần 5.000 đồng bào đã đốt phá khu tập trung, gồng gánh về lại buôn rẫy cũ làm ăn và bố phòng đánh địch. Sau đó phong trào lan nhanh ra các khu tập trung Krôm, Đông Dầy, Tầm Ngân, Sông Trao, cả huyện Bác Ái và Anh Dũng (tây đường 11). Tin khu tập trung Bà Râu và các khu khác nổi dậy, địch lúng túng không kịp đối phó, mãi năm ngày sau địch cho một đại đội lên càn quét gom dân trở lại, nhưng đồng bào vừa tránh né, vừa dùng vũ khí thô sơ chống trả.

Sự kiện trên đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng ở địa phương, các cán bộ lãnh đạo gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang, để hỗ trợ cho đồng bào tiếp tục nổi dậy. Tháng 8 năm 1959 tỉnh ủy Ninh Thuận điều hai tổ vũ trang ở đồng bằng, miền núi và rút trên 20 dân quân du kích của huyện Bác Ái thành lập một trung đội vũ trang của tỉnh do đồng chí Bùi Đức Thành phụ trách. Cuối 1959 Tỉnh ủy chuyển về đứng ở huyện Anh Dũng, bàn giao trung đội này cho Liên tỉnh 3 và Liên tỉnh bổ sung thêm hai đồng chí Trần Nhật Thanh (Thu) và Phạm Văn Công (Chín) là cán bộ đặc công bảo vệ cơ quan Liên tỉnh để cùng với đồng chí Thành phụ trách trung đội.

Vào khoảng giữa tháng 10 và 11 năm 1959 địch huy động trên 2.000 quân mở nhiều cuộc hành quân càn

quét lên vùng cao Bắc Ái kéo dài hơn một tháng, hòng gom xúc dân về lại các khu tập trung cũ, nhưng đều bị ta đánh quyết liệt bằng các vũ khí thô sơ (tên, hầm chông, bẫy đá...). Bị thất bại trong việc dồn dân về lại các khu tập trung ở vùng đồng bằng, địch chuyển sang dồn dân tại chỗ và đóng các cứ điểm Tà Lú, Ma Ty để kiểm soát.

Sau Nghị quyết 15 về Đường lối cách mạng miền Nam của Trung ương Đảng (ngày 13 tháng 01 năm 1959) các đoàn “cán bộ tập kết” lần lượt trở về Nam.

Đoàn đồng chí Phan Văn Hược về đến chiến trường Liên tỉnh 3 vào tháng 11 năm 1959⁽¹⁾ cùng với số “cán bộ nằm vùng” những người đã cùng với đồng bào làm nên cuộc khởi nghĩa Bắc Ái, tiến hành nhen nhóm xây dựng các tổ đội, lực lượng vũ trang và xây dựng phong trào cơ sở, phát động quần chúng vũ trang đánh địch.

Đầu năm 1960 lực lượng vũ trang trực thuộc Liên tỉnh 3 đã có một đại đội đặc công và bộ binh mang phiên hiệu 120 – có ý kế thừa truyền thống Trung đoàn 120 Tây Nguyên thời đánh Pháp, để tiện vận động đồng bào dân tộc miền núi giữ được bí mật quân số 60 người gồm cả số cán bộ ở lại, số cán bộ tập kết trở về và số anh em người dân tộc Bắc Ái do đồng chí Vũ Tấn Hật, đồng chí Bùi Đức Thành và đồng chí Nguyễn Niệm phụ trách, biên chế thành năm đội vũ trang, mỗi đội từ chín đến mười hai đồng chí, phân tán từng đội hoạt động trên các hướng Bắc Ái, Ninh Thuận và Khánh Sơn –

(1) Theo đồng chí Lê Văn Hiền, Thường vụ Liên tỉnh 3 thì: đoàn đồng chí Hược vào đến chiến trường cuối tháng 12/1959 chứ không phải tháng 11/1959.

Khánh Hòa. Trang bị vũ khí súng ngắn Col 12, P.38, tiểu liên Tul. Thomson, súng trường Max, Grand, trung liên 24-29 của số “cán bộ tập kết” mang về, số súng cất giấu từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ và súng chiến lợi phẩm. Tuy bộ đội có trang bị như vậy, nhưng chưa được lệnh sử dụng, chủ yếu là dùng vũ khí thô sơ.

Ngày 5 tháng 4 năm 1960, bảy đồng chí đội vũ trang công tác do đồng chí Vũ Bình Phong (Vũ Bảo) chỉ huy chặn đánh một tiểu đội biệt kích địch lùng sục lên vùng Gia Ngheo xã Phước Bình, Bác Ái Tây diệt một tên, thu một súng và năm ba lô. Sau đó bọn sống sót dẫn đường cho một đại đội địch càn quét lên khu vực Gia Ngheo, bộ đội ta tổ chức hướng dẫn, phối hợp cùng du kích bố trí đánh địch bằng các loại vũ khí thô sơ (chông, tên, bẫy đá) sát thương 8 tên.

Tiếp theo ngày 12 tháng 4 năm 1960, 12 du kích người dân tộc do đồng chí Võ Văn Đẩu (Quý) chỉ huy dùng vũ khí thô sơ chặn đánh một đại đội địch càn quét vùng Châu Đắc, Ma Oai xã Phước Thắng, Bác Ái, sát thương 20 tên bẻ gãy cuộc càn quét này.

Tháng 8 năm 1960, Liên tỉnh (LT3) chủ trương đẩy mạnh hoạt động vũ trang hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy ở Bác Ái – Ninh Thuận. Thực hiện chủ trương trên lực lượng vũ trang Liên tỉnh 3 tập trung về lại vùng căn cứ Sông Trương (xã Phước Bình, Bác Ái Tây) tiến hành học tập huấn luyện và chuẩn bị chiến trường... Được sự cổ vũ của chiến trường Bắc Ruộng, Bình Thuận (31 tháng 7 năm 1960) nên chỉ một thời gian ngắn mọi công tác chuẩn bị đã hoàn tất.

Đêm 30 tháng 8 năm 1960, đại đội đặc công và bộ binh 120 Liên tỉnh 3 do đồng chí Phan Văn Hược (Mười Trung) Bùi Đức Thành (Thành Nhân) Vũ Tấn Hật (Vũ) và Nguyễn Niệm (Thạch) chỉ huy, tiến công tiêu diệt hai cứ điểm cấp đại đội ở Tà Lú, Ma Ty nằm trên đường từ Ba Ngòi – Khánh Hòa đi Tân Mỹ giáp đường quốc lộ 11 – Ninh Thuận (nay là quốc lộ 27), trận đánh diễn ra thuận lợi: bộ phận đánh cứ điểm Tà Lú quân số 20 chiến sĩ đặc công và hai tổ hỏa lực trung liên do đồng chí Bùi Đức Thành và Lê Minh Quang (Hải) chỉ huy, quá trình tiếm nhập, áp sát mục tiêu đúng giờ hẹn (giờ Y) nổ súng đánh địch. Bộ phận đánh cứ điểm Ma Ty cách Tà Lú 4 ki-lô-mét gồm có chín đặc công cùng một tổ hỏa lực trung liên do đồng chí Vũ Tấn Hật và Võ Văn Đẩu (Quý) chỉ huy, trong khi đang tiếm nhập còn khá xa mục tiêu, thì tiếng súng bên Tà Lú nổ, địch báo động ra vị trí chiến đấu, nhưng sau 30 phút tiếng súng cứ điểm Tà Lú im bật, địch ở Ma Ty trở lại trạng thái bình thường, ta tiếp tục tiếm nhập áp sát mục tiêu và bất ngờ nổ súng tiêu diệt cứ điểm này, cả hai cứ điểm đều bị ta tiêu diệt gọn, làm chủ chiến trường, thu toàn bộ vũ khí, giải phóng trên 1.500 dân.

Cùng lúc với Ma Ty, đồng bào và du kích xã Phước Chiến bao vây uy hiếp, bức rút cứ điểm Đầu Suối, tiếp sau đó chín đặc công do đồng chí Trần Nhật Thanh (Thu) và Nguyễn Văn Lộc (Phước) chỉ huy đánh tiêu diệt một trung đội dân vệ, giải tán bọn tề ngụy, giải phóng khu vực Tầm Ngán. Đêm 29 tháng 10 năm 1960, phối hợp với lực lượng còn lại của Liên tỉnh 3, trung đội vũ trang của tỉnh Ninh Thuận cùng với du kích huyện Anh

Dùng do đồng chí Nguyễn Thúc Khôi chỉ huy chia từng bộ phận đánh phá các khu tập trung Đá Tang, Suối Nhúc, Trại Thịt, Ma Nối hỗ trợ cho 2.200 dân ở các khu tập trung trên nổi dậy kéo về vùng căn cứ. Miền núi tỉnh Ninh Thuận giải phóng trên một vạn hai ngàn dân, nối liền vùng căn cứ Bác Ái sang đến huyện Anh Dũng (tây đường 11).

Tháng 9 năm 1960 lực lượng Liên tỉnh 3 để lại một bộ phận cùng với lực lượng địa phương huyện Bác Ái tiếp tục xây dựng phong trào bố phòng chống địch, còn đại bộ phận chuyển ra Khánh Hòa, cùng với lực lượng địa phương đánh địch hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá khu tập trung Gia Lê, khu vực này nằm trên vùng thượng lưu Sông Cái, cách phía tây Nha Trang 50 km là một vùng thung lũng rộng lớn đất đai màu mỡ, địch dồn dân tập trung về đây trên năm ngàn người phân chia thành các khu vực Thác Ngựa, Thác Trại và khu trung tâm Gia Lê, xây dựng cứ điểm Thác Trại trên đồi, có thể khống chế kiểm soát toàn bộ khu vực. Lực lượng ta quân số 35 đặc công và bộ binh do đồng chí Vũ Tấn Hạt, Nguyễn Niệm và Trần Nhật Thanh chỉ huy chia thành hai bộ phận cùng một lúc đánh cứ điểm Thác Trại và trụ sở Gia Lê, sau 30 phút chiến đấu ta tiêu diệt gọn cứ điểm và trụ sở bắt tề ác, phát động quần chúng nổi dậy phá banh toàn bộ khu tập trung Gia Lê giải phóng trên năm ngàn dân.

Tháng 10 năm 1960, lực lượng của Liên tỉnh 3 tiếp tục phối hợp cùng lực lượng tỉnh Khánh Hòa, chuyển sang phá khu các tập trung Ba Cua (Suối Dầu), Suối Thượng (Lỗ Mây); Suối Hai, Tà Lương (Vùng thấp huyện

Khánh Sơn) giải phóng trên một vạn dân. Miền núi tỉnh Khánh Hòa được giải phóng nối liền từ nam đường 21 vào đến Bắc Ái – Ninh Thuận. Cùng thời gian trên một bộ phận lực lượng của Liên tỉnh 3 phát triển lên hướng Tuyên Đức, xây dựng phong trào cơ sở vùng Bồ Lan, Gia Rích.

Như vậy, từng bước ta đã hình thành được một vùng căn cứ giải phóng rộng lớn liên hoàn gồm ba huyện miền núi Bắc Ái của Ninh Thuận, Khánh Sơn và Vĩnh Sơn của Khánh Hòa giáp ranh với hai tỉnh Tuyên Đức và Đắk Lắk với trên ba vạn dân, đại bộ phận là người Raglai và một ít người Chill, cư trú rải rác từng buôn xóm nhỏ trên các triền núi và dọc theo các thung lũng nhỏ hẹp, chuyên làm rẫy lúa, bắp, đậu, chăn nuôi, săn bắn. Lương thực chủ yếu ở đây là bắp đá – một loại bắp hạt cứng vỏ dày, tuy sản lượng thấp nhưng dễ làm, thích hợp với vùng núi đồi đất đá, hạt để được lâu ít bị sâu mọt trước khi ăn rửa sạch hạt ngâm nước nấu trộn đậu dăng, mùi vị thơm ngon. Nhân dân trong vùng nhất là đồng bào Bắc Ái vốn có truyền thống cách mạng từ thời đánh Pháp. Sau 1954 bị Mỹ – Diệm dồn dân buộc họ phải rời buôn rẫy thân yêu vào các khu tập trung chật hẹp, với chính sách tàn bạo ức hiếp trái với phong tục tập quán của đồng bào lại được các cán bộ đảng viên ta sau năm 1954 ở lại đã có những chủ trương đúng đắn, chỉ đạo kịp thời nên đồng bào rất căm thù địch. Đó là những nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa từng phần vào Tết Kỷ Hợi 1959.

Tình hình chung trong toàn Miền đang có bước phát triển mới, các cuộc khởi nghĩa từng phần ở miền

núi Liên tỉnh 3 giành được thắng lợi, cổ vũ thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển. Tuy nhiên tình hình vùng đồng bằng ven biển Liên tỉnh 3 vào những tháng cuối năm 1960 còn đang ở trạng thái hòa bình “Chiến tranh một phía”. Bộ máy hành chính xã ấp của địch gần như không biết những gì sắp xảy ra. Các sắc lính cộng hòa, bảo an, dân vệ chưa có dấu hiệu gì gọi là sẵn sàng đối phó với một cuộc chiến tranh. Các đồn bót trụ sở của địch bố phòng canh gác sơ sài, chỉ nặng nề hoạt động cảnh sát, công dân vụ bắt bớ khủng bố nhân dân.

Ngày 11 tháng 11 năm 1960 nhân vụ Nguyễn Chánh Thi đảo chính Ngô Đình Diệm, 40 người của Đại đội 120 Liên tỉnh 3 do các đồng chí Phan Văn Hược, Vũ Tấn Hật và Bùi Đức Thành chỉ huy chia thành các bộ phận: Bộ phận thứ nhất bảy đồng chí, cải trang lính cộng hòa do Võ Văn Đẩu (Quý) đóng vai thiếu úy ngụy đột nhập vào thị trấn Ba Ngòi giữa ban ngày, ra lệnh cho bọn tề vệ tập họp trước trụ sở, sau khi chê trách quát mắng đủ điều về tội tham gia đảo chánh và xử bắn mấy tên tề ác rồi ung dung ra đi, bọn địch cứ tưởng quân của trên xuống trừng trị bọn theo quân đảo chánh chứ không nghĩ là quân ta, nên không có phản ứng; bộ phận thứ hai quân số 15 đồng chí do Nguyễn Niệm và Trần Nhật Thanh chỉ huy đột nhập khu Bàu Hùng diệt một trung đội địch, đốt trụ sở, giải tán hội tề; bộ phận chặn viện quân số 18 đồng chí hai tổ hỏa lực trung liên 24-29 do Vũ Tấn Hật và Bùi Đức Thành chỉ huy chặn đánh thiệt hại một đại đội địch viện từ Nha Trang vào.

Cũng trong tháng 11 năm 1960, chín đồng chí đặc công trinh sát của Đại đội 120, Liên tỉnh 3 do La Xuân

Phương (Mãi) chỉ huy cải trang dân đi làm rẫy về, giấu súng trong bó củi chia làm ba tổ đi ngang qua trụ sở Suối Dầu, Khánh Hòa bất ngờ nổ súng đánh địch diệt nhiều tên, số sống sót chạy tán loạn, ta chiếm trụ sở giải tán hội tề và sau đó rút quân an toàn.

Sau đó đại đội đặc công và bộ binh 120, Liên tỉnh 3 do đồng chí Phan Văn Hược, Bùi Đức Thành và Vũ Tấn Hạt chỉ huy cải trang dùng xe khách chia thành các bộ phận đánh vào Mỹ Tường và Phương Cựu, Ninh Thuận. Bộ phận thứ nhất 20 đồng chí do Bùi Xuân Dũng và Phan Văn Công (Chín) đánh đồn và trụ sở Mỹ Tường tiêu diệt một trung đội bảo an, đánh tan một trung đội dân vệ bắt sống 17 tên, thu toàn bộ vũ khí... cùng một lúc, bộ phận thứ 2 gồm 11 đồng chí do đồng chí Võ Văn Đẩu (Quý) chỉ huy cải trang dùng xe khách đột nhập vào trụ sở Phương Cựu bắt ba tên biệt kích, thu ba súng và chặn đánh quân viện của quận.

Đầu năm 1961, bảy đồng chí do Võ Văn Đẩu (Quý) chỉ huy cải trang phụ nữ đi chợ và người đi mua trâu đột nhập vào Xóm Bằng diệt một trung đội dân vệ thu 20 súng giữa ban ngày, sau đó tiếp tục đột nhập vào các ấp Bình Nghĩa, Khánh Nhơn, Mỹ Hòa, Thái An, Vĩnh Hy diệt tề ác, giải tán hội tề phát động quần chúng, xây dựng phong trào cơ sở các vùng này lên thành vùng tranh chấp và vùng giải phóng.

Những hoạt động chiến đấu trên đã làm cho quân địch khiếp sợ, nhân dân phấn khởi, nhờ vậy ta đã động viên được hai tiểu đội tân binh người địa phương và Liên khu 5 chi viện một trung đội tân binh. Số tân binh này

Liên tỉnh 3 bổ sung cho Đại đội đặc công và bộ binh 120. Tuy quân số còn ít nhưng do triển vọng của tình hình và sự đòi hỏi của phong trào, nên Liên tỉnh 3 quyết định xây dựng lực lượng trên thành một tiểu đoàn lấy tên là Tiểu đoàn 120 trực thuộc Liên tỉnh 3, biên chế thành hai đại đội (đại đội đặc công và đại đội bộ binh) một phân đội trinh sát thông tin, một phân đội sản xuất, do đồng chí Vũ Tấn Hạt làm Tiểu đoàn trưởng, đồng chí Bùi Đức Thành làm Chính trị viên và Nguyễn Niệm làm Chính trị viên phó tiểu đoàn.

Xuân hè 1961, Liên tỉnh 3 chủ trương đánh tiêu diệt một số điểm then chốt nhằm mở rộng vùng, hỗ trợ đắc lực cho các đội vũ trang công tác phát triển lên Tuyên Đức, Lâm Đồng phát động phong trào, mở hành lang và xây dựng đơn vị. Thực hiện chủ trương trên, đêm 15 tháng 5 năm 1961 Tiểu đoàn 120/Liên tỉnh 3 do đồng chí Phan Văn Hược Trưởng ban quân sự Liên tỉnh 3 và đồng chí Nguyễn Cảnh (Bảy Thành) cán bộ quân sự Liên tỉnh 3 chỉ huy, tiến công chi khu quận lỵ Drăn (Đơn Dương) tỉnh Tuyên Đức – một chi khu cỡ lớn nằm trên ngọn đồi ngã ba đường 11 và đường 21 bis, khống chế và kiểm soát toàn bộ khu vực Drăn, do một đại đội bảo an giữ chi khu, một trung đội dân vệ và cảnh sát giữ quận lỵ, một trung đội công binh làm đường phía đông nam chi khu chừng một km, một trung đội bảo an giữ cứ điểm đập Đa Nhim, một đại đội cộng hòa đóng dã ngoại trên “Đồi Sáu Nhà” phía tây chi khu 1.500 mét. Lực lượng ta được tổ chức biên chế thành nhiều bộ phận: bộ phận đánh chi khu quân số 32 đồng chí do Vũ Tấn Hạt và Nguyễn Văn Sơn (Hùng) chỉ huy, bộ phận đánh đại

đội cộng hòa ở “Đồi Sáu Nhà” 12 đồng chí do Nguyễn Hoàn Tôn (Hiệp) chỉ huy, bộ phận đánh trung đội công binh 10 đồng chí do Trần Nhật Thanh chỉ huy, bộ phận thọc sâu đánh chỉ huy sở chỉ khu quận lỵ bốn đồng chí do Võ Văn Đẩu chỉ huy, bộ phận đánh điểm đập Đa Nhím 21 đồng chí do Bùi Đức Thành và Lê Minh Quang (Hải) chỉ huy, bộ phận chặn viện 21 đồng chí do Phạm Minh và Hà Thuận chỉ huy.

Diễn biến trận đánh tương đối thuận lợi, các bộ phận đánh điểm tiềm nhập áp sát từng mục tiêu đúng giờ hẹn (giờ Y), đồng loạt nổ súng tiêu diệt gọn chỉ khu quận lỵ, khu công binh, “Đồi Sáu Nhà”, làm chủ chiến trường, bắt làm tù binh, trong đó có tên đại úy quận trưởng Trần Lưu Dư, thu trên 100 súng, trong đó có 12 trung liên và nhiều quân trang quân dụng. Sau một giờ chiến đấu các bộ phận đánh điểm tổ chức rút quân, thì viện binh địch từ Đà Lạt theo đường 11 xuống. Bộ phận chặn viện của ta nổ súng chiến đấu, đánh thiệt hại một đại đội địch, nhưng không tiêu diệt và ngăn chặn được xe tuần thám và các xe bọc thép, để địch lọt xuống chỉ khu gây khó khăn cho ta. Kết quả chung, ta tiêu diệt hai đại đội, ba trung đội, đánh thiệt hại một đại đội khác, loại khỏi vòng chiến đấu 250 tên. Đây là trận đánh tiêu diệt gọn chỉ khu quận lỵ có nhiều mục tiêu, quân địch đông, địa hình phức tạp. Tiểu đoàn 120 đã khắc phục được nhiều khó khăn, hiệp đồng chặt chẽ, chiến đấu dũng cảm thu thắng lợi lớn, rút ra được nhiều kinh nghiệm cho các trận tiếp theo.

Cùng đêm 15 tháng 5 năm 1961, lực lượng tỉnh Bình Thuận đánh thiệt hại nặng chỉ khu quận lỵ Di

Linh, Lâm Đồng nằm trên ngã tư đường 20, đường số 8 và 14 bis.

Chiến thắng Drăn và Di Linh làm nức lòng quân dân cực Nam Trung Bộ, nhân dân ca ngợi lực lượng ta đánh giỏi thắng lớn. Quân địch hoang mang dao động, bộn bảo an, dân vệ co rút, tạo thuận lợi cho ta phát triển phong trào cách mạng ở hướng này.

III. TIỂU ĐOÀN 365 (TIỀN THÂN CỦA TIỂU ĐOÀN 840) TRÊN ĐƯỜNG VỀ NAM.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) Tiểu đoàn 365 của Trung đoàn 803 chủ lực Liên khu 5, cùng với các Trung đoàn 90 địa phương Phú Yên, Khánh Hòa, Trung đoàn 93 địa phương Quảng Nam tập kết ra miền Bắc thành lập Sư đoàn 324 tại Thanh Hóa, sau đó sư đoàn chuyển quân vào Đô Lương, Nghệ An. Trung đoàn 812 cực Nam Trung Bộ (Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Đồng) chuyển quân ra Thái Bình, Nam Định trực thuộc Quân khu 3. Năm 1957 chuyển quân vào Hà Tĩnh trực thuộc Quân khu 4, năm 1958 Trung đoàn 93 và các Trung đoàn 803, 90, 812 mỗi trung đoàn rút ra một tiểu đoàn cho ra quân đi xây dựng các ngành kinh tế. Sau đó Trung đoàn 812 (thiếu) chuyển quân về Yên Thành, Nghệ An đổi phiên hiệu thành Trung đoàn 2 thuộc Sư đoàn 324. Năm 1959 – 1960 sư đoàn được bổ sung tân binh miền Bắc để xây dựng chính qui hiện đại.

Trong lúc đó tình hình miền Nam những tháng cuối 1960 đầu 1961 rất sôi động, phong trào Đồng Khởi – cao trào cách mạng đang dâng cao, đang có chiều

hướng chuyển từ cuộc khởi nghĩa vũ trang từng phần sau thành chiến tranh cách mạng. Đồng bào miền Nam mong đợi bộ đội tập kết ra miền Bắc trở về.

Tháng 3 năm 1961 Sư đoàn 324 được tổ chức biên chế thành hai bộ phận:

Lữ đoàn 324 gồm quân nghĩa vụ (1959 – 1960) người miền Bắc ở lại tiếp tục huấn luyện xây dựng quân thường trực.

Bộ phận đi vào Nam chiến đấu (đi B) gồm người miền Nam tập kết ra Bắc (1954 – 1955) được biên chế thành nhiều đại đội, tiểu đoàn khung và thực binh trở về chiến trường các tỉnh phía nam Liên khu 5 cũ.

Riêng các đơn vị bổ sung vào Liên tỉnh 3 (Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng) gồm có: hai tiểu đoàn khung 365/803 lấy mật danh đoàn 601 và 86/812 lấy mật danh đoàn 602 quân số mỗi tiểu đoàn từ 250-260 người và sẽ là các “tiểu đoàn tập trung” hoạt động trên các hướng: Tiểu đoàn 365 (về sau gọi là Tiểu đoàn 840) ở Khánh Hòa và bắc Ninh Thuận, Tiểu đoàn 86 (về sau gọi là tiểu đoàn 186) ở Bình Thuận, ba đại đội thực binh gồm có Đại đội Khánh Hòa⁽¹⁾ của Trung đoàn 90, Đại đội Ninh Thuận và Lâm Đồng của Trung đoàn 812, quân số mỗi đại đội từ 70 – 90 người và sẽ là các “đại đội độc lập” hoạt động trên chiến trường từng tỉnh.

Các đơn vị trở về Nam chiến đấu phần lớn là người địa phương quen thuộc chiến trường, được huấn luyện chính qui nhiều năm ở miền Bắc, có trình độ kỹ thuật,

(1) Đại đội về hoạt động ở tỉnh nên lấy phiên hiệu tỉnh.

chiến thuật tốt, có kinh nghiệm trong chiến tranh chống Pháp, tinh thần tư tưởng thông suốt, tình nguyện về Nam chiến đấu giải phóng quê hương, được trang bị vũ khí cũ, súng trường max 36, carbin, tiểu liên Tul, trung liên 24-29, ĐK 57 ly, cối 60 ly, 81 ly với lượng đạn 2 cơ số. Hồi ấy trên qui định không được mang theo các loại vũ khí mới (CKC, AK, RBD...) đã được trang bị và huấn luyện ở miền Bắc với lý do giữ bí mật vũ khí, tiếp liệu khó khăn, thích nghi chiến trường – trong lúc ta đang phát động du kích chiến tranh – vũ trang khởi nghĩa với phương thức hoạt động “đại đội độc lập” “tiểu đoàn tập trung”, lấy vũ khí địch đánh địch.

Đầu tháng 4 năm 1961, các đại đội và tiểu đoàn đi Nam chiến đấu, tập trung về khu doanh trại vừa mới xây cất của Trung đoàn 812, Sư đoàn 324 ở đồi Mậu Long, Yên Thành, Nghệ An để huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật thích nghi với chiến trường miền Nam. Giữa lúc đó tình hình ở Nam Lào biến chuyển thuận lợi: ngày 24 tháng 4 năm 1961 Tiểu đoàn 19, Sư đoàn 305 với danh nghĩa quân Pa Thét Lào giải phóng Mường Phine mở ra đoạn hành lang mới trên đất Nam Lào từ ngã ba đường số 8 và 12 vào đường số 9 đến lang Yáp gần biên giới tỉnh Quảng Nam. Có tin hiệp định hai phái ở Lào sắp được ký kết. Vì thế, nên các đơn vị chuẩn bị đi Nam chiến đấu chấm dứt huấn luyện và nhận lệnh lên đường vào các ngày 25, 26 và 27 tháng 4 năm 1961 bằng xe vận tải quân sự phủ bạt kín, trong đêm bí mật qua phà

Bến Thủy, Vinh và Hà Tĩnh, rẽ lên đường số 12 đến Hương Khê, vượt đèo Mụ Già, qua biên giới Việt – Lào⁽¹⁾, đoạn đường đèo này khá dài, ngoằn ngoèo lượn trên các sườn núi dốc cao hiểm trở, nhiều đoạn tráng nhựa bị xói mòn, vách đường sụp lở, tuy trước đó có sửa chữa nhưng đường vẫn bị thu hẹp, chỉ đủ cho xe lăn bánh. Khi đến Nà Pao xe rẽ vào 1 đoạn đường đất và đổ quân tại Sa Ang, từ đó các đơn vị tiếp tục hành quân bộ, cắt đường xuyên qua rừng cây bằng lảng ở dạng bình nguyên và những cánh đồng ruộng khô nhỏ hẹp có các buôn làng xen kẽ vào đến đường số 9 – Mường Phine...

Những ngày cuối tháng 4 đầu tháng 5 năm 1961 dọc hành lang trên đất Nam Lào khá nhộn nhịp, máy bay vận tải Liên Xô cất cánh từ Gia Lâm, Hà Nội tiếp tế cho lực lượng Pa Thét Lào, thả lương thực và trang bị xuống cánh đồng Mường Phine. Các đoàn đi Nam của ta cố đẩy nhanh tốc độ hành quân, để qua đó nhận lương thực và tranh thủ nghỉ ngơi chút ít, nên trục đường số 9, thị trấn Mường Phine đội hình bộ đội trở nên dày đặc. Các Tiểu đoàn khung và thực binh 19, 79, 50, 39, 59, 365 và 86 của các Trung đoàn 108, 803, 96 và 812 Liên khu 5 trong thời đánh Pháp, đã có dịp hội tụ gần gũi

(1) Lúc này đường dây tây Quảng Trị, địch cần quét rải quân ngăn chặn trên trục đường số 9 nên nhiều đoàn đi Nam bị tắc nghẽn phải quay qua Hương Khê, Hà Tĩnh để qua đất Lào tiếp tục đi về Khu 5, Nam Bộ.

trên đường về Nam tại đường 9 Mường Phine và tổ chức đường hành lang đi vào miền Nam Việt Nam trên đất Nam Lào ra sức điều chỉnh đội hình để các đoàn tiếp tục hành quân xuống phía nam, nhưng các trạm hành lang phía nam đường số 9 vừa mới giải phóng chưa tổ chức kịp, lương thực không có, vì vậy các đoàn phải tổ chức từng cung đoạn tải thêm nhiều chuyến gạo, để có lương thực ăn và mang theo đến Lang Yáp, chuẩn bị đi vào biên giới miền Nam Việt Nam. Đoạn hành lang này khá dài, phải xuyên qua sườn đông các tỉnh Khâm Muộn, A Tô Bơ, dốc núi chênh vênh, người chỉ huy vạch đường trên bản đồ và nhờ dân dẫn đường từ buôn làng này, đến buôn làng khác, nhiều đoạn vòng vèo đi cả ngày không hết, đêm phải nằm lại trên đỉnh đồi nghe thông reo, nước chảy mà không sao tìm được nước để nấu ăn. Càng gần đến Lang Yáp bộ đội phải vật lộn với những cơn mưa lũ của núi rừng Hạ Lào, từng cột nước trên các triền núi cao đổ xuống dồn dập cắt đứt từng mảnh đội hình thành quân. Đoạn hành lang từ Hạ Lào đi vào biên giới miền Nam các đơn vị tuy được giao liên dẫn đường, nhưng còn quá khó khăn vì chưa có trạm, thiếu lương thực lại đi giữa những vùng không có dân. Từ căn cứ Đồ Xá (miền tây Quảng Nam) hành lang đi giữa ranh giới các tỉnh ven biển miền Trung và Tây nguyên (hành lang cũ) chuẩn bị khá tốt, vùng giải phóng rộng đủ lương thực, nhiều trạm ở vùng Gia Lai, Đăk Lăk đồng bào giết

trâu ủng hộ bộ đội, vì sau 1954 đến giờ đồng bào người Thượng mới thấy tận mắt lực lượng với nhiều đoàn nối tiếp nhau hành quân qua buôn rẫy của họ đông như vậy. Suốt trên trục hành lang từ Kon Tum vào Gia Lai gặp lại chiến trường xưa, nơi mà những trận thắng vang dội đánh địch trong công sự vững chắc như Mang Đen, Đắc Đa và trận giao thông chiến diệt Binh đoàn 100 của Pháp ở Đấp Pơ đường 19 của thời chống Pháp dường như có sức cổ vũ giục giã các đơn vị nhanh chóng tỏa về chiến trường Liên khu 5, trong đó có chiến trường Liên tỉnh 3 – nơi mà 16 năm trước các đơn vị Nam Tiến tiền thân của Tiểu đoàn 365 đã từng tham gia nổ súng tiến công và bao vây quân Pháp hơn 100 ngày tại thành phố Nha Trang (ngày 23 tháng 10 năm 1945).

Như vậy là sau hơn ba tháng vượt Trường Sơn cùng các đơn vị. Tiểu đoàn 365 đã lần lượt có mặt tại xóm Cỏ, sông Tô Hạp vùng căn cứ Liên tỉnh 3 (tây nam Khánh Hòa) để nhận nhiệm vụ mới. Giữa lúc đó tình hình chiến trường chuyển biến nhanh có lợi cho ta, nên các đơn vị bổ sung vào Liên tỉnh 3 đứng chân hoạt động không giống như ý định ban đầu: Tiểu đoàn 86 Trung đoàn 812 vừa đến xóm Cỏ, Khánh Hòa được lệnh hành quân ngược lên Bố Lan, Chu Yan Sin vượt qua đường 21 kéo dài đến đứng chân hoạt động vùng Đức Xuyên, Đức Lập (tây nam

Buôn Ma Thuột); Đại đội Lâm Đồng về Bình Thuận⁽¹⁾, Đại đội Ninh Thuận về đứng chân hoạt động vùng Thuận Nam – Ninh Thuận, Đại đội Khánh Hòa về hoạt động vùng Đan Ninh, Ninh Hòa – (bắc Khánh Hòa). Riêng Tiểu đoàn khung 365 Trung đoàn 803 về đứng chân vùng căn cứ Sông Trương, Xóm Cỏ, trong khi chờ tổ chức biên chế, nhận nhiệm vụ mới, đơn vị tham gia sản xuất tỵ túc làm cỏ lúa, thu hoạch mùa bắp dọc thung lũng sông Tô Hạp của Liên tỉnh 3 để lại (vì trước đó, bộ máy Liên tỉnh 3 ở đây được lệnh chuyển lên Chư Yan Sin – nam Đắc Lắc để chuẩn bị thành lập Khu 6, chỉ còn đồng chí Lê Tự Nhiên (Ba Hưng)⁽²⁾ ở lại giải quyết những việc tiếp theo về phân bổ lực lượng và chỉ đạo

(1) Theo đồng chí Lê Văn Hiền – nguyên bí thư tỉnh ủy Bình Thuận thì Đại đội Lâm Đồng khi về đến chiến trường được Quân khu 6 gửi lại chỉ đưa về Bình Thuận khung đại đội 20 đồng chí từ tiểu đội trưởng trở lên do đồng chí thượng úy Võ Hoài Tươi đại đội trưởng và trung úy Cung làm chính trị viên.

(2) Cũng theo đồng chí Lê Văn Hiền, nguyên Thường vụ Liên tỉnh 3, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận, thì đồng chí Lê Tự Nhiên (Ba Hưng) đã về Miền tháng 8 năm 1960 và không có trong Liên tỉnh ủy 3. Nhưng theo các đồng chí Trần Văn Chung (Ba Hải) nguyên Tiểu đoàn trưởng 120 (840), đồng chí Vũ Tấn Hạp nguyên Tiểu đoàn phó 120 và số đông các đồng chí tiểu đoàn 120 trong hội thảo lịch sử truyền thống Tiểu đoàn 840 tại Đà Lạt tháng 7 năm 1998 đều xác nhận đồng chí Lê Tự Nhiên tháng 8 năm 1961 lên lớp học nghị quyết TW cho tiểu đoàn 120 và ngày 8 tháng 10 năm 1961 đi với tiểu đoàn trong trận đánh Cửu Lợi – Khánh Hòa.

hoạt động ở hướng này, thượng tá Nhiên là lớp người kỳ cựu, trong kháng chiến chống Pháp đã một thời là “Hổ xám” vùng địch hậu Khánh Hòa, Ninh Thuận, anh dáng người cao nhanh nhẹn, rất cần cù gương mẫu trong sản xuất tự túc, sáng nào cũng có mặt ngoài rẫy trước đơn vị, không đợi “cơm cháo ráo sương” theo tục lệ người dân tộc, anh rất chi li tính từng quả bắp tươi đầu mùa vào bữa ăn, phá tục lệ “đói ngày Tết, hết ngày mùa”, có lần trên đường công tác ngang qua rẫy, đơn vị đang nấu bắp tươi ăn giữa buổi, biết là anh sẽ đến thăm, nên đã vội vàng dọn dẹp, cất giấu vì ngại tính gương mẫu của anh). Mùa bắp đang thu hoạch và các rẫy lúa đang xanh tốt nhưng quá ít, lực lượng bổ sung mới vào trễ vụ mùa, nên lương thực đã trở thành vấn đề lớn. Vì vậy, đơn vị đã phải tiết kiệm lương thực tối đa, tổ chức đi lấy muối ở đồng bằng để có ăn và đổi lấy lương thực của đồng bào vùng căn cứ.

Chương một

TIỂU ĐOÀN 840 RA ĐỜI, CƠ ĐỘNG TÁC CHIẾN TIÊU DIỆT ĐỊCH TRÊN CHIẾN TRƯỜNG KHÁNH HÒA, NINH THUẬN VÀ ĐẮK LẮK (1961 – 1963)

I. HỢP NHẤT HAI TIỂU ĐOÀN 120 VÀ 365 THÀNH TIỂU ĐOÀN 120.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã tạo ra bước chuyển nhảy vọt cho Cách mạng miền Nam. Ở chiến trường cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên, nhất là miền Tây các tỉnh đồng bằng ven biển Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, đến đầu năm 1961 ta đã mở ra một vùng rừng núi rộng lớn và đang phát triển xuống đồng bằng. Trước nguy cơ chế độ thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam bị sụp đổ, Mỹ – ngụy tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt” hòng cứu vãn tình thế.

Để thực hiện chiến lược mới này, tháng 6 năm 1961 Mỹ – ngụy bắt đầu triển khai kế hoạch Stalay-Taylor, dự định giai đoạn 1: bình định miền Nam Việt

Nam trong vòng 18 tháng, bằng các biện pháp:

- Dồn dân lập ấp chiến lược, củng cố hệ thống nguy quyền các cấp, đánh bật lực lượng vũ trang và cơ sở cách mạng ra khỏi quần chúng.

- Tích cực chặn biên giới và kiểm soát ven biển, cô lập cách mạng miền Nam Việt Nam.

- Tăng cường xây dựng lực lượng quân sự của nguy theo hướng chống chiến tranh du kích đang phát triển cao, triển khai cố vấn quân sự và lực lượng yểm trợ của Mỹ để tăng khả năng tác chiến và cơ động... đẩy mạnh phản kích để chiếm lại các vùng đã mất, nhất là ở đồng bằng. Trên đà thắng lợi của cách mạng miền Nam, tháng 1 năm 1961 Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp đánh giá tình hình và đề ra phương hướng nhiệm vụ: “Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch cả hai mặt chính trị và quân sự”.

Đến tháng 2 năm 1961 hội nghị Liên Khu ủy 5 đề ra nhiệm vụ “Làm chủ núi rừng, củng cố và xây dựng căn cứ địa cách mạng, giành lại vùng đồng bằng, tiêu diệt sinh lực địch”.

Cuộc Đồng khởi của nhân dân miền Nam đang chuyển thành cuộc chiến tranh cách mạng. Để có thể lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời cho từng chiến trường, tránh sự chia cắt chiến lược của địch, Bộ Chính trị quyết định tổ chức lại chiến trường miền Nam, riêng Nam Trung Bộ (Liên khu 5) tháng 5 năm 1961 được chia thành 2 khu: 5 và 6. Khu 6 bao gồm các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Nam

Tây Nguyên: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận (gồm cả Bình Tuy) Đắc Lắc, Lâm Đồng, Tuyên Đức do đồng chí Trần Lê – Liên khu ủy viên, Liên khu 5 cũ làm Bí thư, trực thuộc Trung ương Cục miền Nam. Đến tháng 7 năm 1961 trên cơ sở Khu 6, Quân khu 6 được thành lập do đồng chí Ybock ÊBan làm Quyền Tư lệnh, đồng chí Bùi Định (Tư Khiêm) làm Chính ủy, đồng chí Trung tá Nguyễn Trọng Xuyên (Sáu Hát) làm Tham mưu trưởng, thiếu tá Phan Văn Hược làm Chủ nhiệm Chính trị... Bộ Tư lệnh Quân khu 6 trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự Miền (B2), đứng chân tại núi Chư Yang Xin nam Đắc Lắc. Sau khi được thành lập Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 6 đã đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ “Ra sức xây dựng mở rộng vùng căn cứ và hành lang chiến lược Bắc – Nam, phát động quần chúng nổi dậy giành lại nông thôn, đồng bằng, xây dựng phát triển phong trào đô thị, ra sức tiêu diệt sinh lực địch, phát triển và xây dựng lực lượng ta”.

Để thực hiện nhiệm vụ này, lực lượng vũ trang quân khu nhất là khối chủ lực được tổ chức lại, đáp ứng yêu cầu mới, cuối tháng 8 năm 1961 Bộ Tư lệnh Quân khu 6 chủ trương sáp nhập hai tiểu đoàn khung 365 Trung đoàn 803 từ miền Bắc mới vào và Tiểu đoàn 120/Liên tỉnh 3, thành Tiểu đoàn 120 Quân khu 6 gồm: năm đại đội (ba đại đội bộ binh, một đại đội đặc công, một đại đội trợ chiến và một đội sản xuất) với tổng quân số 280 người do thiếu tá Trần Văn Chúng làm Tiểu đoàn trưởng, Bùi Đức Thành (Nhân) làm Chính trị viên, đại úy Vũ Tấn Hát làm Tiểu đoàn phó, đại úy Hoàng Trọng Đàm làm Chính trị viên phó. Tiểu đoàn đứng chân tại

vùng sông Tô Hạp, Khánh Hòa. Không khí của đơn vị mới được sáp nhập đã bùng lên tinh thần khí thế mới, sức mạnh mới, vì Tiểu đoàn 365/803 là tiểu đoàn nổi tiếng với lối đánh công kiên (đánh địch trong công sự vững chắc), đã từng là tiểu đoàn chủ công của Trung đoàn 803 chủ lực Liên khu 5 thời kháng chiến chống Pháp, lại được huấn luyện chính qui hơn năm năm trời trên đất miền Bắc; còn Tiểu đoàn 120, Liên tỉnh 3 là tiểu đoàn gồm các đồng chí đặc công thời chống Pháp ở lại không đi tập kết và các đồng chí từ miền Bắc trở về, thạo đánh đặc công, cải trang biệt động đã lập được nhiều chiến công xuất sắc, đạt hiệu suất chiến đấu cao.

Sau khi sắp xếp xong biên chế, đơn vị tổ chức một bữa liên hoan nhẹ mừng ngày Quốc khánh 2 tháng 9 năm 1961 và ngày ấy đã trở thành ngày truyền thống của Tiểu đoàn.

II. CHIẾN ĐẤU Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG VEN BIỂN HAI TỈNH KHÁNH HÒA, NINH THUẬN (cuối 1961-1962)

Vùng đồng bằng ven biển hai tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận, nằm hai bên trục đường quốc lộ 1 Bắc Nam, dân cư khá đông. Nhân dân ở đây vốn có truyền thống cách mạng, nhạy cảm với thời cuộc, được sự cổ vũ của phong trào Đồng Khởi trên toàn Miền, mà trực tiếp là phong trào Đồng Khởi ở miền Tây các tỉnh Cực Nam Trung Bộ và các hoạt động của ta từ trước, đã xây dựng được thực lực cơ sở cách mạng trong quần chúng ở một số nơi trong vùng, đó là điều kiện tốt giúp tiểu đoàn bước vào hoạt động thuận lợi.

Từ tháng 7 năm 1961 trên toàn Miền, địch bắt đầu

làm thí điểm lập ấp chiến lược và đến tháng 8 năm 1962 chúng triển khai ồ ạt ở nhiều nơi, nhưng ở Khánh Hòa và Ninh Thuận trong năm 1961 và đầu năm 1962, địch tuy có triển khai song mức độ qui mô còn nhỏ, lực lượng địch ở cấp tỉnh có từ một đến hai đại đội bảo an và một chi đội xe bọc thép cũ kỹ. Từng quận có một đại đội bảo an, các xã ấp có từ một tiểu đội đến một trung đội dân vệ, một tiểu đội đến một trung đội thanh niên cộng hòa, cùng bộ máy hành chánh xã ấp, việc bố trí canh phòng còn sơ sài.

Về phía ta ở khu vực này, đến cuối tháng 8 năm 1961 cũng chỉ có Tiểu đoàn 120 Quân khu 6, quân số chỉ thuộc loại tiểu đoàn khung. Khánh Hòa, Ninh Thuận mỗi tỉnh mới có một đại đội từ miền Bắc trở về (cùng thời gian với tiểu đoàn 365/803), trên từng hướng huyện, xã có các đội mũi công tác (đội vũ trang tuyên truyền) lo móc ráp xây dựng cơ sở, phát động phong trào cách mạng trong quần chúng nhân dân.

Nhiệm vụ của Tiểu đoàn 120 Quân khu 6 trên hướng này là: cơ động tác chiến tiêu diệt sinh lực địch, hỗ trợ phá ấp, phá kềm, mở rộng vùng giải phóng, xây dựng cơ sở phong trào thực lực cách mạng trong nhân dân. Khi bàn về phương châm, phương thức hoạt động tác chiến của tiểu đoàn đã có hai loại ý kiến trái ngược nhau: một loại ý kiến cho là phải phân tán tiểu đoàn thành từng đại đội, đứng trên địa bàn huyện hoạt động theo phương thức vũ trang công tác, đánh nhỏ, móc ráp xây dựng cơ sở và lấy tân binh, như Tỉnh ủy Khánh Hòa đã chỉ đạo cho Đại đội Khánh Hòa của đại úy Nhu. Loại ý kiến thứ 2 cho là: cần thiết phải đánh tập trung cấp

tiểu đoàn để tiêu diệt, gây thôi động địch, mở mạnh phong trào, lấy tân binh, thu chiến lợi phẩm, nhất là vũ khí để xây dựng đơn vị. Qua thảo luận, cuối cùng đồng chí thượng tá Lê Tự Nhiên người được Khu ủy – Bộ Tư lệnh Quân khu 6 cử ở lại chỉ đạo hoạt động ở vùng này kết luận: “Tập trung, phân tán, linh hoạt, nhưng chủ yếu là hoạt động phân tán, chú trọng dành lực lượng sản xuất tự túc, tích lũy lương thực ở vùng căn cứ”.

Với tinh thần tập trung, phân tán linh hoạt nói trên, Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 mở màn hoạt động, đã chọn khu vực tác chiến trên trục đường số 1, lấy cứ điểm Cửu Lợi (Hòa Tân, Khánh Hòa) cách thị trấn Ba Ngòi 25 ki-lô-mét về phía bắc do một trung đội bảo an chiếm giữ để đánh trận đầu. Ngày 8 tháng 10 năm 1961 sau khi trinh sát, điều nghiên về địch, để bảo đảm chắc thắng, thiếu tá Trần Văn Chúng, tiểu đoàn trưởng 120 chỉ huy trưởng trận đánh, đã sử dụng một lực lượng áp đảo quân địch gồm: Đại đội 121 đặc công và Đại đội 2 bộ binh đánh vào cứ điểm, một trung đội của Đại đội 4 trợ chiến, chặn viện binh phía Ba Ngòi và hai đại đội bộ binh: một và ba phục kích đánh viện phía Nha Trang; quen với cách đánh cứ điểm bằng sức mạnh, nên Chỉ huy trưởng đã sử dụng thêm hai súng ĐKZ57 ly của Đại đội 4 trợ chiến làm dự bị, đề phòng trường hợp đặc công không đánh được lô cốt cao, bị lộ thì sẽ sử dụng súng ĐKZ57 kèm chế, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ binh lên đánh bộc phá tiêu diệt cứ điểm địch, nhưng thượng tá Lê Tự Nhiên người chỉ đạo trận đánh, ra điều kiện cho chỉ huy trưởng là: “Chỉ khi nào khó khăn quá, mới được sử dụng súng ĐKZ” vì hồi ấy bộ đội ta ở chiến trường miền Nam,

súng lớn tuy mới chỉ có đến ĐKZ57, nhưng cấp trên vẫn còn ngập ngừng chưa cho bắn, sợ làm lộ bí mật, làm mất yếu tố bất ngờ, gây khó khăn cho thời cơ chiến lược chung. Trận đánh cứ điểm Cửu Lợi diễn ra khá thuận lợi, chỉ sau 25 phút chiến đấu, bộ đội ta diệt gọn quân địch, thu vũ khí và rút quân an toàn trong đêm, quân địch ở hai đầu cứ điểm chẳng hay biết gì, nên không chi viện. Ta hy sinh một, bị thương hai đồng chí.

Bộ phận phục kích đánh viện ở hướng Nha Trang, đã lợi dụng mặt dốc đường số 1 chạy ngang qua đường sắt xe lửa, làm nơi chặn đầu của trận địa phục kích và để giữ bí mật trận đánh, bộ đội ta đã bắt người gác gi đưa về phía sau. Khi đoàn tàu lửa Sài Gòn – Nha Trang chạy đến, không thấy tín hiệu nên dừng lại hú còi inh ỏi; Trời bắt đầu sáng, biết rõ không có địch chi viện và trận địa cũng đã bị lộ, tiểu đoàn phó Vũ Tấn Hật – chỉ huy trưởng phục kích, cho bộ phận chặn đầu lên tàu lửa làm nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền, bộ phận này vừa triển khai, thì bị địch trên tàu bắn xối xả vào đội hình. Trận chiến đấu bắt đầu, một loại hình chiến đấu mà đơn vị chưa được huấn luyện, thượng úy Đỗ Sĩ Quý đại đội trưởng Đại đội 1 – người chỉ huy bộ phận đã phải sử dụng trung liên 24-29 kiểm chế, phong tỏa khu vực và tổ chức từng tổ chiến đấu, từng tiểu đội dùng tiểu liên Tul, thủ pháo, lựu đạn hiệp đồng đánh chiếm từng toa tàu khá phức tạp. Chỉ huy trưởng Vũ Tấn Hật và Chính trị viên trận đánh Hoàng Trọng Đàm lo trận đánh bị kéo dài, trong khi đó trời mỗi lúc một sáng hơn, nếu có viện binh địch từ Nha Trang vào ta sẽ gặp khó khăn, nên quyết định chỉ để một bộ phận của Đại đội 3 chốt trên

đường số 1 sẵn sàng chặn viện binh, lực lượng còn lại dồn hết vào trận đánh; Đại đội trưởng Khuê và Chính trị viên Long đã nhanh chóng tổ chức một bộ phận vận động sang phía bên kia đường, phát triển dọc theo hông đoàn tàu, lần lượt giải quyết từng ổ đề kháng và quân địch tháo chạy. Trận đánh diễn ra hơn một giờ mới dứt điểm, ta thu nhiều vũ khí trang bị, bắt sống 13 tù binh, diệt một trung đội quân cảnh và đánh thiệt hại một đại đội thám kích vừa học xong ở Sài Gòn về, ta hy sinh một đồng chí. Trận đánh giành được thắng lợi ngoài ý định, ta tuyên truyền giải thích cho đồng bào trên tàu hiểu rõ về cách mạng, về chủ trương đường lối, chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Hai trận đánh liên tiếp diễn ra, đã làm rung chuyển bộ máy kìm kẹp của địch ở vùng này, có tiếng vang lớn, giúp địa phương mở và phát triển phong trào cách mạng được thuận lợi, tô điểm thêm cho truyền thống quyết chiến, quyết thắng của Tiểu đoàn.

Sau một thời gian củng cố đơn vị và làm công tác chuẩn bị chiến trường, đến cuối tháng 10 năm 1961 Tiểu đoàn 120 Quân khu 6 chuyển sang hoạt động phía Diên Khánh. Ở đây, đang có đại đội địa phương Khánh Hòa của đại úy Nhu, nhưng từ lúc đại đội này ở miền Bắc vào đến nay, đã phải phân tán trên một diện quá rộng từ: Diên Khánh ra đến Ninh Hòa, Vạn Giã hoạt động theo phương thức vũ trang tuyên truyền, móc nối xây dựng cơ sở phong trào. Tuy đại đội làm được nhiều việc, nhưng dần dà địch phát hiện lực lượng ta quá ít, nắm được qui luật hoạt động tìm cách đối phó ta tương đối có hiệu quả,

như ở tứ thôn Đại Điền – một vùng đông dân nằm ở phía bắc sông Cái, cách quận lỵ Diên Khánh không quá 2 km. Nhân dân ở đây vốn có truyền thống cách mạng, có nhiều anh em bộ đội địa phương năm 1954 tập kết ra miền Bắc trở về, rất thông thạo địa hình nên chẳng khó khăn gì tứ thôn Đại Điền đã trở thành vùng làm chủ của ta vào ban đêm, đến mờ sáng ta rút ra khỏi thôn thành qui luật, địch phát hiện qui luật này và thường cho bảo an, biệt kích từ quận Diên Khánh theo đường Lê Thạnh đổ quân xuống Cẩm Sơn, chia nhau đi phục kích, chặn đường rút ra của ta. Vì lực lượng ta ít, nên chủ trương tránh né địch là chính, tuy nhiên ta cũng đã nhiều lần phải chạm súng địch, gây cho ta nhiều tổn thất và hoạt động của ta mỗi lúc một khó khăn hơn.

Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 sang hoạt động phía Diên Khánh, với nhiệm vụ chủ yếu là đánh tiêu diệt địch, giữ vững vùng làm chủ của ta, thúc đẩy phong trào cách mạng địa phương phát triển, nhưng vùng Diên Khánh hãy còn mới mẻ đối với tiểu đoàn, nên đồng chí Ba Sơn Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa phải “làm liên lạc” dẫn đường, hướng dẫn, cung cấp tình hình địch cho đoàn cán bộ Tiểu đoàn 120 đi điều nghiên, chuẩn bị chiến trường. Ý định anh Ba Sơn và Tiểu đoàn trưởng 120/Quân khu 6 là: sử dụng lực lượng địa phương đêm 25 tháng 10 năm 1961 vào tứ thôn Đại Điền như thường lệ; nhưng sáng ngày 26 tháng 10 năm 1961, ngày chấp chính Ngô Đình Diệm, không rút quân ra mà ở lại trong thôn đánh bọn dân vệ nhằm: khêu ngòi để kéo viện binh địch. Còn toàn bộ Tiểu đoàn 120 phục kích vận động đoạn đồn điền cao su gần cứ điểm Cẩm Sơn để tiêu diệt

quân viện, chủ yếu là đánh bọn địch đi phục chặn đường của ta trong Đại Điền ra.

Địa hình vùng đồn điền cao su Cẩm Sơn không thuận lợi cho một trận địa phục kích, nơi đây nguyên là một cứ điểm cấp đại đội thời Pháp, có công sự boong-ke kiên cố, nằm trên con đường Diên Khánh, Gia Lê. Thời Mỹ – ngụy (1954 – 1961) cứ điểm này bị bỏ trống, cây cỏ phủ rậm rạp, thời gian gần trước trận đánh, địch có phát dọn sửa chữa để làm nơi chốt giữ, phân quân càn quét. Phía bắc cứ điểm sát bờ sông Cái, có thể quan sát khống chế được cả cánh đồng Trăng và Tứ Thôn Đại Điền; phía đông và đông nam gần ấp Lễ Thạnh dễ bị lộ, phía tây địa hình khá lý tưởng cho một trận địa phục kích, nhưng khá xa vị trí đã chọn, chỉ còn lại phía nam và tây là bìa rừng, cách xa đường 200m là có thể giấu quân phục kích được. Thiếu tá Trần Văn Chúng tiểu đoàn trưởng với kinh nghiệm của mình, tìm cách bố trí đội hình, khắc phục sự bất lợi ấy, đã dùng hai tổ của Đại đội 2 do thượng sĩ Nãi – một cán bộ gan lì, mưu trí chỉ huy, hai tổ này giấu quân sát bờ sông, làm bộ phận đối diện. Trường hợp bộ phận chặn đầu vận động ra không kịp, thì bộ phận này nhanh chóng chiếm cứ điểm, nổ súng ngăn chặn địch.

Trình tự chuẩn bị cho một trận phục kích cấp tiểu đoàn được tiến hành khẩn trương trong đêm 25 tháng 10 năm 1961. Sáng ngày 26 tháng 10 năm 1961 tiếng súng đánh địch trong tứ thôn Đại Điền vẫn tiếp tục nổ, để câu nhử địch. Đến 10 giờ 26 tháng 10 một đoàn xe bảy chiếc, trong đó có ba chiếc thiết giáp đi tiếp viện, đã lọt vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn 120, các bộ

phận phục kích của ta bất ngờ xuất kích đánh địch. Nhưng do ta không lường hết được khả năng của địch, nên bị gay go phức tạp ngay từ đầu. Đại đội 2, bộ phận chặn đầu do thiếu úy Lữ Ngộ (Lam Đông), Đại đội phó và thượng úy Trần Văn Nguyên, Chính trị viên chỉ huy, vì thiếu thông tin không quan sát được địch, nên xuất kích chậm. Tổ đối diện của Đại đội 2 do đồng chí Nãi chỉ huy, đã chiến đấu ngoan cường, nhưng lực lượng ít, nên chỉ vận động chiếm được một góc của cứ điểm Cẩm Sơn, không đủ sức ngăn chặn địch. Đại bộ phận còn lại của tiểu đoàn phải vận động khá xa, phơi mình trên cánh đồng rộng, hỏa lực chế áp ít, vì ta chỉ có trung liên, tiểu liên Tul và súng trường. Do vậy mà địch có thời gian co cụm và chiếm giữ cứ điểm Cẩm Sơn, chống cự ta quyết liệt. Trước tình huống này, thiếu tá Chúng và Chính trị viên Thành (Nhân) đã cho liên lạc vượt qua làn hỏa lực địch, truyền lệnh cho Đại đội 2, chỉ để lại một bộ phận nhỏ chặn đầu kiềm chế địch, đại bộ phận còn lại nhanh chóng vận động vòng qua phía tây bắc đánh xuống cứ điểm. Bộ phận khóa đuôi – Đại đội 3 do trung úy Khuê (Du) đại đội trưởng và thượng úy Long (Cần) Chính trị viên chỉ huy, sau khi cắt địch đã để lại một trung đội làm dự bị cho trận đánh, còn đại bộ phận vận động phát triển xuống ấp Lễ Thạnh. Bộ phận phục kích chủ yếu gồm Đại đội 4 do thượng úy Lê Thượng Cầu làm Đại đội trưởng và thượng úy Nhánh Chính trị viên chỉ huy, đã dùng hỏa lực trung liên kiềm chế và chia thành 2 mũi phát triển đánh vào chính diện đội hình địch. Đại đội 1 do thượng úy Đỗ Sĩ Quý làm đại đội trưởng và trung úy Châu làm Chính trị viên chỉ huy, sau khi xuất kích, đã

vận động qua đường, vòng từ phía bờ sông, cùng với tổ đối diện đánh vào bên sườn, phía sau lưng địch. Từ trận phục kích vận động, biến thành trận đánh cứ điểm, tiểu đoàn trưởng Trần Văn Chúng một lần nữa phải tổ chức chỉ huy hiệp đồng các cánh, mũi liên tục đột phá vào điểm tựa phòng ngự giữa ban ngày, những loạt bắn điểm ngắn chính xác của các xạ thủ trung liên, đã làm cho những tên lính địch trong xe bọc thép và các lô cốt trong cứ điểm không dám ngóc đầu dậy, tạo điều kiện thuận lợi cho các mũi đột kích lao lên đánh lựu đạn, thủ pháo vào xe thiết giáp và lô cốt địch. Các chiến sĩ công kiên Tiểu đoàn 365/803 năm xưa, đã phát huy lối đánh kết hợp hỏa lực, xung lực, bộc phá, lần lượt diệt hết mục tiêu này, đến mục tiêu khác. Trận đánh kéo dài 3 giờ liền mới dứt điểm, ta làm chủ chiến trường, bắt tù binh, thu vũ khí, giải quyết thương binh liệt sĩ. Những xác lính thiết giáp, bảo an nằm la liệt, hầu hết đều bị đạn bắn xuyên qua đầu, đó là kết quả của những năm tháng dày công luyện tập của bộ đội ta trên thao trường miền Bắc. Ta tiêu diệt một đại đội bảo an, một chi đội xe thiết giáp, một trung đội dân vệ, đánh thiệt hại và làm tan rã hai trung đội dân vệ khác, loại khỏi vòng chiến đấu trên 150 tên, trong đó có quận trưởng và chỉ trưởng cảnh sát quận Diên Khánh, bắt 15 tên, phá hủy bảy xe quân sự có ba xe bọc thép, thu 50 súng có hai đại liên, sáu trung liên. Ta hy sinh bảy, bị thương 15 đồng chí.

Thắng lợi của trận đánh Cẩm Sơn có tác động lớn, những tên địch sống sót trên đường tháo chạy về hậu cứ, đã loan tin thất trận và phán đoán “quân Việt cộng” sắp tràn xuống thành Nha Trang, đã làm cho bọn quan chức

tỉnh, quận hoảng hốt báo động và kêu cứu, vì chi đội thiết giáp và đơn vị bảo an, lực lượng nòng cốt trong tỉnh của địch đã bị tiêu diệt. Các sắc lính khác như dân vệ, cảnh sát, công dân vụ cùng với hội tề bỏ nhiệm sở chạy trốn. Các cuộc trưng bày kỷ niệm ngày Ngô Đình Diệm chấp chính bị bỏ dỡ, không thực hiện được. Mãi đến 14 giờ cùng ngày, một máy bay L19 (đầm già) dất hai B26 từ hướng nam ra chi viện, nhưng chỉ ném mấy quả bom và bắn phá xuống khu vực tây Cẩm Sơn rồi bay về và đến ngày 27 tháng 10 năm 1961 lính cộng hòa (chủ lực) nguy mới đến, nhưng bộ đội ta sau trận đánh đã thu chiến lợi phẩm và rút quân an toàn từ trước.

Nhân dân trong vùng có dịp tận mắt chứng kiến trận đánh thắng lợi của bộ đội ta, rất khâm phục hả dạ và đồn lên rằng: “Chủ lực thời đánh Pháp đã trở về, Tiểu đoàn 365 của Hà Vi Tùng mới đánh được như vậy...”. Rõ ràng những chiến công và truyền thống đánh thắng của Tiểu đoàn 365 thời đánh Pháp, đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng nhân dân Khánh Hòa.

Tác động lớn lao của trận Cẩm Sơn đã làm tê liệt và tan rã bộ máy tề vệ kèm kẹp của địch ở nhiều xã, ấp trên một vùng rộng lớn từ Đại Điền, Diên Khánh vào đến Suối Dầu. Các đội vũ trang công tác của ta đến vài tháng sau vẫn ra vào ấp dễ dàng. Khí thế thắng lợi trên trong những tháng cuối năm 1961 tiếp tục được phát huy, đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở địa phương.

Sau trận Cẩm Sơn, Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 lo chuyển thương binh và những chiến lợi phẩm thu được

về căn cứ Xóm Cỏ, để củng cố đơn vị, học tập quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, chuẩn bị cho đợt hoạt động trên địa bàn mới đã được cấp trên quyết định từ trước, đó là vùng Thuận Bắc, Ninh Thuận.

Đến tháng 11 năm 1961 Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 bắt đầu hành quân về lại sông Trương (xã Phước Bình, Bác Ái Tây) vốn là vùng căn cứ, trại sản xuất của tiểu đoàn nằm trên trục hành lang Bắc – Nam phía tây Khánh Hòa, Ninh Thuận; nơi đây cùng với rẫy sản xuất của bộ đội, có rất nhiều rẫy sản xuất của đồng bào dân tộc trồng бат ngàn khoai mì (sắn), bắp, bí, đu đủ và nhiều loại rau màu khác, có cả gia súc và gia cầm. Do bộ đội ta làm công tác dân vận tốt, nên đồng bào tự đặt tên rẫy của mình là “rẫy Tiểu đoàn 120”. Điều ấy nói lên tình nghĩa quân dân thắm thiết, một căn cứ địa lòng dân vững chắc, đó là nhân tố cơ bản bảo đảm thắng lợi cho một cuộc chiến tranh nhân dân.

Bộ phận đi đầu của Tiểu đoàn vừa đến vị trí qui định, thì có tin địch càn từ hướng Krong Pha, đường 11 vào căn cứ Sông Trương, trong lúc đại bộ phận tiểu đoàn còn chuyển thương và chiến lợi phẩm chưa về kịp, trong tình hình khẩn cấp ấy, Tiểu đoàn trưởng Chúng (Hải) và Chính trị viên Thành (Nhân) đã sử dụng lực lượng hiện có, tỏa đi các hướng phối hợp cùng lực lượng địa phương chống càn. Sáng ngày 2 tháng 11 năm 1961 Trung đội 1 của Đại đội 2 do thiếu úy Nguyễn Xuân Bằng đại đội phó chỉ huy và đại úy Hoàng Trọng Đàm chính trị viên phó tiểu đoàn đi với trung đội này đã cho nổ súng quyết liệt chặn đánh một đại đội thám kích của địch ở Láng Gai, sát bờ tây sông Trương cách nơi trú quân cơ bản của tiểu

đoàn chừng một ki-lô-mét. Trận đánh diễn ra từ sáng đến xế chiều, các chiến sĩ Trung đội 1 đã chiến đấu rất ngoan cường, đánh lui tất cả các đợt xung phong của địch và các đồng chí Nguyễn Xuân Bằng, Hoàng Trọng Đàm... đã anh dũng hy sinh. Cùng lúc đó Đại đội 1 và Đại đội 3 bố trí đón đánh địch trên hai hướng: ngã ba sông Trương, sông Tô Hạp và Dốc đá cách đó không xa mà không chi viện, vì tiểu đoàn phân tán bộ đội kiểu đánh du kích, không nắm được lực lượng, thiếu tổ chức chỉ huy và hiệp đồng chiến đấu đúng bài bản của một trận đánh, gây ra tổn thất, đó là một thiếu sót đáng tiếc. Tuy có tổn thất, nhưng ta cũng đã tiêu hao và ngăn chặn, buộc địch phải rút lui trong ngày bảo vệ được sản xuất vụ mùa của đơn vị và của đồng bào vùng căn cứ sông Trương, Bắc Ái Tây, Ninh Thuận.

Sau trận đánh Láng Gai, do phải để lại người lo thu hoạch vụ mùa, bảo vệ sản xuất và chăm sóc anh em thương binh, nên quân số của tiểu đoàn đi hoạt động ở bắc Ninh Thuận chỉ được trên một nửa đơn vị.

Tình hình Ninh Thuận trong những tháng cuối năm 1961 có những bước phát triển mới, ở vùng Thuận Nam, Đại đội Ninh Thuận của thượng úy Bảy, đại đội trưởng và thượng úy Lân, chính trị viên từ lúc ở miền Bắc về đến nay đã phát huy tác dụng tốt, tỏ rõ là “đại đội độc lập” thuộc tỉnh, đánh được một số trận tập trung cấp đại đội, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, cùng với địa phương mở ra nhiều ấp, xã, đặc biệt trận Sơn Hải tháng 9 năm 1961 đánh diệt bọn giữ ấp, bố trí đánh quân ứng viện tại đèo Sơn Hải và đánh lui nhiều đợt phản kích của địch vào vùng núi Chà Bang...

Phía Thuận Bắc, sau các trận đánh cải trang táo bạo vào Phương Cựu, Mỹ Tường, cùng với hoạt động vũ trang công tác của lực lượng ta trong năm 1961 khá mạnh, nên không những vùng CK7 cũ, mà các vùng Vĩnh Hy, Thái An, Mỹ Hòa, Xóm Bằng ven biển cũng được mở ra.

Ý định của Tỉnh ủy Ninh Thuận và Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 trong đợt hoạt động này là: đánh tiêu diệt địch ở Mỹ Tường, Khánh Hội và sau đó tiếp tục đánh giải phóng các ấp, xã còn lại vùng ven biển Thuận Bắc.

Trận đánh Mỹ Tường diễn ra giữa ban ngày, chính trị viên Bùi Đức Thành (Nhân) và tiểu đoàn phó Vũ Tấn Hát người chỉ huy trận đánh, có kinh nghiệm trong các lần hoạt động trước, đã sử dụng đại bộ phận lực lượng ém lút trong đêm, đợi đến sáng hôm sau bọn tề vệ tập trung đông đủ trước trụ sở xã (vì trong đêm bọn chúng về nhà riêng, phân tán trong dân hoặc chia nhau đi canh gác các hướng...) ta chủ động bất ngờ vận động bao vây, tiêu diệt bất sống bọn này và dùng một tiểu đội của Đại đội 4 chặn ở đèo Khách Nhơn cách Mỹ Tường chừng 1.500m. Đúng như dự kiến của ta, sáng ra bọn tề vệ tập trung như thường lệ, bộ đội ta nổ súng mãnh liệt nhanh chóng tiêu diệt địch, đến 10 giờ cùng ngày thì bộ phận chặn viện cũng nổ súng dữ dội, có cả tiếng súng trung liên và cối. Biết là có lực lượng lớn của địch tiếp viện, tiểu đoàn phó Vũ Tấn Hát, để Đại đội 2 và Đại đội 4 ở lại Mỹ Tường tiếp tục truy quét địch và thu dọn chiến trường, còn Đại đội 1 và Đại đội 3 nhanh chóng vận động lên đèo Khách Nhơn, để cùng bộ phận chặn viện

đánh địch.

Địa hình khu vực đèo Khánh Nhơn rừng thưa và đồi thấp, rất lý tưởng cho một trận phục kích vận động. Nhưng vì bộ phận chặn viện của Đại đội 4 quá ít, không thể lợi dụng địa hình bố trí trận địa phục kích bài bản được, nên chỉ chốt chặn đánh vỗ mặt địch. Khi bộ phận đi đầu của địch đến gần, bộ phận chặn viện đã nổ súng chính xác vào đội hình địch, nhưng phía sau địch triển khai chiếm lĩnh được địa hình có lợi hai bên đường và tổ chức từng đợt đánh vào trận địa chặn viện của ta. Trước tình hình ấy, bộ phận tiếp ứng gồm Đại đội 1 và Đại đội 3, phải nhanh chóng vòng lên triển khai đánh địch từ đó đánh xuống. Nhưng địch đã chiếm giữ các ngọn đồi phía bên kia đường ngăn chặn ta quyết liệt. Tuy gặp khó khăn, nhưng các xạ thủ trung liên và súng trường tài giỏi của ta ở trên đồi cao, bắn chính xác vào đội hình địch, buộc chúng phải lùi lại. Trận đánh giằng co kéo dài, khó dứt điểm, tiểu đoàn phó Vũ Tấn Hạt đã cho bộ đội rút về phía Hòn Bò và địch đã tiến vào giải tỏa được áp. Đêm đến lực lượng ta lại tràn vào áp và cứ như thế, lâu ngày trở thành lệ “ngày địch kiểm soát, đêm ta làm chủ”.

Hồi đó vấn đề đánh điểm, diệt viện bằng lực lượng tập trung có đặt ra để thảo luận. Vì Tiểu đoàn 120 Quân khu 6 có khả năng làm được việc ấy: tiểu đoàn có đến hai súng ĐKZ 57mm, đánh điểm, diệt viện lại là sở trường của mình. Nhưng có nhiều ý kiến cho rằng: chỉ cần đánh nhỏ lẻ, diệt tề ác là có thể giải quyết được vấn đề, không cho bộ đội đánh bằng súng lớn, sợ làm cộm tình hình, địch sẽ tập trung đối phó, gây phức tạp thêm.

Do quan niệm như vậy, nên suốt hai tháng cuối năm 1961 và đầu năm 1962, Tiểu đoàn 120 Quân khu 6 và lực lượng vũ trang địa phương vẫn phải tiếp tục hoạt động theo phương thức nhỏ lẻ, phân tán để hỗ trợ cho các đội vũ trang công tác. Đồng chí Bảy Tâm, bí thư Thuận Bắc, người chỉ đạo đợt hoạt động rất tâm đắc với phương thức này, đem đến anh và các đội vũ trang công tác cùng đi với bộ phận của tiểu đoàn đột nhập vào các ấp, tập hợp quần chúng, tổ chức các cuộc mít tinh tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của cách mạng, phát động nhân dân căm thù địch, bắt tề ác đánh đòn hạ uy thế địch trước quần chúng, móc ráp xây dựng cơ sở, nhận tiếp tế lương thực, thực phẩm... và vận động thanh niên thoát ly gia đình, nhập ngũ theo cách mạng. Nhưng với phương thức hoạt động “ngày địch đêm ta” cứ mãi như vậy, dù quần chúng có giác ngộ yêu nước đến mấy, cũng không dám công khai ủng hộ hoặc thoát ly nhập ngũ, vì sợ địch biết sẽ trả thù gia đình, làm khó dễ cho người thân, hoặc bị bắt bớ, tù đày. Có lần đơn vị vào ấp Phương Cựu, sau khi đánh địch làm chủ ấp, bọn tề vệ chạy trốn, thanh niên trong ấp cũng vậy, trong đó có thanh niên Sáng chạy trốn lần đầu do núp dưới giếng nên Sáng không nghe thấy gì được, lần sau anh leo lên cây khế trốn để tiện bề xem xét, khi bộ đội ta vào ấp bố trí một tổ trung liên cảnh giới ngay gốc khế, thượng sĩ Phát, người chỉ huy bộ phận này, phàn nàn với anh em: “Làng Phương Cựu đông dân có truyền thống cách mạng, nhưng không tìm thấy một thanh niên nào thì làm sao vận động được thanh niên vào bộ đội”. Sáng hiểu ý, anh quyết định đi theo bộ đội. Đêm ấy tại gốc khế, anh Sáng

mời thượng sĩ Phát vào nhà, người mẹ anh tiếp thượng sĩ Phát với giọng nói thì thầm cảm động: “Làm trai phải trả nợ nước, xin gửi đứa con trai của tôi cho bộ đội cách mạng và nhờ các anh giúp đỡ nó nên người, sau khi các anh ra khỏi ấp cho phép tôi la lớn là Việt Cộng bắt con tôi, để bọn hội tề không gây khó dễ cho gia đình”. Và từ ấy Sáng lấy tên là Ngời để khi ra vào ấp gọi tên không bị lộ. Về sau Sáng-Ngời là trinh sát của tiểu đoàn và là đại đội phó đại đội 1/840 chiến đấu dũng cảm và mưu trí.

Tuy kết quả hoạt động không cân xứng với sức mạnh vốn có của mình nhưng ta đã làm rõ được nhiều bộ máy kềm kẹp của địch ở vùng Thuận Bắc, lấy được 2 trung đội tân binh, bổ sung vào lực lượng huyện và tiểu đoàn, đặc biệt là đưa được nhiều đợt đồng bào Bác Ái xuống cánh đồng Phương Cự để lấy muối, một món hàng chiến lược mà cả lực lượng ta và đồng bào miền núi hằng mong ước. Từ đây cảnh lụt muối không còn nữa, tình cảm quân dân ngày càng thêm gắn bó mặn mà. Thực hiện kế hoạch Stalay – Taylor bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, địch bắt đầu dồn dân lập ấp chiến lược trên toàn miền. Ở Khu 6, vùng tây bắc Gia Rich, ranh giới giữa Tuyên Đức – Đắk Lắk – Khánh Hòa, đồng bào dân tộc bị địch hù dọa cưỡng ép bỏ nhà cửa, ruộng rẫy ra đi, tập trung về nơi qui định. Nhưng vùng đồng bằng ven biển Khánh Hòa, Ninh Thuận những tháng đầu 1962 vẫn còn yên tĩnh, địch chưa có triển khai đối phó gì lớn, bộ máy kềm kẹp, tề vệ xã ấp nhiều nơi còn trốn tránh, nhiệm sở bị bỏ trống. Lực lượng vũ trang của ta chỉ có Đại đội 3 (thiếu), quân số

dưới 40 người nhưng đã phát triển chiến đấu từ phía Ba Ngòi đến Diên Khánh không gặp khó khăn gì lớn.

Ngày 15 tháng 2 năm 1962, Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 cùng lực lượng địa phương Khánh Hòa chặn đoàn tàu lửa cách nam ga Hòa Tân gần 3km, để với danh nghĩa Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam thu mua lương thực, đây là một cách giải quyết lương thực mà các lực lượng ta ở địa phương thường làm lúc bấy giờ. Nhưng do công tác chuẩn bị điều tra nắm tình hình của ta không tốt, nên việc tháo ốc bù loong buộc dây kéo đường ray để buộc tàu dừng lại không phù hợp⁽¹⁾. Khi đoàn tàu suốt Sài Gòn – Nha Trang có vận tốc nhanh làm bánh đoàn tàu trật đường ray đổ cả đầu máy và bảy toa xe, làm nhiều hành khách bị thương. Để kịp thời cứu chữa cho đồng bào, chính trị viên Bùi Đức Thành và tiểu đoàn phó Vũ Tấn Hạng người chỉ huy trận đánh, đã điều đội phẫu đến, thiết lập ngay tại chỗ 1 trạm phẫu dã chiến để băng bó cứu chữa cho đồng bào và một cuộc mít tinh do đồng chí Tư Gương (Giang Nam) Tuyên huấn Tỉnh ủy Khánh Hòa đứng ra giải thích chương trình của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và xin lỗi bà con về việc làm trên, được đông đảo đồng bào nhiệt liệt vỗ tay hoan hô ủng hộ, những người bị thương cũng cảm ơn bộ đội Giải phóng, “Bộ đội Cụ Hồ” đã tận tình cứu chữa cho mình, đồng bào đã phát biểu bày tỏ khát vọng độc lập tự do cho dân tộc, cho nhân dân và mong muốn chương trình của Mặt trận thực hiện thắng lợi.

(1) Ý định ban đầu đánh đoàn tàu quân sự.

Nhờ việc chặn đánh đoàn tàu lửa ấy, mà ta đã giải quyết được một số lớn lương thực như: gạo, đường, sữa... hàng trăm dân công và du kích vùng căn cứ được huy động từ trước, liên tục chuyển tải vào rừng, cách đoàn tàu chừng hơn 500 mét và sau đó tổ chức từng cung đoạn, chuyển tải suốt mấy ngày liền đưa về căn cứ. Tình hình đổ tàu thiệt hại như vậy, nhưng địch chẳng có phản ứng nào đáng kể, ngoài việc đại đội bảo an trưa ngày hôm sau đến canh gác, bảo vệ cho việc sửa chữa đoàn tàu để kéo về ga.

Sau đợt giải quyết lương thực trên, chủ trương của Quân khu là: Tiểu đoàn 120 Quân khu 6 phân tán từng đại đội hoạt động trên một địa bàn khá rộng, hai Đại đội 1 và 4 được điều lên Gia Rích phía bắc Tuyên Đức chống địch dồn dân, lập ấp chiến lược, Đại đội 2 trở lại tiếp tục hoạt động vùng Thuận Bắc, Ninh Thuận, Đại đội 3 ở lại bảo vệ việc vận chuyển lương thực và sau đó phát triển chiến đấu xuống vùng Thủy Triều, Bãi Giếng (Cam Lâm), Suối Dầu, Nghiệp Thành (Diên Khánh).

Sau ba ngày bảo vệ chuyển tải lương thực xong, ngày 18 tháng 2 năm 1962 Đại đội 3 đã tổ chức luân sâu giữa ban ngày, đánh diệt một trung đội dân vệ làm chủ ấp Thủy Triều và phục kích đánh địch tại sườn nam núi Cầu Hin. Trận đánh vào ấp và phục kích trên tuy không lớn, nhưng đã gây chấn động, địch đã điều lực lượng bảo an của quận và của tỉnh ứng cứu, chặn đường rút của ta ở phía Cầu Hin, nhưng ta không rút về hướng đó, trung úy Khuê đại đội trưởng, thượng úy Long (Cần) chính trị viên, cùng với trung úy Lai (Lực) tác huấn của Tiểu đoàn quyết định tổ chức cho bộ đội vượt đầm Thủy Triều sang

Bãi Giếng phục kích đánh địch trên đường số 1 và 3 ngày sau lại đột nhập phá công trường thủy quân lục chiến, cách Ba Ngòi 6 ki-lô-mét về phía bắc. Tiếp theo Đại đội 3 cùng lực lượng địa phương đột nhập từ phía Ba Ngòi, Cửu Lợi, Hòa Tân (trên trục đường số 1) qua đến Cầu Hin, Thủy Triều, phía đông đầm Thủy Triều (Vịnh Cam Ranh), những hoạt động với nhịp độ dày và có kết quả trên, chẳng những do địch sơ hở mỏng yếu, mà còn do Đại đội 3 có cách đánh tốt, lại có nhiều anh em người địa phương am hiểu địa hình, nắm quy luật hoạt động địch khá chắc, được bà con thôn xóm che chở ủng hộ, trong đó có trung úy Lai (Lực), chuẩn úy Lâm, thượng sĩ Huỳnh Thanh Châu người Thủy Triều, Cửu Lợi, Ba Ngòi là những trinh sát đặc công trong thời đánh Pháp, sau những năm tập kết ra Bắc học tập, nay trở về chiến đấu trên quê nhà, hình như tình cảm quê hương có sức mạnh kỳ diệu nâng bước cho các anh. Thượng sỹ Châu trực tiếp bắn trung liên 24-29 cùng với trung sỹ Thanh chỉ huy một tiểu đội chặn đánh một đại đội địch tại sườn nam Cầu Hin suốt ngày, buộc địch phải dạt xuống mé nước đầm Thủy Triều và thượng sỹ Châu đã anh dũng hy sinh trong trận này, trung úy Lực thường lãnh phần chỉ huy từ một đến hai tổ trinh sát tinh nhuệ, trang bị bén, bản thân anh mang một súng ngắn K54, một tiểu liên Thom-son, sáu lựu đạn, thủ pháo, anh rất mạo hiểm, táo bạo, tinh thông về kỹ thuật, chiến thuật phân đội nhỏ, lúc thì mò đánh đêm kiểu đặc công, lúc thì cải trang địch đi lùng hoặc dân đi làm vườn, đánh cá tận dụng mọi yếu tố bất ngờ để đánh địch giữa ban ngày. Lần này anh làm trinh sát dẫn đường, đưa lực lượng vào áp đánh

địch và vận động bà con cho mượn ghe thuyền chuyên chở bộ đội qua đầm, nhờ vậy mà chiến sự vùng Thủy Tiên, Cừ Lợi sôi động hẳn lên và tên tuổi trung úy Trương Tấn Lai (Lực) gắn liền với vùng đất này (về sau trung úy Lai là đại đội trưởng Đại đội 1/840 và anh đã hy sinh trong trận chống càn ở Di Duk, nam Đắc Lắc ngày 4 tháng 10 năm 1963).

Giữa tháng 03 năm 1962 Đại đội 3 chuyển dần ra hoạt động từ Suối Dầu đến Đại Điền – Diên Khánh, nhưng vẫn để lại một tiểu đội người địa phương do chuẩn úy Lâm chỉ huy, tiếp tục hoạt động xây dựng cơ sở, mở phong trào. Về sau, số anh em này trở thành đội vũ trang công tác, cán bộ xã, huyện của tỉnh Khánh Hòa.

Ở Diên Khánh, do trận Cẩm Sơn ngày 26 tháng 10 năm 1961 còn tác động mạnh, nên tình hình có nhiều thuận lợi, bọn tề vệ thấy bóng dáng lực lượng ta với bộ quân phục màu xanh lá cây, vác trung liên là chúng tháo chạy. Vì chúng cho đó là bộ đội chính quy “Bắc Việt”, bộ đội đánh Cẩm Sơn. Do đó mà các đội vũ trang của ta, lợi dụng tâm lý sợ hãi này, ăn mặc theo kiểu ấy để dễ bề uy hiếp tinh thần địch. Tuy địch khiếp sợ như vậy, nhưng đại đội cũng phải khéo giấu lực lượng, áp dụng lối ém lút trong đêm chờ sáng, trưa, hoặc chiều khi địch tập trung sẽ đánh hoặc cho một bộ phận nhỏ luồn sâu chốt chặn, rồi vận động bao vây đánh địch. Nhờ vậy mà đại đội đã đánh được một số trung đội dân vệ ở Suối Dầu, Tân Phú, Suối Tre, Hiệp Thành, Thanh Minh, Đại Điền, ép địch vào sát quận Diên Khánh. Những tháng đầu năm 1962 vùng này vẫn tiếp tục được mở ra, các đội vũ trang công

tác ra vào ấp dễ dàng, không những ban đêm mà cả ban ngày nữa. Ở vùng Thuận Bắc, Ninh Thuận cũng vậy, lực lượng ta chỉ có Đại đội 2 (thiếu) do thiếu úy Lữ Lam Đông đại đội phó và thượng úy Trần Văn Nguyễn chính trị viên chỉ huy cùng với non một trung đội địa phương đã liên tục đánh địch, mở ra nhiều vùng như đột ấp Mỹ Nhơn, An Xuân, đánh tan rã hai trung đội dân vệ phá rã kèm vùng này. Sau đó hành quân vượt qua cánh đồng Cà Rài xuống vùng ven biển cùng với đội công tác vào các ấp Vĩnh Hy, Thái An, Mỹ Hòa tuyên truyền giáo dục quần chúng xây dựng phong trào, tổ chức chống địch càn quét ở Hòn Dồ (Thái An) bẻ gãy cuộc càn quét có không quân yểm trợ. Tiếp theo đột vào ấp Phương Cựu và ấp Tri Thủy (quê tổng thống Nguyễn Văn Thiệu) đánh tan rã hai trung đội dân vệ, hỗ trợ cho đội công tác diệt một tên tề ác, sau đó tổ chức tiến công tiêu diệt trung đội dân vệ ở Xóm Bằng thu 11 súng, làm lỏng rã kèm các ấp trên, tạo điều kiện thuận lợi giúp địa phương xây dựng đẩy mạnh phong trào cách mạng.

Đến tháng 04 năm 1962, các Đại đội 2 và 3 được lệnh chấm dứt đột hoạt động hỗ trợ địa phương để về lại căn cứ tham gia sản xuất cho kịp vụ mùa.

Bước vào mùa mưa 1962, ý định của tiểu đoàn trưởng 120/Quân khu 6 là sử dụng đại đội đặc công đánh cứ điểm cấp trung đội ở Suối Chinh (Km 13 – đường 21 bắc Khánh Hòa) và đại bộ phận tiểu đoàn phục đánh viện Ninh Hòa, Nha Trang. Nhưng do tình hình địch càn vào vùng căn cứ Bác Ái (Ninh Thuận) để mở lại con đường Ba Ngòi qua vùng Tà Lú, Ma Ty và đóng cứ điểm dã chiến cấp đại đội ở Suối Rua trên trục đường này, nên

Bộ Tư lệnh Quân khu 6 điều tiểu đoàn vào lại phía nam đánh địch càn quét và tiếp tục đẩy mạnh hoạt động phía bắc, tây bắc Ninh Thuận. Chấp hành mệnh lệnh của Quân khu, Tiểu đoàn hành quân vào Ninh Thuận, nhưng vẫn để lại đặc công và một trung đội bộ binh đánh cứ điểm Suối Chình, trận đánh do thượng úy Đỗ Sĩ Quý đại đội trưởng Đại đội 1 và thiếu úy Phú đại đội phó đại đội đặc công chỉ huy, do công tác chuẩn bị tốt nên diễn biến trận đánh khá thuận lợi, chỉ sau 25 phút chiến đấu ta tiêu diệt cứ điểm này, thu toàn bộ vũ khí và sau đó hành quân về lại căn cứ của Tiểu đoàn ở xóm Cỏ, Sông Tô Hạp. Trận đánh thành công, nhưng do không có lực lượng chiến đấu phát huy thắng lợi, nên việc tác động đến phong trào cách mạng ở địa phương chẳng được là bao, mặc dầu vùng bắc Khánh Hòa có cơ sở của ta khá mạnh. Bộ máy tề vệ kìm kẹp của địch vẫn phát huy tác dụng.

Ngày 7 tháng 7 năm 1962 Tiểu đoàn 120 Quân khu 6 đánh cứ điểm dã chiến Suối Rua. Từ khi địch càn quét và xây dựng cứ điểm này, du kích Bắc Ái Đông đã bám đánh địch liên tục, nhờ vậy mà trinh sát đặc công của tiểu đoàn có điều kiện thuận lợi chuẩn bị trận đánh khá nhanh và tốt. Cứ điểm hành quân Suối Rua nằm trên một ngọn đồi khổng lồ chế vùng Tà Lú, Ma Ty, bảo vệ con đường từ Ba Ngòi cắt ngang qua Bắc Ái Đông và Bắc Ái Tây, đến Krong Pha giáp đường 11, hàng ngày địch bắt trên 100 dân vùng Ba Ngòi và Mỹ Tường (Ninh Thuận) lên làm đường. Trận đánh do thiếu tá Chúng tiểu đoàn trưởng và chính trị viên Thành (Nhân) chỉ huy, đã sử dụng đại đội đặc công và một đại đội bộ binh đánh cứ

điểm, hai đại đội còn lại đón lỏng và phục kích đánh viện từ Ba Ngòi lên. Diễn biến trận đánh nhanh gọn, ba mũi đặc công mò tiếp cận sát địch, bất ngờ nổ súng, bộc phá, thủ pháo dồn dập dẫm lên đội hình, làm địch không kịp đối phó, chỉ sau 30 phút chiến đấu, bộ đội ta đã tiêu diệt gọn đại đội bảo an trong cứ điểm, rồi tiếp tục truy kích địch và bộ phận đón lỏng chặn viện cũng đã đánh thiệt hại nặng đại đội biệt kích địch. Ta hoàn toàn làm chủ vùng này.

Cuối tháng 7 năm 1962, cán bộ tiểu đoàn có sự thay đổi: đồng chí thiếu tá Trần Văn Chúng được quân khu điều về làm tham mưu trưởng Tỉnh đội Khánh Hòa, đồng chí thiếu tá Nguyễn Ấn được quân khu bổ sung về làm chính trị viên, đồng chí Bùi Đức Thành làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Lê Xuân Bính (Hong Biên) từ Khánh Hòa về làm tiểu đoàn phó.

Tháng 8 năm 1962 Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 trở lại tiếp tục hoạt động vùng bắc Ninh Thuận, lần này Tiểu đoàn đứng chân vùng căn cứ Bác Ái Đông. Chủ trương của tỉnh ủy Ninh Thuận và của Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 là phá các ấp Đồng Mè, Tân Mỹ trên đường số 11 và Bà Râu trên đường số 1, đồng thời sử dụng một bộ phận thọc sâu vào Dư Khánh vũ trang diệt ác, từng lúc đưa lực lượng qua đường số 1 hoạt động ở vùng Mỹ Tường, Phương Cựu... nhưng tình hình vùng bắc Ninh Thuận không còn như hồi cuối năm 1961 và đầu năm 1962 nữa, kế hoạch Stalay – Taylor mà trọng tâm là quốc sách ấp chiến lược ở đây đang xúc tiến mạnh, bộ máy kèm được lập lại và củng cố ở nhiều ấp xã, địch ra sức dồn dân rào làng, rào ấp, rào nhà kiểm

soát rất chặt chẽ, lòng sức bố ráp bắt thanh niên vào lính, lực lượng dân vệ và bảo an tăng vọt lên, nhiều cứ điểm cấp trung đội, đại đội trải dài trên các trục đường số 11, số 1 và các ấp, xã mới mọc lên. Hàng ngày địch tung lực lượng bung ra càn quét vùng ta, vì vậy mà hoạt động của tiểu đoàn và lực lượng địa phương đã gặp không ít khó khăn, thượng úy Bính (Biên) Tiểu đoàn phó, thiếu tá Nguyễn Ấn chính trị viên cùng với Tiểu đoàn trưởng Thành (Nhân) người có kinh nghiệm đột ấp, xây dựng cơ sở mở phong trào, chỉ huy đợt hoạt động này, phải xoay sở trong trận phá ấp Đồng Mé, Tân Mỹ ngày 25 tháng 08 năm 1962 nhưng vẫn không thành công. Việc phá ấp khó khăn như vậy là do ta bị bất ngờ trong việc dồn dân lập ấp chiến lược quá nhanh, không nắm vững cấu tạo và quy luật của địch, nên không có cách đánh phù hợp, nhất là giữa phá ấp và đánh điểm không rõ rệt. Tuy nhiên qua rút tỉa kinh nghiệm, ta đã tổ chức phá đi, phá lại làm lỏng kèm một số ấp và thọc sâu diệt tề ác vào ấp Dư Khánh khá tốt.

Sau hơn một tháng quần nhau với địch phá ấp chiến lược trên trục đường 11, Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 về lại vị trí đứng chân vùng căn cứ Bắc Ái Đông, để củng cố và chuẩn bị cho đợt hoạt động tiếp theo ở phía đông đường số 1. Ngày 24 tháng 09 năm 1962 địch lại tung ra một lực lượng tương đối lớn, có không quân và pháo binh yểm trợ, mở cuộc càn quét đánh phá ác liệt vào căn cứ Bắc Ái Đông. Ngay từ đầu cuộc càn, Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 đã phân tán một bộ phận lực lượng phối hợp với du kích Bắc Ái phục kích chặn đánh địch trên các hướng. Những bãi chông, bẫy đá cùng với những tay

súng bắn tỉa tài giỏi của du kích đã bao lần làm thất bại các cuộc càn đồn dân lập ấp chiến lược trước đây của địch, thì nay lại có thêm lực lượng của Tiểu đoàn 120 đã buộc địch tiến quân chậm chạp, mệt mỏi, suốt trong 3 ngày, các trận địa phục kích, đón đường và nút chặn của các phân đội nhỏ Tiểu đoàn 120, phối hợp với du kích đánh thiệt hại nhiều tiểu đội, trung đội đi đầu của địch. Tuy vậy, đến ngày thứ ba, cánh quân ở hướng chủ yếu của địch đã đột phá lên được đồi thông, giữa căn cứ Bắc Ái Đông đóng quân dã ngoại. Được tin địch đang co cụm ngày 26 tháng 09 năm 1962 Tiểu đoàn trưởng Bùi Đức Thành (Nhân) người chỉ huy trận đánh đã nhanh chóng hạ quyết tâm tập trung lực lượng, vận động tập kích vào cụm địch. Do có dự kiến và chuẩn bị từ trước, nắm vững thời cơ khi địch đứng chân chưa vững, nên trận đánh diễn ra khá thuận lợi, chỉ trong 35 phút chiến đấu địch vội vã tháo chạy, gặp Đại đội 2/120 chặn đường tiếp tục đánh làm thiệt hại nặng cánh quân này, giải thoát được thiếu úy Thắng huyện đội trưởng Bắc Ái Đông bị địch bắn bị thương và bắt trên đường đi công tác. Trận đánh quyết định vào cánh quân chủ yếu của địch thắng lợi, cùng với nhiều trận đánh phân đội nhỏ khác, buộc địch đến ngày thứ tư phải chấm dứt cuộc càn, nhiều máy bay trực thăng nối đuôi nhau hồi hải chở lính bị thương và chết từ Bắc Ái về Phan Rang làm xôn xao dư luận, tác động xấu đến việc càn quét, đồn dân lập ấp chiến lược của địch. Nhân dân Phan Rang và vùng bắc Ninh Thuận truyền tin nhau khen ngợi bộ đội ta đánh giỏi, nhân dân vùng căn cứ Bắc Ái mở hội mừng chiến thắng, các thứ rượu ngon, quả ngọt được đồng bào dân tộc mang đến

ùng hộ bộ đội “thằng Nhân” – một tiếng gọi thân thương của đồng bào, vì anh Thành Nhân⁽¹⁾ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 không đi tập kết ra miền Bắc, mà ở lại lặn lội hoạt động, làm đội trưởng đội xây dựng phong trào cơ sở, quen biết gần bó máu thịt với vùng dân tộc này.

Sau trận đánh địch càn quét, trong lúc Tiểu đoàn khẩn trương củng cố lại đơn vị, giúp địa phương khắc phục những khó khăn thì được lệnh của Quân khu 6, Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 phải hành quân gấp lên Chư Huynh (nam Đắc Lắc) để nhận nhiệm vụ mới, chấm dứt một thời kỳ hoạt động sôi nổi làm nòng cốt đánh địch, hỗ trợ giúp đỡ các địa phương vùng ven biển Khánh Hòa, bắc Ninh Thuận mở mảng, mở vùng, góp phần xây dựng thực lực cách mạng trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

III. TRÊN CHIẾN TRƯỜNG NAM TÂY NGUYÊN CUỐI NĂM 1962 ĐẾN 1963.

Đầu tháng 11 năm 1962 Quân khu 6 điều động Tiểu đoàn 120 Quân khu 6 từ Bác Ái, Ninh Thuận lên nam Đắc Lắc để đánh trận Đầm Ròn ngày 05 tháng 12 năm 1962 và sau đó tham gia chống càn quét bảo vệ căn cứ Khu 6, (khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 6) ở vùng Chư Giang Xin, nam Đắc Lắc).

Cuộc hành quân của tiểu đoàn kéo dài, không gọn, chỉ có bộ phận chiến đấu với quân số 130 người và vũ khí trang bị gọn nhẹ do đồng chí Thành (Nhân) và Biên

(1) tên ghép: Bùi Đức Thành và Năm Nhân.

(Bính) chỉ huy, suốt ngày đêm xuyên rừng, trèo núi, nhanh chóng về Chư Huynh, nơi tập kết chuẩn bị trận đánh đúng thời gian. Bộ phận còn lại do thiếu tá Ấn, chính trị viên phải thu xếp mọi việc: bàn giao chiến trường, sản xuất, thu vụ mùa, giải quyết chính sách thương bệnh binh... và bổ sung một số cán bộ người địa phương cho 2 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, nên gần tháng 2 năm 1963 mới hành quân đến được Di Duk, Năm Buôn và từ đó Tiểu đoàn 120/Quân khu 6 được mang mật danh mới là Tiểu đoàn 840/Quân khu 6. Phiên hiệu mới này có ý nghĩa là đơn vị đứng chân hoạt động ở B8 (Tuyên Đức), 4 là theo thứ tự đơn vị và thêm vào đó con số 0 của Tiểu đoàn 120. Tình hình nam Tây Nguyên nói chung và nam Đắk Lắk nói riêng phong trào cách mạng mới được nhen nhóm xây dựng, vùng giải phóng mới được mở ra chưa kịp củng cố thì từ giữa năm 1962 địch tiến hành dồn dân lập ấp chiến lược theo kế hoạch Stalay – Taylo ở các vùng cao dọc ranh giới Tuyên Đức, Khánh Hòa, Ninh Thuận và đến ngày 1 tháng 10 năm 1962 địch tung một lực lượng của sư đoàn 23 chủ lực ngụy, mở cuộc hành quân từ An Lạc đến An Lạc H, kéo dài đến cuối năm 1963. Sư đoàn 23 ngụy phụ trách trên một vùng rộng lớn bao gồm cả nam Tây Nguyên và cực nam Trung Bộ (còn gọi là khu 23 vùng 2 chiến thuật do viên tướng Tôn Thất Đính làm tư lệnh). Chiến dịch An Lạc kéo dài và liên tục này không những nằm trong kế hoạch Stalay – Taylo bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, mà còn tạo ra thế ổn định vì từ lâu địch vẫn coi vùng này là “bất khả xâm phạm” của chúng. Thật vậy từ thời kháng chiến chống Pháp phong trào

cách mạng ở đây có nhiều khó khăn phức tạp, địch tổ chức gom tề khá chặt chẽ, lực lượng ta đến vùng này “có đi mà không trở về” hoặc “đi nhiều về ít”. Hồi đó tỉnh ủy Đắk Lắk phải đứng nhờ ở miền tây tỉnh Phú Yên, về sau đó xây dựng được căn cứ vùng Chư-Đờ, Laya nhưng vẫn dựa vào Phú Yên, đến chiến dịch nam Tây Nguyên năm 1949 – 1950 của chủ lực Liên khu 5, tỉnh mới xây dựng được một số đội vũ trang tuyên truyền phát triển vào phía nam Đắk Lắk.

Sau 1954 Mỹ Diệm vẫn xem đây là một địa bàn chiến lược, vùng hậu cứ quan trọng nên đã ra sức xây dựng và mở rộng các trục đường chiến lược 14, 21, 20 mở thêm đường 21 kéo dài từ Hồ Lắk xuyên qua vùng Đầm Ròn đến sân bay Liên Khàng (Liên Khương) giáp đường 20; từ Đầm Ròn đến sân bay Cam Ly, Đà Lạt, đường 14 Bis; từ Đắk Song đi Gia Nghĩa, Kiến Đức và từ Gia Nghĩa đi Di Linh giáp đường 20, đưa trên 5 vạn dân từ các tỉnh miền Trung lên lập dinh điền, khu trù mật theo các trục đường trên. Đồng thời áp dụng chính sách “đồng hóa” đàn áp người Thượng gây nên sự căm phẫn lớn trong đồng bào dân tộc.

Về ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ Liên khu ủy 5 đã sớm triển khai bố trí đội ngũ cán bộ ở lại. Từ vùng tập kết Liên khu 5 số cán bộ trung kiên này được chuẩn bị học tập và thẩm lạng tiến lên Tây Nguyên đi sâu vào lòng địch xây dựng phong trào cơ sở cách mạng. Cùng với phong trào “Badêraika” (Bana, Êđê, Jarai, K’ho) chống chính sách “đồng hóa” của Ngô Đình Diệm do cụ Y Bí cầm đầu và sau đó ta chủ trương thành lập mặt trận “phong trào tự trị Tây Nguyên” đã thu hút đông đảo

quần chúng tham gia chống Mỹ – Diệm. Sau nghị quyết 15, Trung ương Đảng cử nhiều đoàn cán bộ vào cùng với Liên khu ủy 5 xây dựng phong trào cơ sở, soi đường vào Nam Bộ, các tỉnh cực Nam Trung Bộ, miền Đông Nam Bộ cũng cử đoàn cán bộ vũ trang soi đường phát triển lên, khi các đoàn gặp nhau (tại ngã ba suối Dak R'Tích ngày 11 tháng 11 năm 1960) gọi đây là 3 cực có ý nói về địa lý vùng giáp ranh là cực khổ gian nan). Cùng với thời gian trên Liên khu ủy 5 cử các đồng chí Bùi San Phó bí thư Khu ủy 5, Bùi Định (Tư Khiêm) Bí thư Liên tỉnh 4 và Vũ Anh Ba, Thường vụ Liên tỉnh 4 vào nam Đắc Lắc. Những đoàn cán bộ lãnh đạo này như những mãnh hổ xông thẳng vào trận địa, thực thi chủ trương chính sách dân tộc của Đảng đối với nam Tây Nguyên quật ngã chính sách phản động của địch. Cuối 1960 – 1961, đoàn cán bộ quân sự do trung tá Nguyễn Trọng Xuyên từ miền Bắc vào cùng với các tổ đội đặc công và 2 trung đội tân binh người dân tộc Ba Na và Rhe, hai trung đội người kinh của Phú Yên, Bình Định và hơn 1 trung đội trước đó đã vào phía Đắc Min để thành lập Đại đội 321, 322 (3 tháng 2 năm 1961). Các đơn vị này đánh trận đầu tiên vào chi khu Đức Xuyên, Fi Yàn, Hăng Tơ Kpom Pong và chi khu Lắc (Lạc Thiện) lần 2 (3 tháng 5 năm 1962) đã góp phần thúc đẩy việc mở mang, mở vùng ở nam Đắc Lắc. Tất cả những yếu tố trên hợp thành trong thời điểm có ý nghĩa bước ngoặt đã tạo nên sức mạnh kỳ diệu làm cho vùng này được nhanh chóng mở ra trong sự ngỡ ngàng của địch. Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6 đứng chân vùng Chuyansin – nam Đắc Lắc, hành lang chiến lược Bắc-Nam được nối

liền qua các vùng mới giải phóng từ B3 (đông bắc Buôn Mê Thuột) qua đường 21 và 21 kéo dài (nam chi khu Lắc) đường số 14 sông Đồng Nai – Lâm Đồng đến Chiến khu Đ miền Đông Nam bộ. Cùng với các vùng căn cứ giải phóng miền Tây các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận nối liền nhau trở thành một vùng căn cứ giải phóng rộng lớn Nam Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ. Đây là một vùng rừng núi chập chùng hiểm trở: từ đường 21 trở vào các dãy núi cao Chư Tap Sa (1978), Chư Yan Sin (2405), Cung Klan (2004), Gia Rich (1923), Lang Biang (2156), Yang Ruot (1538), Gia Bon (1650) và Bra-Lan (1264) hình thành một vòng cung ôm lấy nam Tây Nguyên. Không những quan sát khống chế các vùng thung lũng, bình nguyên nam Đắc Lắc và Lâm Đồng mà còn là lưng tựa đối với các tỉnh đồng bằng ven biển cực Nam Trung Bộ. Đường phân thủy các dãy núi này (trừ Chư Yan Sin, Cung Klan, Lang Biang) là ranh giới giữa các tỉnh Đắc Lắc – Khánh Hòa, Ninh Thuận – Tuyên Đức, Bình Thuận – Lâm Đồng. Địa hình từ miền núi các tỉnh cực Nam Trung Bộ lên nam Tây Nguyên dốc cao vách đứng, từ lâu đã là vùng căn cứ khá vững chắc cho các tỉnh này. Vượt qua các dãy núi trên là đi vào bình nguyên trù phú, khí hậu mát dịu. Các con sông lớn trong vùng đều bắt nguồn từ các dãy núi trên, nhất là sông Krông Nô từ dãy núi Cung Klan chảy xuống thung lũng Đầm Ròn qua cánh đồng nam Hồ Kak và Đức xuyên rộng lớn phì nhiêu, rồi vươn lên gặp sông Srê Pok đổ về sông Mê Kông. Các con sông Đa Dung, Cam Ly, Đa Nhím phát nguồn từ dãy núi Gia Rích hợp về sông Đồng Nai qua cao nguyên Lâm Đồng đổ về đồng bằng miền

Đông Nam bộ. (Trong chiến tranh thế giới thứ hai, sau khi quân Nhật tràn vào Đông dương 1941 đã chiếm đóng vùng này xây dựng các sân bay Liên Khàng (Liên Khương) Cam Ly, mở đường 21 kéo dài từ Hồ Lắc đi Đầm Ròn đến Liên Khàng và đường cụt (còn gọi là đường Nhật) từ Đầm Ròn ngược sông Krông Nô đi sâu vào dãy núi Cung Klan. Quân Nhật cũng đã nhìn thấy một địa thế quân sự khá lý tưởng trên địa bàn rộng lớn có ý nghĩa chiến lược này có thể xây dựng hậu cứ sào huyệt, nơi giấu quân và cơ động lực lượng phục vụ cho ý đồ xâm lược của chúng. Dân cư nam Tây Nguyên ngoài số đồng bào người Kinh các tỉnh miền Trung, miền Bắc vào sinh sống lập nghiệp ở tập trung trong các thị xã, thị trấn và trên các trục đường quốc lộ. Còn phần lớn là đồng bào các dân tộc Êđê, Jarai, M'nông, Chill và K'ho... chuyên làm ruộng rẫy, đánh bắt cá, săn bắn thú rừng, chăn nuôi gia súc, có buôn đàn trâu có đến hàng trăm con. Từng buôn làng chiếm cứ trên một khu đồi rộng lớn cách xa nhau, nhưng lại tập trung dân cư khá đông đúc, các buôn như Đồng Ma, Đầm Ròn, Cung Klan có đến 25 – 30 dãy nhà sàn với 300 – 400 dân. Dưới thời Pháp và Mỹ ngụy, địch tổ chức gom tề điệp, truyền bá đạo Tin lành, lợi dụng mê tín dị đoan để cai trị, nhất là “Ó mã lai” – một truyền thuyết biểu tượng của thần linh cực kỳ nguy hiểm (bình thường vẫn là người thân thuộc trong buôn làng, nhưng tối đến biến thành “Ó mã lai” rút đầu ra khỏi thân mình đi móc ruột người khác để ăn, trong buôn làng có ai đau ốm đều cho là do “Ó mã lai” gây nên và người nào bị cho là “Ó mã lai” thì người đó bị đem giết công khai theo qui ước luật lệ trừ khử “Ó mã lai” dù

người ấy là con cái trong gia đình). Lợi dụng những điều mê tín này, khi bọn tề điệp phát hiện cán bộ, du kích trong buôn làng thì kích động bọn thầy cúng kết tội người ấy là “Ó mã lai” hoặc làm trái ý “Giàng” và đưa ra giết hại. Sau 1960 ta thâm nhập tuyên truyền chủ trương chính sách vận động các “Già làng”, quần chúng ngày càng ngả về cách mạng, ủng hộ bộ đội Cụ Hồ đánh Mỹ – Diêm, nhưng tính chất xã hội trên còn nguyên vẹn, chưa có sự thay đổi đáng kể, nên địch vận dụng bộ máy gom tề điệp, sự mê tín đánh phá cách mạng và hù dọa gom dân một cách dễ dàng.

Sau khi càn quét lấn chiếm trục đường 21 kéo dài, từ đoạn Lắc, Phi Yàng qua Đầm Ròn, chúng chọn Đầm Ròn đặt căn cứ để chỉ huy hành quân dài ngày.

Mùa khô 1962 – 1963 đến với vùng núi rừng Tây Nguyên khá sớm, chưa đầy 2 tháng nắng ráo, mà mặt đất núi đồi ở đây đã phủ một lớp lá vàng. Hàng ngày, hàng đàn trực thăng cứ nối đuôi nhau, những phi vụ của máy bay phản lực, tiêm kích và tiếng “lè nhè” của máy bay đâm già L19, cùng những đoàn xe nhà binh từ Buôn Mê Thuột và sân bay Liên Khương hối hả đến vùng Đầm Ròn mỗi lúc một nhiều, triệu chứng địch tăng quân, vũ khí, đạn dược lương thực và các thiết bị làm công sự đóng điểm lâu dài. Quả vậy chỉ trong một thời gian ngắn, căn cứ hành quân Đầm Ròn được thiết lập, căn cứ này nằm trong một thung lũng lớn thuộc khu vực sông Krông Nô trên trục đường 21 kéo dài, cách Đà Lạt 35 ki-lô-mét. Tại đây địch đặt sở chỉ huy Trung đoàn 44/Sư đoàn 23 chủ lực nguy gồm: một trận địa pháo cối (có hai pháo 105 ly) tiểu đoàn 1 bộ binh thuộc trung đoàn 44,

một đại đội thám kích, một đại đội công binh, một phân đội thông tin và trên 100 lao công, triển khai bố trí lực lượng trên bảy ngọn đồi với công sự dã chiến, hình thành ba khu vực (một khu trung tâm và hai khu tiền tiêu). Hàng ngày được sự yểm trợ của phi pháo, chúng xua quân đi càn quét gom dân, chủ yếu là vùng Đầm Ròn và các vùng lân cận hai bên trục đường 21 kéo dài đoạn Lắc đến Phi Yàng.

Từ khi địch bắt đầu mở cuộc hành quân An Lạc các đơn vị chiến đấu, các cơ quan, các đội sản xuất của ta ở đây, đã tích cực bám đánh địch liên tục, chống gom dân, bảo vệ sản xuất, nhưng hiệu quả thấp không đủ sức tạo thế bao vây, ngăn chặn làm giảm tốc độ hành quân và gom dân của địch. Do đó ý định của Quân khu 6 là tập trung lực lượng đập tan căn cứ hành quân này, nếu không phá được hoàn toàn kế hoạch gom dân lấn chiếm lập ấp chiến lược, thì ít ra cũng gây khó khăn ngăn chặn làm hạn chế tốc độ gom dân của địch. Ta xác định lối đánh áp sát – đặc công, nhưng trắng non đầu tháng lên dân, nếu kéo dài thời gian, trăng càng sáng hơn dễ bị lộ, tình hình đó đã buộc trung tá Nguyễn Trọng Xuyên tham mưu trưởng quân khu chỉ huy trận đánh phải khẩn trương đốc thúc các đơn vị, công tác chuẩn bị chiến đấu rất cấp rập, các đơn vị mới được điều đến không kịp trình sát mục tiêu tại thực địa. Các cơ quan quân khu đã phải nỗ lực cho công tác chuẩn bị cả về tư tưởng, vũ khí đạn dược, phương tiện thông tin và tình hình cho các đơn vị tham chiến.

Lực lượng tham gia trận đánh gồm nhiều đơn vị: Tiểu đoàn 840 (thiếu), Đại đội đặc công 111 và Đại đội 5

trình sát trực thuộc quân khu, Đội đặc công B8 (Tuyên Đức), các đơn vị này từ khi địch đóng cứ điểm Đầm Ròn đã đặt đài quan sát, chuẩn bị từng mục tiêu và là nòng cốt cho trận đánh. Đại đội 1/186 điều động từ Nam Ka (Đắc Mìn) qua, Đại đội 143 Tuyên Đức và phân đội trợ chiến có hai súng cối 81,2 ly súng ĐKZ 57 ly, hai đại liên của Tiểu đoàn 145 quân khu, cũng được gấp rút điều tới. Tuy đầu đơn vị nhiều như vậy, nhưng quân số tham gia trận đánh không quá 200 quân bao gồm: đặc công, trình sát và bộ binh được chọn lọc, tổ chức biên chế thành 3 bộ phận:

– Bộ phận thọc sâu và cũng là bộ phận chủ yếu gồm có: Đại đội 1/840, Đại đội 5 đặc công 840, Đội đặc công 111/Quân khu và Đội đặc công B8 do thượng úy Từ Ngọc Kim (Hảo), đại đội trưởng đặc công 111 làm chỉ huy trưởng, thượng úy Trần Văn Nguyên chính trị viên phó 840 làm chính trị viên, thượng úy Đỗ Sỹ Quý, Đại đội 1/840 và trung úy Mãi, đại đội trưởng đặc công B8 làm chỉ huy phó, tổ chức thành ba mũi đánh vào khu trung tâm, tiêu diệt sở chỉ huy trung tâm, trận địa pháo cối và các đại đội trực thuộc của trung đoàn địch.

– Bộ phận thứ hai gồm Tiểu đoàn 840 còn lại, Đại đội 143 Tuyên Đức, Đội đặc công trình sát dẫn đường do đại úy Trần Phước (Huệ), chỉ huy trưởng B8, Lê Xuân Bính (Biên), tiểu đoàn phó 840 chỉ huy, tổ chức thành hai mũi đánh vào cụm tiền tiêu phía bắc, tại đây có hai đại đội của Tiểu đoàn 1/44 nguy là cửa ngõ mà bộ đội ta cần phải giải quyết nhanh để lấy đường ra vào (lúc đầu ta đã xác định là hướng chủ yếu).

– Bộ phận thứ ba gồm: Đại đội 1/186 và phân đội trợ chiến do Bùi Đức Thành (Nhân), tiểu đoàn trưởng 840 chỉ huy, đánh vào cụm tiền tiêu phía nam, có tính cách kiềm chế.

Trận đánh bắt đầu đêm 5 tháng 12 năm 1962 diễn ra tương đối thuận lợi: từ vị trí tập kết các bộ phận đã lợi dụng đường rừng quen thuộc hành quân tiếp cận đến vị trí triển khai chiếm lĩnh và tiến hành tiếm nhập. Đúng 2 giờ khuya bộ phận thứ hai bắt đầu nổ súng và cả trận địa đồng loạt nổ súng. Toàn bộ hỏa lực từ pháo cầm tay, bộc phá, thủ pháp nổ âm vang, xen lẫn với tiếng súng tiểu liên Thom-son, Tul, K50 cải tiến, trung, đại liên, ĐK57 và cối 81 dồn dập phủ lên cứ điểm. Các mũi đột kích như những con dao lửa sắc nhọn đâm thẳng vào trung tâm xé nát đội hình địch.

Bị đánh bất ngờ, địch không kịp đối phó, chống trả yếu ớt, chớp thời cơ thuận lợi đại úy Phước (Huệ) tổ chức bộ phận thứ hai thành hai mũi phát triển đánh chiếm cụm cứ điểm phía nam và bộ phận thứ ba cũng phát triển xuống, nhưng do công tác tổ chức ngay từ đầu thiếu cụ thể, lại thiếu thông tin liên lạc, thiếu tổ chức hiệp đồng trong quá trình diễn biến trận đánh, nên sau 50 phút tiến công dũng mãnh, các mũi, các cánh của ta rút quân.

Trận đánh tuy không gọn, không tận dụng được hết thời cơ phát triển chiến đấu, giải quyết các mục tiêu còn lại trong cứ điểm, làm chủ chiến trường, tận thu chiến lợi phẩm. Nhưng đã tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, gây tác động mạnh mẽ đối với

chúng. Kết quả trận đánh cho thấy là: mặc dù bối cảnh ta có nhiều khó khăn, khả năng còn rất hạn chế, nhưng đã tác chiến với chủ lực địch có qui mô khá lớn giành thắng lợi, được Bộ chỉ huy Miền thưởng Huân chương Quân công hạng 3. Đây là một sự trưởng thành của bộ đội ta. Phải nói rằng lúc bấy giờ những trận đánh như vậy trên chiến trường toàn Miền không nhiều.

Sau trận đánh Đầm Ròn, địch tăng cường cả Trung đoàn 44/sư đoàn 23 chủ lực địch đến chiếm đóng vùng này và càn quét đánh phá liên tục. Địch xúc tiến mạnh mẽ việc gom dân lập ấp, chủ yếu là mua chuộc bọn chủ làng, dùng tề điệp, “nhang giàng” hù dọa, nên có nhiều buôn làng đồng bào bỏ cả nương rẫy, heo gà và hàng đàn trâu để chạy vào vùng địch. Vùng giải phóng, phong trào cách mạng ở nam Tây Nguyên vừa được mở ra, là cả một sự phấn đấu xây dựng của ta trong nhiều năm mới có được, nhưng giờ đây địch phản kích ác liệt ta gặp không ít khó khăn, trong khi lực lượng của Quân khu 6 đến cuối năm 1962 cũng chỉ có các đơn vị như vậy, lại nằm giữa một địa bàn rừng núi bao la, ít dân, sâu trong lòng địch, cơ sở tiếp liệu từ trên xuống chưa có gì. Tiểu đoàn 840 và các cơ quan, đơn vị ở đây, kể cả bộ đội và các cơ quan dân chính Đảng, đều phải sản xuất tự túc lương thực tại chỗ, để có cái ăn cho mình, giúp đỡ dân và phải chiến đấu đánh địch, giữ dân, giữ nương rẫy, nên rất vất vả. Do đó, mặc dầu sau trận Đầm Ròn, ta có thuận lợi, để phát huy thắng lợi phát triển chiến đấu. Nhưng vấn đề lương thực rất bức thiết, nên lực lượng ta đã rút về phía sau chuyển tải bắp lúa, lo lương thực cho năm tới.

Về phía địch cũng có nhiều mặt yếu kém, các cứ

điểm đều nằm sâu giữa vùng căn cứ giải phóng của ta, đường tiếp liệu độc đạo, theo đường 21 kéo dài từ Lắc đến Đầm Ròn, phải qua nhiều đoạn đèo hiểm trở. Phương tiện trực thăng vận của địch khó phát huy tác dụng, vận dụng không được rộng rãi ở địa hình thời tiết cao nguyên rừng núi, chỉ khi thật cần thiết, chủ yếu là để yểm trợ cho bộ binh lúc hành quân với chiến thuật “trên đe dưới búa” và “bủa lưới phóng lao”, nhưng tác dụng thấp. Nhờ vậy mà lực lượng ta tránh né được các cuộc hành quân lớn của địch, tổ chức quần bám, đánh nhỏ lẻ, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, ngăn chặn hạn chế địch bung ra lấn chiếm.

Từ sau trận Đầm Ròn, Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 đã phải phân tán từng đại đội, rải từ Buôn Đá đến Đồng Ma, Di Dút để làm nhiệm vụ chống càn, bảo vệ căn cứ của khu ở Rboun, Dong H. Đến những ngày trước và sau Tết Nguyên đán 1963, Tiểu đoàn 840 Quân khu 6 cùng các lực lượng của ta lo thu thóc và hoa màu của đồng bào bỏ lại đưa vào rừng cất giấu và đón Tết cổ truyền của dân tộc. Lúc ở Khánh Hòa, tiểu đoàn ăn Tết 1962 trong vùng căn cứ giải phóng ổn định với heo gà, cá nếp... sản xuất tự túc khá tươi tốt, thì ở đây Tiểu đoàn đón Tết (1963) trong điều kiện chống càn quét, nên rất đơn sơ. Tuy vậy một vài bộ phận trong Tiểu đoàn cũng làm được bún gạo, bắn được thú rừng, chia nhau làm món bún thịt nướng, cùng với xôi nếp quạ, một loại nếp đặc sản của đồng bào Thượng vùng này, hạt nếp nhỏ dài, càng già sạch thì càng đen bóng, nấu rất dẻo, mùi thơm ngon, hấp dẫn.

Ăn Tết xong, mùa khô 1962 – 1963 chẳng còn bao

lâu nữa, nên tiểu đoàn cùng các đơn vị khác vừa lo chống càn, vừa khẩn trương tiếp tục chuyển tải cất dấu lương thực vào kho và triển khai rải tĩa lúa cho kịp thời vụ.

Tháng 3 năm 1963, Quân khu 6 mở Hội nghị Quân Chính, mang mật danh X10 quán triệt nhiệm vụ xây dựng và phát triển phong trào... cuộc hội nghị tiến hành trong lúc địch càn quét vào vùng Rboun Dong H, nên địa điểm hội nghị phải di chuyển, tránh lánh nhiều lần. Lúc này Tiểu đoàn 840 (thiếu) và đại đội trợ chiến của Tiểu đoàn 145 bảo vệ căn cứ, đã phải đánh địch ngăn chặn từ phía chi khu Lắc (Lạc Thiện), sông Đồng Ma, Di Dút. Ta tổ chức nhiều trận vận động tiến công, phục kích, tập kích cấp đại đội và tiểu đoàn (thiếu) diễn ra khá quyết liệt, gây cho địch nhiều tổn thất, nhất là ngày 12 tháng 3 năm 1963 trong lúc phân đội trinh sát Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 bám địch, phát hiện một đại đội địch kéo theo hai pháo càn quét vào Đồng Ma, lợi dụng lúc trưa nắng, địch mới đến, dồn đội hình, chưa kịp triển khai chiếm lĩnh thiết lập trận địa, thì thiếu úy, đội trưởng trinh sát Võ Đồng Nữ⁽¹⁾ đã nhanh chóng tổ chức đội thành hai mũi đánh vào trận địa pháo, nghe súng nổ

(1) Đồng chí Võ Đồng Nữ từ lúc chuẩn bị đi Nam tháng 4 năm 1961, còn có tên là Ba Gà. Đại úy Hoàng Trọng Đàm, chính trị viên đơn vị cho là Nữ phản ứng với tổ chức nên đổi tên như vậy và gọi lên giải thích thậm chí còn “dọa”, nếu không thông suốt thì sẽ phải ở lại, Nữ báo cáo với Chính trị viên Đàm: Tôi con thứ 3, tuổi con gà nên lấy tên là Ba Gà và khẩn thiết xin Chính trị viên được đi Nam chiến đấu nối tiếp truyền thống Tiểu đoàn 365. Từ khi vào chiến trường Ba Gà đã tỏ ra là một cán bộ chỉ huy dũng cảm mưu trí, đánh nhiều trận táo bạo bắt ngờ giành thắng lợi.

Đại đội 1/840 liền vận động ra tham gia trận đánh. Kết quả ta phá được hai khẩu pháo và sát thương nhiều địch, buộc địch phải rút lui.

Đến ngày 25 tháng 3 năm 1963, khi phát hiện chừng một tiểu đoàn địch tiến vào Di Dút, gần nơi trú quân của Tiểu đoàn 840/Quân khu 6, đội trưởng Võ Đồng Nữ chỉ huy phân đội trinh sát, ra bố trí ngăn chặn địch, anh đã khéo lợi dụng sườn núi hiểm trở cạnh đường độc đạo, bố trí một tổ chặn đầu và hai tổ bên sườn núi, bắn chéo cánh sẻ, cùng lúc với mìn nổ, các tay súng thiện xạ carbin, Garand, K50 cải tiến... đã chặn đường đội hình địch trong hai giờ liền, đủ thời gian cho Đại đội 1 và Đại đội 3/840 ở phía Đồng Ma và Nam Buôn vận động đến đánh vào bên sườn phía sau lưng địch, gây thiệt hại nặng cho cánh quân này.

Sau hội nghị X10, lực lượng vũ trang quân khu một lần nữa được biên chế sắp xếp lại, từ sự phát triển lực lượng tập trung, thì nay các tiểu đoàn trực thuộc quân khu phải giải thể bớt một đại đội bộ binh để bổ sung cho hành lang và các đội vũ trang công tác. Lúc này Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 còn lại hai đại đội bộ binh, một đại đội trợ chiến, một đại đội đặc công, một tiểu đoàn trinh sát, một tiểu đội thông tin, quân số xấp xỉ 300 người. Đại đội đặc công 111/Quân khu 6 bổ sung cho Tiểu đoàn 186/Quân khu 6. Các Tiểu đoàn 36 thực binh, Tiểu đoàn 39 khung bộ binh, Tiểu đoàn 145 khung trợ chiến và Trung đoàn bộ 120 từ miền Bắc bổ sung vào chiến trường 1962, với ý định ban đầu sẽ bổ sung quân số thành trung đoàn chủ lực của Quân khu 6. Nhưng sau khi đánh mấy trận: Suối Ty, Buôn Trấp, Buôn Khanh

(bắc đường 21) đã giải thể, Tiểu đoàn 36 bổ sung một đại đội cho B8 (Tuyên Đức) một đại đội cho B4 (Quảng Đức), một đại đội cho B6 (Buôn Mê Thuột); Tiểu đoàn khung 39 bổ sung cho Khánh Hòa và B3 (bắc Đắc Lắc) B5 (nam Đắc Lắc), Tiểu đoàn khung 145 trợ chiến đưa xuống Gia Lê, Khánh Hòa sản xuất, cơ quan Trung đoàn bộ 120 bổ sung cho cơ quan quân khu và các tỉnh.

Qua những điều chỉnh trên, nhiệm vụ các lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn này, trong đó có Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 có sự thay đổi về phương thức hoạt động, từ những đơn vị tác chiến tập trung thì nay phải phân tán tác chiến du kích nhỏ lẻ xây dựng phong trào, sản xuất tự túc, bảo vệ hành lang Bắc-Nam. Nhiều đơn vị hăm hở vào chiến trường trong niềm vui thắng lợi, quyết tâm chiến đấu lập công thì nay đã phải giải thể. Quả thật phong trào nam Tây Nguyên đang gặp khó khăn, đòi hỏi lực lượng vũ trang quân khu phải có sự thích ứng kịp thời và Khu ủy 6 đã áp dụng một loạt biện pháp xây dựng phong trào thực lực cách mạng, phát động du kích chiến tranh, xây dựng ba thứ quân cân đối, chống kiểu “nón lật ngửa” dưới nhò trên phình ra v.v... nhưng nhiều ý kiến cho rằng: chiến tranh cách mạng, vấn đề lực lượng vũ trang tập trung ở một địa bàn rừng núi như nam Tây Nguyên đang là sự đòi hỏi bức thiết, phải từ lực lượng đã có giữ gìn xây dựng phát triển lên để tác chiến.

Cuối tháng 4 năm 1963 Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 được bổ sung 170 tân binh người Bến Tre, Gia Định do đại úy Nguyễn Mại và trung úy Trần Bình quân lực quân khu đi nhận quân từ đồng bằng Nam Bộ đưa về. Với số

tân binh trên tiểu đoàn phân về cho hai đại đội bộ binh, đại đội trợ chiến, một số cho trinh sát, thông tin và với quân số trên, Tiểu đoàn 840 cũng vẫn là tiểu đoàn thiếu Đại đội 3 bộ binh (trước đó không lâu Tiểu đoàn 186 cũng được bổ sung thêm tân binh Bến Tre, Long An, Tây Ninh, quân số nhiều hơn 840). Sau khi được bổ sung quân số, tiểu đoàn vừa phải đánh địch càn quét, vừa phải sản xuất tự túc để có lương thực, vừa phải khẩn trương huấn luyện tân binh. Từ cuối tháng 2 năm 1963 tiểu đoàn đã tổ chức một đoàn 30 người do thiếu úy Đỗ Năng trung đội trưởng thông tin chỉ huy, hành quân ngược ra B3 (bắc đường 21) xuống vùng giải phóng Phú Yên, mang tải muối để có ăn trước mắt và dự trữ. Nhưng gặp phải lúc địch đổ quân càn quét vùng bắc đường 21, nên đoàn tải muối cả đi và về phải mất hai tháng, do đó tiểu đoàn đã phải chịu cảnh ăn cơm lạt muối hàng tháng trời. Đến tháng 4 năm 1963 một đoàn cán bộ 20 người do Bùi Đức Thành (Nhân) chỉ huy trở về Sông Trương để tuyển tân binh Bắc Ái và lấy muối ở Phương Cự (Ninh Thuận). Với uy tín lớn của mình, anh Thành (Nhân) cùng với đoàn cán bộ chỉ trong một thời gian ngắn đã tuyển được 80 thanh niên người Rắc Lay, Bắc Ái thoát ly nhập ngũ. Số thanh niên này cùng đoàn cán bộ đã đưa về cho tiểu đoàn 100 gùi muối⁽¹⁾, trong tiếng reo mừng thắng lợi của đơn vị. Số tân binh này nhanh chóng được bổ sung: một trung đội cho cơ quan quân khu làm cảnh vệ và một trung đội cho Tiểu đoàn 840 làm trinh sát liên lạc. Chiến đấu ở địa hình rừng núi là cả một vấn đề

(1) Một gùi khoảng 25 kg.

rừng núi là cả một vấn đề khó khăn đối với cán bộ chiến sỹ ở đồng bằng, nhưng với anh em người Rắc Lay, thì núi rừng đâu đâu cũng trở thành quen thuộc, do vậy anh em này đã làm nòng cốt cho tiểu đoàn soi đường xuyên sơn bám đánh địch rất thuận lợi.

Mùa nắng đã chấm dứt, mùa mưa ở vùng nam Đắc Lắc đang bắt đầu, tình hình địch cần quét lòng sục có đỡ hơn, nhưng lại có những khó khăn mới nảy sinh. Các loại ruồi, muỗi, vắt... phát triển khủng khiếp: loại ruồi, mòng màu vàng cắn đau như kim chích, muỗi màu xanh bạc rần rì, vắt là có khoanh màu lấp lánh như kim cương đánh hơi rất nhạy, từ dưới lá ủ hoặc trên cành cây, vắt phóng lên đầu, lên cổ người để cắn. Anh em thường nói đùa với nhau là “ruồi vàng, muỗi bạc, vắt kim cương” đó là đặc điểm nổi bật của nam Tây Nguyên trong mùa mưa, cảnh đối cơm lạt muối, khí hậu thời tiết khắc nghiệt và các loại sinh vật quái gở này, đều xông lên xâu xé con người. Tình hình đó đối với anh em cán bộ chiến sỹ cũ đã là khó, còn đối với anh em tân binh Nam Bộ, thì càng là thử thách lớn lao. Điều đó đòi hỏi công tác chính trị tư tưởng, huấn luyện, nuôi dưỡng bộ đội phải thật chu đáo và cụ thể, quả là một công việc không một chút dễ dàng. Cùng thời gian trên thiếu tá Nguyễn Ân, Chính trị viên tiểu đoàn đi miền Bắc chữa bệnh, quân khu bổ sung thượng úy Võ Như Loan về làm Chính trị viên phó tiểu đoàn.

Ngày 20 tháng 9 năm 1963, lực lượng chiến đấu của Tiểu đoàn 840 Quân khu 6 gồm Đại đội 5 đặc công có tăng cường số anh em cán bộ chiến sỹ cũ trong hai đại đội bộ binh, với quân số 100 người, hành quân ra

vùng 4 Míga, nam đường 21 để đánh điểm và ấp Hăng Tơ (lần 2) do đồng chí Bùi Đức Thành (Nhân), tiểu đoàn trưởng đồng chí Võ Như Loan, chính trị viên phó và đồng chí Cao Thanh Sơn (Tâm), tác huấn của tiểu đoàn chỉ huy, diễn biến trận đánh nhanh gọn, địch bị diệt, ta thu được chiến lợi phẩm. Trận đánh đã giải quyết được những vấn đề đưa ra từ lâu là: hỗ trợ cho phong trào cách mạng vùng này phát triển, mở rộng cửa ngõ đầu cầu cho cả vùng Tây Nguyên như mở trục đường 21 đoạn Ma Đờ Rắc, Khánh Dương hành lang chiến lược Bắc-Nam, trục hành lang phía bắc đường 21 nối vùng giải phóng B3 rộng lớn đi qua bắc Tây Nguyên, Nam Lào xuống các tỉnh Phú Yên, Bình Định; trục đường 21 vùng 4 phía nam đi Khánh Hòa, Bình Thuận; nam Đắk Lắk, Tuyên Đức, Quảng Đức, Lâm Đồng, Phước Long và Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 6 đứng ở vùng nam Đắk Lắk, nhưng hậu cần tiếp liệu và các trường trại vẫn ở vùng này. Cho nên việc đánh tiêu diệt điểm Hăng Tơ có ý nghĩa rất quan trọng.

Cùng với thời gian Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 đánh Hăng Tơ và đường 21 kéo dài, Tiểu đoàn 186 ở phía K62 đã hoạt động tích cực phá các khu chiến lược ENA bằng ba mũi giáp công thắng lợi.

Sau trận đánh Hăng Tơ, Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 rút về lại phía nam Đắk Lắk chuẩn bị cho trận đánh giao thông trên đường 21 kéo dài, đoạn giữa Lắc⁽¹⁾ và Đầm Ròn, (đường này là hành lang Bắc – Nam của ta và

(1) Chi khu Lạc Thiện.

cũng là đường vận chuyển huyết mạch của địch), nhằm tiêu diệt địch và giải quyết lương thực, vì tình hình lương thực của ta đã đến lúc báo động. Tình hình ở vùng này từ đầu năm 1963, các lực lượng vũ trang của B5 (Lắc) đã liên tục bám đánh địch từ du kích bắn tỉa, đến phục kích cấp trung đội và đại đội của Đại đội 321. Tuy có gây khó khăn chậm trễ cho địch, nhưng tình hình chưa có chuyển biến gì lớn.

Giữa năm 1963 thượng tá Nguyễn Minh Châu từ miền Bắc vào làm Tư lệnh Quân khu 6, đã cùng với cơ quan Tham mưu Quân khu, nghiên cứu xem xét tình hình và cùng với cán bộ Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 đi trinh sát thực địa. Sau khi điều nghiên, Tư lệnh Quân khu quyết tâm sử dụng Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 (thiếu), tăng cường Đại đội 321 của B5 và một trung đội của Đại đội 2/186 phục kích vận động đoạn giữa cứ điểm Lách Tung và Kte nam chi khu Lạc Thiện 15 km, chờ đánh đoàn xe vận chuyển từ Buôn Ma Thuột tiếp tế lương thực cho Đầm Ròn. Nếu trong diễn biến có thời cơ thuận lợi sẽ sử dụng một trung đội của Đại đội 2/186, do trung úy Minh đại đội trưởng Đại đội 2/186 chỉ huy, cải trang lính địch vào đánh cứ điểm Lách Tung (Dong), ngoài ra quân khu còn điều 50 súng tiểu liên Thom-son của Tiểu đoàn 186 mới thu được trong các trận đánh binh vận phá ấp ở ENA K62 (vùng nam Buôn Ma Thuột) trang bị thêm cho Tiểu đoàn 840/Quân khu 6, Đại đội 321 và tập trung phương tiện thông tin của quân khu cho trận đánh này.

Do điều kiện địa hình chi phối, nên Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 và Đại đội 321 từ vị trí tập kết Liêng

Klang phía đông đường 21 kéo dài, hành quân qua phía tây bố trí cách đường từ 250 mét đến 300 mét và tại đây nhận vũ khí bổ sung cùng lực lượng tăng cường của Tiểu đoàn 186. Quân khu đã đặt một đài quan sát xa phía đông đường gần chi khu Lắc, do trung úy Mẫn, đại đội trưởng đại đội trinh sát quân khu chỉ huy, đem theo một máy truyền tin 15W, khi phát hiện đoàn xe đi qua chi khu Lắc, thì gõ tín hiệu mật về cho đài canh 15W của Tiểu đoàn 840 tại trận địa phục kích, ngoài ra còn sử dụng máy bộ đàm bắt tin địch và 10 ki-lô-mét dây máy điện thoại cho các bộ phận phục kích vận động.

Ngày thứ nhất (ngày 11 tháng 8 năm 1963) do có sự lầm lẫn, khi bộ phận chặn đầu của Đại đội 2, gặp công nhân làm đường, tưởng là địch, tiểu đoàn trưởng đã cho bộ đội xuất kích ra đường. Đêm đến tại Sở chỉ huy, thượng tá Tư lệnh Quân khu đặt nhiều câu hỏi cho các cán bộ tham gia ý kiến, nội dung xoay quanh vào mấy vấn đề: xác định xem ta đã bị lộ chưa, lộ đến mức nào, nếu phải chờ địch nhiều ngày thì lương thực phải giải quyết ra sao? Qua thảo luận cuối cùng Tư lệnh kết luận: địch có thể chốt đường, lùng sục và đi với lực lượng hộ tống nhiều hơn, sức cơ động có thể nhanh hơn, nhưng không quá một tiểu đoàn và Tư lệnh quyết định sửa lại thể bố trí, kiên trì chờ đánh địch, đưa toàn bộ đội hình vào sâu, cách đường từ 400 mét đến 500 mét, ngụy trang lại vị trí giấu quân, chuẩn bị công sự sẵn sàng đánh địch phản kích. Tăng cường hỏa lực cho bộ phận đối diện và khóa đuôi, đưa đội dự bị một trung đội của Đại đội 2 Tiểu đoàn 186 ra phía sau, sẵn sàng đánh địch bên sườn. Tăng cường chỉ huy lãnh đạo xuống các bộ phận:

Tiểu đoàn phó Bính (Biên) đi với bộ phận chặn đầu của Đại đội 2, thượng úy Trần Văn Nguyễn đi với bộ phận chủ yếu của Đại đội 1, thượng úy Võ Như Loan đi với bộ phận khóa đuôi của Đại đội 321. Tại vị trí chỉ huy của Tiểu đoàn 840, Tư lệnh quân khu trực tiếp làm chỉ huy trưởng và phân công đại úy Lê Hào tổ chức chỉ huy đài quan sát tại chỗ, đại úy Nguyễn Thông nắm mạng truyền tin, theo dõi bộ phận chặn đầu, tiểu đoàn trưởng Thành (Nhân) theo dõi bộ phận chủ yếu, trung úy Khuê (Du) theo dõi bộ phận khóa đuôi, chỉ huy trưởng phát lệnh xuất kích cũng như xử các tình huống.

Sáng ngày 12 tháng 8 năm 1963, địch ở cứ điểm Lách Tung, cho một trung đội đi mở đường (các lần trước địch chỉ đi từ một đến hai tiểu đội), một số chốt lại cảnh giới trên các ngọn đồi gần mép đường, số còn lại lũng sục sâu vào bên trong, trên trời có máy bay L19 (đầm già) quần lượn quan sát chỉ điểm, địch đã phát hiện và cắt mất một đoạn dây điện thoại của ta từ vị trí chỉ huy của tiểu đoàn xuống bộ phận chặn đầu, nhưng qua theo dõi trên máy bộ đàm (vô tuyến điện) địch báo cáo là dây mìn của du kích, đồng thời lúc ấy tín hiệu từ đài quan sát xa của ta báo về là: đoàn xe 20 chiếc đang qua chi khu Lắc, 12 giờ cùng ngày đoàn xe địch dừng lại trước bộ phận chủ yếu của Đại đội 1, vì bọn lính mở đường đang dò mìn, không cho đi. Trước tình hình trên, tại vị trí chỉ huy của tiểu đoàn, có hai loại ý kiến: tiểu đoàn trưởng Thành (Nhân) và trung úy Lai (Lực) Đại đội 1 đề nghị: cho xuất kích đánh địch, nhưng nhiều ý kiến đề nghị chờ địch lên xe, khi xe chúng lăn bánh đến bộ phận chặn đầu, thì bắt đầu xuất kích. Nếu địch lũng sục

sâu hơn và gặp đội hình giấu quân, ta sẽ nổ súng và vận động tiến công. Trong khi chỉ huy trưởng Nguyễn Minh Châu chưa kịp quyết định, thì địch đã đến gần bộ phận chủ yếu, lập tức trung úy Lai (Lực) chia bộ phận chủ yếu làm 3 mũi: vận động thọc sâu vào đội hình địch, nhưng gặp các chốt của địch ngăn chặn ác liệt, trung úy Lai và thượng úy Nguyễn một mặt phải tổ chức lực lượng đánh bật chốt, một mặt phải cho từng mũi vận động thẳng ra đường chia cắt đội hình địch.

Bộ phận khóa đuôi Đại đội 321, lợi dụng mặt dốc từ sườn đồi đánh xuống đường, cắt được đội hình địch, nhưng phía sau đuôi còn lại, địch bám vách đường và phía bên kia cầu chống cự quyết liệt. Lúc này chỉ huy trưởng phải cho sử dụng hai tiểu đội dự bị tăng cường cho bộ phận khóa đuôi và cho bộ phận chặn đầu của Đại đội 2 rời vị trí, vận động dọc theo đường đánh lên, hiệp đồng với Đại đội 1, nhưng khi đại đội này phát triển qua láng trống, thì gặp phải lực lượng địch ngăn chặn, tiểu đoàn phó Biên (Bính) và trung úy Tiến (Đồng) đại đội trưởng Đại đội 2, đã phải tổ chức hỏa lực đại liên và ĐKZ57 bắn dọc theo đường chia đơn vị thành hai mũi vận động theo mép suối phía đông đường, đánh vào sườn phải của địch.

Bộ phận đối diện và phân đội thượng liên phòng không do trung đội trưởng Thục và Phương (Em) chỉ huy, đã dùng hỏa lực với kỹ thuật xạ kích chính xác, điều luyện bắn quét đạn ghim xuống ta ly đường nơi địch đang bám trụ ra sức chống cự với bộ phận chủ yếu và khóa đuôi của ta, đã làm cho nhiều lính địch chết gục, sau đó hỏa lực chuyển làn bắn sang phía bên kia cầu,

chặn đội hình phía sau của địch, tạo thuận lợi cho các bộ phận đồng loạt xung phong ra đường bao vây, chia cắt tiêu diệt từng bộ phận địch. Sau khi làm chủ trên đường Đại đội 1 và Đại đội 321 phát triển qua cầu, đuổi đánh địch đến gần cứ điểm Kte.

Trận đánh giao thông trên đường 21 kéo dài này, diễn biến trong hai giờ liền khá phức tạp, nhưng dứt điểm thắng lớn, ta đánh thiệt hại nặng hai đại đội của tiểu đoàn 1/44 cộng hòa đi hộ tống và một trung đội bảo an chốt mở đường của cứ điểm Lách Tung, thu nhiều chiến lợi phẩm, phá 20 xe GMC.

Sau đó, Đại đội 2 Tiểu đoàn 840 và Đại đội 321 bố trí các bộ phận đánh viện ở hai đầu, bộ phận còn lại tập trung thu chiến lợi phẩm, chủ yếu là gạo chuyển từng đoạn ngắn vào rừng phía đông để cất dấu, Sở chỉ huy, Trạm cấp dưỡng cũng chuyển qua phía đông đường tập trung giải quyết việc thu dọn chiến trường.

Sau trận đánh hai giờ, máy bay trinh sát L19 cùng khu trục cơ địch đến quần lượn, có ý định ném bom, bắn phá, nhưng bộ phận thông tin của ta đã dùng máy bộ đàm đánh lừa, làm địch không phân biệt được, nên bay đi. Suốt trong trận này, thiếu úy Thái Mé, trung đội thông tin đã dùng bộ đàm thành thạo, bắt tin địch nhanh, chính xác và đóng vai bộ đàm địch điều khiển chúng theo ý đồ của ta khá thành công.

Ngày 13 tháng 8 năm 1963, Tiểu đoàn 840 rút về lại Liên Klang, Đại đội 321 ở lại tiếp tục bám đánh địch.

Trận đánh giao thông trên đường 21 kéo dài có ý nghĩa thiết thực, không những tiêu diệt địch, làm chủ

chiến trường trong nhiều giờ mà còn thu nhiều chiến lợi phẩm, nhất là gạo, đáp ứng được yêu cầu chính lúc bấy giờ. Tuy nhiên do tình hình địch phức tạp, nên thượng tá Tư lệnh quân khu không thực hiện được ý định ban đầu, dùng trung đội của trung úy Minh cải trang đánh cứ điểm Lách Tung.

Sau trận thắng, bộ đội ta đã được ăn những bữa cơm no thỏa thích, bù đắp lại những ngày nằm phục kích chờ địch, cơm vắt ăn không đủ no, anh em đã phải ăn độn thêm lá bép⁽¹⁾. Tuy vậy số gạo chiến lợi phẩm này cũng chỉ đắp đổi trong tháng 8 năm 1963. Mùa bắp, lúa, mì (sắn) năm 1963 do phải chống càn và căn cứ không ổn định, nên sản xuất chậm, triển vọng thu hoạch chẳng bao nhiêu. Do đó không những ở đơn vị mà các cơ quan của Khu cũng đứng trước sự đe dọa thiếu lương thực. Tất cả đều phải dè xẻn từng lon gạo trong những ngày mùa giáp hạt. Ba loại lá bép, măng le, trái gắm, được xem là loại lương thực chủ yếu. Muối phải chia thành từng phần nhỏ để quản lý. Từ đó mới có sáng kiến là “canh chung muối riêng” nhằm tiết kiệm tối đa loại thức ăn quý giá này. Các đơn vị cơ quan phải chia nhau trông gốc bép, dây gắm, (một dây gắm có đến hai, ba gùi trái) để quản lý và thu hoạch. Vậy là sau một năm chiến đấu gian khổ Tiểu đoàn 840 đã cùng với các lực lượng khác trên địa bàn chống địch càn quét gom dân bảo vệ hành lang, bảo vệ vùng căn cứ giải phóng. Thời gian này

(1) Một loại cây nhỏ thấp, lá mềm dẻo nhiều bột, ăn sống và nấu chín đều được, trái bép nhỏ hình bầu dục, bọc một lớp vỏ mỏng, ăn béo như hạt đậu rang.

ta gặp nhiều khó khăn, địch bung ra đánh phá ác liệt dài ngày, đường hành lang tiếp liệu bị gián đoạn, sản xuất bị đình đốn, ta lâm vào tình trạng đói cơm, lạt muối, phải ăn lá bép, trái gắm, măng rừng thay cơm. Nhưng cũng là thời kỳ tiểu đoàn đã khắc phục và vượt qua nhiều khó khăn “tả xông hữu đột” vừa đánh địch càn quét bảo vệ hành lang, bảo vệ dân vùng căn cứ giải phóng, vừa đánh sâu vào căn cứ hành quân, đồn bót địch, vừa bung ra phục kích vận động tiêu diệt địch, cắt đứt giao thông lấy lương thực vũ khí địch bồi dưỡng cho ta. Tiểu đoàn đã vượt qua bao thử thách, góp phần giữ được địa bàn Nam Tây Nguyên, giữ vững hành lang chiến lược Bắc – Nam.

Chương hai

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, LIÊN TỤC CHIẾN ĐẤU GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ TRÊN ĐỊA BÀN QUÂN KHU 6 (cuối 1963 – 1966)

I. SÔNG ĐỒNG NAI – LÂM ĐỒNG (cuối 1963 đầu 1964)

Những tháng cuối năm 1963 do thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên khắp chiến trường miền Nam, quốc sách ấp chiến lược của Mỹ – Diệm tỏ ra không hiệu quả, ách độc tài gia đình trị của Diệm, Nhu ngày càng quá quắt, đã làm cho nội bộ địch mâu thuẫn chống đối nhau gay gắt. Dẫn đến phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, đấu tranh chính trị của nhân dân lên cao, cùng với phong trào đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng của Phật giáo nổi lên rầm rộ, đòi lật đổ ách độc tài gia đình trị Ngô

Đình Diệm, đã buộc Mỹ phải thay ngựa giữa dòng. Ngày 01 tháng 11 năm 1963 các tướng lãnh ngụy do Dương Văn Minh cầm đầu làm đảo chính giết chết anh em Diệm, Nhu. Hầu hết các tay chân của Diệm, Nhu từ trung ương đến địa phương bị thay thế, bị bắt. Các tổ chức đảng cần lao nhân vị, phong trào cách mạng quốc gia, thanh niên cộng hòa, phụ nữ liên đới... đều bị giải tán. Khủng hoảng chính trị xã hội của ngụy ở miền Nam đang trở thành nan giải.

Tình hình đó, nhất là tình hình sau đảo chính Diệm, mật độ đánh phá của địch trên chiến trường toàn Miền và Khu 6 thưa dần, hầu hết các cuộc hành quân càn quét gom dân lập ấp chiến lược của địch đều bị quân dân ta bẻ gãy. Bộ máy chính quyền của ngụy ở nông thôn vốn xộc xệch, ngày càng xộc xệch hơn. Phong trào phá ấp chiến lược của nhân dân trở thành cao trào.

Trong lúc tình hình trên toàn Miền có nhiều thuận lợi, thì tháng 10 năm 1963 chiến trường Khu 6 có thay đổi. Cấp trên quyết định tách hai tỉnh Khánh Hòa và Đắk Lắk (trừ Quảng Đức) của Khu 6 giao lại cho Khu 5, nhưng Khu 6 nhận thêm tỉnh Phước Long và Lâm Đồng thuộc Khu 10. Như vậy Khu 6 lúc này bao gồm các tỉnh: Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng, Phước Long, Ninh Thuận và Bình Thuận (bao gồm Bình Tuy). Khu ủy và cơ quan Quân khu 6 chuyển vào bờ nam sông Đồng Nai tỉnh Lâm Đồng. Từ cuối tháng 10 năm 1963 Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 (thiếu) cũng chuyển quân qua đường 21 kéo dài, đường 14 bis vào

vùng căn cứ Bùi Khiêu, Lâm Đồng, để lại Đại đội 2 bộ binh do thượng úy Võ Như Loan, chính trị viên phó tiểu đoàn⁽¹⁾ và trung úy Trần Văn Đồng (Tiên) đại đội trưởng chỉ huy, tiếp tục đánh địch càn quét, bảo vệ sản xuất vùng căn cứ cũ và bàn giao chiến trường cho tỉnh Đắk Lắk. Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 22 tháng 12 năm 1963, Đại đội 2/840 đã tổ chức trận phục kích đoạn từ Rơ Chay đi Đầm Ròn diệt một số địch thuộc Trung đoàn 43/23 ngụy trong đó có tên thiếu tá Trần Văn Toàn, trung đoàn trưởng 43 (theo báo địch thú nhận). Đến tháng 01 năm 1964 đại đội này mới chuyển quân đi theo đường dây giao liên xuống Khánh Hòa, Bình Thuận, lên Lâm Đồng về vị trí của tiểu đoàn. Trên đường hành quân, Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 (thiếu) đã tham gia giúp các địa phương đánh địch, phá áp chiến lược trên đường 14 Bis đoạn Gia Nghĩa – Kinh Đa trong một tuần lễ, sau đó tiếp tục hành quân vào vị trí qui định.

Vị trí mới này là vùng căn cứ của đơn vị bạn đã có từ trước để lại. Ở đây đất rất thích hợp cho việc trồng bắp, mì (sắn), bạn đã tổ chức 20 trung đội sản xuất, mỗi trung đội có từ 20 – 25 người. Ngoài các trung đội sản

(1) Theo đồng chí Trần Văn Nguyễn, nguyên Chính trị viên phó Tiểu đoàn 840, thì đồng chí Nguyễn ở lại với Đại đội 2. Nhưng theo đồng chí Võ Như Loan nguyên Chính trị viên phó Tiểu đoàn 840 thì đồng chí Loan ở lại với đại đội 2/840 khi đưa đồng chí Võ Chí Công ra đến đường 21 đồng chí Loan Đại đội 2 theo đường hành lang Khánh Hòa – Ninh Thuận – Bình Thuận – Lâm Đồng về Tiểu đoàn tháng 01 năm 1964.

xuất mì, bắp, còn có các trung đội đánh cá trên sông, làm lò rèn, chế tạo vũ khí thô sơ, dụng cụ sản xuất, xưởng mộc đóng ghe xuồng để chuyển tải lương thực, nhu yếu phẩm được triển khai trên một vùng rộng lớn dọc theo lưu vực sông Đồng Nai, đoạn từ Bù Xa Lu Xiêng đến Tà Lài, Bù Cháp.

Đến nơi mới, công việc đầu tiên của tiểu đoàn là chuyển tải lương thực, chủ yếu là mì (sắn), học tập huấn luyện củng cố đơn vị, chuẩn bị chiến trường.

Tiểu đoàn khẩn trương triển khai khu vực sản xuất tự túc ở vùng Bù Khiêu trên 20 héc-ta do đồng chí Hai Rô đội trưởng sản xuất phụ trách, ngoài ra tiểu đoàn còn tổ chức bắn thịt, đánh cá và chuyển tải lương thực nhu yếu phẩm từ đồng bằng về.

Đặc biệt con sông Đồng Nai chảy qua căn cứ phía thượng lưu gọi là sông Đa Dung, cùng với các ngã sông Cam Ly, Đa Nhím hợp thành, chảy uốn quanh các dãy núi phía bắc Di Linh, Bảo Lộc, rồi đổ xuống Bù Lạch (Bujlah) và từ đó đến thác Tà Lài đáng đất tương đối bằng phẳng, nên lòng sông khá rộng, sâu, ghe xuồng xuôi ngược trên dòng sông khá dễ dàng và đã trở thành đoạn vận chuyển đường sông khá quan trọng của Quân khu 6 và của tiểu đoàn dọc hai bên bờ sông có nhiều tre, bụi rậm dày thành lũy, có đoạn từ bờ sông vào sâu hàng trăm mét, nối liền với các khu rừng rậm có độ ẩm cao. Mùa mưa nước sông Đồng Nai tràn vào tận rừng sâu, đến mãi khu vực Cát Tiên, đem theo phù sa màu mỡ và rất nhiều cá sông theo vào cánh đồng và các khu rừng thấp, có nơi mực nước sâu đến một mét gây nên lầy lội,

đi lại khó khăn, nhưng rất thuận lợi cho việc đánh bắt cá. Tiểu đoàn, cùng các cơ quan đơn vị bạn đã có sáng kiến rải lưới ngay trên các đường rừng để bắt cá. Mùa khô nước rút, ngoài việc đánh bắt cá trên sông, bộ đội ta còn tát bắt cá trên các trũng còn đọng nước. Thú rừng ở đây cũng khá nhiều, nhất là nai, về đêm thường xuống sông uống nước, rất dễ bắn. Thiếu úy Hà (Sơn), Châu và Phú của Tiểu đoàn đêm đến thường đội đèn, bơi thuyền trên sông, vừa đánh bắt cá, vừa bắn thú, có đêm chỉ một lúc các anh đã bắn được bốn, năm con thú rừng, về sau các anh đều trở thành kiện tướng bơi xuống đánh cá, săn thú và vận tải đường sông.

Cá và thịt rừng làm khô dự trữ để ăn dần khá dồi dào. Nhưng gạo ở vùng này rất hiếm, muốn có gạo phải đi tải từ Đất Cuốc về, rất khó khăn. Nên mọi người phải ăn mì, bắp thay cơm, gạo chỉ dành cho những người ốm hoặc dành cho tiệc liên hoan. Mặc dù khó khăn như vậy, nhưng so với vùng nam Đắk Lắk thì khá hơn nhiều, lương thực (mì, bắp, thịt cá) rau xanh... có đầy đủ. Do đó nếu như cái Tết Nguyên Đán 1962 – 1963 ở nam Đắk Lắk bộ đội đón cái Tết đậm bạc bao nhiêu thì Tết 1963 – 1964 ở đây mọi người ăn Tết rất rôm rả, chu đáo bấy nhiêu.

Cũng vào thời gian trên cán bộ tiểu đoàn có sự thay đổi đồng chí Bùi Đức Thành, Tiểu đoàn trưởng đi học ở Miền, đồng chí Võ Như Loan, Chính trị viên phó tiểu đoàn được điều đi làm Chính trị viên Tiểu đoàn 186/Quân khu 6. Trên bổ sung đại úy Phan Mậu về làm Tiểu đoàn trưởng và đại úy Võ Ngọc Đài về làm Chính trị viên tiểu đoàn.

II. CHIẾN TRƯỜNG PHƯỚC LONG VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM – CAM-PU-CHIA (giữa 1964 – giữa 1965)

Cuối năm 1963 và đầu năm 1964 tình hình chính trị ở miền Nam có những biến đổi sâu sắc, chế độ Diệm bị sụp đổ, Dương Văn Minh cầm quyền chưa được bao lâu, thì ngày 30 tháng 01 năm 1964 Nguyễn Khánh được Mỹ giật dây lật đổ Dương Văn Minh và tiếp sau đó là nhiều cuộc đảo chính liên tiếp diễn ra làm cho hàng ngũ địch thêm xáo trộn, chính quyền Sài Gòn công cụ chủ yếu thực hiện chính sách thực dân mới của đế quốc Mỹ xâm lược ở miền Nam đang lâm vào cảnh khủng hoảng triền miên khó khắc phục được.

Tháng 12 năm 1963, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, sau khi nhận định tình hình đã đề ra phương hướng cách mạng miền Nam *“Kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang một cách linh hoạt, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều đóng vai trò rất cơ bản và quyết định, nhưng đấu tranh quân sự đóng vai trò trực tiếp quyết định trong việc đánh tan lực lượng quân sự của địch làm cho cách mạng thắng lợi”*.

Tháng 05 năm 1964 Hội nghị Quân khu ủy 6 kiểm điểm đánh giá tình hình chung và đề ra nhiệm vụ quân sự của quân khu trong thời gian tới *“tập trung mọi lực lượng tiến công phá áp chiến lược, mở rộng vùng căn cứ giải phóng tiêu hao và tiêu diệt sinh lực địch, nỗ lực xây dựng lực lượng ta về mọi mặt”*.

Đến tháng 6 năm 1964 Khu ủy 6 mở hội nghị lần 3

xác định nhiệm vụ: *“Trong thời gian tới phải đưa phong trào toàn khu lên một bước mới, đẩy mạnh đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang nhằm đập tan âm mưu địch củng cố lại ấp chiến lược, đánh phá căn cứ, cắt đứt đường hành lang của ta. Mở rộng vùng làm chủ và tranh chấp trên đại bộ phận nông thôn đồng bằng, củng cố mở rộng căn cứ địa, thu hẹp vùng kiểm soát của địch, đáp ứng nhiệm vụ xây dựng hành lang trước mắt và sau này. Đồng thời ra sức xây dựng và phát triển lực lượng ta về mọi mặt đáp ứng yêu cầu phát triển của phong trào”.*

Để chuẩn bị phối hợp chiến trường chung toàn Miền, tháng 07 năm 1964 Quân khu chủ trương mở đợt hoạt động Thu Đông năm 1964 trên địa bàn Phước Long, nhằm:

- Tiêu diệt, tiêu hao một bộ phận sinh lực địch bồi dưỡng lực lượng ta.

- Đẩy mạnh phong trào phá ấp, giành dân, mở rộng căn cứ bảo đảm hành lang.

- Qua tác chiến nâng cao trình độ lực lượng của ta lên.

Lúc này Quân khu đã chuyển Tiểu đoàn 840 (thiếu) sang đứng hoạt động ở Phước Long, vừa hỗ trợ cho phong trào phá ấp giành dân ở địa phương, vừa chuẩn bị chiến trường cho hoạt động Đông Xuân 1964 – 1965 theo kế hoạch chung của Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền.

Tình hình tỉnh Phước Long sau khi sáp nhập vào Khu 6 được xác định là một trong những tỉnh trọng điểm của khu, một địa bàn chiến lược, một vùng căn cứ

lớn (bao gồm một phần tỉnh Quảng Đức và Lâm Đồng) nối liền Nam Tây Nguyên, biên giới Cam-pu-chia và miền Đông Nam Bộ, nơi đón nhận lực lượng, vũ khí đạn dược từ miền Bắc vào, Cam-pu-chia sang, rồi rút xuống chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ. Dân cư phần lớn nằm trên các trục đường 14, đường số 2, số 3, số 10 và đồn điền cao su Phú Riềng, Thuận Lợi, các dinh điền đồng bào miền Trung sau 1954 di cư đến. Về tổ chức ngoài các quận theo phân chia của địch như: Đồng Xoài (Đôn Luân), Bù Đăng (Đức Phong), Bù Đốp (Bố Đức) còn thêm quận Kiến Đức của tỉnh Quảng Đức, tách K50 vùng căn cứ dọc theo tây sông Đồng Nai từ Bù Cháp đến nam Đạo Nghĩa trực thuộc Khu ủy 6. Tình hình địch ở tỉnh này cũng gần giống như ở các tỉnh nam Tây Nguyên. Lực lượng tiểu khu Phước Long có Tiểu đoàn 34 biệt động, một chi đoàn xe bọc thép có cả xe “Nồi đồng Mả Lai” và một số đại đội, trung đội bảo an đóng cứ điểm Bu Prăng, Bôm Ría, Tuy Đức, cầu 38 bảo vệ các trục giao thông và kiểm soát dân, các khu dinh điền, áp chiến lược có từ một đến hai trung đội dân vệ giữ ấp, ngoài ra có hai trại biệt kích Bù Đốp và Bù Gia Mập, mỗi nơi thường xuyên có một đến hai đại đội biệt kích, huấn luyện lối đánh biệt kích vùng rừng núi dọc theo tuyến biên giới Phước Long – Cam-pu-chia. Vì hoạt động của ta ở đây có mức độ, nên địch chỉ o ép phong trào, chưa có triển khai đối phó lớn, chủ yếu là tiếp tục khai phá mở mang và củng cố hệ thống áp chiến lược – với tên mới là ấp Tân Sinh.

Về ta, lực lượng vũ trang của tỉnh Phước Long lúc bấy giờ chưa đầy một đại đội, các huyện có từ một tiểu

đội đến một trung đội. Chủ lực, ngoài Tiểu đoàn 840 đứng hoạt động trên địa bàn tỉnh, Quân khu 6 bổ sung cho tỉnh Đại đội 273 (Đại đội căn cứ của Khu 10 cũ để lại). Tỉnh ủy và Tỉnh đội đứng ở vùng sông Đất Quít (Đak Hoyt) sát biên giới Cam-pu-chia, khi địch càn, tình hình căng thẳng thì dùng bè nứa qua sông Đất Quít phía Cam-pu-chia rồi nhận chìm bè để che mắt địch, khi tình hình yên ổn thì trở về lại đất Phước Long. Lợi dụng ranh giới giữa tỉnh Phước Long và Quảng Đức làm đường hành lang qua đường 14 cũ, đoạn giữa Bù Gia Mập và Bù Prăng vào K4 rồi qua đường 14 đoạn giữa Bù Đăng và Kiến Đức đến sông Đồng Nai. Về hậu cần lương thực ở đây tương đối dễ dàng ngoài việc thu mua gạo ở các dinh điền, còn có xe vận tải thương nhân, xe khai thác gỗ của cơ sở từ Sài Gòn theo đường 14 lên, đổ gạo xuống vùng Dâm Klang bắc Bù Đăng và đường 10.

Mùa mưa 1964 Tiểu đoàn 840 (thiếu) và lực lượng vũ trang của tỉnh Phước Long hoạt động khá tích cực: từ đánh phá ấp, phục kích trên đường 14 đoạn từ Bù Đăng đến Tuy Đức vòng xuống Bù Gia Phúc, đánh diệt một trung đội dân vệ ở ấp Đạch (gần ngã ba Bù Gia Phúc), Bù Xia, đánh cứ điểm cầu Đức Hạnh diệt một trung đội dân vệ và làm tan rã nhiều trung đội dân vệ khác, ngày 05 tháng 09 năm 1964 đánh điểm Bom Ría một cứ điểm nằm trên một ngọn đồi phía bắc trục đường số 10, do một đại đội bảo an chiếm giữ, khống chế và kiểm soát dân vùng Bom Ría và trục đường 10. Con đường 10 đất đá sỏi, từ đường 14 (còn gọi ngã ba đường 10, km 42 nam Bù Đăng 6 ki-lô-mét) cắt qua giữa vùng căn cứ K4 đến ngã ba Bù-yam-phúc (Buyampuc) giáp đường 14 cũ

đoạn giữa Bù Đốp và Bù Gia Mập, địch đã gom dân Thượng vùng căn cứ K4 và dân Kinh các tỉnh miền Trung lên lập khu dinh điền ở xen kẽ nhau trên trục đường này. Lực lượng tham gia đánh trận này gồm có Đại đội đặc công, Đại đội 1/840 do đại úy Phan Mậu tiểu đoàn trưởng và Vũ Ngọc Đài chính trị viên chỉ huy, tổ chức thành hai mũi, áp dụng lối đánh đặc công, lợi dụng đường rừng gần vùng căn cứ tiếp cận nhanh, đúng 24 giờ khuya cả hai mũi đều áp sát vào địch, thấy chưa có động tĩnh gì đáng kể, mũi chủ yếu của Thanh (Liêm) đã tranh thủ tổ chức một bộ phận từng bước mò vào bên trong, bất ngờ nổ súng từ trong đánh ra và hiệp đồng với hai mũi còn lại từ ngoài đánh vào. Tuy bị bất ngờ, nhưng địch vẫn bám lô cốt phía nam ngoan cố chống cự buộc Thanh (Liêm) phải chỉ huy mũi của mình đánh vòng xuống dập tắt sức đề kháng của lô cốt này và anh đã anh dũng hy sinh⁽¹⁾.

Đợt hoạt động trên tuy kết quả còn bị hạn chế, nhưng diện hoạt động rộng rãi trên trục đường 10 và 14, phá được thế yên tĩnh của địch, tạo thế cho ta bước vào Đông Xuân 1964 – 1965.

Cuối 1964 tình hình trên chiến trường toàn Miền có những chuyển biến mới: với chiêu bài “dân chủ cải cách”, “ấp tân sinh” nhưng địch vẫn không thay đổi được

(1) Thiếu úy Thanh (Liêm) quê Hàm Thuận, Bình Thuận tham gia bộ đội từ những ngày chống Pháp, 1954 tập kết ra Bắc, học đặc công, 1960 trở về Nam chiến đấu và anh đã là ngôi sao sáng trong các trận đánh đặc công từ chiến trường Khánh Hòa, Ninh Thuận đến nam Đắk Lắk và Phước Long..

tình thế. Tinh thần sôi sục cách mạng của quần chúng càng dâng cao mạnh mẽ, hiệu lực kèm của địch bị giảm sút, nhiều ấp, xã rệu rã, đang đòi hỏi lực lượng vũ trang phải có sự đáp ứng hỗ trợ cho phong trào.

Cũng vào thời gian trên lực lượng vũ trang quân khu được bổ sung thêm: ngoài số rút gọn của cơ quan, các đội sản xuất và du kích vùng căn cứ còn có Tiểu đoàn 130 (thiếu) do thượng úy Trần Thọ, tiểu đoàn trưởng và thượng úy Trinh, chính trị viên, hai đại đội của Lữ đoàn 305 do Mai Toàn, đại đội trưởng Đại đội 54, Võ Lự, đại đội trưởng Đại đội 55 và Đại đội pháo 70 do Song Phụng, đại đội trưởng từ miền Bắc vào, Quân khu đã bổ sung Đại đội 54 cho Tiểu đoàn 840, Đại đội 55 cho Tiểu đoàn 186 và Đại đội pháo 70 cho Tiểu đoàn trợ chiến 145.

Bước vào mùa khô 1964 – 1965 với tinh thần khí thế mới, bung ra đánh địch, trụ lại phá ấp giành dân, Quân khu sử dụng Tiểu đoàn 840 cùng với các lực lượng tỉnh hoạt động trên trục đường 10 Phước Long.

Ban chỉ huy và Đảng ủy đường 10 được Quân khu chỉ định gồm các đồng chí: Nguyễn Như Phong, Tỉnh đội trưởng Phước Long làm Chỉ huy trưởng, đại úy Phan Mậu, Tiểu đoàn trưởng 840, đại úy Nguyễn Thông, cán bộ Tham mưu quân khu làm Chỉ huy phó và đại úy Vũ Ngọc Đài, Chính trị viên 840 làm Chính trị viên phó. Mở màn cho đợt hoạt động đêm 05 tháng 11 năm 1964 Tiểu đoàn 840 sử dụng Đại đội 2 đánh ấp Bù Bông, một ấp nhỏ người Thượng khoảng 150 dân, có một trung đội dân vệ chiếm giữ, nằm sát bờ sông Đất Lấp (Đăkrlap) cách ngã ba đường 10 khoảng 2.500 mét. Trong đêm, ta

đánh tan trung đội dân vệ và chiếm ấp, sau đó để lại một tiểu đội bám trụ ấp và Đại đội 2 chuyển sang phục kích đoạn giữa cầu sông Đất Lấp và ngã ba đường 10. Mờ sáng hôm sau ngày 06 tháng 11 năm 1964 đại đội bảo an 113 từ chi khu Bù Đăng viện đến, ta nổ súng tiêu diệt đại đội này, thu vũ khí bắt sống bảy tù binh, trong đó có tên thiếu úy Thanh, đại đội trưởng đại đội bảo an 113. Còn Tiểu đoàn 840 (thiếu) phục kích đoạn giữa Bôm Ría và Bù Bông đón đánh đại đội bảo an Bôm Ría và viện của tiểu khu, nhưng sau hai ngày địch không đi, ta chuyển sang bao vây đánh ấp Bôm Ría, một ấp lớn trên 400 dân Thượng có một đại đội bảo an và hai trung đội dân vệ chiếm giữ (đại đội bảo an Bôm Ría này cơ động trong khu vực từ Bù Bông đến nam cầu Đức Hạnh), nhưng do ta bao vây không chặt, nên địch đã cắt rừng tháo chạy qua sông về phía Phước Tín (tây nam Bôm Ría).

Tiếp theo Tiểu đoàn 840 để lại Đại đội 2 bám ấp Bôm Ría và Bù Bông tiếp tục truy quét địch cùng với lực lượng chính trị địa phương phát động quần chúng, tiểu đoàn (thiếu) chuyển lên đánh địch ở Bù Xia. Đức Hạnh một dinh điền lớn nằm dọc theo bờ tây sông Đắc Khe (nhánh Sông Bé), dài bốn ki-lô-mét chia thành hai khu vực: ấp Bù Xia, chừng 200 dân Thượng có một trung đội dân vệ nằm ở phía bắc đường 10. Dinh điền Đức Hạnh chia ba thôn, khoảng 800 dân Kinh miền Trung Quảng Nam, Quảng Ngãi có ba trung đội dân vệ chiếm giữ nằm ở phía nam đường 10. Tại ngã ba Đức Hạnh, đường 10 có đường đi Phú Văn, Phước Quả và đường đi thị xã Phước Long, địch gọi là đường Ngô Đình Thục.

Tiến hành đánh trận này, Tiểu đoàn 840 phải hành quân từ phía K4 qua sông Đắc Khe (sông Đức Hạnh) tập kết lực lượng phía bắc ấp Bù Xia hai ki-lô-mét. Lợi dụng đường rừng ta hành quân tiếp cận ban ngày, bố trí sát bìa rẫy cách ấp từ 50 đến 70 mét, chiều ngày 25 tháng 12 năm 1964 các mũi các cánh của ta đồng loạt nổ súng vận động bao vây tiêu diệt địch. Bị đánh bất ngờ địch chạy tán loạn, ta chiếm lĩnh và làm chủ ấp. Trong đêm Tiểu đoàn 840 (thiếu) chuyển lực lượng bố trí đánh viện của tiểu khu: Đại đội 54 + Đại đội 4 bố trí rìa ấp đón đánh địch trên đường Ngô Đình Thục (đường Đức Hạnh đi Phước Long) Đại đội 1 cơ động bố trí ngã ba Đức Hạnh đường 10. Sáng hôm sau địch tập hợp đại đội bảo an Bôm Ría (đại đội này bị ta đánh ở Bôm Ría tháo chạy về tiểu khu) đại đội bảo an Phước Bình, đại đội thám kích tiểu khu và một số trung đội dân vệ, chia thành hai cánh: một đại đội ven sông từ phía Phú Văn đánh lên, hai đại đội theo đường Ngô Đình Thục đánh vào trận địa Đại đội 54 Tiểu đoàn 840, trận chiến đấu diễn ra suốt ngày. Buổi sáng ta đánh thiệt hại hai đại đội bảo an trước rìa ấp đường Ngô Đình Thục và đánh bật đại đội thám kích lọt dưới sông Đức Hạnh. Buổi chiều địch huy động lực lượng tàn quân của các đại đội bảo an và thám kích, chi đội xe bọc thép và hai đại đội của Tiểu đoàn 34 biệt động quân chia nhiều mũi, nhiều cánh ồ ạt tiến công vào trận địa Đại đội 54 và Đại đội 4 Tiểu đoàn 840. Lợi dụng ưu thế địa hình và công sự gỗ đất khá vững chắc trên các ngọn đồi rìa ấp có tiền duyên cánh đồng ruộng nước, đại đội trưởng 54 Mai Toàn và đại đội trưởng Đại đội 4 Phạm Quang Pháp đã

dành cho địch một bất ngờ lớn, chờ cho địch vượt qua cánh đồng nước, tiến sát rìa ấp phơi mình dưới tầm hỏa lực của ta, trung úy Toàn cho nổ súng ghìm xác địch dưới cánh đồng nước, thượng úy Phạm Quang Pháp và trung úy Ngôn cho cối 82 ly, ĐKZ và đại liên đánh vào xe bọc thép và các cụm hỏa lực yểm trợ của địch phía bên cánh đồng. Cùng lúc Tham mưu trưởng tiểu đoàn Khuê và đại đội trưởng Cao Thanh Sơn (Tâm) cho Đại đội 1 vận động từ xa, vượt qua cánh đồng, kẹp bìa rừng vòng đánh vào sườn địch. Trận đánh kéo dài gần chiều tối, các chiến sĩ Tiểu đoàn 840 ồ ạt xung phong dẫm lên xác địch, xác xe bọc thép đang bốc cháy và truy kích địch trên đường Ngô Đình Thục đến tận nhà thờ Ngô Đình Thục (bờ bắc Sông Bé gần thị xã Phước Long).

Trận đánh Đức Hạnh ngày 26 tháng 12 năm 1964 tiêu diệt địch không gọn, là do Ban Chỉ huy đường 10 đánh giá về địch không hết, vì sau hai lần phục kích Bù Đông và Bóp Ría địch không viện, nên trận này đã không dồn sức chọn một quyết chiến điểm phục kích trên đường Ngô Đình Thục. Tuy vậy trận Đức Hạnh đã đánh bại cuộc hành quân tái chiếm của địch. Lần đầu tiêu Tiểu đoàn 840 (thiếu) trên chiến trường Phước Long đã tổ chức lực lượng bám trụ (phòng ngự điểm tựa) kết hợp với lực lượng vận động đánh địch phản kích với một lực lượng địch tương đối lớn, bắn rơi một máy bay, phá hủy hai xe bọc thép, đánh thiệt hại nặng năm đại đội, ba trung đội địch, làm chủ chiến trường, thu vũ khí và là trận có ý nghĩa quyết định trong việc giải phóng đường 10, uy hiếp mạnh mẽ phía bắc đông – bắc thị xã Phước Long.

Tiếp theo Đại đội 1 và Đại đội 4/840 phát triển theo trục đường số 10 đánh phá ấp Bù Đàm, Bù Gia Phúc và Khắc Khoan, Đại đội 54 ở lại bám trụ dinh điền Đức Hạnh cùng với lực lượng chính trị của địa phương làm chủ ấp phát động phong trào du kích chiến tranh và tiếp tục đánh địch lấn chiếm giành thêm thắng lợi và Đại đội 54 được nhân dân vùng này gọi là “đại đội Đức Hạnh” với tất cả ý nghĩa: công tác dân vận tốt, đánh giặc giỏi, bám trụ kiên cường, địch đi hướng nào cũng bị đánh, truy kích địch đến cùng và bao giờ đại đội cũng có một phân đội luôn rình, đánh vào bên sườn phía sau, chặn đường rút của địch, các đại đội bảo an khiếp sợ, nghe tiếng súng “đại đội Đức Hạnh” là tháo chạy.

Gần những ngày giáp Tết Nguyên đán 1965, Đại đội 54 để lại một trung đội bám trụ và ăn Tết với dân Đức Hạnh, bộ phận còn lại rút về đội hình của Tiểu đoàn ăn Tết trước và chuẩn bị đánh chi khu Đức Phong (Bù Đăng) vào dịp sau ngày ngưng chiến Tết Nguyên đán nhằm gây thối động cô lập vây ép địch và mở rộng thêm vùng giải phóng trên trục đường 14, nhất là dinh điền Vĩnh Thiện và thị trấn Bù Đăng. Chi khu Đức Phong nằm trên đường 14, cả chi khu và quận hành chính đều ở phía tây đường. Chi khu nằm trên một ngọn đồi thấp thoải, không chế được cả thị trấn Bù Đăng do một đại đội bảo an chiếm giữ, quận hành chính cách chi khu chừng 350 mét về phía nam, nằm trên một gò đất bằng phẳng sát đường, do hai trung đội dân vệ và bộ máy hành chính quận chiếm giữ.

Trận đánh đặt dưới sự chỉ đạo chỉ huy của Ban Chỉ huy đường 10, Tiểu đoàn 840 đã sử dụng Đại đội 5 đặc

công, Đại đội 2 tổ chức thành hai mũi do Phan Mậu, Tiểu đoàn trưởng, Vũ Ngọc Đài Chính trị viên chỉ huy đánh vào chi khu, Đại đội 1 phối hợp với một đội đặc công của Đại đội 5 tổ chức thành hai mũi do đại úy Thông, Chỉ huy phó, Nguyễn Khuê, Tham mưu trưởng tiểu đoàn chỉ huy đánh vào quận hành chính. Đại đội 54 (thiếu) và phân đội ĐKZ57 của Đại đội 4 do Nguyễn Lam (Huệ), Tiểu đoàn phó 840 và Mai Toàn, đại đội trưởng Đại đội 54 chỉ huy, bố trí đánh viện tiểu khu, đoạn gần ngã ba đường 10.

Diễn biến trận đánh khá thuận lợi. Chiều ngày ngưng chiến cuối cùng của Tết Nguyên đán, các đơn vị tham chiến đã hành quân đến vị trí tập kết ở phía tây Bù Đăng, tổ chức vượt sông Đất Lấp và bí mật vượt tiếp nhánh sông Lấp, con sông nhánh này nhỏ hẹp gần chi khu ta có thể khắc phục đánh từ phía nhánh sông Lấp lên, địch sẽ bị bất ngờ.

1 giờ 45 phút các mũi, các cánh đã tiềm nhập sát mục tiêu chờ lệnh nổ súng. Lợi dụng khe nước xoáy mòn từ trên đồi chi khu chảy xuống, mũi đặc công của Thanh (Xối) đã tiềm nhập lọt vào chi khu, bất ngờ nổ súng diệt tên lính gác ngay tại mép chiến hào và nhanh chóng đánh vào sở chỉ huy diệt tên cố vấn Mỹ và tên chi khu trưởng ngay từ đầu. Các mũi, các cánh khác đã nhanh chóng ồ ạt tràn ngập vào chi khu và quận hành chính.

Sau 25 phút chiến đấu ta đã làm chủ cả chi khu và quận hành chính, thu chiến lợi phẩm, nhất là vũ khí đạn dược. Ban Chỉ huy trận đánh đã huy động cả lực lượng phía sau của tỉnh, chia thành nhiều cung đoạn

tham gia chuyển tải đưa vào rừng cất dấu suốt cả đêm và sáng hôm sau.

Trưa ngày hôm sau, nhiều đợt trực thăng đổ một tiểu đoàn địch xuống phía Bù Mua, bắc Bù Đăng hai ki-lô-mét, chia hai cánh tiến đánh vào chi khu. Trung đội cảnh giới của Đại đội 2/840 nổ súng đánh địch, rồi rút về phía sông Lấp, không kiên cường bám trụ, mặc dù ta có ưu thế chiếm giữ làm chủ chi khu. Mặt khác, Ban Chỉ huy đường 10 dự đoán về địch không đúng, sử dụng lực lượng đánh viện không rõ ràng, nặng đánh viện đường bộ, nên sau khi dứt điểm chi khu Bù Đăng đã đưa thêm lực lượng cho bộ phận đánh viện ở ngã ba đường 10 và dồn sức chuyển tải chiến lợi phẩm, thiếu hẳn một lực lượng bám trụ (phòng ngự cần thiết đánh viện đổ bộ đường không).

Tuy vậy, trận tiêu diệt chi khu Bù Đăng đã kết thúc thắng lợi giòn giã đợt hoạt động mùa khô 1964 – 1965 trên chiến trường Phước Long, giải phóng đường 10 với trên 15.000 dân. Vùng căn cứ của tỉnh mở rộng uy hiếp mạnh mẽ phía bắc thị xã Phước Long, dân vệ nhiều ấp tan rã, địch co về giữ chi khu, thị xã, vùng nông thôn theo trục đường 14 từ Bù Na đến Vĩnh Thiện, đường Đức Liễu – Phước Bình và Đường Ngô Đình Thục, lực lượng ta qua lại có dễ dàng hơn, tạo thuận lợi cho những hoạt động lớn của chủ lực Miền vào mùa hè 1965.

Tiếp theo Tiểu đoàn phân tán một bộ phận lực lượng cùng với địa phương xây dựng và mở rộng phong trào vùng Bù Đăng, Vĩnh Thiện và Đức Hạnh, Phú Văn. Sau chiến thắng đường 10, Bù Đăng, Tiểu đoàn đã dành

thời gian học tập huấn luyện chiến kỹ thuật, vì vậy mà sức chiến đấu của Tiểu đoàn được nâng lên.

III. TIỂU ĐOÀN 840 TRONG CHIẾN DỊCH PHƯỚC LONG

Mùa hè 1965, chủ lực Miền mở chiến dịch Phước Long – Đồng Xoài, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng đẩy địch suy sụp thêm một bước, mở rộng vùng căn cứ giải phóng Chiến khu Đ, nâng trình độ đánh tiêu diệt của bộ đội ta và đó cũng là những yêu cầu bức thiết của phong trào lúc bấy giờ, chiến dịch mở trên phạm vi rộng ba quận: Phước Bình, Đồng Xoài, Bù Đốp và thị xã Phước Long. Thời gian chiến dịch dài hơn hai tháng từ 11 tháng 5 đến 22 tháng 7, lực lượng tham gia gồm có ba trung đoàn chủ lực Miền, Tiểu đoàn 840 của Quân khu 6 và lực lượng tỉnh Phước Long. Do thiếu tướng Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh chiến dịch. Thiếu tướng Trần Độ làm Chính ủy, đại tá Hoàng Cầm, đại tá Nguyễn Minh Châu làm Phó tư lệnh, đồng chí Lê Chân làm Phó chính ủy. Chiến dịch chia làm ba đợt: đợt 1 Tiểu đoàn 1 của Trung đoàn 2 đánh chi khu Phước Bình, Trung đoàn 2 (thiếu) cùng Trung đoàn 3 phục đánh quân viện đổ bộ đường không, đoạn Phước Bình và Phước Long; Tiểu đoàn 840 Quân khu 6 và Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 1 và hai trung đội đặc công, tám đại đội trợ chiến (hai sơn pháo 75 mm, tám ĐKZ 75, tám cối 82, 8 trọng đại liên) đánh vào thị xã Phước Long, Trung đoàn 1 (thiếu) dự bị chiến dịch.

Cánh quân đánh vào thị xã Phước Long do đại tá Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà), Tư lệnh Quân khu 6, Phó tư lệnh chiến dịch làm chỉ huy trưởng. Thị xã Phước

Long nằm phía nam Sông Bé con sông “Rồng nước” này bao bọc quanh phía bắc và phía tây thị xã, tạo ra sự ngăn cách giữa thị xã và các vùng lân cận, các con đường từ Phước Bình, Thác Mơ phía nam, Đức Hạnh, Khắc Khoan phía bắc qua cầu Đaklung đi vào thị xã gần như độc đạo. Lực lượng địch ở đây có tiểu đoàn 34/biệt động quân, chi đội xe bọc thép, đại đội thám kích, đại đội pháo binh (2 khẩu 105 ly). Ba đại đội địa phương quân, năm trung đội nghĩa quân, hai đoàn binh định, đoàn cố vấn Mỹ và bộ máy tiểu khu cảnh sát hành chính tỉnh. Sau khi nhận nhiệm vụ tại Bộ Tư lệnh chiến dịch, đại tá Nguyễn Minh Châu, Chỉ huy trưởng lực lượng đánh vào thị xã Phước Long, đề nghị xin Tư lệnh chiến dịch 50 súng B40, 41 và AK để trang bị thêm cho Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 để có đủ sức đảm nhiệm hướng chủ yếu đánh vào thị xã. Đề nghị của Chỉ huy trưởng được thiếu tướng Lê Trọng Tấn (Ba Long), Tư lệnh chiến dịch đồng ý, Chỉ huy trưởng vô cùng phấn khởi và lập tức đích thân đi lấy ngay phiếu nhận rồi cùng với người cần vụ đến kho nhận lãnh và tự mình tổ chức chuyển làm nhiều chuyến về trạm Mã Đà cách đó chừng 1.500 mét, sau đó đồng chí điện khẩn cho Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 cho một trung đội đến trạm nhận chuyển về đơn vị. Việc làm khẩn trương trên của Chỉ huy trưởng có lý do là: lúc bấy giờ các loại vũ khí trên đây còn quá ít, chỉ dành để trang bị cho các trung đoàn chủ lực Miền mà thôi và các đơn vị chỉ huy Miền khi đến nhận lãnh phải xếp hàng lần lượt chờ các chuyến tải vũ khí từ bờ biển Xuyên Mộc, Bà Rịa lên (tàu vận chuyển vũ khí của ta theo đường biển từ miền Bắc vào). Việc tiểu đoàn được Miền trang

bị thêm 50 súng AK và B40, 41 loại đã được luyện tập trên thao trường miền Bắc càng làm tăng thêm sức chiến đấu của tiểu đoàn và đây là lần đầu tiên Quân khu 6 được trang bị các loại vũ khí này.

Đối với cánh quân đánh vào thị xã Phước Long công tác tổ chức hiệp đồng hành quân tiếp cận thị xã Phước Long nhiều hướng và đánh vào nhiều mục tiêu khác nhau, nên diễn biến khá phức tạp: Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 1 và bộ phận hỏa lực của Miền trong đó có hai sơn pháo 75 ly hành quân từ Mã Đà lên Bù Na qua đường 10 để cùng với Tiểu đoàn 840 từ phía đông bắc đánh vào tiểu khu Phước Long, trận địa sơn pháo 75 chiếm lĩnh đồi không tên phía bắc Sông Bé bắn vào tầng cao tiểu khu: hai trung đội đặc công của Miền từ phía tây đánh vào khu cư xá Mỹ. Tuy đã có chuẩn bị chiến trường từ trước, nhưng sau khi nhận mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh chiến dịch về để nắm chắc tình hình đại tá Nguyễn Minh Châu đã phái một bộ phận đặc công trinh sát do đồng chí Khuê tham mưu trưởng 840 chỉ huy đi trinh sát thực địa lần cuối và quay trở về vị trí dừng quân tại Bù Dầm trước ngày 09 tháng 05 năm 1965 để kịp triển khai lực lượng và tổ chức hiệp đồng với các bộ phận. Sau khi nghe báo cáo tình hình đường đi, nơi tiếp cận, đại tá Châu đã cho bộ đội bí mật vượt qua đường Ngô Đình Thục và ém quân tại bờ bắc Sông Bé, đoạn đối diện với ngã ba Thác Mơ đêm 09 tháng 5 năm 1965. Ngày 10 tháng 5 năm 1965, chừng một tiểu đội thám báo địch lúng lúng vào khu vực tạm dừng chân, buộc bộ phận cảnh giới của Tiểu đoàn 840 phải nổ súng và địch đã tháo chạy. Cả cánh quân đang tiếp cận vào thị xã

phải nép mình bên bờ Sông Bé, chuẩn bị đối phó với những tình huống đột biến lớn hơn có thể xảy ra. Nhưng sau một lúc nghe máy bộ đàm, chúng báo về tiểu khu “chỉ gặp năm du kích nhỏ”. Chiều tối đến ta tổ chức vượt sông, con Sông Bé ở đoạn gần Thác Mơ uốn quanh thị xã Phước Long vẫn nhiều thác ghềnh phải ngã cây bắc cầu từng đoạn mới có thể cho pháo đi cùng qua được.

Sau khi vượt sông, trung tá Lê Thành Cộng (Mười Cộng), Tham mưu trưởng cánh đã đưa một trung đội của Đại đội 54 dự bị lên đồi gần ngã ba Thác Mơ để đặt sở chỉ huy cánh, đã buộc phải nổ súng với một trung đội địch nằm ngoài, nhưng địch vẫn cho đó là lực lượng ta lên vào đánh ấp. Trong lúc công tác triển khai chiếm lĩnh của ta tiến hành rất khẩn trương đang vượt khó khăn, chạy đua với đêm tối để kịp giờ G của chiến dịch. Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 1 sau khi vượt sông, đã đưa đội hình vào triển khai gần ngã tư Hiền, đánh vào khu bảo an. Tiểu đoàn 840 sau khi qua sông đã men theo bờ nam đến gần cầu Sông Bé 300 mét, leo lên vách đứng của bờ sông khá cao, vượt qua đường đưa đội hình lọt vào sân bay Phước Long, triển khai thành hai mũi: Đại đội 1/840 đột phá vào ty Cảnh sát, đánh vào chính diện tiểu khu: Đại đội 5 đặc công và Đại đội 2/840 đột phá vào khu trung tâm thông tin, trận địa pháo, đánh vào sườn phải tiểu khu: Đại đội 54 (thiếu) dự bị, các hỏa lực gồm Đại đội cối 82 mm (4 khẩu), Đại đội ĐKZ 75 (4 khẩu), Đại đội trọng liên 12.8 mm (4 khẩu) của Miền cùng với Đại đội cối 82 mm (thiếu) hai khẩu, Đại đội ĐKZ 75 (thiếu) hai khẩu, Đại đội trọng liên (4 khẩu) của quân khu phối thuộc cho Tiểu đoàn 840 cùng đại đội trợ chiến của tiểu

đoàn có hai cối 82 mm, hai ĐKZ 57 và hai đại liên đã triển khai chiếm lĩnh trận địa trên khu vực rộng lớn phía bắc sân bay, sẵn sàng bắn vào các mục tiêu và chi viện trực tiếp cho các lực lượng chiến đấu. Tuy có nhiều đại đội trợ chiến của Miền và Quân khu tăng cường cho tiểu đoàn chiến đấu, nhưng do hành quân xa, quân số giảm sút (đau ốm rơi rớt dọc đường) sức mang vác có hạn: nên lượng đạn không đầy một cơ số, nhưng dù sao thì việc đưa được các phân đội trợ chiến trên löt hết vào sân bay thị xã và những phút đầu pháo chuẩn bị đã dồn dập chế áp được các mục tiêu địch, tạo điều kiện cho các mũi đột đánh chiếm Ty Cảnh sát, khu thông tin và trận địa pháo là một kỳ công của cánh này. Tiếp theo, cả hai mũi Đại đội 1 và Đại đội 2/840 đột phá vào tiểu khu, tòa hành chính không thành công, hai sơn pháo 75 của ta từ đồi không tên phía bắc Sông Bé bắn vào lô cốt, tầng gác tiểu khu không chính xác, mặt khác việc tổ chức hỏa lực và hiệp đồng giữa bộ binh và hỏa lực kém, các đại đội cối, ĐKZ trong giai đoạn pháo chuẩn bị tuy có chế áp được địch, nhưng khi các đại đội bộ binh phát triển chiến đấu, ĐKZ không đi cùng, cối không di chuyển trận địa, nên không chi viện kịp thời, chính xác được cho các mũi đột phá, trung úy Cao Thanh Sơn (Tâm), Đại đội trưởng Đại đội 1 đã hy sinh trong khi chỉ huy đơn vị đột phá vào tiểu khu gặp xe bọc thép địch ngăn chặn, thượng úy Trần Văn Nguyễn Chính trị viên phó 840 đi với đại đội này đã phải tổ chức lực lượng chiếm giữ ty cảnh sát, đánh địch phản kích. Mũi của Đại đội 5 và Đại đội 2 do Tham mưu trưởng Khuê đi với cánh này, mặc dầu đã điều 2 ĐKZ 75, đại đội cối 82 ly lên chiếm bờ đất

khu thông tin, đánh vào trận địa pháo và tiểu khu địch, chi viện trực tiếp cho Đại đội 2, nhưng địch trên tầng gác tòa hành chính, tuôn nhiều lựu đạn và hỏa lực ngăn xuống, nên Đại đội 2 không phát triển được và dừng lại ở khu thông tin đánh địch phản kích.

4 giờ sáng ngày 11 tháng 05 năm 1965, Tiểu đoàn trưởng Mậu về Sở chỉ huy cánh báo cáo tình hình đã giao nhiệm vụ chỉ huy bám trụ đánh địch phản kích trong thị xã cho Tham mưu trưởng Khuê. Trong đêm đánh vào Phước Long tổ chức chỉ huy của tiểu đoàn rời rạc, ngay từ lúc vượt sông Bé, Chính trị viên Đài và Tiểu đoàn phó Huệ (Lam) lo đôn đốc, động viên các bộ phận phía sau và khi qua sông đã lạc đơn vị; Chính trị phó Trần Văn Nguyễn được chỉ định đi với Đại đội 1; Tham mưu trưởng Khuê đi với Đại đội 5 và Đại đội 2; tại vị trí chỉ huy của Tiểu đoàn chỉ có Tiểu đoàn trưởng Phan M⁽¹⁾ và tác huấn Đỗ Năng, chỉ huy lãnh đạo của tiểu đoàn không nắm được quá trình diễn biến, không quán xuyên được tình hình, việc tổ chức hỏa lực và chỉ huy hiệp đồng bị gián đoạn, chưa sử dụng tốt đội dự bị Đại đội 54 (thiếu).

Sáng ngày 11 tháng 05 năm 1965, cả Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 1 bám trụ mục tiêu đã đánh chiếm trong đêm, tiếp tục truy quét và tổ chức lực lượng đánh phản kích, nhưng do ta đánh trong đêm không dứt điểm, địch còn có chỗ dựa, mặt khác Trung

(1) Đại úy Phan M cuối 1965 điều về Quân khu 6, 1966 điều về Miền đến Mậu Thân 1968 dao động, đã đầu hàng giặc

đoàn 2 (thiếu) và Trung đoàn 3 không đánh được viện đồ bộ đường không, đường 13, Trung đoàn 3 Miền đánh chi khu Bốt Đức (Bù Đốp) đêm ngày 22 tháng 07 năm 1965, nhưng không dứt điểm. Tiểu đoàn 840 để lại Đại đội 1 tiếp tục hoạt động vùng Phước Bình, Đại đội 54 hoạt động phía bắc thị xã Phước Long trên đường Khắc Khoan, Bù Yam Phúc, Đại đội 2 đưa lên mở rộng vùng biên giới, xây dựng cửa khẩu biên giới Cam-pu-chia. Qua các đợt hoạt động trên, tiểu đoàn đã cùng với địa phương phát động quần chúng xây dựng phong trào, vận động thanh niên nhập ngũ, riêng tiểu đoàn đã lấy được 17 tân binh trong đó có bốn nữ ở các ấp Lê An, Hiếu Phong, Bù Nho, Phú Riêng, Phú Văn, Đức Hạnh. Cũng trong thời gian trên quân khu giải thể Tiểu đoàn 130 (thiếu) lấy Đại đội 1 bổ sung cho Phước Long xây dựng bảo vệ cửa khẩu biên giới và Đại đội 2 bổ sung cho Tiểu đoàn 840 (cội nguồn của Đại đội 1, 2. Tiểu đoàn 130 là Đại đội 131, 132 của Sư đoàn 304 (Đoàn Vinh Quang) 1964 được tổ chức biên chế từng đại đội đưa vào chiến trường).

Sau chiến dịch Phước Long vùng căn cứ giải phóng tây bắc Phước Long được mở rộng: trại biệt kích Bù Gia Mập địch rút chạy, hoạt động của chi khu Bù Đốp bị thu hẹp, cứ điểm Bu Prang, Tuy Đức bị cô lập, vùng biên giới Phước Long – Cam-pu-chia mở rộng, các cửa khẩu hậu cần của Miền và Khu 6 được thiết lập ở vùng sông Đất Quýt. Đường hành lang chiến lược Bắc Nam từ phía đông bắc Cam-pu-chia đi vòng qua đường 14 đoạn bắc Đức Lập vào vùng căn cứ tỉnh Quảng Đức và từ đó qua lại đường 14 đoạn giữa Đất Song – Gia Nghĩa và qua tiếp đường 14 kép, đoạn giữa Tuy Đức – Kiến Đức xuống

vùng căn cứ tỉnh Phước Long, qua đường Bù Gia Mập đến cửa khẩu của Miền ở biên giới Cam-pu-chia rồi về Nam Bộ. Những tháng cuối 1965 các Tiểu đoàn 601 đến 607 và Trung đoàn Bắc Sơn từ miền Bắc vào bổ sung cho Quân khu và Miền đều đi qua hành lang trên, đến đầu 1966 hành lang Bắc – Nam mới cắt thẳng dọc theo biên giới Quảng Đức, Phước Long từ sông SréPok đến sông Đất Quýt.

V. ĐƯỜNG 14 VÙNG 3 BIÊN GIỚI⁽¹⁾

(giữa 1965 cuối 1966)

Cùng với thắng lợi của phong trào chiến tranh nhân dân địa phương trên toàn Miền đánh bại quốc sách “ấp chiến lược” của địch và thắng lợi của tác chiến tập trung của bộ đội chủ lực. Với các chiến dịch Bình Giã, Ba Gia, Phước Long – Đồng Xoài, nhất là chiến dịch Phước Long – Đồng Xoài, quân nguy tử ra không làm nổi chức năng là công cụ chủ yếu để tiến hành chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ và đang đứng trước nguy cơ bị tan rã tiêu diệt, chiến lược “chiến tranh đặc biệt” bị phá vỡ. Để cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ đã phải ồ ạt đưa quân viễn chinh vào chiến trường miền Nam. Thực ra từ đầu năm 1965 đế quốc Mỹ đã từng bước đưa một bộ phận lực lượng chiến đấu Mỹ và chư hầu vào miền Nam, đồng thời mở rộng hoạt động không quân và hải quân ném bom bắn phá miền Bắc.

Đến tháng 07 năm 1965, Tổng thống Mỹ Giôn-sơn chấp nhận chiến lược tìm diệt và kế hoạch ba giai đoạn,

(1) Phân chia biên giới thời Pháp: Trung kỳ, Nam kỳ và Cao Miên.

dự kiến thắng ta trong vòng hai năm rưỡi (đến giữa hoặc cuối năm 1967) của tướng Oet-mo-len, dùng quân viễn chinh Mỹ thực hiện mục tiêu chủ yếu “đánh gãy xương sống của Việt cộng”, lấy quân Mỹ làm chỗ dựa cho quân ngụy. Theo kế hoạch Mỹ sẽ đưa vào Việt Nam 44 tiểu đoàn gần 193.887 quân với quyết định này, cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam trở thành một cuộc “Chiến tranh cục bộ”.

Đất nước ta, dân tộc ta đang đứng trước thử thách cực kỳ nghiêm trọng. Hội nghị lần thứ 11 (tháng 09 năm 1965) và Hội nghị lần thứ 12 (tháng 12 năm 1965) Ban Chấp hành Trung ương Đảng nghiên cứu toàn diện tình hình và nêu cao quyết tâm *“kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”*.

Ở Quân khu 6 lúc bấy giờ, địch đưa thêm quân chủ lực ngụy xuống những nơi xung yếu như các thị xã Phước Long, B'lar, Phan Thiết... để tăng cường phòng thủ và giữ cho quân địa phương khỏi tiếp tục tan rã. Mặt khác địch cũng ráo riết bắt lính khôi phục và phát triển thêm quân địa phương. Từ tháng 08 năm 1965, quân Mỹ và quân chư hầu mới bắt đầu triển khai một số điểm ở chiến trường Quân khu 6, nhưng đã có tác dụng hà hơi tiếp sức cho quân ngụy.

Trong thời gian này Quân khu điều đại úy Phan Mậu, Tiểu đoàn trưởng 840 về cơ quan tác chiến Quân

khu, bổ sung thượng úy Trần Thọ về làm Tiểu đoàn trưởng.

Sau thời gian củng cố huấn luyện, cuối tháng 08 năm 1965 Tiểu đoàn 840 từ Bù Mít phía đông ngã ba Đức Liễu đường 14, chuyển lên đứng vùng đông bắc Bù Gia Mập lấy lương thực từ cửa khẩu biên giới Cam-pu-chia, chuẩn bị cho hoạt động trên đường 14 phía Kiến Đức. Lần này Quân khu tăng cường chỉ huy và vũ khí trang bị, phương tiện thông tin cho Tiểu đoàn, cử tham mưu phó quân khu Phạm Văn Kha (Ba Lê) trực tiếp đi với Tiểu đoàn để chỉ đạo đợt hoạt động. Sau các lần phục kích trên đường 14 đoạn Kiến Đức – Đam Klang và Kiến Đức – Sùng Đức bị lộ, địch không đi. Tiểu đoàn 840 và địa phương quyết định phá ấp Bù Nơ và phục kích vận động trên đường 14 đoạn từ Bù Nơ – Bù Có cách chi khu Kiến Đức 12 ki-lô-mét.

Mở đầu trận đánh đêm ngày 24 tháng 11 năm 1965, hai tiểu đội địa phương và đội công tác phá ấp Bù Nơ – một ấp nhỏ người Thượng trên 100 dân, có trung đội dân vệ chiếm giữ (tối ra rừng ngày về ấp). Sau khi phá ấp ta phục lại đánh trung đội dân vệ này diệt ba tên, 10 giờ sáng ngày 25 tháng 11 năm 1965 địch cho một chi đội xe bọc thép và một đại đội thám kích từ chi khu Kiến Đức lên ứng viện. Mặc dù tiểu đoàn trưởng Trần Thọ đã cho đặt đài quan sát xa và rải đường dây thông tin điện thoại 15 ki-lô-mét có tính toán tốc độ xe và đường vận động của bộ phận chặn đầu, nhưng đài quan sát phát hiện địch thiếu chính xác, báo cáo về Sở chỉ huy chậm, khi bộ phận chặn đầu của thiếu úy Tài, đại đội phó Đại đội 2 vận động ra đường thì một xe tuần

thám của địch đã qua mặt, bộ phận này đã nhanh chóng nổ súng chặn đội hình địch lại và phải chiến đấu với cả hai phía, trước mặt là đoàn xe địch gồm ba xe bọc thép và bốn xe GMC, phía sau là xe tuần thám quay lại. Trọng đại liên trên các xe bọc thép bắn loạn xạ như mưa; bộ phận chặn đầu và cả Đại đội 2 đã chiến đấu vô cùng dũng cảm với chi đội xe bọc thép, cùng lúc Đại đội 1 (bộ phận chủ yếu) xuất kích ra đường, nhưng địch đã triển khai bám hai bên đường chống cự quyết liệt, các mũi xung kích của Đại đội 1 không cắt được đội hình địch, càng đánh càng dồn đội hình địch về phía Đại đội 2, trung úy Lê Văn Ruộng, đại đội trưởng Đại đội 1, đã phải tổ chức đột phá đánh chiếm từng ổ đề kháng địch và anh đã anh dũng hy sinh. Sau 15 phút chiến đấu, nhận thấy địch đã co cụm, ba xe bọc thép và một đại đội thám kích thành một cụm đề kháng lớn nằm giữa Đại đội 1, Đại đội 2 và bộ phận đối diện của Đại đội 54 của ta. Chỉ huy trưởng Phạm Văn Kha, tiểu đoàn trưởng Trần Thọ và chính trị viên Vũ Ngọc Đài đã sử dụng đội dự bị – Đại đội 54 (thiếu) bước vào chiến đấu ở hướng Đại đội 2 và tham mưu trưởng Khuê đi với Đại đội 1 đã tổ chức hiệp đồng các hỏa khí thiết lập trận địa hỏa lực ĐKZ 75, cối 82 ly do trung úy Sinh đại đội trưởng Đại đội 4 chỉ huy, bắn dồn dập chính xác vào đội hình địch đang co cụm: bộ phận chặn đầu, Đại đội 2 do trung úy Hiên đại đội trưởng chỉ huy và bộ phận đối diện do thiếu úy Tụng (Phát) chỉ huy đang bao vây giữ địch. Đội dự bị do trung úy Mai Toàn đại đội trưởng Đại đội 54 chỉ huy và Đại đội 1 do thiếu úy Thành (Thiệt), đại đội phó Đại đội 1 chỉ huy tổ chức thành hai mũi đột phá thẳng vào

giữa đội hình địch, với hỏa lực mạnh mẽ và sức đột kích mãnh liệt của Đại đội 1 và Đại đội 54 đã nhanh chóng dập tắt sức đề kháng của địch. Do trận đánh có kéo dài và địch ngoan cố chống cự nên thất bại của địch cũng khá triệt để và ta tiêu diệt tương đối gọn, làm chủ trận địa thu vũ khí. Trận đánh kết thúc sau 45 phút chiến đấu, ta đang tổ chức thu dọn rút quân, thì từng tốp máy bay F101, B57 đến rải thảm bắn phá dữ dội vào trận địa ngay lên cả xác địch và xe bọc thép mới vừa bị ta tiêu diệt. Chiều tối ta rút về đến vị trí tạm dừng, địch kéo pháo 155 ly từ Gia Nghĩa đến Kiến Đức trong đêm bắn trúng vào đội phẫu của ta làm hai đồng chí bị thương hy sinh, trong đó có thiếu úy Thành (Thiệt), đại đội phó Đại đội 1.

Thiếu úy Thiệt là “chiến sỹ công kiên” của Tiểu đoàn 365 trong thời đánh Pháp; trong những năm xây dựng huấn luyện ở miền Bắc anh đã làm xạ thủ của nhiều loại súng, nhất là trung liên anh sử dụng khá thành thạo lối bắn điểm xạ ngắn, khi anh đã cầm đến trung liên 24 – 29 hoặc RBĐ thì kẻ địch chỉ có đạn xuyên qua đầu hoặc không ngóc đầu lên được, anh có tác phong quen với lối đánh công kiên, kết hợp chặt chẽ giữa hỏa lực – xung lực và bộc phá (lựu đạn thủ pháo và bộc phá ném). Từ khi vào Nam chiến đấu từ trận Cẩm Sơn 1961, Đầm Ròn 1962, đường 21 kéo dài 1963, Phước Long 1965 trận nào cũng lập được chiến tích và trận đường 14 này phân đội anh được chọn ở hướng đột kích chủ yếu của đại đội, tiểu đoàn. Anh đã mưu trí dũng cảm gương mẫu chiến đấu, luôn có mặt với cán bộ cấp dưới và chiến sỹ trong những tình

huống khó khăn, đã tổ chức được những mũi xung kích sắc nhọn diệt từng ổ đề kháng địch. Có trận hỏa lực địch ngăn chặn ta, anh đã xông lên đánh lấy trung liên bắn rất chính xác diệt nhiều tên địch trong các ổ đề kháng, rồi hướng dẫn giao lại cho xạ thủ trung liên tiếp tục kiểm chế địch còn anh trực tiếp chỉ huy các mũi xung kích đi vòng bên sườn phía sau lưng địch, bất ngờ vọt tiến lên dùng lựu đạn, thủ pháo và tiểu liên, diệt hết mục tiêu này đến mục tiêu khác.

Sau trận Bù Nơ đường 14, Tiểu đoàn 840 rút về lại đông bắc Bù Gia Mập chuẩn bị đánh chiếm Bu Prang, một cứ điểm cấp đại đội, do đại đội địa phương quân⁽¹⁾ (bảo an) của quân Kiến Đức chiếm giữ. Cứ điểm độc lập được cấu trúc khá vững chắc và hiểm hóc, nằm trên một ngọn đồi sát phía tây đường 14 cũ, kiểm soát và khống chế trên một vùng biên giới rộng lớn đoạn từ ngã ba biên giới đến đường ranh giới giữa tỉnh Phước Long và Quảng Đức.

Trận đánh đặt nhiều hy vọng lớn lao, không những gỡ cứ điểm này để mở rộng hành lang và cửa khẩu vùng sông Đất Quýt (Đak Hoyt) biên giới Cam-pu-chia mà còn mang ý nghĩa “thắng trận đầu” xây dựng truyền thống

(1) Ngày 07 tháng 05 năm 1964 sắc lệnh 189/QP, bảo an đoàn đổi thành địa phương quân trực thuộc bộ quốc phòng nguy, ngày 12 tháng 05 năm 1964 sắc lệnh 191/QP, dân vệ đoàn đổi thành nghĩa quân và ngày 22 tháng 05 năm 1964 sắc lệnh 16/SL/CT thì các lực lượng vũ trang Việt Nam cộng hòa hợp thành quân lực Việt Nam cộng hòa gồm chủ lực quân (cộng hòa), địa phương quân (bảo an), nghĩa quân (dân vệ).

Trung đoàn tập trung 346. Vì sau khi các tiểu đoàn “Sáu Lĩnh” (từ 601 đến 607) và Trung đoàn Bắc Sơn từ miền Bắc vào, quân khu đã rút một số đại đội, tiểu đoàn trên bổ sung cho các tỉnh và đơn vị, nhưng lại ghép Tiểu đoàn 840 vào Trung đoàn Bắc Sơn để làm nòng cốt và đổi tên Trung đoàn Bắc Sơn thành Trung đoàn 346 với ý nghĩa liên tỉnh 3, liên tỉnh 4 hợp nhất thành Khu 6, do Phạm Văn Kha, Tham mưu phó quân khu làm Trung đoàn trưởng, thiếu tá Trọng (Bắc Sơn) làm Chính ủy, thiếu tá Trần Văn Chúng, Trung đoàn phó, thiếu tá Phạm Hoài Chương (Sáu Nam), Phó chính ủy, đại úy Phạm Khắc Tuyên, Tham mưu trưởng. Tuy Trung đoàn 346 được củng cố sắp xếp biên chế tổ chức lại, nhưng những đơn vị mới vào đau ốm rơi rớt dọc hành lang quá nhiều. Quân khu phải mất nhiều công sức tổ chức nuôi dưỡng nghỉ ngơi ở vùng Đức Hạnh – Bù Gia Mập và cửa khẩu sông Đak Hoyt chưa thể chiến đấu được. Nên trận này, Quân khu và Trung đoàn 346 chỉ sử dụng Tiểu đoàn 840 có tăng cường Đại đội cối 82 ly (bốn khẩu), Đại đội ĐKZ 75 (thiếu) hai khẩu của Tiểu đoàn 145/Quân khu và đại đội bộ binh của Trung đoàn 16/Miền làm dự bị (Trung đoàn này trên đường từ Bắc Tây Nguyên vào miền Đông Nam Bộ có lệnh của Bộ chỉ huy Miền dừng lại Phước Long và tăng cường chiến đấu cho Quân khu 6). Đối với cứ điểm Bu Prang tuy Đại đội 5/840 đã có chuẩn bị, nhưng chưa khám phá ra được những hiểm hóc. Tiểu đoàn phó Lê Minh Quang (Hải) người chỉ huy bộ phận đặc công Đại đội 5 chuẩn bị cứ điểm này và tiểu đoàn trưởng Trần Thọ đã đề nghị xin chuẩn bị thêm và giao cho Đại đội 5/840 đánh theo lối đặc công. Nhưng do

yêu cầu khẩn trương của tình hình nên không được chấp thuận. Thiếu tá Trần Văn Chúng trung đoàn phó 346, tiểu đoàn trưởng Trần Thọ và chính trị viên Vũ Ngọc Đài được giao nhiệm vụ chỉ huy đánh cứ điểm Bu Prang vào ngày 27 tháng 12 năm 1965 bằng lối đánh đặc công và bộ binh kết hợp hỏa lực pháo cối chuẩn bị sẵn. Nếu đặc công bị lộ không đánh nổi sẽ sử dụng pháo cối bắn chuẩn bị và bộ binh xung phong. Ngay trong đêm đánh, sau khi triển khai chiếm lĩnh trận địa xong, các mũi đã phải tổ chức đột phá từ ngoài vào, hai mũi của Đại đội 5 đặc công, Đại đội 1 và Đại đội 2 ở phía bắc do trung úy Dương Văn Ngô, đại đội trưởng và Phạm Thanh Hồng (Thắng), chính trị viên Đại đội 5, Nguyễn Hồng Quang (Thôi), đại đội trưởng Đại đội 1 và trung úy Hiên, đại đội trưởng Đại đội 2 chỉ huy đã phải sử dụng hỏa lực kiềm chế và đưa xung lực vào đánh chiếm được một lô cốt đầu cầu. Nhưng thiếu lực lượng phát triển vào trung tâm, tham mưu trưởng Khuê, đi với cánh này yêu cầu đưa đội dự bị vào, nhưng bị hỏa lực ngăn chặn không sao vào được và hai mũi đặc công chiếm được một góc cứ điểm, đại đội trưởng Dương Văn Ngô (Mai) và chính trị viên Thắng đã anh dũng hy sinh. Mũi phía tây nam của Đại đội 5 đặc công và Đại đội 54 do trung úy Mai Toàn, đại đội trưởng và thiếu úy Lục đại đội phó Đại đội 5 chỉ huy đã liên tục đột phá đánh chiếm lô cốt đầu cầu, hai tổ của trung đội phó Bích và Sơn đã lọt được vào bên trong, yêu cầu đưa thêm lực lượng vào phát triển chiến đấu, trong khi trung úy Toàn chỉ huy đưa xung lực vào đánh chiếm một phần cứ điểm, nhưng bị hỏa lực lô cốt chính trong trung tâm của địch ngăn chặn và anh đã anh dũng

hy sinh. Tại vị trí chỉ huy, tiểu đoàn trưởng Trần Thọ và tác huấn Đỗ Năng bị thương, thiếu tá Trần Văn Chúng đã cho gọi Tham mưu trưởng Khuê đang đi với cánh Đại đội 1 và Đại đội 2 về Sở chỉ huy thay cho tiểu đoàn trưởng Trần Thọ để cùng với chính trị viên Vũ Ngọc Đài tổ chức rút lui. Đưa lực lượng vào phát triển đánh địch đã là khó và rút lui trong điều kiện như vậy quả thật không dễ dàng, thiếu tá Chúng, chính trị viên tiểu đoàn Đài và tham mưu trưởng Khuê đã phải tổ chức lại trận địa hỏa lực tích cực kiềm chế địch để đưa lực lượng ra. Trong trận đánh này, mặc dù bị tổn thất khá nặng, nhưng bộ đội ta chiến đấu rất ngoan cường dũng cảm, nhiều đồng chí bị thương nặng vẫn chiến đấu chống trả địch, quyết không để bị bắt, trong đó có đồng chí Vũ Thành Trung quê ở Bình Thuận trình sát của tiểu đoàn bị quả đạn cối thương tích khắp người, khi tỉnh dậy gặp lúc một toán lính địch ra phản kích, anh đã cố sức chụp lấy khẩu súng Thomson của mình bắn xối xả vào địch, tiêu diệt năm tên rồi nén đau nhức anh trườn mình vượt qua rào kẽm gai của địch nấp vào bụi rậm, nằm chờ, anh đã được đồng đội cứu sống.

Trận đánh Bu Prang không dứt điểm, Tiểu đoàn 840 thương vong 58 đồng chí, chủ yếu bị mìn điều khiển, mìn định hướng ngay từ lúc mở rào, mất nhiều cán bộ đảng viên ưu tú nhất là Đại đội đặc công, trong đó có Mai Toàn đại đội trưởng Đại đội 54, Phạm Thanh Hồng (Thắng) chính trị viên và Dương Văn Ngô (Mai) đại đội trưởng Đại đội 5. Sở dĩ bị tổn thất nặng là vì: Tư tưởng chỉ đạo tác chiến không rõ ràng, chỉ huy không sát tình hình, dựa vào ý muốn chủ quan, không tuân theo nguyên

tắc tác chiến cơ bản của chiến thuật phân đội, bị lộ từ bên ngoài vẫn cho đặc công đánh.

Sau trận BuPran Tiểu đoàn 840 về lại vùng Đắc Khe đông Bù Gia Mập ra sức củng cố đơn vị và ăn Tết Nguyên Đán 1965 – 1966, ăn tết lần này, quà bánh nhân dân vùng giải phóng và các cơ quan đoàn thể tỉnh gửi đến khá nhiều. Nhưng đối với Tiểu đoàn 840 vết thương Bu Prang vẫn còn đang nhức nhối day dứt, dù biết rằng những vấp vấp mất mát hy sinh trong chiến tranh là không sao tránh khỏi.

Sau Tết Nguyên đán 1966, Quân khu 6 tiếp tục mở đợt hoạt động phía đông bắc Phước Long với yêu cầu tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng trên trục đường 14 đoạn vòng cung từ Kiến Đức đến Bu Prang mà những tháng cuối 1965 ta chưa làm được. Thời gian từ tháng 2 đến tháng 04 năm 1966, lực lượng tham gia gồm có Trung đoàn bộ binh 16/Miền và Trung đoàn 346 (thiếu) Quân khu 6, do đại tá Nguyễn Minh Châu, Tư lệnh Quân khu 6 làm chỉ huy trưởng. Vào đợt ý định quân khu sử dụng Trung đoàn 16 (thiếu) đánh điểm Tuy Đức và bố trí lực lượng tại chỗ đánh viện đường không, Trung đoàn 346 (thiếu) được tăng cường Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn 16 phục kích vận động đường bộ đánh viện của tiểu khu Quảng Đức và sư đoàn 23 ngụy.

Đối với Tuy Đức, một cứ điểm nằm trên ngã ba đường 14 đi Đất Sông, Kiến Đức và đi Bu Prang, do trung đội địa phương quân (ĐPQ) quận Kiến Đức chiếm giữ kiểm soát khống chế khu vực ba biên giới và đường 14. Sau 45 phút chiến đấu với sức mạnh áp đảo, Trung

đoàn 16 đã giành thắng lợi giòn giã, dứt điểm làm chủ trận địa, thu vũ khí và chuyển lực lượng sang bố trí các trảng trống phía nam Tuy Đức đánh quân đổ bộ đường không, nhưng địch không đổ quân. 16 giờ cùng ngày, địch cho một trung đội thám kích luồn rừng từ phía Đất Sông đến thăm dò bộ phận bám trụ (phòng ngự cứ điểm Tuy Đức) của Trung đoàn 16 nổ súng, địch rút chạy về lại phía Đất Sông. Trung đoàn 346 (thiếu) được tăng cường Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 16 phục kích vận động trên đường 1 đoạn Bù Nơ – Bù Có (trùng lên trận địa phục kích cũ của Tiểu đoàn 840 tháng 11 năm 1965). Nhưng cả hai nơi địch đều không đi viện và sau 17 ngày chờ địch, quân khu chuyển Trung đoàn 16 sang đánh điểm Bu Prang, Trung đoàn 346 (thiếu) chuyển lên Tuy Đức, thay chỗ Trung đoàn 16 tiếp tục chờ đón đánh địch cả đường không lẫn đường bộ, đồng thời đưa Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 qua đường 14 xuống phục kích đánh địch ở Nhân Cơ đoạn giữa Gia Nghĩa và Kiến Đức.

Lần này Trung đoàn 16 đánh Bu Prang vẫn không dứt điểm, Trung đoàn 346 (thiếu) bố trí đánh viện, địch vẫn không đi, Tiểu đoàn 840/Quân khu 6 phục kích đánh địch ở Nhân Cơ ngày 23 tháng 03 năm 1966, diệt được một đại đội địa phương quân; bắt tám tên, phá bốn xe GMC và thu được vũ khí. Trận đánh trên của Tiểu đoàn 840 giữa một vùng mà từ lâu địch vẫn cho là yên tĩnh. Sau đó Tiểu đoàn 840 đưa Đại đội 54, vượt đường qua hoạt động phá ấp vùng Đạo Nghĩa (nam Kiến Đức và Nhân Cơ). Kết thúc hoạt động Xuân 1966 của ta trên chiến trường này mặc dù kết quả diệt địch chưa cao, nhưng trước sức ép mạnh mẽ của ta, địch đã lùa dân các

ấp trên trục đường vòng cung này, rút bỏ cứ điểm Bu Prang, chịu mất vùng Tuy Đức và ta đã kiểm soát được một vùng rộng lớn. Việc địch không ứng viện, hành quân tái chiếm vùng Tuy Đức đường 14 do các nguyên nhân: tình hình chung trên toàn Miền quân ngụy đang bị thua thiệt lớn, đã đi vào co cụm giữ gìn lực lượng chờ sự yểm trợ của quân Mỹ, sư đoàn 23 ngụy đang lo giữ Buôn Ma Thuột và Gia Nghĩa, vì bắc Tây Nguyên và Khu 5 ta đang đánh lớn. Chiến tranh cục bộ đã bắt đầu, nhưng vùng này chưa phải là nơi mất còn, quân Mỹ đang chữa cháy các vùng trọng điểm đang bị ta uy hiếp mạnh mẽ hơn. Mặt khác Quân khu 6 chọn hướng chiến dịch nơi chưa phải bức xúc lớn cho địch và nhất là địch phát hiện ta ở vùng này đang có lực lượng lớn.

Sau hoạt động Xuân 1966, Miền rút Trung đoàn 16 và điều Trung đoàn 346 (Bắc Sơn) về Miền, chỉ để lại Tiểu đoàn 840 cho quân khu và tiểu đoàn về lại vùng đông bắc Bù Gia Mập củng cố và nhận lương thực chuẩn bị cho hoạt động tiếp theo.

Ngày 10 tháng 05 năm 1966, địch mở cuộc hành quân Austin do lữ 1 sư đoàn 101 Mỹ tiến hành đổ quân xuống vùng Bù Gia Mập, ngày đêm không ngớt tiếng máy bay, tiếng rền của bom đạn, hỏa lực dày đặc tạo thành một lớp rào chắn bao quanh căn cứ hành quân đã thực sự ngăn chặn ta có kết quả. Tuy Tiểu đoàn 840 có bám đánh nhỏ, lẻ nhưng không đánh được một trận nào gọi là phủ đầu quân Mỹ. Nguyên nhân chủ yếu là ta chưa xác định được đối tượng tác chiến, chưa hiểu được qui luật hoạt động của quân Mỹ, nên chưa chuẩn bị thể trận và huấn luyện xây dựng bộ

đội sẵn sàng đánh Mỹ. Sau một tuần quân Mỹ chấm dứt cuộc hành quân càn quét vùng này. Ta nghiên cứu xem xét thực địa nhiều cán bộ tiếc rẻ và kết luận là bộ đội ta sẽ đánh được quân Mỹ.

Tiểu đoàn 840 sau khi tách khỏi Trung đoàn 346 trở về lại trực thuộc quân khu, lúc này cán bộ tiểu đoàn có sự thay đổi, đồng chí Trần Thọ tiểu đoàn trưởng về làm tác chiến quân khu, đồng chí Nguyễn Khuê, tham mưu trưởng làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Hoàng Từ, tác chiến quân khu bổ sung về làm tiểu đoàn phó, đồng chí Đỗ Năng, tác huấn làm tham mưu trưởng tiểu đoàn. Sau thời gian học tập củng cố đơn vị, tháng 06 năm 1966 tiểu đoàn tiếp tục chuyển qua sang hoạt động phía Đạo Nghĩa, đông nam Kiến Đức nhằm phá các ấp trên đường 14 đoạn từ Kiến Đức đi Gia Nghĩa. Tình hình quân số, vũ khí trang bị được bổ sung cho Tiểu đoàn 840 khá nhiều, vượt khỏi biên chế của một tiểu đoàn bộ binh. Nhưng do số ốm đau của Trung đoàn 346 để lại quá lớn, Tiểu đoàn 840 phải tổ chức thành ba bộ phận: một trạm xá và trại an dưỡng do thượng úy Chín, chính trị viên phó tiểu đoàn và trung úy Kiều (Hồng) quân y sĩ phụ trách, được thiết lập tại vùng bắc Bù Gia Mập, quân số bộ phận này lên đến 250 người. Bộ phận chuyển tải lương thực quân số 250 người do Đỗ Năng tham mưu trưởng tiểu đoàn chỉ huy đã tổ chức nhiều cung đoạn mang tải gạo và đạn từ cửa khẩu sông Đak Hoyt biên giới Cam-pu-chia đến Bi Nao bắc sông Đồng Nai và bộ phận chiến đấu quân số 250 người do Nguyễn Khuê, tiểu đoàn trưởng và Vũ Ngọc Đài, chính trị viên tiểu đoàn chỉ huy. Sau khi tiểu đoàn vây ép cứ điểm Đạo Nghĩa và

phục kích đánh viện trên đường Kiến Đức – Đạo Nghĩa không thành công (địch không đi đường chính mà cắt rừng theo đường mòn từ Nhân Cơ xuống) đã để lại Đại đội 54 tiếp tục vây ép phá ấp Đạo Nghĩa, Tiểu đoàn 840 (thiếu) chuyển lên phía Nhân cơ phục kích địch, diệt ba xe ba GMC chở đầy lính địch gần cầu Đắc Tích (ngày 12 tháng 07 năm 1966) và phá các ấp trên trục đường này, kết quả đợt hoạt động tuy không diệt được nhiều địch, nhưng sự có mặt và hoạt động của Tiểu đoàn 840 ở vùng này đã làm cho đường 14, hệ thống dinh điền đoạn từ Gia Nghĩa – Kiến Đức bị lỏng nhão kèm. Sau gần một tháng hoạt động quân khu điều Tiểu đoàn 840 về lại sông Đak Hoyt dựa vào cửa khẩu gần lương thực để củng cố đơn vị và chuẩn bị chiến trường cho hoạt động ở hướng mới.

Đến thời kỳ này, Tiểu đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ góp phần mở rộng vùng biên giới Việt Nam – Campuchia chia hành lang chiến lược Bắc – Nam. Trong thời kỳ đầu chiến tranh cục bộ, Tiểu đoàn đã vấp phải không ít khó khăn, mất mát, nhưng cũng là thời kỳ Tiểu đoàn vượt lên tất cả để trưởng thành và giành thắng lợi.

phục kích đánh viện trên đường Kiến Đức – Đạo Nghĩa không thành công (địch không đi đường chính mà cắt rừng theo đường mòn từ Nhân Cơ xuống) đã để lại Đại đội 54 tiếp tục vây ép phá ấp Đạo Nghĩa, Tiểu đoàn 840 (thiếu) chuyển lên phía Nhân cơ phục kích địch, diệt ba xe ba GMC chở đầy lính địch gần cầu Đắc Tích (ngày 12 tháng 07 năm 1966) và phá các ấp trên trục đường này, kết quả đợt hoạt động tuy không diệt được nhiều địch, nhưng sự có mặt và hoạt động của Tiểu đoàn 840 ở vùng này đã làm cho đường 14, hệ thống dinh điền đoạn từ Gia Nghĩa – Kiến Đức bị lỏng nhão kèm. Sau gần một tháng hoạt động quân khu điều Tiểu đoàn 840 về lại sông Đak Hoyt dựa vào cửa khẩu gần lương thực để củng cố đơn vị và chuẩn bị chiến trường cho hoạt động ở hướng mới.

Đến thời kỳ này, Tiểu đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ góp phần mở rộng vùng biên giới Việt Nam – Campuchia-chia hành lang chiến lược Bắc – Nam. Trong thời kỳ đầu chiến tranh cục bộ, Tiểu đoàn đã vấp phải không ít khó khăn, mất mát, nhưng cũng là thời kỳ Tiểu đoàn vượt lên tất cả để trưởng thành và giành thắng lợi.

Chương ba

CÙNG QUÂN DÂN QUÂN KHU 6 THAM GIA TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968 GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1966 – 1968)

I. VEN BIỂN BẮC BÌNH

Cuối 1966 chiến trường Quân khu 6 được tổ chức lại. Miền tách hai tỉnh Quảng Đức và Phước Long để cùng với tỉnh Bình Long hình thành Quân khu 10. Quân khu 6 còn lại các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức, Ninh Thuận và Bình Thuận (gồm cả tỉnh Bình Tuy).

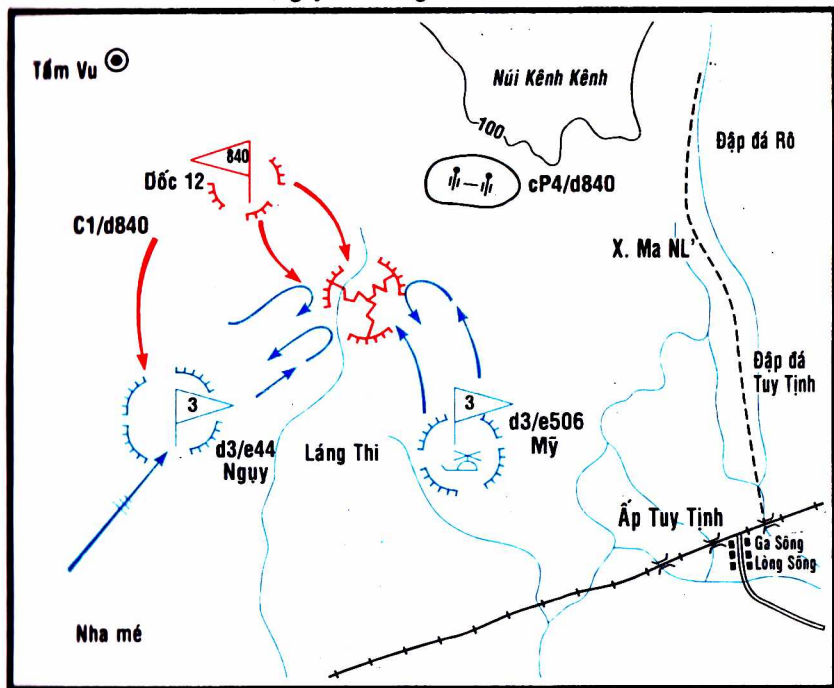
Căn cứ của Khu từ bờ nam sông Đồng Nai chuyển về đứng ở nam đường 20, giáp ranh giữa hai tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận.

Lực lượng tập trung của quân khu: Tiểu đoàn 186 vẫn đứng hoạt động trên trục đường 20, đoạn đông và tây Di Linh, Tiểu đoàn trợ chiến 145 đang làm nhiệm vụ chuyển tải lương thực và vũ khí cho quân khu từ biên

giới Cam-pu-chia đến sông Đồng Nai được chuyển thành tiểu đoàn bộ binh nhẹ tăng cường cho tỉnh Lâm Đồng đứng hoạt động vùng bắc Blao. Riêng Tiểu đoàn 840 có sự thay đổi, đình chỉ việc chuẩn bị hoạt động ở vùng Đức Lập – Quảng Đức, tiến hành tổ chức biên chế lại; tách Đại đội 3 và các đồng chí Lê Minh Quang, Hoàng Từ tiểu đoàn phó cùng với số thu dụng an dưỡng ở lại trực thuộc Quân khu 10, để chuẩn bị thành lập tiểu đoàn mới, còn Tiểu đoàn 840 thiếu Đại đội 3, chuyển quân từ đông bắc Bù Gia Mập (Phước Long) xuống đứng hoạt động ở Bắc Bình, Bình Thuận và gọi đoàn cán bộ của tiểu đoàn đang chuẩn bị chiến trường ở Quảng Đức đi thẳng về quân khu nhận nhiệm vụ đi trước xuống Bắc Bình, tiếp tục công tác chuẩn bị chiến trường. Mùa khô 1966 – 1967 đã đến, nhưng Tiểu đoàn 840 vẫn còn khó khăn kéo dài, từ sau trận Bu Prăng tháng 12 năm 1965 sức chiến đấu yếu hẳn đi, đã gần một năm vẫn chưa có dấu hiệu gì là một tiểu đoàn loại khá, thì nay phải để lại Đại đội 3 (tức đại đội 54 của Lữ đoàn dù 305 bổ sung vào chiến trường năm 1964). Tuy quân số và trang bị vũ khí của tiểu đoàn được bổ sung nhiều do Trung đoàn Bắc Sơn (346) sau khi chuyển về Miền để lại, nhưng số anh em này vừa mới trải qua những ngày hành quân từ miền Bắc vào, mang vác quá sức, khi vượt đoạn cuối dãy Trường Sơn (Quảng Đức – Phước Long) thiếu lương thực, số đau ốm tăng vọt lên, rơi rớt dọc hành lang quá nhiều, cảnh tượng người đói khiêng người ốm, vũ khí trang bị rơi vãi và không ít người đã vĩnh viễn nằm lại miền đất gian lao này. Tuy Quân khu và hai tỉnh Phước Long, Quảng Đức đã cho thu gom và tích cực nuôi dưỡng,

TRẬN CHỐNG CÀN TÂY BẮC ẤP TUY TÍNH

(Ngày 05 tháng 04 năm 1967)



nhưng sức khỏe anh em hồi phục rất chậm chạp. Mặt khác tuy có cán bộ, đảng viên nhiều so với biên chế của tiểu đoàn bộ binh, nhưng số anh em này lại trưởng thành từ các công, nông trường miền Bắc, mới động viên vào chiến trường, chưa qua huấn luyện.

Những khó khăn của tiểu đoàn cũng là khó khăn chung của chiến trường khi quân Mỹ và chư hầu ồ ạt nhảy vào miền Nam, thời kỳ ác liệt “bom dây pháo bầy”.

Cuối tháng 10 năm 1966, Tiểu đoàn 840 tiến hành chuyển quân xuống Bắc Bình Thuận lấy tên là Đoàn 600⁽¹⁾, đây cũng là việc bình thường mỗi lần thay đổi chiến trường. Mật danh 600 là sắp theo thứ tự của một số cơ quan, đơn vị trực thuộc quân khu, từ con số 100 dành cho cơ quan Quân khu, 200 cho Lâm Đồng, 300 cho Ninh Thuận, 400 Bình Thuận, 500 là Tiểu đoàn 186, nhưng với Tiểu đoàn 840 còn có ý quân số xấp xỉ 600. Tuy quân số chừng ấy, nhưng đã là khó khăn cho các trạm hành lang, kinh tài không thể cung cấp nổi lương thực. Vì vậy mà Tiểu đoàn 840 phải tổ chức chuyển trước một số chuyển gạo từ biên giới Cam-pu-chia đến sông Đồng Nai, rồi trở lại chuyển quân toàn bộ, mỗi người mang theo 15 ngày ăn và trang bị vũ khí cá nhân với 1,5 cơ số đạn. Khi tiểu đoàn hành quân đến sông Đồng Nai, bổ sung thêm gạo đủ ăn đến Hàm Trí, đường số 8 và tại đây nhận gạo của kinh tài Bình Thuận để tiếp tục hành quân ra bắc Bình Thuận. Cuộc chuyển quân lên dốc xuống đèo, vượt quốc lộ 20, mang vác vũ khí đạn

(1) Tiểu đoàn 840 mang phiên hiệu Đoàn 600 từ tháng 10 năm 1966 đến cuối năm 1967

được, lương thực, nhiều anh em đau ốm dọc đường thật là vất vả, kéo dài gần một tháng mới đến bắc Bình Thuận. Tới nơi, tiểu đoàn tổ chức học tập quán triệt tư tưởng, nhiệm vụ chính trị, tình hình địch, ta và phong tục tập quán của nhân dân địa phương. Cùng thời gian trên, quân khu bổ sung đồng chí Nguyễn Hòa (Hấn) về làm tiểu đoàn phó 840.

Công việc đầu tiên trên chiến trường mới là triển khai thế đứng và tham gia vụ thu lúa, một công tác mới mẻ, nhưng rất thiết thực cho hoạt động đến của đơn vị, lúa ở đây không nhiều, chỉ tập trung ở hai cánh đồng Đại Hòa (phía đông sông Lòng Sông) và sông Cạn (Hòa Đa), ban ngày dân gặt đập để lại trên sân lúa, tối đến ta tổ chức lực lượng canh gác và chuyển tải vào bìa rừng, đào hầm chôn cất ngụy trang kín đáo. Sau mùa gặt ta lần lượt cho moi hầm lên chuyển tải về căn cứ phơi khô xay giã thành gạo và cũng không riêng gì ở đây mà cả Bình Thuận hàng năm khi đến mùa gặt đều làm như vậy. Ngoài ra, tiểu đoàn còn tổ chức lực lượng “đột ấp” thu mua lương thực trong dân ở các ấp giải phóng, lỏng kềm và cả những ấp trong vùng kềm của địch. Điều này, cũng đủ nói lên nguồn lương thực hậu cần của Bình Thuận chủ yếu là ở trong dân và lực lượng vũ trang phải làm tất cả những việc ấy. Qua hoạt động tình cảm quân dân càng khăng khít, dân thật chí tình, chí nghĩa với cách mạng với kháng chiến đã làm cho tiểu đoàn phấn khởi yêu mến và gắn bó với chiến trường.

Địa hình chiến trường Bình Thuận có thể chia thành hai vùng, đồng bằng ven biển và rừng núi, riêng đối với ven biển Bắc Bình địa hình vào loại trung bình,

có nhiều động cát, rừng đồi thấp thoải, xen kẽ những cánh đồng khô, ruộng một mùa, trải dài theo trục Quốc lộ 1 và thiết lộ từ đông Sông Lũy ra đến Vĩnh Hảo giáp Ninh Thuận, phía nam là biển, phía bắc nối liền với rừng núi Lâm Đồng dốc cao mùa mưa nước lũ đổ ra biển khá nhanh, mùa khô các loại cây như dầu, le và nhiều cây khác đều rụng lá, đất đồi trở nên trống trải. Sông suối, tuy có nơi gọi là sông nhưng nhỏ hẹp khô cạn, ngoài con sông Lũy, sông Khiêng, sông Lòng Sông có đập tràn, nhưng lượng nước không đủ tưới cho những cánh đồng lân cận. Nhiều nơi do cát biển bồi lên và đất đá trôi về lấp dần các sông suối và các bầu nước như Bầu Lơ, Bầu Mặn, Bầu Ốc chỉ còn là tên gọi địa phương chứ không tìm thấy dấu vết gì là bầu nước. Do những điều kiện khắc nghiệt, nên việc đứng chân hoạt động của các lực lượng về mùa khô rất khó khăn phải dựa vào các triền núi cao, tuy tiện nước nổi, bóng mát nghỉ ngơi, nhưng xa dân, xa ấp không nắm chắc được tình hình.

Nhân dân bắc Bình Thuận vốn có truyền thống cách mạng từ thời đánh Pháp và đang có phong trào cơ sở khá vững mạnh. Tuy vậy trình độ chính trị – xã hội không đều nhau, có nhiều dân tộc sống xen kẽ, tuy quan hệ bình thường, nhưng vẫn hình thành từng xã ấp và có những đặc điểm riêng: Người Chăm chuyên làm ruộng rẫy, rất mực thương yêu cách mạng, nhưng ngại đánh nhau, ranh giới giai cấp không rõ rệt, bên nào cũng được, miễn sao dân tộc mình tồn tại “cách mạng thắng thì có thắng Ích (Năm Hưng) Bí thư Huyện ủy Phan Lý”, “quốc gia thắng thì có thắng Vận (Quận trưởng Phan Lý)”, cả hai đều là người Chăm. Người Nùng phần đông

là gia đình bà con thân thuộc của Sư đoàn 5 Nùng di cư vào nam Sông Mao làm ăn khá phát đạt đã có một thời Sông Mao được gọi là Sài Gòn mới. Người Kinh chiếm đa số sống tập trung vào các thị trấn, chủ yếu làm nghề biển, buôn bán và một số làm ruộng rẫy là trung tâm đoàn kết và nòng cốt trong vận động các phong trào cách mạng. Ngoài ra, còn có một ít đồng bào K'ho sống trên các triền núi cao chuyên làm rẫy.

Vào những tháng cuối năm 1966 trên chiến trường Bình Thuận nói chung và Bắc Bình nói riêng vẫn còn dấu dấp của cuộc “chiến tranh đặc biệt”. Về ta chưa có dấu hiệu gì gọi là chuẩn bị thế trận sẵn sàng đối đầu với quân Mỹ, mặc dù lữ 506 kỵ binh không vận Mỹ đã triển khai đứng ở Căng Ê-sê-pic (Camp ésepíc), Phan Thiết từ tháng 8 năm 1966.

Lực lượng quân nguy ở đây vẫn chưa có gì thay đổi lớn, chủ yếu là giữ các chi khu, thị trấn và một số ấp đông dân trên trục đường số 1 và quân Mỹ cũng chưa có chi viện gì lớn cho phía Bắc Bình. Từ Sông Lũy ra đến Vĩnh Hảo địch vẫn tổ chức bốn chi khu (Hòa Đa, Phan Lý, Hải Ninh, Tuy Phong) và hai yếu khu (Sông Lũy, Duồng) mỗi chi khu có từ một đến hai đại đội địa phương quân và mỗi ấp xã có từ một đến hai trung đội nghĩa quân (dân vệ), nhưng phân chia lãnh thổ kiểm soát vẫn không rõ rệt, như chi khu Phan Lý ở Chợ Lầu kiểm soát các ấp xã người Chăm, nhưng các ấp xã ấy lại ở rải rác trên lãnh thổ của bốn quận từ Ma Lâm (Thiện Giáo) đến Tuy Tịnh. Chi khu Hải Ninh ở Sông Mao kiểm soát dân Nùng, tuy số dân này có tập trung hơn, nhưng cũng chia thành bốn nơi: Sông Mao, Sông Lũy,

Suối Nhum và Sông Khiêng, chỉ có chi khu Hòa Đa và Tuy Phong kiểm soát dân theo phân chia lãnh thổ. Tuy trong hoạt động địch có phối hợp với nhau, nhưng chủ yếu vẫn là hai chi khu Hòa Đa và Tuy Phong, mặc dù vậy các chi khu trên vẫn chiếm giữ trên một phạm vi quan trọng nhất định và trở thành một hệ thống chi khu đồn bốt, giữ ấp kèm dân. Ngoài ra địch còn có hai đại đội biệt kích ở Lương Sơn chuyên hoạt động luồn sâu ở phía bắc Bình Thuận và Trung đoàn (thiếu) 44/23 ở Sông Mao cơ động chung cho hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận.

Về ta, tổ chức thành ba huyện Hòa Đa, Tuy Phong và Phan Lý tuy có phân chia lãnh thổ rõ rệt, nhưng huyện Phan Lý vẫn nghiêng về dân Chăm và Nùng ở phía Chợ Lầu và Sông Mao. Lực lượng vũ trang của các huyện trừ Hòa Đa có đại đội (thiếu) còn Tuy Phong và Phan Lý chưa đầy một trung đội, nhưng hầu hết các xã, ấp, đều có đội vũ trang công tác chừng một tiểu đội, hoạt động theo phương thức vũ trang công tác, diệt ác, xây dựng thực lực phong trào cơ sở. Vùng giải phóng khá rộng, từ bắc tuyến đường sắt lên đến La Bá giáp vùng giải phóng Lâm Đồng và Ninh Thuận, nhưng là vùng rừng núi đất đá không có dân, các ấp làm chủ tranh chấp còn lổ đổ không thành vùng, thành mảng. Nhìn chung địch còn kiểm soát các thị trấn và các ấp đông dân trên trục đường số 1.

Đi vào hoạt động: ý định của quân khu đối với Đoàn 600 là đánh tiêu diệt một số đại đội địa phương quân mở rộng vùng làm chủ và tranh chấp, căng kéo địch hỗ trợ cho phong trào. Nhưng đã gần hai tháng

ngoài việc “đột áp” đánh lẻ và thu mua lương thực thì tiểu đoàn chưa đánh được một trận tiêu diệt nào! Điều này do có phần mới mẻ trong việc nắm địch, chuẩn bị chiến trường, nhưng chính là giải quyết cách đánh chưa tốt. Vì lúc này địch tổ chức bộ máy kèm phá chặt chẽ và rải mạng lưới điệp báo đối phó với ta tương đối có kết quả, do đó nhiều trận ta gài, ém lót khá công phu, nhưng vẫn bị lộ không đánh được.

Để giải quyết tình hình trên, đáp ứng đòi hỏi bức thiết của chiến trường, quân khu đi đến ý định đánh tiêu diệt yếu khu Duồng – một vị trí nằm trên trục đường cụt từ ngã ba Hội Tâm (đường số 1) đi Duồng, giữa hai ấp Thanh Lương về phía tây bắc và Duồng phía đông nam, mé tây nam sát biển, phía bắc và đông bắc là cánh đồng ruộng muối, do đại đội địa phương quân 119 và hai trung đội nghĩa quân chiếm giữ. Dựa vào đồn Duồng thời Pháp cũ, địch tổ chức thành ba khu vực: Công Quán (tức đồn Duồng) do đại đội địa phương quân 119 trấn giữ; Trụ sở hội đồng, khu vực chùa Phật và Mộ Cô do hai trung đội nghĩa quân trú đóng. Địch kiểm soát trên một vùng đông dân vốn là một trong những chỗ dựa về nguồn hậu cần của ta.

Cuối tháng 12 năm 1966 một phương án tác chiến của Tiểu đoàn 600 (840) được báo cáo quân khu. Đại tá Tư lệnh quân khu Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà), đã gọi tiểu đoàn trưởng Khuê về, sau khi nghe báo cáo, đồng chí Tư lệnh đã đặt nhiều câu hỏi, trong đó có nói đến hồi đánh Pháp, anh là chỉ huy trưởng trận đánh Duồng khá gay go và mới đây – đầu 1966 Tiểu đoàn 482 Bình Thuận là một tiểu đoàn mạnh, nhưng đánh không dứt

điểm, vì Tiểu đoàn 482 chưa phải là tiểu đoàn đánh công kiên và nhất là chưa đủ hỏa lực đánh tiêu diệt một cứ điểm như vậy. Sau khi cân nhắc Tư lệnh quân khu đã điều hai khẩu đội ĐKZ75 ly của Bình Thuận tăng cường cho Tiểu đoàn 600 (840) chứ không lấy của quân khu vì đơn vị hỏa lực chủ yếu của quân khu Tiểu đoàn trợ chiến 145, đã chuyển thành tiểu đoàn bộ binh nhẹ tăng cường cho Lâm Đồng và trước khi xảy ra trận đánh, quân khu cũng đã điều Đại đội 3 do trung úy Nghinh, đại đội trưởng đang thu lúa ở Phan Lý về bổ sung thành Đại đội 3/600 (840), đại đội này rút tĩa trong số trình sát, cảnh vệ và vận tải của các cơ quan trực thuộc quân khu.

Cuối cùng Tư lệnh quân khu phê chuẩn quyết tâm chiến đấu của Tiểu đoàn trưởng 600 (840): chọn hướng đột phá sử dụng Đại đội 5 đặc công và Đại đội 1 trên hướng chủ yếu từ phía bắc và tây bắc đánh vào Công quán và Trụ sở hội đồng; Đại đội 2 từ hướng đông bắc đánh chiếm ngôi chùa Phật cất đường Hà Thủy vây ép khu vực Mộ Cô; Đại đội 3 dự bị sẵn sàng đánh vào Mộ Cô và phái ra một tiểu đội nút chặn mé biển, hai tiểu đội chặn viện ngã ba Hội Tâm; trận địa hỏa lực gồm bốn ĐKZ 75mm và 57mm 2 cối 82mm 2, đại liên từ các gò ruộng muối phía bắc chi viện trực tiếp cho hướng đột phá chủ yếu. Áp dụng lối đánh “tập kích” bằng sức mạnh (công kiên) có kết hợp đặc công áp sát bí mật mở rào lốt sẵn, đánh chiếm khu vực tây bắc Công quán. Để bảo đảm yếu tố bí mật bất ngờ tiểu đoàn buộc phải áp dụng những biện pháp cần thiết: trước đó đã cho đội công tác và trình sát thường xuyên bắt liên lạc với cơ sở trong ấp và sử dụng một bộ phận lực lượng đẩy mạnh hoạt động

"đột ap" và đánh quét bọn lòng sục nằm ngoài, buộc địch co dần về cứ điểm, bỏ qua các thủ tục thông báo và hợp đồng bàn bạc với huyện và đội công tác trước khi có trận đánh, vì nếu thông báo huyện sẽ tranh thủ triển khai xuống cho cấp dưới, địch dễ dàng dò biết ý định của ta.

Công tác chuẩn bị cho trận đánh điểm, tuy có kéo dài, nhưng tương đối có cơ sở vững chắc và đêm ngày 7 tháng 1 năm 1967, Tiểu đoàn 600 nổ súng tiến công địch ở yếu khu Duồng. Diễn biến trận đánh tuy có phức tạp nhưng dứt điểm, tiêu diệt địch tương đối gọn, đêm đến một trung đội của Đại đội 3 đánh quét một tiểu đội địch tuần tra lòng sục ở gò nghĩa địa gần ấp Thanh Lương và bắt liên lạc với cơ sở ấp Duồng như thường lệ, nhưng ta đã giữ hai cơ sở lại chờ đến khi nổ súng mới cho về. Mặc dù có tiếng súng nổ lẻ tẻ nhưng ta vẫn giữ được ý định, lần lượt các đơn vị trinh sát, Ban chỉ huy, đội dự bị, hỏa lực tiến vào chiếm lĩnh trận địa sẵn sàng chi viện cho các mũi, các cánh, các đơn vị bộ binh và đặc công vào vị trí triển khai ở thế áp sát và ưu tiên cho đặc công nổ súng trước, đúng 24 giờ Đại đội 5 đặc công đã mở xong rào và đưa được một số lọt vào ém sẵn góc phía tây Công Quán, Đại đội trưởng Thanh (Xởi) dành 15 phút trả lại ưu tiên cho Đại đội 1 và Đại đội 2, sau đó nổ súng đánh địch, phút đầu đã chiếm được một góc của cứ điểm.

Trận địa hỏa lực ĐKZ và đại liên với cự ly gần, ngắm bắn trực tiếp khá chính xác, bịt được lô cốt của Công Quán, cối 82 ly loạt đầu tiên đã bắn trúng Sở chỉ huy phía nam Công Quán và Trụ sở hội đồng. Mũi đột phá của Đại đội 1 đã mở xong rào, Đại đội trưởng Lữ Lam Đông (Ngọ) đưa xung kích 1 vào đánh chiếm góc

trái Công Quân và hiệp đồng cùng hỏa lực, xung lực, bộc phá phát triển vào lô cốt cao và Trụ sở hội đồng. Đại đội 2 bên cánh trái đánh chiếm được khu vực chùa Phật và thọc ra cắt đường Hà Thủy thì gặp hỏa lực địch ngăn chặn, Đại đội trưởng Lê Văn Nải (Đi) đã chỉ huy đơn vị tổ chức đánh chiếm đường Hà Thủy và anh đã anh dũng hy sinh. Tiểu đoàn phó Nguyễn Hòa (Hấn) đi với cánh này, đã trực tiếp chỉ huy đơn vị giành giật với địch giữ vững con đường này, tạo thế vây ép phát triển vào khu vực Mộ Cô.

Bọn địch phản kích nhiều lần ra đường Hà Thủy không thành công đã cùng với các đoàn phía Công Quân, Trụ sở hội đồng chạy về bám lấy khu vực Mộ Cô, lợi dụng một số vật kiến trúc mô mả chống cự lại ta.

Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Khuê (Du) và Chính trị viên Võ Đức Nhi⁽¹⁾ cho đội dự bị bước vào chiến đấu và chuyển vị trí chỉ huy, trận địa hỏa lực vào Trụ sở hội đồng tổ chức hỏa lực bắn chuẩn bị vào khu vực Mộ Cô. Đội dự bị (Đại đội) và Đại đội 1 thành mũi đột phá từ phía bắc và tây bắc cùng với Đại đội 2 từ phía đông bắc vây ép sang, trước sức tiến công mạnh mẽ từ ba phía vây chặt địch, các hỏa lực cối 82 ly, 60 ly, ĐKZ 75 ly, 57 ly, B40, 41 cùng với đại, trung, tiểu liên, thủ pháo, lựu đạn dồn dập đổ xuống khu vực nhỏ hẹp này như một biển lửa, áp đảo hoàn toàn, đã làm cho địch mất hết khả năng đối phó và các công sự đã bị phá tung tóe, những

(1) Đồng chí Võ Đức Nhi về làm Chính trị viên Tiểu đoàn 840 tháng 1 năm 1967, thay cho đồng chí Vũ Ngọc Đài, về Phòng Chính trị Quân khu 6.

xác định chỗ ba, chỗ năm tên chồng chất bên nhau, nhưng tên sống sót chạy ra mé biển cũng bị lưới lửa của tiểu đội súng máy Đại đội 3 chờ sẵn. Tuy vậy một toán địch đã chạy lẫn lộn về phía sau đội hình của Đại đội 1 lợi dụng sơ hở trong lúc ta thu chiến lợi phẩm, đã cướp một chân súng đại liên và trốn về phía Phan Rí.

Trận chiến đấu kéo dài hai giờ liền, phản ánh khá đầy đủ tính chất ngoan cố của địch và tinh thần chiến đấu dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn 600 (840), đánh công kiên, liên tục đột phá, diệt hết hỏa điểm này đến hỏa điểm khác, biết vận dụng kinh nghiệm chiến đấu thực tế kết hợp với nghệ thuật quân sự của quân đội ta để phát huy hết sức mạnh của đơn vị chiến thắng quân địch. Tuy trận đánh chỉ diệt một đại đội địa phương quân và hai trung đội nghĩa quân thu 34 súng, nhưng là một trận đánh tiêu diệt địch trong cứ điểm, chỗ dựa chủ yếu của địch trong việc kèm dân giữ ấp, gây tác động mạnh mẽ trên chiến trường, được Bộ Chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất.

Trong đêm địch không ứng viện, gần sáng một đại đội địa phương quân từ chi khu Hòa Đa theo đường số 1 xuống ngã ba Hội Tâm, gặp bộ phận chặn viện của ta nổ súng ngăn chặn buộc chúng lui về đầu cầu Bà Bốn (ngã ba Lâm Lộc – Phan Rí) và đến trưa Tiểu đoàn 3/44 Sông Mao đến ứng viện giải quyết hậu quả. Nhưng cũng chỉ trong ngày rồi về lại Sông Mao và từ đó địch bỏ cứ điểm Duồng mà chỉ hành quan lưu động, ban ngày một đại đội địa phương quân từ chi khu Hòa Đa mở đường xuống ngã ba Hội Tâm dừng lại đợi bắt liên lạc với lưới điệp báo, tề

vệ bên trong rồi mới tiến vào ấp, tối về lại chi khu hoặc lưu động ngủ ngoài rặng dương liễu ven biển Phan Rí. Bọn nghĩa quân và tề ấp tối neo thuyền ngủ ngoài biển, hoặc theo đại đội địa phương quân ngủ lưu động và ấp Duồng cùng với các ấp lân cận trở thành ngày địch, đêm ta và có những lúc ta làm chủ cả ban ngày.

Từ sau trận Duồng đến những ngày giáp Tết Nguyên đán (năm 1966-1967). Tuy ta có tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phá ấp, tập kích bọn ngủ lưu động và phục đánh nhỏ, lẻ trên đường số 1, nhưng ta chưa làm gì nhiều để phá hệ thống tề điệp ngầm, rút thanh niên xây dựng lực lượng ở các ấp trên. Vì do ta chưa đặt thành vấn đề tổ chức nắm địch, vả lại vùng Duồng, Hội Tâm về địch thuộc quận Hòa Đa, nhưng về ta lại thuộc huyện Tuy Phong, Bí thư huyện ủy Tuy Phong là Ba Bình được trên chỉ định làm Bí thư đảng ủy cho hoạt động này.

Anh Bình năm 1954 ở lại không đi tập kết, dễ tính, ít nói, dáng vẻ già trước tuổi, rất tha thiết gần bó, có kinh nghiệm về xây dựng phong trào cơ sở, nhưng về quân sự lại thiếu nhạy cảm với tình hình và âm mưu của địch nên hạn chế trong việc chỉ đạo chiến tranh.

Cũng vào những ngày giáp tết, tỉnh Bắc Bình được chính thức thành lập (Khu ủy 6 tách huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong của Bình Thuận và K67 của Tuyên Đức ra thành lập tỉnh Bắc Bình trực thuộc Khu ủy 6) do đồng chí Nguyễn Gia Tú (Sáu Tú) làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Quý Đôn (Ba Đôn), Phó bí thư; thiếu tá Lê Đình Nguyên (Chín Bền). Tỉnh đội trưởng; đồng chí Võ Như

Loan, Chính trị viên Tỉnh đội. Gọi là tỉnh nhưng bộ máy còn quá ít ỏi thiếu thốn, lực lượng vũ trang chỉ được một đại đội bộ binh và một trung đội trinh sát, đặc công và thông tin. Việc Khu ủy 6 thành lập tỉnh Bắc Bình là do tình hình quân Mỹ nhảy vào, “Chiến tranh cục bộ đã bắt đầu, chiến trường Bình Thuận dài dằng dặc dễ bị chia cắt, Khu đứng ở giữa Bình Thuận và Bắc Bình tiện chỉ đạo và có tin địch cũng dự định chia Bình Thuận thành hai tỉnh, các hiện tượng quân Mỹ mở đường chuyên chở vật liệu phương tiện làm sân bay Sông Mao và cảng Phan Rí khá rộn rịp, nhưng tin này rõ ràng là không đúng vì trước đó (tháng 1 năm 1957) địch đã thành lập tỉnh Bình Tuy (phần đất phía tây nam Bình Thuận), trực thuộc vùng 3 (quân khu 3) của địch.

Sau ngày ngưng chiến trong dịp Tết Nguyên đán (ngày 19 tháng 2 năm 1967) Tiểu đoàn 600 (840) tập kích hai đại đội địa phương quân đóng dã ngoại ở ga Sông Lòng Sông, Tuy Tịnh, trận đánh không gọn, do ta chặn đón địch không đúng chỗ, đêm tối vận động chậm không kịp thời để địch chạy thoát qua sông. Ta hy sinh chín đồng chí. Tuy vậy, bước đầu ta đã phá được ý định bung ra tái chiếm các ấp vùng Tuy Tịnh và cũng từ đó quân Mỹ tham gia hoạt động ra phía Bắc Bình mỗi lúc một nhiều. Các loại máy bay gần như làm chủ chiến trường, nhất là trực thăng “tàu rọ” quần lượn, bay thấp kiểm soát, lừa dân ngoài đồng ruộng, lũng sục từ bụi cây chòi rẫy nhà dân, dừng lại trước các sân nhà hoặc hạ xuống gọi dân ra trình diện, nghi ngờ ai là bắt lên trực thăng. Ban đêm cũng có các loại trực thăng bay thấp chiếu đèn pha trên các ngã đường gần như ô tô chạy

trên đường và các cánh đồng, bà con ta còn gọi là trực thăng rơi ếch (rơi đèn bắt ếch). Trên tuyến phía bắc đường sắt tuy địch hoạt động có thưa hơn nhưng cũng không kém phần nguy hiểm chúng quan sát lòng vực từng khóm rừng, nghi ngờ đâu là xông vào, đốt phá các trại sản xuất, các kho xay giã gạo, hành lang và căn cứ của ta. Ban đêm B57 cất bom tọa độ vào những nơi trên, phát hiện lửa khói là có bom tọa độ khá chính xác, thêm vào đó chiến hạm ngoài biển từng lúc bắn pháo hàng tràng dài vào các vùng Nha Mé, Tầm Vu, dốc Duồng và đổ quân lên Long Hương – Phan Rí mở nhiều cuộc càn quét liên tiếp trên vùng này.

Sự tham gia ồ ạt của lữ đoàn 506 kỵ binh không vận Mỹ trên chiến trường Bắc Bình vào mùa khô 1967 đã làm cho tình hình xấu đi. Nhân dân vùng giải phóng, các lực lượng vũ trang, đội công tác bám đánh địch phía trước và một số cơ quan kho tàng phía sau bị tổn thất, nhiều đơn vị ngán ngại trực thăng đã dội về phía sau. Nguyên nhân chủ yếu là ta xác định đối tượng tác chiến không rõ ràng, đơn giản, chủ quan chưa chuẩn bị một thế trận mới sẵn sàng đối đầu với quân Mỹ, thiếu một sự hiểu biết cần thiết về binh khí kỹ thuật Mỹ dẫn đến thua thiệt chạy dài.

Từ tháng 2 năm 1967 các bộ phận phía trước của Tiểu đoàn 600 nổ súng đánh địch. Tổ trinh sát của Trung đội phó Trần Ngời đang làm nhiệm vụ bám địch phía Tuy Tịnh gặp trực thăng xoáy vào bụi cây Tam Lang, anh trụ lại cho nổ súng bắn rơi một trực thăng và rút lui an toàn. Tổ trinh sát của Tiểu đội trưởng Lê Minh Huấn bám địch phía Bàu Vua kiên quyết không

trộn tránh, đã bắn rơi một trực thăng rồi rút về ẩn nấp dưới công đường sắt, hai trực thăng khác phát hiện kẹp giữa hai đầu công và đổ quân chặn đường rút của tổ này, cuộc chiến đấu kéo dài 15 phút và tổ đã bắn rơi thêm một trực thăng nữa rồi rút ngược ra mé biển. Tổ trinh sát của tiểu đội trưởng Nguyễn Trọng Nghĩa Đại đội 3 (sau này là Anh hùng Quân đội) trên đường đi bám địch ở dốc Hội Tâm, gặp trực thăng ngăn chặn đã đối mặt với chúng bắn rơi một chiếc. Đây là những chiếc trực thăng đầu tiên bị Tiểu đoàn 600 bắn rơi trên chiến trường Bắc Bình và bước đầu ta có kinh nghiệm đánh trực thăng lòng sục. Cũng vào những ngày trên, Tiểu đoàn 600 bố trí đón đánh địch ở phía tây bắc Tuy Tịnh, đêm đến đã sử dụng một đội của Đại đội 5 đặc công, hai tiểu đội trinh sát và một trung đội của Đại đội 1 do Đại đội trưởng Nguyễn Trung Việt làm chỉ huy trưởng và Trung đội trưởng Nguyễn Núi và Trương Vũ Bảo, chỉ huy phó, vượt qua tuyến hỏa lực ngăn chặn của địch ở ngã ba Lạc Trị tập kích vào trận địa pháo quân Mỹ ở cổng Long Hương (ngày 10 tháng 3 năm 1967) phá hỏng bốn pháo và diệt khá nhiều Mỹ.

Những hoạt động trên của Tiểu đoàn 600 tuy có đánh được Mỹ nhưng vẫn chưa giải quyết được vấn đề bám trụ để đánh gãy một số thủ đoạn trực thăng đổ chụp. Vì vậy Tiểu đoàn bí mật tiếp tục xây dựng trận địa lán dân ra phía trước, tổ chức thế đứng chân kiểu phòng ngự điểm tựa – cụm điểm tựa. Hai đại đội phía trước bố trí trên vùng rừng đồi đất bằng, một đại đội phía sau, lưng chừng núi, nằm phía bắc, tây bắc ấp Tuy Tịnh 1,5 ki-lô-mét (còn gọi là Láng Thi chân dốc 12) với ý định

nếu không lấn dần ra phía trước được nữa, thì ít ra cũng giữ được thế bám trụ ở đây làm bàn đạp, nơi xuất phát cho các hoạt động hỗ trợ phong trào. Do đó mà công sự được bộ đội cấu trúc trong nhiều ngày bằng gỗ đất khá vững chắc, có đầy đủ hầm hào chiến đấu, nối liền chiến hào, giao thông hào có nắp âm xuống từ 0,5 đến 0,6 mét liền với dáng đất ngụy trang kín đáo, đi sát đến nơi mới có thể phát hiện đó là công sự chiến đấu. Mặc dầu vậy, nhưng do ta sơ hở đi ra vào hoạt động mang tải lương thực, nước uống và nhất là trong chuyến đi áp La Gàn thu mua chuyển tải lương thực, Đại đội 3 bị trúng độc trong cá kho, phải rút về phía sau để cứu chữa, nên địch dò la đoán biết khu vực trận địa của ta, chúng tìm cách đánh phá.

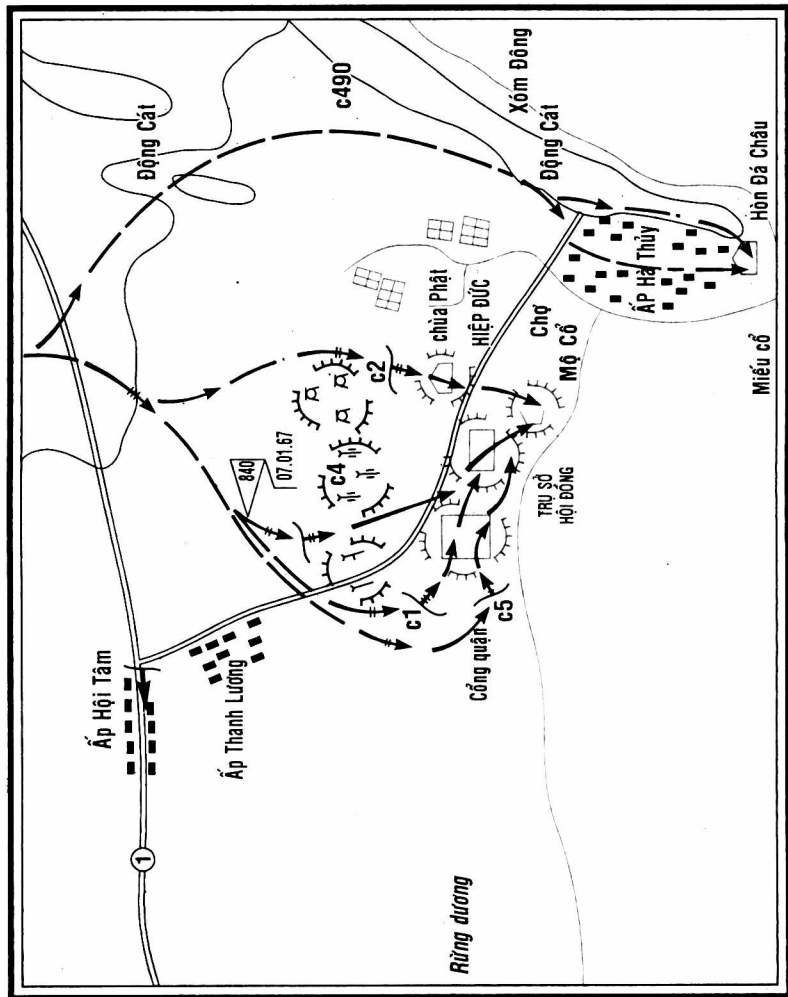
Hai ngày sau, tiểu đoàn 3/44 địch ở Sông Mao đến dốc Hội Tâm tiến vào Nha Mé, chia hai cánh đi vào trước trận địa của Đại đội 2 ở tây bắc ấp Tuy Tịnh. Biết địch sắp vào trận địa, Đại đội trưởng Long và Chính trị viên Sặt cho đơn vị sẵn sàng chiến đấu. 8 giờ 40 phút ngày 5 tháng 4 năm 1967, trận chiến đấu bắt đầu, loạt đạn đầu tiên của Trung đội 1 do Trung đội trưởng Hòa chỉ huy đã ghìm địch trước trận địa của mình không quá 15 mét, cánh thứ hai của địch đã vòng bên sườn trái đánh vào Trung đội 2 chiếm được một đoạn chiến hào. Nhưng nhờ hầm hào có nắp nên Đại đội trưởng Long đã cho hỏa lực bắn phủ lên trận địa, sử dụng 2 tiểu đội phía sau theo giao thông hào ra phản kích đẩy địch ra khỏi trận địa. Sau 40 phút chiến đấu cả hai cánh của địch đều bị chặn lại, địch cho lui về phía sau và chuẩn bị hỏa lực, hết pháo, đến máy bay oanh kích và hai cánh của địch ồ

ạt xung phong lần thứ hai, lần này địch cũng vẫn bị ghìm trước trận địa của ta 30 mét.

Đến 12 giờ cùng ngày, lũ 506 kỵ binh không vận của Mỹ từ Cánh Ê-sê-píc Phan Thiết ra tham chiến. Chúng đổ quân xuống phía tây ấp Tuy Tịnh, tạo thành thế bao vây trận địa của Đại đội 2, các loại máy bay thì nhau trút bom đạn xuống trận địa và dùng hỏa lực ngăn chặn sự chi viện bên ngoài. Sau hơn một giờ dùng hỏa lực chuẩn bị, từ hai mặt Tiểu đoàn 3/44 nguy phía tây bắc, tiểu đoàn 3/506 Mỹ phía nam đông nam tiến công mạnh vào trận địa của Đại đội 2. Tuy có sự hiệp đồng giữa quân Mỹ và nguy, nhưng lần này chủ yếu là Mỹ. (Vì tiểu đoàn 3/44 nguy sau nhiều đợt tiến công không thành đã mất sức chiến đấu, thương vong đang nổi dài trước trận địa Đại đội 2). Các cán bộ và chiến sĩ Đại đội 2 đã biết sử dụng hỏa lực đồng loạt ghìm địch xuống ở những phút đầu và tổ chức bắn điểm ngăn kết hợp với hỏa lực xuất hiện bất ngờ, đột nhiên ở cự ly gần khá chính xác, làm cho địch bị thương vong nhiều, nhưng địch vẫn không phát hiện được các hỏa điểm của ta, đây là một yếu tố thành công trong hệ thống tổ chức hỏa lực của một điểm tựa phòng ngự.

Tuy vậy, trước sức tiến công mới của địch Đại đội trưởng Long và Chính trị viên Sặt đã phải huy động và sử dụng toàn bộ lực lượng tham gia đánh địch, trong đó có hai đội đặc công của Đại đội 5 do Đại đội phó Lê Phi Hung (Hổ) chỉ huy và tiểu đội trinh sát của Tiểu đoàn do Trung đội phó Nghi chỉ huy, hai phân đội này đứng chân trong đội hình của Đại đội 2 để thuận tiện đi chuẩn bị chiến trường.

TRẬN TIÊU DIỆT CHI KHU DƯƠNG
(Ngày 07 tháng 01 năm 1967)



Cách đánh của lữ 506 kỵ binh không vận Mỹ chủ yếu là dùng máy bay các loại bắn chuẩn bị dữ dội, sau đó bộ binh hiệp đồng với máy bay đánh chiếm từng mục tiêu. Trực thăng (tàu rọ) bay thấp luôn lách tránh hỏa lực ta, chỉ điểm cho trực thăng phóng pháo từ xa dùng tốc độ nhanh đột kích bất ngờ “cạy nắp hầm” của bộ đội ta (máy bay trực thăng bay thấp đến nỗi gần như xe tăng đột kích dẫm bộ binh vào trận địa), do vậy mà các chiến sĩ Đại đội 2 bắn rơi được nhiều trực thăng Mỹ, kể cả B40 cũng bắt được trực thăng. Mặt khác do ghìm giữ được bộ binh Mỹ ở cự ly gần nên hạn chế được rất nhiều hỏa lực của loại trực thăng phóng pháo, cứ một vài tên Mỹ bị thương vong thì hai đến ba tên khác lên đưa chúng ra, ta bắn tiếp tên đó, cứ thế mà bộ binh càng lên, thì thương vong càng nhiều và cuối cùng máy bay Mỹ vẫn phải bắn lên xác lính Mỹ. Tuy vậy ở phía đông nam Trung đội 3 của ta đã bị uy hiếp thực sự, một đoạn chiến hào bị địch chiếm và đang lấn dần về phía khu vực phòng thủ của Đại đội 2, Đại đội trưởng Lông đã phải sử dụng lực lượng đặc công, trinh sát thành một mũi, men theo giao thông hào vòng đánh bên sườn địch và vất vả lắm mới lập lại được trật tự cho Trung đội 3.

Trận đánh càng về chiều càng trở nên ác liệt, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Khuê và Chính trị viên Võ Đức Nhi đã sử dụng tiểu đội trinh sát còn lại và một tiểu đội của Đại đội 4 tăng cường cho Đại đội 2 giữ trận địa, điều hai cối 82 ly do Đại đội phó Lộ và Trung đội trưởng Tình chỉ huy vận động từ phía sau ra sườn núi phía đông bắc đánh vào khu vực tập kết của quân Mỹ (lúc này trực thăng lên xuống liên tục để chở số bị thương vong),

nhưng với số đạn quá ít ỏi chỉ còn có 25 quả, tuy bắn khá chính xác tiêu diệt được một số sinh lực địch, nhưng cũng chẳng chuyển biến được tình hình bao nhiêu. Mặt khác, ta điều Đại đội 1 vận động từ sườn núi phía bắc ra phía đường sắt và từ đó đánh vào sườn và phía sau địch. Nhưng đại đội ta không vượt qua được các tuyến hỏa lực ngăn chặn dày đặc của máy bay, nên đại đội trưởng Chi đã phải cho từng tổ tích cực đánh máy bay, kéo địch để đơn vị vận động, dù vậy ta cũng không sao vượt qua nổi các tầng trống và đành phải triển khai đánh với Tiểu đoàn 3/44 ngự, đã làm cho địch phải đối phó nhiều phía. Càng về chiều tối sức tiến công của bộ binh Mỹ-ngụy yếu dần, nhưng các loại máy bay thì nhau trút bom đạn xuống trận địa Đại đội 2. Lợi dụng trời nhá nhem tối khói đạn mịt mù, bộ binh Mỹ tháo chạy ra khỏi trận địa và nhiều tổ trực thăng hồi hã hốt quân Mỹ về lại Cảng Ê-sê-píc Phan Thiết, bỏ mặc xác lính Mỹ tại trận địa và Tiểu đoàn 3/44 còn lại sau khi đánh nhau với Đại đội 1, cũng đã rút chạy dưới sự chi viện hỏa lực ngăn chặn của trực thăng Mỹ. Đêm đến pháo hạm ngoài biển, pháo ở Long Hương, Sông Mao và máy bay B57 luân phiên thả pháo sáng bắn cầm canh và cắt bom thay cho trực thăng và bộ binh ban ngày, nhưng ta vẫn dựa vào công sự thu dọn chiến trường và đến bốn giờ sáng mới rời khỏi trận địa. Sáng ngày hôm sau, lữ đoàn 506 kỵ binh không vận (KBKV) Mỹ mới trở lại để thu dọn xác lính Mỹ và xác máy bay trực thăng.

Qua một ngày chiến đấu ác liệt, trận địa phòng ngự của Đại đội 2 đã tỏ rõ là một điểm tựa vững chắc như một pháo đài bất khả xâm phạm và các chiến sĩ Đại

đội 2, đặc công, trinh sát là một tập thể anh hùng của pháo đài này, mà người chỉ huy của nó là đại đội trưởng Lê Văn Long (trung úy Long người cao, nhanh nhẹn, nhiều râu nên còn gọi là “Long Râu” anh có tác phong chiến đấu khấn trương gương mẫu đầy tính thuyết phục, không những gan lì đi sát vận động bộ đội mà còn chính ở chỗ anh nắm vững chiến thuật – kỹ thuật, thường xuyên mang một AK với 250 viên đạn, một khẩu K54 với 50 viên đạn, bốn đến sáu lựu đạn, thủ pháo cùng với một tổ trinh sát, luôn có mặt ở những nơi bị địch uy hiếp nhất. Sự chỉ huy kiên quyết và tài xạ kích chính xác của đại đội trưởng Long luôn khích lệ tinh thần quyết tâm chiến đấu của chiến sĩ và cán bộ cấp dưới. Anh là người Lâm Lộc cách trận địa phòng ngự mà anh chỉ huy chiến đấu chừng 7 ki-lô-mét, vào bộ đội từ những ngày chống Pháp 1954 tập kết ra Bắc, tốt nghiệp Trường Sĩ quan lục quân 1. Sau những năm rèn luyện học tập và trở về Nam chiến đấu ngay trên mảnh đất quê hương, điều ấy dường như có một sức mạnh kỳ diệu cổ vũ anh).

Trận thắng Láng Thi, tây bắc ấp Tuy Tịnh (dốc 12) đã đánh gãy cuộc tiến công của tiểu đoàn 3/506 Mỹ, làm thiệt hại hai đại đội ngự, một đại đội Mỹ thu 35 súng, bắn rơi và bị thương bảy máy bay. Về ta hy sinh chín đồng chí, bị thương bảy đồng chí. Điều ấy đã nói lên một đại đội tăng cường đứng ở một địa hình không lấy gì ưu thế (rừng đồi hơi mấp mô, gần ấp) cũng có thể đánh bại một lực lượng Mỹ-ngụy gấp nhiều lần (dù là phòng ngự)

một đối thủ đã từng làm mưa làm gió trên chiến trường này và từ đó làm giảm dần tính hung hăng của lũ 506 kỵ binh không vận Mỹ. Tuy các nơi trên chiến trường toàn Miền đã và đang đánh thắng Mỹ, nhưng ở đây là trận đấu chiến đấu với loại hình này, mở đầu cho khả năng phòng ngự điểm tựa (ta thường gọi là “trụ”) đánh Mỹ ban ngày không những ở vùng giáp ranh mà cả trong vùng địch kiểm soát sau này. Trận đánh được Bộ Chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng 3.

Tuy trận thắng như vậy, nhưng sau đó Tiểu đoàn 600 vẫn chưa làm được gì nhiều để phát huy thắng lợi này, vì đạn dược cạn dần chưa được bổ sung. Bản thân Tiểu đoàn từ trước và sau Tết Nguyên đán 1967 đã cử ba đoàn: mỗi đoàn từ 40-60 người nối tiếp nhau (1 phần 3 quân số) lấy lương thực từ bờ biển La Gàn và mang theo một tháng ăn để đi lấy đạn ở biên giới Cam-pu-chia, đi về xuôi lọt cũng phải mất 45 ngày, nhưng khi tới sông 4⁽¹⁾, nam đường 20 thì Quân khu giữ đoàn lại để chuyển nhiều chuyến đạn cho Quân khu chuẩn bị cho kế hoạch Đông – Xuân 1967-1968.

Từ khi về chiến trường Bắc Bình, tiểu đoàn đã phải tiết kiệm tối đa việc tiêu thụ đạn dược, nhưng đến thời điểm này, tiểu đoàn đã đứng trước một sự thật là “cạn túi”, đành phải xếp bớt các loại súng RPD, AK, CKC,

(1) Sông Dăng Quách thượng nguồn sông La Ngà.

B40, B41 vào kho và tận dụng súng chiến lợi phẩm, súng trường Garand, trung liên 24-29, M79, tất nhiên là từ loại súng này chuyển qua loại súng khác quả thật không dễ dàng.

Để có vũ khí đánh địch thiếu úy Lang, quân khí của tiểu đoàn đã cùng với tổ sửa chữa, tìm tòi tháo gỡ bom đạn lép để làm mìn ĐH10, 15, 20 có cải tiến chút ít, bằng cách trộn mảnh và bi vào để có sức công phá và đạn mảnh đi khá xa.

Anh Lang người Ninh Thuận, tập kết ra Bắc 1954, sau những năm học tập ở nước ngoài, anh là thợ lành nghề, khi trở về Nam chiến đấu 1961, anh lao vào trận địa này. Vũ khí anh sản xuất có số lượng và chất lượng khá, được các chiến sĩ 600 tin nhiệm và đặt cho cái tên kỹ sư Lang “nháy” vì khi anh tiếp xúc chuyện trò để lộ đôi lông mày nháy duyên dáng, và từ mìn ĐH chuyển sang cái tên “mìn nháy” 10, 15, 20, được sử dụng không những đánh nhỏ lẻ mà còn đưa vào chiến thuật phục kích “mìn nháy”, bố trí thành bãi có chặn đầu, khóa đuôi, đối diện. Các tổ điều khiển chờ cho địch lọt vào trận địa rồi cho nổ đồng loạt và xung phong thế là xong trận đánh. Ngoài ra, mìn nháy còn được bố trí ở các bãi đánh trực thăng đổ chụp, đã có lần thổi rơi một trực thăng gần Dốc Cúng. Dù sao thì lối đánh nhỏ lẻ kiểu du kích này cũng đã bù đắp vào những ngày tiểu đoàn thiếu đạn dược và đã thu được một số kết quả nhất định, tiếp tục hỗ trợ cho phong trào ở địa phương.

Tháng 5 năm 1967, Tiểu đoàn 600 chuyển dần hoạt động vào phía Phan Lý, sau khi bố trí nhiều bãi đánh

trực thăng đổ chụp không thành công, vì do cách nhử câu kéo địch chưa đủ liều lượng. Và chắc chắn trận Tuy Tịnh còn ngấm đòn đau, nên kỵ binh không vận Mỹ đã cẩn thận cân nhắc hơn, không ngông nghênh đổ chụp như những ngày đầu năm. Ngày 13 tháng 5 năm 1967, Tiểu đoàn 600 đánh địch ở ấp Châu Hanh một ấp người Chăm, có chừng 200 dân, nằm bên bờ bắc Sông Lũy, cạnh đường sắt giữa Sông Mao và Sông Lũy. Vì sự lộ liễu của những trận câu kéo trên, nên trong đêm đánh, địch đã án ngữ sẵn ở đây, hai đại đội biệt kích Lương Sơn và địa phương quân. Mặt khác ta còn đơn giản làm theo lối một trận đột áp thông thường, mà đối tượng chủ yếu là một đại đội địa phương quân địch trong ấp với quân số và lượng đạn ít ỏi, không cân xứng. Vả lại Bí thư Huyện ủy Năm Hưng đi với tiểu đoàn, không muốn bộ đội bắn ĐKZ, cối, B40... vào ngôi chùa địch đang trú quân vì sẽ hỏng chùa, ảnh hưởng đến chính sách đoàn kết dân tộc đối với đồng bào Chăm. Trận đánh tuy có diệt được địch khá đậm (một đại đội biệt kích Lương Sơn, Đại đội 118 địa phương quân và một đoàn bình định), nhưng không dứt điểm, số địch còn lại bám ngôi chùa Phật chống trả. Trực thăng Mỹ từ Cánh Ê-sê-pic Phan Thiết từng tốp hai, bốn, sáu chiếc liên tục bắn và thả pháo sáng yểm trợ, bộ phận dự bị và phân đội hỏa lực phải xoay sở đánh trả máy bay địch rất khó khăn. Ta hy sinh 14 đồng chí. Sở dĩ ta bị tổn thất khá nặng nề và trận đánh không gọn như vậy là do lộ bí mật, lãnh đạo chỉ huy không nắm chắc địch và công tác tổ chức chuẩn bị vũ khí trang bị kỹ thuật còn nhiều hạn chế. Sau đó Tiểu đoàn 600 về lại Tuy Phong và Hòa Đa vẫn phải rải lực

lượng tiếp tục hoạt động nhỏ lẻ, kết hợp với đột áp “thu mua lương thực và tổ chức lực lượng lớn hơn di chuyển tải đạn được ở biên giới Cam-pu-chia. Đối với chiến trường Bắc Bình, Bình Thuận, cũng như cả chiến trường Khu 6, vấn đề “đột áp” được coi như một phương thức hoạt động. “Đột áp” phải làm cả ba việc: đánh địch trong áp; móc ráp cơ sở, xây dựng thực lực cách mạng; thu mua lương thực tùy tình hình từng áp mà trọng tâm từng nhiệm vụ có khác nhau nhưng thu mua lương thực (gạo) bao giờ cũng được coi là “chính ủy”. Tuy nhiên không có đạn được, chẳng những không đánh được, mà là tự thu mình lại để địch tự do đánh phá, dẫn đến thương vong, do tình hình đạn được cực kỳ căng thẳng như vậy, nên lần này quân khu cho Tiểu đoàn 600 được tổ chức một đoàn đặc biệt 120 người đi độc lập, không nằm trong hệ chuyển tải của quân khu, do trung úy Cúc, đại đội trưởng Đại đội 4/600 chỉ huy. Anh được coi là chủ bài của đơn vị, có kinh nghiệm tổ chức chuyển tải vũ khí đạn được theo từng cung đoạn từ những ngày đánh đường 14 Phước Long – Quảng Đức vào mùa khô 1965 – 1966.

II. ĐÔNG XUÂN 1967 – 1968 TRÊN CHIẾN TRƯỜNG BÌNH THUẬN

Để thực hiện kế hoạch Đông Xuân 1967 – 1968, theo chỉ lệnh của Quân khu, tiểu đoàn phó Hòa (Hấn) dẫn đầu một đoàn cán bộ đi trước vào đường 8 (Hàm Trí – Bình Thuận) để chuẩn bị chiến trường và chuyển tải lương thực bảo đảm cho đơn vị sắp vào hoạt động ở hướng này.

Cuối tháng 10 năm 1967 Quân khu điều toàn bộ

Tiểu đoàn 600 vào chiến trường Bình Thuận để chuẩn bị cho hoạt động Đông Xuân 1967 – 1968 với ý định: cùng với Tiểu đoàn 482 Bình Thuận đánh gãy một số thủ đoạn trực thăng đổ chụp đang bung ra lấn chiếm vùng Tam Giác, Khu Lê.

Tình hình Tam Giác (Hàm Thuận) và Khu Lê Hồng Phong (Hòa Đa và Thuận Phong) là nơi có phong trào và lực lượng du kích mạnh. Vùng giải phóng đến cuối năm 1965 đầu 1966 đã vào sát vùng ven thị xã Phan Thiết vây ép các chi khu, đồn bót. Nhưng từ mùa khô năm 1966 – 1967 đến nay đã trở nên khó khăn gay gắt. Sau trận đánh chi khu Thiện Giáo (Ma Lâm) ngày 15 tháng 10 năm 1966 của Tiểu đoàn 482 Bình Thuận không dứt điểm, tiểu đoàn này chuyển về phía Khu Lê củng cố và tiếp tục hoạt động, nhưng địa hình trống trải, nơi ăn ở đi lại lộ liễu, nên địch phát hiện và dùng chiến thuật “trực thăng đổ chụp” đánh phá, tuy ta đánh trả quyết liệt hạ được trực thăng, nhưng vì công sự nguy trang đơn giản, đội hình bố trí chưa đáp ứng sẵn sàng đánh trực thăng địch, nên bị tổn thất và bật ra khỏi địa bàn. Và cũng không riêng gì Tiểu đoàn 482/Bình Thuận ở trận địa 102 (Khu Lê), mà các nơi khác trên chiến trường Bình Thuận, lữ 506 kỵ binh không vận Mỹ cũng đang áp dụng rộng rãi lối đánh này để yểm trợ tối đa cho quân nguy tiếp tục bung ra càn quét lấn chiếm vùng giải phóng.

Trên trục đường số 8, sau khi địch giải tỏa xong đoạn từ Tân An – Ma Lâm, đã bung ra càn quét sâu vào vùng căn cứ ta, mở rộng phạm vi kiểm soát lên phía bắc đường sắt từ: bắc Mương Mán đến bắc Ma Lâm, đẩy các

lực lượng ta đặt lên các sườn núi Hàm Thuận, (anh em ta gọi chế điều huyện Hàm Thuận là “Hàm Suồn”).

Trên trục đường số 1 (đông bắc Phan Thiết) sau khi địch giải tỏa xong đoạn từ Phú Long đến Hồng Sơn, đã thiết lập lại cứ điểm Gộp, đưa Tiểu đoàn 3/44 ngự ra giải tỏa đoạn từ Gộp đi Sông Lũy, nhằm nối lại đoạn đường này. Xây dựng cứ điểm Bàu Ốc, bảo vệ trục giao thông và căn cứ hành quân cần quét rộng ra hai bên đường số 1, vào sâu vùng căn cứ và bàn đạp của ta ở Khu Lê (phía nam đường số 1) và Hàm Trí (bắc đường 1).

Phát hiện tình hình trên, ý định của Tư lệnh quân khu sử dụng Tiểu đoàn 600 đang đứng ở vùng Núi Lá – Sông Khiêng gấp rút chuẩn bị chiến trường, chuyển tải lương thực và vũ khí đạn dược để kịp hoạt động ở vùng Hàm Trí, Hàm Thuận (đông đường số 8 và bắc đường số 1). Trước mắt là đánh Tiểu đoàn 3/44 đang dũi ra đóng dã ngoại tại Bàu Ốc, nhằm phá kế hoạch giải tỏa đường số 1 và tập trung quân cần quét của địch trên hướng này. Sau đó cùng với Tiểu đoàn 482/Bình Thuận mở đợt hoạt động trên địa bàn Hàm Thuận Bắc, nhằm đánh một số trận “trực thăng đổ chụp”. Tiếp theo đưa Tiểu đoàn 600 qua Khu Lê hoạt động trên trục đường số 1 (đông bắc Phan Thiết) và đưa Tiểu đoàn 482 xuống vùng Tam Giác hoạt động trên trục lộ đường số 8 (bắc tây bắc Phan Thiết) nhằm cải thiện tình hình, lập lại thế đã có trước mùa khô 1966 – 1967.

Cũng vào hạ tuần tháng 10 năm 1967 tại Sở chỉ huy Quân khu 6 trên đồi 400 (bắc sông Cà Tót – Bình Thuận) diễn ra cuộc hội nghị do Quân khu chủ trì, có

cán bộ trung cao cấp của cơ quan và đơn vị, nhằm quán triệt nghị quyết Trung ương, Trung ương Cục và Khu ủy 6 về hoạt động Đông Xuân 1967 – 1968: động viên khí thế bước vào Đông Xuân 1967 – 1968 với một sức mạnh lớn nhất “sức mạnh Phù Đổng”, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cách mạng, cơ hội ngàn năm có một “giành thắng lợi quyết định” v.v... kết thúc hội nghị là những lời hứa hẹn đầy quyết tâm của đại úy Thông, Tiểu đoàn trưởng 186 và đại úy Nhi chính trị viên Tân đoàn 600 (840). Điều đó đã nói lên công tác chính trị tư tưởng trong các cán bộ, đảng viên khá thành công.

Đi vào hoạt động Đông Xuân 1967 – 1968, Quân khu đã có kế hoạch cho Tiểu đoàn 186 chuyển qua đông Di Linh (Lâm Đồng) chuẩn bị gài đánh địch trên đường 20, cứ điểm Tà In, K67 và hướng dẫn về phía Đà Lạt – Tuyên Đức.

Tiểu đoàn 482/Bình Thuận có nhiều chiến tích trong những năm “chiến tranh đặc biệt” và nổi tiếng trong trận đánh chi đoàn tăng và thiết giáp địch ở Tân Điền, đường 8 (ngày 17 tháng 2 năm 1967) đang được củng cố huấn luyện chiến thuật và thay đổi trang bị vũ khí. Để tăng cường lãnh đạo chỉ huy. Quân khu điều động đồng chí Hòa (Hấn), Tiểu đoàn phó 600 về làm tiểu đoàn trưởng 482/Bình Thuận (người chỉ huy đã tốt nghiệp trường sĩ quan lục quân miền Bắc vào Nam chiến đấu từ cuối 1960).

Riêng đối với Tiểu đoàn 600 tuy Quân khu đã có ý định tác chiến, song chưa có phương án cụ thể, còn đang tiếp tục theo dõi địch. Nhưng từ khi Tiểu đoàn 3/44 nguy

bung ra giải tỏa vùng này. Quân khu đã chuyển bộ phận chuẩn bị chiến trường của đồng chí Hòa (Hán) và Trung Việt tích cực chuẩn bị Bàu Ốc. Bộ phận này cho đặt đài quan sát trên núi Ách, phát hiện địch mỗi lúc một tăng, ngoài Tiểu đoàn 3/44 đã có thêm chi đoàn tăng và thiết giáp, đại đội công binh Mỹ, hai đại đội địa phương quân và đại đội biệt kích, đóng quân dã ngoại trên nền đất của thôn 4, xã Hồng Liêm cũ, nằm trên trục đường sắt và quốc lộ 1 kéo dài về phía nam, rộng chừng 10 mẫu (đoạn giữa Gộp và Sông Lũy, cách Phan Thiết 34 ki-lô-mét, về phía đông bắc). Đội hình đóng quân của địch dày đặc, công sự lộ thiên sơ sài, núp dưới những chiếc lều chi chít. Tuy nhiên vẫn hình thành từng cụm lớn, hai cụm bộ binh nằm hai đầu đường sắt và quốc lộ, một cụm nằm ở phía nam quốc lộ, sở chỉ huy ở giữa, hai cụm xe tăng và cụm bộ binh ở phía nam đường, mỗi cụm cách nhau từ 200 đến 250m, chung quanh có hai lớp rào bùng nhùng. Hàng ngày xe tăng xe bọc thép và bộ binh chia nhau càn quét và án ngữ xung quanh, cùng với xe ủi đất, xe vận tải chuyển vật liệu từ Phan Thiết lên khá rộn rịp. Trên vùng Bàu Ốc tiếng súng, tiếng các loại động cơ và bụi cát tung lên thành từng vệt dài. Với mức độ tập trung lực lượng trên, địch có thể càn quét sâu hơn lên phía đông đường số 8, với mục đích giải tỏa nổi lại đoạn đường trên và đẩy ta ra xa hơn (thực ra vùng Bàu Ốc gọi là bàu nhưng không tìm thấy dấu vết gì của bàu, chỉ còn là tên gọi của địa phương, nằm trên vùng đất đồi thấp thoai, không dân. Trước đây có thôn 4 nằm sát mé nam đường số 1 và xóm Gòn gần suối Bà Chồn phía bắc đường sắt, thuộc xã Hồng Liêm, nhưng địch đã dồn dân

về thôn 1 Hồng Liêm (Cây Táo gần Gộp), từ năm 1962-1963).

Những ngày cuối tháng 10 năm 1967, công tác chuẩn bị cho trận chiến đấu đang tiến triển tốt đẹp: sau hội nghị học tập tại đồi 400, Chính trị viên Võ Đức Nhi khẩn trương bắt tay vào công tác đảng, công tác chính trị củng cố đơn vị. Tiểu đoàn trưởng Khuê đi thẳng xuống đài quan sát, nơi hẹn gặp các cán bộ chỉ huy thuộc quyền tiến hành trình sát thực địa, giao nhiệm vụ và tổ chức hiệp đồng tại chỗ và một phương án tác chiến được hình thành.

Cũng vào thời gian trên trung tá Lê Thành Cộng, tham mưu trưởng quân khu xuống núi Lá (nơi tập kết của Tiểu đoàn 600) thông qua phương án. Sau khi nghe báo cáo tình hình, thấy địch có chủ quan sơ hở, mới bung ra đứng chân chưa vững, nhưng lực lượng so với ta thì khá lớn. Anh điện xin ý kiến Tư lệnh Quân khu và điều động thêm lực lượng tăng cường cho Tiểu đoàn 600, gồm có Đại đội 450 Thuận Phong, bộ phận phục vụ của trưởng Quân chính quân khu, các đội sản xuất, các đoàn tải của cơ quan và đơn vị lân cận, một bệnh xá của quân khu mới thành lập do bác sĩ Thu phụ trách được huy động phục vụ cho trận đánh, quân số trên 250 người gần một nửa là quân số chiến đấu và vẫn như các trận trước, quân khu không còn lực lượng dự bị, nhất là hỏa lực. Lương thực và vũ khí đạn dược, tuy còn phải tiếp tục chuẩn bị nhưng so với yêu cầu của một trận đánh thì không phải vất vả như những trận đánh năm 1967 ở Bắc Bình, gạo được bộ phận đi trước lấy ở Hồng Sơn, Thuận Phong và đơn vị thu mua ở La Gàn, Duồng,

chuyển vào đủ ăn một tháng. Vũ khí đạn dược, đoàn chuyển tải của trung úy Cúc và các đoàn trước đó, quân khu đã trả về đơn vị kịp thời và đang được tung vào trận một khối lượng tương đối lớn gồm: 4 cối 82 ly và 380 đạn, hai ĐKZ và 80 đạn, hai đại liên và 1600 đạn, sử dụng tập trung ở trận địa hỏa lực và bổ sung số người phục vụ chiến đấu, mang vác số đạn trên; sáu cối 60 ứng dụng 600 đạn, mỗi khẩu đội thêm hai người mang theo hai giỏ đạn; 56/B40, 41/690 đạn, mỗi khẩu thêm một xạ thủ mang thêm tám quả; đặc công, trinh sát và bộ binh, mỗi tổ có một chiến sĩ mang theo một giỏ 40 quả thủ pháo, bộc phá, tất cả những người mang vác đạn, xạ thủ phụ đều được trang bị thêm một AK và 200 viên đạn, ngoài ra mỗi cán bộ và chiến sĩ khác trang bị một AK và 300 đạn và 10 thủ pháo. Nhìn chung các mũi đột kích đều được trang bị pháo cầm tay (thủ pháo, bộc phá ném) và B40, 41, cối 60 ứng dụng, tương đối mạnh có đủ sức phát triển vào tung thâm, đây là lối đánh quen thuộc của Tiểu đoàn 600 và nhiều đơn vị khác của quân khu, trong các trận tập kích, nhằm khắc phục tình trạng thiếu hỏa lực pháo chuẩn bị và chi viện của cấp trên.

Sau khi cân nhắc tình hình địch, ta và các mặt bảo đảm, trung tá Tham mưu trưởng quân khu phê chuẩn phương án tác chiến của Tiểu đoàn trưởng 600 (840): chọn hướng đột kích và sử dụng Đại đội 5 đặc công (thiếu) và Đại đội 1 trên hướng chủ yếu, từ phía bắc đường sắt đánh vào cụm bộ binh thứ nhất. Cụm xe bọc thép 1 và sở chỉ huy; Đại đội 2 và đội đặc công trinh sát, từ phía bắc tây bắc đường sắt đánh vào cụm bộ binh thứ 2 và cụm xe bọc thép 2; Đại đội 3, từ hướng đông – đông

nam đánh vào cụm bộ binh thứ 3 và cử tiểu đội súng máy bao vây nút chặn tại đồi cát phía nam (phía Khu Lê). Một đội đặc công trinh sát tiểu đoàn, đánh cứ điểm Bàu Ốc đang xây cất; trận địa hỏa lực cối 82 ly, ĐKZ 57 ly và đại liên chiếm lĩnh sườn đồi phía bắc đường sắt, tham gia bắn chuẩn bị và trực tiếp chi viện cho hướng chủ yếu; Đại đội 450 Thuận Phong và tăng cường tiểu đội trinh sát tiểu đoàn làm dự bị, cùng một lúc đánh địch nằm ngoài, sẵn sàng bước vào chiến đấu trên hướng chủ yếu và cử ra một tiểu đội súng máy, cùng với du kích xã Hồng Liêm đón đánh trực thăng, lửa kéo địch về phía Khu Lê. Ngoài ra, mỗi đại đội cử ra một tiểu đội súng máy chuyên đánh trực thăng, bảo đảm cho đội hình chiến đấu và sử dụng cả các bộ phận sản xuất, vận tải, tăng cường trang bị súng máy, bố trí ở các bãi trống phía Hàm Trí, núi Châu Tá, cánh đồng sông Khiêng đánh trực thăng địch. Tuy đánh trực thăng Mỹ ở đây được coi là một biện pháp khá quan trọng, nhưng lúc này lực lượng đã dồn vào trận đánh, nên việc bố trí đánh trực thăng có sự chấp vá dàn đều.

Các mặt công tác chuẩn bị cho trận đánh tuy còn hạn chế nhất là về thời gian, nhưng do tính chất và đặc điểm của trận đánh đòi hỏi phải khẩn trương, nên trận đánh Bàu Ốc được quyết định vào đêm ngày 7 tháng 11 năm 1967 sớm hơn dự kiến. Diễn biến trận đánh tương đối thuận lợi, ta đánh dứt điểm tiêu diệt tương đối gọn.

Chiều ngày 6 tháng 11 năm 1967, các đơn vị từ Núi Lá hành quân đến vị trí tập kết cuối cùng phía tây nam Sông Khiêng và ém giấu quân tại đó một ngày, tiếp tục hoàn tất mọi công tác triển khai đợi thời cơ. Tại đây,

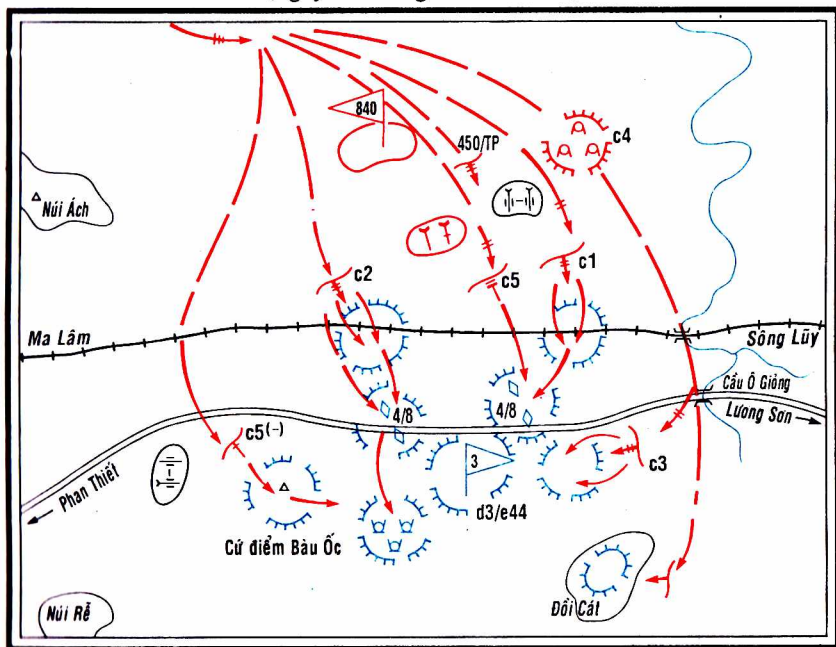
công việc đầu tiên và lớn nhất là bảo đảm bí mật, trình sát liên lạc đón từng đơn vị, đưa vào vị trí qui định lúc trời nhá nhem tối. Đại đội 450 Thuận Phong từ Khu Lê hành quân qua bắc đường số 1 trong đêm và đến nơi trước khi trời sáng, đại đội này vừa đến thì được bổ sung thêm súng AK, B40, B41 và thủ pháo. Mọi công sự nguy trang đều hoàn thành trong đêm, cơm vắt từ phía sau đưa tới, một trạm phẫu thuật được thiết lập sẵn do bác sĩ Lê Quang làm đội trưởng. Trung úy Quang người sông Cầu, Phú Yên tham gia bộ đội từ những ngày kháng chiến chống Pháp, 1954 tập kết ra miền Bắc theo học trường y tốt nghiệp bác sĩ, trở về miền Nam chiến đấu ở chiến trường Khu 6. Anh được bố trí ở trạm phẫu Tiểu đoàn 600, qua nhiều năm thử thách và trưởng thành với đôi bàn tay thành thạo, tấm lòng tận tụy, dũng cảm và dày dặn kinh nghiệm của người thầy thuốc từ những trận Phước Long, Bù Nơ đường 14 năm 1965 – 1966, đến Bắc Bình 1967. Do đó, trong trận này các cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn 600 rất tin tưởng ở anh.

Các chiến sĩ trình sát Tiểu đoàn 600 phối hợp với du kích hai xã Hồng Liêm và Hàm Trí bám đánh địch đều đặn, chiều ngày 7 tháng 11 năm 1967 các đơn vị tham chiến, được phổ biến tình hình mới nhất và bổ sung thêm nhiệm vụ. Về phía địch, trong ngày 7 và cả các ngày trước đó, các loại máy bay L19, trực thăng (tàu rọ) quần lượn quan sát khá gắt gao, máy bay tiêm kích ném bom, bắn phá trên trục đường núi Châu Tá – Cây Táo (Hồng Liêm). Các tổ biệt kích sục sạo và cho quân rải cảnh giới, án ngữ trên các ngã ba đường trên trục lộ 1 từ sông Lũy – Gộp. Nhưng một thuận lợi bất ngờ đến

với Tiểu đoàn 600 là trời đổ mưa, càng về chiều trời tiếp tục mưa nặng hạt và vì thế mà máy bay Mỹ trở về Cảng và sân bay Thành Sơn sớm hơn mọi ngày và những toán địch lùng sục án ngữ cũng co dần về phía Bàu Ốc. Khi trời nhá nhem tối, tiểu đoàn trưởng 600 mới cho bộ đội xuất phát và mật danh “Bô” (tức Bàu Ốc) mới được phổ biến. Đến giờ ta sắp nổ súng địch vẫn không nắm được gì thêm về ta, ngoài lực lượng du kích của Hàm Trí và Hồng Liêm. Thực ra Tiểu đoàn 600 chuyển quân từ Bắc Bình vào đông đường số 8, phải đi vòng ngược lên đường dây phía La Bá (không đi đường ngang qua Phan Lý) và giấu quân ở Núi Lá, tránh đường dây Suối Cát, xa trục đường số 8, số 1 và duy trì một bộ phận ở lại hoạt động tiếp tục đột áp La Gàn, Duồng đến ngày 5 tháng 11 năm 1967 bộ phận này mới rút về đến đơn vị. Do ta nghi binh tốt nên mãi đến những ngày đầu tháng 11 năm 1967 tên trung tá Tuấn tiểu khu trưởng Bình Thuận mới thông báo cho quận trưởng Hòa Đa, Tuy Phong, “Tiểu đoàn 600 đang chuẩn bị, có thể chiến sự sẽ xảy ra các nơi trong một ngày gần đây”. Trong lúc địch còn đang mò mẫm phán đoán kế hoạch tác chiến của ta, thì từ các triển đồi nơi tập kết cuối cùng phía tây nam Sông Khiêng, từng dòng người các chiến sĩ 600, vai lưng mang nặng súng đạn, đang hăm hở vượt “điểm qua mặt” của tiểu đoàn, đến vị trí triển khai chiếm lĩnh. Các tổ trinh sát đã chia nhau bám sát địch và đón từng đơn vị lần lượt đưa vào vị trí, 21 giờ ngày 7 tháng 11 năm 1967 các cánh đã vào vị trí chiếm lĩnh tương đối thuận lợi và giai đoạn tiềm nhập bắt đầu, đài quan sát Sở chỉ huy trận đánh được đặt ở sườn đồi phía bắc đường sắt, quan sát

CHIẾN THẮNG BÀU ỐC - PHAN THIẾT

(Ngày 08 tháng 11 năm 1967)



bao quát được cả khu vực và đang tỏa mạng thông tin điện thoại đi các cánh. Trận địa hỏa lực của Tiểu đoàn, sau khi chiếm lĩnh xong, đại đội trưởng Cúc đã lần mò cho chuyển đạn lên khá nhiều, sẵn sàng chi viện (nếu bị lộ) cho các đơn vị tiến vào chiếm lĩnh. Các đại đội lần lượt đưa các hỏa lực cối 60 ly, B40, B41, súng máy và DH10 của mình lên triển khai, thiết lập một trận địa hỏa lực ngăn, trực tiếp, nhằm phát huy hết tính năng tác dụng các hỏa khí trong những phút đầu. Qua đường dây điện thoại. Sở chỉ huy đã điều chỉnh thẳng từng bước tiếm nhập (hết dành ưu tiên cho Đại đội 5 đặc công và Đại đội 1 trên hướng chủ yếu, đến đặc công và Đại đội 2 hướng thứ yếu 1 và dừng hai hướng trên để chờ hướng Đại đội 3 và hướng đồn Bàu Ốc). Đến 24 giờ 30 phút, các mũi đã cắt xong rào và đưa dần mìn DH10 vào đặt gần các cụm bộ binh và xe tăng địch. Những giây phút hồi hộp tiếm nhập đã qua và giờ đây toàn bộ khu vực địch đã nằm dưới tầm bắn của ta và ta đang ở thế sẵn sàng nhả đạn. Càng về khuya, mưa vẫn lúc to, lúc nhỏ, đã làm cho đêm tối tăng thêm, việc quan sát mục tiêu chuẩn bị xạ kích quả thật không dễ dàng. Trong khu vực địch, chỉ còn lại bọn lính gác lại và để tránh mưa, một số tên gác đã lùi dần vào bên những góc lều bạt.

1 giờ ngày 8 tháng 11 năm 1967 ở cánh Đại đội 2 phía tây bắc, địch đổi gác, một tên lính gác ra ngoài phát hiện mìn DH10 đặt gần đó giật mình, chưa kịp chạy vào, thì trung úy Thông đại đội trưởng Đại đội 2 ra lệnh cho trung sĩ Dũng điểm tỏa. Mìn nổ phát lệnh chung và một loạt ĐH trên các hướng cùng nổ tiếp theo,

toàn bộ hỏa lực ta dồn dập trút xuống trận địa địch. Các hỏa lực cối 82 ly bắn vào sở chỉ huy, ĐKZ, B40, B41 bắn vào cụm xe tăng và xe bọc thép, cối 60 ly, ĐH10 và các hỏa lực khác đánh vào các cụm bộ binh địch khá chính xác, những loạt hỏa tiễn B40, B41, đầu đạn đỏ lừ xé màn đêm thi nhau lao vào quân địch. Khu vực Bàu Ốc phủ lên một màn lửa đạn dày đặc, các mũi các cánh nổ súng giòn giã đánh chiếm đầu cầu và thọc sâu vào trung tâm tương đối thuận lợi.

Trên hướng chủ yếu: Đại đội 1 thành hai mũi đột phá đánh vào cụm bộ binh 1, cụm này có diện tích tương đối rộng, ở đó có hai đại đội của Tiểu đoàn 3/44, đại đội trưởng Chi và chính trị viên Hùng đã bí mật lần lượt đưa toàn bộ các hỏa khí của mình lên phía trước dàn thành trận địa hỏa lực bắn ngắm trực tiếp để tranh thủ sát thương địch trong phút đầu. Vì vậy mà sau những loạt đạn đầu, Đại đội 1 đã chiếm được mõm đồi nhô ra phía bắc đường sắt và mũi thọc sâu của đại đội phó Bảo cùng với chính trị viên phó Thanh đã nhanh chóng phát triển vào giữa đội hình địch.

Đại đội 5 đặc công đã lợi dụng pháo hỏa tiễn chuẩn bị lách giữa hai cụm 1 và 2 địch đánh vào cụm xe tăng 1 và thọc sâu vào Sở chỉ huy Tiểu đoàn 3/44 và đại đội địa phương quân.

Hướng Đại đội 2, sau khi địch phát hiện, Đại đội trưởng Thông và chính trị viên Sặt đã cho ĐH10 nổ và chỉ huy đơn vị đánh chiếm ngay một đoạn đường sắt và dùng hỏa lực chế áp hoàn toàn cụm 2 của địch. Tiểu đoàn phó Long đi với cánh này đã cho đội đặc công trình

sát thọc vào đánh cụm xe tăng 2.

Hướng Đại đội 3, thành hai mũi đánh vào cụm bộ binh thứ 3, ở đó địch có 1 đại đội của Tiểu đoàn 3/44 và một đại đội địa phương quân (thiếu), trung úy Miên đại đội trưởng Đại đội 3 vốn quen thuộc lối đánh ĐH10 đã bí mật đưa chín quả mìn ĐH10 vào gần địch, đặt thành một dãy và cùng một lúc với tất cả các hỏa lực của mình, dồn dập đánh địch. Sau loạt đánh mạnh mẽ phủ đầu, Đại đội 3 đã chiếm toàn bộ nền đất cũ thôn 4 và hai mũi nhọn của đại đội này đang phát triển chặt đôi, dẫm nát lên đội hình cụm 3 địch. Ở cứ điểm Bàu Ốc trong quá trình tiềm nhập trung đội trưởng Khang và tiểu đội trưởng Phượng chỉ huy đội đặc công trình sát, đã lọt vào ém sẵn bờ đất gần lô cốt địch đang xây dựng, khi nổ súng đã nhanh chóng chiếm một góc phía tây cứ điểm. Địch hoảng hốt bỏ chạy, đội này phát hiện chiếm cứ điểm và từ thế cao dùng hỏa lực chế áp vào sườn tây nam sở chỉ huy địch.

Địch tuy có số quân đông, nhưng bị bất ngờ lớn và tuy pháo hỏa chuẩn bị của ta chẳng là bao, nhưng hỏa lực ngăn, pháo cầm tay của các mũi đột kích khá mạnh, nên ta đã tràn ngập ngay từ đầu và phát triển vào trung tâm nhanh chóng. Địch không kịp trở tay, chống trả yếu ớt, xe tăng bọc thép không kịp rồ máy, chỉ huy thông tin rối loạn, các cụm địch cùng một lúc đều bị đánh mạnh.

Các mũi đột kích của ta trên các hướng phát huy lối đánh áp sát, kết hợp giữa hỏa lực và xung lực tạo thành mũi nhọn, dùng ĐH10 từ đầu thổi bay từ dãy lều bạt, cối 60 ly ứng dụng đội từ trước ở cự ly gần, B40, B41

hạ những mục tiêu đề kháng xuất hiện, thủ pháo bộc phá ném liên tục và từng loạt ngắn AK xen vào giữa pháo đạn, tạo thành những vệt lửa lớn đâm sâu vào đội hình địch.

Sau 30 phút chiến đấu trên hướng chủ yếu; Đại đội 1 đã đánh chiếm đại bộ phận cụm 1, đang phát triển xuống phía nam đường số 1, thì gặp số địch sống sót bám xe tăng ra sức chống cự. Đại đội trưởng Chi và chính trị viên Hùng, điều hỏa lực và tổ chức lực lượng đánh đề kháng địch, Đại đội trưởng Cúc cũng đã kịp thời chuyển hai ĐKZ bắn chi viện cho Đại đội 1.

Đại đội 5 đặc công sau khi đánh cụm xe tăng 1 và sở chỉ huy địch đang phát triển thì bị hỏa lực địch ở khu công binh ngăn chặn, đại đội trưởng Thanh (Xởi) đã đưa toàn bộ hỏa lực B40, B41, cối 60 ly và các tổ ném thủ pháo thiết lập một trận địa hỏa lực ngăn chế áp địch.

Hướng thứ yếu 1: Đại đội 2 và đặc công trình sát đã đánh chiếm cụm bộ binh 2 và cụm xe tăng 2 đang phát triển vào sườn tây đánh vào khu công binh địch tương đối thuận lợi.

Hướng Đại đội 3 đã đánh chiếm cụm 3, đang phát triển vào sườn nam sở chỉ huy thì gặp hỏa lực địch ở Đồi Cát (phía nam sở chỉ huy) ngăn chặn (số địch này chừng một trung đội thám kích của Trung đoàn 44 nằm ngoài và số bên trong sống sót chạy ra).

Tiểu đoàn trưởng Khuê và chính trị viên Võ Đức Nhi đã đưa đội dự bị bước vào chiến đấu trên hướng của Đại đội 5 đặc công, để cùng với Đại đội 2 đánh vào khu công binh địch. Cối 82 ly sau những loạt đánh vào khu

công binh đã chuyển làn bắn vào Đồi Cát và Đại đội 3 cùng với tiểu đội đón lõng đánh địch ở Đồi Cát.

Phút thứ 40, những vệt lửa đạn của các mũi đột kích, lại được tập trung vào khu công binh địch. Tiểu đoàn phó Liệu đi với đội dự bị, đã sử dụng hỏa lực của Đại đội 5 và tổ chức đội dự bị thành hai mũi từ phía đông bắc đánh vào và đại đội trưởng Thông sắp lại lực lượng thành một mũi, từ sườn tây bắc phát triển vào, cả ba mũi đột kích trên hai hướng đều tập trung sức, bắn dồn dập vào đội hình địch. Tiểu đoàn phó Long đã động viên, thu gom súng đạn B40, B41 của số anh em thương binh đưa đến đánh địch. Tiểu đội trưởng Máu Giấy người Raglay, Bác Ái trong chiến đấu bắn chín phát B40, hạ bảy mục tiêu và đang dẫn đầu tổ mình tiếp tục phát triển. Tiểu đội trưởng Trần Xuân Thành người Mỹ Thành, Phú Mỹ, Nghĩa Bình bắn hết cơ số đạn B40 của mình và nhận tiếp B41 của đồng đội bị thương tiếp tục phát triển bắn bốn phát, hạ ba mục tiêu và anh đã anh dũng hy sinh. Trung đội trưởng Bốn người Xa Ra, Hàm Thuận, Bình Thuận, trong trận Tuy Tịnh đã dẫn đầu xạ kích chính xác, ghìm xác lính Mỹ trước trận địa và trong trận này đã chỉ huy hỏa lực tập trung thành mũi nhọn lợi hại, xé nát đội hình địch. Đại đội trưởng Miên khi tổ chức đánh vào Đồi Cát đã chỉ huy B40, B41 bắn đồng loạt từng ba đến bốn phát một, liên tục như từng làn hỏa tiễn.

Đối với súng B40, B41 tuy đã xuất hiện trên chiến trường Bình Thuận khá lâu, nhưng lần này được sử dụng khá tập trung với số lượng tương đối lớn, đạn dồi dào so với biên chế của tiểu đoàn trong một trận đánh. Từ

tham gia bắn chuẩn bị, bắn đồng loạt diệt các mục tiêu lớn, diệt bãi tăng đến diệt từng mục tiêu xuất hiện, các xạ thủ có trình độ kỹ thuật giỏi, thao tác nhanh, bắn chính xác, chịu đựng sức nóng, trung bình mỗi xạ thủ bắn từ tám đến chín phát B40, B41 – một kỷ lục kỳ diệu hiếm hoi của một trận đánh.

Đến phút thứ 55 ta dứt điểm, các mũi, các cánh làm chủ trận địa, bắt liên lạc và bắn lên trời những loạt súng AK reo mừng chiến thắng. Các bộ phận phục vụ chiến đấu phía sau, được đưa vào trận địa khiêng cáng thương binh và thu dọn chiến trường.

Đúng 02 giờ 15 phút (sau 01 giờ 15 phút) nhiều tốp trực thăng Mỹ từ Căn Ê-sê-píc Phan Thiết theo trục đường số 1 với tốc độ nhanh rải đạn pháo và bắn xối xả xuống các nơi địch vừa mới bị ta tiêu diệt, không cần có sự quần lượn chỉ điểm nào, đây là lối “yểm trợ tối đa” của kỵ binh không vận Mỹ, khi biết đồng bọn bị tiêu diệt.

Các tổ đội đánh máy bay của ta đã nổ súng giòn giã từ Gòp đến Bầu Ốc, hạ hai trực thăng, đại bộ phận của ta đã rời khỏi trận địa. Tuy nhiên cánh Đại đội 2 khi rút, đại đội trưởng Thông đã giữ lại một tổ trinh sát, tiếp tục kiểm tra lục soát và đánh máy bay để đơn vị rút được an toàn và trong trận đánh quyết liệt này, anh đã anh dũng hy sinh (trung úy Nguyễn Ngọc Thông người Quảng Nam, tham gia bộ đội từ những ngày chống Pháp, 1954 tập kết ra Bắc theo học trường Sĩ quan lục quân Sơn Tây. 1965 vào Nam chiến đấu, làm tác huấn Tiểu đoàn 130 và 840, trước trận Bầu Ốc được bổ nhiệm làm

đại đội trưởng Đại đội 2. Trong chiến đấu, anh tỏ ra là sĩ quan có tài năng và gan dạ, luôn nhận khó khăn về mình, luôn tổ chức và chỉ huy bộ phận mũi nhọn rất thành công và trong trận Bàu Ốc anh vẫn là mũi nhọn).

Trong đêm, các bộ phận đánh trực thăng địch, đã thu hút lửa kéo địch trên các hướng Khu Lê, Suối Mây và Sông Khiêng. Tuy nhiên đến 7 giờ ngày 8 tháng 11 năm 1967, địch phát hiện các khiêng thương cuối cùng của ta qua trắng trống. Đại úy Bành Đức đi với bộ phận này, đã chủ động kịp thời chỉ huy bộ phận bảo vệ đoàn thương binh, đánh trả quyết liệt kéo trực thăng địch về phía mình và anh đã anh dũng hy sinh. Về sau ta gọi địa danh này là suối “Anh Đức” hoặc suối “Ròre” vì anh đã chỉ huy bắn rơi hai trực thăng tại con suối nhỏ phía bắc núi Châu Tá (Ròre là loại trực thăng trinh sát có tiếng kêu rò re) (Đại úy Bành Đức người Hoài Nhơn, Bình Định, tham gia bộ đội từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, 1954 tập kết ra Bắc theo học trường quân sự, sau khi tốt nghiệp học viện quân sự Bắc Kinh (Trung Quốc) trở về Nam chiến đấu làm chỉ huy phó, chỉ huy trưởng Trường Quân chính của Quân khu 6 trong trận này, anh động viên cả cán bộ và chiến sĩ Trường Quân chính và dẫn đầu đoàn của Nhà trường đi tải đạn, khiêng cáng thương binh phục vụ cho trận đánh).

Để cứu chữa kịp thời cho các thương binh đội phẫu dã chiến của trung úy Quang với 11 y, bác sĩ làm việc suốt ngày 8 tháng 11 năm 1967 xong ca nào, đưa về bệnh xá ca ấy. Tuy vậy những cơn mưa muộn màng cuối mùa mưa 1967 đã làm cho nước sông Khiêng nhỏ bé này trở thành khó khăn và chiều ngày 9 tháng 11 ta mới

đưa hết thương binh về bệnh xá (đồi 600 Núi Lá).

Trận thắng Bàu Ốc nhanh gọn, tiêu diệt nhiều sinh lực địch trong một trận (một tiểu đoàn bộ binh, một chi đoàn cơ giới 47 xe tăng và xe bọc thép, 5 đại đội lẻ, bắn rơi bốn máy bay trực thăng, loại khỏi vòng chiến đấu trên 700 tên, buộc chúng bỏ căn cứ hành quân dã chiến Bàu Ốc và cả cuộc hành quân càn quét vùng bắc Hàm Trí (đường số 8). Về ta hy sinh 35 đồng chí. Tiểu đoàn được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng hai.

Sau trận Bàu Ốc, Tiểu đoàn 600 chưa kịp làm gì để lấy lại sức, thì đã nhận lệnh của Quân khu phân tán lực lượng tiếp tục phát triển chiến đấu: Quân khu điều Đại đội 2 được tăng cường với quân số 120 người, đầy đủ trang bị vũ khí, chiều ngày 10 tháng 11 năm 1967, có mặt tại Sở Chỉ huy tiền phương Quân khu ở Hàm Phú, để kịp tham gia trận chiến đấu mới cùng với Tiểu đoàn 842/Bình Thuận (vì Đại đội 2/840 đánh thắng “trục thăng đồ chụp” trong trận bắc Tuy Tịnh ngày 5 tháng 4 năm 1967 nên được Quân khu chọn sử dụng trong trận này). Tiểu đoàn 600 còn lại đưa qua Khu Lê để đẩy mạnh hoạt động vùng Tuy Hòa, Phú Long, Phước Thiện Xuân (trục đường số 1 đông bắc Phan Thiết).

Nhưng do tình hình sau trận đánh Bàu Ốc, Đại đội 2 có Đại đội trưởng Nguyễn Ngọc Thông và Đại đội phó Trần Văn Bốn hy sinh, nên Tiểu đoàn đã phải lấy Đại đội 3 và bổ sung một trung đội của Đại đội 2, để cho đủ quân số cấp trên qui định và thượng úy Tý, chính trị viên phó của tiểu đoàn đi với đại đội này. Kinh nghiệm

trận bắc Tuy Tĩnh còn nóng hổi, nên một lần nữa cả Tiểu đoàn 840 đã tập trung sức lo gom góp từng viên đạn, cuốc, xẻng, cưa, rửa dành cho trận đánh sắp đến. Quyết mang tinh thần Bàu Ốc đến với trận chiến đấu mới. Bộ chỉ huy tiền phương Quân khu, sử dụng Tiểu đoàn 842/Bình Thuận phục đánh chi đoàn tăng trên đường số 8 đoạn bắc Ma Lâm và Đại đội 3/840 Quân khu 6 bố trí đánh “trực thăng đổ chụp” của địch chặn đường lui của ta ở Phú Sơn. Quân khu đã thành lập Bộ chỉ huy tiền phương quân khu cho trận này và cả đợt hoạt động tiếp theo gồm có: Trung tá Phạm Văn Kha tỉnh đội trưởng Bình Thuận làm chỉ huy trưởng, Lê Văn Hiến thường vụ khu ủy, Bí thư tỉnh ủy Bình Thuận làm chính ủy. Trung tá Phan Văn Hược (Mười Trung), Chủ nhiệm chính trị quân khu làm phó chính ủy và thiếu tá Dương Phước Tường, Tham mưu phó – tác chiến quân khu làm chỉ huy phó.

Trận đánh được chuẩn bị khá công phu nhưng khi thực hiện, chi đoàn tăng của địch không đi. Tiểu đoàn 3/506 kỵ binh không vận Mỹ đổ quân xuống Phú Sơn, đúng theo cách xuất hiện câu kéo địch của ta và trận chiến đấu của Đại đội 3/840 suốt ngày 22 tháng 11 năm 1967 đã diễn ra ác liệt so với dự kiến ban đầu. Sau nhiều đợt đổ quân xuống cánh đồng Phú Sơn quân Mỹ bị ghìm xác trước trận địa phòng ngự của Đại đội 3, địch đi vòng đổ chụp phía sau, nhưng tại đây lại bị ghìm xác nặng hơn. Đêm tối ụp đến, mọi sự “nỗ lực tối đa” không thành quân Mỹ rút về Cánh Ê-sê-píc – Phan Thiết, riêng một số đại đội ngụy tham gia đánh vòng ngoài, cụm lại phía tây bắc Phú Sơn 2 ki-lô-mét. Kết quả ta

đánh thiệt hại hai đại đội Mỹ, một đại đội ngự, bắn rơi 12 máy bay trực thăng. Ta hy sinh ba, bị thương bảy đồng chí. Trong đêm ngày 22 tháng 11 năm 1967, Đại đội 3/840 thu dọn chiến trường đưa thương binh, tử sĩ về vùng căn cứ. Trên chiến trường Bình Thuận, các dũng sĩ Đại đội 3/840 một lần nữa đã lập thêm một kỳ tích đánh bại “trục thăng đồ chụp”, một pháo đài thép (sau Tuy Tịnh), được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng huân chương Quân công hạng ba.

Thành công của trận Phú Sơn không những ở chỗ ta biết lừa kéo địch đi theo ý định (Mỹ đã đưa Tiểu đoàn 3/506 với tất cả số máy bay trực thăng mà tiểu đoàn này có cùng với một số đại đội ngự của chi khu Thiện Giáo) vào trận địa chờ sẵn của ta, mà còn thể hiện rõ nét là trung úy Miền, đại đội trưởng và thượng úy Tý, chính trị viên phó tiểu đoàn đã đề đạt một phương án tác chiến cho đơn vị mình khá chính xác. Phương án đó là không chọn trận địa có sẵn của Tiểu đoàn 482 Bình Thuận, mà Bộ chỉ huy tiền phương Quân khu đã dành sẵn cho Đại đội 3/840 (trước đó Tiểu đoàn 482 được bố trí đánh “trục thăng đồ chụp” nhưng có sự thay đổi nên để trận địa cho Đại đội 3/840), chỉ vì công sự của Tiểu đoàn 482 Bình Thuận hình chữ T, bố trí đội hình không đúng với phòng ngự điểm tựa dễ bị lộ, nên Đại đội 3/840 đã xin lực lượng của các cơ quan quân khu, đưa cây gỗ, cuốc xẻng từ phía sau ra thiết bị một trận địa phòng ngự điểm tựa khác tại phía bắc cánh đồng Phú Sơn và mọi công sự được hoàn thành trước đêm ngày 21 tháng 11 năm 1967. Một loại công sự đơn giản ít công sức, hiệu quả cao và đã được thử thách... đó là công sự chữ Z, nắp hầm âm 0,30m nắp

mô liền với dáng đất, hai cửa ở hai đầu, sóng chấn động ít, mặt đỡ đạn nhỏ, mỗi cửa xạ kích được ba hướng, bắn được B40 và tung thủ pháo, lựu đạn tiện lợi. Mỗi công sự từ hai đến ba xạ thủ (hai xạ thủ hai cửa, một dự bị), mỗi tiểu đội có ba công sự cách nhau từ 25 – 30m, hình tam giác như một cụm nhỏ – gọi là cụm A hỏa lực chi việc được cho nhau (kể cả pháo cầm tay), mỗi trung đội hình thành một cụm B bao gồm ba cụm A), khoảng cách giữa các cụm từ 50-70m và các cụm B từ 90-120m), trận địa phòng ngự điểm tựa của đại đội bao gồm ba cụm B (3b + hỏa lực). Ở đây Đại đội trưởng Miên đã áp dụng đội hình một trước hai sau (một cụm B bố trí phía trước đánh địch cánh đồng Phú Sơn và hai cụm bố trí phía sau, đón đánh địch đi vòng và đổ chụp). Những chi tiết về công sự và cách bố trí trên tuy không lớn, nhưng đã là một yếu tố hết sức quan trọng của một trận đánh phòng ngự. Chúng tỏ người chỉ huy thành thạo về kỹ thuật, chiến thuật phân đội và khôn ngoan trong vận dụng.

Sau trận Phú Sơn, Tiểu đoàn 482 Bình Thuận và Đại đội 3/840 phát triển chiến đấu sang vùng Trũng Liêm, Tân Nông (Hàm Chính, Hàm Liêm). Tuy ở đây địch có dè dặt hơn, không đổ quân sát nách, chụp hốt như trước (có thể Tiểu đoàn 3/506 Mỹ cố tránh một trận kiểu Phú Sơn), nhưng vẫn chọn thời cơ nhảy sâu vào nơi trú quân của ta. Trưa ngày 9 tháng 12 năm 1967 địch đổ quân xuống đồi Trúc nơi trú quân của đại đội hòng từ điểm cao này khống chế đánh các đơn vị ta, trú quân dưới lòng chảo. Nhưng ở đây kỵ binh không vận Mỹ đã không giành được một sự bất ngờ nào, mà các dũng sĩ Đại đội 3/840 đã đón tiếp Mỹ với đầy đủ các “nghị thức”,

hệ thống công sự trận địa bố trí sẵn trên đồi Trúc với một cụm B, chờ cho máy bay dọn bãi đổ quân xuống mặt đất hẵn hoi, trung đội trưởng Nghĩa mới ra lệnh nổ súng đồng loạt, cả B40 và thủ pháo, lựu đạn cũng phá hủy được trực thăng và một đại đội Mỹ bị ghìm xác, bốn trực thăng bị bắn rơi. Ta hy sinh tám, bị thương sáu đồng chí.

Tuy chưa phải đánh gãy chiến thuật “trực thăng đổ chụp” vì quy mô tác chiến của ta còn nhỏ, nhưng với hai trận thắng của Đại đội 3/840 ở Phú Sơn và đồi Trúc ở hai loại địa hình, trong hai tình huống chiến đấu trên một chiến trường, đã làm cho địch, dù đó là kỵ binh không vận Mỹ cũng phải tính toán, đắn đo lựa chọn khi sử dụng “trực thăng đổ chụp” trong cái gọi là “nỗ lực yểm trợ tối đa”. Nhưng quan trọng hơn là: từ đây ta đã lấy lại khí thế và lòng tin, lập lại được trật tự ở vùng này và không còn ngán “trực thăng đổ chụp” nữa, đây là sự đòi hỏi của phong trào cả về lực lượng và cách đánh của ta, đối phó thắng lợi với binh khí kỹ thuật của một quân đội nhà nghề hiện đại như Mỹ, trong tư thế chuẩn bị sẵn thế trận, ngay trên địa bàn mình hoạt động tạo ra một bước ngoặt mới về tư tưởng và chiến thuật.

Sau trận Bàu Ốc Tiểu đoàn 840 (thiếu) đứng chân hoạt động ở Khu Lê. Toàn bộ Khu Lê là vùng đồi cát rừng còi thấp, nằm gọn trong hình vòng cung về phía đông nam của con đường số 1 từ Phan Thiết lên Gò, vòng ra Sông Lũy – Lương Sơn – Chợ Lầu, Hòa Đa và Phan Rí Cửa. Phía nam từ Phú Hải, Mũi Né – Bình Thiện giáp Phan Rí là biển. Địch chia Khu Lê theo lãnh thổ ba quận, các ấp xã phía nam đường số 1 từ tây Phan

Rí đến Lương Sơn thuộc quận Hòa Đa. Các vùng từ núi Rẻ đến Phú Long thuộc quận Thiện Giáo (Ma Lâm) và vùng Mũi Né, Rạng thuộc quận Hải Long. Nhưng với ta lại chia Khu Lê ra hai huyện: Huyện Hòa Đa theo ranh giới lãnh thổ của địch, huyện Thuận Phong gồm quận Hải Long và một phần Thiện Giáo của địch theo trục đường số 1 (từ Phú Long đến Bàu Ốc) và huyện Hòa Đa (từ Lương Sơn đến Phan Rí Cửa).

Dân cư phần lớn các xã, ấp nằm trên trục đường số 1, từ Phú Long đến nam Hòa Đa, chuyên làm ruộng rẫy và trên trục đường Phú Hải – Mũi Né làm nghề biển, buôn bán nhỏ và một số xã như: Hồng Sơn, Hồng Liêm, Hồng Lâm, Hồng Trung, Hồng Thịnh, Hồng Chính, Hồng Thanh (nay là xã Hồng Phong) nằm trong vùng căn cứ làm rẫy khoai, đậu, dưa và một số nghề phụ khác khá phong phú như: lấy dầu chai, bắt ong, săn thỏ, dò đông... (con đông ở Khu Lê có số lượng nhiều, con to ba đến bốn con được một ki-lô-gam cung cấp nhiều đạm và là một thức ăn khá hấp dẫn). Nhân dân trong vùng vốn có truyền thống cách mạng, trong kháng chiến chống Pháp, Khu Lê đã là vùng giải phóng, căn cứ của tỉnh Bình Thuận và là thủ phủ kháng chiến của Cục Nam Trung Bộ, vì vậy mà được mang tên đồng chí Lê Hồng Phong (gọi tắt là Khu Lê). Trong thời Mỹ-ngụy là một trong những nơi có phong trào cách mạng quần chúng sôi nổi. Cuối năm 1960, các xã Khu Lê là vùng giải phóng có phong trào du kích khá mạnh, làng xã chiến đấu được xây dựng khá công phu, chiến hào, giao thông hào băng qua cả những bãi trống. Nhưng vận dụng xây dựng làng xã chiến đấu ở một vùng như Khu Lê trong

chống Mỹ còn có chỗ chưa thích hợp, vì một vùng rừng còi, đồi cát động, chi khu đồn bót địch bao quanh, quanh năm thiếu nước uống, tắm giặt... Trước đây dân cư các xã nằm trên các vùng có nước như Triền, Bàu Thiên, Bàu Đế, Bàu Tàng, Bàu Trắng, v.v... nhưng qua các lần địch càn quét đánh phá, dồn dân, một số ra các ấp gần đường số 1 và đường Phú Hải – Mũi Né, số còn lại chuyển vào rừng cách xa các giếng nước, cả nhân dân, cơ quan dân Đảng và bộ đội chiều tối nào cũng phải đi mang nước ở các giếng trên (đi và về từ một đến hai giờ), lương thực cũng rất khó khăn, bộ đội và Đội mũi công tác còn phải đi vào ấp trong vùng địch lo lương thực và xây dựng phong trào thành qui luật, dần dà dân còn lại trong căn cứ ăn ở sinh hoạt giống như những cơ quan và bộ đội, nên ta thường gọi “dân có biên chế”.

Tiểu đoàn 840 (thiếu) từ khi được lệnh sang hoạt động ở vùng Phú Long, Tuy Hòa và Phước Thiện Xuân. Tình hình ở đây vẫn còn căng thẳng với những khó khăn của một vùng căn cứ lõm. Sau một số trận gài phục kích đánh nhỏ của Đại đội 1/840 ở Tà Nung, Phú Long, Phước Thiện Xuân và tiếp theo Bộ chỉ huy tiền phương quân khu đưa Đại đội 3/840 về lại đội hình, thiếu tá Tường đi theo với tiểu đoàn này, bố trí gài đánh “trực thăng đổ chup” ở Trại Mấu, Khu Lê, nhưng địch không đi. Cũng trong những ngày trên Tư lệnh quân khu lại điều Tiểu đoàn trưởng 840 cùng một số cán bộ, đặc công, trinh sát đi chuẩn bị yếu khu Sông Lũy và huy động lực lượng phía sau mang tải lương thực và đạn dược cho kịp đánh sau ngày ngưng chiến Tết 1968. Về sau này mới biết rõ ý định của Quân khu là tranh thủ tiêu diệt sinh

lực địch trước khi có lệnh đánh vào Phan Thiết và kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1967-1968 của Quân khu là có tính chất dọn đường là nhằm vào ý định đó. Nhưng quân khu không nắm được thời gian cụ thể đánh vào Phan Thiết, vì vậy mà có sự chậm trễ, thiếu sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh của trên trong xuân Mậu Thân 1968.

Trong thời gian hoạt động trên, tuy Quân khu có chỉ đạo kéo địch đánh được một số trận có ý nghĩa, nhưng nhìn chung vẫn chưa thoát được tư tưởng phân tán lực lượng; tác chiến từng tiểu đoàn trên hai hướng Tam Giác và Khu Lê và Tiền phương Quân khu đi theo Tiểu đoàn có tính chất chỉ đạo hơn là chỉ huy.

Đối với chiến trường Bình Thuận, hai hướng Khu Lê và Tam Giác nằm trên đất cao, kẹp hai con đường số 1, số 8, sông Hội Nhon thoải dần về phía biển, vùng Tam Giác, không bị sông suối chia cắt, xóm làng nối liền nhau dễ tiếp cận, ém quân nên có ý nghĩa khi ta tiến công vào Phan Thiết. Từ phía Tân Nông, Xóm Bàu, Xóm Mía (tây đường số 8 thuận tiện cho việc quan sát, dùng pháo đánh vào tiểu khu, tòa hành chính tỉnh tại Phan Thiết, Cảng Ê-sê-píc chính xác và vùng này có rừng đồi thấp nối liền với rừng núi “Hàm Suồn” dãy Núi Ông vùng căn cứ của tỉnh Bình Thuận và Khu 6, thành thể rừng núi liên hoàn (vùng Tam Giác – cả địch và ta đều gọi là Tam Giác, nhưng phạm vi địch gọi có rộng hơn; Phan Thiết – Gộp – Mương Mán (bao gồm trục đường số 1, đường Phan Thiết – Mương Mán và tuyến đường sắt Bắc – Nam), nhưng với ta có hẹp hơn: Phan Thiết – Ma Lâm – Mương Mán (bao gồm trục đường sắt

Phan Thiết, Mường Mán, đường số 8 và đường sắt Bắc-Nam).

Dân cư ở Tam Giác phần lớn các ấp, xã nằm vùng ven bắc Phan Thiết – thị trấn Ma Lâm – Mường Mán, trục đường số 8 và một số xã như: Hàm Phú, Hàm Thạnh nằm phía bắc trục đường sắt Ma Lâm – Mường Mán. Nhân dân trong vùng chuyên làm ruộng rẫy, than củi, măng tre, vốn có truyền thống cách mạng, trong thời chống Pháp đã nổi tiếng với các trận đánh Mường Mán, Xóm Mía, Bình Lâm, Tân

Điền, Xóm Trại, Sông Quao của Tiểu đoàn 86/812 và đã là vùng giải phóng, vùng bàn đạp cho các lực lượng đặc công biệt động và cơ sở chính trị của ta ra vào hoạt động ở Phan Thiết. Trong kháng chiến chống Mỹ-ngụy có phong trào sâu rộng từ đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, đến khởi nghĩa từng phần, giành quyền làm chủ từ những năm 1960 – 1961. Phong trào du kích chiến tranh ở Tam Giác đã nổi tiếng quần bám đánh địch, sáng tạo nhiều cách đánh phối hợp trong và ngoài (du kích mật trong vùng địch và du kích lộ vùng tranh chấp) khá phong phú và đã cùng với các lực lượng khác làm chủ địa bàn này trong những năm 1961 – 1966.

Với một địa bàn khá lý tưởng cho ta như vậy, nên sự có mặt của lực lượng ta trên vùng này đã là sự uy hiếp thường xuyên cho địch ở Phan Thiết. Vì vậy mà địch rất coi trọng hướng này, từ việc bố trí lực lượng lập vành đai, hệ thống cứ điểm phòng thủ đến việc tập trung lực lượng càn quét chà đi, xát lại khá gay gắt, nhất là từ lúc Mỹ nhảy vào tháng 8 năm 1966. Tuy vậy,

nhưng các lực lượng địa phương du kích và cơ sở chính trị vẫn bám được vùng này và sau đợt hoạt động cuối năm 1967 tình hình phát triển vào vùng ven Phan Thiết có khá hơn.

III. TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968 TẠI THỊ XÃ PHAN THIẾT

Phan Thiết, một thị xã nằm sát bờ biển ở ngay cửa sông Mương Mán, (còn gọi là sông Cà Ty), sông này chia đôi thị xã thành hai khu tả ngạn và hữu ngạn có một cầu sắt dài khoảng 100m bắc ngang qua sông là lối giao thông duy nhất nối liền hai khu vực này⁽¹⁾ (sông Cà Ty ở mạn bắc – tây bắc thị xã khi nước thủy triều xuống có thể lội qua được).

Với dân số khoảng 50.000 người gồm có chín ấp: bốn ấp Đức Long, Lạc Đạo, Đức Nghĩa và Đức Thắng ở bên hữu ngạn, dân cư phần lớn buôn bán. Năm ấp Phú Trinh, Bình Hưng, Hưng Long, Thanh Hải và Vĩnh Phú ở bên kia tả ngạn là khu vực tập trung các cơ quan tiểu khu tòa hành chính và các ty, sở, phía tây bắc, đông bắc xen kẽ có những khoảng đồi cát, phía nam trông ra biển khơi nhộn nhịp ngày đêm với các hoạt động đánh cá, một nghề có tiếng tăm từ lâu. Nhân dân trong thị xã sống cần cù với nghề đánh bắt cá chế biến hải sản nhất là làm nước mắm “nước mắm Phan Thiết” và buôn bán. Các ấp vùng ven dân làm ruộng khoai, làm muối, làm vườn có quan hệ gắn bó và rất gần gũi với vùng nông thôn giải phóng Tam Giác và Khu Lê.

(1) Năm 1968 chưa có cầu Trần Hưng Đạo và cầu Dục Thanh.

Hệ thống phòng thủ thị xã Phan Thiết bao gồm vành đai cứ điểm, yếu khu, chi khu và căn cứ bao quanh: phía đông có cứ điểm Lầu Ông Hoàng nằm trên dãy đồi cao sát mé biển cách trung tâm thị xã 6 ki-lô-mét, án ngữ và khống chế các con đường Phan Thiết đi Mũi Né, Phú Hải đi Phú Long và Kim Ngọc.

Phía tây có căn cứ Lữ 506 Mỹ ở Căng Ê-sê-píc (sân bay Phan Thiết) nằm trên dãy đồi cát Tư Long sát biển cách thị xã Phan Thiết 3 ki-lô-mét, cùng với chi khu Hàm Thuận nằm ở ngã hai đường số 1 và đường đi ga Mương Mán cách Phan Thiết 6 ki-lô-mét (còn gọi là chi khu Ngã Hai).

Phía đông bắc có yếu khu Phú Long nằm trên trục đường số 1 cách Phan Thiết 7 ki-lô-mét, án ngữ và khống chế các trục đường số 1, đường Phú Long đi Phước Thiện Xuân – Phú Hải, đường Kim Ngọc đi Phú Hải, cầu Phú Long, chiếc cầu đúc bắc ngang qua sông Hội Nhon, con sông này đoạn thượng lưu nằm giữa đường số 1 và số 8, nhưng hạ lưu vùng qua đường số 1 đoạn giữa Phú Long và Kim Ngọc và đổ ra biển Phú Hải – Phan Thiết ôm lấy thị xã (đoạn này khi nước thủy triều xuống có thể lội qua được).

Phía bắc là vành đai hệ thống cứ điểm tạo thành một vòng cung từ Phú Hội (sát bờ sông Mương Mán – qua đường số 8 đến gần cầu Sở Muối, đường số 1) và căn cứ trận địa pháo Trính Tường sát ven thị xã Phan Thiết án ngữ và khống chế trục đường số 8.

Do đặc điểm địa hình và vành đai hệ thống phòng thủ của địch đối với thị xã này, nên khi ta đưa lực lượng

vào Phan Thiết: một là, phải đột phá hai cửa ngõ quan trọng Phú Long (đường số 1) và Trinh Tường (đường số 8). Hai là, phải đi vòng từ Râm Tre Hàm Nhơn (Khu Lê) vượt qua sông Hội Nhơn, cánh đồng ruộng muối Lại An và từ Tam Giác len lỏi vượt qua vành đai vào Phú Trinh. Vì vậy mà từ những tháng cuối 1967 đầu 1968 ta cố đẩy mạnh hoạt động vừa có tính chất lập lại trật tự, vừa chuẩn bị dọn đường tạo thế đứng cho những hoạt động tiếp theo của ta đối với hai hướng trên.

Vào những ngày trước tết Mậu Thân, hệ thống phòng thủ của địch ở Phan Thiết và các vùng phụ cận tuy có lợi lỏng chặc choạc (do ảnh hưởng sắp ngưng chiến trong dịp Tết) nhưng địch đang có một lực lượng đáng kể, nhất là lực lượng: Trung đoàn 44/23 ngự đang cơ động trên trục lộ đường số 1 (Sông Mao, Vĩnh Hảo và Ninh Thuận). Lữ 506 Mỹ ở Căng Ê-sê-píc gồm có: phi đoàn trực thăng 24 chiếc, chi đoàn tăng 48 chiếc, tiểu đoàn pháo binh 16 khẩu 105 ly và 155 ly và Tiểu đoàn 3 bộ binh. Riêng lực lượng địa phương có tám đại đội địa phương quân, 27 trung đội nghĩa quân bốn đoàn bình định và các phân đội thám báo, công binh, thông tin của tiểu khu và lực lượng cảnh sát quốc gia. Những lực lượng này chủ yếu canh giữ các mục tiêu quan trọng trong thị xã và các cứ điểm chi khu vành đai phía bắc Phan Thiết.

Về ta, ngoài hai Tiểu đoàn 840 quân khu, 482 Bình Thuận, quân số mỗi tiểu đoàn 350-400 người đang hoạt động trên hai hướng Khu Lê, Tam Giác, còn có ba đội đặc công biệt động của thị xã Phan Thiết, mỗi đội từ 35-40 người (trước Đại đội đặc công 481 thuộc tỉnh, trong quá trình hoạt động cuối năm 1967 phát triển lên thành

ba đội 1, 3, 3/481 hoạt động phân tán trên các hướng: một đội phía hữu ngạn, hai đội phía tả ngạn theo trục đường số 8 và đường Phú Hải vào thị xã). Đại đội 30 trợ chiến của Quân khu, đại đội (thiếu) trợ chiến của tỉnh, mỗi đại đội quân số từ 65 đến 70 người trang bị hai ĐKZ 75, hai cối 82 ly và một số xạ thủ bắn H.12. Lực lượng hai huyện Hàm Thuận (Tam Giác), Thuận Phong (Khu Lê) phát triển tương đối đồng đều, huyện Hàm Thuận có ba đại đội, huyện Thuận Phong có một đại đội bộ đội địa phương, quân số mỗi đại đội từ 50-60 người, du kích vùng giải phóng, mỗi xã có từ một tiểu đội đến một trung đội, các xã vùng sâu, vùng yếu có du kích, tự vệ mật và đội công tác. Nhìn chung trong quá trình hoạt động những tháng cuối năm 1967 đầu 1968 quân số của các tiểu đoàn tuy có bị hao hụt chưa được bổ sung, nhưng qua những trận thắng, tinh thần khí thế Đông Xuân 1967 – 1968 đang tiếp tục đi vào chiều sâu và nhất là lực lượng đặc công, biệt động địa phương và dân quân du kích phát triển có khá hơn.

Nhân dân vùng giải phóng, cũng như vùng địch kiểm soát vui mừng trước những trận thắng của ta ở Bàu Ốc, Phú Sơn, Đồi Trúc và địch cũng đã giảm bớt hung hãn. Gần đến những ngày giáp tết, dân vùng Tam Giác, Khu Lê cũng như dân trong thị xã xuôi ngược làm ăn có dễ dàng hơn, nhà nào cũng lo sắm sửa cái ăn, cái mặc theo tục lệ cổ truyền và cũng để gửi gắm tiếp tế cho những người thân đi kháng chiến và đón bộ đội về hoạt động như thường lệ, trong đó có món bánh cốm (còn gọi là bánh nổ), một loại bánh dễ làm, thơm ngon, để được lâu, làm lương khô khá tốt, cốm được làm từ nếp vỏ rang

thành nổ, rồi thắng đường và một ít nước gừng trộn vào nổ đóng thành bánh hình hộp gói giấy màu cho đẹp để cúng, biếu trong ngày tết. Loại bánh này các tỉnh miền Trung vào dịp tết nhà nào cũng làm, nhưng ở đây trở thành một đặc sản, làm nhiều, có nơi sau Tết hàng tháng vẫn còn ăn bánh cốm và với bánh cốm này đồng bào Bình Thuận đã tiếp tế cho bộ đội ăn thay cơm vắt trong những đợt đánh vào Phan Thiết.

Trong lúc Quân khu đang tiếp tục thực hiện kế hoạch Đông Xuân 1967 – 1968 thì Khu nhận được mệnh lệnh của Miền chuẩn bị bước vào “Tổng công kích – tổng khởi nghĩa” theo tinh thần nghị quyết tháng 12 năm 1967 của Bộ Chính trị do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến (Tám Kiến Quốc), Phó tư lệnh Miền đến Quân khu trực tiếp truyền đạt. Nhưng trên hành lang đi đến quân khu, bị địch cản ở phía nam đường 20, nên đồng chí Tám Kiến Quốc đến trễ, ngày 14 tháng 1 năm 1968 Quân khu mới nhận được đầy đủ mệnh lệnh. Căn cứ theo yêu cầu nhiệm vụ lịch sử, chủ trương chiến lược của trên và tình hình cụ thể lúc bấy giờ, Quân khu đi đến quyết tâm: Tập trung sức dứt điểm hai thị xã Phan Thiết và Đà Lạt, sau đó phát triển ra vùng nông thôn và các tỉnh còn lại.

Quân khu sử dụng hai tiểu đoàn: 482 Bình Thuận và 840 Quân khu đánh vào Phan Thiết, hai tiểu đoàn: 186 Quân khu và 145 thiếu (điều từ Lâm Đồng lên) đánh vào Đà Lạt cùng với các lực lượng tỉnh, huyện, thị của hai tỉnh. Sau khi hạ quyết tâm báo cáo về trên, Quân khu khẩn trương triển khai mọi công tác chuẩn bị trong tháng 1 năm 1968 còn lại và đã hình thành hai Bộ chỉ huy tiền phương Quân khu cho hai thị xã trọng điểm.

Nhưng lúc bấy giờ việc nhận định thời điểm “Tổng công kích – tổng khởi nghĩa” trong Tết Mậu Thân không rõ⁽¹⁾, nên ảnh hưởng đến việc chỉ đạo công tác chuẩn bị và chưa sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh của trên. Hơn nữa mệnh lệnh vào đợt thực hành “Tổng công kích – tổng khởi nghĩa” của Miền đến với Quân khu cũng quá chậm (ngày 28 tháng 1 năm 1968) vì vậy mà Quân khu không sao truyền đạt kịp cho các đơn vị và địa phương. Đối với thị xã Phan Thiết: Bộ chỉ huy tiền phương quân khu do đại tá Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà), Tư lệnh quân khu làm Chỉ huy trưởng, Lê Văn Hiền (Tám Hiền), Thường vụ khu ủy, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận làm Chính ủy. Trung tá Phạm Văn Kha (Ba Lê), Tỉnh đội trưởng Bình Thuận làm Chỉ huy phó và trung tá Phan Văn Hược (Mười Trung) Chủ nhiệm Chính trị quân khu làm Phó chính ủy.

Toàn bộ lực lượng đánh vào Phan Thiết được sử dụng trên ba hướng:

Hướng chủ yếu phía đông Phan Thiết, sử dụng Tiểu đoàn 840 Quân khu được tăng cường Đội 3 đặc công biệt động thị xã Phan Thiết, từ động Cây Cám đường Phú Hải, đánh vào tiểu khu, tòa hành chính do Phan Văn Hược (Mười Trung) và Phạm Văn Kha phó chỉ huy tiền phương quân khu chỉ huy.

Hướng thứ yếu phía bắc Phan Thiết, sử dụng Tiểu đoàn 482 Bình Thuận được tăng cường Đội đặc công biệt động thị xã Phan Thiết, từ phía Tân An, đường số 8

(1) Trên chưa phổ biến thời gian cụ thể.

đánh vào Trinh Tường, do thiếu tá Phạm Hoài Chương (Sáu Nam), Chính trị viên Tỉnh đội Bình Thuận và Nguyễn Văn Bốn, bí thư thị xã Phan Thiết chỉ huy. Hướng thứ yếu 2 (thọc sâu) phía tây Phan Thiết, sử dụng hai đội đặc công biệt động của thị và tỉnh, từ cổng Chũ Y đánh vào khu hữu ngạn, do đại úy Nguyễn Anh Dũng và Nguyễn Hội tỉnh đội Bình Thuận chỉ huy.

Ngoài sử dụng Đại đội 30 trợ chiến quân khu và đại đội trợ chiến tỉnh đánh H12, ĐKZ75 và cối 82 ly vào căn cứ lữ 506 Mỹ ở Căng Ê-sê-píc.

Tuy quân khu có phương án tác chiến và tổ chức chỉ đạo chỉ huy chung cho các cánh, các hướng, nhưng thực ra là phái một số cán bộ đi theo các đơn vị để chỉ đạo đốc chiến hơn là chỉ huy chiến đấu. Ngay cả Bộ chỉ huy tiền phương Quân khu cũng chỉ giao nhiệm vụ, chỉ thị mục tiêu và hiệp đồng ngày giờ đánh chiếm, chứ không sử dụng cơ quan tổ chức mạng thông tin, trinh sát nắm địch để chỉ huy trong quá trình diễn biến, mặc dù Sở chỉ huy tiền phương quân khu đặt rất gần (vùng ven bắc Phan Thiết) và phương tiện thông tin sóng cực ngắn loại PRC25 lúc bấy giờ có thể sử dụng được.

Diễn biến các trận đánh vào Phan Thiết chia thành bốn đợt: (ba đợt 1, 2, 3 xảy ra tại thị xã và đợt 4 xảy ra trên trục đường số 1 vùng phụ cận đông bắc Phan Thiết. Tương ứng với “đợt 1 Tết Mậu Thân 1968” trên

toàn Miền.

ĐỢT 1 (đêm 30 rạng ngày 31 tháng 1 năm 1968).

Vào đợt 1 tết Mậu Thân 1968, Quân khu 6 nói chung, thị xã Phan Thiết nói riêng nổ súng đúng quy định của Bộ chỉ huy Miền, là đêm mồng 1 rạng mồng 2 Tết Mậu Thân, trong khi đó thì tiếng súng ở các thành phố, thị xã Khu 5 và Trị Thiên, nổ trước một ngày vào đêm 30 rạng mồng 1 Tết. Sở dĩ có tình trạng như vậy là vì Khu 5, Trị Thiên lấy ngày, giờ theo lịch miền Bắc. Chiến trường B2 (Nam Bộ và Khu 6) lấy ngày, giờ theo lịch miền Nam (Tết miền Bắc trước Tết miền Nam một ngày). Do đó thời cơ bất ngờ về chiến lược ở chiến trường B2 bị hạn chế và Quân khu 6 điều động lực lượng chủ lực không kịp, nên cánh phía đông thị xã Phan Thiết Tiểu đoàn 840 vào đợt chậm, khiến đợt 1 đánh kéo dài.

2 giờ ngày 31 tháng 1 năm 1968 (tức rạng mồng 2 Tết Mậu Thân), cánh phía bắc trục đường số 8, Đại đội 30 trợ chiến quân khu và đại đội trợ chiến Bình Thuận pháo kích vào Cảng Ê-sê-píc, trại Đình Công Tráng, trại Cao Thắng, cùng lúc Tiểu đoàn 482 và Đội 2/481 chia thành hai mũi, từ phía bắc và tây bắc đánh vào Trinh Tường một cứ điểm lớn, kiên cố nằm trên trục đường số 8 sát vành đai phía bắc Phan Thiết 1,5 ki-lô-mét. Tại đây có một trung đội của Tiểu đoàn 23 pháo binh, hậu cứ Trung đoàn 44/23 và Đại đội 954 địa phương quân ngụy chiếm giữ. Sau một ngày đêm chiến đấu liên tục gay go quyết liệt, ta đã tiêu diệt và đánh bật các đại đội địa

phương quân 954, 288 và các lực lượng khác của tiểu khu ra ngoài, chiếm hai phần ba cứ điểm, trong ngày địch tổ chức sáu lần phản kích có cả xe tăng, pháo binh và máy bay yểm trợ hòng chiếm lại Trinh Tường, nhưng đều bị ta đánh lui, gây thiệt hại nặng. Đến 17 giờ ngày 31 tháng 1 năm 1968 địch dùng máy bay ném bom hủy diệt khu vực này. Trong đêm 1 rạng ngày 2 tháng 2 năm 1968, ta củng cố và tổ chức lực lượng tiếp tục tiến công phần còn lại của cứ điểm Trinh Tường, tuy nhiên lần này cũng không dứt điểm, Tiểu đoàn trưởng Hòa (Hấn) cho bộ đội chuyển sang tiếp tục vây ép cứ điểm làm chủ các khu phố và phát triển rộng ra xung quanh, đánh bật tất cả các đợt phản kích, diệt nhiều sinh lực địch, gây một chấn động lớn và thu hút nhiều sinh lực địch về phía này. Đêm ngày 3 tháng 2 năm 1968, Tiểu đoàn 482 rút ra ấp Xuân Phong, củng cố và tổ chức lực lượng bám trụ lại, tiếp tục đánh xe tăng và bộ binh Mỹ, nguy phản kích từ khu nhà thương và ga xe lửa ra. Đồng thời ta tổ chức lực lượng tiếp tục tiến công và bắn ĐKZ75, 57, B40, B41 dữ dội vào trại Đình Công Tráng, diệt nhiều địch trong đó có tên đại úy Nguyễn Hữu Chí, chỉ huy trưởng yếu khu Châu Thành. Cả ngày ngày 3 tháng 2 năm 1968 các lực lượng của thị xã và tỉnh đã chiếm giữ khu vực Bacs Xi, phố 30 căn đánh bại các cuộc phản kích, buộc địch co về cố thủ trong vị trí, không dám bung ra phản kích.

Cùng thời gian trên, cánh phía tây: Hai đội đặc công, biệt động 481 do Trần Việt Tân chỉ huy từ phía Tam Giác vượt qua sông Cà Ty, đánh vào cổng Chữ Y bắn cháy một kho xăng, phá một trạm biến thế điện,

sau đó rút ra ấp Phú Khánh bám trụ lại đánh trực thăng địch đổ chụp, diệt một trung đội Mỹ, bắn rơi hai trực thăng.

Đến đêm 2 rạng ngày 3 tháng 2 năm 1968 vẫn lực lượng trên do Võ Văn Đẩu chỉ huy, tiếp tục tiến công vào phân chi cảnh sát Châu Thành, trụ sở phường Đức Nghĩa, phát triển sang nhà hát Ánh Sáng, lữ quán Anh Đào thu 11 súng ngắn, bắn cháy một xe bọc thép. Địch dùng L.19 và trực thăng vũ trang bắn phá, dùng xe tăng và bộ binh liên tục phản kích. Ta vừa chữa cháy nhà cho dân, vừa bắn máy bay và lưu động chặn các ngã đường đánh lùi các đợt phản kích của địch. Tối ngày 4 tháng 2 ta rút qua bắc sông Cà Ty. Đây là lối đánh quen thuộc sở trường của các chiến sĩ biệt động đã luồn lách cải trang lính ngụy xuất hiện bất ngờ, tiến công địch giữa ban ngày, đánh hết mục tiêu này đến mục tiêu khác có hiệu quả cao.

Trong lúc hai cánh phía bắc và phía tây hành quân tiến vào Phan Thiết thì cánh phía đông (Tiểu đoàn 840) chưa hay biết gì về sự kiện lịch sử đang xảy ra.

Đêm 29 tháng 1 năm 1968 Tiểu đoàn 840 từ Khu Lê hành quân về núi Lát, với ý định từ trước của Tư lệnh quân khu là cho bộ đội ăn Tết và sau đó tiểu đoàn sẽ đánh vào yếu khu Sông Lũy. Nhưng đến chiều ngày 31 tháng 1 năm 1968 khi đơn vị hành quân về đến vị trí, thiếu úy Nam đài trường 15W mở máy liên lạc với Quân khu phiên 17 giờ trong ngày như thường lệ, thì mới vỡ lẽ là Quân khu đã có lệnh canh đài từ lúc 19 giờ ngày 29 tháng 1 năm 1968. Trước tình hình trên, trung tá Phan

Văn Hược (Mười Trung) Chủ nhiệm chính trị Quân khu và đại úy Võ Đức Nhi, Chính trị viên 840 đã phải ra lệnh cho đơn vị cấp tốc hành quân trở lại Khu Lê để nhận lệnh đánh vào Phan Thiết. Cùng lúc, đại úy Trần Thọ, phó ban tác chiến Quân khu đi với cánh này cho liên lạc chạy bộ ra Bắc Bình gọi bộ phận chuẩn bị chiến trường về lại đơn vị, bộ phận chuẩn bị chiến trường này gồm có Tiểu đoàn trưởng Khuê, các đại đội trưởng, tác huấn tiểu đoàn và các cận bộ đặc công trinh sát là những cán bộ chỉ huy của tiểu đoàn không thể thiếu trong trận chiến đấu đến. Đêm 29 và ngày 30 tháng 1 năm 1968 bộ phận này kiểm tra lần cuối và trinh sát thực địa yếu khu Sông Lũy, đến ngày 31 tháng 1 năm 1968 khi trở về nơi tập kết phía Bắc Bình thì nhận được lệnh đánh vào Phan Thiết. Tuy chưa rõ những gì sẽ xảy ra, nhưng chỉ mấy chữ ngắn gọn “thời cơ lịch sử” dường như có sức hấp dẫn lôi cuốn mọi người lạ thường, tất cả những mệt nhọc (vì suốt đêm 30 tháng 1 năm 1968 đơn vị hành quân ngược từ Khu Lê về căn cứ và bộ phận chuẩn bị chiến trường “không đánh” đã để lại trên gương mặt mỗi người đầy hốc hác vì mất ngủ, thiếu ăn) giờ đây tan biến và tiểu đoàn đang thi nhau với thời gian để sớm đến Râm Tre – Hàm Nhon, nơi mà trung tá Phạm Văn Kha, tỉnh đội trưởng Bình Thuận, từ đèo Gió Lạnh (Hàm Thuận), vượt qua đường số 8 (Tam Giác) và đường số 1 (Tùy Hòa) giữa hệ thống đồn bót địch, để kịp đón Tiểu đoàn 840 chuyển đạt mệnh lệnh và cùng với trung tá Phan Văn Hược (Mười Trung) chỉ huy cánh quân phía đông (hướng chủ yếu) đánh vào tiểu khu Bình Thuận – Phan Thiết.

Mặc dù Chính trị viên Nhi và Chính trị viên phó Tý động viên hành quân cấp tốc, nhưng mãi đến khuya 31 rạng ngày 1 tháng 2 năm 1968 đơn vị đi đầu của Tiểu đoàn mới đến nơi. Biết là không thể nào vượt sông, băng đồng tiến quân vào Phan Thiết giữa ban ngày, trung tá Phan Văn Hược và Phạm Văn Kha cho tiểu đoàn dừng lại ém quân tại Râm Tre, Hàm Nhơn, phổ biến nhiệm vụ, làm công tác tổ chức chiến đấu, đồng thời phái một bộ phận đi trước bám đánh địch ở ấp Phước Thiện Xuân, Lại An Hạ dọn bến bãi và chiều tối ngày 1 tháng 2 năm 1968 Tiểu đoàn mới vượt sông Hội Nhơn ở đoạn chùa Phước Thiện Xuân. Tuy cố tranh thủ vượt sông trước lúc thủy triều lên, nhưng mực nước ở đoạn này khá sâu phải có đội bơi lặn bảo hiểm, đưa đơn vị qua sông. Đã vậy khi băng qua cánh đồng Lại An Hạ, Tiểu đoàn phải vượt tiếp suối Sinh, con suối này không lớn, rộng chừng 50 mét, khi nước ròng có chỗ đất bùn lầy lội đến ống chân, không mang được dép, bị hào biển cắt chân và đã gây không ít khó khăn đến tốc độ hành quân và sức chiến đấu của Tiểu đoàn.

Vừa vượt qua được suối Sinh vào lúc 24 giờ đêm ngày 1 tháng 2 năm 1968 (tức đêm mồng 2 rạng mồng 3 Tết Mậu Thân), phân đội đi đầu của Đại đội 2/840, đã buộc phải nổ súng đánh bật một trung đội nghĩa quân địch ở động Cây Cám và cắt đứt đường Phú Hải, làm bàn đạp cho cánh này, triển khai vận động đánh vào Phan Thiết (từ đó động Cây Cám trở thành Sở chỉ huy của cánh phía đông). Sau khi Tiểu đoàn 840 triển khai và vận động theo đường Phú Hải – Phan Thiết, đến gần ngã ba (đường số 1 và đường Phú Hải) thì gặp địch ở ty

Cánh sát và Câu lạc bộ quân nhân ngăn chặn vào lúc 2 giờ ngày 2 tháng 2 năm 1968. Trung úy Tấn Nha, đại đội trưởng Đại đội 2/840 đã nhanh chóng triển khai dùng hỏa lực kềm chế, đánh vào Ty cảnh sát và Câu lạc bộ quân nhân, cùng lúc Đại đội 1 tạt sang bên phải mở đường vòng lên phía sân ga, để cho Tiểu đoàn phát triển xuống tiểu khu, nhưng khi đến ngã ba sân ga thì gặp địch ngăn chặn, trung úy Chi, đại đội trưởng Đại đội 1 đã triển khai đơn vị đánh địch quyết liệt ở đây. Nhận thấy tình hình địch đang có lực lượng lớn, nên Tiểu đoàn trưởng Khuê, đã đưa tiếp Đại đội 3 vòng qua phía trường Phan Bội Châu, vượt qua bắc đường số 1, từ sườn phía đông bắc phối hợp cùng với Đại đội 1 đánh vào sân ga. Một trận ác chiến đã xảy ra tại đây, kéo dài suốt ngày 2 tháng 2 năm 1968 và địch đã đạt được ý định ngăn chặn ta. Việc ta bị ngăn chặn là do các nguyên nhân chính:

Cánh này vào đợt chậm, sau khi Tiểu đoàn 482 Bình Thuận nổ súng đánh vào Trinh Tường đêm 30 rạng ngày 31 tháng 1 địch đã đối phó, điều tiểu đoàn 3/44 và chi đoàn 4/8 thiết vận xa từ Bắc Bình về án ngữ tại đây.

Ta nắm không chắc mục tiêu chiến đấu, khi nhận lệnh đánh vào tiểu khu Bình Thuận, Bộ Chỉ huy cánh này là trung tá Phạm Văn Kha, Phan Văn Hược (Mười Trung) và Tiểu đoàn trưởng 840 cũng không biết đích xác tiểu khu ở chỗ nào, chỉ dựa vào tin quân báo của tỉnh Bình Thuận và Quân khu 6 là tiểu khu ở tại Biệt khu Bình Lâm (trại Quang Trung) và hoàn toàn lệ thuộc vào người dẫn đường duy nhất là đồng chí Bốn, huyện đội phó Thuận Phong, vận động theo đường Phú Hải –

ngã ba sân ga xuống kho bạc, đột phá vào tiểu khu (biệt khu Bình Lâm).

Vì vậy mà ngã ba ga Phan Thiết đã trở thành mục tiêu quan trọng: đối với ta phải đánh bật địch mở đường đột phá vào tiểu khu, ngược lại địch phải cố ngăn chặn ta phát triển vào tòa hành chính và tiểu khu và là bàn đạp phản kích lên đường số 8 Trinh Tường, đường số 1 và đường Phú Hải.

Sau các lần lượt đột phá không thành công, Tiểu đoàn 840 dừng lại khu vực Tam Giác (ngã ba sân ga – trường Phan Bội Châu – động Cây Cám) xây dựng công sự, đưa ĐKZ, B40, B41, đại liên lên các tầng gác đánh vào một số mục tiêu nhà ga, đồng thời tổ chức đánh địch phản kích trong khu vực. 16 giờ ngày 02 tháng 02 năm 1968, địch mở đợt phản kích cuối cùng trong ngày xuống đường Phú Hải, ta diệt hai xe bọc thép tại chỗ và một chiếc bốc cháy kéo chạy trên đường, nhân dân được chứng kiến cảnh bộ đội ta đánh xe địch giữa đường phố.

Cả ngày nhân dân trong khu vực đã hăng hái giúp đỡ, cùng bộ đội đào công sự, tiếp tế lương thực có cả những bánh, thịt đang chuẩn bị cúng Tết. Nhiều người kể cả những cụ già đã phát hiện địch, chỉ cho ta đánh các mục tiêu quan trọng, có người bảo ta nếu đánh vào tiểu khu thì đi vào phía Xóm Khoai dễ hơn.

17 giờ cùng ngày, địch dùng L.19 gọi dân di tản và tiếp theo máy bay Mỹ ném bom xuống khu vực trên, nhưng nhiều người vẫn ở lại tiếp tục giúp đỡ bộ đội chiến đấu.

Đêm 2 tháng 2 năm 1968, sau khi giải quyết những

việc còn lại (tổ chức kèm chế địch, thu dọn chiến trường, đưa thương binh ra), Tiểu đoàn 840 chuyển qua đánh vào "tỉnh đoàn bảo an" và từ phía Ty cảnh sát, Câu lạc bộ quần nhân phát triển sang, nhưng vẫn bị hỏa lực ở tầng gác hành chính và tiểu khu ngăn chặn. Suốt cả đêm 2 và cả ngày 03 tháng 02 năm 1968, ta đánh chiếm một góc của khu vực "tỉnh đoàn bảo an", pháo kích vây ép tiểu khu và tòa hành chính, trong ngày ta tiếp tục phát triển chiến đấu đánh chiếm thêm các mục tiêu: ty chiêu hồi, ty canh nông, ty mục súc, ty lâm vụ và chùa Giác Hoa, đồng thời đánh bại các đợt phản kích của địch từ phía vườn hoa và nhà ga đường Phú Hải sang.

Đêm 2 tháng 2 năm 1968, Bộ Chỉ huy cánh phía đông đứng trước sự lựa chọn mới: hoặc tổ chức phòng ngự vững chắc các khu vực đã chiếm, tiếp tục phát triển chiến đấu hoặc phải rút về phía Khu Lê. Vì những khó khăn dồn dập trong ba ngày qua ảnh hưởng không ít đến sức chiến đấu của bộ đội, đơn vị đã chiến đấu liên tục và căng thẳng, thương binh chưa đưa được về phía sau, đạn được mỗi lúc cạn dần. Nhiều cán bộ và chiến sĩ ta đã phải khoác súng AK và sử dụng AR15, M16, M79, đạn cối 81 của địch bắn súng cối 82 của ta để đánh địch, nhưng số súng đạn thu được của địch còn quá ít, nên cuối cùng các loại súng gần như hết đạn.

Mặc dù đêm 3 tháng 2 năm 1968 Bộ Chỉ huy cánh này đã phái hai tổ; một tổ về lại Khu Lê huy động người, lương thực cấp dưỡng và đạn được bổ sung, một tổ về phía Tam giác báo cáo tình hình và xin chi viện của Tư lệnh quân khu, nhưng đã gần sáng ngày 4 tháng 2 năm 1968 vẫn chưa có kết quả gì. Riêng Tiểu đoàn 840 khi

bôn tập đánh vào Phan Thiết, đã đề thưởng úy Tý, chính trị viên phó tiểu đoàn ở lại Khu Lê tiếp tục động viên tổ chức số chiến sĩ rơi rớt dọc đường hành quân, làm nhiệm vụ chuyển tải đạn dược và tiếp tế lương thực, nhưng gặp địch ngăn chặn và bộ phận này đêm 03 tháng 02 năm 1968 vẫn còn đánh địch khai thông hành lang ở vùng Lại An Hạ.

Cuối cùng Bộ Chỉ huy cánh phía đông đi đến quyết định: Tổ chức một bộ phận lực lượng tiếp tục đánh địch ở khu vực “tĩnh đoàn bảo an”, pháo kích vào tiểu khu và tòa hành chính để nghi binh kèm chế địch.

Toàn bộ lực lượng còn lại rút về phía Khu Lê, trong quá trình tổ chức đánh địch và chuẩn bị rút, ta đã lần lượt đưa thương binh ra trước và tổ chức đoàn chuyển thương binh về phía Tam Giác, nhưng khi qua đường số 1 đoạn cầu Bến Lội thì gặp địch ngăn chặn, thượng úy Lâm (Đồng) phụ trách đoàn thương binh và là người dẫn đường duy nhất đã qua khỏi đường, dứt liên lạc với bộ phận phía sau. Tổ trinh sát cùng với bộ phận bảo vệ kèm chế địch và đoàn thương binh phải quay lại chuyển về phía Khu Lê. Sáng ngày 5 tháng 2 toàn bộ cánh này qua khỏi sông Hội Nhơn, tuy một đại đội Mỹ đổ quân xuống bắc Râm Tre Hàm Nhơn ngăn chặn, nhưng không đúng tuyến đường lui quân của ta, nên không có ảnh hưởng gì.

Trong đợt 1 tuy ta vấp phải một số khuyết nhược điểm về thông tin, nắm không chắc mục tiêu chiến đấu, sử dụng lực lượng phân tán, tổ chức hiệp đồng rời rạc, dẫn đến thương vong cao và không đạt được ý định ban

đầu, nhưng đã đánh chiếm và làm chủ nhiều ngày, ở nhiều khu vực quan trọng, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, gây được khí thế sôi nổi hào hùng “khí thế Mậu Thân”, làm cho địch bị bất ngờ, bị động đối phó, tuy lữ 506 Mỹ và trung đoàn 44/23 ngụy đã lẫn xả vào chống đỡ. Nhưng thế bố trí của địch bị đảo lộn, hệ thống phòng thủ dinh lũy kiên cố, tinh thần ngụy quân, ngụy quyền lung lay, đang đứng trước sự mất còn. Sau đợt 1, tuy lực lượng ta rút ra ngoài, nhưng vẫn đứng sát địa bàn vùng ven thị xã tạo sự uy hiếp và lo ngại cho địch.

ĐỢT II (đêm 17 rạng ngày 18 tháng 2 năm 1968)

Đợt này có quy mô lớn hơn, các mũi, các cánh được củng cố, bổ sung quân số và tổ chức hiệp đồng chặt chẽ hơn. Khu ủy 6 và Tỉnh ủy Bình Thuận đã phát động “khí thế Mậu Thân”, dồn sức ra phía trước. Từ các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tỉnh, huyện, đến dân quân du kích và đồng bào vùng căn cứ được huy động vào hướng Phan Thiết và cả đồng bào vùng địch kiểm soát, cũng vượt ra vùng giải phóng hăng hái tham gia khiêng thương, tải đạn, tiếp tế lương thực phục vụ chiến đấu.

Lần này tuy địch có củng cố và tăng cường lực lượng ngăn chặn. Nhưng Bộ Chỉ huy tiền phương Quân khu vẫn thấy hệ thống phòng thủ của địch ở phía đông Phan Thiết còn sơ hở và là chỗ yếu mà địch chưa khắc phục kịp, vì vậy đại tá Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà) một lần nữa chọn hướng này là chủ yếu và đã sử dụng lực lượng cánh phía đông, ngoài Tiểu đoàn 840, Đội 3 đặc công thị xã Phan Thiết, Đại đội 30 trợ chiến quân

khu (hai cối, hai ĐKZ 75 ly) đánh vào khu trung tâm tiểu khu, tòa hành chính và lao xá (giải thoát các đồng chí và đồng bào ta bị địch giam giữ ở đó) còn được tăng cường Đại đội 3/482 Bình Thuận, bố trí khu vực động Cây Cám, đón đánh địch phản kích từ phía ngã ba nhà ga xe lửa (đường số 1) theo đường Phú Hải đánh vào bên sườn phía sau và ngăn chặn đường ra, vào độc nhất của ta.

Cánh phía bắc Tiểu đoàn 482 còn lại được tăng cường hai đội đặc công thị xã Phan Thiết, Đại đội 1/430 của Hàm Thuận từ hướng bắc thọc sâu đánh vào trại Quang Trung (biệt khu Bình Lâm cũ, Bộ Chỉ huy hành quân, trụ sở Quân trấn).

Cánh phía tây gồm: Lực lượng của thị xã còn lại một bộ phận pháo cối của tỉnh và quân khu từ hướng tây bắc đánh vào cổng Chữ Y và pháo kích vào Cảng Ê-sê-píc để kèm chế thu hút địch.

23 giờ ngày 17 tháng 2 năm 1968 các cánh quân của ta lần lượt nổ súng.

Cánh phía đông: Tiểu đoàn 840 từ chiều tối ngày 17 tháng 2 đã rải lực lượng bám địch, chốt đường, dọn bến bãi vượt sông, 22 giờ ngày 17 tháng 2, bộ phận cảnh giới của Đại đội 2/840 ở phía đông nam động Cây Cám đã nổ súng đuổi một trung đội địch và cắt đường Phú Hải đưa lực lượng cánh này vào Xóm Khoai, 23 giờ ngày 17 tháng 2 năm 1968, trung úy Cao Văn Trợ, đại đội trưởng Đại đội 2 (đội dự bị Tiểu đoàn 840) đã chỉ huy đơn vị nổ súng, khu trục một trung đội địch (đánh địch ngoại vi) ở đồi cát chùa Bửu Quang (Xóm Khoai) chiếm

lĩnh trận địa triển khai lực lượng cho các mũi, các hướng tiến công địch, cùng thời gian trên Đại đội 3/842 của Bình Thuận do Tiểu đoàn phó Văn Minh Trường chỉ huy, từ Tam Giác vượt đường số 8, đường số 1 (đoạn cầu Bến Lợi – Sở Muối) vào chiếm lĩnh đông Cây Cám.

24 giờ ngày 17 tháng 2 năm 1968, pháo chuẩn bị của ta đánh vào tiểu khu và tòa hành chính, lần này ta đưa đạn vào tương đối khá, khi đánh bật địch ở ngoại vi, chiếm được địa hình có lợi, để quan sát nên pháo cối ta bắn tập trung có kết quả (bốn ĐKZ75 ly và 57 ly ngắm bắn trực tiếp vào lô cốt tầng cao tòa hành chính, bốn cối 82 ly bắn vào tiểu khu khá chính xác). Lợi dụng pháo hỏa chuẩn bị, trung úy Chi, đại đội trưởng Đại đội 1 và Thanh, đại đội trưởng Đại đội đặc công của 840 đã chỉ huy đơn vị liên tục đột phá các mục tiêu ty cảnh sát, nhà đèn, kho xây dựng, nhà thờ khá thành công và tiếp tục đột phá vào tiểu khu, thì gặp hỏa lực địch ngăn chặn. Mặc dù trung úy Hồ, đại đội phó Đại đội 5 chỉ huy một mũi thọc sâu lách được tất cả mục tiêu vòng ngoài, nhưng khi vào nhà thờ buộc phải nổ súng đánh địch để mở đường đột phá vào tiểu khu. Riêng Đại đội 1 và mũi của Đại đội 5 đã phải đánh địch quyết liệt trên đường đột phá ở các mục tiêu trên. Sở dĩ ta đột phá khá khó khăn là vì sau đợt 1 địch đã tăng cường lực lượng ngăn chặn ở phía này, ít ra mỗi mục tiêu địch có từ một trung đội đến một đại đội.

Đại đội 3/840 có đồng chí Nghị thuộc Thị đội Phan Thiết dẫn đường, nên đã giúp cho Nguyễn Trung Việt, đại đội trưởng Đại đội 3 lách được các mục tiêu vòng ngoài và đột nhiên đánh vào một trung đội địch án ngữ

đọc theo đường ray xe lửa cũ, sau khi bắn sập lô cốt chìm diệt một trung đội địch trên đường ray, đã đột phá thẳng vào lao xá, bị đánh bất ngờ, hai trung đội và bộ máy canh giữ lao xá bỏ chạy tán loạn. Đại đội trưởng Trung Việt một mặt chỉ huy đơn vị tiếp tục phát triển, đuổi đánh địch, mặt khác cho đập phá cửa nhà lao, những dãy nhà kín chật ních người, trên 700 đồng bào, đồng chí được giải thoát chạy ừa ra như nước vỡ bờ, tiếng đập phá cửa nhà lao, tiếng gọi, tiếng hoan hô cách mạng, hoan hô bộ đội vang lên, lẫn trong tiếng khóc vì quá xúc động vui mừng có được những giờ phút thiêng liêng này. Cách mạng – Đảng bao giờ cũng nghĩ đến mình và bộ đội đã chiến đấu cực kỳ anh dũng để cứu thoát mình. Giữa trận chiến đấu lửa đạn mịt mù nhiều anh chị em đã ôm chầm lấy các chiến sĩ mình để nói lên điều ấy và tự nguyện cầm súng cùng đơn vị tiếp tục phát triển chiến đấu. Đội 3/481 đặc công thị xã Phan Thiết (cùng lúc với Đại đội 3/840) đã đánh chiếm trường Chính Tâm và trên đường phát triển qua vườn hoa thì gặp hỏa lực đồn biệt kích Mỹ ngăn chặn.

Thấy hướng lao xá phát triển thuận lợi nên Tiểu đoàn trưởng Khuê và Chính trị viên Võ Đức Nhi đã đưa đội dự bị bước vào chiến đấu đánh chiếm ty Công Chánh đột phá được một góc của tiểu khu, thì gặp hỏa lực địch ngăn chặn. Tuy vậy, cả hai hướng đột phá của Đại đội 1, Đại đội 5 và Đại đội 3/840 đã tạo được thế áp sát vây ép phía đông tiểu khu và tòa hành chính, cùng với cánh phía bắc Tiểu đoàn 482 (thiếu) và hai đội đặc công thị xã Phan Thiết đánh trại Quang Trung, ty Bưu điện, phường Phú Trinh đã uy hiếp mạnh mẽ cả trung tâm thị xã.

Đứng trước tình hình trên, tên trung tá Tuân, tiểu khu trưởng hốt hoảng kêu cứu viện và sau một giờ chiến đấu, pháo hạm ngoài biển bắn dồn dập từng tràng dài như B52 ném bom vào các khu vực chùa Bửu Quang, Bình Hưng, Xóm Khoai, nhưng đội hình ta đã áp sát vào địch nên chẳng bị thiệt hại gì lớn. Cả ngày 18 tháng 2 năm 1968, máy bay và pháo biển thay nhau tiếp tục bắn phá vào các khu vực trên nhằm chia cắt đội hình, ngăn chặn sức đột phá tiếp theo của ta vào tiểu khu và yểm trợ cho tiểu đoàn 3/44 nguy từ hướng Bưu Điện – vườn hoa theo đường Hải Thượng Lãn Ông phản kích chiếm lại ty Công Chánh và lao xá. Mặc dù có sự yểm trợ hỏa lực mạnh mẽ, nhưng chúng không làm sao lên được và tên thiếu tá Lương, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 3/44 bị trọng thương. Tên Ân, tư lệnh sư đoàn 23 trực tiếp đến hò hét dọa dẫm, bắn súng ngắn phía sau binh lính, nhưng không giải quyết được gì. Trước sự bất lực của trung đoàn 44/23 nguy, 16 giờ ngày 18 tháng 2 năm 1968 địch tập trung hỏa lực pháo hạm ngoài biển, pháo mặt đất, trực thăng phóng pháo ở Căng Ê-sê-píc, khu trục cơ, phản lực cơ từ Thành Sơn vào ném bom bắn phá dữ dội hủy diệt khu vực lao xá.

Đêm 18 tháng 2 tại Sở chỉ huy cánh phía đông ở Vinh Thủy, ta mở cuộc họp ngắn, xem xét tình hình đêm 17 ngày 18 tháng 2 và bổ sung nhiệm vụ tiếp theo. Điều khá phức tạp là lần này địch tăng cường trung đoàn 44/23 nguy chủ yếu giữ tiểu khu, tòa hành chính và các mục tiêu kế cận, kết hợp với phản kích ngắn và sử dụng phi pháo tối đa, ngăn chặn sát thương ta. Tiểu đoàn 840 qua một ngày đêm chiến đấu cực kỳ anh dũng, đã chiếm

được các mục tiêu vòng ngoài, vây ép tiểu khu – tòa hành chính, đánh bại các cuộc phản kích của địch, nhưng đột phá vào tiểu khu – tòa hành chính không thành công, thương vong lớn, nhất là Đại đội 3 mất sức chiến đấu, sau đợt hủy diệt của địch vào lao xá. Vẫn như đợt 1, trên 100 thương binh còn nằm ở đội phẫu dã chiến Xóm Khoai phía sau đội hình chiến đấu của Tiểu đoàn 840, chưa chuyển được. Về phía địch, ngày 19 tháng 2 năm 1968 chiến đoàn 3/506 Mỹ sẽ phản kích từ phía đồn biệt kích (trại Đề Thám) vào khu vực Bình Hưng, Xóm Khoai. Vì vậy mà một phương án của ta là phải thay đổi bố trí lực lượng, đưa Đại đội 3/482 từ động Cây Cám qua phía Bình Hưng, tổ chức lâm thời phòng ngự, sẵn sàng đánh địch phản kích vào khu vực Bình Hưng – Xóm Khoai.

Nghe báo cáo và đề nghị trên của Tiểu đoàn trưởng 840, trung tá Phan Văn Hược (Mười Trung) và Phạm Văn Kha cho rằng: nhận định đánh giá như trên là có cơ sở, nhưng còn phân vân do dự vì phương án đánh địch phản kích theo đường Phú Hải ra động Cây Cám và nhất là nhiệm vụ trên giao phải đánh chiếm tiểu khu – tòa hành chính với bản thảo hiệu triệu đồng bào xuống đường... “Thư toàn thể đồng bào”... của trung tá Phạm Văn Kha (sẽ là Chủ tịch ủy ban quân quản sau khi đánh chiếm Phan Thiết) còn dở dang, đang chờ ở sự toàn thắng của bộ đội, nếu thực hiện phương án mới thì trái với mệnh lệnh của cấp trên! Đứng trước tình hình cấp bách đó nhưng đã một ngày đêm chiến đấu, Bộ Chỉ huy cánh vẫn không liên lạc được với Bộ Chỉ huy tiền phương Quân khu để xin chỉ thị, để nắm tình hình các

cánh phía bắc và phía tây (mặc dù cánh phía bắc đang bám trụ đánh địch phản kích ở khu vực Chợ Gò cách đó không xa) các cánh gần như tác chiến độc lập và ngay cả Tiểu đoàn 840 cũng không liên lạc được vì thiếu mạng thông tin sóng cực ngắn và bị hỏa lực phi pháo Mỹ ngăn chặn, chia cắt đội hình, nên mọi việc phải cử liên lạc bộ giải quyết vào ban đêm, hiệu quả rất thấp.

Cuối cùng, Bộ Chỉ huy cánh đi đến quyết định: “Tiếp tục vây ép tiến công tiểu khu – tòa hành chính và đánh địch phản kích. Thực hiện phương án trên Tiểu đoàn trưởng Khuê, Chính trị viên Võ Đức Nhi về lại đơn vị lo củng cố sắp xếp bố trí lại lực lượng.

Đưa Đại đội 3/482 được tăng cường Đội 3 đặc công Phan Thiết lên phía lao xá thay cho Đại đội 3/840.

Thu hẹp phạm vi Đại đội 1 được tăng cường Đại đội 5/840 đồn về phía nhà thờ tiếp tục vây ép tiểu khu – Tòa hành chính.

Đại đội 30 trợ chiến quân khu, Đại đội 4, Đại đội 2, Đại đội 3/840 còn lại xây dựng trận địa phòng ngự khu vực ấp Bình Hưng – Xóm Khoai đón đánh địch từ hướng trại biệt kích Mỹ đến ấp Bình Hưng (ấp này nằm kẹp sát bờ sông Cà Ty và trên con đường từ Bưu điện – Trường Chính Tâm đến cửa Thương Chánh) và Xóm Khoai (nằm giữa ấp Bình Hưng và đường Phú Hải – động Cây Cám). Hai ấp này một lần nữa chứng kiến trận chiến đấu mới đầy thử thách, nhân dân trong vùng đã chịu đựng bom đạn suốt ngày 18 tháng 2, giờ đây vẫn hăng hái cùng bộ đội xây dựng công sự, cả những bộ gỗ vụn, bàn ghế, vật liệu trong nhà cũng đem ra làm hầm.

Ở đây, từ đồi cát, luống khoai bờ đất xen lẫn xóm làng đều là đất cát pha dễ đào công sự và nguy trang, vì vậy mà công sự đã nhanh chóng hoàn tất, nhất là khu then chốt phòng tăng khá vững chắc và ngày 19 tháng 2 chiến sự ác liệt diễn ra ở vùng này gần đúng như dự kiến.

Từ mờ sáng phi pháo Mỹ được tập trung ở mức độ cao, nhất là pháo hạm ngoài biển bắn dồn dập từng loạt liên nhau và sau ba giờ phi pháo bắn chuẩn bị. Từ trên bầu trời Phan Thiết những chiếc máy bay trực thăng và L.19 quan sát chỉ điểm thông báo cho nhau: “Không phát hiện gì, chỉ thấy nhiều dấu dấp trên các luống khoai đi vào hướng tiểu khu và tòa hành chính”.

9 giờ ngày 19 tháng 2 năm 1968, chiến đoàn 3/506 Mỹ từ Căng Ê-sê-píc vượt sông Cà Ty, từ phía trại biệt kích Mỹ những chiếc xe tăng hạng nặng Ontos pháo sáu nòng khệnh khạng, sau khi bắn cấp tập lần cuối, đã dẫn bộ binh Mỹ xông vào trận địa Đại đội 2/840, thì liền bị đánh lật xác chính trên những luống khoai mà máy bay trinh sát của chúng vừa mới thông báo. Tuy vậy sức đột kích của xe tăng Mỹ khá ồ ạt, nhiều mũi, nhiều cánh đã chọc thủng trận địa ta, đến gần sát Sở Chỉ huy cánh và trạm phẫu thuật thương binh ở cuối Xóm Khoai. Trận chiến đấu diễn ra khá gay go ác liệt, cả ngày 19 tháng 2 ta và địch giành giật nhau từng bờ đất, luống khoai, góc nhà. Các cán bộ và chiến sĩ 840 đã ngoan cường bám giữ trận địa và tỏ rõ tài nghệ của mình, kết hợp hỏa lực xa từ khu then chốt phòng tăng với hỏa lực gần, đột nhiên bất ngờ, và phản kích ngắn, lần lượt đánh bại từng mũi đột kích của địch, nhất là các mũi xuất kích ngắn của

Đại đội 5 và Đại đội 1/840 từ phía bắc đánh vào sườn địch. Sau những lần đột kích không thành công, xe tăng Mỹ lui ra và dùng hỏa lực từ xa (ngoài tầm B40-B41) bắn xối xả vào trận địa ta. Cả ngày khu then chốt phòng tăng do thượng úy Quang (Thôi), Tiểu đoàn phó 840 và trung úy Cúc, đại đội trưởng Đại đội 4 chỉ huy đã đánh địch quyết liệt, đạt hiệu suất cao, xứng đáng là “khu then chốt phòng tăng”, là chỗ dựa cho toàn trận địa. Chính sự chỉ huy kiên quyết, mưu trí, dũng cảm và xả kích chính xác, đúng thời cơ của đơn vị, đã góp phần quyết định làm thất bại các cuộc phản kích của xe tăng Mỹ (thượng úy Quang tên thật là Thôi nên còn gọi là Quang Thôi, những người quen biết tường tận thường gọi là “Quang Nồi Đất”, vì quê anh làm nghề nồi đất ở Đức Phổ, Quảng Ngãi là tiểu đội trưởng của Tiểu đoàn 365 Trung đoàn 803 Liên khu 5 trong thời đánh Pháp, trưởng thành từ xạ thủ ĐKZ 57 lên, người mảnh dẻ, cục tính, ít nói, khi thảo luận bàn bạc thường nêu khó khăn, nhưng khi nhận nhiệm vụ bao giờ cũng xung phong nhận khó khăn về mình, nhường thuận lợi cho bạn).

17 giờ ngày 19 tháng 2, nhận thấy địch rút dần, đi vào co cụm ở khu vực đồi Bình Hưng, Tiểu đoàn trưởng Khuê cho khu then chốt phòng tăng và trận địa cối 82 ly bắn chuẩn bị vào khu vực địch đang co cụm, đồng thời cho Đại đội 2 xuất kích vòng lên phía bắc đánh địch. Trên làn sóng cực ngắn PRC 25 ta bắt được tin địch đang thông báo cho nhau “Việt cộng đang vận động tiến công vào tiểu khu – tòa hành chính” biết địch nhận định sai, nên ta đã cho tiếp Đại đội 1 và Đại đội 5 rời khu vực nhà thờ, lợi dụng lúc chập choạng tối và pháo hỏa ta

đang bắn chuẩn bị, vòng qua phía tây nam cùng với Đại đội 2, thành hai mũi đánh vào bên sườn và phía sau khu vực địch đang co cụm. Bị đánh bất ngờ địch không kịp đối phó phải tháo chạy về Căng Ê-sê-píc, bỏ mặc xác lính Mỹ và những chiếc xe tăng bị phá hủy lại trận địa.

Trận thắng của ta ngày 19 tháng 2 đã tác động mạnh mẽ làm sa sút tinh thần lính ngự, làm rung chuyển hệ thống phòng thủ tiểu khu và tòa hành chính. Địch hy vọng tiêu diệt hoặc ít ra cũng đánh bật ta ra khỏi khu vực này, nhưng ngược lại địch bị đánh đau, thiệt hại nặng và rút chạy.

Đêm đến khu vực Bình Hưng, Xóm Khoai trở nên im lặng (ta lo thu dọn chiến trường) nhưng địch trong tiểu khu và thị xã thì rối rít, máy bay thả đèn, bắn pháo sáng, xe tăng gầm rú, pháo cối và trung đại liên bắn liên hồi, có lẽ không ngoài việc trấn an binh lính và phát hiện ngăn chặn ta.

Những giờ phút gay go ác liệt, sống mãi với kẻ thù của trận ngày 19 tháng 2 đã bật lên những thuận lợi mới, nhưng sức ta không thể làm gì hơn, vì thương vong cao, thiếu lực lượng dự bị, nên Bộ Chỉ huy cánh này quyết định đêm 19 tháng 2 rút ra ấp Lại An Hạ. Tại đây có thêm lực lượng phía sau tiếp sức, do thiếu tá Lê Cật, Chủ nhiệm Hậu cần Quân khu huy động anh chị em cán bộ, chiến sĩ cơ quan và dân công Khu Lê đưa đạn dược đến và chuyển thương binh về sau, nhưng số thương binh lớn, trời sáng, chuyển một lần không hết, nên đành ém lại ấp Lại An Hạ.

Gần suốt ngày 20 tháng 2, bộ binh và xe tăng địch

không có một sự hành quân giải tỏa nào, nhưng đến chiều máy bay Mỹ ném bom bắn phá bừa bãi vào khu dân cư ấp Lại An Hạ, làm nhiều nhà cửa của dân bốc cháy. Bộ đội ta đã xông lên giúp dân chữa cháy và đêm 20 tháng 2 Tiểu đoàn 840 tiếp tục đưa thương binh và chuyển toàn bộ về lại Khu Lê.

Phối hợp với cánh chủ yếu phía đông, cánh phía bắc: trong đêm 17 rạng ngày 18 tháng 2 lực lượng ta bí mật lách qua các mục tiêu vòng ngoài... bất ngờ nổ súng tiến công vào trại Quang Trung (Bộ chỉ huy hành quân, trụ sở Quân trấn), ty Bưu điện, pháo kích vào trại Đình Công Tráng, chiếm và kiểm soát các mục tiêu cơ quan ty Y tế, ty Lao động, trụ sở Y tế Đài Loan ở phường Phú Trinh và tiến hành xây dựng công sự phòng nự tại khu vực chợ Gò, tiếp tục đánh địch phản kích. Đồng bào khu vực chợ Gò cũng như các khu vực khác đã hết lòng ủng hộ bộ đội, đem gỗ ván của mình ra cho bộ đội làm công sự chiến đấu. Được sự động viên cổ vũ của nhân dân, bộ đội ta tăng thêm quyết tâm đánh địch.

Bị đánh bất ngờ và bị ta liên tục tiến công làm chủ nhiều mục tiêu trong trung tâm thị xã, uy hiếp phía bắc tiểu khu và tòa hành chính, địch đã vội vã điều các lực lượng cơ động còn lại của trung đoàn 44/23 nguy, đại đội biệt kích Mỹ, chi đoàn tăng chia thành nhiều cánh, nhiều mũi liên tục vào giải tỏa từ khu vực chợ Gò đến trường Nữ tiểu học, khu phố 30 căn và đường Hải Thượng Lãn Ông.

Tại đây các cán bộ chiến sĩ ta đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, đập tan nhiều đợt phản kích của địch, có xe

tăng và máy bay yểm trợ. Địch thú nhận: “Cứ sau mỗi đợt dội bom pháo, xe tăng và bộ binh xông vào lại bị bắn dội ra, không sao vào được”. Nhiều gương anh hùng chiến đấu dũng cảm, ngoan cường đã xuất hiện như: đồng chí Tra cảnh vệ Sở Chỉ huy đã đẩy lùi một mũi xung phong của địch trong ngày diệt tại chỗ nhiều tên địch, nhiều chiến sĩ thiếu sinh quân cũng đã tham gia chiến đấu rất dũng cảm, các gương chiến đấu quên mình của Từ Văn Tư, Võ Hữu diễn ra ở đây. Bị thất bại nặng nề, địch lúng lộn phản ứng điên cuồng cho máy bay ném bom, bắn hỏa tiễn bừa bãi vào các khu dân cư đông đúc trong thị xã, bộ đội ta vừa đánh địch vừa chữa cháy bảo vệ tính mạng và tài sản của dân.

Suốt mấy ngày đêm ta liên tục tiến công và bám trụ đánh địch phản kích, chiếm thêm các mục tiêu khu Thẩm vấn, khu vực bệnh viện Phan Thiết, đường Trần Cao Vân và pháo kích vào đội hình Mỹ đang đổ quân ở vườn hoa Đức Nghĩa, gây cho chúng nhiều thiệt hại và đêm 21 tháng 2 cánh này chuyển ra vùng ven bắc Phan Thiết.

Cánh phía tây: do nhiều trở ngại, nước thủy triều về đêm dâng lên lớn và địch ngăn chặn, nên không vượt sông Cà Ty được. Tuy vậy lực lượng cánh này đã pháo kích mạnh mẽ vào cổng chữ Y. Cánh Ê-sê-píc và tổ chức công sự bám trụ tại khu vực bến đò Giang Thánh, thu hút nhiều địch và trong hai ngày 19, 20. Lực lượng này đã chiến đấu ngoan cường đánh lui nhiều đợt phản kích của địch, gây thiệt hại nhiều đại đội địch và đêm 21 tháng 2 rút ra vùng Tam Giác.

Nhân dân vùng Tam Giác và vùng ven bắc thị xã Phan Thiết trong những ngày lịch sử hào hùng này, đã dấy lên một cao trào cách mạng sôi nổi của quần chúng và thật sự là hậu phương trực tiếp đã tập trung sức người, sức của phục vụ cho chiến đấu: tiếp tế lương thực đạn dược đưa thương binh về phía sau. Nhiều bà con đã tự động ghép thành đoàn, toán nấu cơm tiếp tế cho bộ đội, các chiến sĩ ta cứ ngày bám trụ đánh địch phía trước, đêm về có sẵn cơm ăn, cơm vắt cho ngày mai và cứ như thế hàng ngày bà con lăn lộn dưới bom đạn địch mà vẫn không rời bộ đội. Ở vùng Đại Tài sát nách địch cũng vậy, cứ đêm tối liên lạc của ta từ chợ Gò ra đến nhà làng Đại Tài, là sẵn có những gánh cơm vắt, lương khô do các má, các chị đưa vào tiếp tế cho bộ đội, đang bám trụ ở nội ô thị xã. Nhiều chị em và thiếu niên ở Đại Năm, Phú Hội, Hàm Thạnh, Hàm Trí, Hàm Phú, Hàm Chính, Hàm Thắng... đã tự nguyện sung vào đội ngũ dân công vượt bom đạn địch, len lỏi vào tận chợ Gò, trường Nữ tiếp đạn và đưa thương binh về phía sau. Một số gia đình ở vùng ven và nội ô như bà Ba Tôm ở Phú Mỹ, má Hai ở Phú Trinh đã đón anh em thương binh chạy lạc đơn vị đem về nhà che giấu, cứu chữa, nuôi dưỡng đến khi khôi phục sức khỏe mới đưa ra giao cho cách mạng. Tất cả những sự kiện trên, cũng đủ nói lên sức mạnh lớn lao của lòng dân, đó là một trong những yếu tố cơ bản dẫn đến thắng lợi.

ĐỢT III (đêm 25 rạng ngày 26 tháng 2 năm 1968)

Đợt này ta đánh cả hai nơi trong thị xã và vùng phụ cận.

Sau đợt 1 và 2 địch tăng cường lực lượng cơ động trung đoàn 44 ngự và chiến đoàn 3/506 Mỹ giữ các mục tiêu trọng yếu trong thị xã và ta không đủ khả năng dứt điểm tiểu khu – tòa hành chính, nên Bộ Chỉ huy tiền phương quân khu, sử dụng lực lượng đặc công thị xã Phan Thiết. Tiểu đoàn 482 đánh địch ở cổng chữ Y, ấp Kim Hải phía hữu ngạn và các ấp Đại Tài, Đại Hòa xã Đại Năm, phía tả ngạn, Đại đội 30 trợ chiến quân khu và đại đội trợ chiến của tỉnh pháo kích ở Căng Ê-sê-píc, tiểu khu – Tòa hành chính. Tiểu đoàn 840 đánh vào yếu khu Phú Long, tất cả những hoạt động trên nhằm giải quyết các mục tiêu án ngữ khổng chế, mở rộng vùng ven, mở rộng đường ra vào, tạo thế tiếp tục vây ép thị xã.

Đêm 25 tháng 2 cánh phía tây bắc vượt sông Cà Ty, băng qua đường số 1, bãi tha ma phía tây, cổng chữ Y, vòng xuống ấp Kim Hải đánh vào bên sườn phía sau đại đội địa phương quân 127 án ngữ cổng chữ Y và tràn xuống kiểm soát ấp Kim Hải. Sau đó xây dựng công sự trụ lại. Sáng 26 tháng 2, địch cho một đại đội biệt kích Lương Sơn, chi đội cơ giới, một liên trung đội tình báo và thám sát tiểu khu đến giải tỏa, trận đánh diễn ra khó khăn quyết liệt kéo dài suốt ngày 26 tháng 2 và đêm 26 tháng 2 ta rút qua sông Cà Ty về lại Tam Giác. Cùng thời gian đánh địch ở cổng chữ Y, đêm 25 tháng 2, ta pháo kích vào Căng Ê-sê-píc trúng vào kho đạn hơn

3.000 tấn, đạn nổ đến 8 giờ ngày 26 tháng 2.

Cánh phía đông bắc: Tiểu đoàn 840, cùng thời gian trên từ phía Phú Trường (Thuận Phong), đánh vào yếu khu Phú Long, yếu khu này do hai đại đội địa phương quân 443, 510 và một trung đội nghĩa quân chiếm giữ. Trong quá trình tiến công vào yếu khu, Tiểu đoàn 840 phải đột phá qua vành đai, hàng rào và hệ thống lô cốt gỗ đất, nằm trên vành đai do đại đội địa phương quân 510 và trung đội nghĩa quân canh giữ. Khi đột phá được vào ấp bộ đội phải phát triển theo các trục đường, qua từng căn nhà hai bên đường một đoạn khá dài, mới tiếp cận đến cứ điểm yếu khu, dễ bị hỏa lực cứ điểm phía bắc cầu Phú Long và lô cốt cao phía nam cầu của địch ngăn chặn. Do đó ta phải tổ chức lực lượng vây ép yếu khu, xây dựng công sự đưa hỏa lực ĐKZ, cối, B40-B41 vào gần cứ điểm ngắm bắn trực tiếp, chế áp đánh sập từng lô cốt địch và xung lực ta mỗi lúc càng áp sát cứ điểm theo lối “vây lấn tấn diệt”. Trước sức uy hiếp mạnh mẽ của ta, sáng 26 tháng 2 để cứu nguy, chi đoàn tăng thiết giáp 4/8 và tiểu đoàn 3/44 từ Phan Thiết theo đường Phú Hải – Phước Thiệu Xuân vòng lên cánh đồng Phú Trường – Phú Long đánh vào bên sườn phía sau ta. Tuy bị hỏa lực địch phía cầu Phú Long ngăn chặn, nhưng ta lại có ưu thế chiếm được ấp, bám giữ được vành đai quanh ấp, đánh địch được cả hai phía ở cánh đồng Phú Trường – Phú Long. Suốt cả ngày 26 tháng 2 địch mở nhiều đợt đột kích vào ấp, nhưng đều bị đánh bật ra ngoài, nhiều lính nguy và xe tăng phơi xác trước vành đai Phú Long. Chiều tối 26 tháng 2, lực lượng giải tỏa của địch rút chạy về Phan Thiết, tất cả lính địa phương quân và nghĩa

quân giữ yếu khu bị cô lập, núng thế, phải rút bỏ yếu khu chạy theo với lực lượng giải tỏa và máy bay Mỹ lại dội bom xuống khu vực này. Nhiều nhà cửa bốc cháy, ta thu dọn chiến trường, giúp dân chữa cháy và trong đêm 26 tháng 2, Tiểu đoàn 840 rút về Khu Lê. Ngày 27 tháng 2, địch đưa lực lượng từ Phan Thiết lên tái chiếm lại yếu khu Phú Long. Sau đợt 3 đồng chí Võ Đức Nhi, chính trị viên được Quân khu điều về Phòng Chính trị Quân khu 6, đồng chí Phạm Văn Tý, chính trị viên phó làm Chính trị viên Tiểu đoàn 840.

ĐỢT IV: PHÚ LONG - LAI AN - VÙNG PHỤ CẬN (Ngày 12 tháng 3 năm 1968).

Đợt này ta tập trung hai Tiểu đoàn 840 và 482 đánh vào yếu khu Phú Long và đánh viện tiểu khu trên đường số 1, đoạn giữa Phan Thiết và Phú Long.

Yếu khu Phú Long ở vào một vị trí khá quan trọng và phức tạp, không những là cửa ngõ phía đông bắc đi vào Phan Thiết, mà còn khống chế trên một vùng phụ cận rộng lớn. Trong đợt 3 Bộ Chỉ huy tiền phương Quân khu đặt vấn đề mở rộng vùng ven thị xã. Đại tá Nguyễn Minh Châu, Tư lệnh Quân khu đã hạ quyết tâm kiên quyết đánh diệt yếu khu này.

Khi tổ chức chiến đấu cho hai đơn vị, tại Sở Chỉ huy phía trước ở Đất Làng vào đêm 10 tháng 3 năm 1968, trung tá Phạm Văn Kha giao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn trưởng 840 đánh yếu khu Phú Long và Tiểu đoàn 482 đánh viện Phan Thiết, đồng chí đã nói lên tất cả ý nghĩa của trận đánh và chỉ thị phải đoàn kết chủ động hiệp đồng, nhưng lại không tổ chức tăng cường hỏa lực

cho trận đánh. Tiểu đoàn trưởng 840 xin được bổ sung đạn dược và tăng cường cho tiểu đoàn mình Đại đội 30 trợ chiến quân khu trong nhiệm vụ đánh yếu khu, vì yếu khu Phú Long nằm trên đàng đất cao giữa hai ấp Phú Long và Kim Ngọc. Cứ điểm yếu khu phía bắc cầu, lô cốt cao phía nam cầu và những lô cốt bao cát trên thành cầu Phú Long, sau khi bị đánh lần 1 (ngày 26 tháng 2) địch củng cố lại khá vững chắc, tổ chức hệ thống hỏa lực nhiều tầng, ngoài hai đại đội địa phương quân 443 và 510 chiếm giữ, địch còn tăng cường một đại đội địa phương quân giữ vành đai ấp Phú Long và một trung đội bảo vệ giữ ngã ba Kim Ngọc. Do đó khi đánh vào yếu khu Phú Long phải qua giai đoạn đột phá vào ấp, nếu không có thêm hỏa lực chuẩn bị (chế áp phá hủy) dù đó là tối thiểu thì khó đột phá thành công. Trung tá Kha rất cảm thông những khó khăn trên của đơn vị. Sau cuộc họp đại úy Trần Thọ, tác chiến quân khu mang ý kiến trên về lại Sở chỉ huy tiền phương quân khu, đề nghị với đại tá Năm Ngà và ý kiến tăng cường hỏa lực cho một trận chiến đấu đánh điểm yếu khu được chấp thuận... Chiều tối ngày 11 tháng 3 năm 1968 Đại đội 30 trợ chiến quân khu và 80 anh chị em cán bộ chiến sĩ cơ quan quân khu mang tải đạn xuống tăng cường cho Tiểu đoàn 840. Sau này được biết thêm, sau khi nghe phản ánh tình hình đại tá Năm Ngà đã cho người tức tốc chạy về Sở chỉ huy cơ bản của quân khu, huy động lực lượng cơ quan vét hết số đạn dự trữ, mang tải xuống đơn vị để cho kịp chiến đấu, số cán bộ và chiến sĩ trên là những anh chị em nuôi quân, quản lý, y tá, công cần vụ, cảnh vệ và một số cán bộ tham mưu, chính trị và hậu cần của

cơ quan quân khu, từ vùng căn cứ, vượt đèo gió lạnh, băng qua đường 8 Tam Giác, đến Đất Làng, sông Hội Nhon thì vừa gặp đội hình hành quân của Tiểu đoàn 840 từ Khu Lê sang đón nhận. Những phút gặp gỡ giữa những người lính ra trận với những cán bộ và chiến sĩ cơ quan mang tải đạn đến kịp thời, quả thật có ý nghĩa lớn lao và đầy xúc động, một nguồn động viên cổ vũ thiết thực khi người lính trận có thêm những yếu tố để làm nên chiến thắng.

Với lượng đạn khá dồi dào, lần này tiểu đoàn trưởng Khuê đã sử dụng bốn ĐK75 ly, 57 ly và bốn cối 82 ly thiết lập trận địa hỏa lực từ Gò Đất nằm giữa ngã ba sông Hội Nhon và suối sâu Phú Long ngắm bắn trực tiếp vào cứ điểm và hệ lô cốt cầu Phú Long.

Cùng lúc, Đại đội 1 và Đại đội 3 từ phía tây và tây bắc đột phá liên tục, mở rộng vành đai ấp, cùng với đột phá của Đại đội 5 đặc công thọc sâu thành hai mũi đánh vào yếu khu phía bắc cầu và từ đó phát triển qua phía nam cầu, một trung đội của Đại đội 2 vòng đón ở ngã ba Kim Ngọc, chặn đường rút chạy của địch.

Sau ba giờ chiến đấu ta hoàn toàn làm chủ yếu khu Phú Long – Kim Ngọc, thu dọn chiến trường, bố trí lại hai trung đội của Đại đội 2/840 chốt giữ cầu, kiểm soát ấp và chuyển thuộc hỏa lực cho bộ phận đánh viện.

Cùng thời gian Tiểu đoàn 840 tiến công vào yếu khu Phú Long, đêm 11 tháng 3 Tiểu đoàn 482/Bình Thuận từ phía Tam Giác hành quân qua đường 8 và đường 1, triển khai lực lượng bố trí thành ba cụm: một đại đội ở Lại An Thượng (phía tây bắc đường số 1), hai

đại đội, đại đội trợ chiến, Sở chỉ huy tiểu đoàn (bộ phận chủ yếu) ở Lại An Hạ (đông nam đường số 1) và một cụm chặn đầu (chốt vững mạnh) ở ngã ba Kim Ngọc.

10 giờ ngày 12 tháng 3 chi đoàn tăng thiết giáp 4/8 cùng tiểu đoàn 3/44 ngụy mở cuộc hành quân tái chiếm Phú Long. Qua hệ điệp báo và quân báo, biết ta có lực lượng ở các ấp Lại An, Kim Ngọc và Phú Long, nên địch tổ chức mở đường và tiến quân từng nấc thăm dò rất chậm chạp. Các loại máy bay trinh sát L.19, trực thăng phóng pháo dọn đường, yểm trợ cho các phân đội tiền trắc vệ sục sạo hai bên đường khá thận trọng.

12 giờ lực lượng này chạm súng với cả hai cụm của ta ở hai bên đường Lại An Thượng và Lại An Hạ, Tiểu đoàn trưởng Văn Minh Trường và Chính trị viên Lê Đức Thiện cho từng phân đội nhỏ nổ súng ngăn chặn địch và địch chủ quan chỉ cho lực lượng tiền trắc vệ kèm giữ ta tại đó, còn đại bộ phận theo đường số 1 lên ngã ba Kim Ngọc, cầu Phú Long. Tại đây bộ phận chặn đầu của ta nổ súng giòn giã, hỏa lực cối 82 ly bắn dữ dội chính xác vào đội hình địch, các cụm hai bên đường vận động bổ sung đánh địch. Trận đánh kéo dài và vòng vây của ta mỗi lúc càng siết chặt, đến 18 giờ địch núng thế mở đường tháo chạy. Các mũi, các cánh của ta ồ ạt xung phong ra đường chia cắt tiêu diệt từng toán địch, kiểm soát, làm chủ chiến trường và tổ chức rút về lại Tam Giác trong đêm 12 tháng 3 năm 1968.

Trận đánh yếu khu Phú Long và diệt viện Lại An thắng lợi giòn giã, kết thúc toàn đợt hoạt động Tết Mậu Thân 1968, trên chiến trường Phan Thiết Bình Thuận.

Ở đây lãnh đạo, chỉ huy đã có sự nhạy cảm biết lường sức mình, nên sau đợt 2 đã chuyển ra đánh vùng phụ cận và trận cuối ngày 12 tháng 3, trận kết thúc “đợt Tết Mậu Thân” đã ghi thêm một chiến công rực rỡ vào chiến thắng trên vùng đất lửa Bình Thuận.

Sau trận Phú Long đồng chí Nguyễn Khuê, tiểu đoàn trưởng được điều về cơ quan tác chiến Quân khu 6, đồng chí Lê Văn Liệu, tiểu đoàn phó làm Tiểu đoàn trưởng 840.

IV. VÙNG NÔNG THÔN BẮC BÌNH ĐỢT HÈ 1968

Mặc dù chưa bỏ ý định đánh chiếm thị xã, vì đó là chỉ thị, mệnh lệnh của trên. Nhưng sức của ta lúc bấy giờ chỉ có vậy, nên không thể làm gì hơn, trong lúc địch đang tập trung lực lượng trung đoàn 44/23 ngụy. Lữ 506 Mỹ và rút một số đại đội địa phương quân và nghĩa quân các quận về giữ Phan Thiết, vùng nông thôn lực lượng địch mỏng yếu.

Do đó mà Quân khu 6 chủ trương chuyển hướng đưa đại bộ phận lực lượng ra nông thôn, tranh thủ giải phóng xã, ấp, vì ở đây ta dễ hoạt động hơn và củng cố bổ sung thêm lực lượng. Chỉ duy trì lực lượng đặc công – biệt động tiếp tục hoạt động vào thị xã, mà cũng không riêng gì Phan Thiết, ở Đà Lạt Tiểu đoàn 186 quân khu cũng đã chuyển ra hoạt động trên trục đường 21 kéo dài, Tiểu đoàn 145 về lại Lâm Đồng.

Cuối tháng 3 năm 1968, Tiểu đoàn 842/BT chuyển ra hoạt động vùng ven bắc Phan Thiết và Tam Giác, Tiểu đoàn 840 quân khu sau trận phục kích vận động

đoạn giữa Tân An – Tân Điền đường 8 ngày 11 tháng 4 năm 1968 đánh thiệt hại hai đại đội của tiểu đoàn 4/44 và một đại đội địa phương quân phá hỏng tám xe bọc thép của chi đoàn 4/8 sau đó Tiểu đoàn đã băng đồng và suối Hội Nhơn về lại Khu Lê, để kịp chuyển ra Bắc Bình theo đường ngắn nhất: Triền – Bàu Thiêu – Bàu Trắng – Thái An, với ý định ban đầu tiến hành đánh trận nam Chợ Lầu, rồi sẽ chuyển qua đường số 1 bắc Hòa Đa. Nhưng trên đường hành quân, đơn vị gặp tiểu đoàn 3/506 Mỹ đổ quân càn quét vùng Bàu Thiêu. Trận tao ngộ xảy ra chớp nhoáng giữa bộ phận đi đầu của Đại đội 1/840 với nhiều toán lính Mỹ dũi ra phục kích đêm, đã làm dậy lửa khu vực này. Tiểu đoàn 840 phải dừng lại Râm Lựu Đạn gần căn cứ thôn 1 Hồng Liêm và quần nhau với địch suốt ngày hôm sau. Nhận thấy khó có thể đi theo đường cũ, nên đêm đến Tiểu đoàn 840 quay ngược lại Hồng Sơn, đợi ở đó một ngày, xin ý kiến Quân khu và đêm hôm sau hành quân qua bắc đường số 1 (Hàm Trí) về lại sông Khiêng.

Tại đây Tư lệnh quân khu đã cho người đón và triệu tập cuộc họp giao nhiệm vụ gồm có: Bí thư tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng Bắc Bình, cơ quan Tham mưu quân khu và Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên Tiểu đoàn 840. Quen với cách làm khẩn trương, tranh thủ thời gian, đại tá Tư lệnh Quân khu đã kiểm tra về công tác chuẩn bị chiến trường đối với Bắc Bình. Thiếu tá Lê Đình Nguyên (Chín Bền) tỉnh đội trưởng báo cáo có vẻ lúng túng vì bận họp Tỉnh ủy, không trực tiếp đi chuẩn bị chiến trường. Tư lệnh Quân khu nghiêm khắc nhắc nhở Tỉnh đội Bắc Bình không nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh

của Quân khu từ giữa tháng 3 năm 1968 đến bây giờ, bộ đội đã đến nơi mà vẫn chưa có gạo và phương án tác chiến). Phó bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Quý Đôn xin nhận khuyết điểm vì không nắm được ý định của Quân khu giao nhiệm vụ chuẩn bị chiến trường gấp, nên đã triệu tập đồng chí Tỉnh đội trưởng họp Tỉnh ủy. Và những việc như chỉ đạo phong trào quần chúng nổi dậy, chuẩn bị lương thực cho đơn vị đứng chân hoạt động cũng là trách nhiệm thuộc về phía cấp ủy Đảng địa phương.

Tuy vậy, đại tá Tư lệnh Quân khu đã cùng cơ quan và đơn vị tìm mọi cách khắc phục, đi đến quyết định: lấy lượng gạo và đạn dược của Tiểu đoàn 840 chuẩn bị đánh Sông Lũy trước Tết Mậu Thân và cả số gạo của hậu cần quân khu ở suối Cà Giây, để bước đầu đơn vị có gạo ăn và sau đó tỉnh sẽ tiếp tục lo. Ý định của Tư lệnh là đưa Tiểu đoàn 840 đi theo đường suối Cát, Cà Lon ra đứng chân vùng suối Cà Giây, Phan Lý cùng với các lực lượng địa phương Bắc Bình đánh trận chợ Lầu. Tiếp theo đánh trận Bàu Mặn, Lâm Lộc nhằm tiêu diệt một số đại đội địa phương quân và nghĩa quân địch đưa phong trào vùng này lên đồng đều với nam Bình Thuận. Đảng ủy và Ban Chỉ huy cho đợt hoạt động Bắc Bình (gọi tắt là Đảng ủy B2) gồm các đồng chí Nguyễn Quý Đôn (Ba Đôn) làm Bí thư Đảng ủy và các ủy viên: Chín Bền, Tỉnh đội trưởng; Võ Như Loan, Chính trị viên tỉnh đội; Nguyễn Khuê, tác chiến quân khu; Lê Văn Liêu, tiểu đoàn trưởng và Phạm Văn Tý, Chính trị viên Tiểu đoàn 840. Đồng thời Tư lệnh Quân khu phê chuẩn kế hoạch tác chiến. Đã từ lâu cơ quan tham mưu và đơn vị quen với cách

làm việc với Tư lệnh, tuy không có trình tự thứ lớp như một văn kiện, nhưng lại cụ thể từng vấn đề sát với chiến trường, nên anh em còn đặt cho Tư lệnh cái tên thân mật “Anh Năm cụ thể”. Bao giờ đồng chí Tư lệnh cũng bố trí và nắm sẵn trong tay một lượng gạo và đạn mà anh thường gọi “của tôi”. Chiến trường cực Nam Trung Bộ – một chiến trường cực kỳ gian khổ mà anh đã có mặt và quen thuộc với nó từ những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đến chống Mỹ này, gạo và đạn được được xem là hàng đầu là quyết định cho các trận đánh.

Tiểu đoàn 840 trở lại Bắc Bình, chiến trường cũ, con sông Khiêng nhỏ bé, Núi Lá quen thuộc, nơi tập kết đánh trận Bàu Ốc chớp nhoáng tháng 11 năm 1967 và cũng là nơi xuất phát hành quân bôn tập ngày đêm vào đánh Phan Thiết hồi Tết Mậu Thân, giờ đây bộ đội đang tạm dừng chân nghỉ ngơi, tắm giặt, săn thú, gọi là bồi dưỡng “hòa bình chốc lát” để gác lại những ngày chiến đấu liên tục căng thẳng ác liệt ở Phan Thiết, Khu Lê, Tam Giác và chuẩn bị đi vào trận chiến đấu mới mà thắng lợi đang ở trong tầm tay.

Lực lượng địch vùng Bắc Bình mỏng yếu, tổ chức mới chỉ đến cấp đại đội địa phương quân và trung đội nghĩa quân, trình độ tác chiến hợp đồng chưa có gì đáng kể, chỉ đi viện giải tỏa từng cấp theo lãnh thổ quận, nhưng rất tinh ranh nhất là biệt kích Lương Sơn nắm tình hình ta qua mạng lưới điệp báo, rồi luồn lách. Trước “khí thế Mậu Thân” của phong trào quần chúng cách mạng, địch chủ yếu co về giữ chi khu, đồn bót. Tuy nhiên, tùy vào sự xuất hiện của lực lượng ta mà địch có

thể tăng cường lực lượng đi giải tỏa từng cấp hoặc hợp vây như trong Tết Mậu Thân đối với Đại đội 88/Bắc Bình và Đại đội 440 ở Chợ Lầu, Long Lễ, Hòa Đa. Vì vậy mà ta phải gài thế ém lót, bí mật hành quân, dấu quân và cách xuất hiện lực lượng để câu nhử địch theo ý định của ta là tùy thuộc vào khâu bảo đảm bí mật.

Trở lại Bắc Bình lần này, Tiểu đoàn 840 có kinh nghiệm của những năm 1966-1967, nên đã làm tất cả những gì có thể làm được như tự mang vác lương thực, đạn dược. Từ núi Lá, sông Khiêng ban ngày bộ đội nép mình dưới những mép suối, lùm cây chịu cái nắng gay gắt của mùa khô trụi lá, đêm hành quân đến đâu, xóa dấu vết đến đó và không liên hệ địa phương hoặc báo trước cho một ai ngoài các đồng chí Tỉnh ủy, Tỉnh đội tham gia trận đánh.

Thời gian gấp rút, để kịp vào đợt phối hợp chiến trường toàn Miền. Đảng ủy và Ban chỉ huy Bắc Bình đã tổ chức các đoàn cán bộ đi trước chuẩn bị chiến trường và trinh sát thực địa. Đoàn thứ 1, từ Núi Lá đi trước bộ đội 3 ngày và về tại suối Cà Giây đón bộ đội làm công tác tổ chức chiến đấu trận Chợ Lầu. Đoàn thứ 2: chuẩn bị trận Xuân Quang bắc Chợ Lầu. Đoàn thứ 3: sau khi làm công tác tổ chức chiến đấu và hiệp đồng ở khu vực Chợ Lầu xong, từ Cà Giây đi trước ra Hòa Đa – Long Lễ và đón bộ đội tại suối Cây Trâm, làm công tác tổ chức chiến đấu cho trận Bàu Mặn.

Trận đánh mở màn cho đợt hoạt động được chọn ở Chợ Lầu.

Ban chỉ huy trận đánh sử dụng Đại đội 440 địa

phương Hòa Đa, phá ấp thị trấn Chợ Lầu và trụ lại đón đánh địch từ hướng chi khu Hòa Đa, Phan Lý đến.

Đại đội 88/Bắc Bình bố trí bắc – tây bắc Chợ Lầu đón đánh địch từ hướng chi khu Hải Ninh – Sông Mao tới.

Tiểu đoàn 840 trong đêm bí mật vượt đường 1 qua sông, đoạn Liêm Bình vòng lên bố trí ở động Thái An (tây nam Chợ Lầu) đón đánh địch trên hai hướng:

1. Từ Lương Sơn vòng qua cánh đồng Thái An.

2. Từ chi khu Hòa Đa vòng qua sông, đánh vào chợ Lầu.

Đêm 4 tháng 5 năm 1968, Đại đội 440 và đội vũ trang công tác đột vào chợ Lầu, đuổi đánh hai trung đội nghĩa quân làm chủ thị trấn.

6 giờ ngày 5 tháng 5 năm 1968 chi khu Phan Lý đưa một đại đội địa phương quân ra giải tỏa, gặp một trung đội 440 Hòa Đa chặn đánh ngay tại ngã ba đường đi sông Mao, sát cạnh chi khu Phan Lý.

9 giờ, địch đưa một đại đội địa phương quân từ chi khu Hải Ninh – sông Mao men theo đường sắt, băng qua cánh đồng đông nam ấp Xuân Quang, đợi cho địch đến gần, bộ phận chặn đầu của Đại đội 88 Bắc Bình nổ súng ghìm giữ địch ngay trước rìa ấp chợ Lầu, bộ phận chủ yếu của Đại đội 88 từ gò đất phía Xuân Quang vận động ra bao vây, đánh thiệt hại đại đội địa phương quân này.

11 giờ cùng ngày, địch cho một đại đội địa phương quân từ chi khu Hòa Đa theo trục đường số 1 đến giải tỏa, gặp Đại đội 440 Hòa Đa tiếp tục chặn đánh, trận

chiến đấu kéo dài đến chiều ngày 5 tháng 5, thì Đại đội 440 Hòa Đa núng thế, phải rút qua bến Thanh Tu nam chợ Lầu và gần tối bọn địch cũng rút về lại chi khu Hòa Đa.

Đêm 5 tháng 5 năm 1968, Ban Chỉ huy trận đánh nhận thấy tuy có đạt được một số kết quả, nhưng bộ phận áp chưa đủ sức ngăn chặn địch, nên tăng cường một tiểu đội của Tiểu đoàn 840 cho Đại đội 440 Hòa Đa, do Huyện đội trưởng Bảo chỉ huy, trong đêm 5 tháng 5 vào lại ấp Chợ Lầu tổ chức công sự phòng ngự đánh địch ở hai đầu: ngã ba chợ Lầu (đường số 1 và đường đi sông Mao) và cầu Xóm Lụa (tây Chợ Lầu).

Sáng ngày 6 tháng 5 năm 1968, hai đại đội địa phương quân của khu Phan Lý và Hòa Đa, chạm súng với Đại đội 440 Hòa Đa ở ngã ba chợ Lầu. Cùng lúc một đại đội địa phương quân khác của chi khu Hòa Đa, sau khi qua cầu sông Cạn đã lội sông phía Liêm Bình men theo bờ nam con sông này, tiến về phía sườn nam – tây nam ngã ba Chợ Lầu, đến 11 giờ cùng ngày thì chạm súng với chốt của Đại đội 2/840 ở bến Thanh Tu nam chợ Lầu. Đợi cho địch tập trung lực lượng vào gỡ chốt, Tiểu đoàn trưởng Liệu và Chính trị viên Tý cho Đại đội 2/840 xuất kích, vận động vòng bên sườn và phía sau địch đánh tới, bị đánh bất ngờ, đại đội địa phương quân này lọt hẳn xuống sông và bị thiệt hại nặng.

12 giờ cùng ngày, sau khi địch cho một bộ phận từ phía Hiệp Hòa theo trục đường số 1 vào chạm súng với bộ phận chốt trụ của ta ở cầu Xóm Lụa. Đồng thời cho hai đại đội biệt kích Lương Sơn men theo cánh đồng

Thái An, tiến về phía bến Lò Gạch – chợ Lầu, gặp bộ phận chốt trụ của Đại đội 1/840 nổ súng chặn địch. Tiểu đoàn trưởng Liệu và Chính trị viên Tý cho cả tiểu đoàn xuất kích, vận động bao vây đánh địch, trận địa cối 82 ly của tiểu đoàn bắn chuẩn bị vào khu vực tây bắc Lò Gạch, nơi địch đang tập trung triển khai lực lượng đánh vào chốt của Đại đội 1/840. Đại đội 1/840 vận động đánh thẳng ra hướng Lò Gạch, Đại đội 2/840 vận động vòng lên phía đường 1, gom địch trong vòng vây và chặn đường rút, Đại đội 2/840 sau khi bao vây đánh địch ở bến Thanh Tu, Chợ Lầu đã vận động theo sông ngược lên, các mũi các cánh của ta nổ súng giòn giã, vòng vây mỗi lúc siết chặt dần, hai đại đội biệt kích Lương Sơn từ thế tiến công đã phải quay sang bám từng bờ đất, gốc cây chống cự. Nhưng trước sức tiến công với hỏa lực mạnh mẽ áp đảo của Tiểu đoàn 840, nên đành phơi áo giữa cánh đồng Lò Gạch – Thái An. Lính biệt kích Lương Sơn và cả lính địa phương quân vốn quen thuộc địa hình, giỏi luồn lách đánh vào bên sườn phía sau đối phương. Nhưng ở đây, cả ba trận trong hai ngày 5 và 6 tháng 5 đều bị ta đánh vào bên sườn và phía sau, địch bị thiệt hại nặng bốn đại đội ở một điểm hội tụ giữa ba chi khu, gây tác động mạnh mẽ đối với địch ở vùng này, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng ở địa phương.

Đêm 6 tháng 5 năm 1968 Đại đội 440 Hòa Đa, Đại đội 88 Bắc Bình và các đội vũ trang công tác truy quét địch làm chủ khu vực Chợ Lầu, khuyến khích chiến quả, tiếp tục công tác xây dựng phong trào, sau đó Đại đội 88 Bắc Bình rút về phía Xuân Quang. Riêng Tiểu

đoàn 840 sau khi thu dọn chiến trường, nghi binh lừa địch, rút về phía Khu Lê và trong đêm bí mật vượt qua lại bắc đường số 1 giấu quân ở suối Cây Trâm, bắc cánh đồng Tà Bo, ở đây bộ phận trinh sát thực địa đã đón đơn vị, làm công tác tổ chức chiến đấu cho trận Bàu Mặn.

Ý định chiến đấu trong trận này ta tiếp tục đánh quy các đại đội địa phương quân của chi khu Hòa Đa, làm chủ khu vực Lâm Lộc và đánh Mỹ đổ quân phía sau hoặc chủ lực nguy đi vòng phía Hậu Quách đến. Ta đã sử dụng lực lượng địa phương, cất cầu Bà Bốn, làm chủ ngã ba đường số 1 và đường đi Phan Rí Cửa, Lâm Lộc. Tiểu đoàn 840 bố trí khu vực Bàu Mặn, hình thành ba cụm.

Đại đội 2/840 bố trí tại ngã ba suối Long Lễ, đón đánh địch trên hai hướng: từ chi khu Hòa Đa theo đường số 1 và từ phía Bàu Mặn suối Hậu Quách.

Đại đội 1/840 bố trí vườn cây phía tây động Bà Bang, đón đánh địch trước Bàu Mặn và bảo đảm bên sườn phải cho Đại đội 2.

Đại đội 3, Đại đội 4 trận địa hỏa lực và Sở chỉ huy Tiểu đoàn 840 bố trí phía bắc Bàu Mặn, đón đánh địch trước Bàu Mặn và hiệp đồng chi viện cho tiểu đoàn trong quá trình chiến đấu.

Thực hiện ý định trên, trong đêm tổ công binh tỉnh phá cầu Bà Bốn, sáng ngày đội công tác Lâm Lộc làm chủ ngã ba Phan Rí Cửa.

7 giờ ngày 11 tháng 5 năm 1968, địch cho một đại đội địa phương quân từ chi khu Hòa Đa theo đường số 1, giải tỏa cầu Bà Bốn và qua theo dõi trên làn sóng cực ngắn PRC25 chúng đàm thoại nhau ta cho thấy địch

không hay biết gì về lực lượng lớn của ta ở đây và chúng đã thông báo cho nhau. Đại đội 440 đang ra vào Chợ Lầu, Đại đội 88 tỉnh đang ở vùng Xuân Quang, Cà Giây, có thể Tiểu đoàn 840 sau khi đánh trận Lò Gạch (tây nam chợ Lầu) còn đang ở vùng Bàu Trắng. Vì vậy mà đại đội địa phương quân này, không có luân lách đề phòng gì, khi đến chùa Long Lễ gần cầu Bà Bốn gặp tổ chốt Đại đội 2/840 nổ súng di dẹt ngăn chặn. Chúng đã dồn đội hình lên tháo gỡ chốt, Đại đội trưởng Đại đội 2 cho đơn vị vận động ra đánh thiệt hại nặng đại đội này. Bị đánh bất ngờ và chỉ khu Hòa Đa cũng hết lực lượng tiếp ứng, nên chúng đã xin tiểu khu cứu viện, 12 giờ cùng ngày lữ 506 Mỹ cho trực thăng từ Cánh Ê-sê-píc ra Trường Thạnh, đổ quân xuống cánh đồng Hậu Quách và men theo suối tiến thẳng qua Bàu Mận đánh vào sườn của Đại đội 2/840. Dựa vào công sự, Đại đội 2 đã chủ động nổ súng ghìm địch trước trận địa mình, thấy địch đã thật sự dồn đội hình về phía Đại đội 2/840, Tiểu đoàn trưởng Liệu và Chính trị viên Tý cho Đại đội 1/840 xuất kích, từ hướng động Bà Bang đánh sang, buộc đại đội Mỹ này tháo lui ra giữa cánh đồng Bàu Mận, để dùng hỏa lực máy bay phóng pháo đánh vào trận địa ta. 13 giờ cùng ngày, Mỹ cho đổ tiếp nhiều tốp khác xuống giữa cánh đồng Bàu Mận và đồi Dưa phía bắc Bàu Mận. Sau khi hỏa lực chuẩn bị, địch đã cho nhiều mũi, nhiều cánh mở nhiều đợt đột kích vào trận địa Đại đội 2 và Đại đội 1/840, nhưng lại đụng Đại đội 3/840 từ phía sau đánh tới. Trước hỏa lực mạnh mẽ của địch, các chiến sĩ 840 áp dụng lối đánh quen thuộc là bám giữ trận địa với công sự chìm chữ Z, hai cửa ngực trang kín áo, dùng hỏa lực

gần bắn điểm ngắm, đột nhiên rộ lên từng lúc, rồi im bật. Các loại hỏa điểm xuất hiện bất ngờ, kết hợp với xuất kích ngắn đã bẻ gãy từng mũi đột kích của địch. Trận đánh khá gay go, ác liệt kéo dài suốt ngày, gần chiều tối sức đột kích của địch yếu dần và đã có triệu chứng địch gom về giữa Bàu Mặn. Nhận định đúng thời cơ, Tiểu đoàn trưởng Liệu và Chính trị viên Tý đã cho trận địa hỏa lực cối 82 ly từ phía Bàu Mặn bắn tập trung trực tiếp vào đội hình địch giữa Bàu Mặn, Đại đội 2/840 xuất kích kịp theo suối đánh lên, Đại đội 1/840 vận động đánh vào chính diện đội hình địch, Đại đội 3/840 từ phía tây bắc Bàu Mặn đánh ra. Các cánh của Tiểu đoàn 840 tranh thủ trời nhá nhem tối, máy bay địch bất lực, đã thi nhau nổ súng dồn địch nằm gọn giữa Bàu Mặn. Núng thế địch không kịp đối phó đã tháo chạy qua suối Hậu Quách về chi khu Hòa Đa, lên trục thẳng về lại Căng Ê-sê-píc Phan Thiết, mặc cho xác lính Mỹ còn lại trên chiến trường. Đêm đến Tiểu đoàn 840 thu dọn chiến trường, thu chiến lợi phẩm và rút quân về phía Tầm Vu, nơi trú quân cũ sẵn có công sự khá vững chắc.

Sáng ngày hôm sau (ngày 12 tháng 5 năm 1968), Mỹ cho máy bay các loại bắn phá liên tục xuống các động cát, ven suối, vườn cây, lập thành vòng rào hỏa lực quanh vùng Bàu Mặn, nhưng dè dặt cho đổ quân xuống chi khu Hòa Đa, rồi mới tiến quân ra Bàu Mặn thu xác lính Mỹ và liên tiếp ba ngày sau, địch ra sức bắn phá quanh vùng bắc Bàu Mặn lên đến Tầm Vu. Sáng ngày 15 tháng 5 năm 1968, tiểu đoàn 3/506 đổ quân xuống Tầm Vu, sau khi thiết lập căn cứ hành quân tạm thời, đã cho hai cánh: cánh 1 theo đường đánh vào phía chính diện;

cánh chìm vòng lên đánh vào sườn phía sau của đội hình Tiểu đoàn 840.

Đã từ lâu, khi Tiểu đoàn 840 còn đứng chân hoạt động ở Bắc Bình (1966-1967) đã chọn địa hình lập căn cứ trú quân, nằm trên các sườn đồi ngửa mặt ra phía Tầm Vu với công sự liên hoàn bằng gỗ đất khá vững chắc. Cũng như các lần đổ sức với kỵ binh không vận Mỹ trước đây, lần này, Tiểu đoàn 840 có lợi thế ở một địa hình đồi núi, sẵn có công sự với một thế trận hiểm hóc.

Quân Mỹ không ngần ngại bất cứ một sự tổn kém nào, đã trình sát mục tiêu, rải bom đạn liên tục từ ba ngày trước trên các bãi Le, các ngọn đồi làm trợ trụ, tưởng chừng như không còn sự sống nào chịu đựng nổi trên các khu vực này. Thế nhưng các chiến sĩ 840 đã dành cho kỵ binh không vận Mỹ những bất ngờ mới.

Đại đội 2/840 đã trụ đánh Mỹ ở Tuy Tịnh tháng 4 năm 1967 thắng lợi và từ đó trận nào đánh Mỹ, Đại đội 2 cũng được chọn nổ súng trước, trong trận này Đại đội 2/840 vẫn nhận được vinh dự đó. Các dũng sĩ “pháo đài Tuy Tịnh” nằm chờ cho địch đến gần, đồng loạt nổ súng diệt những toán đi đầu rồi im bật, xác lính Mỹ nằm trước trận địa 15-20 mét, nhưng địch vẫn chưa phát hiện được ta, hỏa lực Mỹ lại vung lên loạn xạ và xua quân lên kéo xác, hỏa lực ngăn đột nhiên của Đại đội 2 lại tiếp tục rộ lên ghìm đầu địch tại chỗ. Sau nhiều lần đột kích không thành công, địch lui quân ra xa và đội bom đạn vô phía trận địa ta.

Cánh chọc sườn của địch đã bí mật cắt đường, vòng

lên sườn đồi Đại đội 1 (sườn trái của Tiểu đoàn 840), nhưng ở đây địch gặp Đại đội 1/840 bố trí đón sẵn, đã nổ súng đẩy địch xuống bãi trống.

Trận đánh kéo dài suốt ngày, địch không đột phá được vào trận địa ta, gần chiều tối, vẫn như mọi lần trong kinh nghiệm đánh Mỹ, Tiểu đoàn trưởng Liệu và Chính trị viên Tý cho hỏa lực cối 82 ly bắn chuẩn bị vào cho Đại đội 3/840 vận động vòng qua cánh phải, cùng với Đại đội 2 nổ súng dồn dập, bao vây tiêu diệt địch. Quân kỵ binh không vận Mỹ chiều tối thấy không giải quyết được mục tiêu đã dùng hỏa lực mạnh mẽ thành vòng rào yểm trợ tối đa, rồi cho quân lên trực thăng tháo lui về Căng Ê-sê-píc Phan Thiết, mặc cho xác lính Mỹ còn ở chiến trường.

Trong đêm, Tiểu đoàn 840 thu dọn chiến trường và rút về phía suối Rù Rì (bắc Hòa Đa) để tránh những ác liệt kéo dài và củng cố đơn vị. Trận càn của tiểu đoàn 3/506 kỵ binh không vận Mỹ cũng chấm dứt ở khu vực Bàu Mặn – Tầm Vu. Liên tiếp các ngày sau đó lực lượng địa phương Tuy Phong còn thu nhặt chiến lợi phẩm súng đạn, ba lô dù, bọc nước ngọt và đồ dùng của quân Mỹ rải rác khắp trận địa.

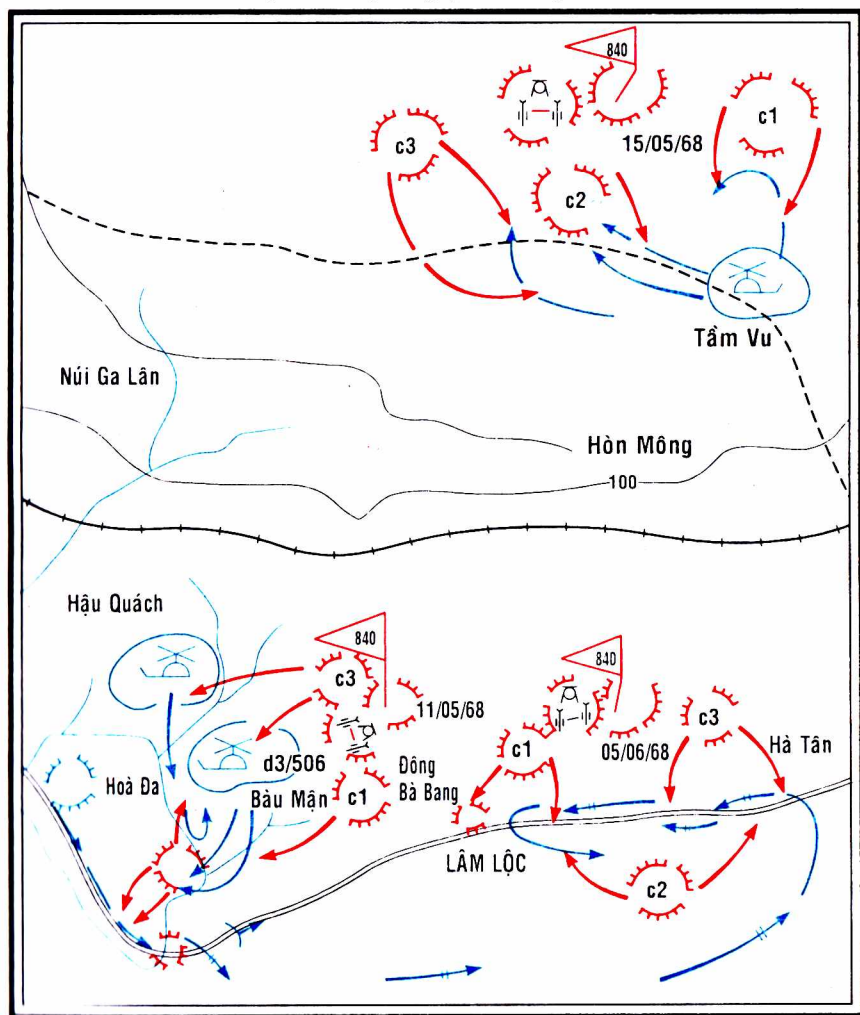
Địch bị thua đau, thiệt hại hai đại đội trong hai trận Bàu Mặn và Tầm Vu, để lại vết đen trong lịch sử, truyền thống kỵ binh không vận Mỹ, cả hai trận liên tiếp đều không giải quyết được mục tiêu, bỏ xác lính Mỹ lại chiến trường và tranh nhau lên trực thăng tháo lui. Nhưng sức của ta lúc này cũng có hạn, vì Tiểu đoàn trong lúc chiến đấu, phải tự giải quyết tất cả, vừa lấy cây

ĐỢT HOẠT ĐỘNG HÈ 1968

TRẬN ĐÁNH MỸ ĐỔ TRỤC THĂNG BÀU MẶN (Ngày 11 tháng 05 năm 1968)

VÀ TẦM VU (Ngày 15 tháng 05 năm 1968),

ĐÁNH NGUYỄN LÂM LỘC (Ngày 05 tháng 06 năm 1968)



gỗ tại vị trí trú quân mang theo để làm công sự đánh địch, vừa chuyển tải đạn dược, lương thực cấp dưỡng và thương binh tử sĩ nên chỉ đánh địch trong ngày, rồi lợi dụng đêm tối cơ động nơi khác, không đủ sức trụ dài ngày, tiêu hao địch nhiều hơn hoặc ngăn chặn giữ địch, phục vụ cho các hướng tác chiến khác.

Sau trận chống càn Tầm Vu, chưa kịp củng cố đơn vị, Tiểu đoàn lại bước vào đợt chiến đấu tiếp, để phối hợp chiến trường. Thế là Tiểu đoàn 840 lo tổ chức lại lực lượng. Mặc dù chiến thắng đang cổ vũ, song đã gần một tháng liên tục chiến đấu, tuy tỷ lệ thương vong thấp, nhưng số đau ốm tăng vì thiếu ăn, mất ngủ, chiến đấu căng thẳng... nên quân số của Tiểu đoàn đi chiến đấu chỉ còn hơn một nửa. Đảng ủy Bắc Bình và Tiểu đoàn trưởng 840 đã chọn một phương án có thể thực hiện được là bí mật dùng lực lượng nhử đánh địch ở ấp Lâm Lộc, nhằm kéo viện, tiếp tục đánh quy các đại đội địa phương quân làm chủ vùng Long Lễ, Lâm Lộc và Phan Rí như trước đó đã đề ra.

Thực hiện phương án đó, Đảng ủy Bắc Bình và Tiểu đoàn 840 đã phải huy động lực lượng, chặt cây gỗ từ vị trí trú quân mang theo làm nắp công sự và đợi cho đêm về khuya, bí mật hành quân xuống triển khai, bố trí xa đường, đoạn giữa ấp Lâm Lộc và Hội Tâm. (hai đại đội bộ binh, đại đội hỏa lực và Tiểu đoàn bộ, bố trí phía bắc đường, một đại đội bộ binh bố trí phía nam đường số 1). Đồng thời cho một bộ phận xuất hiện lộ liễu, hoạt động như đội vũ trang công tác địa phương thường làm, cả đêm lẫn ngày ở cuối ấp Lâm Lộc.

Sáng ngày 5 tháng 6 năm 1968, sau khi địch tung mạng lưới điệp báo nắm tình hình ta, thấy “chắc ăn” đã cho một đại đội địa phương quân từ chi khu Hòa Đa, mở đường xuống ngã ba cầu Bà Bốn, để một trung đội ở lại giữ cầu và kiểm soát ngã ba. Còn đại đội (thiếu) tiếp tục đi xuống Phan Rí Cửa, hợp điểm với một đại đội địa phương quân lưu động, nằm ở rặng dương liễu ven theo bãi biển xuống ấp Duồng, Thanh Lương và vòng lên Hội Tâm, theo trục đường số 1, vào ấp Lâm Lộc. Khi gần đến ấp Lâm Lộc, địch cho triển khai rộng ra hai bên đường, nhằm kẹp đánh bộ phận xuất hiện trong dân của ta. Bộ phận này cũng đã kịp thời nổ súng ngăn chặn địch. Nhận thấy địch đã lọt vào trận địa, cánh chìm phía bắc đường của địch đã đến gần Đại đội 1/840, Tiểu đoàn trưởng Liệu và Chính trị viên Tý đã cho toàn bộ đơn vị xuất kích: Đại đội 1/840 vận động đánh thẳng ra đường, Đại đội 3/840 vận động vòng phía Hội Tâm, bao vây kín địch từ phía sau. Địch bị đánh bất ngờ tạt qua phía nam đường, bám các động cát chống cự, trận địa hỏa lực của Tiểu đoàn sau khi bắn chi viện cho Đại đội 1 và Đại đội 3 vận động, đã di chuyển ra đường ngắm bắn trực tiếp vào khu vực động cát nơi địch đang co cụm. Trong khi đó thì Đại đội 2/840 đối diện, đã hiệp đồng từ phía nam đánh lên. Bị đánh từ nhiều phía với hỏa lực áp đảo, địch núng thế đã tháo chạy. Tuy trận chiến đấu vận động diễn ra ở một vùng dân cư và đồi cát ven biển trên phạm vi rộng, ta bao vây đón địch không hết và khi địch chạm súng, biết là Tiểu đoàn 840 nên tẩu tán hơn là chống cự. Mặc dù vậy, hai đại đội địa phương quân đang nằm giữa vòng vây của ta đã bị thiệt hại nặng, số sống

sốt chạy tứ tán, cả ngày và đêm 5 tháng 6 năm 1968 chi khu Hòa Đa không liên lạc được với bọn này, lực lượng ứng viện của địch trong ngày không có.

Trong đêm, Tiểu đoàn 840 đã cùng với địa phương truy lùng địch và thu dọn chiến trường, sau đó rút về lại vị trí tập kết tây bắc Bàu Mận và cũng tại đây Tiểu đoàn 840 đã nhận lệnh trở lại Bình Thuận, để cùng với Tiểu đoàn 482 Bình Thuận đánh địch tràn ra vùng Tam Giác. Thế là ý định cùng với địa phương tiếp tục đánh địch, xây dựng phong trào, làm chủ các vùng trên và kết hợp củng cố đơn vị, giải quyết lương thực không làm được và đợt hoạt động Hè 1968 ở Bắc Bình cũng chấm dứt. So với ý định ban đầu thì Tiểu đoàn 840 vượt yêu cầu, trong vòng một tháng đã đánh liên bốn trận tập trung cấp tiểu đoàn, tiêu diệt và làm thiệt hại bảy đại đội địch trong đó có hai đại đội Mỹ, phá lỏng rã nhiều ấp trên trục đường quốc lộ 1 từ Chợ Lầu đến Hội Tâm, đã tiếp thêm “khí thế Mậu Thân” cho quần chúng nổi dậy, phá thế kìm của địch, được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhì.

Điều đáng chú ý: các trận đánh của Tiểu đoàn 840 và địa phương Bắc Bình lần này đã khéo che giấu lực lượng, nắm vững quy luật địch, cho xuất hiện lực lượng ta từng bộ phận, tiêu diệt địch từng cấp từ nhỏ đến lớn, làm chủ chiến trường (nhất là đánh Mỹ thì việc làm chủ chiến trường quả thật không dễ dàng). Có được điều đó Tiểu đoàn 840 phải trải qua những năm tháng đầy hy sinh gian khổ, mất mát, từ những ngày lập thế trụ lại đánh Mỹ ở Tuy Tịnh (tháng 4 năm 1967), Phú Sơn (tháng 12 năm 1967) và Mậu Thân ở Phan Thiết, là cả

một quá trình thử thách tích lũy kinh nghiệm, huấn luyện xây dựng đơn vị, nghiên cứu tìm ra lối đánh thích hợp cho một đơn vị cấp phân đội ở trên chiến trường đồng bằng ven biển.

V. VÙNG NÔNG THÔN BẮC PHAN THIẾT HÈ THU 1968

Từ tháng 4 năm 1968, Tiểu đoàn 482 Bình Thuận và lực lượng vũ trang các huyện Hàm Thuận, Thuận Phong đã bám đánh địch bung dũi ra vùng ven Phan Thiết, đồng thời lực lượng đặc công biệt động cũng đã đánh vào một số mục tiêu trong thị xã. Nhưng lực lượng địch ở đây khá lớn, đang ra sức củng cố, tăng cường phòng thủ bên trong, đồng thời nống ra các vùng ven, giải tỏa thế bao vây uy hiếp quanh thị xã, cố đẩy lực lượng ta ra xa, giành lại các địa bàn phụ cận đã mất. Đáng chú ý là: với chiến lược “quét và giữ” của ABRAMS (tên tướng xe tăng ba sao), địch đã lần lượt tăng cường mật độ xe tăng vào chiến trường Bình Thuận một cách đáng kể.

Cuối tháng 5 năm 1968 loại xe tăng M41, M48 của địch lần đầu tiên xuất hiện nghênh ngang tiến ra vùng Tam Giác, đánh vào một số trận địa chốt trụ của Tiểu đoàn 482 Bình Thuận và bộ đội địa phương đã gây nên sự bất ngờ, ta đối phó lúng túng, kém hiệu quả. Những tin thất thiệt và cả những báo cáo thiếu chính xác về loại xe tăng này: nào là vỏ thép dày, B40, B41 của ta bắn không thủng, xe có gắn pháo nòng dài cỡ lớn, v.v...

Thật ra tình hình không phải vậy, mà vì địa hình vùng Tam Giác bắc Phan Thiết, cũng như cả vùng đồng bằng ven biển Bình Thuận, các loại xe tăng hoạt động

khá dễ dàng và xe tăng M41, M48 quả thật không những có vỏ thép dày, mà còn có lá chắn cách nhiệt để chống hỏa lực phòng tăng, xe được triển khai từ xa ngoài tầm súng B40, B41, chữa pháo nòng dài bắn thẳng vào công sự có nắp cao của ta. Lúc đầu do người chỉ huy lãnh đạo các đơn vị của ta chưa thật nhạy bén với tình hình, nắm không vững tính năng chiến kỹ thuật các loại xe tăng và binh khí kỹ thuật mới của địch, chưa phổ biến huấn luyện cho bộ đội những điều cần thiết... nên ngán ngại đánh tăng. Để khắc phục tình trạng trên, cơ quan tham mưu quân khu đã phải giải thích, dẫn chứng nhiều tài liệu về các loại xe tăng địch và biện pháp phòng chống nhưng vẫn chưa thuyết phục được bộ đội. Để sớm phát hiện và đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của các đơn vị ở chiến trường, một lần nữa đại tá Tư lệnh quân khu và cơ quan tham mưu quân khu xuống vùng Tam Giác – Bình Thuận để xem xét tình hình và đi đến quyết định: điều Tiểu đoàn 840 quân khu đang hoạt động ở Bắc Bình vào gấp Tam Giác để cùng với Tiểu đoàn 482 Bình Thuận bố trí đánh tăng địch nhằm giải quyết vấn đề gay cấp trên.

Trận đánh được chọn ở khu vực Tân An – Phú Bình (bắc Phan Thiết 4 ki-lô-mét) hiện đang là nơi nóng bỏng của vùng ven Phan Thiết. Khu vực này ở vào loại địa hình trung bình, có lợi cho địch triển khai binh khí kỹ thuật, đánh phá ra vùng ta, nơi đây ta có phong trào cơ sở cách mạng khá mạnh và là bàn đạp của ngõ hoạt động của ta vào Phan Thiết. Đánh bại hoặc ít ra ngăn chặn tăng địch ở đây, sẽ có ý nghĩa chiến thuật và tư tưởng đối với bộ đội và nhân dân rất lớn.

Trong kế hoạch tác chiến, ta sử dụng Tiểu đoàn 482 Bình Thuận, bố trí tại ấp Tân An vừa thu hút ngăn chặn và vận động tiêu diệt địch trên trục đường số 8. Tiểu đoàn 840 quân khu bố trí (nam suối Bà Đình) đón đánh địch đi vòng phía tây ấp Tân An.

Cách đánh, tuy có bố trí chốt trụ và chú trọng đến thành phần vận động. Nhưng do đánh giá hỏa lực địch mạnh, nhất là phi pháo và xe tăng, nên trong bố trí chủ yếu vẫn là “phòng ngự điểm tựa”, “cụm điểm tựa” theo kinh nghiệm đánh địch phản kích ở Phan Thiết và Bắc Bình, vừa có điểm tựa phòng tăng vững chắc phản kích ở Phan Thiết và Bắc Bình, vừa có điểm tựa phòng tăng vững chắc và các điểm tựa khác (cụm điểm tựa) thành thế chân kiềng chi viện được cho nhau, vừa xuất kích vận động bao vây tiêu diệt địch ở cự ly xa hơn, theo kiểu vận động kết hợp với chốt chặn.

Toàn bộ trận đánh đặt dưới sự chỉ huy của Tỉnh đội trưởng Phạm Văn Kha và Chính trị viên tỉnh đội Phạm Hoài Chương cùng một vài cán bộ tham mưu của tỉnh đội. Sở chỉ huy đặt ở tây đường số 8, tuy cách đơn vị chiến đấu không xa mấy, nhưng thiếu phương tiện thông tin, trinh sát địch, nên cũng chỉ nặng chỉ đạo hơn là chỉ huy diễn biến chiến đấu.

Diễn biến trận đánh khá ác liệt. Từ sáng ngày 18 tháng 6 năm 1968 địch đã triển khai tiểu đoàn 4/44, chi đoàn tăng 4/8 và một số đại đội địa phương quân mở cuộc phản kích trên trục đường số 8. Sau khi phi pháo dọn đường một tốp xe tăng M41, M48 từ phía Trinh Tường lăn bánh xích trên đường số 8, vượt qua khỏi ấp

Tân An, dùng lại góc nòng pháo bắn vào phía bắc cầu Bà Nhuần 800 mét, sau đó tiến về phía Tân Điền, bộ phận chốt của Tiểu đoàn 482 tại ki-lô-mét số 4 nổ súng B40, B41, nhưng không có hiệu quả, vì từ xa bắn vào chính diện. Tuy vậy cả tốp xe tăng địch đã tháo lui về phía nam ấp Tân An và dùng hỏa lực chi viện cho hai đại đội bộ binh, chia hai mũi đánh vào trận địa ta: cánh thứ nhất chọc vào ấp Tân An, cánh thứ hai từ phía Trinh Tường vòng qua tây ấp Tân An. Chờ cho địch lọt vào ấp, Tiểu đoàn 482 Bình Thuận nổ súng và sau đó Tiểu đoàn 840 quân khu cũng cho xuất kích, vận động nổ súng, bao vây tiêu diệt địch, chỉ sau 40 phút ta đã đánh thiệt hại nặng hai đại đội này.

Hơn một giờ sau, địch lại tăng cường lực lượng tiếp tục mở cuộc tiến công mới, lần này chúng gây áp lực mạnh mẽ phía ấp Tân An và dè dặt mở rộng cánh phía tây, nhưng cả hai Tiểu đoàn 482 Bình Thuận và Tiểu đoàn 840 Quân khu đã cho xuất kích vận động toàn bộ, trước sức tiến công mạnh mẽ của ta, địch đã tháo chạy về phía Trinh Tường.

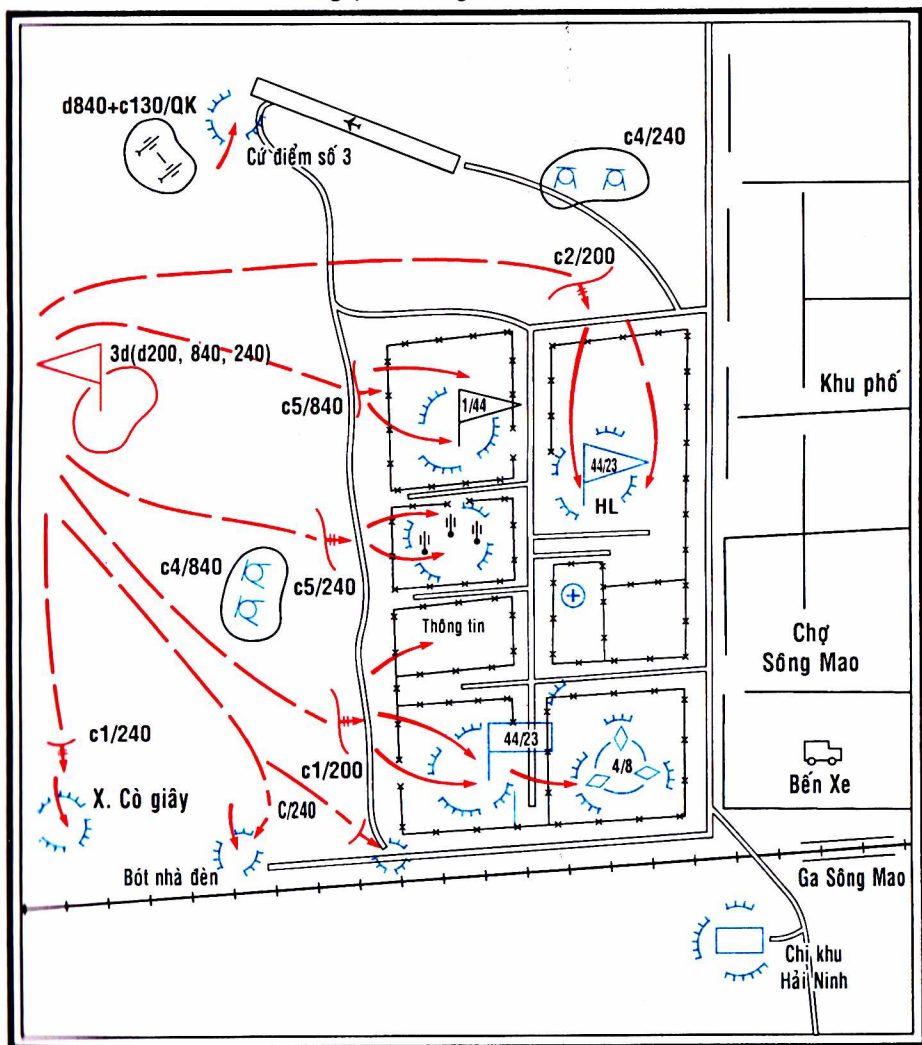
Từ 11 giờ trở đi, địch dùng phi pháo hủy diệt xóm Tân An và Gò Cụt đông bắc Tân An 200 mét và không mở thêm được đợt phản kích nào. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Tiểu đoàn 482 Bình Thuận rời công sự, lần lượt vượt qua bom đạn địch rút sang phía tây đường 8 về lại vị trí tập kết và đến tối Tiểu đoàn 840 Quân khu cũng thu dọn chiến trường và rút về phía đông bắc Phú Bình.

Trận đánh Tân An ngày 18 tháng 6 năm 1968 tuy có đạt được một số kết quả, nhưng chưa giải quyết được

những gay cấn, nhất là chưa diệt được tăng M41, M48. Nên Bộ Chỉ huy vẫn kiên trì tiếp tục sử dụng Tiểu đoàn 482 Bình Thuận và bộ đội địa phương trên đường 8 đoạn Tân An – Tân Điền và Tiểu đoàn 840 Quân khu, bố trí khu vực Bàu Cây Bông (đông nam Phú Bình) đón đánh địch mở rộng cánh đi vòng lên hướng này. Ngày 20 tháng 6 năm 1968, sau khi giải tỏa ấp Tân An địch chạm súng với bộ đội địa phương và Tiểu đoàn 482 Bình Thuận phía tây bắc đường số 8, địch đưa tiểu đoàn 4/44 và chi đoàn tăng 4/8 từ phía Trinh Tường theo trục đường đất tiến quân dè dặt lên Phú Bình.

13 giờ 30 phút, đại đội đi đầu của địch chạm súng với Đại đội 3/840, chúng dừng lại triển khai đội hình và chờ xe tăng đến hiệp đồng đánh vào trận địa Đại đội 3/840. Hỏa lực B40, B41 chính diện của Đại đội 3/840 do Trung đội trưởng Nghĩa chỉ huy và hỏa lực hai bên sườn của Đại đội 2 và Đại đội 1/840 diệt tại chỗ hai xe tăng M41, cùng lúc Tiểu đoàn trưởng Liệu và Chính trị viên Tý cho trận địa hỏa lực của Đại đội 4 bắn chi viện và dùng Đại đội 3, Đại đội 1 vận động đánh thiệt hại cánh quân này. Bị đánh bất ngờ địch tháo lui về phía sau dùng hỏa lực ngăn chặn ta và cho pháo ở Căng Ê-sê-píc và Trinh Tường yểm trợ. Mãi đến 15 giờ 30 phút địch mở đợt phản kích mới, nhưng do xe tăng không dám lên, nên bộ binh địch cũng thò thụt ngoài xa, trận đánh kéo dài đến gần chiều tối, Tiểu đoàn trưởng Liệu và Chính trị viên Tý cho trận địa cối 82 ly chế áp mạnh mẽ và ĐKZ 75 ly, 57 ly từ điểm tựa phòng tăng bắn vào các cụm tăng địch sau đó cho xuất kích toàn bộ. Từ lòng đất cánh đồng khô, trống trải Bàu Cây Bông, các chiến sĩ

CHIẾN THẮNG SÔNG MAO - BÌNH THUẬN (Ngày 24 tháng 11 năm 1968)



Tiểu đoàn 840 lao lên khỏi công sự vận động, bao vây tiêu diệt địch. Trước sức tiến công mạnh mẽ của ta, địch đã phải tháo lui về lại Trinh Tường.

Trận đánh kết thúc giữa tiếng reo mừng thắng lợi: Súng B40, B41 bắn cháy được xe tăng M41, M48 của địch. Một vấn đề gay cấn mà các chiến sĩ Tiểu đoàn 840 được vinh dự giải quyết trong thực tiễn, có ý nghĩa giống như những trận trụ đánh gây “trục thẳng đồ chụp” của lữ 506 kỵ binh không vận Mỹ ở Tuy Tịnh và Phú Sơn. Tiểu đoàn 840 được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng nhất.

Sau hai đợt Xuân Hè 1968, Quân khu tổ chức rút kinh nghiệm về vận dụng các cách đánh. Tuy còn có ý kiến khác nhau, nhưng do tình hình thúc bách lúc bấy giờ, nên Quân khu thống nhất vẫn chỉ đạo cho các đơn vị và địa phương tiếp tục trụ đánh địch phản kích và đánh địch trong công sự vững chắc kể cả bằng sức mạnh (công kiên). Giữa tháng 7 năm 1968, Tiểu đoàn 840 Quân khu và Tiểu đoàn 482 Bình Thuận do đại úy Trần Thọ, tham mưu trưởng Tỉnh đội Bình Thuận làm chỉ huy trưởng chuyển sang Khu Lê, bố trí đánh địch ở đông Tuy Hòa và tiếp tục gài đánh địch phản kích ở Râm Vũ Trang (đông bắc Tuy Hòa 2 ki-lô-mét), từ ngày 17 đến ngày 21 tháng 7 năm 1968 đánh thiệt hại nặng hai đại đội của tiểu đoàn 2/44 và một đại đội Mỹ, bắn rơi năm trực thăng, tiếp theo đánh thiệt hại bốn trung đội nghĩa quân phá ấp và cầu Phú Long. Sau đó chuyển về lại Tam Giác. Đêm 20 tháng 8 năm 1968, Tiểu đoàn 840 tập kích địch ở khu tập trung Xuân Phong và trụ lại đánh địch đến giải tỏa, gây thiệt hại một đại đội Mỹ, phá hủy một

tăng M41, bắn rơi một trực thăng. Tiếp theo ngày 25 tháng 8 năm 1968, Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 482 Bình Thuận cùng với lực lượng địa phương đánh chiếm khu chung cư Chang Chang và trụ lại đánh địch phản kích suốt ngày với tiểu đoàn 4/44, chi đoàn tăng 4/8 Mỹ và một số đại đội địa phương quân, địch dựa vào xe tăng xông vào trận địa chốt trụ của Đại đội 3/840. Trung đội trưởng Nguyễn Trọng Nghĩa⁽¹⁾ bình tĩnh chỉ huy đơn vị đánh trả địch, một mình bí mật áp sát chiếc xe tăng đi đầu, địch phát hiện định cho xe tăng lao tới nghiền nát anh, nhưng không kịp, một tiếng nổ của thủ pháo và tiếp theo nhiều tiếng nổ của lựu đạn, chiếc xe tăng M41 khựng lại và bốc cháy, bộ binh địch tháo chạy bỏ lại xác xe tăng và nhiều xác lính Mỹ ngụy trước trận địa. Qua một đêm ngày chiến đấu ta diệt 350 tên, đánh thiệt hại nặng ba đại đội trong đó có một đại đội Mỹ, bắn rơi hai máy bay, bắn cháy một tăng M41, về ta hy sinh 23 đồng chí trong đó có đồng chí Lê Văn Liệu, Tiểu đoàn trưởng 840, bị thương 28 đồng chí. Mặc dù trận đánh dữ dội trên căng thẳng, ác liệt, thương vong cao nhưng đã có tác dụng ngăn chặn địch, giữ vững bàn đạp và thúc đẩy phong trào phá ấp vùng nông thôn lúc bấy giờ.

Hòa nhịp với chiến trường Tam Giác. Tháng 9 năm 1968, Tiểu đoàn 200C đánh chi khu Hòa Đa – Bắc Bình, một chi khu nằm giữa một vùng đông dân của Bắc Bình, có khuôn viên khá rộng, chia thành hai khu vực: quận – chi khu và khu phi mã. Do một đại đội địa phương quân

(1) Đồng chí được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 23 tháng 11 năm 1969.

và hai trung đội nghĩa quân chiếm giữ. Sau các trận đánh địch phản kích, cùng với phong trào nổi dậy của quần chúng ở đây hồi tháng 5 năm 1968, chi khu này đã thực sự bị uy hiếp.

Tiểu đoàn 200C của Bộ Tư lệnh đặc công, thuộc Bộ Tổng tham mưu từ miền Bắc bổ sung thẳng vào cho Khu 6, nhưng trên đường hành quân vào đến biên giới Cam-pu-chia – Việt Nam (khu vực Phước Long) thì Bộ Chỉ huy Miền cắt lấy bớt một đại đội, đến tháng 6 năm 1968, Tiểu đoàn 200C thiếu một đại đội, do đại úy Nguyễn Văn Bổng, Tiểu đoàn trưởng và thượng úy Nguyễn Lạng, chính trị viên đã đưa đơn vị về đến quân khu, trú quân ở vùng Cà Lon. Tại đây được Quân khu bổ sung thêm cán bộ, bồi dưỡng huấn luyện những vấn đề cần thiết và tiểu đoàn này đã nhận nhiệm vụ tổ chức các đoàn đi chuẩn bị chiến trường.

Sau khi nghe báo cáo tình hình chuẩn bị, đại tá Tư lệnh quân khu đã chọn chi khu Hòa Đa để Tiểu đoàn 200C đánh trận đầu.

Đã từ lâu lối đánh đặc công vốn là sở trường và là truyền thống của chiến trường cục Nam Trung Bộ – Khu 6. Từ những năm chiến tranh chống Pháp và trong những ngày đầu của chiến tranh chống Mỹ với lối đánh đặc công cục Nam Trung Bộ đã lập nên những chiến công vang dội. Trong xuân Mậu Thân 1968, lực lượng đặc công – biệt động đã làm nòng cốt đánh vào các cơ quan đầu não địch sau đó liên tục đánh địch theo yêu cầu “vào đợt”, “đồng loạt”, quân số bị tiêu hao không kịp bổ sung nên lực lượng này teo dần, chất lượng kém, xây

dựng huấn luyện chưa đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới, nhất là cách đánh còn lệ thuộc quá nhiều vào công tác chuẩn bị, phải lọt vào bên trong “nở hoa trong lòng địch”. Chính vì vậy mà ý định của Tư lệnh quân khu trong trận này: ngoài tiêu diệt sinh lực địch, hỗ trợ phong trào thì mục đích chính yếu là xây dựng đơn vị, rút kinh nghiệm trong việc xây dựng lối đánh mới...

Do quy mô, tính chất và ý nghĩa của trận đánh nên Tiểu đoàn 200C còn được tăng cường đội đặc công của Đại đội 5 Tiểu đoàn 840 và một tiểu đội đặc công của Bắc Bình, một ĐKZ 75 ly của Đại đội 130 quân khu, do đại úy Nguyễn Khuê tác chiến quân khu làm chỉ huy trưởng trận đánh. Mọi công tác chuẩn bị và tổ chức chiến đấu đều tiến hành tại vị trí trú quân của 200C, ở Cà Lon. Cơ quan tham mưu quân khu đã phải khẩn trương điều các lực lượng phối thuộc và tổ chức biên chế trang bị vũ khí theo yêu cầu mới, trong đó có cả một đội phễu và rút lực lượng cơ quan mang tải đạn.

Trước trận đánh hai ngày đơn vị xuất phát hành quân ra Bắc Bình và ngày hôm sau thì Tiểu đoàn 200C có tại vị trí tập kết cuối cùng ở suối Ba Cốc (bắc Hòa Đa). Các đơn vị phối thuộc: đặc công Tiểu đoàn 840, ĐKZ 75 Đại đội 130 đang hoạt động vùng Tam Giác đã hành quân đuổi theo chiều hôm đó có mặt tại vị trí tập kết. Tại đây Tiểu đoàn 200C nhận các đơn vị phối thuộc, kiểm tra rà xét tình hình làm công tác tổ chức chiến đấu lần cuối và lúc bảy giờ chỉ huy trưởng trận đánh, mới báo cáo với Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Bình xin ý kiến chỉ đạo. Nói là xin ý kiến chỉ đạo là nói theo cách nói của quân sự địa phương, chứ thực ra mọi công việc đều được

quyết định và chuẩn bị từ trước vì báo cho địa phương sớm tỉnh, huyện sẽ triển khai công tác nổi dậy, dễ lộ bí mật, tuy Bí thư tỉnh ủy Ba Đôn có lo lắng, nhưng trong kế hoạch khâu nổi dậy sẽ tiến hành sau trận đánh.

Chiều ngày 12 tháng 9 năm 1968 đơn vị hành quân xuống dốc Đá Chồng, vượt qua đường sắt, nhưng phải chờ cho trời tối hẳn mới băng qua cánh đồng ruộng nước Hậu Quách và 22 giờ đến vị trí triển khai cách bắc chi khu Hòa Đa 300 mét tiến hành quân ba mũi trên ba hướng.

Mũi 1: Đại đội 1/200C được tăng cường đặc công 840 và Bắc Bình là mũi chủ yếu do đồng chí Thanh, Tiểu đoàn phó 200C làm mũi trưởng, đi vòng mé dòng sông Cạn qua vùng dân cư từ phía tây nam đánh vào chi khu và quận hành chính.

Mũi 2: Đại đội 2/200C được tăng cường một tổ đặc công Bắc Bình do thượng úy Thường, đại đội trưởng Đại đội 2 làm mũi trưởng đi vòng về phía đông nam đánh vào khu Phi Mã.

Mũi 3: Gồm hai tổ đặc công của 200C và 840 được tăng cường ĐKZ75 và bốn B41 do trung úy Lan (Mùi), Đại đội phó Đại đội 5 đặc công 840 làm mũi trưởng, đánh vào lô cốt phía tây bắc chi khu. Lô cốt này ở vào một vị trí khá lợi hại, không những có tầm cao nhô ra khống chế cả phía bắc và tây bắc, mà còn nối liền gần với hầm cố thủ, nhưng trong quá trình chuẩn bị ta không sao mò vào được. Nếu không đánh được lô cốt này ngay từ đầu, thì khi các mũi phát triển vào bên trong, lô cốt sẽ cùng với khu cố thủ chống cự, trường hợp ta

không dứt điểm thì sẽ gây khó khăn cho việc rút quân. Vì vậy mà trong quá trình tiềm nhập ta đưa các hỏa khí triển khai sẵn, nếu bị lộ sẽ dùng hỏa lực chế áp và cưỡng hành bộc phá. Ngoài ra bộ phận hỏa lực bốn cối 60 ly, triển khai phía bắc, sát rào chi khu, phút đầu đánh vào trại lính nơi mà các mũi chưa phát triển đến.

Cánh phối hợp, Đại đội 440 Hòa Đa do thượng úy Bảo, Huyện đội trưởng Hòa Đa chỉ huy, triển khai khu vực Đồi Dưa nam đường sắt. Khi Tiểu đoàn 200C nổ súng đánh vào chi khu Hòa Đa, mới phổ biến nhiệm vụ cho đại đội này đánh vào thị trấn Long Lễ (trước cổng chính của chi khu) và để nghi binh lừa địch, đại đội rút về phía rẫy Đồi Dưa, Nha Mế.

Diễn biến trận đánh khá trôi chảy thuận lợi: 23 giờ các mũi đã đi vào giai đoạn tiềm nhập và 24 giờ đã áp sát vào được tường thành chi khu. 1 giờ ngày 12 tháng 9 năm 1968 mũi chủ yếu phía tây nam cho nổ bộc phá khối, phá tường và đánh sập lô cốt góc phía tây nam và cả ba tổ của mũi này vượt qua đầu cầu nổ súng giòn giã. Tổ 1 thọc sâu thẳng vào Sở chỉ huy và khu cố thủ, tổ 2 theo giao thông hào thành nội, phát triển lên lô cốt phía tây bắc, cả hai tổ này gặp địch chống cự quyết liệt. Tổ 3 đánh sang khu vực quận hành chính tương đối thuận lợi.

Mũi 2 cùng lúc, thành ba tổ đánh vào nhà cổ vấn Mỹ, trại lính và khu cơ giới .

Mũi 3: ĐKZ 75 ly và B41 ở cự ly gần, bắn khá chính xác làm sập một góc lô cốt, sau đó lên đánh bộc phá phát triển vào bên trong, phối hợp với mũi 1 đánh

vào khu vực cố thủ. Tại đây cả ba tổ của hai mũi 1 và 3 đã thi nhau ném đòn đập bộc phá, thủ pháo và các căn hầm, đập tắt từng ổ đề kháng địch. Sau 40 phút chiến đấu dũng cảm, sắc nhọn, ta đã đánh dứt điểm khu vực cố thủ, kết thúc trận đánh, làm chủ trận địa, từng mũi tổ chức tảo trừ thu vũ khí và đưa thương binh tử sĩ ra. Khi ta rút quân, qua khỏi cánh đồng Hậu Quách thì trời cũng vừa sáng. Bộ phận tảo trừ chi khu và Đại đội 440 Hòa Đa, truy lùng địch chạy ra phía thị trấn – đường số 1, sau đó rút về phía Đồi Dưa Nha Mé.

Trong đêm nổ ra trận đánh, lúc đầu pháo địch ở Sông Mao chỉ bắn yểm trợ xung quanh, mãi một giờ sau khi không liên lạc được với chi khu này, địch mới cho trực thăng, pháo Sông Mao bắn vào chi khu và khi trời sáng rõ, phát hiện dấu vết ta rút về phía đồi Dưa, đường sắt địch đã cho pháo và trực thăng dọn bãi đổ quân xuống khu vực Nha Mé chặn đường rút của ta, nhưng đã quá muộn.

Khi bộ phận Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 200C rút quân về đến chân núi theo đường Đá Chồng thì Phó bí thư Tỉnh ủy – Đa Bôn và Tỉnh đội trưởng – Năm Nhứt có mặt sẵn để đón nhận chiến thắng và tiếp tục cổ vũ chỉ đạo phong trào các xã ấp phát huy thắng lợi.

Sau trận thắng chi khu Hòa Đa, quân khu cho tiếp tục chuẩn bị đánh căn cứ trung đoàn 44/23 ngụ ở Sông Mao, một căn cứ lớn nằm phía bắc ga Sông Mao, nguyên là căn cứ của sư đoàn 5 Nùng dưới thời Ngô Đình Diệm, chiếm một diện tích khá rộng. Con đường lớn rộng 12 mét từ ga Sông Mao chạy thẳng tắp lên phía bắc sân

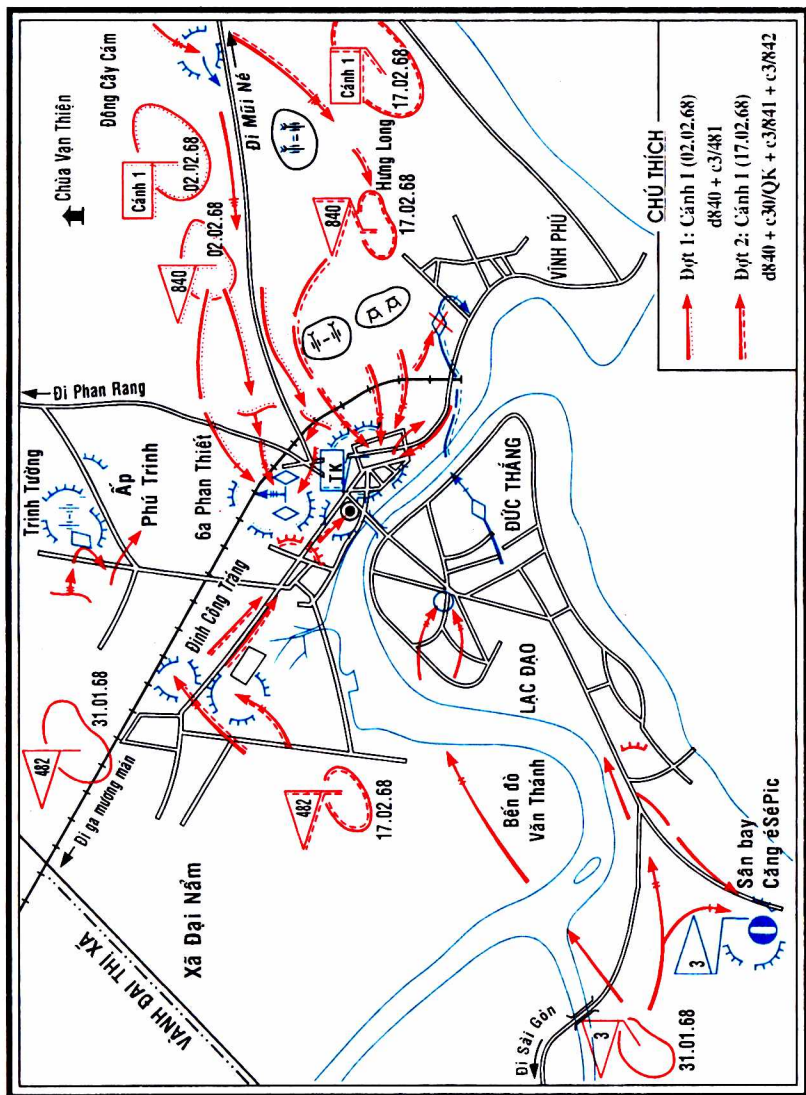
bay, chia Sông Mao thành hai khu vực: phía đông là khu dân cư đông đúc, phố xá đường ngang dọc chia thành ô, nhiều cửa hàng hiệu buôn, rạp hát, tiệm ảnh, nhà hàng, chợ, bến xe khá phồn thịnh, phần lớn là gia đình binh lính sĩ quan sư đoàn 5 Nùng di cư vào Nam sau 1954. Phía tây là căn cứ quân sự chia thành nhiều khu vực: sân bay Sông Mao loại cấp 3, nằm chênh vênh phía tây bắc, căn cứ hành quân (lực lượng cơ động các tiểu đoàn bộ binh) khu huấn luyện, trận địa pháo nằm phía bắc sở chỉ huy trung đoàn 44, cư xá Mỹ, khu thông tin, bệnh viện nằm ở giữa, khu cơ giới và quận hành chính Hải Ninh nằm phía đông nam sát đường sắt ga Sông Mao, chi khu Hải Ninh nằm phía nam ga Sông Mao.

Sau Tết Mậu Thân 1968, căn cứ này tuy có được củng cố và tăng cường phòng thủ, thường xuyên có một lực lượng cơ động đáng kể, một tiểu đoàn bộ binh, một chi đoàn tăng, một đại đội thám kích, một tiểu đoàn pháo binh (thiếu) một tiểu đoàn huấn luyện, vòng ngoài có các căn cứ điểm bảo vệ sân bay, chi khu Hải Ninh, bót nhà đèn cùng với cảnh sát, quân cảnh và dân vệ thị trấn bao bọc. Nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều sơ hở, căn cứ rộng lớn, nằm gần vùng giải phóng của ta, trong căn cứ chia thành nhiều khu vực, nhiều bộ phận nên việc hiệp đồng chi viện nhau có mức độ.

Ý định của Tư lệnh quân khu sử dụng Tiểu đoàn 200C, Đại đội 5 đặc công, Đại đội 4 hỏa lực của Tiểu đoàn 840 và 240 đánh căn cứ Sông Mao.

Tình hình Tiểu đoàn đặc công 200C đang được củng cố và phát triển: Tiểu đoàn thắng trận đầu, tình

TẤN CÔNG PHAN THIẾT XUÂN MẬU THÂN (Năm 1968)



thần khí thể được nhân lên, cán bộ chiến sĩ được huấn luyện tốt, rút được kinh nghiệm trận Hòa Đa, lại được Quân khu bổ sung quân số, mỗi đại đội 60 người và trang bị vũ khí khá đầy đủ. Đại đội 5/840 vốn là Đại đội 121 đặc công của Liên tỉnh 3, có truyền thống và giàu kinh nghiệm, đã làm nòng cốt cho các đơn vị trong đánh đặc công lập nhiều chiến tích và lần này được Tiểu đoàn rút tĩa một số chiến sĩ giỏi trong các đại đội bộ binh, bổ sung quân số 65 người. Riêng Tiểu đoàn 240 sau những trận đánh phối hợp với Tiểu đoàn 186 trên đường 21 kéo dài, được Quân khu điều xuống Bình Thuận đứng vùng bắc suối Cà Giây lấy lương thực các ấp Hiệp Hòa, Xuân Quang để có ăn, củng cố đơn vị và Quân khu đã rút một số đặc công của các đơn vị bổ sung cho Tiểu đoàn này làm nòng cốt, để xây dựng thêm đại đội đặc công quân số 60 người. Các đại đội đặc công trên, sau khi tổ chức biên chế và trang bị vũ khí đã đi sâu vào huấn luyện theo chương trình đặc công và mỗi đơn vị cử một số cán bộ chủ chốt cùng với cơ quan tác chiến quân khu đi chuẩn bị chiến trường.

Trung tuần tháng 11 năm 1968, tại Sở chỉ huy quân khu đôi 600⁽¹⁾ Núi Lát, sau khi nghe báo cáo tình hình chuẩn bị các mặt, Tư lệnh quân khu đã hạ quyết tâm đánh căn cứ Sông Mao nhằm: tiêu diệt sinh lực địch, nhất là lực lượng cơ động, phá hậu cứ địch, hỗ trợ cho phong trào, tiếp tục rút kinh nghiệm xây dựng phát triển lối đánh đặc công và chỉ định Ban chỉ huy trận đánh do đại úy Nguyễn Khuê tác chiến quân khu làm chỉ

(1) Tiểu đoàn 600 trú quân nên còn gọi là đôi 600.

huy trưởng, thiếu tá Vũ Đức Nhi, Trưởng ban Tổ chức, Phòng Chính trị Quân khu làm Chính trị viên trận đánh.

Ngày 20 tháng 11 năm 1968, các Tiểu đoàn 200C, 240 và 840 lần lượt có tại vị trí tập kết suối Cây Quéo, sườn tây núi Bá Ghe, giấu lực lượng, mời Bí thư huyện ủy Năm Hưng đến tham gia vào Ban chỉ đạo làm công tác tổ chức chiến đấu, lo các mặt bảo đảm cho trận đánh, đến khi đơn vị xuất phát hành quân Bí thư Hưng về lại huyện ủy, triển khai công tác nổi dậy. Làm như vậy là để tránh bớt sự chuyển động lộ liễu trước trận đánh trong phối hợp khâu nổi dậy. Sau khi kiểm tra các mặt Ban chỉ huy trận đánh tiến hành làm công tác tổ chức chiến đấu.

Mũi 1: Đại đội 1/200C do thượng úy Thanh (Xởi), Tiểu đoàn phó 200C và trung úy Hợp đại đội trưởng Đại đội 1/200C chỉ huy, từ phía tây đánh vào Sở chỉ huy trung đoàn 44, khu cố vấn Mỹ, khu thông tin và bãi xe tăng.

Mũi 2: Đại đội 5/840 do thượng úy Trung Việt, Tiểu đoàn phó 840 và trung úy Núi đại đội trưởng Đại đội 5/840 chỉ huy, từ phía tây bắc đánh vào căn cứ hành quân, tại đây có một tiểu đoàn bộ binh và một đại đội thám kích trung đoàn 44.

Mũi 3: Đại đội 5/240 do thượng úy Tấn Chi, Tiểu đoàn phó 240 và trung úy Quảng đại đội trưởng Đại đội 5/240 chỉ huy, từ phía tây đánh vào trận địa pháo, tại đây có hai pháo 105, 155 li và một cối 106,7 li.

Mũi 4: Đại đội 2/200C do thượng úy Thường đại

đội trưởng Đại đội 2/200C làm mũi trưởng, từ phía bắc đánh vào khu huấn luyện, tại đây có 700 hạ sĩ và lính quân dịch.

Hai đại đội cối của Tiểu đoàn 840 và 240 bố trí ở hai nơi, trận địa cối của tiểu đoàn 840 ở phía tây và trận địa cối của 240 ở phía bắc đánh vào khu vực bãi xe tăng, vì khu vực này nằm sát đường ga Sông Mao, trong quá trình chuẩn bị ta chưa mò vào được.

ĐK 75 ly của Đại đội 130 quân khu được tăng cường ba B41 của Tiểu đoàn 840 kèm chế đôn số 3 phía tây bắc sân bay, bảo đảm đường rút cho đơn vị.

Đại đội 1 Tiểu đoàn 240 bố trí đón đánh địch khu vực nhà đèn và xóm Cà Giây, nằm về phía tây nam (gần đường sắt) cách căn cứ Sông Mao 200m, bảo đảm bên sườn cho đơn vị, tại đây ngoài bót Nhà Đèn còn có một đại đội bảo an và một tiểu đội thám báo của chi khu Hải Ninh.

Ba B41, bốn ĐH10 của Tiểu đoàn 240 bố trí ngã ba đường từ căn cứ Sông Mao, Nhà Đèn và đường lên sân bay, đón đánh xe tăng địch phản kích ra ngã ba đường này, bảo đảm bên sườn và phía sau đội hình.

Ngoài ra mỗi mũi còn được tăng cường một tiểu đội bộ binh của Tiểu đoàn 240, làm nhiệm vụ mở rộng và giữ đường mở cho từng mũi rút và giải quyết thương binh tử sĩ.

Chiều ngày 23 tháng 11 năm 1968 các đơn vị xuất phát hành quân từ Suối Cây Quéo, men theo các sườn đồi, rừng thưa thấp và vượt qua các trảng trống đồng ruộng khô suối Bá Ghe, 22 giờ cùng ngày đến vị trí triển

khai phân quân tây căn cứ Sông Mao 300 mét. Tại đây bộ phận trinh sát bám địch, đã đón các mũi và Sở chỉ huy, triển khai tỏa mạng thông tin theo các mũi, các bộ phận và giai đoạn tiềm nhập bắt đầu.

24 giờ, các mũi đặc công cắt xong rào cuối cùng và lần lượt đưa lực lượng vào áp sát từng mục tiêu.

0 giờ 30 phút ngày 24 tháng 11 năm 1968⁽¹⁾ mũi 2: Đại đội 5 Tiểu đoàn 840 đã tận dụng thời gian ưu tiên, đưa hai tổ len lỏi vào sâu thêm hai dãy nhà bên trong, phát hiện địch mới đi càn phía bắc Hòa Đa về lúc chập choạng tối, nằm dày đặc cả trong nhà, ngoài hè và sân, vũ khí trang bị để ngổ ngang, các tổ này dừng lại quan sát, thì địch phát hiện, ta lập tức nổ súng, cả sáu tổ của Đại đội 5 Tiểu đoàn 840 cùng nổ súng đánh dọc theo các dãy nhà dài đầy áp lính. Tiếng súng, lẫn tiếng bộc phá, thủ pháo, B40, B41 và cối 60 ly, bắn ứng dụng tuồn xuống đội hình địch dồn dập, phát lệnh chung cho toàn bộ trận đánh. Địch không kịp đối phó. Sở chỉ huy của tiểu đoàn này bị đánh ngay từ loạt đạn đầu, các mũi nhọn của từng tổ đập lên xác địch, diệt hết mục tiêu này đến mục tiêu khác.

Mũi 1: bốn tổ của Đại đội 1/200C đang ở tư thế chờ sẵn, cùng lúc đánh vào Sở chỉ huy Trung đoàn 44, khu nhà cổ vấn Mỹ, khu thông tin và một tổ mở rào phát triển qua khu cơ giới. Địch bị bất ngờ trước lối đánh luồn sâu ém sẵn, phát triển nhanh của 200C, xác địch

(1) Theo "Sổ tay Chính trị viên" của đồng chí Võ Đức Nhi, Chính trị viên trận đánh thì trận Sông Mao lần 1 xảy ra vào đêm 25 rạng ngày 26 tháng 12 năm 1968.

còn nằm trên giường ngủ và trên đường chạy ra hầm, máy móc khu thông tin và phần lớn các lô cốt và hầm hố khu cố thủ bị đánh sập.

Mũi 3: bốn tổ của Đại đội 5 240 phút đầu đã đánh sập hai lô cốt và tiến công vào trận địa pháo binh, phá hủy hai pháo 105 ly, 155 ly và một cối 106,7 ly. Mũi 4: năm tổ của Đại đội 2/200C cùng lúc đánh vào các dãy nhà khu huấn luyện, địch ở đây không kịp đối phó, hoảng hốt chạy tung tóe về phía nhà thờ phật và vượt qua rào ra khu phố.

Trận địa cối 82 ly của Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 240 những phút đầu đã bắn dồn dập chính xác vào khu vực bãi xe tăng, phủ lên một màn lửa khói đen ngịt ở khu vực này, một tốp xe tăng rồ máy chạy ra đường Sông Mao và ngã ba Nhà Đền bị mìn và B41 của Tiểu đoàn 240 bắn cháy một chiếc và tốp xe tăng này tháo lui về phía ga Sông Mao, thì cũng vừa đúng lúc pháo, cối của ta chuyển làn ra hướng này. Tại đồn số 3 tây bắc sân bay, địch ngoan cố chống cự, nhưng sau 30 phút ĐKZ75 ly và B41 của ta kèm chế chính xác, sập một góc lô cốt và địch không liên lạc được với căn cứ Sông Mao nên đã tháo chạy.

Khu vực Nhà Đền, Xóm Cà Giây, sau 20 phút chiến đấu, địch đã bỏ chạy về phía chi khu Hải Ninh và Đại đội 1 Tiểu đoàn 240 làm chủ khu vực này.

Toàn bộ căn cứ Sông Mao chìm ngập trong bão lửa, tiếng nổ liên tục kéo dài, ánh lửa chớp giạt của 45 khẩu B40, B41 với 300 đạn, tám cối 60 ly ứng dụng 350 đạn, bốn cối 82 ly và 250 đạn cùng với 1.200 đạn pháo cầm

tay (bộc phá ném và thủ pháo) của 20 tổ, đội đặc công và các bộ phận hỏa lực đã dồn dập trút chính xác vào căn cứ Sông Mao, làm cho địch không kịp đối phó. Tất cả các khu vực đều bị đánh, các mục tiêu chủ yếu Sở chỉ huy Trung đoàn 44, căn cứ hành quân bị đánh ngay từ phía đầu. Chi đoàn tăng 4/8 bị pháo chế áp có hiệu quả.

Sau 40 phút chiến đấu, các khu vực của địch đều bị ta dứt điểm, các mũi tiếp tục tảo trừ thu dọn chiến trường và rút ra khỏi trận địa, vai lưng mang nặng chiến lợi phẩm, vui mừng chiến thắng. Trên đường về lại vị trí tập kết, các dũng sĩ Sông Mao đã quên cả mệt nhọc lúc đi nhanh, lúc chạy, đua với thời gian, vượt qua các trảng trống khi trời còn chưa sáng, mọi người không ngớt bàn tán về kết quả diệt địch, trận đánh nhanh gọn, ta chỉ bị thương 8 đồng chí.

Suốt trận đánh địch không có phản ứng nào, vì mất liên lạc với Phạm Thiết. Gần sáng địch mới cho trực thăng từ Phan Thiết ra bắn phá xung quanh, đổ quân xuống căn cứ Sông Mao và cả ngày ngày 24 tháng 11 năm 1968 trực thăng Mỹ liên tục ra vào Phan Thiết-Sông Mao, giải quyết hậu quả và lữ 506 kỵ binh không vận Mỹ, đã phải rút bỏ cuộc càn vùng bắc Ma Lâm ra đối phó với tình hình ở đây, đồng thời địch điều Tiểu đoàn 4/44 còn lại ở Phan Thiết ra giữ Sông Mao.

Sáng ngày 24 tháng 11 năm 1968, trong lúc Ban chỉ huy trận đánh còn đang kiểm tra xác định với các mũi về số địch bị diệt, thì tại cuộc hội nghị Khu ủy 6 (phía đông bắc Cà Lon) đại úy Lợi, phó ban quân báo quân khu đã mang thông tin địch vừa nhận được qua

các đài kỹ thuật, báo tin trước hội nghị về sự thú nhận thiệt hại của địch: “0 giờ 30 phút ngày 24 tháng 11 năm 1968 Việt cộng tràn ngập căn cứ trung đoàn 44 Sông Mao, thiệt hại được coi là nghiêm trọng: tiểu đoàn 1, sở chỉ huy 44, chi đoàn 4/8 thiệt hại nặng nề, 700 quân huấn luyện biến mất”. Cả hội nghị hân hoan nổi lên những tràng pháo tay dài, ghi nhận một chiến công đặc sắc của toàn Quân khu, một chiến công với bao công sức và ý nghĩa của nó không những cổ vũ phong trào cách mạng ở địa phương, mà còn thiết thực tạo ra kinh nghiệm cho việc chỉ đạo tác chiến đánh địch trong công sự vững chắc, nhất là đánh hậu cứ lớn của địch và các dũng sĩ Sông Mao xứng đáng với vinh dự đó, trận đánh được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng hai.

Như vậy: Tiểu đoàn 840 hoạt động trên chiến trường Bình Thuận, chiến trường trọng điểm của Quân khu 6 (cuối 1966 đến cuối 1968). Thời kỳ Mỹ – ngụy bung ra đánh phá ác liệt, nhưng Tiểu đoàn 840 đã cùng với các tiểu đoàn bạn và lực lượng địa phương chủ động tiến công tiêu diệt từng đại đội, tiểu đoàn và chiến đoàn địch, đặc biệt đã đánh gãy thủ đoạn “trục thẳng đổ chụp” và tiêu diệt được xe tăng M41, M48 của Mỹ lập nhiều chiến công vang dội, nhất là Xuân Mậu Thân 1968 đã nêu tấm gương anh dũng, ngoan cường, đánh theo yêu cầu, độc đáo, sáng tạo trong cách đánh, đã tạo ra “một khí thế hào hùng, khí thế Mậu Thân” góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ của địch.

Chương bốn

LIÊN TỤC TIẾN CÔNG ĐÁNH PHÁ KẾ HOẠCH BÌNH ĐỊNH LÀM THẤT BẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA MỸ - NGỤY TRÊN CHIẾN TRƯỜNG BÌNH THUẬN, NINH THUẬN (1969-1972)

I. XUÂN 1969, BẮC PHAN THIẾT

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta trong Tết Mậu Thân đã làm đảo lộn mọi tính toán của địch trên chiến trường, đẩy chiến lược “chiến tranh cục bộ” vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Quốc hội và nhân dân Mỹ chán chường, tuyệt vọng; mâu thuẫn trong nội bộ bọn cầm quyền phát triển mạnh, mâu thuẫn giữa nhân dân Mỹ và chính quyền Mỹ ngày càng gay gắt, buộc chính quyền Mỹ phải thay đổi về chính sách chiến tranh:

– Ngừng ném bom hoàn toàn trên toàn miền Bắc Việt Nam.

- Từng bước “phi Mỹ hóa” cuộc chiến tranh chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Pa-ri.

- Cho triển khai nốt số quân trong kế hoạch bổ sung nhằm giữ tinh thần cho quân ngụy, giữ cho tình hình không xấu thêm để làm hậu thuẫn cho cuộc đàm phán ở Paris.

Những quyết định trên nhằm từng bước rút quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam nhưng vẫn giữ được chính quyền tay sai Nguyễn Văn Thiệu dưới chế độ thực dân mới của Mỹ.

Vừa mới nhận chức tổng thống, Ních-xơn và tập đoàn hiếu chiến, phản động lập tức điều chỉnh lại chiến lược “phi Mỹ hóa” của Giôn-xơn thành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” nhằm thực hiện ba mục tiêu: Hủy diệt, giành dân và bóp nghẹt. Chuyển hướng chiến lược quân sự từ hai gọng kìm “tìm diệt” sang “quét và giữ”. Tích cực xây dựng quân ngụy để thay dần quân Mỹ, lấy “bình định” làm biện pháp chủ yếu. Với các kế hoạch bình định cấp tốc, bình định đặc biệt, bình định phát triển, bình định củng cố nhằm giành dân, ngăn chặn và đẩy ta ra xa. Vào những tháng cuối năm 1968, địch đã thay đổi về chiến lược, thay đổi binh khí kỹ thuật, thay đổi cách đánh. Riêng ở Bình Thuận, Mỹ tăng quân bung ra càn quét, đóng chốt một số nơi trong vùng giải phóng như chốt cứ điểm Tà Dôn có chiến đoàn 1/50 thiết xa vận, một Tiểu đoàn pháo chín khẩu, lập đài quan sát trên đỉnh núi. Bố trí trận địa pháo Tân Nông chín khẩu. Trận địa pháo Nông Cà Tang sáu khẩu, trận địa pháo Kim Ngọc sáu khẩu. Một số trung đội pháo binh bố trí ở

các điểm Trinh Tường hai khẩu, Ngã Hai hai khẩu, Ma Lâm hai khẩu, Gộp hai khẩu. Căn cứ Lương Sơn có từ một đến hai đại đội bộ binh cơ giới làm nhiệm vụ cơ động hỗ trợ cho các cụm dã chiến Tà Nung, Cây Táo trên trục đường quốc lộ số 1. Phía Bắc có từ một đến hai chi đội của chi đoàn 4/8 và 2/1 của Lữ đoàn 506 Mỹ phái ra. Riêng căn cứ Sông Mao thường xuyên có một tiểu đoàn cùng với sở chỉ huy trung đoàn 44 và sở chỉ huy nhẹ sư đoàn 23 ngụy, một chi đoàn xe bọc thép 2/8, một trận địa pháo 105 ly và 106,7 ly. Với thế triển khai bố trí trên, từ hè 1969 vùng đồng bằng ven biển Bình Thuận, nhất là đường số 1 đoạn vòng cung từ Phan Thiết đến Phan Rí, địch tập trung trên 300 xe tăng, 67 pháo với phần lớn máy bay của lữ 506 kỵ binh không vận Mỹ nhất là sự xuất hiện của chiến đoàn 1/50 bộ binh cơ giới - pháo với lối đánh trực thăng - cơ giới - pháo (hỏa lực phi, pháo bắn chuẩn bị chế áp ngăn chặn, bộ binh cơ giới thực hành bao vây đột kích). Ở vùng giáp ranh căn cứ rừng núi; tăng cường phi pháo và biệt kích theo lối sâu đo dũi dần ra. Song song với biện pháp quân sự, địch bắt đầu gom dân vào các khu tập trung nhỏ hẹp, kiểm soát việc đi lại của dân chúng rất nghiêm ngặt.

Tháng 10 năm 1968, Hội nghị Trung ương cục miền Nam đề ra nhiệm vụ trước mắt "Tiếp tục tiến công và nổi dậy". Tháng 11/1968, hội nghị Khu ủy 6 đề ra nhiệm vụ: Tranh thủ thời gian, đẩy mạnh hoạt động tiến công, quyết tâm giành cho được vùng ven thị xã, vùng yếu nông thôn....

Trên thực tế ta đang có rất nhiều khó khăn, tổn thất không nhỏ sau các đợt Tổng tiến công, quân số

thiếu hụt chưa kịp bổ sung và đặc biệt là hậu quả của sự chậm trễ về chuyển hướng hoạt động đã làm ta mất thế ở địa bàn vùng nông thôn. Vì vậy khi chuẩn bị bước vào đợt Xuân 1969, đợt phối hợp toàn Miền. Quân khu 6 đã tập trung sức vào trọng điểm Bình Thuận. Các tiểu đoàn bộ binh gài thế đánh địch đi giải tỏa, chi viện trên các trục đường giao thông số 8, số 1 bắc Phan Thiết để gây áp lực mạnh mẽ vào thị xã, tạo thuận lợi cho việc mở rộng vùng nông thôn như:

Tiểu đoàn 186 quân khu mới vừa chuyển từ chiến trường Tuyên Đức xuống Bình Thuận đã cùng với Tiểu đoàn 240 quân khu ngày 8 tháng 1 năm 1969 cắt đường số 1 chặn đánh thiệt hại hai đại đội biệt kích Lương Sơn đi giải tỏa đoạn cầu Vĩ bắc Phan Thiết 32 ki-lô-mét. Ngày 16 tháng 1 năm 1969, Tiểu đoàn 482/Bình Thuận và Tiểu đoàn 840 quân khu cùng với bộ đội địa phương phá ấp Bình An, đường 8 và chặn đánh thiệt hại hai đại đội địa phương quân đi giải tỏa.

Ngày 12 tháng 2 năm 1969 Tiểu đoàn 186 và 840 quân khu đánh cứ điểm Bà Hòe trên đường số 1 (bắc Phan Thiết 9 ki-lô-mét) và bố trí đánh viện từ Phan Thiết lên: mở đầu trận đánh Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn 186/ Quân khu do thượng úy Trương Văn Ngộ, chính trị viên phó Tiểu đoàn 186 chỉ huy, trong đêm đánh vào cứ điểm Bà Hòe không dứt điểm, đại đội 1/186 quân khu bố trí nam ấp Tùy Hòa từ sáng đến trưa ngày 12 tháng 2 năm 1969 đánh thiệt hại hai đại đội địa phương quân từ yếu khu Phú Long lên giải tỏa.

Tiểu đoàn 186 (thiếu) bố trí đông bắc động Tuy Hòa và Tiểu đoàn 840 quân khu bố trí rậm tre Mồ Côi-Hàm Nhơn với ý định địch đổ quân bằng trực thăng và cánh quân địch đi vòng từ đồi Trái Bí, Phước Thiện Xuân lên nhưng ở hướng đó địch không đi. Trong khi ấy Tiểu đoàn 3/506 kỵ binh không vận Mỹ đang hành quân càn quét vùng bắc Tân Nông, Tam Giác đã lật cánh qua đường 8, suốt Hội Nhơn về đường 1 để tăng viện cho cứ điểm Bà Hòe, 13 giờ ngày 12 tháng 2 năm 1969 đánh vào Đại đội 1/186 ở nam Tuy Hòa. Đại đội trưởng Tiến và chính trị viên Hùng chỉ huy đơn vị ngoan cường giữ vững trận địa đánh lùi nhiều đợt tiến công của địch phá hỏng hai xe tăng M41 và đánh thiệt hại một đại đội Mỹ, nhưng trận chiến đấu không cân sức nên gần chiều tối đại đội rời khỏi trận đánh rút về phía đông Tuy Hòa.

Trận đánh có quy mô trên đặt dưới sự chỉ đạo của đại tá tư lệnh quân khu kiêm chỉ huy trưởng tiền phương quân khu mà người thừa lệnh là trung tá Phạm Văn Kha, chỉ huy phó tiền phương quân khu cùng với đại úy Nguyễn Khuê, tác chiến quân khu và đại úy Trần Văn Nguyên, chính trị viên Tiểu đoàn 186. Do phán đoán địch không đúng, nhất là phán đoán về quân Mỹ, cho rằng đánh điểm động Bà Hòe và đánh viện nhỏ ở nam Tuy Hòa thì địch sẽ dùng trực thăng đổ quân vào Rẫy Thơm hoặc đi vòng từ phía rậm tre Mồ Côi lên, nên đã xây dựng phương án không thích hợp, dành gần hết lực lượng bố trí đón đánh địch ở hướng đó, xa đường số 1 rất khó cơ động. Trận đánh tuy chưa giành được thắng lợi trọn vẹn, nhưng ta cũng đã diệt trên 300 tên địch, có hàng chục tên Mỹ, bắn rơi sáu trực thăng, bắn cháy hai

xe tăng M41.

Từ những tháng cuối 1968, trên chiến trường Bình Thuận địch đã giảm dần trực thăng đổ quân mà tăng cường bộ binh cơ giới một cách đáng kể. Việc xe tăng cơ động từ đường số 8 qua cánh đồng Hội Nhơn vào đầu mùa khô 1968 - 1969 không có gì khó khăn là điều dễ hiểu, vì từ những thay đổi binh khí kỹ thuật sẽ dẫn đến thay đổi cách đánh. Vấn đề này ta chưa nhạy bén, nắm bắt, nên phán đoán địch và bố trí thế trận không đúng, nhưng dù sao thì những trận đánh trên cũng giúp cho Bộ Chỉ huy tiền phương quân khu tổ chức nắm địch và đánh giá tình hình một cách có hệ thống hơn.

Để phối hợp chung với toàn Miền, Quân khu có kế hoạch mở đợt hoạt động Xuân 1969:

Thực hiện kế hoạch trên, đêm 21 rạng ngày 22 tháng 2 năm 1969, với 36 chiến sỹ đặc công của Đại đội 5 Tiểu đoàn 840 cùng với 34 đặc công của Đại đội 1 Tiểu đoàn 481 và 15 đặc công của Tiểu đoàn 482 Bình Thuận do đồng chí Nguyễn Hội, Hồ Mên, Nguyễn Minh (Minh Hú) chỉ huy tập kích vào chiến đoàn 3/506 kỵ binh không vận Mỹ ở Cánh E-sé-pic, một căn cứ hành quân hỗn hợp nằm trên dãy đồi thấp thoải sát bờ biển phía tây nam Phan Thiết 4 ki-lô-mét. Trận đánh được chuẩn bị khá công phu, ta từ căn cứ Hàm Thuận vượt qua đường số 1, tây nam Phan Thiết 18 ki-lô-mét, lội qua bưng Kò Kè ém quân tại núi Bà Hòn và từ đó hành quân tiềm nhập vào căn cứ địch, 24 giờ ngày ngày 21 tháng 2 năm 1969 các chiến sỹ đặc công của Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 481, Tiểu đoàn 482 đã mở xong rào và đưa lực

lượng áp sát vào mục tiêu được phân công, 0 giờ 20 phút ngày 22 tháng 2 năm 1969, bảy tổ của ba mũi đặc công đồng loạt nổ súng đánh vào sân bay trực thăng. Sở Chỉ huy, khu chuyên viên, điện đài, ra đa, trận địa pháo, nhà lính và khu kho. Sau 40 phút chiến đấu ta diệt và làm bị thương gần 500 tên địch, phá hỏng 11 máy bay, 12 pháo, 12 xe quân sự, có 2 xe tăng M41 và nhiều nhà cửa, lô cốt, kho đạn, kho xăng dầu bị nổ tung và bốc cháy mãi đến 8 giờ sáng ngày hôm sau. Thắng lợi trên được Bộ Chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhì. Nhiều cán bộ chiến sỹ được tặng bằng khen, giấy khen.

Cùng ngày 22 tháng 2 năm 1969, Tiểu đoàn 840 quân khu và Tiểu đoàn 482 Bình Thuận cùng với lực lượng vũ trang địa phương do trung tá Phạm Văn Kha, chỉ huy phó tiền phương quân khu chỉ huy đánh phá ấp Bình Lâm và bố trí đánh địch đi giải tỏa trên trục đường số 8. Mở đầu du kích Hàm Hưng chặn đánh một trung đội địa phương quân mở đường ở Láng Sạn, sau đó đại đội địa phương quân 283 đến giải tỏa đã lọt vào trận địa phục kích bị ta đánh thiệt hại nặng. 11 giờ cùng ngày, hai đại đội địa phương quân 300 và 570 đến ứng cứu lại lọt tiếp vào trận địa ta, tiếp theo hai đại đội thuộc Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 44 cùng 4 xe tăng M41 từ Phan Thiết lên cứu nguy, bị ta chặn đánh dữ dội ở tây nam ấp Bình Lâm. 15 giờ chiều, trực thăng Mỹ đổ quân xuống đông nam ấp Bình Lâm cũng bị ta chặn đánh. Trận đánh kéo dài suốt cả ngày, nhưng nhờ ta khéo che giấu lực lượng, lần lượt cho xuất kích đánh tiêu diệt và thiệt hại nặng từng đơn vị địch từ địa phương quân đến chủ

lực ngụy và Mỹ.

Sau khi Chiến đoàn 3/506 kỵ binh không vận Mỹ bị đánh đau ngay trong hậu cứ Căng E-sê-pic, các ấp trên trục đường 8 bị phá, các đại đội địa phương quân và Tiểu đoàn 4/44 bung ra giải tỏa bị đánh thiệt hại nặng. Vùng tây bắc thị xã Phan Thiết bị uy hiếp. Chiều ngày 22 tháng 2 năm 1969, địch vội vã điều tiểu đoàn 1/44 và chi đoàn 4/8 thiết xa vận từ Sông Mao vào ứng viện, nhưng khi đến Bàu Sen, cách Phan Thiết 34 ki-lô-mét, về hướng bắc thì lọt vào trận địa phục kích vận động của Tiểu đoàn 186 và Tiểu đoàn 240, trận đánh diễn ra quyết liệt suốt cả buổi chiều, kết quả ta đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 1/44, chi đoàn 4/8 phá hỏng 35 xe quân sự có năm xe tăng, bắn rơi hai máy bay trực thăng.

Cũng trong ngày 22 tháng 2 và những ngày tiếp theo, Đại đội 130 (hỏa lực quân khu) và đại đội trợ chiến của tỉnh Bình Thuận đánh H12, ĐKZ 75 ly và cối 82 ly nhiều lần vào tiểu khu Bình Thuận, Căng E-sê-pic, trận địa pháo Tân Nông, Nồng Cà Tang gây cho địch nhiều thiệt hại.

Sau đợt tập trung này, tiểu đoàn 186 chuyển xuống hoạt động ở vùng Tuy Hòa - Phú Long và trục đường Phú Hải - Mũi Né. Tiểu đoàn 840 và 240 chuyển ra hoạt động mảng Bắc Bình.

Những hoạt động vào đợt Xuân 1969 đã gây nhiều thiệt hại cho địch, nhất là lực lượng cơ động ứng cứu, tuy những trận đánh trên không diễn ra ồ ạt như Tết Mậu Thân nhưng đạt hiệu quả khá lớn về nhiều mặt, hỗ trợ đắc lực cho phong trào cách mạng của địa phương phát

triển lên bước mới. Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu đã chỉ đạo thành công trong việc bày thế trận, gài kéo địch theo ý định của người chỉ huy, nhất là dày công chuẩn bị, xây dựng, huấn luyện bộ đội và sử dụng lực lượng sát với điều kiện cụ thể của chiến trường. Cán bộ, chiến sỹ cũng rút ra được nhiều kinh nghiệm quý báu trong Xuân 1969 và nhất là xây dựng được phương án tác chiến phù hợp, xây dựng quyết tâm cao trong mỗi trận chiến đấu.

II. HÈ THU 1969 Ở BẮC BÌNH

Hội nghị Khu ủy 6 nhận định “các đợt tiến công của ta có gây cho địch thiệt hại về sinh lực và phương tiện chiến tranh, hạn chế phần nào âm mưu đánh phá, bình định của địch”. Tuy nhiên trước âm mưu thủ đoạn mới của địch ta chưa kịp chuyển chỉ đạo đấu tranh thích hợp, vẫn nặng về đánh tập trung tiêu diệt các lực lượng cơ động, chưa chú trọng đúng mức các lực lượng kèm và hỗ trợ kèm tại xã ấp.

Dựa vào hệ thống chốt điểm dày đặc, địch thực hiện bình định lấn chiếm xúc dân vào các khu đồn quyết liệt hơn. Có thể nói ngay từ đầu năm 1969 địch thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” tương đối có hiệu quả, do đó đã gây cho ta những tổn thất không nhỏ. Năm 1969, cũng là năm đầu tiên quân dân Khu 6 chống “Việt Nam hóa chiến tranh” quyết liệt nhất, giành giật với địch từng tấc đất, từng xóm làng. Lực lượng vũ trang đã kiên cường chiến đấu và giành nhiều thắng lợi vang dội.

Bước vào Hè Thu 1969, quân khu chuyển hướng hoạt động ra Bắc Bình Thuận nhằm phá thế ngăn chặn,

căng kéo địch để mở rộng vùng nông thôn. (Cùng với thời gian trên quân khu bổ sung đồng chí thượng úy Lê Công Kinh về làm Tiểu đoàn trưởng 840.

Ngày 11 tháng 5 năm 1969, 24 đặc công của Tiểu đoàn 840, 16 đặc công của Tiểu đoàn 240 và 8 đặc công của huyện Hòa Đa⁽¹⁾ do đại úy Trần Thọ, Tham mưu trưởng tiền phương Quân khu và thượng úy Nguyễn Trung Việt, tiểu đoàn phó 840 chỉ huy đánh vào căn cứ Sông Mao lần 2. Sau 35 phút chiến đấu, các chiến sỹ đặc công đã đánh thiệt hại hai đại đội của Tiểu đoàn 2 và Sở Chỉ huy Trung đoàn 44, một đại đội địa phương quân, một đại đội thám sát, làm nổ tung kho đạn và đốt cháy đoàn xe chở đạn, quân trang từ Nha Trang vào, diệt 400 tên.

Ngày 12 tháng 5, Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 240 Quân khu do đại úy Phạm Văn Tý, chính trị viên, thượng úy Lê Công Kinh, Tiểu đoàn trưởng 840 chỉ huy, bố trí đánh địch giải tỏa khu vực Liêm Bình trên trục đường số 1, đoạn giữa chi khu Phan Lý, Hòa Đa. Nhưng do bị lộ ngay từ đầu nên chi đoàn thiết vận xa từ Sông Mao ra đã dừng lại trước cánh đồng gần chi khu Phan Lý, chờ cho máy bay trực thăng phóng pháo đến bắn phá vào trận địa, sau đó xe tăng dùng hỏa lực từ xa đánh vào chính diện, một cánh xe tăng khác đột kích bên sườn của Tiểu đoàn 240. Trận đánh diễn ra quyết liệt suốt cả ngày trong điều kiện ta bố trí đội hình phục kích độn thổ, công sự sơ sài, tổ chức biên chế và trang bị

(1) Số liệu đăng ký tác chiến Quân khu 6-số 715 BM lưu trữ tại Phân viện Lịch sử Bộ Quốc phòng

đánh xe tăng cũng rất hạn chế. Tuy ta có đánh thiệt hại hai đại đội địch, đánh hỏng năm xe tăng, bắn rơi một máy bay trực thăng, nhưng ta thương vong lớn, (22 cán bộ, chiến sỹ hy sinh.)

Sau trận tổn thất ở Liêm Bình, Tiểu đoàn 840 quay về củng cố, tổ chức rút kinh nghiệm, học tập chính trị, huấn luyện quân sự và chuẩn bị cơ sở vật chất cho đợt hoạt động tới. Ngày 27 tháng 5 Tiểu đoàn ra quân phối hợp với Tiểu đoàn 240 quân khu do Phạm Văn Tý chính trị viên và Trần Bá Ngật tiểu đoàn phó 840 chỉ huy bố trí trận địa phục kích vận động khu vực Dốc Cúng trên đường số 1 đoạn giữa Phan Rí – Long Hương. Trận đánh được rút kinh nghiệm từ trận Liêm Bình 12/5, nên đã bố trí đội hình đánh tăng và có công sự chốt trụ vững chắc, lại được tăng cường hai pháo chống tăng của Đại đội 130 quân khu và đạn cối 82 ly khá dồi dào. Mặc dù địch có đề phòng, phi pháo dọn đường, rải quân chốt đường nhưng chi đoàn thiết xa vận Mỹ vẫn đi vào trận địa và đã bị ta đánh thiệt hại nặng, phá hỏng 13 xe có năm xe tăng M41. Ngày 7 tháng 7 năm 1969, có 49 đặc công của Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 240, Tiểu đoàn 186 quân khu đánh vào căn cứ Lương Sơn nằm sát bờ nam Sông Lũy. Trận đánh được chuẩn bị khá công phu, công tác tổ chức hiệp đồng tỉ mỉ, chặt chẽ, chỉ sau 35 phút chiến đấu ta đã đánh thiệt hại căn cứ này, phá hỏng 12 xe bọc thép trong đó có bốn xe tăng M41, một pháo 105 ly, bắn

rơi một trực thăng.

Ngày 20 tháng 7 năm 1969, Tiểu đoàn 840 do đồng chí Lê Công Kinh, tiểu đoàn trưởng, Quách Toàn Quang, chính trị viên⁽¹⁾ và Nguyễn Lãnh (Quốc Hải) tham mưu tiểu đoàn chỉ huy. Bố trí phục kích vận động trên đường số 1 đoạn dốc Hội Long (Hội Tâm) chặn đánh đoàn xe địch từ Phan Rang đi Sông Mao. Trận đánh đã tiêu diệt được nhiều sinh lực địch. Phá hủy 27 xe có bốn tăng M41. Nhưng trên đường rút quân trực thăng địch đuổi theo và đổ quân xuống khu vực Bàu Le, cùng thời gian xe tăng địch từ Sông Mao kẹp theo trục đường sắt tiến vào.... ta đánh trả quyết liệt bắn rơi ba trực thăng và bắn cháy thêm hai xe tăng. Về ta hy sinh bảy đồng chí trong đó có đồng chí thượng úy Lê Công Kinh, Tiểu đoàn trưởng 840.

Để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đánh tiêu diệt và làm thiệt hại nặng sinh lực địch, phá thủ đoạn ngăn chặn và tiếp ứng bằng thiết xa vận của Mỹ, hỗ trợ cho phong trào phá ấp, mở vùng, làm chủ nông thôn như nghị quyết Khu ủy 6 vào tháng 5 năm 1969 đã đề ra. Lực lượng vũ trang quân khu tỉnh, huyện liên tiếp đột áp vũ trang tuyên truyền, vận động nhân dân bung về đất cũ làm ăn. Nhờ vậy nhiều gia đình tìm mọi cách bám lại ruộng đất bất chấp bom pháo địch bắn phá. Ngày 15 tháng 7 năm 1969 một đoàn xe địch từ Giếng Chanh lên

(1) Từ giữa năm 1969 cán bộ Tiểu đoàn 840 có sự thay đổi, đồng chí Phạm Văn Tý, về Phòng Chính trị Quân khu 6, đồng chí Quách Toàn Quang, làm Chính trị viên và sau khi đồng chí Lê Công Kinh hy sinh, đồng chí Lê Trung Việt làm Tiểu đoàn trưởng 840.

ủi phá cánh đồng thôn I xã Hồng Sơn. Đồng chí Nguyễn Thị Bính, Phó bí thư xã vận động hơn 50 chị em phụ nữ ra giảng hàng ngang chặn xe địch. Trước lý lẽ kiên quyết, có lý, có tình, bọn Mỹ đã chịu quay đầu xe chạy về lại căn cứ.

Ở Hàm Chính ông Bảy Hiệu cởi áo nằm chặn đầu làm 10 chiếc xe bọc thép Mỹ phải quay lùi không chạy băng qua cánh đồng lúa của bà con. Chị Hai Mãn, chị Ba Liêng, chị Ba Sách dẫn đầu đoàn 20 chị em ở ấp Bình Lâm lên quân Thiệt Giáo đấu tranh đòi địch không được bắn pháo vào xóm làng. Tên quận trưởng hốt hoảng chối quanh đổ lỗi cho Mỹ bắn chứ không phải lính của hắn...

Để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào Hàm Thuận. Quân khu quyết định tập kích vào căn cứ Sông Mao lần 3. Nhiệm vụ được giao cho ba đại đội đặc công của ba Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186 và Tiểu đoàn 240 thực hiện. Đêm 1 tháng 8 năm 1969, sau 30 phút chiến đấu ta đã đánh thiệt hại nặng ba đại đội và Sở Chỉ huy trung đoàn 44 nguy. Diệt và bắn bị thương 450 tên, đánh sập sáu lô cốt, ba hầm ngầm, phá hủy hai pháo 105 ly, đánh hỏng nặng sáu xe quân sự, có ba xe tăng, đốt bốn tấn đạn thu 34 súng các loại. Ta hy sinh ba, bị thương sáu đồng chí.

Tiếp theo ngày 21 tháng 8, vẫn lực lượng trên đánh bồi vào căn cứ Sông Mao lần thứ 4, làm thiệt hại hai đại đội và trận địa pháo, diệt 150 tên. Đây là sự thành công của các đơn vị đặc công quân khu đánh vào một căn cứ lớn của địch với nhịp độ dày và liên tục giành thắng lợi.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân dân Khu 6 cũng như cả nước đang bước qua những năm tháng đầy khó khăn thử thách, bước đầu giành lại được thế đứng trên chiến trường, thì đài tiếng nói Việt Nam thông báo tình trạng sức khỏe của Bác. Những ngày này cán bộ, chiến sỹ trong tiểu đoàn ai cũng bồn chồn lo lắng. Mọi hoạt động của đơn vị đều diễn ra âm thầm lặng lẽ nhưng cũng rất khẩn trương. Sáng ngày 4 tháng 9 đài tiếng nói Việt Nam thông báo Bác từ trần. Một tổn thất lớn lao đến với mọi người. Cả tiểu đoàn không ai cầm được nước mắt, quyết biến đau thương thành hành động cách mạng, kiên quyết xông lên, đập bằng mọi khó khăn gian khổ, thực hiện lời dạy của Bác: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” để xứng đáng với muôn vàn tình thương yêu của Bác.

Ngày 5 tháng 9 năm 1969, Tiểu đoàn 840 cùng với Tiểu đoàn 240 quân khu, do thượng úy Quách Toàn Quang, chính trị viên, thượng úy Trần Bá Ngật, Tiểu đoàn phó và Nguyễn Lãnh (Quốc Hải), Tham mưu trưởng Tiểu đoàn 840 chỉ huy bố trí phục kích vận động khu vực Bàu Đá (gần trận địa Dốc Cúng cũ) chặn đánh đoàn thiết xa vận địch từ Vĩnh Hảo về Hòa Đa. Trận đánh diễn ra trong lúc địch có phi pháo dọn đường và ba xe tuần thám đi đầu đã vượt qua khỏi trận địa. Do tính toán tốc độ xe và cự ly vận động không ăn khớp nên khi bộ đội xuất kích ra đường không có địch, chính trị viên Quang và tiểu đoàn phó Ngật cho bộ đội lui vào cách đường 30 mét chờ địch và 10 phút sau đoàn thiết xa vận đi vào trận địa của ta mà không hề hay biết gì. Ta chủ động nổ súng dồn dập, chỉ 30 phút đã đánh thiệt hại

nặng đoàn xe này, diệt tiểu đoàn 1 (thiếu) của trung đoàn 44 nguy, phá hủy 25 xe quân sự, có bảy xe bọc thép, bắn rơi ba máy bay trực thăng.

Trận đánh trên đã giành thắng lợi lớn góp phần cùng lực lượng vũ trang quân khu hỗ trợ đặc lực cho phong trào cách mạng của Bình Thuận có bước phát triển mới.

III. NINH THUẬN CUỐI 1969

Hè thu 1969 do sức phản kích đánh phá của địch và sự hoạt động không đều của ta, nên địch đã tập trung phần lớn lực lượng vào chiến trường Bình Thuận, các nơi khác tương đối mỏng yếu và sơ hở. Do đó quân khu chủ trương: cơ động một bộ phận lực lượng ra chiến trường Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Tuy nhằm đánh một số trận tiêu diệt, làm đòn bẩy thúc đẩy phong trào địa phương phá ấp và căng kéo địch.

Thực hiện chủ trương trên: các Tiểu đoàn 482/Bình Thuận tiếp tục duy trì hoạt động vùng đất lửa đường 8-Tam Giác. Tiểu đoàn 186 quân khu hoạt động trên trục đường số 1- khu Lê đánh diệt cụm cơ giới ở Tà Nung, Tiểu đoàn 240 quân khu hoạt động phía Hòa Đa, Tuy Phong, Tiểu đoàn đặc công 200C quân khu chuyển quân từ Bình Thuận lên Lâm Đồng đánh trận Di Linh (ngày 23 tháng 9 năm 1969) sau đó tiếp tục đánh trận Tân Rây và Di Linh lần 2. Tháng 10 năm 1969 Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 33 Miền từ Long Khánh ra Bình Tuy hoạt động trên đường 3 nhằm hỗ trợ cho phong trào và tiến hành công tác chuẩn bị chiến trường cho trung đoàn ra hoạt động.

Đầu tháng 11 năm 1969, Tiểu đoàn 840 chuyển ra Ninh Thuận cùng với lực lượng tỉnh mở đợt hoạt động vùng Thuận Nam – An Phước (nam Phan Rang). Đợt hoạt động này do thượng tá Phan Văn Hược, Phó chính ủy quân khu, Bảy Tâm, Bí thư tỉnh ủy Ninh Thuận, thiếu tá Bồ Xuân Hội, Tỉnh đội trưởng Ninh Thuận và đại úy Phạm Văn Tý, phái viên Phòng chính trị quân khu nguyên Chính trị viên Tiểu đoàn 840 chỉ huy. Trên đường đi từ Sở Chỉ huy quân khu đến suối Cà Dây gặp lúc nước từ trên các suối dốc đứng đổ xuống mạnh tạo lũ lụt lớn ập đến bất ngờ cuốn trôi thượng tá Hược và một chiến sĩ bảo vệ hy sinh. Thượng tá Phan Văn Hược thuộc lớp cán bộ kỳ cựu, một trong những người xây dựng lực lượng vũ trang và chiến đấu từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp ở cực Nam Trung Bộ, năm 1954 tập kết ra Bắc làm Chính ủy Trung đoàn 812/ Sư đoàn 324 và năm 1959 trở về Nam chiến đấu làm Trưởng Ban quân sự Liên tỉnh 3 và Phó chính ủy kiêm Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 6, giàu kinh nghiệm về công tác chính trị trong quân đội, rất mực tin yêu cán bộ chiến sĩ của mình, gương mẫu trong chiến đấu và cả trong cuộc sống riêng tư. Được tin ấy, mọi người vô cùng thương xót. Để kịp chỉ huy chỉ đạo, Quân khu đã bổ sung trung tá Phạm Văn Kha, Tham mưu phó Quân khu ra làm Chỉ huy trưởng cho đợt hoạt động.

Vùng Thuận Nam, Ninh Thuận nằm trên trục đường quốc lộ 1 và đường sắt Bắc – Nam đoạn từ nam Phan Rang vào đến Cà Ná. Vùng này, mé biển có núi Chà Bang, mũi Dinh, phía tây nối liền với rừng núi vùng căn cứ giải phóng huyện Anh Dũng. Nhân dân trong

vùng vốn có truyền thống cách mạng, có phong trào cơ sở khá mạnh. Dân cư ở đây cả Kinh, Thượng và Chăm cư trú xen lẫn nhau, nhưng vẫn hình thành từng xã ấp riêng, người Kinh cư trú vùng thị trấn Phú Quý, trục đường số 1 và ven biển, người Raglai ở vùng núi giáp huyện Anh Dũng, người Chăm dọc trục đường số 1 và đường sắt từ Tháp Chàm vào, chuyên làm ruộng rẫy, buôn bán và một số nghề thủ công truyền thống dệt vải hoa, đan lát, làm ruộng muối, đánh bắt cá, đoàn kết chăm chỉ làm ăn, thương yêu cách mạng có nhiều con em tham gia kháng chiến, nhưng ngại chiến tranh đổ máu. Một số rất ít còn nhẹ dạ bị bọn phản động tuyên truyền, lừa bịp gây hận thù dân tộc như: tổ chức “đêm khóc mất nước” liên kết với bọn Fulro, lực lượng biệt kích người Thượng mang phiên hiệu “nhà sàn” phía Tuyên Đức chống đối cách mạng. Về địch: chi khu An Phước có một đại đội địa phương quân, ba trung đội nghĩa quân, các xã ấp có từ hai đến bốn trung đội nghĩa quân. Trung tâm huấn luyện An Phước, tiểu khu Ninh Thuận thường xuyên có bốn đại đội địa phương quân, một chi đội xe bọc thép. Trung đoàn 44/ Sư đoàn 23 ở Sông Mao (cơ động chung cho cả Bình Thuận, Ninh Thuận) cách An Phước 80 ki-lô-mét, lực lượng không quân sân bay Thành Sơn có số lần phi vụ yểm trợ rất lớn cách An Phước 15 ki-lô-mét. Những tháng cuối 1969 địch bung xĩa ra đánh phá vùng giải phóng và tranh chấp khá gay gắt. Về ta, lực lượng vũ trang ở Ninh Thuận sau Tết Mậu Thân 1968 do hoạt động liên tục và kéo dài bị tiêu hao dần, chưa được bổ sung, hoạt động giảm sút, hiệu suất chiến đấu thấp (Tiểu đoàn 6210

chiến đấu dưới 100. Đại đội 314 đặc công quân số 30, Đại đội địa phương huyện An Phước quân số 30).

Mở đầu hoạt động ngày 15 tháng 11 năm 1969⁽¹⁾ Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn 840 và Đại đội đặc công 311 Ninh Thuận do thượng úy Nguyễn Trung Việt, Tiểu đoàn trưởng 840 và Đại đội trưởng Phước chỉ huy đánh vào trung tâm huấn luyện An Phước. Đây là trung tâm chuyên huấn luyện đào tạo cán bộ nghĩa quân cho các tỉnh đồng bằng ven biển Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận, thường xuyên có trên 800 học viên theo học. Trung tâm nằm trên một khuôn viên rộng lớn, có nhiều dãy nhà học viên thẳng tắp nối nhau, bao quanh khu sở chỉ huy và nhà sĩ quan huấn luyện. Xung quanh có hệ thống lô cốt và hàng rào dây thép gai phòng thủ khá vững chắc.

Từ vùng giáp ranh căn cứ Thuận Nam, các chiến sỹ đặc công phải vượt qua các cánh đồng và khu dân cư đông đúc bí mật gấp rút điều ~~nguyên~~ chuẩn bị chiến trường và khi thực hành trận đánh, phải chờ cho trời tối hẳn, các mũi đặc công mới hành quân bôn tập, tranh nhau với thời gian để kịp tiếp cận cắt rào, đưa lực lượng áp sát vào mục tiêu đúng giờ qui định.

0 giờ 25 phút ngày 15 tháng 11, tổ 1 của mũi chủ yếu tiếp tục tiến sát vào Sở Chỉ huy, địch phát hiện, tổ này liền nổ súng đánh chiếm khu trung tâm. Cùng lúc các tổ của cả ba mũi đều nổ súng dồn dập đánh

(1) Đăng ký tác chiến Quân khu 6-Lưu trữ viện Lịch sử-Bộ quốc phòng.

chiếm các mục tiêu phân công và phát triển vào các dãy nhà lính.

Trận đánh diễn ra chớp nhoáng, nhiều tên địch còn đang ngái ngủ đã bị diệt, nhiều tên chưa chạy kịp đến công sự đã trúng đạn ngã lắn. Chỉ hơn 40 phút chiến đấu, các chiến sỹ ta đã đánh thiệt hại nặng trung tâm này, diệt và làm bị thương trên 600 tên địch. Trận đánh được Bộ Chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba.

Phát huy thắng lợi, Tiểu đoàn 840 Quân khu và Tiểu đoàn 610 (thiếu) của Ninh Thuận phá ấp Nha Tiên Lễ ngày 25 tháng 11 và tổ chức phục kích vận động đánh quân ứng viện giải tỏa trên đường số 1 đoạn Phước Lập làm thiệt hại nặng hai đại đội địch⁽¹⁾.

Ngày 14 tháng 12 năm 1969(2), Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 610 phối hợp dưới sự chỉ huy của Phạm Văn Tý, phái viên chính trị quân khu làm Chính trị viên và Nguyễn Cúc, Tiểu đoàn phó 840 phá ấp Hữu Đức (tây nam Phan Rang) đã khéo bố trí che giấu lực lượng trụ

(1) Theo lời kể của đồng chí Phạm Văn Tý nguyên Chính trị viên Tiểu đoàn 840 thì trận phá ấp Nha Tiên Lễ và phục kích đánh địch ứng viện xảy ra trước trận đánh vào trung tâm huấn luyện An Phước và trận phá ấp Hữu Đức, trụ lại đánh địch phản kích xảy ra cùng thời gian với trung tâm huấn luyện An Phước (không nhớ rõ thời gian). Nhưng theo đăng ký tác chiến của Quân khu 6, danh sách liệt sỹ Tiểu đoàn 840 (hiện đang lưu trữ tại Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Thuận) và *Lịch sử kháng chiến* của tỉnh Ninh Thuận trận An Phước trước ngày 15 tháng 11 năm 1969, trận Nha Tiên Lễ ngày 25 tháng 11 và trận Hữu Đức ngày 14 tháng 12 năm 1969.

lại đánh quân giải tỏa, chờ địch đến gần lần lượt xuất kích tiêu diệt từng bộ phận quân địch.

Mở đầu trận đánh, ta sử dụng một bộ phận đột áp đánh thiệt hại hai trung đội nghĩa quân và bố trí trụ lại trong ấp. Còn đại bộ phận lực lượng bố trí thành ba cụm (điểm tựa, cụm điểm tựa) phía tây nam ấp Hữu Đức.

7 giờ sáng hôm sau, địch cho một đại đội địa phương quân từ chi khu An Phước lên giải tỏa, khi đại đội này chạm súng với bộ phận chốt của ta ở rìa ấp, Tiểu đoàn phó Cục và Chính trị viên Tý cho Đại đội 1 Tiểu đoàn 840 xuất kích đánh thiệt hại nặng đại đội địch. Sau đó ba đại đội địa phương quân và một chi đội thiết giáp từ Phan Rang vào ứng viện, khi đến ngã ba đường vào ấp Hữu Đức địch phân quân làm hai cánh: một đại đội địa phương quân và một chi đội xe thiết giáp tiến quân chậm chạp theo đường đất vào ấp có ý phô trương lực lượng. Cánh thứ hai gồm hai đại đội địa phương quân bí mật men theo bờ mương mở rộng cánh lên phía đông bắc đánh sang.

Mọi thủ đoạn của địch đều bị phát hiện, chờ cho địch tiến vào đánh chốt, đại úy Tý, thượng úy Cúc cho trận địa hỏa lực cối 82 ly và ĐKZ chi viện kèm chân cánh quân này, đại bộ phận lực lượng xuất kích vận động bao vây tiêu diệt cánh quân phía đông bắc ấp. Sau 45 phút chiến đấu, Tiểu đoàn 840 đã đánh thiệt hại nặng hai đại đội địa phương quân và chuyển sang đánh thẳng vào cán! quân phía nam ấp. Địch bị đánh từ hai phía, hỏa lực ngăn chặn, chế áp có hiệu quả một tuần thám trúng đạn bốc cháy, cả hai đội thiết giáp vội vã lui

ra ngoài tầm B40, B41 và khi biết cánh phía đông bắc bị ta tiêu diệt địch liền tháo chạy thẳng ra đường lớn, từ đó cho đến chiều tối bộ binh địch không dám mò vào, chỉ có máy bay trút bom đạn ác liệt và pháo địch bắn dữ dội xuống trận địa làm một số chiến sỹ ta hy sinh và bị thương. Sau những đợt bom, một số anh em ta định rút quân, nhưng nữ y tá Thanh bò đến từng công sự chiến đấu vừa băng bó vết thương cho chiến sỹ vừa động viên anh em bình tĩnh kiên trì chịu đựng: “Bộ binh địch không có khả năng mò vào đây, giỏi lắm cũng chỉ một, hai đợt bom pháo nữa là cùng. Ta cố gắng thêm tý nữa, chứ rút bây giờ thì sẽ bỏ lại thương binh tử sỹ”. Những lời nói thiết thực, thân thương ấy thực sự đã động viên cổ vũ anh em rất lớn. Toàn đơn vị quyết tâm bám công sự chiến đấu, chờ cho trời tối hẳn, mới tổ chức thu dọn chiến trường, lui quân về vị trí tập kết. Và cũng sau trận đánh này Tiểu đoàn 840 được lệnh hành quân về lại chiến trường Bình Thuận.

Hoạt động trên chiến trường Ninh Thuận thời gian ngắn nhưng với một tinh thần quyết chiến quyết thắng của một Tiểu đoàn chủ lực tập trung, cơ động được Quân khu chọn làm nòng cốt thử nghiệm các cách đánh. Tiểu đoàn 840 đã phối hợp với lượng vũ trang địa phương đánh phá kế hoạch bình định, tiêu diệt lực lượng kèm và hỗ trợ kèm đều có kết quả. Những trận đánh trên địa bàn huyện An Phước Ninh Thuận đã làm cho vùng này sôi động có lại được những ngày “khí thế Mậu Thân” và địch đã thực sự bị uy hiếp phải điều hai tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 44 và chi đoàn 2/1 thiết xa vận Mỹ từ Bình Thuận ra giải tỏa.

Có thể nói, tám năm trước cũng trên chiến trường Ninh Thuận khi còn là Tiểu đoàn 120 của Liên tỉnh 3 với những trận thắng vang dội như Cẩm Sơn, Dran năm 1961, Bác Ái năm 1962, rồi từ đó bước chân của cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 840 in dấu chân hầu khắp các địa phương trên chiến trường Khu 6. Theo thời gian, tên gọi của tiểu đoàn tuy có khác như: Tiểu đoàn 120; Tiểu đoàn 600 nhưng thực chất vẫn là một Tiểu đoàn 840 anh hùng. Một tiểu đoàn đã trải qua những năm tháng đầy gian lao thử thách, không ít cán bộ, chiến sĩ đã ngã xuống, nhưng những lớp người mới lại nối tiếp nhau lập nên những chiến công càng ngày càng vang dội hơn, to lớn hơn xứng đáng với truyền thống của mảnh đất Ninh Thuận kiên trung nơi mà Tiểu đoàn đã sinh ra và lớn lên, gắn bó với những năm đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

IV. CHIẾN TRƯỜNG BÌNH THUẬN XUÂN HÈ 1970

Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 1 tháng 1970 đề ra nhiệm vụ trước mắt: “Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân toàn dân trên cả hai Miền tiếp tục phát triển chiến lược tiến công một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ, đẩy mạnh tiến công quân sự và tiến công chính trị, kết hợp với tiến công ngoại giao, đánh bại âm mưu “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ...”

Cũng trong tháng 1 năm 1970 Khu ủy Khu 6 họp hội nghị đề ra nhiệm vụ mới: “Ra sức đẩy mạnh tiến công và xây dựng nhằm làm chuyển biến một bước cục diện chiến trường... tiến tới cao trào tiến công và nổi

dậy mạnh mẽ... tạo ra chuyển biến có tính chất nhảy vọt". Trước mắt mở đợt hoạt động Xuân Hè, lấy Bình Thuận làm trọng điểm, mở rộng vùng làm chủ Hoài Đức, Tánh Linh.

Về phía địch, để xúc tiến việc bình định nông thôn, phục vụ cho chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Ngay từ tháng 1 năm 1970, chúng đẩy mạnh các mặt hoạt động quân sự, chiến tranh tâm lý, dựa hẳn vào lực lượng quân sự và kế hoạch phòng thủ diện rộng để thực hiện. Sử dụng Trung đoàn 44 và Trung đoàn 53 Sư đoàn 23 đánh sâu vào các vùng căn cứ của ba tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng, Tuyên Đức, từ ngày 10 tháng 2 đến ngày 25 tháng 3 năm 1970 lấy tên là chiến dịch "Tứ Cường". Lữ đoàn 199 Mỹ đổ quân đóng chốt ở Võ Xu, Quang Hà, Núi Giang, tiến hành càn quét vùng Hoài Đức, Tánh Linh, Ma Lâm và khu Lê Hồng Phong. Bên trong lực lượng địa phương quân, nghĩa quân bung ra đánh phá vùng bàn đạp, vùng giáp ranh để ngăn chặn ta đồng thời liên tục hành quân canh sát, tăng cường bắt lính một cách ráo riết. Đẩy mạnh chiến dịch Phụng Hoàng nhằm thanh lọc, nắm từng người, từng gia đình, từng ấp để phân loại quần chúng và tiến hành truy phá cơ sở ta. Khẩn trương gom dân lập ấp một cách quyết liệt hơn. Tuy địch có rất nhiều nỗ lực, nhưng đã vấp phải sự chống đối quyết liệt của các phong trào đòi dân sinh dân chủ, đòi hòa bình của các tầng lớp nhân dân nhất là trong các thành thị, làm cho địch phải bị động đối phó. Mặt khác hệ thống ngục quyền về trung ương đến cơ sở bị xộc xệch, lực lượng "nhân dân tự vệ" ở xã ấp tan rã từng mảng sau những đòn tiến công của ta.

Bước vào Xuân Hè 1970, lực lượng ta trên chiến trường trọng điểm của Khu 6 có ba tiểu đoàn: Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186, Tiểu đoàn 240 và các lực lượng vũ trang của Bình Thuận. Ở Bình Tuy, có Trung đoàn 33 Miền với nhiệm vụ phối hợp với các lực lượng địa phương đánh phá tiêu diệt địch mở rộng vùng nông thôn Hoài Đức, Tánh Linh, chuẩn bị bàn đạp để phát triển vào vùng sâu của miền Đông Nam Bộ từ hướng đông. Để chỉ đạo hoạt động, chiến trường Bình Thuận đặt dưới sự lãnh đạo chỉ huy của Bộ Chỉ huy tiền phương quân khu do thượng tá Nguyễn Trọng Xuyên, Tư lệnh Quân khu làm Chỉ huy trưởng, thiếu tá Trần Thọ, Tỉnh đội trưởng Bình Thuận làm Chỉ huy phó, thiếu tá Phạm Hoài Chương, Chính trị viên tỉnh đội làm Phó chính ủy, đại úy Phạm Ty làm Tham mưu trưởng, thiếu tá Trần Văn Nguyễn, đại úy Phạm Văn Tý, phái viên chính trị Quân khu làm Chủ nhiệm và Phó chủ nhiệm Chính trị.

Mở đầu đợt hoạt động, Bộ Chỉ huy tiền phương quân khu sử dụng ba đại đội đặc công của ba Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186, Tiểu đoàn 240 và Đại đội 3 bộ binh của Tiểu đoàn 840 đánh vào căn cứ Trung đoàn 44 ở Sông Mao lần thứ 5. Các đại đội bộ binh còn lại của ba tiểu đoàn bố trí đánh địch giải tỏa, ứng viện chung quanh khu vực Sông Mao.

Từ 21 đến 23 giờ 30 phút đêm 30 tháng 3 năm 1970, các mũi đặc công đã triển khai tiềm nhập cắt rào và đưa lực lượng vào áp sát từng mục tiêu. Đúng 0 giờ 30 phút (ngày 31 tháng 3) tổ của Đại đội phó Luân và Trung đội trưởng Trung Đại đội 5 Tiểu đoàn 840 mũi chủ yếu của trận đánh, cùng các mũi khác đồng loạt nổ súng

dồn dập đánh chiếm các mục tiêu và phát triển thuận lợi. Riêng mũi bộ binh của Đại đội 3 Tiểu đoàn 840 vì ưu tiên cho các mũi đặc công nên khi nổ súng mới vượt qua khu phố mở đột phá đánh vào khu quân trấn.

Trận đánh diễn ra quyết liệt, sau 30 phút chiến đấu nhiều tốp xe tăng địch tiến ra phản kích, bịt kín cửa mở. Đại đội trưởng Đẩu, mũi trưởng mũi đặc công của Đại đội 5 Tiểu đoàn 840 hợp đồng với chính trị viên Thuyết Đại đội 3 Tiểu đoàn 840 tổ chức lực lượng và trực tiếp chỉ huy đánh xe tăng địch. Tổ chiến đấu của Sang, Việt đã bám được mục tiêu vừa chiếm, dùng B40, B41 bắn cháy bốn xe tăng địch. Tổ của Định cũng vượt lên, dùng thủ pháo đánh diệt ba xe tăng. Tổ của trung đội trưởng Thủy nhanh chóng phát triển đánh vào bên sườn khu cơ giới để giải quyết lối ra cho đơn vị và các đồng chí Đẩu, Thuyết, Thủy, Định⁽¹⁾ đã hy sinh ở khu vực này.

Trong 30 phút đầu ta phát triển tốt, thắng giòn giã, hầu hết các mục tiêu đều đánh chiếm nhanh gọn, tiêu diệt được rất nhiều sinh lực địch, nhưng do không có lực lượng đánh vào khu xe tăng ngay từ đầu và cũng không có hỏa lực chế áp ngăn chặn. Mặt khác ta không tổ chức lực lượng dự bị tiếp chiến nên để xe tăng và lực lượng dự bị quan trọng của địch tung ra phản kích gây thiệt hại cho ta.

Tuy vậy, ta cũng đã diệt và làm bị thương trên 600 tên địch, phá hủy một số phương tiện chiến tranh diệt

(1) Định: Tức Nguyễn Tấn Định được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 19 tháng 5 năm 1972.

bảy xe tăng. Ta hy sinh 10 và bị thương 11 đồng chí.

Tiểu đoàn 186, bố trí đánh quân ứng viện khu vực Cà Giây (tây Sông Mao). Tiểu đoàn 840 (thiếu) cùng với Tiểu đoàn 240 bố trí đánh địch, giải tỏa phía bắc và đông bắc Sông Mao. 7 giờ sáng ngày 31 tháng 3, chi đoàn 2/1 thiết xa vận Mỹ và chi đoàn 2/8 ngự từ căn cứ Sông Mao bung ra giải tỏa đã gặp Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 240 chặn đánh quyết liệt. 11 giờ cùng ngày, Chiến đoàn 1/50 bộ binh cơ giới Mỹ từ Tà Dôn ra đến Lương Sơn, tắt qua bến sông Lũy kẹp theo đường sắt đi vào trận địa Tiểu đoàn 186. Cuộc đụng độ dữ dội suốt buổi chiều 31 tháng 3. Cả hai trận đánh ta diệt được hơn 150 tên địch có khoảng 100 tên Mỹ, phá hủy 15 xe bọc thép, bắn rơi một trực thăng. Nhưng ta cũng bị thương vong 50 đồng chí, cả hai trận đánh trên đều không thành công là do công tác tổ chức, chỉ huy chiến đấu của ta chưa thật hợp lý. Bộ Chỉ huy tiền phương quân khu khi nhận được điện của Thường vụ Khu ủy và Sở Chỉ huy cơ bản thì lập tức điều Tiểu đoàn 186 từ Khu Lê về và cho trung úy Cao Văn Trợ, trợ lý tác chiến tiền phương quân khu xuống đón và đưa tiểu đoàn này vào bố trí khu vực trên. Tiểu đoàn trưởng Thính và chính trị viên Ngô không đủ thời gian để tổ chức chuẩn bị trận đánh bài bản. Tiểu đoàn 840 và 240 vừa mới chiến đấu ở ngoại vi Sông Mao rút ra, cán bộ chiến sỹ mệt mỏi, lại gặp chỗ đất cứng nên cấu trúc công sự thiếu vững chắc. Hơn nữa các bố trí lực lượng rời rạc theo lối bậc thang nhảy cóc, không coi trọng hỏa lực, không hình thành điểm tựa, cụm điểm tựa có trận địa hỏa lực, khu then chốt đánh tăng với công sự vững chắc mà tiểu đoàn này đã từng áp

dụng, nên khi gặp phải đối tượng tác chiến có sức đột kích mạnh dẫn đến tổn thất.

Ngày 2 tháng 4, Trung đoàn 33 Miền đánh vào các cụm dã chiến hỗn hợp của Mỹ ở Võ Xu, Quang Hà, chi khu Tánh Linh, đánh pháo vào Núi Giang, đánh giao thông trên đường số 3 đoạn Gia Huynh - Võ Đắc, đặc biệt là đánh càn ở khu vực núi Lốp diệt nhiều tên Mỹ, bắn rơi chiếc máy bay trực thăng, tên thiếu tướng Uy-li Am-bon, tư lệnh lữ đoàn 199 Mỹ và một số sĩ quan tùy tùng đều tị.

Phối hợp với chủ lực quân khu, đêm 11 tháng 4. Ta sử dụng 32 chiến sĩ đặc công tỉnh và Tiểu đoàn 482 do đồng chí Nguyễn Minh Quyết, Tham mưu trưởng Bình Thuận chỉ huy bí mật tập kích yếu khu Kim Ngọc, một tiền đồn án ngữ phía đông bắc, cách thị xã Phan Thiết 7 ki-lô-mét. Chiến thắng Sông Mao, tiêu diệt yếu khu Kim Ngọc trong hoạt động Xuân - Hè 1970 là những trận đánh then chốt, là ngòi nổ tạo đà cho phong trào phá ấp, mở vùng tiến tới đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của địch trên chiến trường Bình Thuận.

Phối hợp chặt chẽ với chiến trường trọng điểm và để căng kéo thu hút địch chia lửa với chiến trường Cam-pu-chia trên chiến trường Tuyên Đức: lực lượng tỉnh, đặc công biệt động thị và Tiểu đoàn 200C lần lượt đánh vào trường võ bị, trường chiến tranh chính trị Đà Lạt và chi khu Đơn Dương, đến cuối tháng 5 năm 1970 Tiểu đoàn 200C, Tiểu đoàn 145 quân khu, Tiểu đoàn 810/Tuyên

Đức, các đội đặc công biệt động thị và lực lượng bên trong mở đợt tiến công đồng loạt vào Đà Lạt (ngày 29 tháng 5 đến ngày 1 tháng 6 năm 1970) đánh tòa thị trưởng Đà Lạt, trường võ bị quốc gia, lãnh địa Đức Bà, đồi Ba Cây, trận địa pháo Tân Lạc, chốt giữ và liên tục đánh địch phản kích, cùng với lực lượng bên trong truy lùng diệt ác, phá đường đặt chướng ngại vật diệt gần 1.000 tên địch. Đây là đợt tác chiến có quy mô khá lớn vào thị xã của Khu 6 lần thứ hai, kể từ khi Tết Mậu Thân, gây tiếng vang lớn. Ở Lâm Đồng tổ du kích vùng căn cứ K1 (bắc Bảo Lộc) do đồng chí Kờ Vét chỉ huy bắn rơi chiếc trực thăng chở tên trung tướng Gie-oóc Gi-key-si, tư lệnh sư đoàn kỵ binh không vận số 1 Mỹ, cùng bảy sĩ quan tùy tùng thiệt mạng, liên tiếp hai ngày sau, du kích K1 bắn rơi sáu trực thăng đến lấy xác đồng bọn.

Mỹ đang từng bước xuống thang chiến tranh nhưng căn cứ đồn bót Mỹ vẫn còn nhiều, hoạt động của pháo binh, cơ giới Mỹ vẫn còn mạnh. Phát huy kết quả hoạt động Xuân - Hè, tiền phương quân khu chỉ đạo tiếp tục đánh vào căn cứ Mỹ để diệt sinh lực địch và phương tiện chiến tranh của chúng.

Đêm 2 rạng ngày 3 tháng 5 năm 1970, Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn 840 quân khu đã phối hợp với lực lượng đặc công và hỏa lực của tỉnh, dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Lê Văn Xởi Tiểu đoàn trưởng

482B, Lương Thái Hà và đồng chính Tạ Quang Kính làm chỉ huy phó tiến công Căng E-sé-pic lần 2⁽¹⁾.

Sau 30 phút chiến đấu ta đã làm chủ 5/7 khu vực trong cứ điểm, cấm hai lá cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trên điểm cao trong hai khu vực sân bay và trại lính. Diệt hàng trăm tên Mỹ, phá hủy 23 máy bay (một máy bay L19 và 22 máy bay trực thăng), 37 xe quân sự (có 25 xe tăng và xe bọc thép) đốt cháy hai kho đạn, hai kho dầu, một kho xăng và nhiều nhà lính, phương tiện chiến tranh khác của địch.

Cũng trong tháng 5 năm 1970, ba đại đội đặc công của Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 240 và Tiểu đoàn 186 quân khu do đồng chí Phạm Ty, Tham mưu trưởng tiền phương quân khu và đồng chí Nguyễn Trung Việt, tiểu đoàn trưởng 840 chỉ huy đánh vào căn cứ Tà Dôn. Trận đánh diễn ra với tốc độ nhanh, ngay từ đầu ta đánh trúng các mục tiêu chủ yếu như khu xe tăng, sở chỉ huy và trận địa pháo, gây thiệt hại nặng chiến đoàn 1/50, bộ binh cơ giới Mỹ, diệt 250 tên phá hủy một số xe quân sự, có 13 xe tăng, xe bọc thép và tám khẩu pháo.

Tiếp theo ngày 5 tháng 7 năm 1970, Đại đội 5 đặc công Tiểu đoàn 840 và Đại đội 440 huyện Hòa Đa, do

(1) Đánh vào Căng E-sé-pic lần thứ nhất vào đầu năm 1969, Mỹ đã có nhiều biện pháp phòng thủ ở đây rất kiên cố: trên 10 lớp rào các loại, bên trong các lớp rào là bờ tường, bố trí mìn xen kẽ. Hệ thống chiếu sáng suốt đêm và chia thành bảy khu vực để phòng thủ: 1. Khu chỉ huy truyền tin; 2. Khu giặc lái; 3. Khu sân bay; 4. Khu kho hậu cần; 5. Khu trại lính; 6. Khu Giòng Táo phòng thủ từ xa; 7. Khu bến cảng.

đồng chí Nguyễn Văn Luân, đại đội trưởng Đại đội 5 và Tạ Quang Kính, Chính trị viên phó Tiểu đoàn 840 chỉ huy, tổ chức đánh vào căn cứ Sông Mao lần thứ 6. Sau 25 phút chiến đấu ta làm chủ các mục tiêu phân công, cấm cớ giải phóng lên sở chỉ huy Trung đoàn 44/23 nguy, diệt trên 300 tên có 85 tên Mỹ, phá hủy ba pháo 105 ly, một cối 106,7 ly, 13 xe bọc thép M113 và toàn bộ khu thông tin điện đài, đốt cháy một kho hóa chất. Ta hy sinh sáu đồng chí trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Luân, Đại đội trưởng và Tạ Quang Kính, Chính trị viên phó Tiểu đoàn 840, bị thương năm đồng chí mất hai súng B40, ba súng AK.

Ngày 5 tháng 9 năm 1970 Tiểu đoàn 840 và Đại đội 1 Tiểu đoàn 186 do đồng chí Phạm Ty, Tham mưu trưởng tiền phương Quân khu 6, Quách Toàn Quang, Chính trị viên và Nguyễn Lành, Tham mưu Tiểu đoàn 840 chỉ huy, bố trí phục kích vận động trên đường số 1, đoạn giữa núi Éch và núi Rể (cứ điểm Bàu Ốc cũ) cách đông bắc Phan Thiết 34 ki-lô-mét, nhằm tiếp tục tiêu diệt lực lượng cơ động của địch, cắt đứt đường giao thông huyết mạch và cũng là tuyến ngăn chặn trong kế hoạch bình định của Mỹ - nguy trên chiến trường Bình Thuận. Diễn biến trận đánh tương đối nhanh gọn: 6 giờ 30 phút một trung đội địa phương quân từ cứ điểm Cây Táo đi mở đường cùng với một đại đội biệt kích từ Lương Sơn ra chốt lại phía đường sắt. 8 giờ 20 phút Chi đoàn tăng 4/8 địch từ Phan Thiết ra Sông Mao lọt vào trận địa ta. Bộ phận chặn đầu nổ súng ĐKZ75 ly chặn đứng đoàn xe địch lại, trận địa cối 82 ly của tiểu đoàn bắn dồn dập vào đội hình địch, toàn bộ tiểu đoàn xuất kích xung

phong ra đường, Đại đội 2 Tiểu đoàn 840 sau khi cùng với bộ phận chặn đầu diệt xe tăng trên đường đã phát triển đánh đại đội biệt kích chốt trên đường sắt; Đại đội 1 Tiểu đoàn 840 thọc sâu chia cắt đội hình địch phát triển dọc theo đường hợp vây cùng với Đại đội 2 Tiểu đoàn 840 diệt địch trên tuyến đường sắt, Đại đội 3 Tiểu đoàn 840 và Đại đội 1 Tiểu đoàn 186 hợp vây diệt cụm xe bọc thép ở phía khóa đuôi. Sau 1 giờ 45 phút chiến đấu, ta tiêu diệt toàn bộ quân địch, làm chủ chiến trường. Kết quả ta đánh thiệt hại nặng chi đoàn tăng 4/8, 1 đại đội biệt kích Lương Sơn, 1 trung đội địa phương quân. Phá hủy 18 xe trong đó có 7 xe tăng M41. Ta hy sinh hai, bị thương 11 đồng chí.

Như vậy Xuân Hè 1970, quân và dân Khu 6 trong đó có Tiểu đoàn 840 đã có nhiều nỗ lực vượt bậc, đánh đau, đánh hiểm tiêu diệt được nhiều sinh lực địch và có những trận thắng vang dội ngay trong hang ổ của Mỹ – ngụy.

V. ĐÁNH PHÁ BÌNH ĐỊNH (Từ cuối 1970 đến cuối năm 1971)

Trên chiến trường Khu 6 vào những ngày tháng cuối năm 1970, địch tiếp tục tập trung mọi cố gắng ra sức phân vùng, phân cấp lực lượng để đánh phá và giành dân với ta quyết liệt hơn. Ở vòng ngoài chúng kết hợp giữa quân Mỹ và chủ lực ngụy mà nồng cốt là quân Mỹ càn quét đánh phá vào các vùng căn cứ vùng giải phóng nhằm tiêu diệt các cơ quan lãnh đạo chỉ huy, lực lượng vũ trang, các cơ sở hậu cần sản xuất, ngăn chặn ta tấn công, yểm trợ cho việc bình định bên trong của chúng

như: Lữ 506 Mỹ càn quét đánh phá dọc trục đường số 8, bắc Ma Lâm, Mường Mán (Bình Thuận), Lữ 199 Mỹ đánh phá vùng bắc Hàm Tân, La Gi, bắc Tánh Linh (Bình Tuy), Sư đoàn kỵ binh không vận số 1 Mỹ đánh phá vùng căn cứ Bù Lạch, Nam – Bắc đường 20 (Lâm Đồng)...

Ở vòng giữa chúng tập trung lực lượng hỗn hợp với sự yểm trợ của địa phương quân liên tiếp mở các cuộc hành quân cấp đại đội, tiểu đoàn càn quét – gom dân ở vùng tranh chấp và một số nơi lẩn sâu vào vùng giải phóng như: Tam Giác, Khu Lê Hồng Phong, La Gàn (Bình Thuận) Tà Nung, Păng Tiên (Tuyên Đức), bắc sông La Ngà (Bình Tuy), Thuận Nam (Ninh Thuận)... vào sống trong các khu tập trung chật hẹp, xung quanh là lớp lớp chần chịt hàng rào kẽm gai, mìn bẫy và các cụm lô cốt có lính địa phương quân hoặc nghĩa quân bảo vệ (thực chất đây là một đồn binh hơn là khu dân cư). Với thủ đoạn gom dân lập khu tập trung như vậy chỉ tính trong hai năm 1969 đến năm 1970 địch đã gom 3000 dân vùng Tam Giác, Khu Lê (Bình Thuận) 2000 dân ở Tuyên Đức, 300 dân vùng căn cứ ở Bình Tuy, 285 dân vùng La Dày, La Dạ... ngoài ra còn có 11 buôn làng vùng căn cứ bắc Lâm Đồng bị địch đốt sạch làm 1200 đồng bào mất nhà ở và bị đói.

Ở trong vùng địch kiểm soát chúng tiến hành bình định một cách toàn diện, ra sức chuyển từ bình định đặc biệt sang bình định kiến thiết phát triển, tăng cường bộ máy kèm ở xã ấp nhất là các ủy ban Phượng Hoàng, các mạng lưới điệp báo Thiên Nga (nữ điệp báo) chỉ điểm, thường xuyên mở các cuộc hành quân cảnh sát, các chiến

địch Phượng Hoàng, Đồng Tiến, Vĩ dân... (Triệt phá cơ sở ta và tái thiết xây dựng). Chúng kết hợp nhiều lực lượng, nhiều thủ đoạn thâm độc vừa ve vãn, vừa cưỡng bức chà đi sát lại đánh phá phong trào cơ sở; đặc biệt trong các khu tập trung địch thiết lập bộ máy kèm, thường xuyên kiểm soát dân chúng rất gắt gao, qui định giờ giấc đi lại: sáng 8 giờ mới được về vườn đất cũ, chiều 16 giờ phải vào khu tập trung mỗi người chỉ được mang phần ăn buổi trưa, không cho mang thức ăn khô để được lâu, việc ra vào ấp đều bị kiểm soát chặt chẽ... Xảo quyết, nham hiểm hơn địch dùng kế ly gián bôi nhọ, gieo rắc nghi ngờ làm mất ổn định trong bà con vốn lâu nay gắn bó với cách mạng, với kháng chiến bằng cách gán cho họ chức này, chức nọ thường xuyên lui tới ve vãn và đột xuất bắt một số người mà chúng tình nghi hoạt động cơ sở cho ta để khủng bố tinh thần, để mọi người không còn tin nhau, không dám hoạt động.

Đi đôi với đánh phá cơ sở bên trong, hành quân càn quét gom dân, đánh phá căn cứ ta bên ngoài, địch còn tung tiền ra phát triển kinh tế, xây nhà thương, trường học, cung cấp lương thực, ruộng đất giống má, phân bón, máy móc nông cụ làm ăn để mua chuộc dân chúng. Địch cố tạo ra hai hình ảnh tương phản ngoài vùng giải phóng thì bom đạn, đói khổ chết chóc, vùng chúng kiểm soát thì kinh tế phát đạt. Tuy lòng dạ bà con lâu nay vẫn gắn bó, vẫn hướng về cách mạng, thương con em họ đi kháng chiến nhưng trước những thủ đoạn lừa mị thâm độc, kèm kẹp mới của địch và tình cảnh sống thực tế rất khó khăn nên đã không ít người chấp nhận nghe và làm theo chúng.

Trong khi đó, bước vào hoạt động Xuân Hè 1970 cũng như những đợt tiến công trước đó, Quân khu chỉ tập trung sức đánh vào chỗ mạnh của địch là căn cứ, chi khu, đồn bót và quân cơ động ứng viện, chưa chú trọng vào việc đánh phá bình định nhất là bộ máy kèm, tề vệ ở xã ấp nên địch kèm được quần chúng và đánh phá phong trào, ngăn chặn ta có hiệu quả. Thực lực và phong trào ba mũi tại chỗ sụt, diện lỏng rã kìm càng thu hẹp, số ấp bị kìm và ấp trắng⁽¹⁾ tăng. Lực lượng du kích và đội vũ trang công tác bị tiêu hao, nhiều nơi không còn, từ đầu 1969 tháng 6 năm 1970 lực lượng ta giảm 2.500 người⁽²⁾, riêng Tiểu đoàn 840 giảm 240 quân. Mặt khác do việc huy động sức người, sức của quá lớn vào cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 liên tiếp và kéo dài, các cơ quan đoàn thể, lực lượng sản xuất phía sau và dân quân du kích được bổ sung vào bộ đội. Trai, gái còn lại trong buôn làng và cả những người lớn tuổi từng đợt, từng đợt được huy động đi tải vũ khí đạn dược trên đường dây H50, thường xuyên ở các cung đoạn từ biên giới Căm-pu-chia về đến chiến trường khu, tỉnh có lúc lên đến 1.200 dân công⁽³⁾. Buôn làng vùng căn cứ giải phóng và cả những vùng tranh chấp chỉ còn lại người già yếu và trẻ em.

Việc làm ăn tăng gia sản xuất bị đình đốn. Công tác bố phòng đánh địch bị bỏ bê... Tình hình trên đã

(1) Ấp không có cơ sở, thực lực cách mạng.

(2) Chỉ thị nhiệm vụ mùa mưa năm 1970 của Thường vụ Khu ủy 6.
Bản lưu số 620 bảo mật Viện lịch sử Quân sự Bộ Quốc phòng.

(3) Đăng ký tác chiến Quân khu 6 số 125, 356/BM.

làm cho ta gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, trong đợt kiểm điểm, nhận định tình hình và căn cứ vào chỉ thị của Trung ương cục, Thường vụ Khu ủy đề ra nhiệm vụ hoạt động tiếp theo trong mùa mưa 1970 đã đặc biệt nhấn mạnh: “Ra sức đánh bại một bước nữa kế hoạch bình định của địch là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu”.

Về hoạt động quân sự, quân khu đề ra yêu cầu nâng cao hiệu suất chiến đấu của các lực lượng vũ trang, đánh diệt nhiều đại đội, trung đội địa phương quân, nghĩa quân, cảnh sát và bọn bình định ác ôn. Đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh rộng rãi kết hợp với phong trào nổi dậy, hình thành ba mũi giáp công phá vỡ bộ máy kèm của địch ở cơ sở...

Thực hiện nhiệm vụ trên, lực lượng vũ trang trong quân khu cũng như bản thân Tiểu đoàn 840 gặp một số khó khăn như quân số hao hụt chưa được bổ sung, vũ khí đạn dược, nhất là lương thực cực kỳ nan giải. Phong trào ba mũi tại chỗ hầu như bị bể vỡ từng mảng lớn, do đó việc huy động, sức người sức của vào giai đoạn này là hết sức khó khăn.

Mở đầu đợt hoạt động, quân khu chủ trương tập trung lực lượng đánh phá bình định ở Hàm Thuận (Bình Thuận) và Hàm Tân (Bình Tuy) nhằm tiêu diệt sinh lực kèm phá một số ấp ngăn chặn bung xĩa của chúng. Lực lượng tham gia có Trung đoàn 33 Miền, hai Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186 quân khu cùng với lực lượng địa phương và dân quân du kích hai tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy, tất cả đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy của quân khu.

Ngày 26 tháng 2 năm 1971, Trung đoàn 33 Miền

đánh điểm Mường Mán và phục kích vận động trên đường Ngã Hai - Mường Mán đánh thiệt hại hai đại đội địa phương quân. Tiểu đoàn 840 quân khu phục kích vận động đoạn Bàu Gia - Phú Bình đánh thiệt hại hai đại đội địa phương quân khác, Tiểu đoàn 186 quân khu phá ấp Gò và phục kích trên khu vực Tà Nung đường số 1 đánh thiệt hại một đại đội địa phương quân, biệt động thị xã Phan Thiết phối hợp với lực lượng đặc công tỉnh đánh diệt bọn cảnh sát, ác ôn trong nội ô, diệt 33 tên.

Để hỗ trợ cho trọng điểm và kéo lực lượng địch về phía bắc tỉnh, quân khu sử dụng đại đội 5 của Tiểu đoàn 840 đánh vào hậu cứ sông Mao lần 7. Lúc 0 giờ 35 phút ngày 2 tháng 3 năm 1971 các mũi đặc công đã đồng loạt nổ súng tiến công vào sở chỉ huy Trung đoàn 44, khu cố vấn Mỹ, trận địa pháo, bãi cơ giới và phát triển đánh vào khu quân trấn. Sau 15 phút chiến đấu, các mũi đã chiếm hầu hết các mục tiêu phân công, diệt tại chỗ 150 tên địch, làm nổ tung các kho đạn, kho xăng. Ta thương vong bảy đồng chí.

Ngày 15 tháng 3 năm 1971, Tiểu đoàn 840 cùng đội vũ trang công tác do đồng chí Quốc Hải, Tham mưu trưởng tiểu đoàn 840 chỉ huy, tổ chức đánh địch ở ấp Hậu Quách nhằm móc rập cơ sở, xây dựng phong trào và thu mua lương thực, trong đêm, hai mũi của Đại đội 3 Tiểu đoàn 840 do đồng chí Mường, đại đội phó chỉ huy đột vào trụ sở ấp. Địch phát hiện nổ súng rồi tháo chạy về hướng chi khu Hòa Đa, gặp Đại đội 2 Tiểu đoàn 840 phục sẵn đón lõng do đồng chí Hựu, đại đội trưởng chỉ huy nổ súng đánh thiệt hại nặng một trung đội địa phương quân và trung đội nghĩa quân, địch chết và bị

thương 35 tên. Ta làm chủ ấp phát động quần chúng truy quét địch, xây dựng phong trào, gần sáng ta rút ra khỏi ấp, thu mua được lương thực, về ta: hy sinh một, bị thương hai đồng chí.

Đầu tháng 4 năm 1971, một bộ phận lực lượng của Trung đoàn 33 Miền tập kích gây thiệt hại nặng chi khu Hàm Tân, đại bộ phận lực lượng bố trí phục kích vận động trên đường La Gi - Hàm Tân đánh thiệt hại ba đại đội địa phương quân bọn địch ở xung quanh rất hoang mang dao động.

Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186 quân khu và Tiểu đoàn 482 Bình Thuận tiếp tục đánh địch trong các ấp trên đường số 8 và số 1 gài thế đánh địch bung xia gài mìn lẩn chiếm.

Bước đầu đợt hoạt động có thu được kết quả nhất định, lực lượng vũ trang đã làm được vai trò đòn xeo trong công tác đánh phá bình định, bám sát ấp, sát dân, nắm được qui luật hoạt động của chúng, vận dụng được những hình thức thích hợp, đã ngăn chặn, bẻ gãy một số thủ đoạn kèm kẹp mới của địch. Nhưng do sức ta có hạn, lực lượng tập trung cơ động không đủ biên chế, lực lượng địa phương nhất là lực lượng huyện xã quá ít, nên không giữ được và sau đó địch vẫn lặp lại và tiếp tục bung xia đánh phá vùng bàn đạp của ta.

Sau hoạt động Xuân 1971, Khu ủy mới triển khai thực hiện đầy đủ nghị quyết khu ủy tháng 3 tháng 1971. Vừa tổ chức học tập rộng rãi trong các lực lượng vũ trang chỉ thị 33 và chỉ thị 01 của Trung ương Cục để tạo một bước chuyển biến cơ bản về nhận thức

trong công tác đánh phá bình định, vừa tiến hành biên chế tổ chức lại lực lượng vũ trang cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Rút gọn cơ quan, giải thể một số đơn vị đại đội, tiểu đoàn bổ sung cho các huyện, thị xã và đội vũ trang công tác.

Quân khu giải thể Tiểu đoàn 145, Tiểu đoàn 240 quân khu, đại đội trinh sát, đại đội công binh trực thuộc và rút gọn Tiểu đoàn đặc công 200C còn lại một đại đội đi sâu hơn nữa vào nhiệm vụ đánh phá bình định với những phương thức hoạt động mới: “Vũ trang công tác do đội vũ trang công tác đảm trách; tập trung phân tán linh hoạt đánh địch do các đơn vị tiểu đoàn khu, tỉnh; Thọc sâu đánh đồn bót, phân chi khu và căn cứ địch do các lực lượng đặc công, biệt động đảm nhiệm và tổ chức chiến dịch tổng hợp để đánh phá bình định...”.

Tiểu đoàn 145 quân khu là một tiểu đoàn trợ chiến mạnh, với đội ngũ sĩ quan, hạ sĩ quan được huấn luyện tốt, chất lượng chuyên môn khá cao, về chiến trường Khu 6 từ năm 1962 nhưng do tình hình khó khăn về quân số nên đến năm 1966 tiểu đoàn này được biên chế thành tiểu đoàn bộ binh nhẹ, hoạt động ở Lâm Đồng, Tuyên Đức. Tiểu đoàn trưởng Đặng Ty, về sau là đồng chí Song Phụng đến là những sĩ quan pháo binh nên đã xây dựng Tiểu đoàn 145 có xu hướng thiên về lối đánh trợ chiến hơn là đánh bộ binh. Mặc dù vậy Tiểu đoàn 145 quân khu vẫn là một tiểu đoàn có nhiều chiến công vang dội và đã để lại trong lòng đồng bào, chiến sỹ Lâm Đồng, Tuyên Đức, Khu 6 những tình cảm khó quên.

Tiểu đoàn 240 quân khu cũng từ miền Bắc bổ sung

vào chiến trường Khu 6 từ giữa năm 1968, là một tiểu đoàn bộ binh yếu, nhưng được quân khu đầu tư nuôi dưỡng, huấn luyện bổ sung nhiều cán bộ có kinh nghiệm và đã chuyển thành một tiểu đoàn đặc công hóa. Chiến công của tiểu đoàn này gắn liền với chiến công của Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186 quân khu ở chiến trường Bình Thuận, Tuyên Đức. Việc giải thể hai tiểu đoàn này là việc phải làm không còn cách nào khác. Tình hình đó đã nói lên những khó khăn thật sự của chiến trường Khu 6.

Tháng 6 tháng 7 1971, Trung đoàn 33 Miền về lại chiến trường Long Khánh Quân khu 7. Tiểu đoàn 840 quân khu chuyển ra Bắc Bình, Tiểu đoàn 186 xuống đứng ở khu Lê Hồng Phong, Tiểu đoàn 482 Bình Thuận ở Tam Giác, cả ba tiểu đoàn đều hoạt động theo phương thức tập trung phân tán linh hoạt, nhưng do tình hình khó khăn lúc bấy giờ nên đã triệt để phân tán, cùng với đội mũi công tác hoạt động theo phương thức vũ trang công tác. Mặc dù sau chỉ thị 01 của Trung ương Cục, đội vũ trang công tác trong khu được tổ chức biên chế, sắp xếp lại đã tăng lên 164 đội với 1620 người⁽¹⁾. Nhưng vẫn không đột sâu được vào ấp, chỉ có quần bám vùng bàn đạp, móc nối cơ sở. Vùng bàn đạp trở thành nơi tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Địch liên tiếp bung xĩa, gài mìn, phục kích, đặt máy thu tiếng động để phát hiện ngăn chặn ta. Mỗi lần vào ấp để vũ trang công tác, các đơn vị phải tổ

(1) Dăng ký thực lực Quân khu 6 năm 1971. Số 742 BM lưu trữ tại Viện Lịch sử Quân sự, Bộ Quốc phòng.

chức từ một đại đội đến một tiểu đoàn và phải có phương án tác chiến hợp đồng chiến đấu tổ, mũi. Vậy mà có lúc ta cũng chỉ đánh nhau ở rìa ấp rồi quay về.

Việc mất dân, ra vào ấp khó khăn dẫn đến thiếu thốn về lương thực. Tiểu đoàn 186 quân khu ở khu Lê thiếu ăn, phải cho người về vùng căn cứ phía Bắc đường số 1 tải lương thực, vũ khí liên tục bị mìn, đơn vị phải ăn củ năn, một loại củ ở vùng cát khu Lê quá đắng, củ phải xắt thành lát mỏng ngâm nước và xả sạch chất đắng mất một vài hôm mới nấu ăn được. Nhưng nước nổi ở khu Lê khó khăn, nước ngâm và xả củ năn đã ít anh em lại vội vã, không công phu tuần tự như đồng bào ở đó đã làm nên nhiều lúc ăn bị say và tình hình khó khăn tồn thất kéo dài. Quân khu lại đưa tiểu đoàn này về phía Hàm Phú để giải quyết lương thực và củng cố xây dựng đơn vị.

Tiểu đoàn 840 đứng ở Bắc Bình, bộ đội phải tổ chức vào núi đào củ từ, một loại củ nấu ăn ngon giống như khoai từ. Nhưng đào củ từ rất vất vả, phải có dụng cụ như xà beng, cuốc, thuổng để xeo nạy trong các hốc đá, nhiều khi phải huy động cả tổ ba, bốn anh em hè hụi mới bật được tảng đá lớn để lấy củ và sau những bữa ăn chống đói này, đơn vị lại tổ chức vào ấp và những trận chiến đấu với bọn bảo an, dân vệ và bình định lại xảy ra. Trước tình hình khó khăn chung, quân khu đã cho tiểu đoàn dừng lại củng cố: đặc công hóa, công binh hóa, trình sát hóa kỹ thuật rà gỡ mìn, học tập truyền thống bản chất Quân đội Nhân dân, phát động toàn tiểu đoàn chống thủ đoạn phục kích mìn của địch. Nhờ vậy mà

ngay cả cán bộ chiến sĩ phía sau như: y tá, nuôi quân cũng tham gia vào công việc rà gỡ mìn, đánh địch. Trong trận ấp Suối Nhum, nữ y tá Lành xung phong đi gỡ mìn cùng với trung úy Hựu đại đội trưởng Đại đội 2 Tiểu đoàn 840 là tám gương động viên đơn vị chiến đấu và được anh em gọi y tá Lành là “chính trị viên phó đại đội”. Trận ấp Phan Rí Cửa, phát hiện khi đơn vị rút, còn sót lại thương binh, nữ y tá Ân bắt chấp hiểm nguy vượt qua mìn bẫy của địch và diu thương binh ra. Trận ấp Liêm Bình, Long Lễ, nữ y tá Hiền vừa băng bó thương binh vừa cùng đơn vị tham gia đánh địch. Nữ y tá Mai cùng với đoàn tải gỡ mìn đánh địch trên đường 20 đưa súng, đạn về cho đơn vị chiến đấu. Những nữ y tá trên cùng với nhiều chiến sĩ nữ của tiểu đoàn nhập ngũ sau trận Phước Long năm 1965 và Mậu Thân năm 1968 đã được đào tạo qua trường thuốc của Quân khu trở thành những cô y tá đi thẳng vào trận chiến đấu đánh phá bình định cùng với cán bộ chiến sĩ tiểu đoàn vượt qua những khó khăn, mất mát lập nên những chiến công được trên đánh giá là tiểu đoàn đánh phá bình định giỏi của Quân khu.

Tiếp theo ngày 24 tháng 8 năm 1971, 20 đặc công của Đại đội 5 Tiểu đoàn 840, huyện đội Phan Lý và Đại đội 72 đánh vào căn cứ Sông Mao lần tám: 1 giờ ngày 24 tháng 8 các mũi đồng loạt đánh vào các mục tiêu: trận địa pháo, sở chỉ huy tiểu đoàn 1/44, khu nhà lính và dây lô cốt vành đai, đồng thời cối 82 ly và ĐKZ 75 ly đánh vào sở chỉ huy trung đoàn 44, khu phát điện, nhiều đám cháy bùng lên dữ dội sáng rực một góc trời. Sau 30 phút chiến đấu ta diệt trên 100 địch, thu nhiều chiến lược

phẩm, phá hỏng hai pháo 105 ly, hai xe quân sự. Ta hy sinh hai, bị thương ba đồng chí.

Ngày 26 tháng 8 năm 1971, Tiểu đoàn 840 và đội vũ trang công tác do đồng chí Lê Phi Hung (Hổ), Tiểu đoàn trưởng, Quách Toàn Quang, Chính trị viên, Nguyễn Lãnh, Tham mưu trưởng tiểu đoàn chỉ huy, tổ chức đánh địch ở ấp Duồng nhằm tiêu diệt sinh lực phá thế kèm của địch, móc ráp cơ sở, xây dựng phong trào và thu mua lương thực. Diễn biến trận đánh: đêm 26 tháng 8 Đại đội 1 do đồng chí Hùng chỉ huy, dưới sự chi viện pháo cối của Tiểu đoàn đánh vào trung đội nghĩa quân án ngữ khu vực Đá Bò (tây nam Duồng) bị đánh bất ngờ địch tháo chạy vào khu vực chợ Hiệp Đức chống cự. Nhưng gặp Đại đội 3 phục lốt sẵn đã cùng với Đại đội 1 tiêu diệt gần hết trung đội này, ta làm chủ ấp, truy quét tề ác, hỗ trợ cho đội công tác bơi thuyền ra biển truy bắt ba tên ác ôn. 3 giờ 30 phút sáng 27 tháng 8, Đại đội 2 bảo vệ đoàn tải (60 người của huyện và tiểu đoàn) trên đường về vừa rời khỏi ấp Hà Thủy (tây nam Duồng) gặp địch nổ súng ngăn chặn ép đoàn tải xuống mé biển, nghe tiếng súng hướng Đại đội 2, Tham mưu trưởng tiểu đoàn Quốc hải và Đại đội trưởng Hùng cho Đại đội 1 vận động đánh vào bên sườn và phía sau địch, hợp đồng cùng với Đại đội 2 bao vây tiêu diệt 1 trung đội nghĩa quân, chỉ có năm tên sống sót tháo chạy về hướng La Gàn, ta truy kích địch đến Gành Sơn. Sau đó Đại đội 2 vượt qua pháo đạn địch từ ngoài biển bắn vào đưa toàn tải về căn cứ. Đại đội 1 vận động trở lại ấp hợp đồng cùng Đại đội 3 đánh tiêu diệt hai tiểu đội địch đổ bộ bằng xuồng bo bo từ ngoài biển vào. Cùng với thời gian

đánh ấp Duồng, Đại đội 5 đánh bằng hỏa lực vào đồn Thanh Lương và Hội Tâm. Kết quả ta diệt hai trung đội nghĩa quân và 2 tiểu đội đổ bộ bằng bo bo từ biển lên, loại khỏi vòng chiến đấu trên 70 tên, bắt ba tên tề ác, thu mua trên hai tấn rưỡi tấn lương thực. Về ta hy sinh hai trong đó có đồng chí Lê Phi Hung, Tiểu đoàn trưởng 840, bị thương năm đồng chí.

Tuy kết quả đánh phá bình định của toàn khu còn rất nhiều hạn chế, chưa đạt được yêu cầu của Nghị quyết khu ủy tháng 3 năm 1971 đã đề ra. Đáng chú ý nhất là địch đã vận dụng được lực lượng tổng hợp đánh phá ta toàn diện, xóa được cơ sở cách mạng trong nhiều ấp, mở rộng được thế kìm kẹp và gây cho ta nhiều khó khăn tổn thất. Còn ta thì chủ quan nôn nóng, nặng đánh lớn để giành thắng lợi quyết định, nhất là vận dụng phương châm, phương thức hoạt động chưa phù hợp. Nhưng vấn đề cơ bản rút ra từ thực tiễn là trên dưới đã nhận thức thống nhất nhiệm vụ trung tâm trước mắt và thực sự đi vào đánh phá bình định, nên từng bước có kinh nghiệm tạo được thế và lực mới, lại được sự chỉ đạo chặt chẽ của trên, được cao trào đánh phá bình định của toàn Miền cổ vũ. Do đó việc đánh phá bình định của khu và của tiểu đoàn ngày càng tốt hơn.

VI. CHIẾN TRƯỜNG BÌNH THUẬN NĂM 1972

Bước vào đầu năm 1972, địch tiếp tục đẩy mạnh âm mưu bình định phát triển sang bình định củng cố. Chúng cho rằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã giành được thắng lợi.

Trên chiến trường Khu 6, lực lượng Mỹ và chư hầu

đã rút hết, lực lượng chủ lực và một phần lực lượng địa phương quân cũng được điều đi chi viện cho các chiến trường khác đang bị ta đánh lớn. Chúng ra sức dồn quân nâng địa phương quân lên cơ động để mở rộng diện hoạt động cho lực lượng này. Tiếp tục quân sự hóa, cảnh sát hóa bộ máy kèm ở cơ sở, bỏ tề dân sự, tăng cường bọn sĩ quan quân đội hoặc cảnh sát xuống nắm vai trò chủ chốt trong bộ máy tề. Tích cực phát triển gián điệp, mở rộng mạng lưới “tình báo nhân dân”, tăng cường và củng cố “nhân dân tự vệ”, lập thêm nhiều cuộc cảnh sát, đồn bót để phòng thủ xã ấp. Mặt khác tích cực thực hiện bung xĩa nhỏ ra các vùng bàn đạp, phục kích gài mìn để tiêu hao, ngăn chặn ta từ xa.

Ta, quyết tâm thực hiện chiến lược của Trung ương về đánh bại cơ bản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ trên chiến trường. Quân khu mở chiến dịch tổng hợp đánh phá bình định, lấy Bình Thuận làm chiến trường chính, chọn khu vực từ Lương Sơn đến Tà Nung trên trục đường số 1 làm điểm để thu hút tiêu diệt sinh lực địch và khu Tam Giác đường 8 làm địa bàn nổi dậy. Lực lượng tham gia có Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186 và lực lượng vũ trang Bình Thuận do Lê Văn Hiền, Thường vụ Khu ủy, Phó chính ủy quân khu làm chỉ huy trưởng, thiếu tá Trần Thọ, Tỉnh đội trưởng Bình Thuận làm chỉ huy phó, đại úy Phạm Ty, Tham mưu trưởng, đại úy Phạm Văn Tý, Chủ nhiệm chính trị. Đêm ngày 6 tháng 4 năm 1972 Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn 840 tập kích vào cứ điểm Lương Sơn, lực lượng còn lại của Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 186 bố trí ở vòng ngoài sẵn sàng đánh quân ứng viện.

Cùng đêm, Tiểu đoàn 482 và các lực lượng vũ trang địa phương Hàm Thuận, Thuận Phong; Hòa Đa, Tuy Phong đã đồng loạt nổ súng diệt bọn ác ôn hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy giành quyền làm chủ và bung về đất cũ làm ăn.

Sau khi tập kích cứ điểm Lương Sơn không thành công, ngày 18 tháng 4 Tiểu đoàn 840 tổ chức vây ép cứ điểm và phá ấp Lương Sơn, đánh thiệt hại nặng đại đội địa phương quân và hai trung đội nghĩa quân. Tiểu đoàn 186 phá ấp Tà Nung và bố trí lực lượng chặn đánh thiệt hại một đại đội địa phương quân. Đêm 10 tháng 5 Đại đội 5 của Tiểu đoàn 186 tập kích cứ điểm Gộp không thành công, còn đại bộ phận lực lượng của tiểu đoàn vào phá ấp Gộp, đánh thiệt hại hai trung đội nghĩa quân. Cùng thời gian này Tiểu đoàn 840 bố trí phục kích vận động đoạn giữa Cây Táo, Cầu Dĩ trên quốc lộ 1 đánh thiệt hại một đại đội địa phương quân.

Đợt hoạt động tuy chưa có những trận đánh quan trọng, nhưng với thế trận chung cùng với nhiều trận đánh nhỏ lẻ của các lực lượng vũ trang khu và tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng nổi dậy phá ấp, diệt ác ôn, buộc bọn địch phải phân tán, đối phó.

Đầu tháng 6, Bộ Chỉ huy tiền phương quân khu tổ chức rút kinh nghiệm, tìm biện pháp khắc phục những nhược điểm tồn tại và kiên quyết dồn sức đánh một trận tập trung trên vùng trọng điểm để đẩy phong trào lên một bước mới.

Ngày 30 tháng 6, Tiểu đoàn 840 vây ép cứ điểm Cây Táo và bố trí đánh quân ứng viện từ Sông Lũy,

đánh thiệt hại hai đại đội địa phương quân. Tiểu đoàn 482 vào phá ấp Gộp, đánh thiệt hại nặng hai trung đội nghĩa quân, Đại đội 2 Tiểu đoàn 482 chốt lại ấp để đánh quân giải tỏa và dùng cối 82 ly bắn vào đồn Gộp. Tiểu đoàn 186 bố trí ở khu vực Tà Nung đường số 1 để đánh quân ứng viện từ Phan Thiết lên, nhưng địch không đi theo đường số 1 và thượng úy Lê Văn Minh, Tiểu đoàn trưởng 186 Quân khu 6 đã cho đơn vị rút về lại vị trí tập kết. Trong lúc đó chi đoàn tăng 2/8 và tiểu đoàn 202 địa phương quân từ Phan Thiết theo đường số 8 lên Ma Lâm và lật cánh sang ấp Gộp đánh vào Đại đội 2 Tiểu đoàn 482 (thiếu). Trận đánh diễn ra không cân sức, mặc dù đại úy Phạm Ty, Tham mưu trưởng tiền phương Quân khu 6 khi biết tình hình này đã điều hai cối 82 ly đến bắn chi viện cho Đại đội 2 Tiểu đoàn 482 nhưng không giải quyết được vấn đề... vì ý định chiến đấu của Bộ Chỉ huy tiền phương Quân khu 6 không rõ rệt, đánh giá địch không đúng, lực lượng cơ động bố trí quá xa, trái nẻo, cho dù Tiểu đoàn 186 Quân khu 6 chưa rút, cũng không sao vận động dưới làn hỏa lực phi pháo của địch từ Tà Nung lên để đánh địch ở ấp Gộp chi viện cho Đại đội 2 Tiểu đoàn 482 được.

Những trận đánh tập trung trên chưa tốt, chưa diệt được nhiều sinh lực địch nhưng cũng đã thu hút được nhiều đại đội, tiểu đoàn địa phương quân và chi đoàn tăng 2/8 chỗ dựa chủ yếu của địch ở chiến trường Bình Thuận lúc bấy giờ vào khu vực trọng điểm, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội địa phương, dân quân du kích đánh phá làm lỏng rã hệ thống kìm kẹp của địch trên đường số 1 và số 8, phục vụ cho yêu cầu đấu tranh chính trị của

quần chúng.

Mùa thu năm 1972, để đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, đón thời cơ khi có giải pháp chính trị. Quân khu chuyển trọng điểm hoạt động về phía tây nam, từ vùng Tam Giác (Bình Thuận) qua Tánh Linh (Bình Tuy) lên đường 20 đoạn nam đèo Blao (Lâm Đồng) nhằm mở rộng vùng giải phóng và tuyến hành lang từ Miền về quân khu (sông Đồng Nai Thượng - nam đèo Blao) gồm các Tiểu đoàn 840 điều từ Bắc Bình vào đứng hoạt động trên đường số 8 và Tam Giác. Tiểu đoàn 186 từ nam Bình Thuận qua hoạt động vùng Tánh Linh - Hoài Đức (Bình Tuy). Tiểu đoàn đặc công 200C (thiếu) từ Bình Thuận lên Đạ Huoai (Lâm Đồng). Bộ Tư lệnh Miền tăng cường Tiểu đoàn 15 và Tiểu đoàn 17 bộ binh ghép thành Trung đoàn 211 (thiếu) do thiếu tá Ba Tam chỉ huy từ Phước Long xuống hoạt động vùng Đạ Huoai (Lâm Đồng).

Cuộc hội nghị bốn bên ở Pa-ri về Việt Nam đã tiến hành được gần bốn năm nhưng vẫn còn bế tắc. Để tỏ rõ thiện chí của mình, ngày 8 tháng 10 năm 1972, phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đưa ra bản dự thảo hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. Trước những thất bại nặng nề trên chiến trường và khó khăn nhiều mặt ở trong nước, đế quốc Mỹ buộc phải đồng ý đến ngày 31 tháng 10 năm 1972 sẽ ký kết hiệp định. Nhưng với bản chất ngoan cố, hiếu chiến có nhiều âm mưu xảo quyệt, ngày 23 tháng 10 Mỹ lật lọng và buộc ta phải chấp nhận những điều kiện hết sức ngang ngược do Mỹ đưa ra. Căm phẫn thái độ tráo trở của tập đoàn Ních-xơn - Kít-xinh-giơ ở hội nghị Pa-ri, nhân dân cả nước đã xuống đường biểu tình hô

vang các khẩu hiệu “Đả đảo Mỹ - Thiệu ngoan cố. Hòa bình phải được thực hiện ở miền Nam...”.

Hòa cùng cao trào đấu tranh của cả nước, đồng bào trong các thị xã Phan Thiết (Bình Thuận) La Gi (Bình Tuy) đã nổi dậy, đòi bọn cầm quyền phải để bà con tự do đi lại làm ăn, chống bắt lính... phong trào được anh em binh lính đồng tình ủng hộ.

Để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, ở hướng trọng điểm trên đường 8, Tiểu đoàn 840 đánh liên tiếp ba trận tập trung cấp tiểu đoàn và tiểu đoàn tăng cường ở Bình Lâm (ngày 25 tháng 9 năm 1972), Tân Điền (ngày 28 tháng 10 năm 1972), An Phú (ngày 17 tháng 11 năm 1972).

Với chiến trường quen thuộc và lối đánh sở trường “Vận động tiến công kết hợp chốt”, tiểu đoàn đã khéo léo che giấu lực lượng trong công sự vững chắc, chịu đựng bom đạn địch, lần lượt đánh thiệt hại nặng từng đại đội địa phương quân và chi đoàn tăng 2/8 của tiểu khu Bình Thuận. Diệt ba đại đội địa phương quân, bốn trung đội nghĩa quân trên 250 tên chết và bị thương; có 7 xe thiết giáp bị phá hủy và Tiểu đoàn 840 đã có lại được khí thế, tác phong chiến đấu của một tiểu đoàn chủ lực tập trung của Quân khu. Xứng đáng với niềm tin và lòng tự hào của đồng bào vùng đất lửa Tam Giác. Gần 1.000 dân và các ấp trên trục đường số 8 đã bung về đất cũ làm ăn.

Qua đợt hoạt động, các lực lượng vũ trang quân khu và Tiểu đoàn 840 đã có một bước chuyển biến mới, áp sát địch, nắm được quy luật hoạt động của chúng, đẩy

tiến công quân sự lên với một nhịp độ cao, hỗ trợ tốt cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng có hiệu quả.

Theo chỉ đạo của quân khu, các lực lượng vũ trang tiếp tục đẩy mạnh hoạt động giành thêm thắng lợi trong thời kỳ ký Hiệp định Pa-ri về Việt Nam. Từ tháng 12 năm 1972 trở đi, các lực lượng phải áp sát mục tiêu theo kế hoạch “chồm lên”, đồng thời cũng chuẩn bị kế hoạch đối phó với chiến tranh có thể tiếp tục kéo dài. Tất cả các cơ quan, đơn vị phía sau, dân quân du kích và nhân dân vùng căn cứ cũng phải chuẩn bị sẵn sàng tại chỗ để đón thời cơ đến.

Mặc dù bị thua đau trên chiến trường miền Nam, nhưng với bản chất ngoan cố, hiếu chiến từ ngày 18 đến ngày 30 tháng 12 năm 1972, tập đoàn Ních-xơn, Kít-xinh-giơ mở cuộc tập kích chiến lược bằng không quân với qui mô lớn vào Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố đông dân cư khác trên miền Bắc hòng buộc nhân dân ta phải khuất phục. Nhưng hành động phiêu lưu đó đã dẫn chúng đến thất bại hoàn toàn. Quân dân miền Bắc đã viết nên trang sử vẻ vang “Điện Biên Phủ trên không” với 12 ngày đêm chiến đấu, đã bắn hạ 81 máy bay các loại trong đó có 34 pháo đài bay B52 và năm máy bay cánh cụp cách xòe F111A.

Trước thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc, tập đoàn hiếu chiến ghẻ động Ních-xơn phải chấp nhận ký tắt văn bản hiệp định Pa-ri ngày 23 tháng 1 năm 1973 giữa cố vấn Lê Đức Thọ đại diện cho chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Kít-xinh-giơ cố vấn của

Tổng thống Hoa Kỳ.

Tranh thủ thời cơ sắp có giải pháp chính trị Hiệp định Pa-ri được ký kết. Để tiếp tục mở rộng vùng giải phóng, các lực lượng vũ trang trong quân khu đã chủ động đồng loạt tiến công địch trên một số mục tiêu: Tiểu khu Bình Thuận, Căng E-sê-pic, đồn Phú Thọ, Núi Đất, Mương Mán, Đại Thiện, Bàu Gia, chi khu Thiện Giáo (Bình Thuận), thị trấn Tánh Linh, cứ điểm Lô Ô, các ấp Gia An, Huy Khiêm, Tề Lễ, Võ Xu (Bình Tuy). Đặc biệt trong đợt tiến công này Tiểu đoàn 840 quân khu đánh vào ấp Tân Điền và chốt trụ lại vùng xóm Bàu phía tây ấp.

Giữa lúc quân và dân ta đang “tất cả xông lên” hướng về phía trước thì được tin hồi 11 giờ 30 phút (giờ Pa-ri) ngày 27 tháng 1 năm 1973 hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được ký kết chính thức.

8 giờ ngày 28 tháng 1 năm 1973 lệnh ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực, lúc này các lực lượng vũ trang ta đã áp sát và chiếm giữ một số địa bàn quan trọng. Tiểu đoàn 840 vẫn chốt giữ Xóm Bàu (Tam Giác) một địa bàn quan trọng, luôn uy hiếp trung tâm đầu não của địch ở Phan Thiết (Bình Thuận). Sự có mặt của các lực lượng vũ trang ta trên nhiều xóm ấp ở đồng bằng, ven trục lộ giao thông và vùng ven thị xã đã động viên khí thế của quần chúng vùng lên làm chủ thôn ấp của mình. Cờ cách mạng tung bay đỏ rực ở những nơi có lực lượng ta chiến giữ.

Bằng sự nỗ lực của chính mình, Tiểu đoàn 840 đã

giành được những thắng lợi quan trọng, đã thực hiện được phần lớn các mục tiêu mà quân khu giao, góp phần làm cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân dân cực Nam Trung Bộ có điều kiện phát triển cùng quân dân cả nước giành thắng lợi quyết định trong thời gian tới.

Chương năm

ĐÁNH ĐỊCH LẤN CHIẾM VÀ THAM GIA TỔNG TIẾN CÔNG MÙA XUÂN 1975 TRÊN CHIẾN TRƯỜNG KHU 6 (Ngày 28 tháng 1 năm 1973 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975)

I. ĐÁNH ĐỊCH LẤN CHIẾM, GIỮ VỮNG VÙNG GIẢI PHÓNG

Hiệp định Pa-ri về Việt Nam đánh dấu một bước ngoặt mới trong sự nghiệp chống Mỹ; cứu nước của dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi cho quân dân ta tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, thống nhất đất nước. Nhưng ngay từ đầu địch đã vi phạm lệnh ngừng bắn, ra sức giành giật quyết liệt với ta ở từng địa bàn xã ấp và trên các trục lộ giao thông. Chúng sử dụng nhiều lực lượng bộ binh cơ giới, pháo binh không quân phản kích điên cuồng hòng giành lại các mục tiêu mà ta đã “chôm lên” đánh chiếm trước giờ ngừng bắn. Chúng còn dùng phi

pháo tăng cường đánh phá một số vùng giáp ranh để ngăn chặn ta và giải tỏa thế vây ép xen kẽ cài răng lược.

Bên trong địch cũng ráo riết thực hiện kế hoạch bình định lấn chiếm mới ngoài các hoạt động như hành quân cảnh sát, bắt bớ, truy phá cơ sở, ngăn chặn không cho dân bùng ra làm ăn, chúng còn đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, bùng bít và xuyên tạc hiệp định, xuyên tạc thắng lợi của ta, gây phân vân hoài nghi trong quần chúng và bỉ ổi hơn là vu cáo ta vi phạm hiệp định. Đặc biệt chúng tiếp tục thực hiện âm mưu di dân dân, ủi phá địa hình, từng bước lấn sâu vào vùng ta.

8 giờ sáng ngày 28 tháng 1 năm 1973, hiệp định bắt đầu có hiệu lực cũng là lúc địch không chấp hành lệnh ngừng bắn, trong ngày 28 tháng 1 và những ngày tiếp theo với sự yểm trợ của phi pháo, có cả thiết giáp của sư đoàn 22 ngụy điên cuồng phản kích vào các vùng làm chủ của ta nhằm giành đất, giành dân. Lấn chiếm đến đâu chúng gỡ cờ ta, treo cờ của chúng đến đó để Ủy ban quốc tế giám sát ngừng bắn công nhận là vùng do chúng kiểm soát. Các lực lượng vũ trang ta đã kiên cường chiến đấu quyết liệt, giành giật với địch từng tấc đất. Tiểu đoàn 840 cùng với các đơn vị địa phương liên tục đánh địch lấn chiếm vùng Tam Giác (Bình Thuận) một vùng đất mà địch cố giành giật suốt trong cuộc kháng chiến chống Pháp và cả Mỹ lẫn ngụy từ lâu cũng không làm được. Nhưng giờ đây địch cố xúc tiến bằng mọi cách đẩy các lực lượng ta lên phía bắc đường sắt Bắc Nam ngoài vùng Tam Giác để lấy đường sắt làm ranh giới giữa vùng ta và vùng chúng. Với âm mưu đó nên khi bàn về địa điểm đón phái đoàn quân sự của ta vào Ban

liên hiệp khu vực 4 Phan Thiết tại Tân Nông trong vùng Tam Giác thì phía Mỹ và ngụy Sài Gòn lẫn tránh với lý do là vùng không an toàn và cuối cùng để được việc, ta đồng ý cho trực thăng Mỹ đón phái đoàn quân sự của ta tại nam Bàu Hai Lồng trên trục đường sắt Bắc Nam.

Ngày 10 tháng 2 năm 1973, phái đoàn Liên hiệp quân sự bốn bên - khu vực 4 của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam do thượng tá Nguyễn Trọng Xuyên làm Trưởng đoàn, đồng chí trung tá Võ Thọ Sơn làm Phó đoàn, đoàn cán bộ quân sự Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do trung tá Tạ Viết Quý làm Trưởng đoàn và các bộ phận phục vụ hậu cần, thông tin, cơ yếu cảnh vệ... cũng đều có mặt tại trụ sở khu vực 4 (Cảng E-sê-pic Phan Thiết). Sự có mặt của đoàn cán bộ quân sự trong phái đoàn Liên hiệp Quân sự bốn bên khu vực 4 đã thực sự tác động mạnh mẽ, cổ vũ tinh thần đấu tranh của quần chúng, mặc dù địch cố tìm mọi cách ngăn cản. Trong những ngày này tiếng súng lấn chiếm của địch vẫn liên tục nổ, buộc thiếu tá Võ Đức Nhi, đại úy Nguyễn Cang chỉ huy các lực lượng vũ trang của ta ở khu vực Tam Giác phải mở máy PRC 25 gọi răn đe tên đại tá Ngô Tấn Nghĩa tỉnh trưởng Bình Thuận: “Nếu cứ tiếp tục bắn phá và xua quân, lấn chiếm vi phạm hiệp định thì sẽ bị trừng trị”. Nhưng kẻ địch bất chấp lời cảnh cáo ấy. Do đó, Đại đội 130 trợ chiến quân khu đã bắn tám quả đạn H12 vào dinh tỉnh trưởng Bình Thuận, đạn trúng đích làm sập nóc lô cốt, một quả trúng sân cột cờ. Việc làm này, ít ra cũng để cho địch thấy rằng tiểu khu Bình Thuận tại Phan Thiết đang nằm dưới tầm hỏa lực của ta. Mặc dù vậy, tên tỉnh trưởng Bình Thuận theo

lệnh Mỹ và tổng thống Thiệu vẫn tiếp tục hò hét xua quân lấn chiếm và ngày càng vi phạm hiệp định nghiêm trọng hơn. Trước tình hình đó ngày 14 tháng 2 năm 1973 thường vụ Khu ủy 6 ra chỉ thị 01/73 chỉ đạo các đơn vị. “Cần nắm chắc tinh thần chính, đẩy lên cho được một phong trào quần chúng vùng lên hành động cách mạng, đấu tranh đòi thi hành hiệp định, đòi tự do dân chủ, dân sinh, kết chặt với phá kềm bung dân ra, giành quyền làm chủ, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng⁽¹⁾”.

Đầu tháng 3 năm 1973, Hội nghị quân chính Quân khu 6 đề ra chủ trương cụ thể cho các lực lượng vũ trang “Phải kiên quyết trừng trị địch vi phạm hiệp định, vừa đánh địch bung ra, vừa đánh sâu vào trong ấp, diệt ác. Kết hợp tuyên truyền phát động quần chúng dùng pháp lý hiệp định để binh vận đấu tranh với địch...”.

Vùng Tam Giác trở thành nơi ta và địch giằng co quyết liệt, ngày 11 tháng 2 năm 1973, địch cho 6 đại đội, có máy bay, xe tăng yểm trợ càn quét đánh phá liên tục dài ngày ở xóm Bàu, là vùng giải phóng cách thị xã Phan Thiết 4 cây số về phía tây bắc.

Sáng ngày 10 tháng 3 năm 1973 sau nhiều đợt máy bay ném bom, pháo bắn dọn đường, tiểu đoàn 202 chia làm nhiều cánh tiến công đánh vào xóm Bàu nơi Tiểu đoàn 840 chốt giữ. Tiểu đoàn trưởng Lê Đức Thiện

(1) Chỉ thị 0/73 ngày 14 tháng 2 năm 1973 của Thường vụ Khu ủy 6
- Số bảo mật 30.503 - Ban Khoa học Lịch sử Quân sự tỉnh Bình Thuận lưu.

và Chính trị viên Nguyễn Văn Thắng⁽¹⁾ đã chỉ huy đơn vị chiến đấu. 8 giờ một đại đội địch xuất hiện ở rìa ấp Tân Điền, tiếp quân chậm chạp qua cánh đồng phía đông nam xóm Bàu chạm súng với Đại đội 2/840 bị đánh đau bọn địch tháo chạy về lại ấp Tân Điền. Cùng lúc một cách khác từ phía bắc ấp Tân Điền men theo đường đất tiến vào xóm Bàu đại đội đi đầu của cánh này đã len lỏi vào được trong xóm, men theo sườn phải của Đại đội 3/840 và tiến sâu vào điểm tựa của Đại đội 1/840. Lúc 9 giờ, đại đội địch đánh vào Đại đội 1. Tiểu đoàn trưởng Thiện, Chính trị viên Thắng lệnh cho Đại đội 2 kèm giữ bọn địch phía đông nam, cho Đại đội 3 vận động đánh từ bên sườn phía sau, hiệp đồng với Đại đội 1. Trận địa hỏa lực của tiểu đoàn sau khi bắn chi viện cho Đại đội 1 và Đại đội 3 chiến đấu đã chuyển tầm bắn về phía sau chặn địch tháo chạy. Trận đánh diễn ra nhanh, gọn chỉ sau 45 phút chiến đấu ta đã đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn này, bắt chín tên thu 27 súng.

Hai ngày sau tại Ban liên hiệp quân sự bốn bên khu vực 4 ở Căng E-sê-pic Phan Thiết, tên đại tá Nguyễn Mạnh Đính trưởng phái đoàn nguy cơ cáo ta vi phạm hiệp định ngừng bắn đã nổ súng vào tiểu đoàn địa phương quân 202 tiểu khu làm chết bảy, bắt 23 và yêu

(1) Năm 1971, 1972 - Tình hình cán bộ tiểu đoàn có nhiều thay đổi. Đồng chí Nguyễn Trung Việt - Tiểu đoàn trưởng 840 về Tiểu đoàn 200C, đồng chí Lê Phi Hung (Hổ) thay; đồng chí Hung hy sinh, đồng chí Việt về lại làm Tiểu đoàn trưởng 840. Cuối 1972 đồng chí Việt đi học ở Miền, đồng chí Lê Đức Thiện thay. Đồng chí Quách Toàn Quang Chính trị viên tiểu đoàn đi học, đồng chí Nguyễn Văn Thắng về làm Chính trị viên tiểu đoàn

cầu ta phải trả lại số bị bắt. Thượng tá Nguyễn Trọng Xuyên trưởng đoàn của ta cực lực phản cáo “chính phía Việt Nam cộng hòa vi phạm hiệp định ngừng bắn, xua quân tiến công lấn chiếm vùng kiểm soát của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và yêu cầu Ban Liên hiệp Quân sự bốn bên, Ủy ban quốc tế giám sát đến tại chỗ để điều tra kết luận. Nhưng sau đó phía Việt Nam cộng hòa tìm cách quanh co, cố tránh việc đi điều tra. Thắng lợi của trận đánh có ý nghĩa quan trọng tạo điều kiện trực tiếp cho phong trào đấu tranh chính trị, binh vận, hỗ trợ cho nhân dân trong các ấp tập trung bung về vườn đất cũ làm ăn. Đồng thời cũng khẳng định tư tưởng phải tiến công bằng bạo lực quân sự mới ngăn chặn và đè bẹp được âm mưu lấn chiếm của địch. Thắng lợi cũng giúp cho ta thấy rõ khả năng tác chiến của quân ngụy trong tình hình mới. Mặc dù buộc phải ký kết Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục đẩy mạnh “Việt Nam hóa chiến tranh” một chiến lược đầy tham vọng nhưng cũng đầy mâu thuẫn vì trong lúc hơn một triệu quân Mỹ-ngụy đã không làm được, nay Mỹ rút quân và lực lượng vũ trang ta vẫn đứng tại chiến trường cài thế da báo, vừa đánh địch lấn chiếm vừa có thêm pháp lý của Hiệp định Pa-ri để đấu tranh, thì Mỹ muốn cho ngụy mạnh lên là điều không sao thực hiện được.

Những lực đực phản ứng của ngụy Sài Gòn khi thấy Mỹ không còn khả năng viện trợ cho ngụy như trước nữa. Hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn đang hoang mang dao động, tâm lý vốn đã suy sụp nay càng suy sụp hơn trước khi thế cách mạng của quần chúng và

những đòn tiến công mãnh liệt của Quân giải phóng miền Nam. Mặc dù bị ta liên tiếp trừng trị, bị quần chúng tố cáo vạch trần bản chất ngoan cố, nhưng địch vẫn tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của kế hoạch bình định “Cộng đồng tái thiết và cộng đồng phát triển địa phương (1972-1975)⁽¹⁾. Với ba mục tiêu cơ bản:

- Bảo vệ an ninh lãnh thổ và an ninh dân chúng.

- củng cố bộ máy thôn, ấp và xã.

- Ổn định đời sống dân chúng. Hồ hào phát triển kinh tế xã hội để tiến tới một nền kinh tế, “Tự lực tự cường” theo kế hoạch kinh tế hậu chiến. Mặt khác chúng tăng cường đồn quân bắt lính, đóng thêm các đồn bót, tích cực ủi phá địa hình, thực hiện di dân dân. Ở Khu 6 chúng lập thêm hai quận mới: K'rong Pha (Ninh Thuận), Nghĩa Lộ (Bình Tuy) tiếp tục phân loại quần chúng để kiểm soát và đối phó. Lợi dụng việc bà con bung ra làm ăn, chúng đưa bọn chỉ điểm trà trộn để nắm tình hình thực hiện âm mưu lấn chiếm mới.

Tháng 5 năm 1973, hội nghị khu ủy mở rộng, kiểm điểm uốn nắn tư tưởng hữu khuynh, do dự trong việc đánh trả địch vi phạm hiệp định và đề ra nhiệm vụ: “Trên cơ sở tiếp tục trụ, bám, tấn và xây, chuyển mạnh phương thức, ra sức giữ vững và mở rộng vùng tranh chấp, xóa đại bộ phận ấp trắng, tích cực mở vào vùng sâu, vùng yếu, kết chặt với phá kìm giành dân, giành quyền làm chủ, xây dựng cả lực lượng bên ngoài và bên

(1) Theo tài liệu kế hoạch cộng đồng tái thiết và cộng đồng phát triển địa phương 1972-1975 của ngụy quyền Sài Gòn.

trong vững mạnh”⁽¹⁾.

Sau hội nghị, nhiều vấn đề được đặt ra, từ việc tăng cường lực lượng cho phía trước để đánh địch lần chiếm vi phạm hiệp định, tổ chức học tập, quán triệt nhiệm vụ, chỉ đạo xây dựng phong trào, tổng kết thi đua biểu dương khen thưởng, tổ chức biên chế sắp xếp lại lực lượng để thích ứng với tình hình nhiệm vụ mới. Giải thể và rút gọn một số đơn vị trong đó có Tiểu đoàn 17 bổ sung cho Tiểu đoàn 840 và 186 quân khu. Tập huấn nâng cao trình độ chiến kỹ thuật cho cán bộ, chiến sỹ. Sau củng cố, huấn luyện, tháng 7 năm 1973, Quân khu đưa Tiểu đoàn 15 xuống đứng ở Tam Giác thay cho Tiểu đoàn 840 về phía sau củng cố. Mặt khác lo triển khai xây dựng hành lang vận chuyển, xây dựng căn cứ và các khu vực sản xuất, trại an dưỡng, điều dưỡng, bệnh xá và tổ chức đưa thương binh ra miền Bắc điều trị. Riêng đối với vấn đề xây dựng căn cứ, hành lang vận chuyển của Khu 6 là một vấn đề khó khăn kéo dài: vì trước đây vùng bắc Lâm Đồng, Phước Long, Quảng Đức là một trong những vùng căn cứ của Khu 6 và đường hành lang vận chuyển từ biên giới Cam-pu-chia về chiến trường Khu 6 đi lại khá thuận lợi, nhưng từ khi Miền tách Phước Long và Quảng Đức để cùng với Bình Long lập lại Khu 10 (năm 1966); Khu 10 lực lượng còn ít, lại gặp lúc địch gom dân nên Khu 10 gặp nhiều khó khăn, lúc này đường hành lang vận chuyển của Khu 6 phải đi nhờ vào đất Khu 10, các đội tải của Khu 6 phải đứng chân và

(1) Nghị quyết hội nghị Khu ủy 6 mở rộng tháng 5 năm 1973 số bảo mật 7564 – Ban Tổng kết chiến tranh Bộ Quốc phòng.

đánh địch thường xuyên trên đất Khu 10 “đất Khu 10, người Khu 6”. Trong khi đó việc chỉ đạo của Trung ương đối với Khu 6 thông qua Miền (B2) và những chỉ đạo hoạt động, chỉ viện của Miền cho Khu 6 chỉ giới hạn chủ yếu trong vùng lãnh thổ quân khu 3 (Vùng 3 chiến thuật) nhằm căng kéo, chia cắt địch với chiến trường miền Đông Nam Bộ, chứ không lan ra rộng cả Khu 6 (Cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên) nên Khu 6 gặp rất nhiều khó khăn. Đến khi cuộc tiến công chiến lược 1972 chủ lực Miền giải phóng Lộc Ninh, Bù Đốp thì cuối năm 1972 Miền chỉ thị: Quân khu 6 phải chuyển trọng điểm về phía bắc Bình Tuy và đường 20 Đạ Huoai (thuộc quân khu 3 địch) nhằm mở rộng và nối hành lang với Miền. Sau Hiệp định Pa-ri 1973; Khu 6 chuyển toàn bộ hành lang vận chuyển về hướng này qua các cung đoạn: cung đoạn 1 từ Bù Đốp qua sông Bé, đường 14 – Bù Na đến bờ sông Đồng Nai (mặt danh Bến Cầu) – cung đoạn này do đội vận tải ô tô đảm trách, nhưng do đường đất sinh lầy nên xe chỉ chạy được trong mùa khô; cung đoạn 2: từ sông Đồng Nai đến vàm sông Đạ Huoai do đội thuyền máy đảm trách; cung đoạn 3: từ sông Đạ Huoai qua đường 20 về đến căn cứ bắc Hoài Đức, Tánh Linh (Bình Tuy) đoàn H50 chuyển tải bộ khá thuận lợi.

Tháng 10 năm 1973 trở đi, tình hình biến chuyển có lợi cho ta, ta bắt đầu đánh thắng vào bên trong các ấp, diệt ác, diệt sinh lực địch để hỗ trợ cho quần chúng phá kìm, bung dân về đất vườn cũ làm ăn. Tạo thuận lợi cho đội, mũi công tác đẩy mạnh hoạt động vào vùng sâu phát triển cơ sở, tuyên truyền thắng lợi của cách mạng, chỉ ra xu thế thất bại không thể nào tránh khỏi của

địch. Vận động chị em phụ nữ kêu gọi chồng con em họ bỏ hàng ngũ địch trở về nhà làm ăn.

II. TIỂU ĐOÀN 840 TRONG ĐỘI HÌNH TRUNG ĐOÀN 812 QUÂN KHU 6

Để tiếp tục bình định và rắp tâm phá hoại Hiệp định Pa-ri tập đoàn tay sai Nguyễn Văn Thiệu quyết tung cả lực lượng quân sự, chính trị, kinh tế – xã hội với nhiều thủ đoạn xảo quyết để tiến hành lấn chiếm úi phá địa hình, di dân dân, lập những khu tập trung mới cấm thêm đồn bót với mục đích bao trùm là mở rộng vùng kiểm soát của chúng, thu hẹp vùng ta, xóa dần hình thái xen kẽ, tạo ra hai vùng rõ rệt giữa ta và địch.

Ở các vùng tranh chấp và vùng tạm kiểm soát chúng tăng cường củng cố nguy quyền xã, ấp, đưa hàng ngàn cán bộ dân sự, hành chính, sĩ quan xuống nắm các bộ máy kềm, lập phân chi khu, tăng cường các cuộc cảnh sát, tổ chức trung tâm điều hợp phát triển, huấn luyện trang bị mạnh cho nhân dân tự vệ, đoàn ngũ hóa nhân dân. Đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, gián điệp, đầu độc thanh niên bằng lối sống thực dụng. Địch còn ra sức vơ vét trong quần chúng bằng tăng thuế, phạt vạ để bù đắp cho tình hình kinh tế đang gặp khó khăn.

Vùng giải phóng và căn cứ của ta, ngoài cần quét đánh phá bằng lực lượng quân sự, địch còn ra sức bao vây phong tỏa, phá hoại kinh tế. Tung gián điệp nắm tình hình, tác động chiến tranh tâm lý, gây tư tưởng hòa bình cầu an để lũng đoạn nội bộ và quần chúng, mua chuộc số lạc hậu, bất mãn đi chiêu hồi. Thiệu hung hăng gào thét: “không có hòa bình, không có tổng tuyển cử ở

miền Nam, bãi bỏ thương lượng với cộng sản. Phải đẩy mạnh tiến công ngay tại vùng cộng sản kiểm soát, bình định là keo cuối vùng, phải bình định gấp 5 gấp 10 lần, bình định là chiến lược tiến công để giành đất và khôi phục lại toàn bộ đất đai, xóa thế da báo và nhanh chóng chiếm lấy vùng tranh chấp". Mặc dù địch đã có những cố gắng rất lớn, song những hoạt động của ta trong những tháng cuối năm 1973 và đầu năm 1974 làm cho địch càng thêm lúng túng. Thêm vào đó nội bộ giữa Mỹ ngụy có nhiều mâu thuẫn lớn, viện trợ quân sự bị cắt giảm, quân số, vũ khí thiếu hụt không sao bù đắp kịp. Thế địch trên chiến trường bị động nghiêm trọng. Tất cả những kế hoạch đầy "lạc quan" mà Thiệu hờ hào đến đây gần như phá sản, buộc hẳn phải đề ra chủ trương "đánh giặc theo kiểu con nhà nghèo".

Trước diễn biến tình hình ở chiến trường và sự không thi hành lệnh ngừng bắn của địch, ngay từ tháng 7 năm 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 đã đề ra nghị quyết "Đường lối hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam".

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết 21 Trung ương: "... Dù phát triển theo hướng nào, con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực, bất kể trong tình huống nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên..."⁽¹⁾ và phương châm đấu tranh quân sự: "Kiên

(1) Những sự kiện Lịch sử Đảng - Tập 3 - Nhà xuất bản Thông tin lý luận. Trang 689 - 699.

quyết phản công và tiến công, giữ vững và phát huy thế chủ động về mọi mặt của ta, đánh bại các cuộc hành quân của địch lấn chiếm vùng giải phóng hoặc bình định các vùng giáp ranh”.

Sau khi tiếp thu Nghị quyết 21 của Trung ương, tình hình các mặt ở Khu 6 được xúc tiến mạnh mẽ, các lực lượng vũ trang và đội mũi công tác đẩy mạnh hoạt động thường xuyên kết hợp thành từng đợt cao điểm vừa đánh địch lấn chiếm ủi phá địa hình, di dân dân, vừa diệt ác phá kìm phát động quần chúng, đánh phá bình định, xây dựng phong trào cơ sở cách mạng.

Để động viên nâng cao trình độ tác chiến tập trung, phát huy quả đấm chủ lực nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, trên cơ sở các tiểu đoàn chủ lực hiện có, quân khu tổ chức lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng cho Tiểu đoàn 840 và học tập thành tích của các đơn vị anh hùng, phát động phong trào thi đua quyết thắng, nâng cao khí thế tiến công trong các lực lượng vũ trang, khắc phục tư tưởng mất cảnh giác, hữu khuynh tiêu cực. Ngày 9 tháng 5 năm 1974, tại hội trường Quân khu 6, sau khi kết thúc Hội nghị quân chính và tổ chức kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ, đồng chí Lê Văn Hiến thay mặt Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu công bố quyết định của Bộ Tư lệnh Miền thành lập Trung đoàn 812, gồm các Tiểu đoàn 840, 186, 15 và một số đơn vị trực thuộc như thông tin, trinh sát, công binh, do đồng chí Vũ Đức Nhi Phó chủ nhiệm Chính trị Quân khu làm Chính ủy, đồng chí Phạm Ty làm Trung đoàn phó I. Trung đoàn đứng chân hoạt động ở hướng trọng điểm của quân khu là hai huyện Tánh Linh – Hoài Đức. Đối với Tiểu đoàn 130 trợ chiến trước

mất Quân khu tăng cường cho Trung đoàn 812 để hoạt động và sau đó sẽ bổ sung cho trung đoàn để có đủ các đơn vị trợ chiến theo biên chế của một trung đoàn bộ binh. Tiểu đoàn đặc công 200C vẫn trực thuộc Quân khu, nhưng đến cuối 1974 do yêu cầu hoạt động tập trung ở chiến trường Bình Tuy phối hợp với Miền nên Quân khu tăng cường cho Trung đoàn 812. Tuy nhiên dầu có tập trung thành trung đoàn hay phân tán từng tiểu đoàn độc lập như trước thì về số lượng lực lượng vũ trang tập trung của Quân khu cũng chỉ có vậy. Nhưng dù sao các tiểu đoàn nằm trong đội hình trung đoàn đòi hỏi trình độ chỉ huy phối hợp tác chiến phải cao hơn, sức chiến đấu sẽ mạnh hơn và rõ ràng đây là bước phát triển mới của lực lượng tập trung Quân khu.

Gắn với công tác biên chế tổ chức, Quân khu liên tiếp mở các lớp tập huấn quân sự, chính trị cho cán bộ, chiến sỹ và các địa phương đơn vị. Trong huấn luyện lần này Quân khu chỉ đạo tập trung huấn luyện cách đánh công sự vững chắc, đánh chi khu, đánh phục kích, tập kích. Phải kết hợp chặt chẽ giữa huấn luyện, chiến đấu, công tác, tranh thủ thời gian đẩy mạnh sản xuất tự túc để giải quyết một phần khó khăn về lương thực. Phải khẩn trương chuẩn bị một số lương thực dự trữ nhất định cho hoạt động mùa khô năm 1974-1975. Quân khu và các tỉnh tổ chức lại các đoàn vận tải H50, H60, Trung Sơn, khôi phục lại các tuyến đường giao liên thành đường vận chuyển vũ khí, lương thực thuốc men từ phía sau ra phục vụ cho phía trước.

Vụ mùa 1974 ta đã thu hoạch được hàng nghìn tấn lúa, bắp, khoai, nhân dân các vùng căn cứ, tranh

chấp đều hăng hái đóng góp hàng trăm tấn lương thực. Đồng bào trong vùng địch kiểm soát cũng tìm mọi cách chuyển các mặt hàng thiết yếu như thực phẩm thuốc men, dụng cụ y tế, dụng cụ văn phòng phục vụ cho yêu cầu của cách mạng.

Được củng cố về mặt tổ chức, sắp xếp lại lực lượng, tư tưởng, quyết tâm được xác định, trình độ chiến kỹ thuật được nâng lên, các lực lượng vũ trang đã tích cực tấn công địch. Bước vào hoạt động Trung đoàn 812 tổ chức đánh cứ điểm Hột Xoài và phục kích vận động đánh viện từ tiểu khu Bình Tuy lên.

Cứ điểm Hột Xoài nằm trên đường tỉnh lộ 336 từ quốc lộ 1 đi Sông Dinh – Suối Kiết – Tánh Linh do một đại đội địa phương quân chiếm giữ. Địa hình vùng này đồi mấp mô thấp, đất đồi sỏi đá khô cằn, rừng thưa có nhiều cây sống lá nên còn gọi là rừng lá. Đây là vùng giải phóng từ những năm 1965 đến Hiệp định Pa-ri, nhưng sau hiệp định địch lấn chiếm, ủi phá địa hình di dân dân ra vùng này thành lập quận Nghĩa Lộ nhằm giữ trục đường số 1 và mở rộng vùng kiểm soát của chúng, nối lại con đường 336 vào khu vực Tánh Linh. Ở đây một thời là nơi mua bán, móc ráp cơ sở của ta, hàng ngày các loại xe be, xe ủi của các chủ khai thác gỗ vào ra dễ dàng và các loại hàng nhu yếu phẩm từ Sài Gòn theo xe đến đây để tiếp tế cho ta và cũng không ít bọn thám báo, gián điệp địch trà trộn hoạt động chỉ điểm đánh phá ta.

Để ngăn chặn tình hình trên, Khu ủy 6 và Tỉnh ủy Bình Tuy đã thành lập ở đây một ban cán sự Đảng

tương đương cấp huyện và quân khu sử dụng trung đoàn 812 mở đợt phản công địch ở vùng này.

Ngày 4 tháng 7 năm 1974, Tiểu đoàn 130 trợ chiến bắn cối 82 ly, ĐKZ75 và tiến hành vây ép cứ điểm Hột Xoài, Tiểu đoàn 840 phục kích vận động đánh thiệt hại hai đại đội địa phương quân của tiểu khu Bình Tuy đi ứng viện trên đường số 1 đoạn đông nam núi Một. Sau khi ta đánh tiêu diệt cánh quân ứng viện này, bọn địch ở cứ điểm Hột Xoài và các trung đội nghĩa quân ở các ấp lân cận đã tháo chạy và vùng này được giải phóng. Để chỉ đạo kịp thời và sát với tình hình, Hội nghị khu ủy mở rộng lần thứ 18 (tháng 8 năm 1974) để ra nghị quyết với yêu cầu “Từ những tháng cuối năm 1974 phải tạo cho được một bước thắng lợi mới toàn diện cả phía trước, phía sau, cả tiến công và xây dựng, làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta” Nghị quyết nêu cụ thể: “ba tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy phải đánh bại cơ bản kế hoạch bình định lấn chiếm của địch...”. Hội nghị cũng đã quán triệt sâu sắc về đánh giá vị trí chiến trường và nhiệm vụ chiến lược toàn khu của Ban chấp hành Trung ương Đảng. “Làm chủ cho được vùng rừng núi Khu 6 nối liền với vùng rừng núi miền Đông Nam Bộ, hợp thành căn cứ chiến lược liên hoàn vững mạnh cho cả chiến trường Nam Bộ. Từ đây ta triển khai những binh đoàn chủ lực vây ép và tiến công Sài Gòn từ nhiều hướng...”⁽¹⁾.

(1) Vùng đất kiên trung của đồng chí Lê Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng – Bí thư Tỉnh ủy Thuận Hải – Nxb QĐND – 1986 – tr148.

Tháng 9 năm 1974, Trung đoàn 812 chuyển quân ra Bình Thuận đánh địch lấn chiếm vùng tây sông Lũy, ở đây cũng gần giống như vùng Hột Xoài, địch xua quân lấn chiếm, ủi phá địa hình, di dân dân lập ấp Nghĩa Thuận dọc theo sông Khiêng. Đóng cứ điểm cấp đại đội trên đồi 31 nhằm mở rộng vùng kiểm soát phía bắc đường sắt và quốc lộ 1 từ Bàu Ốc ra đến sông Lũy và nhiều năm trước đó địch đã không làm được.

Thực hiện ý định trên, cơ quan Tham mưu quân khu và Trung đoàn 812 vạch kế hoạch tác chiến, trong ấy công tác bảo đảm được coi trọng – một công tác mà nhiều năm ở chiến trường Bình Thuận gặp không ít khó khăn. Đối với Tiểu đoàn 840 đã gần một năm vắng bóng trên chiến trường Bình Thuận, nếu địch phát hiện, nhất định sẽ đối phó gây khó khăn cho ta trước khi nổ súng. Vì vậy, khi đưa số cán bộ trung đoàn ra chuẩn bị chiến trường, Quân khu đã làm quyết định giả bổ nhiệm thiếu tá Phạm Ty về làm Tỉnh đội phó Bình Thuận để nghi binh đánh lừa địch tạo thuận tiện cho công tác chuẩn bị. Sau khi Chính trị viên Tỉnh đội Vũ Ngọc Đài công bố quyết định trên trước cơ quan tỉnh đội thì hai ngày sau trong bản tin địch, ta nhận được, tiểu khu Bình Thuận thông báo cho nhau về quyết định đó. Như vậy số cán bộ Trung đoàn 812 do Phạm Ty phụ trách tiến hành chuẩn bị chiến trường bình thường như tỉnh đội thường làm. Tuy nhiên để tiếp tục nghi binh trong kế hoạch hành quân, chỉ lệnh của Quân khu cho Trung đoàn 812 là: từ Bình Tuy ra Hàm Thạnh rồi rẽ ngược lên đèo Nam đi về hướng Lâm Đồng, nhưng khi đến ARa bí mật vòng qua Cà Tót, giấu quân ở suối Đá Bông (Đường 8 – Hàm Trí)

có tránh con đường Hàm Thanh – Hàm Phú – Hàm Trí, tuy hành lang này nằm trong vùng giải phóng của ta, nhưng mạng lưới điệp báo của địch còn có tác dụng nên nhiều lần lực lượng ta hành quân địch đã phát hiện ngăn chặn.

Ý định chiến đấu ban đầu là sử dụng Tiểu đoàn đặc công 200C đánh cứ điểm Cây Táo và Tiểu đoàn 840 phục kích vận động trên đường số 1 đánh viện từ Phan Thiết lên, nhưng gần đến ngày nổ súng tên Huỳnh Văn Bu, Tiểu đoàn trưởng 200C bỏ về Hàm Thanh rồi cùng với người tình là Yến đào ngũ chạy ra vùng địch. Được tin này Quân khu cho Trung đoàn 812 lui ngày hoạt động và điều chỉnh lại kế hoạch tác chiến, chuyển sang vây ép cứ điểm 31, phá ấp Nghĩa Thuận, Tiểu đoàn 840 phục kích vận động trên đường số 1 đoạn núi Ách. Đồng thời để lừa địch, ta cho Tiểu đoàn 200C từ Hàm Trí công khai chuyển quân qua phía Tam Giác, đường số 8 và một cuộc họp cán bộ thành phần gồm có huyện, xã, bộ đội địa phương, đội mũi công tác để phổ biến tình hình và giao nhiệm vụ hoạt động do Võ Ngọc Đài và Phạm Ty chủ trì với nội dung: “do tên Bu đào ngũ nên hướng đường 1 có thể bị lộ, vì vậy trên chủ trương chuyển toàn bộ hoạt động về phía đường 8, Tam Giác. Với lời lẽ thận trọng, căn dặn phải tuyệt đối giữ gìn bí mật để quan trọng hóa vấn đề. Cuộc họp tiến hành vào buổi chiều thì ngày hôm sau Trưởng Ban quân báo Lê Hào báo cáo lên Bộ Tư lệnh Quân khu bản tin của địch có đầy đủ tên cán bộ và nội dung cuộc họp. Tuy biết là địch đã nhận được sự tung tin mắc kế nghi binh của ta, nhưng trong kế hoạch vây ép cứ điểm 31 ta cũng chỉ cho hỏa lực xuất hiện với một

lực lượng nhỏ kết hợp với phá ấp Nghĩa Thuận. Qua hai ngày đêm vây ép cứ điểm và phá ấp, tên đại tá Nghĩa tỉnh trưởng Bình Thuận vẫn thông báo cho các chi khu, yếu khu đề phòng tránh chỗ mạnh của ta ở phía Tam Giác và lại ra lệnh cho tiểu đoàn 202 địa phương quân ra ứng viện cho Nghĩa Thuận để đánh vào chỗ yếu của ta. Ngày 12 tháng 9 năm 1974, hai đại đội của tiểu đoàn địa phương quân 202 đã đi vào trận địa của ta, Trung đoàn phó Phạm Ty cho Tiểu đoàn 840 xuất kích toàn bộ vây đánh tiêu diệt hai đại đội này, sau đó chuyển lực lượng đánh vào cứ điểm 31 và phá ấp Nghĩa Thuận, trước áp lực mạnh mẽ của ta, bọn địch ở đây đã tháo chạy. Kết quả đợt hoạt động ta đã loại 464 tên địch, tiêu diệt ba đại đội, một trung đội, một đoàn binh định, hai phân chi khu, bức rút một điểm chốt cấp đại đội. Tuy chưa đạt được yêu cầu đề ra nhất là phá ấp Nghĩa Thuận, đưa toàn bộ số dân về căn cứ, nhưng ta cũng đã diệt được nhiều sinh lực địch, bức rút một số điểm chốt, tạo ra những chuyển biến tốt cho phong trào vùng sâu, vùng yếu. Khí thế tiến công có những nét mới, gây được niềm tin trong quần chúng.

Đi đôi với hoạt động quân sự, các mũi đấu tranh chính trị, binh vận cũng được đẩy mạnh. Ở các vùng tranh chấp phong trào quần chúng tấn công vào bộ máy kèm ở cơ sở của địch bằng nhiều hình thức như cô lập, chỉ trích, có nơi đã dùng gậy gộc, dao mác thanh toán bọn tề ác. Phong trào càng về sau càng phát triển đều, rộng và được đông đảo quần chúng tham gia. Các tầng lớp trí thức như giáo viên, bác sĩ, công chức tập trung chống bọn tay sai tham nhũng, đòi hòa bình, đòi dân

sinh dân chủ. Nhiều cuộc đấu tranh có cả tề vệ, binh lính và cha cố nhà thờ hưởng ứng.

Tình hình kinh tế ngày càng suy thoái nghiêm trọng, gạo thịt, xăng dầu khan hiếm không đủ đáp ứng cho nhu cầu xã hội, thêm vào đó nạn tham nhũng hối lộ ngày càng tăng trong hàng ngũ chức sắc, tệ nạn xã hội ngày càng chồng chất làm cho đời sống nhân dân lao động vô cùng cực khổ. Thực trạng xã hội đó đã tác động mạnh đến nội bộ địch, nhất là trong hàng ngũ sĩ quan và binh lính ở các mặt trận vốn mang tâm lý thất bại, nay càng bị phân hóa sâu sắc dẫn đến tình thế khủng hoảng toàn diện. Trên chiến trường, địch đã lùi hẳn vào thế phòng ngự chiến lược. Bản thân Thiệu cũng đã tự thú nhận “quân lực Việt Nam cộng hòa ở thế bị động, bị cầm chân, khả năng yếu kém, tinh thần sa sút”⁽¹⁾.

III. CHIẾN DỊCH HOÀI ĐỨC – TÁNH LINH (Ngày 10 tháng 12 năm 1974 đến ngày 10 tháng 01 năm 1975)

Tình hình cách mạng miền Nam có những bước phát triển hết sức thuận lợi. Từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 8 tháng 10 năm 1974, Bộ Chính trị họp để đánh giá tình hình và nhận định thời cơ chiến lược mới đã tới và hạ quyết tâm lịch sử hoàn thành sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam. Nghị quyết đã nêu: “*Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền trong thời gian 1975 đến 1976, đẩy mạnh*

(1) Tài liệu tổng kết hoạt động của phòng 3 – bộ tổng tham mưu ngụy Sài Gòn.

đấu tranh quân sự, chính trị kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành khẩn trương và hoàn thành mọi công tác chuẩn bị, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam...”⁽¹⁾.

Quán triệt nghị quyết của Bộ Chính trị và ý định cụ thể của Miền đối với chiến trường Khu 6 là: giải phóng lộ 20 – Tánh Linh – Võ Đắc, chia cắt quân khu 2 và quân khu 3 của địch, nếu thuận lợi sẽ giải phóng Xuân Lộc, tạo bàn đạp bao vây cô lập Sài Gòn từ hướng đông.

Căn cứ vào nhiệm vụ của Miền giao và kế hoạch hoạt động phối hợp chiến trường, căn cứ vào tình hình cụ thể của Quân khu, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6 thống nhất phương án hoạt động mùa khô 1974 – 1975. Trước mắt trong tháng 12 năm 1974 cùng với chủ lực Quân khu 7 mở chiến dịch tổng hợp tiến công giải phóng hai huyện Tánh Linh và Hoài Đức thuộc tỉnh Bình Tuy, hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt một bộ phận sinh lực, kềm, căng địch, phối hợp tốt với chủ lực của Miền trên hướng chủ yếu đường 14 – Phước Long.

Trước khi bước vào chiến dịch, trên chiến trường

(1) Trích Nghị quyết tháng 10 năm 1974 của Bộ Chính trị – Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy quân địch còn rất đông gồm 14 tiểu đoàn, 68 đại đội, sáu chi đội cơ giới, 48 trung đội binh chủng các loại, 263 trung đội nghĩa quân, bốn đại đội và bảy trung đội cảnh sát dã chiến, tổng số khoảng 23.000 tên. Ngoài ra còn có khoảng 19.000 tên dân vệ và 2900 tên phòng vệ. Nếu tính cả chiến trường Khu 6, tổng số quân địch lên đến 72.450 tên. Phương tiện chiến tranh có 167 máy bay trong đó có 42 máy bay phản lực, 80 xe tăng, xe bọc thép, 71 xe vận tải quân sự, 34 hải thuyền, 84 pháo từ 105ly đến 155 ly cùng hệ thống căn cứ đồn bót kiên cố⁽¹⁾.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm có Sư đoàn 6 (thiếu) của Quân khu 7 – Quân khu Miền Đông có các Trung đoàn 33, Trung đoàn 4 bộ binh; các Tiểu đoàn 18, 19, 20 đặc công, đại đội pháo 85 ly và một số đơn vị trực thuộc. Trung đoàn 812 của Quân khu 6 có 3 tiểu đoàn bộ binh 840, 186, 15; Tiểu đoàn 130 trợ chiến, một số đơn vị trực thuộc và Tiểu đoàn 200C đặc công. Lực lượng địa phương hai huyện Tánh Linh – Hoài Đức.

Đảng ủy và Bộ Chỉ huy chiến dịch gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Sỹ, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 6 làm Chỉ huy trưởng, Lê Văn Hiền, Phó chính ủy Quân khu 6 làm Chính ủy, Bùi Văn Mỹ Phó tư lệnh Quân khu 6 làm Chỉ huy phó, Bảy Mai Chính ủy Sư 6 làm Phó chính ủy, đại diện cấp trên trực tiếp theo dõi chỉ đạo

(1) Chiến trường Khu 6 chịu sự đánh phá trực tiếp của hai sân bay lớn là Thanh Sơn (Ninh Thuận) thuộc quân khu 2 và sân bay Biên Hòa thuộc quân khu 3 của địch.

có đồng chí Nguyễn Minh Châu, Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Miền⁽¹⁾.

Trong kế hoạch hợp đồng chiến đấu, Sư đoàn 6 được tăng cường Tiểu đoàn 186 của Trung đoàn 812 ở hướng chủ yếu đánh diệt địch, giải phóng toàn huyện Hoài Đức. Mục tiêu then chốt là chi khu quận lỵ Hoài Đức. Trung đoàn 812 (thiếu) gồm: Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 15 và các đại đội bộ binh 88 Bình Tuy ở hướng chủ yếu, đánh giải phóng huyện Tánh Linh, mục tiêu then chốt là chi khu và cao điểm Lồ Ô.

Hoài Đức, Tánh Linh là hai huyện phía bắc tỉnh Bình Tuy, nằm giữa khu vực sông La Ngà. Phía tây – tây nam giáp Long Khánh thuộc quân khu 3 của địch, đông bắc giáp Lâm Đồng, quốc lộ 20, đông – đông nam giáp Bình Thuận, quốc lộ 1. Là vùng tương đối bằng phẳng nằm trong thung lũng sông La Ngà, địa hình có nhiều đồi núi thấp. Mùa mưa nước từ các dãy núi đổ xuống dữ dội, nhưng đến đây có sức chứa khổng lồ của biển Lạc nên ít xảy ra lũ lụt lớn. Sông La Ngà quanh co uốn khúc hàng năm đưa đất phù sa vào các cánh đồng và biển Lạc. Nhân dân ở đây có câu: “Gạo Đồng Kho, cá Biển Lạc” nói lên vùng đất trù phú này. Con đường số 3 từ ngã ba ông Đồn quốc lộ 1 lên Gia Huynh – Võ Đắc – Tánh Linh gần như độc đạo vì các con đường khác từ phía đường 20 như: Định Quán, Trà Cổ, Phương Lâm, Đa Kai, Mê Pu vào phải qua sông La Ngà lấy lợi không

(1) Đồng chí Nguyễn Minh Châu – Tư lệnh Quân khu 6 được Miền điều động nhiệm vụ mới; đồng chí Nguyễn Trọng Xuyên làm Tư lệnh Quân khu 6 từ năm 1970

cầu phà. Con đường 336 Sông Dinh – Suối Kiết – Tánh Linh – Mê Pu nằm trong vùng giải phóng của ta.

Sau năm 1954, với chính sách di dân lập khu dinh điền của Ngô Đình Diệm, dân các tỉnh miền Trung được đưa vào đây với đất rộng, người thưa làm ăn khá sung túc và quản lý Hoài Đức ở tại Khiêm Đức (Bắc Ruộng) được thành lập. Đông Xuân 1964 – 1965 Tiểu đoàn 186 Quân khu 6 đánh trận Mê Pu nổi tiếng, chi khu Hoài Đức hốt hoảng rút chạy về Võ Đắc, vùng bắc sông La Ngà được giải phóng. Sau đó, địch phản kích đánh phá đồn dân lập ấp, một số chạy vào rừng lập xã chiến đấu, phần lớn dân bị địch gom đưa về phía nam sông xây dựng hệ thống khu tập trung trên trục đường số 3 từ Võ Đắc, Võ Xu – Tánh Linh lấy cầu Lăng Quảng chia ranh giới hai huyện Hoài Đức, Tánh Linh.

Đối với địch, toàn bộ tỉnh Bình Tuy thuộc quân khu 3 và từ Bình Thuận, Lâm Đồng trở ra thuộc quân khu 2. Với ta, Quân khu 6 nằm trên hai quân khu của địch, vì vậy mà việc tổ chức nắm địch và chỉ đạo hoạt động, gặp không ít khó khăn. Trong nhiều năm, trọng điểm của quân khu là Bình Thuận, Tuyên Đức, còn Miền thì chỉ đạo cho Khu 6 nặng về phía Bình Tuy. Việc chi viện lực lượng của Miền cho Khu 6 lâu nay cũng chủ yếu giới hạn đến Bình Tuy và vùng Đạ Huoai Lâm Đồng thuộc quân khu 3 của địch. Tuy vậy chiến dịch Hoài Đức Tánh Linh mở ra sẽ có lợi cho cả Miền và Khu 6. Vì tiêu diệt địch, căng kéo Sư đoàn 18, để phối hợp hướng chủ yếu của Miền trên đường 14 Phước Long và Khu 6 sẽ có thêm lực mở mảng, giành dân vùng Hoài Đức, Tánh Linh.

Điều bất lợi cho chiến dịch là gần đến ngày “N” (ngày 5 tháng 12 năm 1974) tên Môn, Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn đặc công 200C Quân khu 6 đầu hàng giặc, một đồng chí Tiểu đoàn trưởng của Trung đoàn 33 đi nghiên cứu mục tiêu bị địch phục kích bắn bị thương và bị bắt, đặc công Sư đoàn 6 chuẩn bị mục tiêu thì một đồng chí hy sinh không lấy được xác. Kế hoạch tác chiến của ta đã bị lộ, nên ngoài lực lượng của hai chi khu Hoài Đức, Tánh Linh, địch đã tăng cường Tiểu đoàn 334 địa phương quân cho chi khu Võ Đắc, Tiểu đoàn 335 địa phương quân Long An và Ban chỉ huy chiến thuật Bình Tuy cho chi khu Tánh Linh, điều chỉnh lại Liên đoàn 7 biệt động quân, Chi đoàn cơ giới 3/5 và hai trung đội pháo binh đứng trên đường số 1 và số 3 thuộc Hoài Đức. Điều tiếp tiểu đoàn địa phương quân từ Long Khánh lên Giá Rây. Chiến đoàn 48 (sư đoàn 18) cơ động tại ngã 3 Ông Đồn (đường số 1). Hàng ngày địch tung biệt kích thăm dò, càn quét nong ra các khu vực trọng điểm, ngăn chặn hành lang tăng cường phi pháo bắn phá các nơi nghi ta tập kết. Chưa bước vào chiến dịch, nhưng chiến sự diễn ra hàng ngày rất ác liệt và căng thẳng trong khu vực. Mật độ phi pháo ngày càng tăng, các cuộc đụng độ nhỏ, lẻ thường xuyên xảy ra. Mặt khác công tác bảo đảm cơ sở vật chất cho chiến dịch cũng còn quá yếu – nhất là đạn dược. Đang mùa mưa nên đường vận chuyển lầy lội, xe vận tải của Đoàn 814 Cục hậu cần Miền chưa qua được phà sông Đồng Nai và đường 20. Đối với Quân khu 6 sau khi nhận chỉ thị của Miền đã bắt tay vào chuẩn bị các mặt: từ việc nhanh chóng chấm dứt đợt hoạt động ở phía sông Lũy, Bình Thuận, triển khai Tiểu

đoàn 200C và Trung đoàn 812 cùng với đặc công Sư đoàn 6/Quân khu 7 tiến hành chuẩn bị các mục tiêu khu vực Hoài Đức, Tánh Linh. Tháng 10 năm 1974 Quân khu 6 mở lớp tập huấn cho cán bộ Trung đoàn 812 và các tỉnh chiến thuật đánh địch trong công sự vững chắc, vận động tiến công và chốt trụ (phòng ngự điểm tựa) với các phương án tác chiến có thể xảy ra. Tuy nhiên việc chuẩn bị vật chất gặp nhiều khó khăn vì đang mùa mưa lũ, đường từ Bù Đốp đến Bến Cầu⁽¹⁾ lầy lội xe vận tải không sao đi được. Chỉ có mấy chiếc xe của Cục hậu cần Quân khu 6 đang nặng nề lăn bánh trên con đường đã chiến trong vùng căn cứ giải phóng để vận chuyển lương thực từ vùng Hàm Phú, Bình Thuận vào Bình Tuy, nhưng mùa gặt của cách đồng Hàm Thuận chưa đến... nên cũng chỉ vét được một ít lương thực dự trữ trong các kho đầu năm 1974 còn lại. Mùa khô 1974 – 1975 đến với vùng Hoài Đức, Tánh Linh quá chậm chạp, những chiếc xe be của các chủ khai thác gỗ chưa thể vào rừng, vì vậy mà các cửa khẩu của ta cũng chưa có mua bán được gì. Mặc dù các cán bộ hậu cần Quân khu 6 hoạt động khá xông xáo, nhưng vẫn không sao lo kịp và đủ cho một chiến dịch trong mùa mưa ở vùng sâu xa hậu cứ tiếp liệu. Do những khó khăn trên nên Bộ Chỉ huy chiến dịch cho lui ngày "N" để chuẩn bị thêm. Bộ Chỉ huy Miền gợi ý chuyển một bộ phận của Sư đoàn 6 qua hoạt động phía đường 20 để đánh lạc hướng địch, nhưng qua rà xét lại tình hình Bộ Chỉ huy chiến dịch vẫn giữ nguyên quyết tâm đánh Hoài Đức, Tánh Linh và phương án tác chiến

(1) Bờ Tây sông Đồng Nai.

có điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình địch đã tăng cường đối phó.

Hướng thứ yếu, Trung đoàn 812 chưa đánh vào chi khu Tánh Linh ngay mà dùng đặc công đánh chiếm cao điểm Lô Ổ, khống chế chi khu, sau đó sẽ tiếp tục đánh chi khu.

Đúng 2 giờ ngày 10 tháng 12 năm 1974, hướng chủ yếu. Sư đoàn 6 đồng loạt tiến công địch. Tiểu đoàn 18, 20 đặc công và một Tiểu đoàn bộ binh của Trung đoàn 4 tổ chức 4 mũi đánh vào chi khu Võ Đắc (Hoài Đức) nhưng không dứt điểm. Cùng lúc Tiểu đoàn 2 của Trung đoàn 4 và đặc công trinh sát của sư đoàn đánh chiếm các mục tiêu đồi Bảo Đại, Núi Dinh, dùng hỏa lực đánh vào đồi Su. Tiểu đoàn 186 của Trung đoàn 182 cùng với bộ đội địa phương và du kích đánh phân chi khu Sùng Nhơn và chốt giữ xã Võ Xu, Trung đoàn 33 đánh viện phía nam lên. Ở hướng thứ yếu (Tánh Linh), Tiểu đoàn đặc công 200C cùng Đại đội 1 Tiểu đoàn 15 và một bộ phận hỏa lực của Tiểu đoàn 130, tổ chức 4 mũi đánh vào cao điểm Lô Ổ, một cứ điểm nằm trên dãy cao điểm 250, phía tây của chi khu Tánh Linh 700 mét cứ điểm xây dựng trên hai ngọn đồi liền nhau, hệ thống công sự hầm hào tương đối vững chắc, có tường thành và 7 lớp rào hỗn hợp chia thành hai khu vực: Khu A còn gọi là mỏm Nam do đại đội 878 địa phương quân chiếm đóng, Khu B (mỏm Bắc) do Trung đội pháo binh (hai khẩu 105 ly và 155ly) và một trung đội ngã quân chiếm giữ, khống chế toàn bộ khu vực Tánh Linh.

Đúng 2 giờ 35 cùng ngày hướng chủ yếu ta cho nổ

mìn ĐH phá rào mở màn cho trận đánh: Mũi 1: 27 đồng chí từ điểm triển khai (phía tây – nam) đi vòng lên phía bắc và luồn sâu qua phía đông (phía chi khu Tánh Linh) và từ đó tiềm nhập lên, khi nổ mìn phá rào, mũi này đánh chiếm các ụ súng bờ tường và chiến hào mồm Nam, nhưng bị hỏa lực địch ngăn chặn không phát triển được. Mũi 2: 20 đồng chí vẫn từ điểm triển khai (phía tây – nam) đi vòng lên phía bắc và từ đó tiềm nhập vào mồm Bắc, khi nổ mìn phá rào, mũi này bị hỏa lực địch ngăn chặn không vào được, đồng chí Khâm, chính trị viên phó hy sinh, đồng chí Hùng, mũi phó tiếp tục chỉ huy dùng hỏa lực kèm chế và áp lực lượng sát vào tường để vận động. Mũi 3: 20 đồng chí từ phía tây đánh chiếm đầu cầu phía tây mồm Nam và phát triển thuận lợi. Mũi 4: 20 đồng chí từ phía nam đánh chiếm lô cốt cổng chính Khu A (mồm Nam) phát triển vào khu truyền tin bất liên lạc với mũi 1 và mũi 3 và đồng chí Phước, Tiểu đoàn trưởng 200C đã chỉ huy hiệp đồng các mũi đánh chiếm khu trung tâm Sở Chỉ huy địch. Mũi 2 đánh trận địa pháo ở mồm Bắc vẫn chưa vào được, đánh giằng co kéo dài, Chỉ huy trưởng trận đánh Bùi Văn Mỹ và Trung đoàn phó 1 Phạm Ty điều thêm ĐKZ75 ly và cối 82 ly thiết lập trận địa hỏa lực ở Khu A ngắm bắn trực tiếp vào mồm Bắc và đưa đội dự bị (Đại đội 1 Tiểu đoàn 15) vào mở đột phá đánh sang trận địa pháo với hỏa lực chế áp mạnh mẽ có hiệu quả. Mũi 2 phía bắc đã vượt tường hiệp đồng với các mũi phía mồm Nam đánh chiếm trận địa pháo mồm Bắc, sau 4 giờ chiến đấu dũng mãnh và đầy mưu trí ta đã san bằng cứ điểm đồi Lồ Ổ và để lại đại đội 1/15 và một bộ phận hỏa lực Tiểu đoàn 130 tổ

chức chốt trụ (phòng ngự điểm tựa) đánh địch phản kích và dùng hỏa lực khống chế chi khu Tánh Linh). Cùng đêm Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn 840 đánh chiếm đồn cấp đại đội ở đồi Giang, cách chi khu 700 mét về phía đông – bắc nhưng ta không chốt giữ nên sáng hôm sau địch chiếm lại. Đại đội 3 Tiểu đoàn 15 và trinh sát Trung đoàn 812 đánh địch rút chốt phía tây – bắc cứ điểm Lồ Ổ. Tiểu đoàn 840 (Trung đoàn 812) và Đại đội 432 bộ đội địa phương huyện Tánh Linh đánh bót xã Dú, đồi Đá, các ấp Chàm, Nùng, Quan Hà, Lạc Tánh, và Huy Lễ. Địch chưa có phản ứng nào lớn ngoài việc ra lệnh cho các đơn vị tăng cường phòng thủ tại chỗ. Tên sư đoàn trưởng 18 và tên tiểu khu trưởng Bình Tuy đi máy bay L19 và trực thăng đến quan sát, nghiên cứu tình hình để tìm cách đối phó. Ngày 11 tháng 12, địch cho chín lần chiếc trực thăng đổ quân tăng cường cho chi khu Tánh Linh và chuyển thương binh tử sĩ, ta bắn rơi một trực thăng. Cùng ngày địch điều đại đội 710, 720 và một đại đội của tiểu đoàn 355 địa phương quân, dưới sự yểm trợ của máy bay A37 ném bom và trực thăng phóng pháo tám lần phản kích lên cao điểm Lồ Ổ nhưng đều bị ta đánh lui. Hướng chặn viện đường số 3, trong hai ngày 11 và 12 tháng 2 năm 1974, địch cho liên đoàn 7⁽¹⁾ biệt động quân và chiến đoàn 48⁽²⁾ sư đoàn 18 liên tiếp mở nhiều đợt tiến công để mở đường cứu viện cho hai chi khu Hoài Đức – Tánh Linh nhưng đều bị Trung đoàn 33 chặn đánh buộc phải rút lui. Trong đêm 12, do ta sơ hở,

(1) Liên đoàn tương đương với trung đoàn độc lập.

(2) Chiến đoàn là trung đoàn tăng cường.

một tiểu đoàn thiếu của liên đoàn 7 biệt động quân và một tiểu đoàn của chiến đoàn 48 sư đoàn 18 chiếm được phía nam cầu Gia Huynh, ta chặn đánh quyết liệt, địch không phát triển được. Những ngày tiếp theo, ta tiếp tục chốt giữ các nơi đã chiếm được, đánh địch phản kích kết hợp với phát động quần chúng nổi dậy giải phóng các xã, ấp còn lại. Đêm 14 tháng 12 Sư đoàn 6 tăng cường một bộ phận lực lượng cho Trung đoàn 33 đánh chiếm Đồi Đá, cầu Nín Thở và chốt Trà Tân. Cắt đường số 3 ra từng đoạn bao vây cô lập bọn biệt động quân và chiến đoàn 48 làm chúng không tiến lên được và cũng không tháo lui được. Trung đoàn 4 áp sát chi khu Võ Đắc, vây ép quận lỵ Hoài Đức. Tiểu đoàn 186 (thiếu) cùng lực lượng địa phương, diệt đồn Suối Lễ, bao vây đồn Gò, đánh địch phản kích ở Võ Xu. Tại Tánh Linh, Đại đội 1 Tiểu đoàn 840 cùng Đại đội 88 Bình Tuy bao vây đồn Duy Cần do Đại đội 700 địa phương quân chiếm giữ, trước sức ép mạnh mẽ của ta, đêm 16 tháng 12 địch bỏ đồn tháo chạy qua cầu Lăng Quảng, ta phát triển chiếm Huy Lễ, Hiếu Tín bắc chi khu Tánh Linh. Bộ phận còn lại của Tiểu đoàn 840 (Trung đoàn 812) chiếm xã Dú, ấp Chàm cùng với Tiểu đoàn 15 chốt giữ Lò Ô liên tục đánh địch phản kích và dùng hỏa lực chế áp vây ép chi khu Tánh Linh. Sau 14 ngày đánh địch giải phóng xã ấp, vây ép chi khu, Bộ Chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm đánh chi khu giải phóng huyện Tánh Linh trước, sau đó tập trung lực lượng dứt điểm chi khu Hoài Đức. 23 giờ ngày 23 tháng 2 năm 1974, Tiểu đoàn 840, 15 và các đại đội trực thuộc (Trung đoàn 812) Tiểu đoàn 200C đặc công Quân khu 6 được tăng cường một bộ phận hỏa lực của Sư

đoàn 6 (2 ĐKZ75, 20 đạn H12) tổ chức thành 3 mũi tiến công chi khu Tánh Linh.

Sau 30 phút pháo hỏa chuẩn bị, mũi đột phá chủ yếu của Tiểu đoàn 840 cùng với mũi thứ yếu của Đại đội 1 Tiểu đoàn 15 và một bộ phận đặc công 200C đánh chiếm một góc phía tây chi khu. Mũi đặc công 200C từ phía bắc đã bí mật áp sát liền nhảy vọt lên đánh chiếm đầu cầu và một góc phía bắc chi khu. Tiểu đoàn 840 phối hợp với Tiểu đoàn 200C phát triển vào trung tâm đánh chiếm Sở Chỉ huy và từng khu vực. Định trong công sự ngầm phục hồi chống trả quyết liệt, trận đánh kéo dài. Chỉ huy trưởng Bùi Văn Mỹ và trung đoàn phó một Phạm Ty đưa hết lực lượng dự bị vào dùng thuốc nổ khối 15 – 20 kg đánh sập từng ngách hầm ngầm của địch. Đến 8 giờ sáng 24 tháng 12, ta làm chủ chi khu. Ngày 24 tháng 12, địch đưa tiểu đoàn 335 địa phương quân vào phản kích, một bộ phận địch đã đột nhập được vào bên trong cùng bọn sống sót dưới hầm ngầm chống cự quyết liệt. Các Tiểu đoàn 840, 15, 186 liên tục đánh trả địch bên ngoài và tảo trừ bên trong đến 16 giờ 30 chiều 24 tháng 12 ta mới tiêu diệt hoàn toàn địch trong chi khu và các ấp Quan Hà, Xã Dú, Hiếu Tín và Lạc Tánh. Đại đội 5 Tiểu đoàn 840 và một bộ phận hỏa lực vây ép địch ở Đồi Giang, đêm 24 tháng 12 địch rút chạy. Tiểu đoàn 186 phát triển đánh bọn tàn quân địch co cụm trên đồi Xã Dú đến 8 giờ ngày 25 tháng 12, bọn địch ở đây tháo chạy. Đến 7 giờ ngày 26 tháng 12, Trung đoàn 812 cùng lực lượng địa phương Bình Tuy đã quét sạch toàn bộ quân địch, huyện Tánh Linh được hoàn toàn giải phóng. Trên hướng chủ yếu, Trung đoàn 4 Sư đoàn 6

tiến công địch ở chốt Trà Tân, Trung đoàn 33 chặn đánh tiểu đoàn 85 biệt động quân và tiểu đoàn 2 thuộc chiến đoàn 48, cắt đứt đường số 3 bao vây cô lập chi khu Hoài Đức. Trước tình hình chi khu Hoài Đức bị uy hiếp và có nguy cơ bị tiêu diệt, ngày 26 tháng 12 năm 1974 địch vội vã dùng trực thăng đến bốc tiểu đoàn 334 địa phương quân ở Trà Tân 2 về tăng cường giữ chi khu, điều chiến đoàn 43 sư đoàn 18 từ Thủ Dầu Một theo đường 20 lên Định Quán (kilô mét 125) chi viện cho chi khu Hoài Đức. Lập trận địa pháo 12 khẩu tại Trà Cổ. Ngày 18 tháng 12, dùng trực thăng đổ tiểu đoàn 1 thuộc chiến đoàn 43 xuống phía bắc chi khu, chuyển liên đoàn 7 biệt động quân về Long Khánh để củng cố, đưa chiến đoàn 48 thuộc sư đoàn 18 về giữ Ngã ba Ông Đồn – Giá Rây. Sau khi giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định để lại Tiểu đoàn 15 thuộc Trung đoàn 812 cùng lực lượng địa phương giữ Tánh Linh. Chuyển Tiểu đoàn 840, 186 (Trung đoàn 812 thiếu) và Tiểu đoàn 200C đặc công qua phối hợp cùng Sư đoàn 6 đánh giải phóng chi khu Hoài Đức. Để phù hợp với tình hình địch đã tăng cường lực lượng, Bộ Chỉ huy chiến dịch chủ trương đánh theo lối bóc vỏ. Điều một bộ phận của Trung đoàn 33 đánh chiếm ấp Tư Tề, dùng toàn bộ Trung đoàn 4, các tiểu đoàn đặc công thuộc Sư đoàn 6 cùng Trung đoàn 812 (thiếu) đánh vào thị trấn Võ Đắc diệt các chốt và sinh lực địch ở vòng ngoài, luồn lách đưa lực lượng vào đột phá đánh chiếm chi khu. Đêm 30 rạng ngày 31 tháng 12 năm 1974, ta nổ súng tiến công các vị trí án ngữ bên ngoài, đánh lui tiểu đoàn 1 thuộc chiến đoàn 43 của địch vượt sông La Ngà chi viện cho

chi khu. Sau ba ngày đánh bóc vỏ, vây ép chi khu, 2 giờ 15 phút ngày 3 tháng 1 năm 1975 ta bắt đầu đánh vào chi khu. Sau 30 phút pháo chuẩn bị các mũi đặc công thực hành đột phá nhưng bị địch ngăn chặn, không mở được cửa mở. Các ngày tiếp theo ta siết chặt vòng vây đến đêm 4 rạng ngày 5 tháng 1 ta mở đợt tiến công thứ hai vào chi khu Võ Đắc. Các mũi đặc công lên mở cửa nhưng đều bị hỏa lực địch ngăn chặn. Tiểu đoàn 840 đã đặt xong mìn ĐH20 chuẩn bị phá rào mở cửa mở phía đông chi khu. Lệnh chỉ huy trưởng trận đánh cho hoãn nổ mìn để chờ các mũi đặc công nhưng không kịp, vì vậy Tiểu đoàn 840 đã chiến đấu đơn độc và địch tập trung đối phó có hiệu quả. Chỉ huy trưởng chiến dịch cho tạm dừng tiến công. Trưa ngày 5 tháng 1, địch đổ tiểu đoàn 2 chiến đoàn 43 xuống phía đông – nam đồi Bảo Đại, tiến về phía chi khu bị ta chặn đánh buộc phải quay lại, nhưng sang ngày 6 tháng 1 tiểu đoàn này đã tiến vào được chợ Sùng Nhơn tăng viện cho chi khu Võ Đắc. Lực lượng ta vẫn tiếp tục vây ép, đánh địch phản kích, đến đêm 8 tháng 1 ta đưa pháo 85 ly bắn vào chi khu, nhưng bị hỏa lực địch đánh trả nên ta bắn chưa hết số đạn phải lui ra. Sau 10 ngày đánh địch ngoại vi vây ép và đột phá vào chi khu không thành, chủ yếu là đánh quân tăng viện chưa tốt, bóc vỏ chưa sạch, hỏa lực ta chế áp thiếu hiệu quả. Mặt khác địch tập trung lực lượng lớn, đã biến Gia Rây và sau đó là Định Quán thành bàn đạp căn cứ hành quân tăng viện cho Hoài Đức, trong lúc đó Bộ Chỉ huy chiến dịch không làm gì thêm để hạn chế sức chi viện của hai căn cứ này và nhận thấy chiến dịch Phước Long – đường 14 của chủ lực Miền đã kết thúc,

địch tập trung lực lượng đối phó ta tương đối có hiệu quả. Ta bị thương vong cao, bộ đội mệt mỏi nên bộ chỉ huy chiến dịch xin ý kiến Bộ Chỉ huy Miền cho chấm dứt chiến dịch. Để kết thúc, Bộ Chỉ huy chiến dịch đưa Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 4, Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 33 và một bộ phận hỏa lực của Sư đoàn 6 vây lỏng chi khu Võ Đắc, đưa Trung đoàn 812 (thiếu) qua phía Võ Xu đánh đồn bót, phân chi khu giải phóng xã ấp. Đồng thời Quân khu 6 cũng thành lập Bộ Chỉ huy tiền phương quân khu để tiếp tục chỉ đạo Trung đoàn 812 và lực lượng Bình Tây hoạt động, chuẩn bị cho những đợt tiến công tiếp theo⁽¹⁾.

Thực hiện chủ trương trên, trong hai ngày 13, 14 tháng 11 năm 1975 Trung đoàn 812 sử dụng Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186 đánh chiếm các đồn Đồi Su, Bến Gốc, Chính Đức, giải phóng hoàn toàn xã Võ Xu và Chính Đức, để lại Đại đội 5 trinh sát thuộc Trung đoàn 812 chốt giữ cao điểm Núi Dinh, đưa Tiểu đoàn 840 qua đánh địch, chốt giữ trên đường số 3, còn đại bộ phận trung đoàn chuyển về giữ Tánh Linh, Trung đoàn 33 và Trung đoàn 4 thuộc Sư đoàn 6 lần lượt chuyển về Long Khánh để nhận nhiệm vụ mới. Trên đường số 3, Tiểu đoàn 840 đã chặn đánh các mũi chi viện của sư đoàn 18 ngụy. Riêng Đại đội 3 mặc dù quân số ít nhưng đã kiên

(1) Bộ Chỉ huy tiền phương Quân khu gồm các đồng chí: Bùi Văn Mỹ - Phó tư lệnh Quân khu làm Chỉ huy trưởng, Lê Khắc Thành, Bí thư Tỉnh ủy Bình Tuy làm Chính ủy. Phạm Hoài Chương, Phó cục trưởng Cục Chính trị Quân khu, Nguyễn Thành Đức, Tỉnh đội trưởng Bình Tuy làm Chỉ huy phó

cường chiến đấu tiêu diệt gần hết một cánh quân địch đông gấp bội, giữ vững trận địa chốt tại cầu Nín Thở. Tính riêng từ ngày 12 tháng 1 đến ngày 10 tháng 2 năm 1975 Tiểu đoàn 840 đã diệt trên 204 tên địch.

Những ngày giáp Tết ở vùng mới giải phóng thật khẩn trương sôi nổi. Đồng bào huyện Tánh Linh và một số vùng nông thôn huyện Hoài Đức đang nô nức chuẩn bị đón cái Tết đầu tiên được tự do. Trên các chốt tiền tiêu, bộ đội luôn sẵn sàng tay súng quyết tâm bảo vệ vùng mới giải phóng.

Tại xã Hiếu Tín nơi Sở Chỉ huy của Trung đoàn 812 đã diễn ra cuộc họp gồm các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Quân khu 6, ban chỉ huy Trung đoàn 812 và các cán bộ chỉ huy, lãnh đạo địa phương, đơn vị. Sau khi kiểm tra phương án bố trí lực lượng sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch chuẩn bị cho đợt hoạt động tiếp theo, đồng chí Bùi Văn Mỹ, Phó tư lệnh quân khu, chỉ huy trưởng tiền phương nêu nhận định tình hình và nhắc nhở các đơn vị: "... Có thể trong dịp Tết này, địch sẽ liều lĩnh đánh chiếm lại Tánh Linh, và cho đến nay các vùng giải phóng như Minh Long, Giá Vụt, Thượng Đức của khu 5 địch đã chịu thua, mới đây ta lại giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long (ngày 6 tháng 1 năm 1975) và huyện Tánh Linh. Đây là những điểm nóng mà địch đang cố gắng tập trung lực lượng để đánh chiếm lại⁽¹⁾".

Đúng như nhận định trên, ngày 2 tháng 2 năm

(1) Trích báo cáo tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của lực lượng vũ trang nhân dân Thuận Hải 1954-1975. Trang 196.

1975, địch dùng máy bay trực thăng đổ một đại đội trinh sát và một tiểu đoàn bộ binh thuộc chiến đoàn 43 xuống phản kích vào Đồi Su, Võ Xu, Đại đội 88 Bình Tuy, bộ đội địa phương huyện, du kích xã bám đánh liên tục, quyết liệt diệt nhiều tên, nhưng lực lượng địch quá đông nên chiều ngày 3 tháng 2 chúng chiếm lại được Võ Xu.

11 giờ trưa ngày 9 tháng 2 năm 1975 (tức 29 Tết Giáp Dần), vùng trời Tánh Linh bỗng vang lên tiếng động cơ, tiếng rốc két, tiếng đại bác. Lợi dụng khói đạn mù mịt nhiều đợt trực thăng đổ một đại đội thám kích xuống sân bay Tánh Linh nhằm thiết lập đầu cầu để tiếp tục đổ quân tái chiếm chi khu Tánh Linh.

Các chốt phòng không của ta từ các điểm cao đã bắn trả dữ dội, một chiếc trực thăng bốc cháy rơi ngay dưới chân núi Cà Toàng. Thất bại ban đầu chưa đủ làm cho địch nao núng, chúng lại tiếp tục đổ quân. Từ cao điểm Lồ Ô, từ các trận địa phòng không chung quanh tập trung bắn mãnh liệt vào đội hình địch, thêm hai trực thăng nữa bốc cháy.

Hoảng hốt trước lưới lửa phòng không dày đặc của ta, địch vội vã vòng sang phía đông – nam, cách chi khu khoảng 1 ki-lô-mét đổ quân xuống cánh đồng Lạc Tánh rồi từ đó đánh thẳng vào chi khu. Địch chưa kịp triển khai đội hình, thì hỏa lực ta chụp ngay lên khu vực đổ quân, lực lượng cơ động của Tiểu đoàn 130, lực lượng xung kích của Tiểu đoàn 15 lập tức vận động đánh thẳng vào đội hình địch đang rối loạn, bọn địch không kịp chống trả, tháo chạy về hướng Võ Đắc. Thêm một trực thăng nữa trúng đạn bốc cháy. Mười một đại đội tái chiếm Tánh

Linh của địch bị đập nát hoàn toàn.

Thua đau ở Tánh Linh, địch quay sang phản kích vào khu vực Hoài Đức nhằm đẩy lực lượng ta ra xa. Địch tập trung ba tiểu đoàn bộ binh dưới sự yểm trợ của máy bay, đại bác ngày đêm liên tục phản kích hòng san bằng cao điểm Núi Dinh⁽¹⁾.

Cùng với chiến công của Tiểu đoàn 840 đánh địch ở Đồi Đá, Cầu Nín Thở trên đường số 3 diệt 2 đại đội địa phương quân của tiểu đoàn 344 từ Trà Tân lên, các chiến sĩ Đại đội 5 trinh sát mà nòng cốt là cán bộ, chiến sĩ đại đội đặc công của Tiểu đoàn 840 chốt trụ Núi Dinh đã kiên cường bám trụ suốt ngày đêm, chịu đựng hàng trăm tấn bom đạn đánh lui nhiều đợt phản kích của địch. Có ngày chúng đã trút xuống đây từ 40 đến 50 quả bom và hàng ngàn quả đạn pháo cối các loại, mặt đất tơi ra thành cát bụi. Cứ sau mỗi lần bắn phá xong bọn địch tưởng là sự sống trên cái chốt bé nhỏ này không còn nữa. Lập tức chúng xua quân tràn lên chiếm chốt, khi bộ binh vừa mò đến gần chốt, thì các chiến sĩ ta lại từ các hầm bật lên nhả đạn hất chúng xuống chân đồi. Cứ như vậy mà các chiến sĩ trinh sát đã diệt tại chỗ 153 tên địch và đánh lui nhiều đợt phản kích của chúng. Núi Dinh vẫn đứng vững hiên ngang trước mắt địch. Không chiếm được Núi Dinh bọn địch càng hoang mang dao động, nhiều tên sống sót sau những lần phản kích đã thất vọng thốt lên “Núi Dinh có thần”. Quả thật phép

(1) Núi Dinh là điểm cao 298 mét, nằm về hướng đông – bắc chi khu Võ Đắc cách khoảng năm ki-lô-mét. Là vị trí quan trọng không chế toàn bộ khu vực chi khu quận lỵ Hoài Đức.

thần ở đây là sự: tổ chức phòng ngự điểm tựa với công sự vững chắc, là tinh thần chiến đấu ngoan cường, là sức mạnh của cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 812 anh hùng.

Chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh kết thúc, tuy chưa thực hiện được quyết tâm ban đầu một cách trọn vẹn, nhưng những chiến công trên, quân khu đã hoàn thành được nhiệm vụ của Miền giao, làm chuyển biến thế và lực trên chiến trường có lợi cho ta. Giải phóng Tánh Linh và đại bộ phận nông thôn huyện Hoài Đức, thu hút và căng kéo sư đoàn 18 ngụy tạo thuận lợi để chủ lực Miền tiến công giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long. Từ thắng lợi này lực lượng vũ trang trong quân khu cũng như các tỉnh có điều kiện phát triển thế tiến công mới, tiến lên giải phóng hoàn toàn địa phương.

IV. TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

Sau chiến thắng Phước Long, Bộ Chính trị đã đánh giá: thế và lực cách mạng đã lớn mạnh hơn hẳn lên, ta đang ở thế chủ động tiến công, lại có vùng giải phóng liên hoàn rừng núi, thế chiến lược của ta rất vững chắc và ngày càng mạnh ở nông thôn. Ta có sức mạnh vô cùng to lớn của chiến tranh nhân dân, có sức mạnh của cả nước.

Nghị quyết Bộ Chính trị khẳng định: *“Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam để tiến tới hòa bình, thống nhất Tổ quốc...”*. Trong quyết tâm chiến lược giành thắng lợi quyết định cho cách mạng miền Nam trong 2 năm

1975-1976, Bộ Chính trị đã có dự kiến “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì phải nhanh chóng nắm thời cơ, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975⁽¹⁾”.

Thực hiện quyết tâm đó, Bộ Chính trị chọn Tây Nguyên làm chiến trường chính mà Buôn Ma Thuột là trận then chốt mở đầu cho toàn bộ chiến dịch.

Phối hợp với chiến trường chính, thực hiện nhiệm vụ cụ thể của Quân ủy Miền, Bộ Tư lệnh Quân khu 6 hạ quyết tâm sử dụng lực lượng của quân khu và các lực lượng địa phương Bình Tuy tiếp tục đánh tiêu diệt chi khu Võ Đắc, giải phóng hoàn toàn huyện Hoài Đức trong thời gian ngắn nhất. Các tỉnh trong khu tiếp tục tiến công địch, mở rộng vùng căn cứ giải phóng. Quân khu cũng như các tỉnh đang triển khai kế hoạch thì ngày 11 tháng 3 năm 1975 tin vui chiến thắng làm nức lòng người, Buôn Ma Thuột hoàn toàn giải phóng, sư đoàn 23 ngụy nhanh chóng tan rã, quân đoàn 2, quân khu 2 ngụy rơi vào tình trạng suy sụp nghiêm trọng buộc phải rút lui chiến lược khỏi địa bàn Tây Nguyên.

Tình hình đó đã tạo thời cơ đột biến lớn. Nhưng lực lượng vũ trang quân khu nhất là ở các tỉnh lúc này vẫn chưa được bổ sung quân. Bình Thuận còn giữ được tiểu đoàn thiếu, Ninh Thuận, Bình Tuy chỉ còn đại đội, lực lượng vũ trang các huyện chỉ còn trung đội với quân số chiến đấu cao nhất là từ 15 đến 20 tay súng.

Trên địa bàn quân khu, hướng trọng điểm Hoài

(1) Nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 01 năm 1975.

Đức, quân địch tập trung một lực lượng lớn cố giải phóng đường 3, đường 1 phản kích quyết liệt vào núi Dinh, tập trung giữ chi khu Võ Đắc và đồi Bảo Đại có tiểu đoàn 8 thuộc chiến đoàn 43, bên trong có chi đội cơ giới 352 gồm sáu chiếc thiết giáp M113 và đại đội địa phương quân 720, một trung đội thám báo, một trung đội cảnh sát và bốn trung đội nghĩa quân. Bố trí lại lực lượng phòng thủ từ Trà Tân đến cầu Nín Thở có tiểu đoàn 344 địa phương quân và đại đội 3 tiểu đoàn 3. Từ Sùng Nhơn đến Võ Xu có Tiểu đoàn 369 địa phương quân cùng lực lượng bộ máy, xã ấp chiếm giữ. Ngoài ra còn có một số tàn quân từ Tánh Linh chạy về. Toàn bộ quân địch cả trong lẫn ngoài lên đến 2.500 tên. Hỏa lực được bố trí thành nhiều tầng, nhiều lớp gồm bốn pháo 105 ly, năm cối 81 tên. Hỏa lực được bố trí thành nhiều tầng, nhiều rào dây thép gai đủ loại bùng nhùng, lò xo, mắt cáo xếp hỗn hợp lên nhau. Bên trong hầm hào ngang dọc, tạo thành trận tuyến phòng ngự vững chắc. Toàn bộ lực lượng ở đây đặt dưới quyền chỉ huy của bộ chỉ huy chiến thuật tiền phương quân đoàn 3, quân khu 3 ngụy. Tuy nhiên vào đợt lần này ta có thuận lợi: chủ lực Tây Nguyên đánh thắng lớn Buôn Ma Thuột, chủ lực Miền đánh Dầu Tiếng đang có sức cổ vũ mạnh mẽ, riêng khu vực đường số 3 và đường 20 (Bình Tuy, Long Khánh) Sư đoàn 7/Quân đoàn 4 đánh chi khu Định Quán, Sư đoàn 6/Quân khu 7 đánh Giá Rây. Trung đoàn 812/Quân khu 6 đánh chi khu Hoài Đức (3 chi khu này trong chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh tháng 12 năm 1974 đã trở thành 3 cụm địch có lực lượng lớn, địch đã dùng cụm Giá Rây và Định Quán làm căn cứ hành quân tăng viện giải

tỏa cho chi khu Hoài Đức).

Thực hiện quyết tâm giải phóng Hoài Đức, vào lúc 23 giờ ngày 16 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 812, Tiểu đoàn đặc công 200C và lực lượng vũ trang địa phương Bình Tuy nổ súng đánh chiếm các mục tiêu ngoại vi chi khu Hoài Đức.

Sau ba ngày đánh bóc vỏ, đưa lực lượng áp sát chi khu đến 2 giờ 40 phút ngày 20 tháng 3 năm 1975, lực lượng ta chia làm 2 mũi tiến công vào chi khu. Sau 30 phút pháo bắn chuẩn bị, mũi thứ nhất gồm Tiểu đoàn đặc công 200C, Tiểu đoàn 15 bộ binh đột phá vào hướng tây – bắc, mũi thứ hai gồm Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186 đột phá hướng đông bắc.

Tiểu đoàn 200C cho nổ mìn ĐH 20 mở rào, đánh chiếm đầu cầu và phát triển vào khu sở chỉ huy, khu cảnh sát và khu cơ giới. Tiểu đoàn 840 cũng cho nổ mìn ĐH20 phá rào, đánh chiếm khu thông tin và trận địa pháo. Pháo địch ở đồi Su bắn ngăn chặn, trận đánh kéo dài, lợi dụng thời cơ đó bọn địch trong các hầm ngầm ngóc đầu dậy bắn chặn vào đội hình xung quanh của ta. Các đơn vị phải dùng hỏa lực đi để chế áp và tiêu diệt địch. Đến 4 giờ 43 phút Tiểu đoàn 200C mới vượt được cửa mở và thọc sâu vào trung tâm. Tiểu đoàn 840 cũng vào được bên trong đánh chiếm một số nhà ở khu vực cảnh sát, thông tin. Bọn địch ở đây hoảng hốt bắn vung vãi rồi tháo chạy. Đến hơn 5 giờ sáng thì các mũi đã bắt được liên lạc nhau, nhưng tốc độ phát triển đều chậm lại vì chất nổ đánh bên trong đã hết. Để giải quyết dứt điểm chi khu trước khi trời sáng, Chỉ huy trưởng Bùi

Văn Mỹ quyết định đưa lực lượng dự bị vào tăng cường cho các mũi để tiêu diệt địch. Đến 6 giờ 40 phút ngày 20 tháng 3 năm 1975, ta hoàn toàn làm chủ chi khu và tiếp tục tảo trừ bọn địch ngoan cố lẩn trốn trong các ngách hầm ngầm. Cờ mặt trận tung bay trên nóc nhà khu tiếp vận thông tin của địch.

Mất chi khu, tiểu đoàn 3 thuộc chiến đoàn 43 và bọn tàn quân co cụm về đồi Su ra sức chống trả và xin cứu viện. Trung đoàn trưởng Văn Minh Trường cho Trung đoàn 812 tiến hành tập kích địch. Sau 15 phút pháo chuẩn bị, Tiểu đoàn 840 (thiếu) trên hướng chủ yếu từ tây, tây – bắc, Tiểu đoàn 186 (thiếu) từ đông, đông – bắc và một mũi của Đại đội 5 Đặc công từ hướng bắc đánh vào. Trước sức mạnh áp đảo của ta, địch chống trả yếu ớt và sau hai giờ chiến đấu ta hoàn toàn làm chủ khu vực đồi Su, thu hai pháo 105 ly của địch còn nguyên vẹn và hàng ngàn quả đạn. Lực lượng ta tiếp tục truy quét địch đến chiều ngày 22 tháng 3 năm 1975 huyện Hoài Đức được hoàn toàn giải phóng. Vùng căn cứ Khu 6 mở rộng và nối liền từ Tánh Linh, Hoài Đức qua căn cứ Nam Sơn đến Anh Dũng (Ninh Thuận) tạo thành bàn đạp quan trọng, chia cắt giữa quân khu 2 và quân khu 3 của địch, đồng thời là đầu cầu nối liền giữa Nam Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ tạo thành một hành lang chiến lược trực tiếp uy hiếp cửa ngõ phía đông, đông – bắc Sài Gòn.

Sau khi đánh dứt điểm chi khu Định Quán ngày 18 tháng 3 năm 1975, Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 phát triển lên Dạ Huoi chuẩn bị đánh tiểu khu Lâm Đồng, thị xã Bảo Lộc.

Trung đoàn 812 quân khu sau giải phóng Hoài Đức chuyển lên đánh chi khu Di Linh cắt đường 20 phối hợp với Quân đoàn 4.

Việc chủ lực Miền lần này tham gia đánh địch cùng với Quân khu 6 trên phần đất thuộc quân khu 2 của địch là nằm trong toàn bộ kế hoạch tác chiến chiến lược của Bộ Tổng Tư lệnh nhằm giải phóng Tây Nguyên và miền Nam trong 2 năm 1975-1976.

Để chuẩn bị cho hoạt động trên, theo chỉ thị của Bộ và Miền, ngay từ những ngày còn trong chiến dịch Hoài Đức, Tánh Linh tháng 12 năm 1974 đồng chí Lê Văn Hiền quyền Bí thư Khu ủy, quyền Chính ủy Quân khu thường trực tại Sở Chỉ huy cơ bản quân khu tại Bình Thuận đã cho tiến hành chuẩn bị các mặt rất khẩn trương, lúc này tình hình khá thuận lợi vì tháng 11 năm 1974 một bộ phận chủ lực Miền đánh cứ điểm Bù Bông đã mở rộng hành lang vận chuyển dọc biên giới Cam-puchia – Tuy Đức (Quảng Đức), hành lang vận chuyển giữa Miền và khu có thể sử dụng ô tô từ sông Đồng Nai qua đường 20, vùng giải phóng Hoài Đức, Tánh Linh về đến sông Quao đường số 8 Bình Thuận.

Đồng chí Trần Lê, Bí thư Khu ủy 6 sau khi đi họp Trung ương ở Hà Nội trên đường về đã ghé vào Bộ Chỉ huy Miền ở Lộc Ninh để nhận nhiệm vụ bổ sung, ý đồ giải phóng Lâm Đồng, Tuyên Đức; khi đến tại H50 vàm sông Đa Huoai đồng chí dừng lại ở đó triệu tập các cán bộ chủ trì họp triển khai nhiệm vụ, trong đó việc thực hiện ý định của Trung ương là cơ quan Khu 6 chuyển lên bắc đường 20 để lo việc xây

dựng căn cứ chung, mở rộng hành lang Bắc – Nam, phát triển sản xuất tạo chỗ đứng chân cho lực lượng lớn chuẩn bị cho kế hoạch giải phóng Sài Gòn. Thực hiện ý định trên Quân khu 6 khẩn trương cử một đoàn cán bộ do đại úy Quách Thừa Tự chỉ huy lên vùng bắc Di Linh (đường 20) chuẩn bị để đưa cơ quan Khu 6 trở lại vùng này. Sau đó đồng chí Trần Lê tham gia vào Đảng ủy và Bộ Chỉ huy mặt trận giải phóng Lâm Đồng, Tuyên Đức và làm Chính ủy chiến dịch, đồng chí Hoàng Cẩm, Tư lệnh Quân đoàn 4 làm Tư lệnh chiến dịch, đồng chí Nguyễn Trọng Xuyên Tư lệnh Quân khu 6 sau khi họp ở Miền về xuống làm chỉ huy trưởng khu vực Hoài Đức, Bình Tuy, nhưng sau đó trên điều lên đường 20 và cùng với đồng chí Nguyễn Thông, Tham mưu phó Quân khu 6 đi với Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 chuẩn bị đánh Bảo Lộc, ngoài ra còn có một số cán bộ quân khu và Lâm Đồng cũng được điều về đây tham gia chiến dịch.

Để bảo đảm đường hành quân tiếp cận cho cánh vu hồi của chủ lực. Từ hướng bắc, tây – bắc, hơn 2.500 dân công các xã vùng căn cứ suốt 15 đêm mở hơn 30 ki-lô-mét đường qua núi đồi cho xe pháo và bộ đội hành quân chiếm lĩnh bàn đạp tiến công.

Mặt khác quân khu đã cử 1 đoàn cán bộ cùng với 1 đại đội trinh sát do đại úy Lê Văn Minh, cán bộ tác chiến quân khu và sau đó là thiếu tá Phạm Ty phụ trách cắt đường từ Bình Thuận lên làm công tác chuẩn bị khu vực chi khu Di Linh. Đồng thời công binh và dân quân du kích các xã vùng căn cứ giải phóng Bình Thuận do thiếu tá Lê Văn Nhứt, Tỉnh đội trưởng Bình Thuận và

đại úy Tâm, phó Ban Dân quân quân khu phụ trách mở lại đường số 8 từ sông Quao đi Di Linh, con đường này nằm trong vùng giải phóng đã từ lâu không sử dụng nên cây cối đất đá sụp lở lấp cả lối đi.

Trên mặt trận Tây Nguyên, sau khi chủ lực Bộ giải phóng Buôn Ma Thuột ngày 13 tháng 3 năm 1975 và phát triển xuống phía nam giải phóng thị xã Gia Nghĩa, Quảng Đức ngày 23 tháng 3 năm 1975, tàn quân địch rút chạy theo đường 14 kéo dài qua Kinh Đa – sông Đồng Nai, bị du kích và lực lượng địa phương Lâm Đồng chặn đánh thu nhiều xe pháo.

Chiều ngày 27 tháng 5 năm 1975, Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 đánh chi khu Đa Huoai, trước sức tiến công mạnh mẽ, địch rút chạy lên đèo BLao về thị xã Bảo Lộc. Xe pháo Quân đoàn 4 hành tiến chiếm cầu Đại Lào triển khai đội hình cách thị xã Bảo Lộc 5 ki-lô-mét.

5 giờ ngày 28 tháng 3 năm 1975, pháo binh Quân đoàn 4 bắn chuẩn bị vào tiểu khu, dinh tỉnh trưởng và căn cứ Đa Nghịch, Bảo Lộc, hai cánh của Sư đoàn 7, Quân đoàn 4: một cánh đi vòng phía tây – bắc đánh xuống, một cánh chủ yếu gồm xe tăng và bộ binh theo đường 20 đánh vào, 9 giờ ngày 28 tháng 3 năm 1975 ta hoàn toàn làm chủ thị xã Bảo Lộc, tàn quân địch rút chạy theo đường 20 về Di Linh gây nên sự hốt hoảng dây chuyền và bọn địch ở đây cũng rút chạy về Đức Trọng. Tuy Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 đã cho một bộ phận do thị đội Bảo Lộc dẫn đường đi vòng phía nam chặn đường 20 đoạn cầu Đại Nga nhưng không kịp.

Cùng ngày 28 tháng 3 năm 1975, bộ phận chuẩn bị

chiến trường Quân khu 6 do Phạm Ty chỉ huy lệnh cho Đại đội 5 trinh sát nổ súng đánh chiếm chi khu Di Linh, đồi Pasteur, đồi Tân Xuân – hậu cứ trung đoàn 53 sư đoàn 23 địch.

Ngày 29 tháng 3 năm 1975, địch phát hiện lực lượng ta ở Di Linh ít, không có sức phát triển nên đã dừng lại ở Tam Bố, Đại Ninh và Đức Trọng.

Ngày 30 tháng 3 năm 1975, địch dùng trực thăng đổ quân xuống Đồng Lạc và điều các tiểu đoàn 204, 276 của Tuyên Đức và tàn quân của các tiểu đoàn 361, 362 Lâm Đồng cùng một chi đội xe bọc thép và một đại đội pháo 105 ly theo trục đường 20 đánh chiếm lại Di Linh.

Đại đội 5 trinh sát Quân khu 6 nằm trong thế bị bao vây, nhưng đã kiên cường bám trụ, đánh lùi nhiều mũi tiến công của địch, giữ vững trận địa (đến khi Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 mở đợt tiến công vào Di Linh, đại đội 5 vẫn còn giữ được chi khu).

Phương án đánh chiếm chi khu Di Linh cắt đường 20 phối hợp với Quân đoàn 4 có đặt ra là: Trung đoàn 812 Quân khu 6 không đánh chi khu Hoài Đức, Bình Tuy, hoặc đánh nhưng phải hết sức nhanh gọn để kịp phối hợp với Sư đoàn 7, Quân đoàn 4. Sở Chỉ huy cơ bản Quân khu 6 đã chuyển điện của trên và ý kiến giải quyết của Quân khu xuống cho Bộ Chỉ huy tiền phương quân khu ở Bình Tuy trước khi đánh chi khu Hoài Đức ngày 16 tháng 3 năm 1975, nhưng Bộ Chỉ huy tiền phương quân khu và Trung đoàn 812 sau khi đánh dứt điểm chi khu Hoài Đức ngày 20 tháng 3 và Đồi Sơn ngày 22 tháng 3 năm 1975 đã thiếu khẩn trương, xuất phát

chậm, không kịp thời tổ chức lực lượng chốt chặn trên đường 20, để địch rút chạy một cách dễ dàng và có thời gian tập trung lực lượng phản kích đánh chiếm lại Di Linh.

Để khắc phục sự chậm trễ trên, Quân khu đã điều một đội xe của Cục Hậu cần (xe thu được của địch) tức tốc chở Trung đoàn 812, phải nói rằng những cố gắng của đoàn xe chở bộ đội tốc hành trên con đường dã chiến qua các vùng giải phóng Bình Tuy, Bình Thuận vượt đường 8 núi đèo hiểm trở đến nam Di Linh an toàn quả là ngoài sức tưởng tượng.

Chiều tối ngày 29 tháng 3 năm 1975 bộ phận đi đầu của Trung đoàn 812 mới đến Sở Trà Sông Thao phía nam Di Linh 3 ki-lô-mét. Sau khi nắm tình hình đã tăng cường lực lượng cho Đại đội 5 trinh sát quân khu chốt giữ chi khu Di Linh và bắt liên lạc với Bộ Chỉ huy chiến dịch và Sư đoàn 7, Quân đoàn 4.

Sau khi đánh chiếm thị xã Bảo Lộc, theo chỉ thị của Bộ Chỉ huy Miền, Bộ Chỉ huy mặt trận đã thay đổi ý định: cho Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 quay về lại Long Khánh, còn nhiệm vụ phát triển đánh địch trên trục đường 20 (Lâm Đồng – Tuyên Đức) do Trung đoàn 812 Quân khu 6 đảm nhiệm. Nhưng do tình hình chậm trễ của Trung đoàn 812, Quân khu 6 và Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 không tiếp tục phát triển nên địch đã dồn mọi nỗ lực phản kích tái chiếm Di Linh chốt chặn phòng thủ tại ngã tư đường chiến lược 20, đường số 8 và 14 kéo dài, nơi mà địch hy vọng ngăn chặn sức tiến công của ta về hướng Đà Lạt. Để kịp thời giải quyết tình hình trên, Bộ

Chỉ huy mặt trận đi đến quyết định tiếp tục cho một bộ phận của Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 phát triển đánh chiếm Di Linh và Trung đoàn 812 (thiếu) cắt đường đi vòng phía đông bố trí chốt chặn và vận động đánh địch trên đường 20 đoạn Đồng Đà, Đồng Lạc cách phía đông Di Linh 7 ki-lô-mét.

8 giờ ngày 31 tháng 3 năm 1975, pháo binh Quân đoàn 4 bắt đầu bắn chuẩn bị và bộ phận của Sư đoàn 7 chia làm hai cánh: một cánh thứ yếu đi vòng phía tây bắc từ ấp Tân Dân đánh xuống, cánh chủ yếu gồm: xe tăng và bộ binh theo trục đường 20 đánh vào. Sau hai giờ chiến đấu Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 làm chủ Di Linh, tàn quân địch rút chạy về phía Đồng Lạc, Đồng Đà.

10 giờ cùng ngày bộ phận chốt chặn của Tiểu đoàn 840 thuộc Trung đoàn 812 nổ súng ngăn chặn, sau một giờ chiến đấu quyết liệt, địch rút chạy, Tiểu đoàn tiếp tục truy kích diệt rất nhiều tên. Đến 15 giờ cùng ngày, trước sức ép mạnh mẽ của Sư đoàn 7 phát triển sang phía đông Di Linh, quân địch đã dồn hết lực lượng mở đường máu tháo chạy và các Tiểu đoàn 840, 186... của Trung đoàn 812 cho xuất kích toàn bộ lực lượng để tiêu diệt địch. Tàn quân địch chạy tán loạn vào rừng, chiều và tối 31 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 812 (thiếu) tiếp tục truy quét địch thu nhiều chiến lợi phẩm trong đó có năm khẩu pháo.

Do tác động mạnh mẽ của trận đánh Di Linh, Đồng Đà, Đồng Lạc cùng với việc thất thủ rút chạy ở các tỉnh ven biển miền Trung, nên ngay trong đêm 31 tháng 3 năm 1975 địch phá cầu Đại Ninh và rút chạy

khỏi Đà Lạt, Tuyên Đức theo đường 11 xuống Phan Rang, Ninh Thuận. Cũng trong ngày 31 tháng 3 năm 1975, sau trận Di Linh, Đồng Đà, Đồng Lạc, Sư đoàn 7, Quân đoàn 4 chuyển quân về lại chiến trường Long Khánh. Tại chỉ huy sở cơ bản ở Bảo Lộc, Thường vụ Khu ủy họp để bàn công việc tiếp theo và quyết định cho Trung đoàn 812 phát triển lên giải phóng Tuyên Đức. Nhưng tình hình đã thay đổi nhanh chóng Trung đoàn 812 không phải đánh chiếm vùng nông thôn Đức Trọng, Tuyên Đức nữa, mà cấp tốc hành quân về Đà Lạt. Cầu Đại Ninh trên đường 20 bị địch đánh sập, nhưng nhân dân ở đây đã hết lòng giúp đỡ thuyền bè để chở bộ đội vượt sông và huy động hàng chục xe ô tô đưa bộ đội hành tiến lên Đà Lạt.

Ở Đà Lạt ngày 2 tháng 4 năm 1975, các đảng viên cơ sở, biệt động mật và cơ sở cách mạng tổ chức cấm cờ giải phóng ở nhiều nơi, cử người đón bộ đội vào giải phóng thành phố. Anh chị em tù chính trị phá nhà lao, trung tâm cải huấn Đà Lạt cùng lực lượng quần chúng tổ chức bảo vệ thành phố. Đêm ngày 2 tháng 4, Trung đoàn 812 mới đến thị trấn Đức Trọng triển khai đội hình, cánh thứ nhất có Tiểu đoàn 186 cùng Sở Chỉ huy tiền phương quân khu theo đường 20 tiến quân vào Đà Lạt. Cánh thứ 2 có Tiểu đoàn 840 và Sở Chỉ huy Trung đoàn theo đường 21 Bis qua Đơn Dương chặn địch tháo chạy trên đường 11, chiếm lĩnh chi khu Đran (Đơn Dương).

8 giờ ngày 3 tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 186 và các lực lượng địa phương đánh chiếm hoàn toàn thành phố Đà Lạt.

11 giờ, Tiểu đoàn 840, Sở Chỉ huy Trung đoàn 812 đến chi khu Đơn Dương. Bọn địch ở đây cũng đã bỏ chạy, Tiểu đoàn 840 cho một đại đội chốt ở Phú Thuận, điểm giáp ranh giữa Tuyên Đức, Ninh Thuận và Trung đoàn cho một bộ phận gồm một đại đội bộ binh, một đại đội trinh sát thọc xuống Krong Pha bắt liên lạc tăng cường cho Ninh Thuận. Lực lượng còn lại cùng với đội công tác và cán bộ địa phương tổ chức phát động quần chúng, truy quét tàn binh, kêu gọi binh sỹ và nhân viên ngụy quyền ra trình diện, nộp vũ khí cho cách mạng. Có trên 400 tên ra trình diện và ta thu trên 2.500 khẩu súng. Toàn bộ tỉnh Tuyên Đức và thành phố Đà Lạt trong ngày 3 tháng 4 năm 1975 đã hoàn toàn giải phóng.

Những ngày đầu tháng 4 năm 1975, tình hình chuyển biến rất nhanh và thuận lợi vượt qua nhiều dự kiến. Sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột, Gia Nghĩa, Kiến Đức, Bảo Lộc, Di Linh thì đường vận chuyển Bắc - Nam theo đường 14 từ Tuy Đức, Kiến Đức, Gia Nghĩa, Kinh Đa (sông Đồng Nai thượng) Di Linh đường 20, đường số 8 đến Sông Quao Bình Thuận thông suốt. Lúc này các tỉnh ven biển miền Trung cũng lần lượt được giải phóng; nên cơ quan Khu 6 không chuyển lên bắc đường 20 nữa mà vẫn ở Hàm Thuận, Bình Thuận để phối hợp với lực lượng của cấp trên giải phóng nốt các tỉnh ven biển của khu. Khi địch ở Đà Lạt, Tuyên Đức rút chạy về hướng Phan Rang và địch ở Nha Trang Cam Ranh cũng rút chạy trong ngày 2 tháng 4 năm 1975 thì bọn đầu sỏ ngụy quân, ngụy quyền ở Ninh Thuận, Bình Thuận cũng hoảng hốt kéo chạy ra biển, chớp được thời

cơ quân dân Ninh Thuận nổi dậy giải phóng chi khu Krông Pha và làm chủ nhiều vùng trên đường 11, Tân Mỹ, Tháp Chàm, An Phước. Ở Bình Tuy ngay 3/4 du kích xã Thân Thành (Hàm Tân) do đồng chí Nguyễn Thành Bình, chính trị viên xã đội chỉ huy tập kích vào bọn tàn quân địch đang trú tại bãi biển Kê Gà diệt tên đại tá Quang thuộc quân đoàn 1 địch, bắt 130 tên (từ binh nhì đến trung tá) thu 88 súng, ba xe M113 cùng nhiều quân trang quân dụng khác. Ngày 5/4 du kích mật ở Thanh Mỹ đánh lựu đạn vào đại đội địa phương quân 187 làm chết và bị thương ba tên và du kích Tân Thành, Hàm Tân đã chặn đánh đoàn xe địch rút chạy theo đường Tà Cú, Kê Gà bắt sống 100 tên thu 3 xe. Nhưng đến ngày 4 tháng 5 năm 1975 địch phát hiện lực lượng ta quá ít, chủ lực chưa đến và bị bọn trên thúc ép nên đã quay trở lại Ninh Thuận, Bình Thuận.

Trước tình hình quân nguy bị đánh tới tấp khắp nơi, để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của chế độ Thiệu, đại tướng Uây En, tham mưu trưởng liên quân Mỹ, người mà hai năm trước đây đã cuốn cờ cùng với đơn vị Mỹ cuối cùng rút khỏi Việt Nam nay được phái đến Sài Gòn bày mưu tính kế đốc thúc Nguyễn Văn Thiệu vội vã vạch kế hoạch phòng thủ, sáp nhập hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận vào quân đoàn 2, quân khu 3 và nhanh chóng xây dựng tuyến phòng thủ mạnh Phan Rang-Tháp Chàm để làm lá chắn bảo vệ Sài Gòn từ xa. Thiệu ra lệnh “phải giữ cho bằng được Phan Rang, lập một cái lá chắn ở đây mà chặn đường bộ, đường biển của Cộng sản”. Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, tư lệnh quân đoàn 3, quân khu 3 lập ra bộ tư lệnh tiền phương do trung tướng Nguyễn

Vĩnh Nghi và chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang, tư lệnh sư đoàn 6 không quân (vừa thất trận ở Plây-cu chạy về) chỉ huy. Sở Chỉ huy đặt trong cái nhà vòm chứa máy bay ở sân bay Thành Sơn (Ninh Thuận).

Chúng lập tức gom bọn tàn quân từ các nơi chạy về cùng với bọn lính địa phương ở đây để dựng lại hai trung đoàn 4 và 5 thuộc sư đoàn 2 bộ binh. Đồng thời đưa vào đây một số đơn vị chủ lực để tăng cường cho cái lá chắn “Phan Rang – Tháp Chàm”. Gồm liên đoàn 31 biệt động quân, hai lữ đoàn dù, một tiểu đoàn pháo binh 12 khẩu 105 – 155 ly và toàn bộ sư đoàn 6 không quân có trên 100 máy bay các loại.

Ở Phan Thiết địch tăng cường liên đoàn 24 biệt động quân từ Bình Tuy ra, trung đoàn 3 bộ binh thuộc sư đoàn 2, tiểu đoàn 330 địa phương quân và tám khẩu 105 ly, đồng thời tập hợp bọn tàn quân của sư đoàn 23 về Bình Tuy để củng cố giữ tuyến đường số 1 và trục đường Hàm Tân – La Ga. Ngoài khơi vùng biển Ninh Chữ đến Bình Tuy, hải quân địch thường xuyên có một chiến hạm sẵn sàng chi viện cho đất liền và ngăn chặn quân chủ lực ta tiến công bằng đường biển. Sau khi địch tăng quân đến Phan Rang, Phan Thiết, chúng bung ra đánh phá dữ dội. Hàng ngày có hàng trăm phi vụ từ căn cứ sân bay Thành Sơn xuất kích về hướng bắc và hướng tây oanh kích ngăn chặn sức tiến công của quân ta. Từ ngày 5 đến 8 tháng 4 năm 1975 địch bắn pháo, máy bay ném bom hủy diệt vùng cầu Tân Mỹ, Đèo Cậu, Tháp Chàm. Cuộc chiến đấu của quân dân Ninh Thuận trong những ngày này diễn ra rất gay go ác liệt, chỉ riêng trong ngày 8 tháng 4 năm 1975 hai đội đặc công và bộ binh 311,

314 của tỉnh chốt giữ thị trấn Tháp Chàm đã đánh lui 16 đợt phản kích của hai tiểu đoàn địch có máy bay, pháo binh và xe tăng yểm trợ từ hai hướng Phan Rang lên và sân bay Thành Sơn ra. Cũng trong những ngày này Tỉnh ủy Ninh Thuận đã huy động du kích và nhân dân huyện Bác Ái vượt qua bom đạn địch liên tục ngày đêm mở lại con đường từ Tân Mỹ (đường 11) đi Ba Ngòi để cho Sư đoàn 10 Quân đoàn 3 của Bộ chuyển quân bằng cơ giới lên đường 20 về vị trí tập kết của Quân đoàn 3 ở vùng tây – bắc Sài Gòn và đoàn cán bộ Quân khu 6 do đồng chí Bùi Văn Mỹ, Phó tư lệnh Quân khu dẫn đầu từ đường 11 ra Suối Dầu – Khánh Hòa để gặp Bộ Chỉ huy cánh quân Duyên Hải, nhận lệnh phối hợp giải phóng Phan Rang, Phan Thiết.

Sau khi nghe báo cáo của đồng chí Bùi Văn Mỹ, Phó tư lệnh Quân khu 6 và một số cán bộ tham mưu, đồng chí trung tướng Lê Trọng Tấn, Phó tổng Tham mưu trưởng kiêm Tư lệnh cánh quân Duyên Hải quyết định sử dụng Sư đoàn 325, Quân đoàn 2 phối hợp với lực lượng địa phương tiến công tiêu diệt tuyến phòng thủ Phan Rang – Tháp Chàm.

Được du kích Bác Ái dẫn đường, đúng 5 giờ 40 phút ngày 14 tháng 4 tiếng pháo công kích bắt đầu nổ. Sau hai ngày chiến đấu quyết liệt quân ta đã đánh tan hoàn toàn tuyến phòng thủ này, mở đường cho cánh quân Duyên Hải rầm rập tiến về phía nam. Đến 18 giờ ngày 16 tháng 4 năm 1975 lực lượng địa phương và các cơ quan Ninh Thuận vào tiếp quản thị xã Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận hoàn toàn giải phóng, cũng trong đêm ấy Đại đội 311 dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng Nguyễn

Trọng Nghĩa cùng với du kích truy bắt được tên trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang và toàn bộ ban tham mưu của hắn tại xóm Dừa, Đô Vi.

Lá chắn phòng thủ Sài Gòn từ xa ở Phan Rang – Thám Chàm bị đập tan, đoàn xe của Bộ Chỉ huy cánh quân Duyên Hải do trung tướng Lê Trọng Tấn và trung tướng Lê Quang Hòa chỉ huy đã chuyển bánh trên con đường 11 lên đường 20 đến Di Linh rẽ xuống đường số 8 qua vùng căn cứ giải phóng Bình Thuận đến Rừng Lá Bình Tuy, Long Khánh.

Theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị: *“Năm vững thời cơ, tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng vào hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không kịp dự kiến, không kịp trở tay, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam càng sớm càng tốt”* và sau đó Bộ Chính trị đề ra quyết tâm giành thắng lợi ngay trong tháng 4 năm 1975 không thể để chậm⁽¹⁾ và Nghị quyết 15/TWC của Trung ương Cục *“Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tập trung cao nhất mọi sức mạnh tinh thần và lực lượng của mình, phát huy cao độ sức mạnh ba mũi giáp công, ba thứ quân, ba vùng, tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa, nhanh chóng đánh sụp toàn bộ ngụy quân ngụy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân với khí thế tiến công quyết liệt, thần tốc, táo bạo và quyết giành toàn thắng, giải phóng xã mình, huyện mình, tỉnh mình và toàn miền Nam... phải tranh thủ từng giờ, từng*

(1) Kết luận cuộc họp Bộ Chính trị ngày 31 tháng 3 năm 1975.

ngày, từng tháng từ đầu tháng 4 năm 1975 này....”⁽¹⁾.

Quán triệt tình hình và nhiệm vụ lịch sử, Khu ủy, Quân khu ủy – Bộ Tư lệnh Quân khu 6 chỉ đạo cho các đơn vị, địa phương khẩn trương tận dụng thời cơ, nỗ lực hoạt động để tự giải phóng quê hương, không được trông chờ ỷ lại vào chủ lực. Lúc này tình hình trong khu đã chuyển biến hết sức nhanh chóng và sôi động. Sau khi giải phóng Đà Lạt, Tuyên Đức, Tiểu đoàn 186 thuộc Trung đoàn 812 ở lại Đà Lạt cùng với lực lượng Tuyên Đức tiếp tục truy quét địch bảo vệ địa phương. Đại bộ phận lực lượng của trung đoàn trong đó có tiểu đoàn 840 nhanh chóng chuyển về Bình Thuận để tiến công địch trên đường số 8 và quốc lộ 1 vây ép thị xã Phan Thiết, sẵn sàng phối hợp với chủ lực của Bộ giải phóng các tỉnh còn lại của Khu 6.

Trong khi chiến sự đang diễn ra quyết liệt ở Ninh Thuận thì ở Bình Thuận, các lực lượng vũ trang ta liên tục tiến công bao vây địch tứ phía, tên Ngô Tấn Nghĩa càng lòng lộn điên cuồng, hấn tung hết lực lượng ra phản kích quyết liệt vào hai hướng bắc và đông bắc thị xã Phan Thiết, quyết giữ cho bằng được đoạn đường số 8 và quốc lộ 1 còn lại.

Được Bộ Chỉ huy Miền chấp thuận, Quân khu 6 tổ chức thêm một Bộ Chỉ huy tiền phương quân khu do thượng tá Đỗ Phú Đáp, Tham mưu trưởng quân khu làm Chỉ huy trưởng, trung tá Phạm Hoài Chương, Phó chủ

(1) Nghị quyết đặc biệt 15 của Trung ương Cục
ngày 29 tháng 3 năm 1975

nhiệm Chính trị quân khu, thiếu tá Lê Văn Nhật, Tỉnh đội trưởng Bình Thuận, thiếu tá Võ Ngọc Đài, Chính trị viên Tỉnh đội Bình Thuận làm chỉ huy phó, mọi cộng tác chuẩn bị cho hoạt động và phục vụ lực lượng chủ lực Bộ được tiến hành rất khẩn trương. Chiều ngày 7 tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 812 (thiếu) từ Bình Tuy, Tuyên Đức về đến bắc Ma Lâm; 2 giờ 45 phút ngày 8 tháng 4, Tiểu đoàn 482 Bình Thuận và Tiểu đoàn 200C đặc công nổ súng đánh vào chi khu Thiện Giáo. Sau 25 phút pháo bắn chuẩn bị, hai mũi của Tiểu đoàn 200C từ hướng tây – nam mở cửa đánh vào chi khu nhưng do hỏa lực chế áp thiếu chính xác, địch dùng hỏa lực trên tầng cao của lô cốt mẹ bắn ngăn chặn nên không vào được.

Tiểu đoàn 840, dưới sự chỉ huy của Tiểu đoàn trưởng Chu Văn Dân và Chính trị viên Trần Văn Quý từ hướng tây – bắc đánh chiếm ấp 18, tạo đầu cầu để phát triển đánh chiếm chi khu. Đại đội 3/430 Hàm Thuận có tăng cường hai xe bọc thép từ hướng bắc theo đường 8 lợi dụng cửa mở của Tiểu đoàn 840 thọc sâu chi khu, nhưng bị hỏa lực địch ngăn chặn xe bị hỏng phải lui ra.

Trời vừa sáng, địch dùng máy bay ném bom và bắn pháo ác liệt vào các nơi nghi có lực lượng ta tập trung, trong đó có ấp 18, nơi Tiểu đoàn 840 đang chốt giữ làm đồng chí Dân Tiểu đoàn trưởng hy sinh, đồng chí Quý Chính trị viên bị thương, máy bộ đàm hỏng không liên lạc được với Sở Chỉ huy nên đơn vị phải lui ra. Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy tiền phương quân khu cho điều thêm đạn pháo 105 ly, hiệu chỉnh lại tầm bắn chính xác. 18 giờ cùng ngày, ta mở đợt tiến công mới vào chi khu. Sau 20 phút bắn cấp tập, đạn pháo đã phá sập nhà tên

quận trưởng, làm thủng lô cốt mẹ – lô cốt mà lính địch coi đó là thần linh. Chúng cho rằng hễ lô cốt mẹ này còn là chi khu còn, là tính mạng của chúng còn. Nhiều lần Tiểu đoàn 482 Bình Thuận, Tiểu đoàn đặc công 200C quân khu đánh không dứt điểm chi khu, cũng với số đạn pháo trên, bắn chính xác đã làm cho địch mất hẳn chỗ dựa và bùa phép thần linh cũng tiêu tan nên bọn địch mau chóng hoang mang rối loạn. Chớp thời cơ các chiến sĩ đặc công đã lót sẵn bật dẩy đánh chiếm đầu cầu, phát triển vào nhà tên quận trưởng, đánh chiếm lô cốt mẹ. Tiểu đoàn 482 Bình Thuận cũng phá rào từ hướng nam thọc thẳng vào trung tâm, sau 1 giờ 30 phút tiến công mãnh liệt ta đã hoàn thành làm chủ chi khu.

Tiểu đoàn 840 và Đại đội 3/430 Hàm Thuận từ ấp 18 theo đường 8 đánh chiếm khu vực nhà ga Ma Lâm và thị trấn Ma Lâm. Đến 21 giờ ngày 8 tháng 4 năm 1975 quận lỵ Thiện Giáo được giải phóng.

Chi khu Thiện Giáo, một vị trí quan trọng bảo vệ phía bắc thị xã Phan Thiết bị tiêu diệt đã làm cho hệ thống đồn bốt của địch trên dọc lộ 8 và quốc lộ 1 rung động. Không để địch kịp trở tay, ngay hôm sau ngày 9 tháng 4 Tiểu đoàn 482 đánh chiếm ấp Tân Thành sau đó cùng lực lượng địa phương đánh chiếm ấp Tầm Hưng, An Phú, Bình Lâm vây ép đồn Bình An, đến 15 giờ chiều bọn địch ở đây tháo chạy về ấp Tân Điền.

Trên đường quốc lộ số 1, Đại đội 5 đặc công tỉnh tập kích hỏa lực vào đồn Xa Ra, đêm ngày 8 tháng 4 bọn địch ở Xa Ra tháo chạy về Phú Long. Sáng ngày 9 tháng 4 Đại đội 1 của Tiểu đoàn 15 vào chiếm đồn và giải

phóng ấp. Chiều ngày 9 tháng 4, Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 130 thuộc Trung đoàn 812 phát triển qua đường 1 đánh cứ điểm Gộp, 6 giờ 30 phút ngày 10 tháng 4, Tiểu đoàn 130 bắn 60 quả đạn pháo 105 ly vào sở chỉ huy và trận địa pháo của địch, Tiểu đoàn 840 mở đột phá đánh chiếm cứ điểm Gộp, bọn địch ở đây bỏ chạy. Ngày 11 tháng 4, ta phát triển đánh chiếm và giải phóng ấp Tuy Hòa. Ngày 2 tháng 4, ta tập trung lực lượng đánh chiếm yếu khu Phú Long và cầu Phú Long, Tiểu đoàn 840 và Đại đội 5 đặc công tỉnh Bình Thuận đảm nhiệm hướng chủ yếu do Nguyễn Thanh Hằng, Tiểu đoàn trưởng và Trần Văn Quý, Chính trị viên Tiểu đoàn 840 chỉ huy xuất phát từ Xoài Quỳ (Hàm Thắng) tiến dọc theo sông Hội Nhon đánh thẳng vào ấp từ hướng bắc – tây bắc. Hướng thứ yếu có Tiểu đoàn 15 do Ngô Tùng Châu, Chính trị viên và Nguyễn Văn Mạc, Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 15 chỉ huy từ đông bắc đánh sang. Cả hai cánh quân vừa tiếp cận cách ấp Phú Long chừng 700 mét thì gặp bọn địch đang phục kích ở vòng ngoài. Thấy lực lượng ta đông chúng không dám nổ súng mà vội vàng tháo chạy vào trong ấp. Cả hai mũi tiến công của ta đồng loạt nổ súng và tiến vào ấp, bọn địch chống trả yếu ớt rồi tháo chạy. Tiểu đoàn địa phương quân 230 và bảy trung đội nghĩa quân của địch một số bị tiêu diệt, số còn lại tan rã hoàn toàn. Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 15 được giao nhiệm vụ chốt giữ cầu Phú Long và sẵn sàng đánh địch phản kích.

Mất chi khu Thiện Giáo, giờ đây địch mất thêm yếu khu Phú Long một vị trí then chốt trong hệ thống vành đai phòng thủ phía bắc cách thị xã Phan Thiết bảy

ki-lô-mét đã làm cho tên chuẩn tướng Ngô Tấn Nghĩa, tiểu khu trưởng Bình Thuận kiêm tư lệnh phó quân đoàn 3 địch hết sức sửng sốt, thị xã Phan Thiết thực sự bị bao vây uy hiếp nặng nề. Suốt cả ngày 12 tháng 4 và những ngày tiếp theo địch đã sử dụng các cụm pháo ở Phan Thiết, Lầu Ông Hoàng, Căng E-sê-pic và máy bay ném bom dữ dội hủy diệt khu vực Phú Long nhất là phá sập cầu Phú Long để ngăn chặn đường tiến của cánh quân Duyên Hải của Bộ. Chúng tung cả sáu tiểu đoàn của liên đoàn biệt động quân số 21, trung đoàn 5 thuộc sư đoàn 2 bộ binh và tiểu đoàn 330 địa phương quân phản kích quyết liệt hồng chiếm lại khu vực này.

Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 15 thuộc Trung đoàn 812 đã liên tục chịu đựng bom đạn ác liệt, bám trụ kiên cường, đánh lui tất cả các đợt phản kích của địch, giữ vững trận địa và cầu Phú Long.

Phía đường 8, Tiểu đoàn 482 Bình Thuận và Tiểu đoàn đặc công 200C quân khu đã giành đi, giật lại chiếc Cầu Trắng giữa Tân Điền và Tân An, đến đêm 17 rạng ngày 18 tháng 4 ta mới đẩy lùi được bọn địch và phát triển đánh đồn Tân An, giải phóng luôn ấp Tân An. Hai cửa ngõ quan trọng tiến vào Phan Thiết đã mở, việc đánh chiếm và giải phóng Phan Thiết chỉ còn là thời gian.

Tuy nhiên trên trục đường số 1 địch có một cứ điểm nằm trên đỉnh núi Tà Dôn. Đây là trận địa pháo và một đài quan sát truyền tin kiểm soát trên một vùng rộng lớn phục vụ cho việc đánh phá ngăn chặn từ xa, nhất là ngăn chặn trục đường tiến quân của ta từ Phan

Rang vào Phan Thiết, vì vậy việc đánh cứ điểm này là vấn đề bức bách. Tiểu đoàn 130 pháo binh quân khu, Đại đội 5 trinh sát tỉnh và Đại đội 1 thuộc Tiểu đoàn 840 được giao nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm này. Đêm 17 tháng 4, pháo ta bắn chế áp, đặc công, bộ binh ta tiến công. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, địch dùng trực thăng đến bốc bỏn này về tiểu khu, số còn lại bung chạy về Mũi Né, ta thu hai pháo 105 ly.

Tại khu vực Phú Long chúng tăng cường thêm 1 tiểu đoàn địa phương quân, chia thành nhiều mũi nhiều hướng dưới sự chi viện tối đa của máy bay và pháo binh, ngày đêm điên cuồng phản kích hòng chiếm lại khu vực này. Quyết giữ cho bằng được cầu Phú Long, Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 15 đã kiên cường bám trụ vững chắc, đánh lui tất cả các đợt phản kích của địch. Cũng trong những ngày này, Tiểu đoàn 130 pháo binh Quân khu 6 từ Tam Giác liên tục bắn pháo vào tiểu khu Bình Thuận, Cảng E-sê-pic làm nổ tung nhiều kho xăng, kho đạn bốc cháy dữ dội, lửa sáng rực cả bầu trời Phan Thiết làm cho địch càng hoang mang lo sợ. Không khí sẵn sàng nổi dậy của nhân dân đã bùng lên rất mạnh mẽ, các cơ sở hoạt động hướng dẫn quần chúng may cờ, khẩu hiệu cách mạng và chuẩn bị mọi mặt phối hợp để vùng lên giải phóng quê nhà.

Hòng làm chậm bước tiến của ta, quân địch đã phá cầu Vĩnh Hảo, Phan Rí và Sông Cạn trên đường quốc lộ 1, chiều ngày 18 tháng 4 địch tập trung lực lượng quyết đánh chiếm lại cầu Phú Long và chốt giữ ở đó để ngăn chặn ta.

Được chiến thắng khắp nơi trên chiến trường, nhất là chiến thắng đập tan lá chắn phòng thủ Sài Gòn từ xa Phan Rang – Tháp Chàm cổ vũ, Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 15 càng thêm khí thế đã tỏ rõ sức mạnh phi thường và lòng dũng cảm của mình đánh lui tất cả các đợt phản kích của địch, giữ vững cầu Phú Long trên đường quốc lộ 1, tạo điều kiện thuận lợi cho cánh quân Duyên Hải của Bộ phát triển, chiến đấu.

Sau khi liên lạc với Bộ Chỉ huy tiền phương Quân khu 6, biết được cầu Phú Long, cửa ngõ vào Phan Thiết vẫn còn nguyên vẹn, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 quyết định sử dụng lữ đoàn xe tăng và Trung đoàn 18 bộ binh phối hợp với lực lượng địa phương tiến công giải phóng Phan Thiết. Lực lượng chia thành nhiều mũi, mũi chủ yếu theo đường số 1 đánh vào tiểu khu, tòa hành chánh và theo đường Bình Hưng xuống chặn cửa biển Thương Chánh. Một mũi đi từ Phú Long vòng xuống Phú Hải chặn đường địch rút chạy ra Mũi Né và một mũi khác lách tất cả các mục tiêu trong thị xã, theo đường 1 đánh thẳng vào Căng E-sê-pic.

Lợi dụng đêm tối và tiếng rền của pháo đạn, những đại đội, tiểu đoàn xe tăng thọc sâu, vu hồi lao nhanh trong màn đêm, bất ngờ đến trước cổng tòa hành chính và tiểu khu Phan Thiết, địch hốt hoảng và chỉ kịp kêu lên “xe tăng Việt cộng” rồi tháo chạy tán loạn. Tên Ngô Tấn Nghĩa không sao chỉ huy nổi đám loạn quân và hấn cũng không kịp ra máy bay trực thăng mà lủi xuống bờ sông Cà Ty theo một chiếc thuyền con trốn ra biển.

Sau hai giờ chiến đấu, ta đã làm chủ thị xã Phan

Thiết, đồng bào các phường Bình Hưng, Phú Trinh, Thủy, Lạc Đạo, Đức Thắng, Đức Nghĩa đồng loạt nổi dậy phối hợp với du kích, tự vệ mật truy bắt ác ôn, giải phóng địa phương. Sáng 19 tháng 4, thị xã Phan Thiết hoàn toàn giải phóng, ta sử dụng ngay một đại đội của Tiểu đoàn 840 cùng lực lượng địa phương phát triển đánh chiếm chi khu Hải Long (Mũi Né). Một đại đội của Tiểu đoàn 482 tiến về phía nam, giải phóng chi khu Ngã Hai. Đến 13 giờ cùng ngày tỉnh Bình Thuận hoàn toàn giải phóng. Ta diệt và đánh tan rã tám tiểu đoàn địa phương quân và biệt động quân, 18 đại đội, 136 trung đội nghĩa quân cùng toàn bộ chính quyền các cấp. Thu 16 khẩu pháo, bốn máy bay trực thăng và toàn bộ phương tiện chiến tranh khác. Hơn 14 nghìn sĩ quan, hạ sĩ quan và binh lính ra trình diện chính quyền cách mạng ở địa phương.

Bộ Tư lệnh Quân khu 6 quyết định để Tiểu đoàn 840 ở lại Bình Thuận và thành lập Ban Chỉ huy giải phóng Bình Tuy, lệnh cho Tiểu đoàn 200C và Tiểu đoàn 15 thuộc Trung đoàn 812 nhanh chóng phát triển phối hợp với chủ lực của Bộ đánh chiếm và giải phóng Bình Tuy, tạo thuận lợi cho cánh quân Duyên Hải tiến về giải phóng Sài Gòn.

12 giờ ngày 23 tháng 4 năm 1975, tỉnh Bình Tuy phần đất cuối cùng của Khu 6 hoàn toàn giải phóng, nối liền với tỉnh Long Khánh và thị xã Xuân Lộc, mở rộng thêm hậu phương cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Ba mươi năm trước vào những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Cũng trên mặt trận này – Mặt trận

phía đông Sài Gòn đã đón nhận những đơn vị chiến đấu từ Biên Hòa, Bà Rịa ra và những đoàn quân Nam tiến từ miền Bắc vào sát cánh cùng quân dân Nam Trung Bộ ngăn từng bước tiến của quân Pháp xâm lược và sau đó các đơn vị này được tổ chức lại thành Trung đoàn 812 cực Nam Trung Bộ và Trung đoàn 803 Khánh Hòa – Đèo Cả, Phú Yên. Suốt những năm chống Mỹ cũng chính những đơn vị ấy cùng với quân dân Nam Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ vượt qua bao gian lao thử thách và bằng sự chiến đấu anh hùng của mình đã góp phần tạo nên vùng căn cứ giải phóng, hành lang chiến lược bần đạp tiến công và giờ đây phối hợp cùng với chủ lực của Bộ (cánh quân Duyên Hải) đập nát tuyến phòng thủ Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy bảo vệ Sài Gòn từ xa của địch.

Trong những ngày chiến thắng huy hoàng này, trên quốc lộ 1 từ Phan Rang, Phan Thiết vào đến Rừng Lá như trẩy hội: các đoàn xe tăng, xe kéo pháo, xe vận tải chuyển quân, hàng hóa nối đuôi nhau ngày đêm tồ hành từ hậu phương miền Bắc, miền Trung tiến về phía Sài Gòn. Từ sân bay Thành Sơn, máy bay A37 của địch, ta vừa thu được cũng cất cánh thẳng hướng Sài Gòn lao tới dội bom vào sân bay Tân Sơn Nhất. Cảng Ninh Chữ Phan Rang làm nhiệm vụ tiếp nhiên liệu, bệnh viện Phan Thiết được mở rộng để đón thương binh của cánh quân Duyên Hải. Cả Khu 6, cực Nam Trung Bộ được huy động tồ đa để góp phần vào trận quyết chiến chiến lược và thực sự đã trở thành hậu phương trực tiếp của mặt trận phía đông Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Với tinh thần thần tốc, táo bạo các binh đoàn chủ lực đã xốc tới đánh chiếm Sài Gòn sào huyệt cuối cùng của Mỹ – ngụy. 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975 lá cờ quyết chiến quyết thắng phất cao trên nóc “Dinh độc lập”. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước lâu dài gian khổ, ác liệt và vinh quang suốt 21 năm của dân tộc ta đã toàn thắng, miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc liền một dải.

Tuy nhiên sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, vùng bắc tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng vẫn còn phức tạp. Kẻ thù không chịu cam tâm ngồi nhìn thất bại, tàn quân địch và bọn Fulro chạy vào rừng lập căn cứ chống đối ta quyết liệt, do đó đầu tháng 6 năm 1975, theo lệnh của Quân khu sau khi cắt Tiểu đoàn 15 Trung đoàn 812 bổ sung cho Bình Thuận, Tiểu đoàn 840 Trung đoàn 812 tiếp tục hành quân lên Đà Lạt để cùng với lực lượng địa phương Lâm Đồng và Tuyên Đức chiến đấu truy quét tàn quân và bọn Fulro, xây dựng chính quyền cách mạng ở cơ sở. Tiểu đoàn 840 trở lại Đầm Ròn, vùng thung lũng sông Krông Nô, nơi mà 13 năm trước đây vào ngày 5 tháng 12 năm 1962 tiểu đoàn đã cùng lực lượng vũ trang của Quân khu 6 lập nên chiến công Đầm Ròn vang dội để làm nhiệm vụ mới – bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đầu năm 1976, Quân khu 6 giải thể sáp nhập vào Quân khu 5, Trung đoàn 812 cũng bàn giao Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 186 cho tỉnh Lâm Đồng (lúc này Tuyên Đức và Lâm Đồng hợp nhất thành tỉnh Lâm Đồng) để tiếp tục truy quét Fulro. Khung Trung đoàn 812 về Bình Thuận nhận tân binh Nghệ Tĩnh, tổ chức thành các đội sản xuất và nằm trong đội hình của Đoàn 334 Quân khu

5 làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Đơn vị đứng chân tại khu vực Sông Lũy, tiến hành đắp đập tràn Cà Lon (thượng nguồn sông Lũy) để đưa nước về tưới các cánh đồng bông ở bắc Lương Sơn, Châu Hanh.

Vùng Sông Mao, Lương Sơn, Sông Lũy được mở ra, nhà cửa doanh trại mọc lên san sát, tiếng máy kéo, tiếng xe ủi đất nổ giòn giã suốt đêm thức dậy một vùng đất đầy tiềm năng về kinh tế. Những cánh đồng bông đang mượt mà xanh tốt thì chiến tranh biên giới Tây Nam bùng nổ. Đoàn kinh tế 334 Quân khu 5 giải thể, Trung đoàn 812 từ các đội sản xuất đã tổ chức biên chế lại thành các đại đội, tiểu đoàn chiến đấu và lấy phiên hiệu truyền thống trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đó là các Tiểu đoàn 840, 186 và 15. Sau khi ổn định biên chế tổ chức, Trung đoàn lên đường chiến đấu giúp bạn Cam-pu-chia và đã trở thành Trung đoàn Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân lần thứ hai.

KẾT LUẬN

Tiểu đoàn 840 ra đời vào giai đoạn đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược chiến tranh đặc biệt (1961). Trên cơ sở hợp nhất hai tiểu đoàn: Tiểu đoàn 120 (thiếu) ra đời từ các cuộc khởi nghĩa từng phần của Liên tỉnh 3 (1959-1960) mà nòng cốt của nó là số “cán bộ ở lại” và “tập kết trở về” của Trung đoàn 812 – cực Nam Trung Bộ và khung tiểu đoàn 365, Trung đoàn 803 chủ lực Liên khu 5 thời đánh Pháp tập kết ra miền Bắc trở về (1961). Được sự lãnh đạo của Khu ủy mà trực tiếp là Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6, sự đùm bọc giúp đỡ hết lòng của Đảng bộ và nhân dân các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên, Tiểu đoàn 840 đã trưởng thành vững chắc, lập nên những chiến công hiển hách.

Là tiểu đoàn chủ lực trực thuộc Quân khu, cơ động lực lượng khắp các tỉnh trên chiến trường Khu 6 (Khánh Hòa, Ninh Thuận, Tuyên Đức, Đắk Lắk, Phước Long, Quảng Đức, Bình Thuận, Bình Tuy, Lâm Đồng), ở chiến trường nào Tiểu đoàn cũng có những trận đánh tiêu biểu,

những chiến công vang dội...

Từ những ngày đầu xông trận các đơn vị tiền thân của Tiểu đoàn đã đánh tiêu diệt gọn các cứ điểm Tà Lú, Ma Ty, Gia Lê phá hàng loạt khu tập trung, giải phóng trên ba vạn dân, xây dựng nên vùng căn cứ Liên tỉnh 3 và từ đó cơ động lực lượng xuống vùng đồng bằng ven biển vào Ba Ngòi, Suối Dầu, Mỹ Tường, Phương Cựu, giải phóng vùng Vĩnh Hy, Thái An, Mỹ Hòa. Sau đó mở đường phát triển lên Tuyên Đức đánh tiêu diệt chi khu, quận lỵ Drăn (Đơn Dương) đã lập nên kỳ tích, một dấu ấn mạnh mẽ vào thời điểm lúc bấy giờ.

Sau khi hợp nhất (tháng 9 năm 1961), tiểu đoàn đã ra quân đánh trận Cửu Lợi, Hòa Tân, Cẩm Sơn, Mỹ Tường làm rung chuyển hệ thống kìm kẹp của địch vùng nam Khánh Hòa và bắc Ninh Thuận.

Cuối 1962, Tiểu đoàn chuyển quân lên nam Đắc Lắc giữa lúc địch tung sư đoàn 23 phản kích lại phong trào một cách quyết liệt. Tiểu đoàn đã tham gia đánh trận Đầm Ròn nổi tiếng cùng các trận Hăng Tơ, Lách Tung, Đồng Ma, Di Dút, Buôn Đá bảo vệ vùng căn cứ và hành lang chiến lược Bắc – Nam.

Năm 1964, tiểu đoàn chuyển quân về Phước Long đánh trận Bôm Ría, Bù Bông, Đức Hạnh giải phóng đường 10, sau đó đánh tiêu diệt chi khu – quận lỵ Bù Đăng giải phóng đường 14 (đoạn Bù Na – Vĩnh Thiện).

Hè 1965, cùng với chủ lực Miền tiến công vào thị xã Phước Long, Tiểu đoàn đánh chiếm nhiều mục tiêu, trụ lại đánh địch phản kích góp phần giải phóng đại bộ phận nông thôn và tuyến biên giới tỉnh Phước

Long – Cam-pu-chia.

Cuối 1965 – 1966, Tiểu đoàn phát triển lên Quảng Đức đánh trận Bù Nơ, Bup Rân, Nhân Cơ, Đắc Tích cắt đứt đường 14 tiếp tục giải phóng tuyến biên giới, mở hành lang chiến lược Bắc – Nam (Quảng Đức – Phước Long).

Cuối 1966, chuyển quân xuống Bình Thuận giữa lúc quân Mỹ ô ạt nhảy vào miền Nam, Tiểu đoàn đã đánh nhiều trận then chốt: Duồng, Tuy Tịnh, Bàu Ốc, Phú Sơn, Đồi Trúc đánh bại thủ đoạn chiến thuật “Trục thẳng đồ chụp – vô mối” của kỵ binh không vận Mỹ. Xuân 1968, tiến công vào thị xã Phan Thiết đánh chiếm nhiều mục tiêu làm chủ nhiều ngày, tạo ra một “khí thế hào hùng – khí thế Mậu Thân”. Khi chuyển ra nông thôn đánh nhiều trận: Chợ Lầu, Bàn Mận, Tầm Vu, Lâm Lộc, Sông Mao (lần 1,2, 3, 4) Cánh E-sê-pic, Bình Lâm, Phú Bình, Tuy Hòa, Đốc Củng, Bàu Đá cắt đứt đường số 1 và số 8, thiêu cháy nhiều đơn vị bộ binh cơ giới Mỹ.

Cuối 1969, Tiểu đoàn cơ động ra Ninh Thuận đánh trận An Phước, Nha Tiên Lễ, Hữu Đức tiếp thêm khí thế Mậu Thân cho quân dân Ninh Thuận phá lỏng thế kìm vùng nam thị xã Phan Rang.

Năm 1970, trở lại chiến trường Bình Thuận Tiểu đoàn đánh trận Sông Mao (lần 5, 6, 7, 8) Sông Lũy, Tà Dồn, Cây Táo, Tân Điền, An Phú, Xóm Bàu, Núi Một, Núi Ách phá kế hoạch bình định lấn chiếm di dân dân, giữ vững vùng giải phóng.

Trong Tổng tiến công và nổi dậy 1974 – 1975 là Tiểu đoàn chủ công của Trung đoàn 812 chủ lực Quân

khu 6, liên tục tiến công địch giải phóng Tánh Linh, Hoài Đức và cơ động lên Lâm Đồng đánh trận Đồng Đò – Đồng Lạc giải phóng đường 20 (Lâm Đồng – Tuyên Đức), sau đó về lại Bình Thuận đánh chi khu Ma Lâm cứ điểm Gộp, Tuy Hòa, Phú Long và cùng với Quân đoàn 2 – cánh quân Duyên Hải giải phóng Phan Thiết – Khu 6.

Trong 15 năm chiến đấu và xây dựng, Tiểu đoàn đã đánh trên 500 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 65.000 địch, thu 17.000 súng các loại, phá hủy 750 xe quân sự trong đó có 379 xe tăng và xe bọc thép, phá hủy và bắn rơi 125 máy bay, đánh tiêu diệt và thiệt hại nặng sáu Tiểu đoàn, 45 đại đội trong đó có 12 đại đội Mỹ; đánh 17 lần vào chín căn cứ cấp trung đoàn và Tiểu đoàn, năm lần vào hai thị xã, tiêu diệt bảy chi khu, quận lỵ, 20 đồn, bót cấp đại đội và trung đội địch. Được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, trong Tiểu đoàn có hai đại đội và hai cán bộ được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tiểu đoàn được tặng thưởng sáu Huân chương Quân công hạng nhì và ba, 24 Huân chương Chiến công hạng nhất, nhì, ba.

Suốt trong quá trình chiến đấu và xây dựng, Tiểu đoàn luôn quán triệt và chấp hành đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh *“Không có gì quý hơn độc lập tự do”*, rèn luyện xây dựng cho mình một bản lĩnh chiến đấu vững vàng – bản lĩnh chiến đấu của Quân đội nhân dân *“Trung với Đảng hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào*

cũng đánh thắng". Hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Nét nổi bật về truyền thống của Tiểu đoàn 840 là:

1. Ý chí tiến công quyết chiến quyết thắng không lùi bước trước bất cứ khó khăn nào, đoàn kết chặt chẽ, trên dưới một lòng "Nhất vô bá ứng". Chủ động hợp đồng trong chiến đấu, nhận khó khăn về mình, nhường thuận lợi cho bạn.

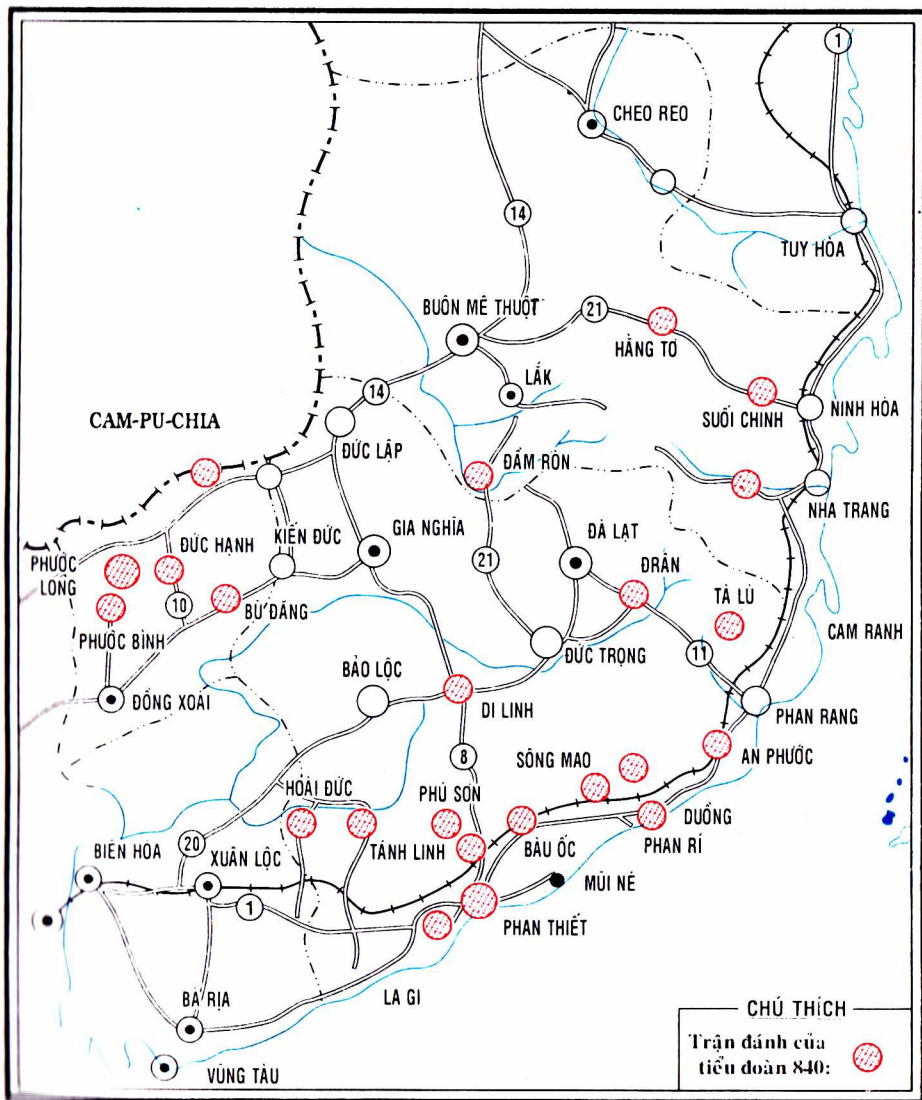
Trong chiến đấu Tiểu đoàn đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm hy sinh quên mình như: trung đội trưởng Trần Văn Sáu, tiểu đội trưởng Thử (Thành), trong trận Cẩm Sơn (1961) dẫn đầu trung đội băng qua lưới lửa dày đặc của địch, dũng mãnh xông lên đánh xe bọc thép và lô cốt địch, mở đường cho đại đội và Tiểu đoàn diệt gọn quân địch. Đại đội trưởng Nguyễn Ngọc Thông, đại đội phó Bàu Ốc (1967) dẫn đầu mũi thọc sâu xông thẳng vào giữa trận địa, xé nát đội hình địch, tạo thuận lợi cho các mũi đánh nhanh, tiêu diệt gọn quân địch. Trung đội trưởng Nguyễn Trọng Nghĩa (về sau là anh hùng quân đội) trong trận Chang Chang (1968) đã dẫn đầu đơn vị bí mật len lỏi vượt lên diệt xe tăng địch. Chính trị viên đại đội Tạ Minh Thuyết, trung đội trưởng Nguyễn Văn Luân, tiểu đội trưởng Nguyễn Tấn Định trong trận Sông Mao lần 5 (1970) khi phát hiện xe tăng địch ra phản kích, đã chủ động chỉ huy đơn vị từ bên trong đánh quật vào bên sườn phía sau, diệt nhiều xe tăng địch cứu nguy cho đơn vị bạn. Trung đội phó Nguyễn Sĩ trong trận Châu Hanh (1967) bị thương vào tay giặc, anh quát bọn địch "Lính 600 (840) không hề đầu hàng". Tiểu đoàn phó Nguyễn Hồng Quang

(Thôi), đại đội trưởng Cúc trong trận đánh Phan Thiết (1968) đã nhận khó khăn về mình, chỉ huy đơn vị bám trụ kiên cường, chịu đựng hy sinh ác liệt, giữ vững điểm tựa – khu then chốt phòng tăng, diệt từng tốp xe tăng địch, tạo điều kiện cho Tiểu đoàn liên lạc tiến công đánh vào bên sườn phía sau tiêu diệt địch, bảo vệ tốt sở chỉ huy cấp trên và trạm phẩu thuật trên 100 thương binh của Tiểu đoàn. Tiểu đội trưởng Vũ trong trận Phan Thiết (Xuân 1968) bị thương nằm trong vòng vây của địch. Anh chiến đấu đến cùng, đánh một lựu đạn phá hủy bộ đàm và hy sinh, không để lọt vào tay giặc. Còn biết bao nhiêu gương chiến đấu anh dũng hy sinh, xả thân vì sự nghiệp lớn, đã tạo nên tác phong chiến đấu dũng cảm ngoan cường. “Tác phong chiến đấu 840” và đã tạo nên một tập thể “Tiểu đoàn 840 Anh hùng”.

2. Tin vào dân, dựa vào dân để chiến đấu và xây dựng Tiểu đoàn vững mạnh. Phương châm phương thức xuyên suốt trong quá trình hoạt động chiến đấu của Tiểu đoàn là tác chiến tiêu diệt địch, gắn liền với giành dân, bảo vệ dân “chiến đấu vì dân”.

Khi đánh giá một trận thắng, trước hết trận đó phải giành được dân, vì “có dân là có tất cả”. Kẻ địch thừa biết chỗ dựa của kháng chiến của cách mạng là dân, nên ra sức tìm đủ mọi mưu mô thủ đoạn hòng đánh bật ta ra khỏi dân. Sau thất bại chính sách “tố cộng”, địch đã dồn dân, thực chất là cuộc “chiến tranh giành dân”. Vì vậy mới từ những năm đầu của cuộc kháng chiến, Tiểu đoàn đã thực hiện phương châm tác chiến

CHIẾN TRƯỜNG KHU 6 - CỰC NAM TRUNG BỘ, NAM TÂY NGUYÊN ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU ĐOÀN 840



“tập trung phân tán linh hoạt”, vừa đánh địch vừa phát động quần chúng, xây dựng lực lượng cách mạng và sản xuất lương thực. Những hình ảnh đoàn kết quân dân, đồng cam cộng khổ như: Tiểu đoàn đánh địch bảo vệ dân vùng căn cứ Khánh Sơn, Bác Ái đi lấy muối ở cánh đồng Phương Cựu, Ninh Thuận. Năm 1962-1963 địch tập trung lực lượng càn quét dài ngày vào vùng nam Đắk Lắk – Nam Tây Nguyên, Tiểu đoàn đã liên tục chống càn trong tình hình cực kỳ khó khăn, gian khổ. Đường hành lang tiếp tục chống càn trong tình hình cực kỳ khó khăn, gian khổ. Đường hành lang tiếp liệu gián đoạn, địch gom dân, ta lâm vào tình trạng đói cơm lạt muối, phải ăn lá bép, trái gấc, măng rừng thay cơm, nhưng Tiểu đoàn đã vượt khó khăn, bám trụ, không những đánh lui, tiêu diệt từng bộ phận địch mà còn bung ra đánh địch trên đường 21, kéo dài và phân tán lực lượng làm đội vũ trang công tác và trạm hành lang tuyên truyền giác ngộ quần chúng, chống địch gom dân, bảo vệ hành lang chiến lược Bắc Nam, chống càn, canh gác cho dân Buôn Đá phát rẫy tía lúa và mở đường đưa dân RBôn – Đông H (nam Đắk Lắk) vượt ra khỏi vòng vây địch, giúp dân dựng nhà làm rẫy ở Đức Hạnh, bảo vệ tài sản cho dân ở Phước Quả – Phước Long trong lúc dân bị bọn phản động hù dọa chạy vào vùng địch. Khi bà con trở về thấy tài sản còn nguyên vẹn, đã thốt lên “đúng là bộ đội Cụ Hồ”. Trong trận tiến công vào Phan Thiết Xuân Mậu Thân 1968 Tiểu đoàn đã đặc trách một đại đội tinh nhuệ phá lao xá giải thoát trên 700 đồng bào đồng chí bị địch giam giữ. Hè 1968, trên đường hành quân phát hiện địch càn quét vùng Khu Lê, Tiểu đoàn đã

dừng lại chống càn, đưa 200 dân qua Hàm Trí lánh nạn và nhường phần lương thực vốn dĩ ít ỏi của mình để cho dân trong lúc nguy nan.

Trong những năm Mỹ – nguy thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, chiến trường Khu 6 gặp vô vàn khó khăn. Vùng căn cứ giải phóng bị thu hẹp, mất dân, lực lượng ta bị tiêu hao, thiếu lương thực phải ăn củ mì, củ rừng, nhưng một lần nữa Tiểu đoàn đã khắc phục vượt khó khăn, đứng vững trên các địa bàn quan trọng lập thể bám trụ, thực hiện ba bám (bám dân, bám ấp, bám địch đánh), liên tục phá ấp, giành dân và đã phá được nhiều thủ đoạn bình định của địch và Tiểu đoàn đã trở thành Tiểu đoàn đánh phá bình định giỏi, được Đảng và nhân dân tin yêu.

Cuối 1972, bằng các trận đánh chốt trụ và vận động, Tiểu đoàn đã cùng với địa phương phá hệ thống ấp trên đường số 8 – Bình Thuận, đưa trên 800 dân về vùng đất cũ.

Sau Hiệp định Pa-ri 1973 Tiểu đoàn đã bám trụ kiên cường, liên tục đánh địch phản kích, chịu đựng hy sinh ác liệt, giữ vững vùng Tam Giác, vùng trọng điểm, ngọn cờ vẫy gọi, cổ vũ đồng bào Bình Thuận trong cuộc đấu tranh mới...

3. Vận dụng cách đánh phù hợp với tình hình và đặc điểm chiến trường, biết kết hợp tinh thần dũng cảm và trí thông minh sáng tạo, liên tục đánh địch đạt hiệu suất chiến đấu cao.

Để đánh thắng quân Mỹ – nguy trên chiến trường Khu 6 – một chiến trường vô cùng khó khăn, thiếu lương

thực và vũ khí trang bị kỹ thuật. Lực lượng địch đông hơn ta gấp nhiều lần. Các cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 840 không những có quyết tâm cao mà còn xây dựng cho mình có trình độ kỹ thuật, chiến thuật giỏi, bất kỳ trong hoàn cảnh nào Tiểu đoàn cũng nắm vững tư tưởng tiến công, trước hết là quán triệt được tư tưởng đánh tiêu diệt, áp dụng lối đánh áp sát, cận chiến, tận dụng các yếu tố bí mật bất ngờ, dùng sức mạnh áp đảo tiêu diệt địch tận gốc, đề bẹp ý chí đề kháng của địch. Cách đánh của Tiểu đoàn 840 bắt nguồn từ truyền thống đánh đặc công của Đại đội đặc công 121 Liên tỉnh 3 (cực Nam Trung Bộ) và đánh công kiên của Tiểu đoàn 365 Trung đoàn 803 không những đánh tiêu diệt các cứ điểm cấp đại đội mà còn đánh tiêu diệt chi khu, quận lỵ và các căn cứ cấp Tiểu đoàn, trung đoàn địch.

Ngay từ ngày thành lập, Tiểu đoàn đã đi đầu trong Quân khu về tổ chức biên chế năm đại đội (ba đại đội bộ binh, một đại đội trợ chiến, một đại đội đặc công), ba trung đội trinh sát, thông tin và sản xuất. Với cách biên chế trên, Tiểu đoàn luôn kết hợp nhuần nhuyễn chiến thuật bộ binh và đặc công để đánh địch, đặc công đánh cứ điểm, bộ binh đánh quân ứng viện và phá ấp giành dân như trận Cẩm Sơn, Cừ Lợi, Hòa Tân - Khánh Hòa (1961) Suối Rua, Ninh Thuận (1962). Đặc công luôn sâu ém sẵn từ trong đánh ra, bộ binh từ ngoài đánh vào. Đặc công trinh sát đánh chiếm cửa mở và thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu quan trọng, bộ binh làm xung kích một và hai phát triển chiến đấu hoặc đặc công đánh một số mục tiêu, còn bộ binh đánh các mục tiêu khác bằng sức mạnh

(công kiên) trong một căn cứ lớn có sự hợp đồng chặt chẽ như trận Đầm Ròn (1962), chi khu Bù Đăng, thị xã Phước Long (1965), Yếu khu Duồng, căn cứ hành quân Bàu Ốc (1967), thị xã Phan Thiết, yếu khu Phú Long, căn cứ Sông Mao (1968 – 1970)... ngoài chiến thuật kết hợp giữa bộ binh và đặc công, Tiểu đoàn còn có sở trường đánh vận động kết hợp với chốt trụ, trong đánh vận động Tiểu đoàn đã bày thế trận lừa kéo địch tiêu diệt địch từng cấp từ nhỏ đến lớn trên một trận địa (đánh chồng, đánh bồi, đánh nhồi) như trận Đức Hạnh – đường 10 (1964), Chợ Lầu (1968). Xây dựng trận địa lừa kéo địch đến để diệt như trận Láng Thi (tây bắc Tuy Tịnh) Phú Sơn, Đồi Trúc (1967), Tiểu đoàn đã kết hợp giữa chốt trụ (phòng ngự điểm tựa) và vận động tiến công đánh vào bên sườn và sau địch, giữa vận động và ém lót, bất cứ trên địa hình nào, tình huống nào Tiểu đoàn cũng có một bộ phận luồn sâu ém sẵn hoặc trong quá trình chiến đấu cũng có một bộ phận lách địch, thọc sâu vào giữa đội hình địch và từ bên trong đánh ra như trận Xóm Khoái, Bàu Mận, Tầm Vu, Lâm Lộc, Tân An, Bàu Cây Bông (1968) Hữu Đức (1969) Bình Lâm, An Phú (1972) Đồng Lạc (1975)... Điều làm cho địch khiếp sợ là lối đánh tiêu diệt, từ đánh địch trong công sự vững chắc đến đánh địch ngoài công sự đều quán triệt tư tưởng đánh tiêu diệt; lối đánh áp sát cận chiến, ngay cả lối đánh chốt trụ (phòng ngự điểm tựa, cụm điểm tựa) các chiến sĩ 840 cũng chờ địch đến gần mới nổ súng và nổi tiếng về lối đánh công sự “độn thổ”, nghi binh lừa địch, ngay cả kỵ binh không vận và bộ binh cơ giới

Mỹ gặp Tiểu đoàn 840 vẫn bị đánh tơi bời và tháo chạy bỏ xác tại trận địa như trận Láng Thi (tây bắc Tuy Tịnh), Phú Sơn, Xóm Khoái, Bàu Mận, Tầm Vu. Còn quân nguy nhất là bọn biệt kích, địa phương quân và nghĩa quân ở Bình Thuận cố tránh né. Khi lâm trận biết là Tiểu đoàn 840 nếu chúng gọi đến mặt danh "Sáu già" (600) là tháo chạy.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa chiến đấu và xây dựng đơn vị toàn diện.

Trước hết là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên gương mẫu chiến đấu, có phẩm chất đạo đức, giác ngộ cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, có lý tưởng chiến đấu vì sự nghiệp độc lập tự do của Tổ quốc, thống nhất đất nước, lập trường tư tưởng kiên định, có quyết tâm chiến đấu cao, gan góc, dám xả thân vì sự nghiệp lớn, có trình độ kỹ thuật chiến thuật giỏi, vận dụng cách đánh sáng tạo. Kinh nghiệm cho thấy cán bộ giỏi thì chiến sĩ giỏi, cán bộ chiến sĩ giỏi thì đơn vị tinh nhuệ. Để có cách đánh tốt, đơn vị giỏi, Tiểu đoàn đã trải qua những năm tháng đầy khó khăn, gian khổ, đã dày công rèn luyện xây dựng cho đơn vị mình ý chí, tác phong chiến đấu, một lối đánh thích ứng với chiến trường Khu 6. Điều quan trọng là Tiểu đoàn đã đánh giá xác định đúng đối tượng tác chiến chủ yếu của mình là quân Mỹ và chủ lực nguy có quân số đông, trang bị kỹ thuật hiện đại, sức cơ động nhanh, hỏa lực mạnh từ đó mà động viên tư tưởng vượt khó khăn, khắc phục yếu kém, ra sức học tập nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, chiến kỹ thuật, tranh thủ thời gian giữa hai đợt

hoạt động, giữa hai trận chiến đấu mà xây dựng huấn luyện cơ bản kết hợp với huấn luyện theo yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu, rút kinh nghiệm từng trận đánh, huấn luyện theo phương án tác chiến, theo tình hình đặc điểm chiến trường như thế nào, đối tượng tác chiến và yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu cụ thể ra sao thì biên chế trang bị và huấn luyện cho đơn vị như thế ấy. Chú trọng huấn luyện các kỹ thuật bắn súng, công sự và động tác cá nhân, phân đội nhỏ giỏi, điều luyện, khi tiến công thì áp sát nắm thắt lưng địch mà đánh; khi chốt trụ, trú quân thì công sự phải vững chắc đánh được địch từ nhiều hướng. Cán bộ và chiến sĩ trong Tiểu đoàn đều nhận thức rằng chỉ có giác ngộ về lý tưởng cách mạng, thấm nhuần nhiệm vụ chính trị, giỏi về chiến kỹ thuật, đơn vị có biên chế và trang bị vũ khí thích hợp, làm chủ về trang bị vũ khí, bắn trúng đích, hạ mục tiêu địch trước mới bảo vệ được mình để tiếp tục diệt địch nhiều hơn, ta giảm thương vong sẽ tăng niềm tin tưởng khả năng diệt địch, là cơ sở để hạ quyết tâm chiến đấu chính xác, hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, mới bảo đảm giành thắng lợi cho từng trận đấu. Trong thực hiện chiến đấu của Tiểu đoàn cho thấy như trận Hòa Tân, Cẩm Sơn – Khánh Hòa (1961), tuy Tiểu đoàn có trình độ chỉ huy, chiến kỹ thuật tốt, có quyết tâm cao, nhưng chưa có trang bị vũ khí chống tăng và cũng chưa được huấn luyện cách đánh xe lửa và xe bọc thép bằng các loại vũ khí hiện có (lựu đạn thủ pháo, mìn) nên gặp lúng túng, trận đánh kéo dài, thương vong cao. Trận càn Bù Gia Mập, Phước Long (1966), ta chưa xác định

đúng đối tượng tác chiến là Mỹ nên chưa có chuẩn bị huấn luyện đơn vị sẵn sàng đánh Mỹ và bị sượng kéo dài. Rút kinh nghiệm khi Tiểu đoàn chuyển quân xuống chiến trường Bình Thuận đã giành nhiều thời gian tích cực xây dựng huấn luyện đơn vị, xây dựng trận địa chốt trụ công sự vững chắc liên hoàn theo kiểu cách đánh Mỹ nên đã giành thắng lợi ở Láng Thi (tây bắc Tuy Tịnh) Phú Sơn, Đồi Trúc (1967) khi phát hiện địch tăng cường lực lượng nhiều xe tăng, Tiểu đoàn đã biên chế trang bị nhiều vũ khí chống tăng (B40, B41, mìn) và huấn luyện nhiều tổ, đội đánh xe tăng nên đã giành thắng lợi vang dội. Sau Xuân 1968, yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu liên tục, Tiểu đoàn đã huấn luyện đơn vị đánh đặc công kết hợp với bộ binh, khi bộ binh cơ giới Mỹ bung ra phản kích, Tiểu đoàn lại huấn luyện cho đơn vị chốt trụ và vận động, Tiểu đoàn nổi tiếng về truyền thống “đặc công kết hợp với bộ binh” và “chốt trụ kết hợp với vận động”. Trong giai đoạn địch tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Tiểu đoàn đã huấn luyện kỹ thuật đánh đặc công, trinh sát, công binh khắc phục chướng ngại rà gỡ mìn, bám đánh địch, làm công tác dân vận, phát động quần chúng đánh phá bình định và được nhân dân tin yêu.

*

* *

Chặng đường kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã qua đối với Tiểu đoàn 840 là chặng đường đầy hy sinh gian khổ nhưng chói lọi chiến công, mỗi bước đi lên, mỗi

chiến công của Tiểu đoàn đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng, sự đùm bọc nuôi dưỡng của nhân dân mà trực tiếp là sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy của Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6 đã dày công xây dựng, từ việc điều động bổ sung huấn luyện đội ngũ cán bộ đến trang bị vũ khí, nghiên cứu chỉ đạo cách đánh phù hợp với điều kiện chiến trường, đồng thời nhờ sự chi viện và hợp đồng chiến đấu của các đơn vị bạn trong từng trận đánh. Đó là những đóng góp vô giá của tập thể là những yếu tố khách quan góp phần xây dựng nên truyền thống vẻ vang của Tiểu đoàn.

Những năm tháng chiến đấu chống Mỹ đã qua là niềm tự hào của cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn 840. Bằng mồ hôi xương máu, sức lực và trí tuệ của mình đã góp phần xứng đáng viết nên những trang sử vẻ vang của lực lượng vũ trang nhân dân ta và tô thắm truyền thống của Tiểu đoàn *“cơ động, gắn bó với nhân dân, với địa phương, vượt khó, thiện chiến và quyết chiến quyết thắng”*⁽¹⁾.

Nhiều cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn, đã anh dũng hy sinh tại miền đất cuối miền Trung (cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên) và đầu Nam Bộ mãi mãi nhắc nhở cán bộ chiến sĩ các thế hệ Tiểu đoàn 840 vững bước vượt

(1) Lời khen tặng Tiểu đoàn 840 của Thượng tướng Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà), nguyên Tư lệnh Quân khu 6, Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Miền (B2).

khó khăn gian khổ sống và chiến đấu, xứng đáng với đồng chí đồng đội của mình.

Ngày nay, trong giai đoạn cách mạng mới, xây dựng đất nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới ngọn cờ của Đảng vinh quang, của Bác Hồ vĩ đại, cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn 840 quyết kế thừa truyền thống anh hùng của đơn vị hăng hái tiến lên đập bằng mọi khó khăn trở lực, thực hiện xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, mãi mãi xứng đáng là Tiểu đoàn Anh hùng của Quân đội Anh hùng, dân tộc Việt Nam Anh hùng.

HÀNH KHÚC ĐOÀN TÁM BỐN MƯƠI

Nhạc và lời: Tố Hải

Kính tặng Đoàn 840 anh hùng

Lời ca bay xa theo Tiểu đoàn Tám Bốn Mười. Đoàn quân băng qua khắp chiến trường trong lửa máu. Trường Sơn hiên ngang vinh quang miền Trung quê ta bao la phất cao cờ đồng lòng diệt thù, giải phóng núi sông làng quê. Dồn bước trên những chặng đường điệp trùng ngói sao, lời thề chiến đấu đoàn ta. Đoàn Tám Bốn Mười. Về Sông Bé về Đơn Dương rừng Khu Lê, Tánh Linh, Hoài Đức quần nhau với giặc đêm ngày. Trận Di Linh, Bàu Ốc Liên Hương về Đầm Ròn, Ma Ti, Tà Lú, Cẩm Sơ tiếp lửa Ba Ngôi, thêm chiến công dồn vang chiến công công. Đường ta đi ghềnh thác điệp trùng đoàn ta đi quân kì rực rỡ Tám Bốn Mười, Đoàn Tám Bốn Mười. Trường ca anh hùng.

ĐƠN VỊ ANH HÙNG – VÙNG ĐẤT KIÊN TRUNG

Phạm Văn Tý

Tôi viết về Tiểu đoàn của tôi

Tiểu đoàn Tám Bốn Mười anh hùng

Viết về vùng đất kiên trung

Cục Nam Trung Bộ lấy lòng chiến công

Ai có súng thì dùng súng

Không có súng thì dùng chông,

Mang cung bẫy ná tiến công diệt thù

Mở hành lang lập chiến khu

Diệt đồn phá ấp buộc thù phải co

Cả Mỹ – ngụy phải lo đối phó

Ngày càng thua, hết tỏ hung hăng
Bung ra bị lưới bủa căng
Thủ đồn thì bị tiến công nhố đồn
Từ tướng lĩnh đến ác ôn
Xua quân lập ấp dựng đồn tháp canh
Ngày càng bị đánh tan tành
Thay quân đổi tướng cũng đành phải thua
Thu đông xuân hạ bốn mùa
Cực nam chiến thắng giặc thua hoài hoài
Hết sáu tám đến bảy hai...
Quân thì đã nát tướng tài hoang mang
Cực Nam Trung Bộ vũng vằng
Càng đánh càng mạnh lại càng vững tin
Sẵn sàng có lệnh xông lên
Quân dân thống nhất dưới trên một lòng
Cùng Tây Nguyên với miền Đông
Vây đánh ép địch mở vùng tự do.
Tạo thế khi có thời cơ
Triển khai lực lượng bất ngờ tiến công

Đến rồi xuân bảy mươi lăm.
Mùa xuân đại thắng ngàn năm sáng ngời
Cực Nam Trung Bộ tuyệt vời
Chống Pháp, chống Mỹ rạng ngời chiến công
Cùng Tây Nguyên với miền Đông
Tiếp tục chung sức chung lòng dựng xây
Làm cho vùng đất nơi này
Ổn định phát triển càng ngày càng xuân.
Mấy vần thơ chúc quân dân
Cực Nam Trung Bộ mười phân vẹn mười
Tự hào thay 840
Đã cùng vùng đất sáng ngời chiến công. /.

PHỤ LỤC

1. CÁN BỘ TIỂU ĐOÀN QUA CÁC THỜI KỲ (THEO THỨ TỰ THỜI GIAN)

1. **BÙI ĐỨC THÀNH** (Thành Nhân): Chính trị viên Tiểu đoàn 120 từ 1960-1961, Tiểu đoàn trưởng 1962-1964 (Sau đó đi học Miền về làm Tỉnh đội trưởng Quảng Đức).
2. **VŨ TẤN HẠT** (Lê Xuân Vũ): Tiểu đoàn trưởng 120 từ 1960-1961, Tiểu đoàn phó 1961-1962 (khi hợp nhất hai Tiểu đoàn 120 và 365). Sau đó về làm Tham mưu trưởng Tỉnh đội Khánh Hòa.
3. **NGUYỄN NIỆM** (Thạch): Chính trị viên phó 1960-1961. Sau đó về Tỉnh đội Khánh Hòa.
4. **TRẦN PHƯỚC** (Huệ): Tiểu đoàn phó 1961. Sau đó về làm Chỉ huy phó B8 (Tuyên Đức).
5. **ĐOÀN NGỌC BỔN**: Tham mưu trưởng 1961. Sau đó về làm Tham mưu trưởng B3 (Đắc Lắc).
6. **TRẦN VĂN CHÚNG** (Hải): Tiểu đoàn trưởng 1961-1962. Sau đó về làm Tham mưu trưởng Tỉnh đội

Khánh Hòa.

7. HOÀNG TRỌNG ĐÀM (Tùng): Chính viên phó 1961. Hy sinh trong trận Láng Gai, Ninh Thuận ngày 2 tháng 11 năm 1961.
8. NGUYỄN ẮN (Trung): Chính trị viên 1962-1963.
9. LÊ VĂN BÌNH (Lê Hồng Biên): Tiểu đoàn phó 1961-1964. Sau đó đi học Miền, rồi về Sư đoàn 7.
10. TRẦN VĂN NGUYỄN: Chính trị viên phó 1962-1965. Sau đó đi học Miền, rồi về làm Chính trị viên Tiểu đoàn 186 Quân khu 6.
11. VÕ NHƯ LOAN: Chính trị viên phó 1963-1964. Sau đó về làm Chính trị viên Tiểu đoàn 186 Quân khu 6.
12. VŨ NGỌC ĐÀI (Điện): Chính trị viên 1964-1965. Sau đó về làm Trưởng ban Tuyên huấn – Phòng Chính trị Quân khu 6.
13. PHAN MẬU: Tiểu đoàn trưởng 1964-1965. Sau đó về làm Trưởng ban Tác chiến Quân khu 6.
14. NGUYỄN LAM (Huệ): Tiểu đoàn phó 1964-1954. Sau đó về làm Tỉnh đội phó Phước Long.
15. TRẦN THỌ: Tiểu đoàn trưởng 1965-1966. Sau đó về làm Phó ban Tác chiến Quân khu 6.
16. NGUYỄN KHUÊ (Lê Du): Tham mưu trưởng 1964-1965, Tiểu đoàn trưởng 1966-1968. Sau đó về làm Trưởng ban Tác chiến Quân khu 6.
17. LÊ MINH QUANG (Hải): Tiểu đoàn phó 1965-1966. Sau đó về đặc công Quân khu 10.
18. PHẠM VĂN CÔNG (Chín): Chính trị viên phó 1965-1968. Hy sinh trong chiến dịch xuân Mậu Thân ngày

2 tháng 2 năm 1968 tại Phan Thiết, Bình Thuận.

19. HOÀNG TỪ: Tiểu đoàn phó 1966. Sau đó về tác chiến Quân khu 10.
20. ĐỖ NĂNG: Tham mưu trưởng 1966-1967. Sau đó về làm Chỉ huy phó đoàn Vận tải H50 Quân khu.
21. NGUYỄN HẮN (Hòa): Tiểu đoàn phó 1966-1967. Sau đó về làm Tiểu đoàn trưởng 482 Bình Thuận.
22. NGÔ VĂN THÌN: Tiểu đoàn phó hậu cần 1967-1968. Sau đó về Phòng Hậu cần Quân khu 6.
23. VÕ ĐỨC NHI: Chính trị viên 1967-1968. Sau đó về làm Trưởng ban Tổ chức – Phòng Chính trị Quân khu 6.
24. PHẠM VĂN TÝ: Chính trị viên phó 1967-1968, Chính trị viên 1968-1969. Sau đó về làm Phó Ban Tổ chức – Phòng Chính trị Quân khu 6.
25. LÊ VĂN LIỆU: Tiểu đoàn phó 1967-1968, Tiểu đoàn trưởng 1968 (hy sinh trong trận Chang Chang – Bình Thuận ngày 25 tháng 8 năm 1968).
26. LÊ VĂN LONG: Tiểu đoàn phó – Tham mưu trưởng 1967-1968 (hy sinh trong chiến dịch xuân Mậu Thân ngày 3 tháng 2 năm 1968 tại Phan Thiết, Bình Thuận).
27. NGÔ QUỐC OAI: Tiểu đoàn phó 1968 (hy sinh trong chiến dịch xuân Mậu Thân ngày 26 tháng 2 năm 1968 tại Phú Long, Bình Thuận).
28. NGUYỄN CAO MIÊN: Tiểu đoàn phó – Tham mưu trưởng 1968 (hy sinh ngày 20 tháng 2 năm 1968 tại Lai An, Bình Thuận).

29. NGUYỄN HỒNG QUANG (Thôi): Tiểu đoàn phó 1968 (hy sinh ngày 20 tháng 3 năm 1968 tại Lại An, Bình Thuận).
30. VÕ SÁT: Chính trị viên phó 1968 (bị thương nặng về an điều dưỡng tại Quân khu 6).
31. QUÁCH TOÀN QUANG: Chính trị viên phó 1968-1969, Chính trị viên 1969-1972. Sau đó đi học, về Phòng Tổ chức – Cục Chính trị Miền.
32. LÊ CÔNG KÍNH: Tiểu đoàn trưởng 1969 (hy sinh trận Dốc Hội Long, Bình Thuận 1969).
33. NGUYỄN TRUNG VIỆT: Tiểu đoàn phó 1968-1969, Tiểu đoàn trưởng 1969-1971. Sau đó về làm Tiểu đoàn trưởng đặc công 200C Quân khu 6.
34. TRẦN BÁ NGẬT: Tiểu đoàn phó 1968-1972. Sau đó đi học, về trình sát Miền.
35. TRẦN VĂN TỪ: Tiểu đoàn phó 1968-1969. Sau đó về Quân khu 6.
36. NGUYỄN CÚC: Tiểu đoàn phó 1968-1971. Sau đó về làm Chỉ huy phó đoàn Vận tải H50 Quân khu 6.
37. NGUYỄN LÃNH (Quốc Hải): Tham mưu trưởng 1969-1972. Sau đó đi học, về tác chiến Miền.
38. TẠ QUANG KÍNH: Chính trị viên phó 1970 (hy sinh trong trận Sông Mao ngày 4 tháng 7 năm 1970).
39. NGUYỄN MAI THẮNG: Chính trị viên phó 1970-1974. Sau đó đi miền Bắc điều trị bệnh.
40. LÊ HUNG (Lê Phi Hổ): Tiểu đoàn trưởng 1971 (hy sinh trong trận Duồng, Bình Thuận ngày 27 tháng 8 năm 1971).

41. NGUYỄN NAM: Chính trị viên phó 1971-1972 (hy sinh trong trận Tam Giác, Bình Thuận 1972).
42. NGUYỄN TRỌNG NGHĨA: Chính trị viên phó 1971-1972. Hy sinh trong trận Tân Điền – Bình Thuận ngày 28 tháng 10 năm 1972.
43. NGUYỄN SONG PHỤNG: Tiểu đoàn phó 1972. Sau đó về làm Tiểu đoàn trưởng 186 Quân khu 6.
44. NGUYỄN VIẾT THẮNG: Chính trị viên 1972-1973. Sau đó đi học, về Cục Chính trị Miền.
45. LÊ ĐỨC THIÊN: Tiểu đoàn trưởng 1972-1974. Sau đó về làm Trung đoàn phó 812 Quân khu 6.
46. TRẦN VĂN QUÍ: Chính trị viên 1973-1974. Sau đó về làm Phó chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn 812 Quân khu 6.
47. NGUYỄN THANH ĐÔNG: Tiểu đoàn phó 1974-1975. Sau đó về Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng.
48. HUỖNH NỐI: Chính trị viên phó 1974-1975. Sau đó về Bộ Chỉ huy Quân sự Lâm Đồng.
49. HUỖNH ĐỨC LỘ: Tiểu đoàn phó 1974-1975. Sau đó về Bộ Chỉ huy Quân sự Lâm Đồng.
50. CHU VĂN DẪN: Tiểu đoàn trưởng 1974-1975 (hy sinh trong trận Ma Lâm, Bình Thuận ngày 10 tháng 4 năm 1975).
51. NGUYỄN THANH HÀNG: Tiểu đoàn trưởng 1975.

II. ĐƠN VỊ VÀ CÁ NHÂN ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG DANH HIỆU “ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN”

1. Tiểu đoàn 840:

Thành lập ngày 2 tháng 9 năm 1961 (trên cơ sở hợp nhất hai Tiểu đoàn 120 (thiếu) và 365 (khung) là Tiểu đoàn tập trung cơ động trực thuộc Quân khu 6, 1974 là Tiểu đoàn chủ công của Trung đoàn 812 – chủ lực Quân khu 6. 1976 trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng. Được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 20 tháng 12 năm 1973.

2. Đại đội 3 Tiểu đoàn 840:

Thành lập cùng thời gian với Tiểu đoàn (ngày 2 tháng 9 năm 1961). Tuy từng thời kỳ theo yêu cầu nhiệm vụ có thay đổi về cơ cấu tổ chức; nhưng vẫn giữ vững và phát huy truyền thống của đơn vị, là một đại đội mạnh có mặt hầu hết trong những trận then chốt của Tiểu đoàn và của Quân khu.

Tháng 4 năm 1963, tách ra khỏi Tiểu đoàn làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ hành lang chiến lược Bắc – Nam trên địa bàn Nam Tây Nguyên. Tháng 10 năm 1964, Đại đội 54 Lữ đoàn dù 305 bổ sung về Tiểu đoàn biên chế thành Đại đội 3 Tiểu đoàn 840, tháng 10 năm 1966 đại đội này tách ra khỏi Tiểu đoàn 840 để bổ sung cho Quân khu 10 làm nòng cốt lập Tiểu đoàn mới. Tháng 1 năm 1967 Đại đội 7 (đại đội ghép cán bộ chiến sĩ cơ quan quân khu) bổ sung về Tiểu đoàn, biên chế thành Đại đội 3 Tiểu đoàn 840). Nét nổi bật của Đại đội 3 Tiểu

đoàn 840 là sự hy sinh cao cả xả thân vì sự nghiệp lớn “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, thọc sâu đánh vào lao xá Phan Thiết giải thoát trên 700 đồng bào, đồng chí bị địch giam giữ (ngày 18 tháng 2 năm 1968). Đánh gãy thủ đoạn chiến thuật “trục thẳng đổ chụp – vồ mồi” của lữ 506 KBKV Mỹ ở Phú Sơn và Đồi Trúc – Bình Thuận. Được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 23 tháng 12 năm 1969.

3. Đại đội 5 đặc công, Tiểu đoàn 840 (nguyên là Đại đội đặc công 121 của Liên tỉnh 3).

Thành lập ngày 19 tháng 8 năm 1960. Đại đội có bộ dày về chiến tích là lực lượng nòng cốt của của Tiểu đoàn và Quân khu đánh địch trong công sự vững chắc, là đơn vị nổ phát súng đầu tiên trong trận chống càn ở Gia Nheo (ngày 5 tháng 4 năm 1960), đánh tiêu diệt hai cứ điểm Tà Lú, Ma Ty (ngày 30 tháng 8 năm 1960), chi khu Dran (ngày 15 tháng 5 năm 1961). Nét nổi bật là đã tám lần tham gia đánh vào căn cứ Trung đoàn 44/23 chủ lực ngụy ở Sông Mao và hai lần đánh vào căn cứ tiểu đoàn 3/506 KBKV Mỹ ở Căng E-sê-pic. Được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 20 tháng 9 năm 1971.

4. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Nghĩa: Chính trị viên phó Tiểu đoàn 840 Quân khu 6; sinh năm 1946, dân tộc: Kinh, quê quán: xã Điện Quang – huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nhập ngũ: ngày 25 tháng 3 năm 1965, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 20 tháng 12 năm 1969, khi được tuyên dương danh hiệu

Anh hùng là Đại đội phó, Đại đội 3. Hy sinh ở trận Tân Điền, Bình Thuận ngày 28 tháng 10 năm 1972.

5. Liệt sĩ Nguyễn Tấn Định: Tiểu đội trưởng Đại đội 5 đặc công, Tiểu đoàn 840 Quân khu 6, sinh năm 1952, dân tộc: Kinh, quê quán: xã Hồng Chính, huyện Thuận Phong, tỉnh Bình Thuận, nhập ngũ: tháng 2 năm 1968, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam tháng 2 năm 1970, được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 19 tháng 5 năm 1972. Hy sinh trận Sông Mao lần thứ năm ngày 31 tháng 3 năm 1970.

III. TIỂU ĐOÀN 840: 8 LẦN ĐÁNH VÀO CĂN CỨ TRUNG ĐOÀN 44, SƯ ĐOÀN 23 NGUYỄN Ở SÔNG MAO - BÌNH THUẬN

Thời gian xảy ra trận đánh	Đơn vị tham gia trận đánh	Kết quả diệt địch, phá hủy phương tiện, thu vũ khí	Tổn thất của ta
Lần 1: 24/11/1968	3c đặc công + 3c trợ chiến + 1c bộ binh của d 200c, d 840, d 240, C30/QK và 1a huyện Phan Lý	Loại 600 địch (d1/44, d pháo binh, d huấn luyện, chi đoàn tăng 4/8, C thám kích, SCH44, đoàn võ vấn Mỹ)	Bị thương 8
Lần 2: 11/5/1969	48 đặc công của d 480, 240 và 1a huyện Phan Lý	Loại 400 địch (3c + SCH/e44)	
Lần 3: 11/8/1969	49 đặc công của 3d 480, 240 và 186/QK	Loại 400 địch (3c + SCH/44 phá 2 pháo, 3 tăng, thu 34 súng)	
Lần 4: 21/8/1969	3c đặc công của d 480, 186 và 240/QK	Loại 150 địch (2c + trận địa pháo)	Hy sinh 3, bị thương 6
Lần 5: 31/3/1970	3c đặc công d 480, 186, 240 và 1c bộ binh d 480	Loại 600 địch, phá hủy 1 pháo, 13 xe tăng	Hy sinh 10, bị thương 11
Lần 6: 5/7/1970	3c đặc công d 480, 186 và 240/QK	Loại 300 địch, phá hủy 1 pháo, 13 xe tăng	Hy sinh 6, bị thương 5, mất 2 B40, 2 AK
Lần 7: 2/3/1971	C5 đặc công của d 480/QK	Loại 150 địch	Thương vong 7
Lần 8: 24/8/1971	20 đặc công của d 480, C27 và huyện Phan Lý	Loại 100 địch, phá 2 pháo, 2 xe quân sự, thu 1 đại liên	Hy sinh 2, bị thương 3

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Phát biểu của Thượng tướng Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà) tại Hội thảo Lịch sử – Truyền thống Tiểu đoàn 840 tại Đà Lạt ngày 17 tháng 7 năm 1998.	8
Chương mở đầu: Chiến trường khu 6 – Nơi sinh ra và trưởng thành các đơn vị tiền thân của Tiểu đoàn 840.	19
Chương I: Tiểu đoàn 840 ra đời, cơ động tác chiến tiêu diệt địch trên chiến trường Khánh Hòa, Ninh Thuận và Đắk Lắk (1961-1963).	43
Chương II: Xây dựng và phát triển lực lượng, liên tục chiến đấu góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ trên địa bàn Quân khu 6 (cuối 1963-1966).	97
Chương III: Cùng quân dân Khu 6 tham gia Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1966-1968).	135
Chương IV: Liên tục tiến công đánh phá kế hoạch bình định làm thất bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ – ngụy trên chiến trường Bình Thuận, Ninh Thuận (1969-1972).	257
Chương V: Đánh địch lấn chiếm và tham gia Tổng tiến công mùa Xuân 1975 trên chiến trường Khu 6 (ngày 28 tháng 01 năm 1973 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975).	309
Kết luận	373
Phụ lục	393

TIỂU ĐOÀN 840
KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ
TRÊN CHIẾN TRƯỜNG
CỤC NAM TRUNG BỘ - NAM TÂY NGUYÊN
(1961 - 1975)

Chịu trách nhiệm xuất bản:	TS PHẠM GIA ĐỨC
Chịu trách nhiệm bản thảo:	PHẠM QUANG ĐÌNH
Biên tập:	PHẠM BÁ TOÀN
Vẽ bìa:	NHẬT LỆ
Trình bày:	THU HƯƠNG
Sửa bản in:	PHẠM MINH THUẤN, MAI NGUYỄN

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

23 Lý Nam Đế, Hà Nội. ĐT: (04)8455766

Cơ quan đại diện tại TP.Hồ Chí Minh

Số 1 đường Kỳ Đồng, Q.3. ĐT: (969)652165 , (08)9311853

Bắt đầu in: 11 - 2001. In xong, nộp lưu chiểu: 12 - 2001. Khổ sách: 14x20 cm Số trang: 404. Số lượng in: 800 cuốn. Số xuất bản: 282-73/XB-QLXB. In và đóng sách tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt.

